



Department of
the Treasury

Internal
Revenue
Service

Thuế Thu Nhập Liên Bang của Quý Vị

Dành cho Cá Nhân

Ấn phẩm 17

Catalog Number 745850

Để sử dụng trong
việc chuẩn bị

Tờ khai **2022**

TAX GUIDE 2022



FOR INDIVIDUALS

Nhận các mẫu đơn và thông tin khác nhanh hơn và dễ dàng hơn tại:

- [IRS.gov](https://www.irs.gov) (English)
- [IRS.gov/Chinese](https://www.irs.gov/Chinese) (中文)
- [IRS.gov/Russian](https://www.irs.gov/Russian) (Русский)
- [IRS.gov/Spanish](https://www.irs.gov/Spanish) (Español)
- [IRS.gov/Korean](https://www.irs.gov/Korean) (한국어)
- [IRS.gov/Vietnamese](https://www.irs.gov/Vietnamese) (Tiếng Việt)



Department of
the Treasury

Internal
Revenue
Service

Thuế Thu Nhập Liên Bang của Quý Vị Dành cho Cá Nhân

Nội dung

Quy Định Mới	1	11 Các Khoản Thuế	96
Nhắc nhở	2	12 Khấu Trừ Từng Khoản Khác	101
Giới thiệu	4	Phần Bốn. Tính Thuế của Quý Vị, và Tín Thuế Có	
Phần Một. Tờ Khai Thuế Thu Nhập	6	Thế Hoàn Lại và Không Hoàn Lại	106
1 Thông Tin để Nộp	6	13 Cách Tính Thuế	106
2 Tình Trạng Khai Thuế	22	14 Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế Cho Người Phụ Thuộc Khác	108
3 Người Phụ Thuộc	27	Bảng Thuế năm 2022	111
4 Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính	38	Bảng Tính Thuế 2022	123
Phần Hai. Thu Nhập và Điều Chỉnh Thu Nhập	47	Khung Thuế Suất 2022	124
5 Tiền Công, Tiền Lương và Các Khoản Thu Nhập Khác	48	Quyền của Quý Vị với Tư Cách là Người Đóng Thuế	125
6 Thu Nhập từ Tiền Lãi	56	Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế	126
7 Phúc Lợi An Sinh Xã Hội và Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương	63	Chỉ mục	129
8 Thu Nhập Khác	68	Nơi Nộp Tờ Khai	139
9 Quỹ Hưu Trí Cá Nhân (IRA)	78		
Phần Ba. Khấu Trừ Tiêu Chuẩn, Khấu Trừ Từng Khoản và Các Khoản Khấu Trừ Khác	92		
10 Khấu Trừ Tiêu Chuẩn	92		

Tất cả các tài liệu trong ấn phẩm này đều có thể in lại tùy ý. Trích dẫn đến Thuế Thu Nhập Liên Bang của Quý Vị (2022) sẽ thích hợp.

Phần giải thích và ví dụ trong ấn phẩm này phản ánh cách diễn giải của Sở Thuế Vụ (IRS) về:

- Luật thuế do Quốc Hội ban hành,
- Các quy định của Bộ Tài Chính, và
- Phán quyết của Tòa Án.

Tuy nhiên, thông tin được cung cấp không tính đến hết mọi tình huống và không có mục đích thay thế cho luật pháp hay thay đổi ý nghĩa của nó.

Ấn phẩm này trình bày một số chủ đề mà về chủ đề đó, tòa có thể ra phán quyết có lợi cho người đóng thuế hơn là theo sự

diễn giải của IRS. Cho đến khi những cách diễn giải khác này được giải quyết theo phán quyết của tòa thượng thẩm hoặc bằng một cách nào đó, ấn phẩm này vẫn tiếp tục thể hiện cách diễn giải của IRS.

Tất cả những người đóng thuế có các quyền quan trọng khi làm việc với IRS. Các quyền này được mô tả trong [Quyền của Quý Vị với Tư Cách là Người Đóng Thuế](#) ở mặt sau của ấn phẩm này.

Quy Định Mới

Mục này tóm tắt các thay đổi quan trọng về thuế và có hiệu lực trong năm 2022. Hầu hết các thay đổi này được thảo luận chi tiết hơn xuyên suốt ấn phẩm này.

Phát triển trong tương lai. Để biết thông tin mới nhất về các chủ đề liên quan đến luật thuế được trình bày trong ấn phẩm này, như quy chế được ban hành sau khi ấn phẩm này được công bố, vui lòng truy cập [IRS.gov/Pub17](https://www.irs.gov/pub17).

Ngày đến hạn nộp tờ khai thuế. Nộp Mẫu 1040 và 1040-SR trước ngày 18 tháng 4, 2023. Ngày đến hạn là 18 tháng 4 thay vì ngày 15 tháng 4 tại vì lễ Ngày Giải Phóng tại Đặc Khu Columbia—cho dù quý vị không sống tại Đặc Khu Columbia. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Ai phải nộp. Nhìn chung, thu nhập quý vị có thể nhận được trước khi phải khai thuế đã tăng lên. Để biết thêm thông tin, xem [chương 1](#), ở phần sau.

Tên của tình trạng khai thuế thay đổi thành người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Tình trạng khai thuế người góa vợ/chồng đủ điều kiện bây giờ được gọi là người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Các quy tắc cho tình trạng khai thuế này không thay đổi. Các quy tắc được áp dụng cho người góa vợ/chồng đủ điều kiện cũng áp dụng cho người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện.

Mức khấu trừ tiêu chuẩn đã tăng. Với năm 2022, mức khấu trừ tiêu chuẩn đã tăng cho tất cả những người khai thuế. Số tiền là:

- Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế – \$12.950;
- Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện – \$25.900; và
- Chủ gia đình – \$19.400.

Xem [chương 10](#), ở phần sau.

Dòng mới 1a đến 1z trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Năm nay, dòng 1 được mở rộng và có các dòng mới 1a đến 1z. Một số tiền năm trước được khai báo trên Mẫu 1040, và một số được khai báo trên Mẫu 1040-SR, bây giờ được khai báo trên Bảng 1.

- Học bổng và tiền trợ cấp nghiên cứu bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8r.
- Lương hưu hoặc niên kiễm từ kế hoạch thủ lao tri hoãn không đủ điều kiện hoặc kế hoạch phi chính phủ đoạn 457 bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8t.
- Tiền công kiểm được trong lúc bị giam bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8u.

Dòng mới 6c trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Một ô đánh dấu được bổ

sung trên dòng 6c. Người đóng thuế chọn phương pháp lấy một lần cho phúc lợi của họ sẽ đánh vào ô này. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.

Tín thuế cho nghỉ ốm và vi gia đình cho một số cá nhân tự kinh doanh không còn khả dụng. Tín thuế cho nghỉ ốm và vi gia đình cho một số cá nhân tự kinh doanh không được gia hạn thêm và quý vị không thể yêu cầu những tín thuế này.

Tín thuế cho bảo hiểm sức khỏe không còn khả dụng. Tín thuế cho bảo hiểm sức khỏe không được gia hạn. Tín thuế này không còn sau năm 2021.

Tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc. Những thay đổi đối tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc được thực hiện bởi Đạo Luật Kế Hoạch Giải Cứu Người Mỹ năm 2021 (ARP) đã không được gia hạn. Đối với năm 2022, khoản tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc là không được hoàn lại. Giới hạn số tiền cho các chi phí đủ điều kiện là \$3.000 cho một người đủ điều kiện và \$6.000 cho hai hoặc nhiều hơn người đủ điều kiện. Số tiền tín thuế tối đa được phép là 35% chi phí liên quan đến việc làm của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem Hướng Dẫn cho Mẫu 2441 và Ấn Phẩm 503.

Tín thuế trẻ em nâng cao đã hết hạn. Nhiều thay đổi cho tín thuế trẻ em (CTC) năm 2021 do Đạo Luật Kế Hoạch Giải Cứu Người Mỹ năm 2021 thực hiện đã hết hạn. Đối với năm thuế 2022:

- Khoản tín thuế nâng cao được phép dành cho trẻ em đủ điều kiện dưới 6 tuổi và trẻ em dưới 18 tuổi đã hết hạn. Đối với năm 2022, số tiền ban đầu của CTC là \$2.000 cho mỗi trẻ đủ điều kiện. Số tiền tín thuế bắt đầu giảm dần khi tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi vượt quá \$200.000 (\$400.000 trong trường hợp khai thuế chung). Số tiền CTC có thể được yêu cầu dưới dạng tín thuế hoàn lại bị hạn chế như năm 2020, ngoại trừ số tiền tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC) tối đa cho mỗi trẻ đủ điều kiện đã tăng lên \$1.500.
- Sự cho phép tăng tuổi của một trẻ đủ điều kiện đã hết hạn. Một trẻ phải dưới 17 tuổi vào cuối năm 2022 để trở thành đứa trẻ đủ điều kiện.

Để biết thêm thông tin, xem Hướng Dẫn cho Bảng 8812 (Mẫu 1040).

ACTC và cư dân chân thật của Puerto Rico. Cư dân chân thật của Puerto Rico không còn bắt buộc phải có ba hoặc nhiều hơn trẻ đủ điều kiện

để đủ điều kiện yêu cầu ACTC. Cư dân chân thật của Puerto Rico có thể đủ điều kiện để yêu cầu ACTC nếu họ có một hoặc nhiều trẻ đủ điều kiện.

Khoản ứng trước của tín thuế trẻ em. Khoản ứng trước của tín thuế trẻ em chưa phát hành cho năm 2022.

Trì hoãn hoàn thuế cho tờ khai yêu cầu ACTC IRS chưa thể tiến hành hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2 năm 2023 cho những tờ khai thuế yêu cầu ACTC. Khung thời gian này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, thay vì chỉ phần có liên quan đến ACTC.

Những thay đổi cho tín thuế thu nhập kiểm được (EIC). Những cải tiến dành cho người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện do ARP thi hành không áp dụng cho năm 2022. Điều này có nghĩa là để yêu cầu EIC mà không có trẻ đủ điều kiện vào năm 2022, quý vị phải ít nhất 25 tuổi nhưng dưới 65 tuổi vào cuối năm 2022. Nếu quý vị đã kết hôn và khai thuế chung, quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị phải ít nhất 25 tuổi nhưng dưới 65 tuổi vào cuối năm 2022. Vợ/chồng nào đáp ứng yêu cầu về tuổi không quan trọng, miễn là một trong hai vợ chồng đáp ứng yêu cầu về tuổi.

Khoản thanh toán miễn Medicaid không chịu thuế trên Bảng 1. Trong năm 2021, khoản thanh toán miễn Medicaid không chịu thuế được khai báo trên Bảng 1, dòng 8z. Trong năm 2022, những số tiền này sẽ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8s.

Lựa chọn cho lương chiến đấu không chịu thuế. Trong năm 2021, số tiền lương chiến đấu không chịu thuế của quý vị được khai báo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 27b. Trong năm 2022, những số tiền này sẽ được khai báo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 1i.

Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Mức vận phí năm 2022 đối với việc sử dụng phương tiện cho mục đích kinh doanh là 58,5 xu một dặm từ ngày 1 tháng 1, 2022 đến ngày 30 tháng 6, 2022 và 62,5 xu một dặm từ ngày 1 tháng 7, 2022 đến ngày 31 tháng 12, 2022. Mức vận phí năm 2022 dành cho việc sử dụng phương tiện của quý vị để làm công việc tình nguyện cho một số tổ chức từ thiện là 14 xu một dặm từ ngày 1 tháng 1, 2022 đến ngày 31 tháng 12, 2022. Mức vận phí năm 2022 cho chi phí vận hành ô tô khi quý vị sử dụng cho lý do y tế là 18 xu một dặm từ ngày 1 tháng 1, 2022 đến ngày 30 tháng 6, 2022 và 22 xu một dặm từ ngày 1 tháng 7, 2022 đến ngày 31 tháng 12, 2022.

Giới hạn AGI đã sửa đổi cho đóng góp IRA truyền thống. Đối với năm 2022, nếu quý vị có kế hoạch nghỉ hưu

tại nơi làm việc, khoản khấu trừ của quý vị cho các khoản đóng góp cho IRA truyền thống sẽ giảm (loại bỏ dần) nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là:

- Nhiều hơn \$109.000 nhưng ít hơn \$129.000 cho vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện,
- Nhiều hơn \$68.000 nhưng ít hơn \$78.000 cho cá nhân độc thân hoặc chủ gia đình, hoặc
- Ít hơn \$10.000 cho vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Nếu quý vị sống với người vợ/chồng, và người vợ/chồng của quý vị có kế hoạch nghỉ hưu ở nơi làm việc nhưng quý vị không có, khoản khấu trừ của quý vị sẽ bị loại bỏ dần nếu AGI đã sửa đổi của quý vị nhiều hơn \$204.000 nhưng ít hơn \$214.000. Nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là \$214.000 trở lên, quý vị không thể khấu trừ cho đóng góp của IRA truyền thống. Xem [Quy Vị Có Thể Khấu Trừ Bao Nhiêu](#) trong [chương 9](#), ở phần sau.

Giới hạn AGI đã sửa đổi cho đóng góp IRA Roth. Đối với năm 2022, đóng góp IRA Roth sẽ giảm (loại bỏ dần) trong những trường hợp sau đây.

- Tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện và AGI đã sửa đổi của quý vị ít nhất là \$204.000. Quý vị không thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là \$219.000 hoặc nhiều hơn.
- Tình trạng khai thuế của quý vị là độc thân, chủ gia đình, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị không sống chung với vợ/chồng bất kỳ thời gian nào trong năm 2022 và AGI đã sửa đổi của quý vị ít nhất là \$129.000. Quý vị không thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là \$144.000 hoặc nhiều hơn.
- Tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị sống chung với vợ/chồng bất kỳ thời gian nào trong năm 2021, và AGI đã sửa đổi của quý vị nhiều hơn số không. Quý vị không thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là \$10.000 hoặc nhiều hơn. Xem [Quy Vị Có Thể Đóng Góp cho IRA Roth Không?](#) trong [chương 9](#), ở phần sau.

Giới hạn của AGI đã sửa đổi năm 2023. Quý vị có thể tìm thấy thông tin về khoản đóng góp và giới hạn của AGI đã sửa đổi cho năm 2023 trong Ấn Phẩm 590-A.

Luật thuế thay đổi cho năm 2023. Khi quý vị tính số thuế thu nhập quý vị

muốn khấu trừ từ lương của mình và khi quý vị tính thuế ước tính của mình, hãy cân nhắc các thay đổi luật thuế có hiệu lực vào năm 2023. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 505, Khấu Trừ Thuế và Thuế Ước Tính.

Số tiền miễn trừ thuế tối thiểu thay thế (AMT) tăng lên. Số tiền miễn trừ AMT đã tăng lên đến \$75.900 (\$118.100 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện; \$59.050 nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Mức thu nhập khi AMT bắt loại bỏ dần đã tăng lên đến \$539.900 (hoặc \$1.079.800

nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hay người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện).

Tín thuế nhận con nuôi. Tín thuế nhận con nuôi và loại trừ cho quyền lợi do nhận con nuôi được chủ lao động cung cấp đều đã tăng lên \$15.950 cho mỗi trẻ đủ điều kiện trong năm 2022. Số tiền bắt đầu loại bỏ dần nếu quý vị có AGI đã sửa đổi vượt quá \$239.230 và loại bỏ hoàn toàn nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là \$279.230 hoặc nhiều hơn.

Yêu cầu khai báo cho Mẫu 1099-K. Mẫu 1099-K được phát hành bởi các

tổ chức thanh toán bên thứ ba và các công ty thẻ tín dụng để khai báo các giao dịch thanh toán được thực hiện cho quý vị đối với hàng hóa và dịch vụ.

Quý vị phải khai báo tất cả thu nhập trên tờ khai thuế của mình trừ khi luật pháp loại trừ, cho dù quý vị có nhận được thu nhập bằng phương thức điện tử hay không và liệu quý vị có nhận được Mẫu 1099-K hay không. Ô 1a và các số tiền khác được khai báo trên Mẫu 1099-K là những thông tin bổ sung để giúp xác định số tiền chính xác để khai báo trên tờ khai của quý vị.

Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-K cho biết các khoản thanh toán mà quý vị không nhận được hoặc nói cách khác là không chính xác, hãy liên hệ với người phát hành Mẫu 1099-K. Đừng liên hệ với IRS; IRS không thể sửa Mẫu 1099-K không chính xác. Nếu quý vị không thể sửa nó hoặc quý vị đã bán một món đồ cá nhân bị lỗi, hãy xem hướng dẫn cho Bảng 1, dòng 8z và 24z, sau đó, để biết thêm thông tin khai báo.

Tất cả thông tin của IRS về Mẫu 1099-K có sẵn bằng cách truy cập [IRS.gov/1099K](https://www.irs.gov/1099K).

Nhắc nhở

Liệt kê dưới đây là các nội dung nhắc nhở quan trọng và các mục khác có thể giúp quý vị nộp tờ khai thuế 2022. Nhiều thay đổi trong số này được giải thích chi tiết hơn ở phần sau của ấn phẩm này.

Các thay đổi của Ấn Phẩm 17. Chúng tôi đã xóa các chương của năm 2019 sau khi ấn phẩm này: 6, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 18, 19, 20, 22, 24, 25, 26, 29, 30, 31, 33, 34, 35, và 36. Quý vị có thể tìm thấy hầu hết thông tin đã tìm thấy trước đây trong các chương đó trong ấn phẩm chính. Xin vui lòng xem [Các thay đổi của Ấn Phẩm 17](#), ở phần sau.

Các quy tắc đặc biệt áp dụng cho lợi nhuận đủ điều kiện trong Quỹ Cơ Hội Đủ Điều Kiện. Nếu có lợi nhuận đủ điều kiện, quý vị có thể đầu tư phần lợi nhuận đó vào Quỹ Cơ Hội Đủ Điều Kiện (QOF) và được chọn hoàn một phần hoặc toàn bộ phần lợi nhuận có thể tính vào trong thu nhập. Quý vị được hoàn phần lợi nhuận này cho đến ngày bán hoặc quy đổi khoản đầu tư hoặc đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, tùy theo ngày nào đến trước. Quý vị cũng có thể không tính lợi nhuận trong hoạt động bán hay trao đổi hoặc một khoản đầu tư trong Quỹ QOF vô thời hạn nếu nắm giữ khoản đầu tư đó trong ít nhất 10 năm. Để biết thông tin về loại lợi nhuận nào cho phép quý vị được chọn các quy định này, hãy xem Hướng Dẫn cho Bảng D (Mẫu 1040). Để biết thông tin về cách lựa chọn các quy định đặc biệt này, hãy xem Hướng Dẫn cho Mẫu 8949.

Bảo mật hồ sơ thuế của quý vị khỏi hành vi trộm cắp danh tính. Trộm cắp danh tính xảy ra khi có người sử dụng thông tin cá nhân của quý vị, như tên, SSN hoặc thông tin nhận dạng khác, khi chưa có sự cho phép của quý vị, để thực hiện hành vi gian lận hoặc phạm tội khác. Kẻ trộm cắp danh tính có thể sử dụng SSN của quý vị để tìm việc làm hoặc nộp tờ khai thuế bằng SSN của quý vị để nhận tiền hoàn thuế. Để biết thêm thông tin về trộm cắp danh tính và cách giảm nguy cơ này cho bản thân, xem [chương 1](#), ở phần sau.

Mã số thuế. Quý vị phải cung cấp mã số thuế cho từng người mà quý vị yêu cầu quyền lợi thuế nhất định. Quy định này áp dụng ngay cả khi người đó sinh ra trong năm 2022. Thông thường, số này là SSN của người đó. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Khấu trừ cho học phí và lệ phí không còn. Việc khấu trừ học phí và lệ phí không còn sau năm 2020. Thay vào đó, giới hạn thu nhập đối với tín thuế học tập suốt đời đã được tăng lên. Xem Mẫu 8863 và hướng dẫn.

Tín Thuế Bảo Phí (PTC). ARP đã mở rộng PTC bằng cách loại bỏ giới hạn rằng thu nhập hộ gia đình của người đóng thuế không được vượt quá 400% chuẩn nghèo khổ của liên bang và nói chung là tăng số tiền tín thuế. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 974 và Mẫu 8962 và hướng dẫn.

Xác minh danh tính. IRS đã đưa ra quá trình xác minh danh tính và đăng nhập được cải tiến cho phép nhiều người hơn truy cập và sử dụng các công cụ và ứng dụng trực tuyến của IRS một cách an toàn. Để cung cấp dịch vụ xác minh, IRS đang sử dụng ID.me, một nhà cung cấp công nghệ đáng tin cậy. Quá trình mới là một bước nữa mà IRS đang thực hiện để đảm bảo rằng thông tin về người đóng thuế chỉ được cung cấp cho người có quyền hợp pháp đối với dữ liệu. Người đóng thuế sử dụng quá trình xác minh thân thiện với thiết bị di động mới có thể truy cập vào các dịch vụ trực tuyến IRS hiện có như [Cổng Cập Nhật Tín Thuế Trẻ Em](#), [Tài Khoản Trục Tuyến](#), [Nhận Bản Ghi Trục Tuyến](#), [Nhận PIN Bảo Vệ Danh Tính \(IP PIN\)](#), and [Thỏa Thuận Thanh Toán Trục Tuyến](#). Các ứng dụng bổ sung của IRS sẽ chuyển sang phương pháp mới trong năm tới. Mỗi dịch vụ trực tuyến cũng sẽ cung cấp thông tin hướng dẫn người đóng thuế các bước họ cần làm để truy cập dịch vụ. Quý vị cũng có thể xem IR-2021-228 để biết thêm thông tin.

Mẫu 1040-X mẫu đơn sử dụng liên tục và hướng dẫn. Mẫu 1040-X, Tờ Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Cá

Nhân Được Điều Chỉnh, và các hướng dẫn đã được chuyển đổi từ việc chỉnh sửa hàng năm thành sử dụng liên tục bắt đầu từ năm thuế 2021. Cả hai mẫu đơn và hướng dẫn sẽ được cập nhật theo yêu cầu. Cho phiên bản mới nhất, truy cập [IRS.gov/Form1040X](https://www.irs.gov/Form1040X). Các phần thảo luận và biểu đồ được cập nhật hàng năm đã bị loại bỏ hoặc được thay thế bằng các tham chiếu đến các mẫu đơn, bảng liệt kê, hướng dẫn, và ấn phẩm có liên quan. Xem các mẫu đơn, bảng liệt kê, hướng dẫn, và ấn phẩm cho năm khai thuế mà quý vị đang sử dụng để được hướng dẫn về các chủ đề cụ thể.

Bữa ăn kinh doanh. Đoạn 210 của Đạo Luật Sự Chắc Chắn của Người Đóng Thuế và Cứu Trợ Thuế do Thiên Tai năm 2020 quy định việc tạm thời khấu trừ 100% bữa ăn kinh doanh đối với thực phẩm hoặc đồ uống do nhà hàng cung cấp và được thanh toán hoặc phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trước ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Thu nhập từ nguồn nước ngoài. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ và có thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ (thu nhập từ nước ngoài), quý vị phải khai báo toàn bộ phần thu nhập đó trên tờ khai thuế, trừ khi được miễn thực hiện theo luật hoặc hiệp ước thuế. Điều này vẫn áp dụng dù quý vị sống tại Hoa Kỳ hay ngoài Hoa Kỳ, không quan trọng là quý vị có nhận Mẫu W-2 hay Mẫu 1099 từ người trả tiền nước ngoài hay không. Điều này áp dụng với thu nhập kiếm được (ví dụ như tiền công và tiền boia) cũng như thu nhập không kiếm được (ví dụ như tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận đầu tư, lương hưu, tiền cho thuê nhà và tiền bản quyền).

Nếu quý vị sinh sống ngoài Hoa Kỳ, quý vị có thể được loại trừ một phần hoặc toàn bộ thu nhập kiếm được ở nước ngoài của mình. Để biết chi tiết, xem Ấn Phẩm 54, Hướng Dẫn về Thuế Cho Công Dân Hoa Kỳ và Thường Trú Nhân Người Nước Ngoài Ở Nước Ngoài.

Tài sản tài chính nước ngoài. Nếu quý vị có tài sản tài chính nước ngoài

trong năm 2022, quý vị có thể phải nộp Mẫu 8938 cùng với tờ khai thuế. Xem Mẫu 8938 và hướng dẫn hoặc truy cập [IRS.gov/Form8938](https://www.irs.gov/Form8938) (tiếng Anh) để biết chi tiết.

Tự động gia hạn 6 tháng để nộp tờ khai thuế. Quý vị có thể được tự động gia hạn 6 tháng thời gian nộp tờ khai thuế. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Thanh toán thuế. Quý vị có thể trả tiền thuế bằng cách thanh toán điện tử trực tuyến; từ một thiết bị di động bằng ứng dụng IRS2Go; hoặc bằng tiền mặt, hoặc séc hoặc lệnh phiếu. Trả tiền bằng điện tử nhanh gọn, dễ dàng và nhanh hơn là gửi qua đường bưu điện với phương thức séc hoặc lệnh phiếu. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Các cách nộp tờ khai thuế nhanh hơn. IRS cung cấp các cách nhanh chóng, chính xác để nộp thông tin tờ khai thuế của quý vị mà không cần khai thuế bằng giấy. Quý vị có thể sử dụng e-file (khai thuế bằng điện tử) của IRS. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Khai thuế điện tử miễn phí. Quý vị có thể khai thuế 2022 trực tuyến và miễn phí. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Thay đổi địa chỉ của quý vị. Nếu quý vị thay đổi địa chỉ, hãy thông báo cho IRS. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Hoàn thuế cho tờ khai thuế nộp muộn. Nếu quý vị được tiền hoàn thuế nhưng không nộp tờ khai thuế, thường thì quý vị phải nộp tờ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn nộp tờ khai thuế (tính cả thời gian gia hạn) để nhận được số tiền hoàn thuế đó. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Tờ khai thuế phụ phẩm. IRS đã công bố danh sách những lập trường được xác định là phụ phẩm. Hình phạt do nộp tờ khai thuế phụ phẩm là \$5.000. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế không đúng. Quý vị có thể phải trả tiền phạt nếu quý vị nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế không đúng. Xem [chương 1](#), ở phần sau.

Truy cập tài khoản trực tuyến. Quý vị phải xác thực danh tính của mình. Để đăng nhập an toàn vào tài khoản thuế liên bang của quý vị, truy cập [IRS.gov/Account](https://irs.gov/Account). Xem số tiền quý vị còn nợ, xem lại lịch sử thanh toán trong 5 năm qua, truy cập các tùy chọn thanh toán trực tuyến và tạo hoặc sửa đổi thỏa thuận thanh toán trực tuyến. Quý vị cũng có thể truy cập hồ sơ thuế của mình trực tuyến.

Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe. Nếu quý vị cần có bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, hãy truy cập HealthCare.gov (tiếng Anh) để tìm hiểu về các lựa chọn bảo hiểm y tế cho bản thân và gia đình, cách mua bảo hiểm y tế cũng như cách để đủ tiêu chuẩn được hỗ trợ tài chính khi mua bảo hiểm y tế.

Tiết Lộ, Đạo Luật về Quyền Riêng Tư và thông tin giảm bớt thủ tục giấy tờ. Đạo Luật Tái Cơ Cấu và Cải Tổ của IRS năm 1998, Đạo Luật về Quyền Riêng Tư năm 1974 và Đạo Luật Giảm Bớt Thủ Tục Giấy Tờ năm 1980 quy định rằng khi chúng tôi yêu cầu quý vị cung cấp thông tin, trước hết chúng tôi phải cho quý vị biết rằng chúng tôi có quyền hợp pháp để đề nghị cung cấp thông tin, lý do của đề nghị đó, thông tin sẽ được sử dụng như thế nào, điều gì sẽ xảy ra nếu chúng tôi không nhận được thông tin, và việc quý vị phản hồi là tự nguyện, bắt buộc để nhận phúc lợi hay là bắt buộc theo luật. Quý vị có thể tìm thấy toàn văn tuyên bố về chủ đề này trong

hướng dẫn mẫu đơn khai thuế của quý vị.

Lệnh e-file cho người khai thuế. Hầu hết những người khai thuế được trả thù lao đều phải e-file tờ khai mà họ chuẩn bị và nộp. Người khai thuế của quý vị có thể thông báo cho quý vị về yêu cầu này cũng như các phương án phù hợp với quý vị.

Tổng Thanh Tra của Bộ Tài Chính về Điều Hành Thuế Vụ. Nếu muốn bí mật khai báo hành vi sai trái, lãng phí, gian lận hoặc lạm dụng do một nhân viên IRS thực hiện, quý vị có thể gọi tới số 800-366-4484 (gọi số 800-877-8339 nếu quý vị bị điếc, khiếm thính hoặc khuyết tật giọng nói và đang phải sử dụng thiết bị TTY/TDD). Quý vị có thể tiếp tục ẩn danh.

Ảnh chụp trẻ mất tích. IRS tự hào là đối tác của [Trung Tâm cho Trẻ Mất Tích và Bị Bóc Lộ Quốc Gia \(National Center for Missing & Exploited Children®. NCMEC\)](https://www.fbi.gov/missing-and-exploited-children) (tiếng Anh). Các bức ảnh chụp trẻ mất tích được Trung Tâm lựa chọn có thể xuất hiện trong ấn phẩm này, ở các trang mà lẽ ra có thể bỏ trống. Quý vị có thể giúp đưa các em nhỏ này về nhà bằng cách xem ảnh và gọi số 1-800-THE-LOST (800-843-5678) nếu nhận ra một đứa trẻ nào đó.

Các Thay Đổi của Ấn Phẩm 17

Ghi chú. Ấn phẩm này không đề cập đến các chủ đề được liệt kê trong bảng sau. Vui lòng xem ấn bản ban đầu.		
Chương Bị Xóa	Tiêu Đề của Chương	Nguồn Chính
6	Thu Nhập Tiền Boa	Ấn Phẩm 531, Khai Báo Thu Nhập Tiền Boa (tiếng Anh)
8	Cổ Tức và Các Khoản Phân Phối Khác	Ấn Phẩm 550, Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư (tiếng Anh)
9	Thu Nhập và Chi Phí Cho Thuê	Ấn Phẩm 527, Tài Sản Gia Cư Cho Thuê (Bao Gồm Cả Cho Thuê Nhà Nghỉ Mát) (tiếng Anh)
10	Chương Trình Hưu Trí, Lương Hưu và Niên Kim	Ấn Phẩm 575, Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim (tiếng Anh)
13	Giá Gốc của Tài Sản	Ấn Phẩm 551, Giá Gốc của Tài Sản (tiếng Anh)
14	Bán Tài Sản	Ấn Phẩm 550 (tiếng Anh)
15	Bán Nhà của Quý Vị	Ấn Phẩm 523, Bán Nhà của Quý Vị (tiếng Anh)
16	Khai Báo Lờì và Lỗ	Ấn Phẩm 550 (tiếng Anh)
18	Tiền Cấp Dưỡng	Ấn Phẩm 504, Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân (tiếng Anh)
19	Những Điều Chỉnh Liên Quan Đến Giáo Dục	Ấn Phẩm 970, Lợi Ích Thuế cho Giáo Dục (tiếng Anh)
20	Các Điều Chỉnh Thu Nhập Khác	Ấn Phẩm 463, Chi Phí Đi Lại, Giải Trí, Quà Tặng và Xe Hơi (tiếng Anh)
22	Chi Phí Y Tế và Nha Khoa	Ấn Phẩm 502, Chi Phí Y Tế và Nha Khoa (tiếng Anh)
24	Chi Phí Lãi Vay	Ấn Phẩm 550 (tiếng Anh) Ấn Phẩm 936, Khấu Trừ Tiền Lãi từ Khoản Vay Mua Nhà (tiếng Anh)
25	Đóng Góp Từ Thiện	Ấn Phẩm 561, Xác Định Giá Trị Tài Sản Quyên Tặng (tiếng Anh) Ấn Phẩm 526, Đóng Góp Từ Thiện (tiếng Anh)
26	Tổn Thất Phi Kinh Doanh Do Thiệt Hại và Trộm Cắp	Ấn Phẩm 547, Thiệt Hại, Thiên Tai, và Trộm Cắp (tiếng Anh)
29	Thuế trên Thu Nhập Không Kiểm Được của Một Số Trẻ Em	Mẫu 8615, Thuế cho Một Số Trẻ Em Có Thu Nhập Phi Lao Động (tiếng Anh)
30	Tín Thuế Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc	Ấn Phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc (tiếng Anh)
31	Tín Thuế cho Người Già hoặc Người Khuyết Tật	Ấn Phẩm 524, Tín Thuế cho Người Già hoặc Người Khuyết Tật (tiếng Anh)
33	Tín Thuế Giáo Dục	Ấn Phẩm 970, Lợi Ích Thuế cho Giáo Dục (tiếng Anh)
34	Tín Thuế Thu Nhập Kiểm Được (EIC)	Ấn Phẩm 596, Tín Thuế Thu Nhập Kiểm Được (EIC) (tiếng Anh)
35	Tín Thuế Bảo Phí	Ấn Phẩm 974, Tín Thuế Bảo Phí (PTC) (tiếng Anh)
36	Các Tín Thuế Khác	

Giới thiệu

Ấn phẩm này đề cập các quy định chung đối với việc nộp thuế thu nhập liên bang. Nội dung này bổ sung cho thông tin được nêu trong hướng dẫn trên mẫu đơn khai thuế của quý vị. Nó

giải thích luật thuế để đảm bảo quý vị chỉ nộp khoản thuế mà quý vị nợ, không hơn.

Cách sắp xếp trong ấn phẩm này.
Ấn Phẩm 17 theo sát Mẫu 1040, Tờ

Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Cá Nhân, và Mẫu 1040-SR, Tờ Khai Thuế cho Người Cao Niên, và ba Bảng từ 1 đến 3 của các mẫu này. Ấn Phẩm 17 được chia thành bốn phần. Mỗi phần

được chia nhỏ thành các chương, hầu hết các chương giải thích về một dòng trên mẫu hoặc một dòng trên một trong ba bảng liệt kê. Phần giới thiệu ở

đầu mỗi phần sẽ liệt (các) bảng liệt kê sẽ được nói đến trong phần đó.

Mục lục ở bên trong trang bìa, phần giới thiệu của từng phần và chỉ mục ở phía cuối của ấn phẩm là những công cụ hữu ích giúp quý vị tìm được thông tin mà quý vị cần.

Nội dung trong ấn phẩm này. Ấn phẩm này bắt đầu từ quy tắc nộp tờ khai thuế. Nó giải thích:

1. Những ai phải nộp tờ khai thuế,
2. Khi nào đến hạn nộp tờ khai thuế,
3. Cách khai thuế *điện tử*, và
4. Thông tin tổng quan khác.

Ấn phẩm sẽ giúp quý vị xác định xem mình đủ tiêu chuẩn cho tình trạng khai thuế nào, quý vị có thể yêu cầu người phụ thuộc nào không và thu nhập mà quý vị nhận được có phải chịu thuế không. Ấn phẩm tiếp tục giải thích về mức khấu trừ tiêu chuẩn, các loại chi phí mà quý vị có thể khấu trừ và các loại tín thuế mà quý vị có thể nhận để giảm thuế.

Xuyên suốt ấn phẩm này là các ví dụ cho thấy luật thuế áp dụng ra sao ở các tình huống điển hình. Từ đầu đến cuối ấn phẩm cũng có các lưu đồ và bảng biểu giúp trình bày thông tin thuế một cách dễ hiểu.

Nhiều chủ đề trong số các chủ đề được nói đến trong ấn phẩm này được

trình bày chi tiết hơn ở các ấn phẩm khác của IRS. Tham chiếu đến các ấn phẩm khác đó cũng được cung cấp để quý vị được biết.

Biểu tượng. Các ký hiệu đồ họa nhỏ hoặc biểu tượng được sử dụng để thu hút sự chú ý của quý vị tới những thông tin đặc biệt. Xem [Bảng 1](#) để xem giải thích về từng biểu tượng được sử dụng trong ấn phẩm này.

Nội dung nào không được nói đến trong ấn phẩm này. Có thể sẽ có một số tài liệu mà quý vị thấy hữu ích nhưng không được đưa vào ấn phẩm này nhưng quý vị có thể tìm thấy trong cẩm nang hướng dẫn của mẫu khai thuế của quý vị. Điều này bao gồm danh sách:

- Nơi khai báo một số khoản nhất định được thể hiện trên các tài liệu thông tin, và
- Các Chủ Đề về Thuế mà quý vị có thể đọc tại [IRS.gov/TaxTopics](#).

Nếu quý vị điều hành doanh nghiệp riêng của mình hoặc có thu nhập do tự kinh doanh, như trông trẻ hoặc bán đồ thủ công, xem các ấn phẩm sau đây để biết thêm thông tin.

- Ấn Phẩm 334, Hướng Dẫn Thuế cho Doanh Nghiệp Nhỏ.
- Ấn Phẩm 535, Chi Phí Kinh Doanh.

- Ấn Phẩm 587, Sử Dụng Nhà Riêng cho Mục Đích Kinh Doanh.

Trợ giúp từ IRS. Có nhiều cách để quý vị nhận sự trợ giúp từ IRS. Các cách này được giải thích trong phần [Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế](#) ở cuối ấn phẩm này.

Ý Kiến và Đề Xuất. Chúng tôi xin hoan nghênh ý kiến của quý vị về ấn phẩm này cũng như đề xuất của quý vị cho các lần tái bản trong tương lai.

Quý vị có thể gửi ý kiến cho chúng tôi qua địa chỉ [IRS.gov/FormComments](#) (tiếng Anh). Hoặc quý vị có thể gửi thư đến Internal Revenue Service, Tax Forms and Publications, 1111 Constitution Ave. NW, IR-6526, Washington, DC 20224.

Dù chúng tôi không thể trả lời từng người cho từng nhận xét nhận được, song chúng tôi trân trọng thông tin phản hồi của quý vị và sẽ cân nhắc nhận xét cũng như gợi ý của quý vị khi sửa đổi các mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và ấn phẩm của mình. Vui lòng **không** gửi những câu hỏi về thuế, tờ khai thuế hoặc các khoản thanh toán đến địa chỉ trên.

Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế của quý vị. Nếu quý vị có một câu hỏi nào đó về thuế nhưng chưa được giải đáp trong ấn phẩm này hoặc phần [Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế](#) ở cuối ấn phẩm này, hãy truy








cập trang Trợ Lý Thuế Tương Tác của IRS tại địa chỉ [IRS.gov/Help/ITA](#) (tiếng Anh). Tại trang này, quý vị có thể tìm các chủ đề thông qua tính năng tìm kiếm hoặc bằng cách hiển thị các danh mục được liệt kê.

Nhận mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và các ấn phẩm. Truy cập [IRS.gov/Forms](#) (tiếng Anh) để tải xuống các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm mới nhất và của năm trước.

Đặt mẫu đơn khai thuế, hướng dẫn và các ấn phẩm. Truy cập [IRS.gov/OrderForms](#) (tiếng Anh) để đặt các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm hiện hành; gọi 800-829-3676 để đặt các mẫu và hướng dẫn của năm trước. IRS sẽ xử lý đơn đặt các mẫu và ấn phẩm của quý vị sớm nhất có thể. Không gửi lại các yêu cầu mà quý vị đã gửi cho chúng tôi. Quý vị có thể nhận được các mẫu và ấn phẩm nhanh hơn qua mạng.

Sứ mệnh của IRS. Cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu cho người nộp thuế Hoa Kỳ bằng cách giúp họ hiểu và hoàn thành trách nhiệm thuế của mình cũng như thi hành luật pháp với sự liêm chính và công bằng với tất cả mọi người.

Bảng 1. Chú Giải Biểu Tượng

Biểu tượng	Giải thích
	Mục có thể gây ra những vấn đề đặc biệt cho quý vị, hoặc cảnh báo về quy chế đang chờ phê chuẩn và có thể sẽ được ban hành sau khi ấn phẩm này được in.
	Một trang mạng Internet hoặc địa chỉ thư điện tử.
	Một địa chỉ mà quý vị có thể cần.
	Thứ quý vị nên lưu giữ cho hồ sơ cá nhân.
	Thứ quý vị có thể cần tính hoặc một bảng tính mà quý vị có thể cần hoàn tất và lưu lại trong hồ sơ của quý vị.
	Số điện thoại quan trọng.
	Thông tin hữu ích mà quý vị có thể cần.

Phần Một.

Tờ Khai Thuế Thu Nhập

Bốn chương trong phần này cung cấp thông tin cơ bản về hệ thống thuế. Các chương này hướng dẫn quý vị những bước đầu tiên để điền một tờ khai thuế. Phần này cũng cung cấp thông tin về người phụ thuộc và trình bày các yêu cầu về lưu giữ hồ sơ, tính năng khai thuế điện tử (việc khai thuế qua mạng thông tin điện tử) của IRS, các khoản hình phạt nhất định và hai phương pháp được sử dụng để nộp thuế trong năm: thuế khấu lưu và ước tính.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- **Bảng 1, Thu Nhập Bổ Sung và Điều Chỉnh Thu Nhập;** và
- **Bảng 3 (Phần II), Khoản Thanh Toán Khác và Tín Thuế Có Thể Hoàn Lại.**

1.

Thông Tin để Nộp

Quy Định Mới

Ngày đến hạn của tờ khai. Nộp Mẫu 1040 và 1040-SR trước ngày 18 tháng 4, 2023. Ngày đến hạn là 18 tháng 4 thay vì ngày 15 tháng 4 tại vì lễ Ngày Giải Phóng tại Đặc Khu Columbia—cho dù quý vị không sống tại Đặc Khu Columbia.

Tên của tình trạng khai thuế đối thành vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Tình trạng khai thuế người góa vợ/chồng đủ điều kiện bây giờ được gọi là vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Các quy tắc cho tình trạng khai thuế này không thay đổi. Các quy tắc áp dụng cho người góa vợ/chồng đủ điều kiện được áp dụng cho vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Xem [chương 2](#) để biết thêm thông tin về tình trạng khai thuế.

Các dòng mới từ 1a đến 1z trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Năm nay dòng 1 được mở rộng và có các dòng mới từ 1a đến 1z.

Các dòng mới trên Bảng 1. Năm nay có các dòng mới từ 8r đến 8u.

Ai phải nộp. Nhìn chung, thu nhập quý vị có thể nhận được trước khi phải khai thuế đã tăng lên. Xem [Bảng 1-1](#), [Bảng 1-2](#), và [Bảng 1-3](#) để biết số tiền cụ thể.

Nhắc Nhở

Nộp trực tuyến. Thay vì nộp tờ khai thuế trên giấy, quý vị có thể nộp bằng điện tử thông qua hệ thống e-file của IRS. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo mục [Tại Sao Tôi Nên Nộp Bằng Điện Tử](#), ở phần sau.

Truy cập tài khoản trực tuyến (chỉ áp dụng cho cá nhân đóng thuế). Truy cập [IRS.gov/Account](#) để truy cập thông tin về tài khoản thuế liên bang của quý vị một cách an toàn.

- Xem số tiền quý vị nợ và phân tích theo năm thuế.

- Xem chi tiết kế hoạch thanh toán hoặc đăng ký kế hoạch thanh toán mới.
- Thực hiện thanh toán, xem lịch sử thanh toán 5 năm và mọi khoản thanh toán đang chờ xử lý hoặc đã lên lịch.
- Truy cập hồ sơ thuế của quý vị, bao gồm dữ liệu quan trọng từ tờ khai thuế gần đây nhất, số tiền thanh toán tác động kinh tế của quý vị và bản ghi.
- Xem bản sao điện tử của các thông báo được chọn lọc từ IRS.
- Phê duyệt hoặc từ chối các yêu cầu ủy quyền từ các chuyên gia thuế.
- Cập nhật địa chỉ của quý vị hoặc quản lý các cách liên lạc ưa chuộng của quý vị.
- Truy cập trang [IRS.gov/SecureAccess](#) để tìm hiểu quy trình xác thực danh tính bắt buộc.

Thay đổi địa chỉ của quý vị. Nếu quý vị thay đổi địa chỉ, quý vị cần thông báo cho IRS. Quý vị có thể sử dụng Mẫu 8822 để thông báo cho IRS về thay đổi này. Xem [Thay Đổi Địa Chỉ](#), ở phần sau, trong mục [Điều gì sẽ xảy ra sau khi tôi nộp tờ khai thuế](#).

Nhập số an sinh xã hội của quý vị. Quý vị phải nhập số an sinh xã hội (SSN) của mình vào khoảng trống được cung cấp trên tờ khai thuế. Nếu quý vị khai thuế chung, nhập các SSN tương ứng với thứ tự tên.

Ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế. Thay vì nhận séc giấy, quý vị có thể yêu cầu ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản của quý vị mở tại ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác. Xem [Ký Gửi Trực Tiếp](#) trong mục [Hoàn thuế](#). Nếu lựa chọn chuyển khoản hoàn thuế trực tiếp, quý vị có thể chia tiền hoàn thuế vào hai hoặc ba tài khoản.

Thanh toán trực tuyến hoặc qua điện thoại. Nếu nợ thuế bổ sung, quý vị có thể thanh toán trực tuyến hoặc qua điện thoại. Xem [Cách Trả Tiền](#), ở phần sau.

Thỏa thuận trả góp. Nếu quý vị không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo tờ khai thuế, quý vị có thể đề nghị trả góp hàng tháng. Xem [Thỏa Thuận Trả Dân](#), ở phần sau, trong mục [Số Tiền Quý Vị Nợ](#). Quý vị có thể đăng ký trực tuyến thỏa thuận thanh toán nếu quý vị nợ thuế liên bang, tiền lãi và hình phạt.

Tự động gia hạn 6 tháng. Quý vị có thể được tự động gia hạn 6 tháng để nộp tờ khai thuế nếu trước ngày đến hạn khai thuế, quý vị nộp Mẫu 4868. Xem [Tự Động Gia Hạn](#), ở phần sau.

Phục vụ trong khu vực chiến sự. Quý vị sẽ có thêm thời gian để giải quyết các vấn đề thuế của mình nếu quý vị là thành viên Lực Lượng Vũ Trang đã tham gia phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc nếu quý vị đã phục vụ trong khu vực chiến sự hỗ trợ Lực Lượng Vũ Trang. Xem [Cá Nhân Phục Vụ Trong Khu Vực Chiến Sự](#), trong mục [Thời Điểm Nộp Tờ Khai Thuế](#).

Mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi. Nếu trẻ được đưa đến nhà quý vị với mục đích nhận con nuôi hợp pháp và quý vị không kịp xin số an sinh xã hội cho trẻ để nộp tờ khai thuế, quý vị có thể xin mã số người đóng thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN). Để biết thêm thông tin, xem [Số An Sinh Xã Hội \(SSN\)](#), ở phần sau.

Mã số thuế cho người nước ngoài. Nếu quý vị hoặc người phụ thuộc của quý vị là người nước ngoài tạm trú hoặc thường trú không có và không đủ điều kiện xin cấp số an sinh xã hội, hãy nộp Mẫu W-7, Đơn Xin Cấp Mã Số Thuế Cá Nhân của IRS cho IRS. Để biết thêm thông tin, xem [Số An Sinh Xã Hội \(SSN\)](#), ở phần sau.

Gia hạn mã số thuế cá nhân (ITIN). Một số ITIN phải được gia hạn. Nếu quý vị chưa sử dụng ITIN của mình trên tờ khai thuế Hoa Kỳ ít nhất một lần trong năm thuế 2019, 2020, hoặc 2021, mã số này sẽ hết hạn vào cuối năm 2022 và phải được gia hạn nếu quý vị cần nộp tờ khai thuế liên bang Hoa Kỳ trong năm 2023. Quý vị không cần gia hạn ITIN nếu quý vị không bắt buộc phải nộp tờ khai thuế liên bang. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin tại [IRS.gov/ITIN](#).

TIP ITIN cấp trước năm 2013 đã hết hạn và phải gia hạn nếu quý vị cần nộp tờ khai thuế trong năm 2023. Nếu trước đó quý vị đã nộp đơn xin gia hạn và đã được chấp thuận, quý vị không cần phải gia hạn một lần nữa trừ khi quý vị chưa dùng ITIN của mình trên tờ khai thuế liên bang ít nhất một lần trong năm thuế 2019, 2020, hoặc 2021.

Nộp tờ khai phụ phẩm. IRS đã công bố danh sách những lập trường được xác định là phụ phẩm. Hình phạt do nộp tờ khai thuế phụ phẩm là \$5.000. Ngoài ra, mức phạt \$5.000 sẽ áp dụng cho bản đề

trình phù phẩm khác. Để biết thêm thông tin, xem [Hinh Phạt Dân Sự](#), ở phần sau.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Quý vị có phải nộp tờ khai thuế không.
- Cách nộp hồ sơ điện tử.
- Cách nộp hồ sơ miễn phí.
- Thời gian, cách thức và địa điểm nộp tờ khai thuế.
- Điều gì xảy ra nếu quý vị nộp quá ít hoặc quá nhiều thuế.
- Quý vị nên giữ những hồ sơ nào và trong thời gian bao lâu.
- Cách thay đổi tờ khai thuế mà quý vị đã nộp.

Tôi có phải Nộp Tờ Khai Thuế không?

Quý vị phải nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang nếu quý vị là công dân hoặc cư dân Hoa Kỳ hoặc cư dân Puerto Rico đồng thời đáp ứng yêu cầu khai thuế cho bất kỳ hạng mục nào dưới đây áp dụng với quý vị.

1. Các cá nhân nói chung. (Có những quy tắc đặc biệt áp dụng với cá nhân có vợ/chồng đã qua đời, người thi hành, người quản lý, đại diện pháp lý, công dân Hoa Kỳ và cư dân sống bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, cư dân Puerto Rico và cá nhân có thu nhập từ tài sản có nguồn gốc Hoa Kỳ.)
2. Người phụ thuộc.
3. Một số trẻ em dưới 19 tuổi hoặc học sinh/sinh viên học toàn thời gian.
4. Người tự kinh doanh.
5. Người nước ngoài.

Yêu cầu nộp cho từng hạng mục được giải thích trong chương này.

Yêu cầu nộp sẽ áp dụng ngay cả khi quý vị không nợ thuế.

TIP *Ngay cả khi quý vị không phải nộp tờ khai thuế, sẽ có lợi cho quý vị nếu quý vị thực hiện việc này. Xem [ĐỐI TƯỢNG CẦN NỘP TỜ KHAI THUẾ](#), ở phần sau.*

CAUTION *Chỉ nộp một tờ khai thuế thu nhập liên bang trong năm bất kể quý vị có bao nhiêu công việc, nhận được bao nhiêu Mẫu W-2 hay đã sống ở bao nhiêu tiểu bang trong năm. Không nộp nhiều hơn một tờ khai thuế gốc trong cùng một năm, ngay cả khi quý vị chưa nhận được tiền hoàn thuế hoặc chưa nhận được phần hồi từ IRS sau khi quý vị nộp hồ sơ.*

Cá nhân - Nói chung

Nếu quý vị là công dân hoặc cư dân Hoa Kỳ, việc quý vị có phải nộp tờ khai thuế hay không phụ thuộc vào ba yếu tố.

1. Tổng thu nhập của quý vị.
2. Tình trạng khai thuế của quý vị.

3. Tuổi của quý vị.

Để tìm hiểu quý vị có phải nộp tờ khai thuế hay không, tham khảo [Bảng 1-1](#), [Bảng 1-2](#), và [Bảng 1-3](#). Ngay cả khi không bằng nào cho thấy rằng quý vị phải nộp tờ khai thuế, quý vị có thể cần nộp tờ khai thuế để nhận tiền hoàn thuế. Xem [ĐỐI TƯỢNG CẦN NỘP TỜ KHAI THUẾ](#), ở phần sau.

Tổng thu nhập. Bao gồm tất cả thu nhập mà quý vị nhận được dưới dạng tiền, hàng hóa, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế. Cũng bao gồm thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ hoặc từ việc bán căn nhà chính của quý vị (ngay cả khi quý vị có thể loại trừ tất cả hoặc một phần). Bao gồm một phần trợ cấp an sinh xã hội của quý vị nếu:

1. Quý vị đã lập gia đình, nộp tờ khai thuế riêng và quý vị chung sống với vợ/chồng của mình bất kỳ thời điểm nào trong năm 2022; hoặc
2. Một nửa phúc lợi an sinh xã hội cộng với tổng thu nhập khác của quý vị và bất kỳ khoản tiền lãi miễn thuế nào lớn hơn \$25.000 (\$32.000 nếu vợ chồng khai chung hồ sơ thuế).

Nếu (1) hoặc (2) áp dụng, xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 hoặc Ấn Phẩm 915 để tính mức phúc lợi an sinh xã hội mà quý vị phải tính vào tổng thu nhập.

Các loại thu nhập phổ biến được thảo luận trong [Phần 2](#) của ấn phẩm này.

Tiểu bang có tài sản cộng đồng. Các tiểu bang có tài sản cộng đồng bao gồm Arizona, California, Idaho, Louisiana, Nevada, New Mexico, Texas, Washington, và Wisconsin. Nếu quý vị và vợ/chồng sống tại tiểu bang có tài sản cộng đồng, quý vị thường phải tuân theo luật tiểu bang để xác định đâu là tài sản cộng đồng và đâu là thu nhập riêng. Để biết chi tiết, xem Mẫu 8958 và Ấn Phẩm 555.

Người cùng chung sống ở Nevada, Washington và California. Người cùng chung sống đã đăng ký ở Nevada, Washington hoặc California thường phải khai báo một nửa thu nhập cộng đồng của cá nhân và người cùng chung sống. Xem Ấn Phẩm 555.

Cá nhân tự kinh doanh. Nếu quý vị là người tự doanh, tổng thu nhập của quý vị bao gồm số tiền ở dòng 7 của Bảng C (Mẫu 1040), Lãi hoặc Lỗ Từ Hoạt Động Kinh Doanh; và dòng 9 của Bảng F (Mẫu 1040), Lãi hoặc Lỗ Từ Hoạt Động Nông Nghiệp. Xem [Người Tự Kinh Doanh](#), ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin về yêu cầu khai thuế của quý vị.

CAUTION *Nếu quý vị không khai báo tất cả thu nhập từ hoạt động tự kinh doanh của mình, mức phúc lợi an sinh xã hội của quý vị có thể thấp hơn khi quý vị nghỉ hưu.*

Tình trạng khai thuế. Tình trạng khai thuế của quý vị phụ thuộc vào việc quý vị còn độc thân hay đã kết hôn và hoàn cảnh gia đình của quý vị. Tình trạng khai thuế của quý vị được xác định vào ngày cuối cùng trong năm chịu thuế của quý vị, tức ngày 31 tháng 12 đối với hầu hết người đóng thuế. Xem [Chương 2](#) để tìm hiểu về từng tình trạng khai thuế.

Tuổi. Nếu quý vị từ 65 tuổi trở lên tại thời điểm cuối năm, thông thường quý vị có thể có mức tổng thu nhập cao hơn những người đóng thuế khác trước khi quý vị phải khai thuế. Xem [Bảng 1-1](#). Quý vị được coi là 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của quý vị. Ví dụ, nếu sinh nhật lần thứ 65 của quý vị là ngày 1 tháng 1 năm 2023, thì trong năm 2022 quý vị được coi là 65 tuổi.

Người vợ/chồng còn lại, Người thi hành, Người quản lý, và Đại diện pháp lý

Quý vị phải nộp tờ khai thuế cuối cùng cho người quá cố (một người đã qua đời) nếu đáp ứng hai điều kiện sau.

- Vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm 2022 hoặc quý vị là người thi hành, người quản lý hoặc đại diện pháp lý.
- Người quá cố đáp ứng yêu cầu khai thuế vào ngày qua đời.

Để biết thêm thông tin về quy tắc nộp tờ khai thuế cuối cùng cho người quá cố, tham khảo Ấn Phẩm 559.

Công Dân Hoa Kỳ và Người Nước Ngoài Thường Trú Sống Ở Nước Ngoài

Để xác định quý vị có phải nộp tờ khai thuế hay không, tính vào tổng thu nhập của quý vị bất kỳ khoản thu nhập nào mà quý vị nhận được từ nước ngoài, bao gồm thu nhập có thể loại trừ theo điều khoản miễn thuế đối với thu nhập kiếm được ở nước ngoài. Để tìm hiểu thông tin về các quy định thuế đặc biệt có thể áp dụng đối với quý vị, tham khảo Ấn Phẩm 54. Ấn Phẩm này được đăng tải trực tuyến đồng thời được cung cấp tại hầu hết các đại sứ quán và lãnh sự quán Hoa Kỳ. Xem [Cách Nhận Trợ Giúp Về Thuế](#) ở mặt sau của ấn phẩm này.

Cư dân Puerto Rico

Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ đồng thời là cư dân hợp pháp của Puerto Rico, quý vị thường phải nộp tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ cho năm mà quý vị đáp ứng yêu cầu về thu nhập. Quy định này bổ sung cho yêu cầu pháp lý mà theo đó quý vị có thể phải nộp tờ khai thuế thu nhập với Puerto Rico.

Nếu quý vị là cư dân Puerto Rico chân thật trong cả năm, tổng thu nhập tại Hoa Kỳ của quý vị không bao gồm thu nhập từ các nguồn bên trong Puerto Rico. Tuy nhiên, tổng thu nhập của quý vị sẽ bao gồm phần thu nhập mà quý vị nhận được cho những dịch vụ mà quý vị cung cấp với tư cách là nhân viên của Hoa Kỳ hoặc một cơ quan Hoa Kỳ. Nếu quý vị nhận thu nhập từ các nguồn Puerto Rico không chịu thuế Hoa Kỳ, quý vị phải giảm mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của mình. Vì vậy, mức thu nhập mà quý vị phải có trước khi bắt buộc nộp tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ thấp hơn số tiền quy định ở [Bảng 1-1](#) hoặc [Bảng 1-2](#). Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 570.

Cá Nhân Có Thu Nhập Từ Thuộc Địa của Hoa Kỳ

Nếu quý vị có thu nhập từ Guam, Khối Thịnh Vượng Chung Quần Đảo Bắc Mariana, Samoa thuộc Hoa Kỳ hoặc Quần Đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng khi xác định liệu quý vị có phải nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang Hoa Kỳ hay không. Ngoài ra, quý vị có thể phải khai thuế với chính quyền từng đảo. Xem Ấn Phẩm 570 để tìm hiểu thêm thông tin.

Người phụ thuộc

Nếu quý vị là người phụ thuộc (đối tượng đáp ứng thử thách phụ thuộc trong [Chương 3](#)), xem [Bảng 1-2](#) để tìm hiểu liệu quý vị có phải nộp tờ khai hay không.

Quý vị phải khai thuế nếu tình huống của quý vị được mô tả trong [Bảng 1-3](#).

Trách nhiệm của cha mẹ. Thông thường, trẻ em chịu trách nhiệm nộp tờ khai thuế của bản thân và trả tiền thuế trên tờ khai thuế. Nếu trẻ phụ thuộc phải nộp tờ khai thuế thu nhập nhưng không thể nộp do tuổi tác hoặc bất kỳ lý do nào khác, thì cha mẹ, người giám hộ hoặc người chịu trách nhiệm pháp lý khác phải nộp tờ khai thuế cho trẻ. Nếu trẻ không thể ký tờ khai thuế, thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải ký tên của trẻ, tiếp đó ghi “By (chữ ký của quý vị), parent for minor child (Bởi (chữ ký của quý vị), cha mẹ của trẻ vị thành niên).”

Tiền kiếm được của trẻ em. Số tiền trẻ kiếm được từ hoạt động cung cấp dịch vụ được tính vào tổng thu nhập của trẻ chứ không tính vào tổng thu nhập của cha mẹ. Quy tắc này được áp dụng ngay cả khi theo pháp luật địa phương, cha mẹ của trẻ có quyền đối với thu nhập của con và có thể thực sự đã nhận khoản thu nhập này. Nhưng nếu trẻ không nộp thuế đến hạn trên thu nhập của mình, cha mẹ sẽ phải chịu trách nhiệm đối với khoản thuế này.

Một Số Trẻ Em Dưới 19 Tuổi hoặc Học Sinh/Sinh Viên Học Toàn Thời Gian

Nếu thu nhập duy nhất của trẻ là tiền lãi và cổ tức (bao gồm phân phối lợi nhuận đầu tư và cổ tức Quỹ Thường Trực Tiểu Bang Alaska), trẻ dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm 2022 hoặc là học sinh/sinh viên học toàn thời gian dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm 2022 đồng thời đáp ứng một số điều kiện khác, cha mẹ có thể lựa chọn tính thu nhập của trẻ vào tờ khai thuế của mình. Trong trường hợp này, trẻ không phải nộp tờ khai thuế. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 8814, Lựa Chọn Dành Cho Cha Mẹ Khi Khai Báo Lợi Nhuận và Cổ Tức Của Con.

Người tự kinh doanh

Quý vị là người tự kinh doanh nếu quý vị:

- Thực hiện hoạt động thương mại hay kinh doanh với tư cách doanh nghiệp tự nhân do một người làm chủ,
- Là một người làm việc theo hợp đồng độc lập,
- Là thành viên của công ty hợp doanh, hoặc
- Đang tự kinh doanh dưới bất kỳ hình thức nào khác.

Tự kinh doanh có thể bao gồm công việc ngoài hoạt động thương mại toàn thời gian thông thường của quý vị, ví dụ như công việc bán thời gian mà quý vị làm ở nhà hoặc ngoài công việc thường xuyên của quý vị.

Quý vị phải nộp tờ khai thuế nếu tổng thu nhập của quý vị bằng tối thiểu mức thu nhập yêu cầu khai thuế cho tình trạng khai thuế và độ tuổi của quý vị (được trình bày trong [Bảng 1-1](#)). Ngoài ra, quý vị phải nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và Bảng SE (Mẫu 1040), Thuế Tự Doanh, nếu:

- Thu nhập ròng của quý vị từ việc tự kinh doanh (không bao gồm thu nhập của nhân viên nhà thờ) là \$400 trở lên, hoặc
- Quý vị có thu nhập nhân viên nhà thờ từ \$108,28 trở lên. (Xem [Bảng 1-3](#).)

Sử dụng Bảng SE (Mẫu 1040) để tính thuế tự doanh của quý vị. Thuế tự kinh doanh tương ứng với thuế an sinh xã hội và Medicare khấu trừ từ tiền

Bảng 1-1. Yêu Cầu Khai Thuế Năm 2022 đối với Hầu Hết Người Nộp Thuế

NẾU tình trạng khai thuế của quý vị là...	VÀ tại thời điểm cuối năm 2022 quý vị ...*	THÌ hãy nộp tờ khai thuế nếu tổng thu nhập của quý vị đạt tối thiểu...**
Độc thân	dưới 65 tuổi	\$12.950
	65 tuổi trở lên	\$14.700
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế***	dưới 65 tuổi (cả hai vợ chồng)	\$25.900
	65 tuổi trở lên (vợ/chồng)	\$27.300
	65 tuổi trở lên (cả hai vợ chồng)	\$28.700
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	ở độ tuổi bất kỳ	\$5
Chủ gia đình	dưới 65 tuổi	\$19.400
	65 tuổi trở lên	\$21.150
Vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	dưới 65 tuổi	\$25.900
	65 tuổi trở lên	\$27.300

* Nếu quý vị sinh ngày 1 tháng 1 năm 1958, quý vị được coi là 65 tuổi tại thời điểm cuối năm 2022. (Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm 2022 hoặc nếu quý vị đang chuẩn bị tờ khai thuế cho người đã qua đời trong năm 2022, tham khảo Ấn Phẩm 501.)

** Tổng thu nhập nghĩa là tất cả thu nhập mà quý vị nhận được dưới dạng tiền, hàng hóa, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế, bao gồm thu nhập từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ hoặc từ việc bán căn nhà chính của quý vị (ngay cả khi quý vị có thể loại trừ tất cả hoặc một phần). Không bao gồm trợ cấp an sinh xã hội của quý vị trừ khi (a) quý vị là đối tượng vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và đã sống với vợ/chồng của mình tại bất kỳ thời điểm nào trong năm 2022; hoặc (b) một nửa trợ cấp an sinh xã hội cộng với thu nhập khác và tiền lãi miễn thuế của quý vị lớn hơn \$25.000 (\$32.000 đối với trường hợp vợ chồng khai chung hồ sơ thuế). Nếu áp dụng (a) hoặc (b), tham khảo Hướng Dẫn Mẫu 1040 hoặc Ấn Phẩm 915 để tính phần phúc lợi an sinh xã hội chịu thuế mà quý vị phải tính vào tổng thu nhập. Tổng thu nhập bao gồm lãi, nhưng không bao gồm lỗ, theo báo cáo trên Mẫu 8949 hoặc Bảng D. Tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh, ví dụ số tiền trên Bảng C, dòng 7, hoặc Bảng F, dòng 9. Tuy nhiên, khi tính tổng thu nhập, không trừ các khoản lỗ để giảm thu nhập, bao gồm bất kỳ khoản lỗ nào trên Bảng C, dòng 7, hoặc Bảng F, dòng 9.

*** Nếu quý vị không sống với vợ/chồng tại thời điểm cuối năm 2022 (hoặc vào ngày vợ/chồng của quý vị qua đời) và tổng thu nhập của quý vị ở mức tối thiểu là \$5, quý vị phải nộp tờ khai thuế bất kể tuổi tác của quý vị.

lượng của người lao động. Để biết thêm thông tin về loại thuế này, tham khảo Ấn Phẩm 334.

Nhân viên của chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ làm việc tại Hoa Kỳ cho tổ chức quốc tế, chính phủ nước ngoài hoặc cơ quan thuộc sở hữu hoàn toàn của chính phủ nước ngoài và chủ lao động của quý vị không phải khấu trừ thuế an sinh xã hội và Medicare từ tiền lương của quý vị, thì quý vị phải tính thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh.

Mục sư. Quý vị phải tính thu nhập từ các dịch vụ mà quý vị đã thực hiện với tư cách là mục sư vào thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh, trừ trường hợp quý vị được miễn thuế tự kinh doanh. Quy tắc này đồng thời áp dụng đối với y sĩ Khoa Học Cơ Đốc và các thành viên của dòng tu, những người không tuyên thệ sống trong nghèo khó. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 517.

Người nước ngoài

Tình trạng người nước ngoài của quý vị (thường trú, tạm trú hoặc tình trạng kép) quyết định quý vị có phải nộp tờ khai thuế thu nhập hay không và bằng cách nào.

Các quy tắc được sử dụng để xác định tình trạng người nước ngoài của quý vị được đề cập trong Ấn Phẩm 519.

Người nước ngoài thường trú. Nếu quý vị là người nước ngoài thường trú trong cả năm, quý vị phải nộp tờ khai thuế theo các quy tắc tương tự áp

dụng đối với công dân Hoa Kỳ. Sử dụng những mẫu đơn được đề cập trong ấn phẩm này.

Người nước ngoài tạm trú. Nếu quý vị là người nước ngoài tạm trú, quy tắc và mẫu đơn thuế áp dụng cho quý vị khác với quy tắc và mẫu đơn áp dụng cho công dân Hoa Kỳ và người nước ngoài thường trú. Xem Ấn Phẩm 519 để tìm hiểu luật thuế thu nhập Hoa Kỳ có áp dụng với quý vị hay không và quý vị cần nộp những mẫu đơn nào.

Người đóng thuế có tình trạng kép. Nếu quý vị là người nước ngoài thường trú trong một phần của năm tính thuế đồng thời là người nước ngoài tạm trú trong phần còn lại của năm, thì quý vị là người đóng thuế có tình trạng kép. Những quy tắc khác nhau sẽ áp dụng cho mỗi phần của năm. Để tìm hiểu thông tin về người đóng thuế có tình trạng kép, tham khảo Ấn Phẩm 519.

Ai Nên Nộp

Ngay cả khi quý vị không bắt buộc phải nộp, quý vị vẫn nên nộp tờ khai thuế thu nhập liên bang để nhận tiền hoàn thuế nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây áp dụng.

- Quý vị có khoản khấu trừ thuế thu nhập liên bang hoặc đã nộp thuế ước tính.
- Quý vị đủ điều kiện hưởng tín thuế thu nhập kiếm được. Tham khảo Ấn Phẩm 596 để biết thêm thông tin.

Bảng 1-2. Yêu Cầu Khai Thuế Năm 2022 đối với Người Phụ Thuộc

Xem [chương 3](#) để tìm hiểu điều kiện để một người có thể xin xét quý vị là người phụ thuộc.

<p>Nếu cha mẹ của quý vị (hoặc người khác) có thể xin xét quý vị là người phụ thuộc, hãy sử dụng bảng này để tìm hiểu liệu quý vị có phải nộp tờ khai thuế hay không. (Xem Bảng 1-3 để biết các tình huống khác khi quý vị phải khai thuế.)</p> <p>Trong bảng này, thu nhập không do lao động bao gồm tiền lãi chịu thuế, cổ tức thông thường và phân phối lợi nhuận đầu tư. Ngoài ra, thu nhập không do lao động còn bao gồm bồi thường thất nghiệp, phúc lợi an sinh xã hội chịu thuế, lương hưu, niên kim và phân phối thu nhập không do lao động từ quỹ tín thác. Thu nhập kiếm được bao gồm tiền lương, tiền công, tiền boa, phí dịch vụ chuyên môn, học bổng và trợ cấp học tập nghiên cứu chịu thuế. (Xem Hoc bổng và trợ cấp học tập nghiên cứu ở chương 8.) Tổng thu nhập là tổng thu nhập kiếm được và thu nhập không do lao động của quý vị.</p>	
Người phụ thuộc độc thân-Quý vị 65 tuổi trở lên hoặc bị mù?	
<input type="checkbox"/>	Khôn g. Quý vị phải nộp tờ khai thuế nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây là đúng. <ul style="list-style-type: none">Thu nhập không do lao động của quý vị cao hơn mức \$1.150.Thu nhập kiếm được của quý vị cao hơn mức \$12.950.Tổng thu nhập của quý vị cao hơn mức lớn hơn giữa:<ul style="list-style-type: none">\$1.150, hoặcThu nhập kiếm được của quý vị (tối đa \$12.550) cộng \$400.
<input type="checkbox"/>	Có. Quý vị phải nộp tờ khai thuế nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây là đúng. <ul style="list-style-type: none">Thu nhập không do lao động của quý vị cao hơn mức \$2.900 (\$4.650 với đối tượng 65 tuổi trở lên và bị mù).Thu nhập kiếm được của quý vị cao hơn mức \$14.700 (\$16.450 với đối tượng 65 tuổi trở lên và bị mù).Tổng thu nhập của quý vị cao hơn mức lớn hơn giữa:<ul style="list-style-type: none">\$2.900 (\$4.650 với đối tượng 65 tuổi trở lên và bị mù), hoặcThu nhập kiếm được của quý vị (tối đa \$12.550) cộng \$2.150 (\$3.900 với đối tượng 65 tuổi trở lên và bị mù).
Người phụ thuộc đã kết hôn- Quý vị 65 tuổi trở lên hoặc bị mù?	
<input type="checkbox"/>	Khôn g. Quý vị phải nộp tờ khai thuế nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây là đúng. <ul style="list-style-type: none">Thu nhập không do lao động của quý vị cao hơn mức \$1.150.Thu nhập kiếm được của quý vị cao hơn mức \$12.950.Tổng thu nhập của quý vị tối thiểu là \$5 và vợ/chồng của quý vị nộp tờ khai thuế riêng đồng thời khấu trừ từng khoản.Tổng thu nhập của quý vị cao hơn mức lớn hơn giữa:<ul style="list-style-type: none">\$1.150, hoặcThu nhập kiếm được của quý vị (tối đa \$12.550) cộng \$40.
<input type="checkbox"/>	Có. Quý vị phải nộp tờ khai thuế nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây là đúng. <ul style="list-style-type: none">Thu nhập không do lao động của quý vị cao hơn mức \$2.550 (\$3.950 với đối tượng 65 tuổi trở lên và bị mù).Thu nhập kiếm được của quý vị cao hơn mức \$14.350 (\$15.750 với đối tượng 65 tuổi trở lên và bị mù).Tổng thu nhập của quý vị tối thiểu là \$5 và vợ/chồng của quý vị nộp tờ khai thuế riêng đồng thời khấu trừ từng khoản.Tổng thu nhập của quý vị cao hơn mức lớn hơn giữa:<ul style="list-style-type: none">\$2.550 (\$3.950 với đối tượng 65 tuổi trở lên và bị mù), hoặcThu nhập kiếm được của quý vị (tối đa \$12.550) cộng \$1.800 (\$3.200 với đối tượng 65 tuổi trở lên và bị mù).

- Quý vị đủ điều kiện hưởng tin thuế trẻ em bổ sung. Xem [chương 14](#) để tìm hiểu thêm thông tin.
- Quý vị đủ điều kiện hưởng tin thuế bảo phí. Tham khảo Ấn Phẩm 974 để biết thêm thông tin.
- Quý vị đủ điều kiện hưởng tin thuế cơ hội Mỹ. Tham khảo Ấn Phẩm 970 để biết thêm thông tin.
- Quý vị đủ điều kiện hưởng tin thuế liên bang đối với nhiên liệu. Xem [chương 13](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR

Sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR để nộp tờ khai thuế. (Tuy nhiên, nên tham khảo thêm mục [Tại Sao Tôi Nên Khai Thuế Điện Tử](#), ở phần sau.)

Quý vị có thể sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR để báo cáo tất cả các loại thu nhập, khấu trừ và tín thuế.

Tại Sao Tôi Nên Nộp Bằng Điện Tử?

Khai thuế điện tử

Nếu tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) của quý vị nhỏ hơn một số tiền nhất định, quý vị đủ điều kiện sử dụng [Free File](#), dịch vụ phần mềm thuế miễn phí do đối tác của IRS cung cấp, để chuẩn bị và nộp tờ khai thuế bằng *e-file* miễn phí. Nếu thu nhập của quý vị cao hơn số tiền này, quý vị vẫn đủ điều kiện nhận Mẫu Free File Tự Điền, phiên bản điện tử của các mẫu đơn bằng giấy của IRS. [Bảng 1-4](#) liệt kê cách thức miễn phí để khai thuế điện tử.



Hệ thống *e-file* của IRS sử dụng tự động hóa để thay thế hầu hết các bước thủ công cần thiết để xử lý tờ khai thuế trên giấy. Do đó, việc xử lý tờ khai *e-file* sẽ nhanh hơn và chính xác hơn so với quy trình xử lý tờ khai thuế trên giấy. Tuy nhiên, giống như tờ khai thuế trên giấy, quý vị có trách nhiệm đảm bảo rằng

tờ khai thuế của quý vị chứa thông tin chính xác và được nộp đúng hạn.

Nếu tờ khai thuế của quý vị được nộp thông qua hệ thống *e-file* của IRS, quý vị sẽ nhận được xác nhận rằng tờ khai thuế của quý vị đã được nhận. Nếu quý vị nợ thuế, quý vị có thể *e-file* và trả tiền thuế bằng điện tử. IRS đã xử lý hơn một tỷ tờ khai đã *e-file* một cách an toàn và bảo mật. Việc sử dụng hệ thống *e-file* không ảnh hưởng đến cơ hội bị IRS kiểm tra tờ khai thuế của quý vị.

Yêu cầu về chữ ký trên tờ khai thuế điện tử. Để khai thuế bằng phương thức điện tử, quý vị phải ký điện tử trên tờ khai thuế bằng mã số nhận diện cá nhân (PIN). Nếu quý vị khai thuế trực tuyến, quý vị phải sử dụng mã PIN Tự Chọn. Đối với năm 2022, nếu chúng tôi cấp cho quý vị mã số nhận dạng cá nhân bảo vệ danh tính (IP PIN) (như được mô tả chi tiết hơn bên dưới), quý vị phải điền đủ sáu số của mã IP PIN vào ô mã IP PIN bên cạnh chỗ điền nghề nghiệp để hoàn thiện chữ ký điện tử của quý vị. Việc không cung cấp mã IP PIN đã phát hành trên tờ khai thuế điện tử sẽ dẫn đến chữ ký không hợp lệ và tờ khai bị từ chối. Nếu quý vị đang khai thuế chung và cả hai người đồng thuế đã được cấp mã IP PIN, hãy nhập cả hai mã IP PIN vào khoảng trống quy định. Nếu quý vị khai thuế điện tử thông qua người hành nghề thuế, quý vị có thể sử dụng mã PIN Tự Chọn hoặc mã PIN Người Hành Nghề.

Mã PIN Tự Chọn. Phương thức mã PIN Tự Chọn cho phép quý vị tạo mã PIN của riêng mình. Nếu quý vị là vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế, quý vị và vợ/chồng của quý vị cần tạo mã PIN cho mỗi người và nhập hai mã PIN này làm chữ ký điện tử.

Mã PIN là kết hợp năm chữ số bất kỳ mà quý vị lựa chọn ngoại trừ năm số không. Nếu quý vị sử dụng mã PIN, quý vị sẽ không phải ký và gửi bất kỳ mẫu đơn nào - kể cả Mẫu W-2.

Tờ khai thuế điện tử của quý vị chỉ được coi là tờ khai có chữ ký hợp lệ khi có mã PIN; họ; ngày sinh; IP PIN của quý vị, nếu có; và tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI) từ tờ khai thuế thu nhập liên bang năm 2021 đã nộp ban đầu của quý vị, nếu có. Nếu khai chung, tờ khai thuế điện tử của quý vị cũng phải có mã PIN; họ; ngày sinh; IP PIN của vợ/chồng quý vị, nếu có; và AGI, nếu có, để được coi là đã có chữ ký hợp lệ. Không sử dụng AGI trên hồ sơ đã sửa đổi (Mẫu 1040-X) hoặc sửa lỗi chiết tính do IRS thực hiện. AGI là số tiền hiển thị trên Mẫu 1040 hoặc Mẫu 1040-SR năm 2021, dòng 11. Nếu không có sẵn tờ khai thuế thu nhập năm 2021, quý vị có thể yêu cầu bản ghi thông qua công cụ tự phục vụ tự động của chúng tôi. Truy cập [IRS.gov/Transcript](#). (Nếu quý vị đã nộp hồ sơ điện tử vào năm trước, quý vị và người vợ/chồng nộp chung có thể sử dụng mã PIN của năm trước để xác minh danh tính của mình thay vì sử dụng AGI của năm trước. Mã PIN của năm trước là mã PIN gồm năm chữ số mà quý vị đã sử dụng để ký điện tử trên tờ khai thuế năm 2021 của mình.) Quý vị cũng sẽ được yêu cầu nhập ngày sinh của mình.



Quý vị không thể sử dụng phương thức mã PIN Tự Chọn nếu quý vị là người nộp tờ khai thuế lần đầu dưới 16 tuổi tại thời điểm cuối năm 2022.

Mã PIN Người Hành Nghề. Phương thức mã PIN Người Hành Nghề cho phép quý vị ủy quyền cho người hành nghề thuế nhập hoặc tạo mã PIN của quý vị. Tờ khai thuế điện tử của quý vị chỉ được coi là tờ khai có chữ ký hợp lệ khi có mã PIN; họ; ngày sinh; IP PIN của quý vị, nếu có. Nếu khai chung, tờ khai thuế điện tử của quý vị cũng phải có mã PIN;

Bảng 1-3. Các Tình Huống Khác Mà Quý Vị Phải Nộp Tờ Khai Thuế Năm 2022

Quý vị phải nộp tờ khai thuế nếu các điều sau đây áp dụng cho năm 2022.	
1.	Quý vị nợ thuế đặc biệt, bao gồm bất kỳ khoản nào dưới đây (xem hướng dẫn cho Bảng 2 (Mẫu 1040)).
a.	Thuế tối thiểu thay thế.
b.	Thuế bổ sung đối với chương trình đủ điều kiện, bao gồm trương mục hưu trí cá nhân (IRA) hoặc tài khoản được ưu đãi thuế khác.
c.	Thuế lao động tại gia.
d.	Thuế an sinh xã hội và Medicare trên tiền bo mà quý vị không báo cáo cho chủ lao động hoặc tiền lương quý vị nhận được từ chủ lao động không khấu lưu thuế này.
e.	Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu hoặc thuế RRTA trên tiền bo mà quý vị đã khai báo cho chủ lao động của mình, hoặc trên bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn và thuế bổ sung đối với tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe. Xem hướng dẫn cho Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 8.
f.	Thuế tính thu hồi.
2.	Quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu nộp tờ khai thuế chung) đã nhận phân phối từ tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe, Archer MSA hoặc Medicare Advantage MSA.
3.	Quý vị có thu nhập ròng từ công việc tự kinh doanh ở mức tối thiểu \$400.
4.	Quý vị nhận mức lương từ \$108,28 trở lên từ nhà thờ hoặc tổ chức đủ điều kiện do nhà thờ kiểm soát được miễn thuế an sinh xã hội của chủ lao động và Medicare.
5.	Tiền trả trước tín thuế bảo phí đã được thanh toán cho quý vị, vợ/chồng của quý vị hoặc người phụ thuộc đã đăng ký bảo hiểm sức khỏe trên thị trường. Quý vị hoặc bất cứ ai đã đăng ký cho quý vị sẽ nhận được Mẫu 1095-A cho biết số tiền trả trước.
6.	Quý vị phải tính số tiền này vào thu nhập theo mục 965 hoặc quý vị có nghĩa vụ thuế ròng theo mục 965 mà quý vị đang trả góp theo mục 965(h) hoặc được hoãn bằng cách thực hiện lựa chọn theo mục 965(i).

họ; ngày sinh và IP PIN của vợ/chồng quý vị, nếu có, để được coi là tờ khai thuế đã có chữ ký hợp lệ. Người hành nghề có thể cung cấp cho quý vị thông tin chi tiết.

Mẫu 8453. Quý vị phải gửi Mẫu 8453 bằng giấy nếu quý vị phải đính kèm một số mẫu đơn nhất định hoặc những tài liệu khác không thể nộp dưới hình thức điện tử. Để biết chi tiết, xem Mẫu 8453. Để biết thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/efile](https://www.irs.gov/efile).

Mã PIN Bảo Vệ Danh Tính. Nếu IRS cấp cho quý vị số nhận diện cá nhân bảo vệ danh tính (IP PIN), nhập mã này vào khoảng trống được cung cấp trên mẫu đơn khai thuế của quý vị. Nếu IRS không cung cấp cho quý vị mã số này, để trống những khoảng trống này. Để biết thêm thông tin, xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.



Tất cả người đóng thuế hiện đủ điều kiện nhận mã IP PIN. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 5477. Để nộp đơn xin IP PIN, truy cập [IRS.gov/ippin](https://www.irs.gov/ippin) và dùng công cụ Nhận IP PIN

Giấy ủy quyền. Nếu người đại diện ký tờ khai thuế cho quý vị, quý vị phải nộp giấy ủy quyền (POA). Đính kèm POA vào Mẫu 8453 và nộp theo hướng dẫn của mẫu đó. Xem [Chữ ký](#), ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin về POA.

Tờ khai thuế tiểu bang. Ở hầu hết các tiểu bang, quý vị có thể nộp tờ khai thuế tiểu bang điện tử đồng thời với tờ khai thuế liên bang của mình. Để biết thêm thông tin, hãy tham vấn văn phòng IRS địa phương, cơ quan thuế tiểu bang, chuyên gia thuế hoặc truy cập trang web IRS tại [IRS.gov/efile](https://www.irs.gov/efile).

Hoàn thuế. Quý vị có thể nhận séc hoàn thuế gửi qua đường bưu điện hoặc quý vị có thể nhận tiền hoàn thuế trực tiếp vào tài khoản chi trả bằng séc hoặc tài khoản tiết kiệm của mình hoặc chia vào hai

Bảng 1-4. Cách thức miễn phí để e-file

Sử dụng Free File để nhận phần mềm thuế miễn phí và e-file miễn phí.

- Đối tác của IRS cung cấp miễn phí các sản phẩm có thương hiệu.
- Nhiều người đóng thuế đủ điều kiện sử dụng phần mềm Free File.
- Tất cả mọi người đủ điều kiện sử dụng các Mẫu Free File Có Thể Điền Thông Tin, phiên bản điện tử của các mẫu đơn bằng giấy của IRS.
- Phần mềm Free File và các Mẫu Free File Có Thể Điền Thông Tin chỉ được cung cấp tại địa chỉ [IRS.gov/FreeFile](https://www.irs.gov/FreeFile).

Sử dụng VITA/TCE để nhận trợ giúp miễn phí về thuế từ các tình nguyện viên và e-file miễn phí.

- Các tình nguyện viên chuẩn bị tờ khai thuế của quý vị và e-file miễn phí.
- Một số địa điểm còn cung cấp phần mềm tự khai.
- Quý vị đủ điều kiện dựa trên thu nhập hoặc tuổi của quý vị.
- Các địa điểm được đặt trên toàn quốc. Tìm địa điểm gần quý vị bằng cách truy cập [IRS.gov/VITA](https://www.irs.gov/VITA).

hay ba tài khoản. Với e-file, tiền hoàn thuế của quý vị sẽ được trả nhanh hơn so với khi quý vị nộp tờ khai thuế trên giấy.

Đối với tờ khai thuế bằng giấy, quý vị có thể không nhận được toàn bộ tiền hoàn thuế nếu quý vị nợ một số khoản tiền quá hạn nhất định, bao gồm thuế liên bang, thuế thu nhập tiểu bang, các khoản nợ bồi thường thất nghiệp của tiểu bang, trợ cấp con cái, trợ cấp vợ/chồng hoặc một số khoản nợ phi thuế liên bang khác, ví dụ như các khoản tiền vay sinh viên. Xem [Bù trừ các khoản nợ](#) trong mục [Hoàn thuế](#), ở phần sau.

Yêu cầu hoàn thuế. Thông tin về tờ khai thuế của quý vị thường sẽ được cung cấp trong vòng 24 giờ sau khi IRS nhận được tờ khai thuế điện tử của quý vị. Xem [Thông tin hoàn thuế](#), ở phần sau.

Số tiền quý vị nợ. Để tránh bị phạt và lãi do chậm thanh toán, hãy nộp thuế đầy đủ không muộn hơn

ngày 18 tháng 4 năm 2023 (cho hầu hết mọi người). Xem [Cách Trả Tiền](#), ở phần sau để tìm cách trả số tiền mà quý vị nợ.

Sử Dụng Máy Tính Cá Nhân của Quý Vị



Quý vị có thể khai thuế một cách nhanh chóng, dễ dàng và thuận tiện bằng máy tính cá nhân của mình. Máy tính có kết nối Internet và phần mềm khai thuế là tất cả những gì quý vị cần. Hơn hết, quý vị có thể thoải mái e-file tại nhà 24 giờ một ngày, 7 ngày một tuần.

Phần mềm khai thuế được IRS chấp thuận được cung cấp để sử dụng trực tuyến trên Internet, để tải xuống từ Internet và tại các cửa hàng bán lẻ. Để tìm hiểu thông tin, truy cập [IRS.gov/efile](https://www.irs.gov/efile).

Thông Chủ Lao Động và các Tổ Chức Tài Chính

Một số doanh nghiệp cung cấp *e-file* miễn phí cho nhân viên, thành viên hoặc khách hàng của mình. Các doanh nghiệp khác cung cấp với một khoản phí. Trao đổi với chủ lao động hoặc tổ chức tài chính của quý vị xem họ có cung cấp dịch vụ *e-file* của IRS dưới hình thức quyền lợi của nhân viên, thành viên và khách hàng hay không.

Trợ Giúp Miễn Phí Với Tờ Khai Thuế Của Quý Vị

Tình Nguyên Hỗ Trợ Thuế Thu Nhập (VITA) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho những người thông thường kiếm được \$60.000 trở xuống và người đóng thuế có trình độ tiếng Anh hạn chế cần hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế. Chương trình Tư Vấn Thuế cho Người Cao Niên (TCE) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho tất cả những người đóng thuế, đặc biệt là những người từ 60 tuổi trở lên. Tình nguyện viên của TCE chuyên giải đáp các câu hỏi về lương hưu và các vấn đề liên quan đến hưu trí dành riêng cho người cao niên.

Quý vị có thể truy cập [IRS.gov](https://www.irs.gov) để tìm hiểu các lựa chọn để chuẩn bị và nộp tờ khai thuế của mình, bao gồm:

- **Free File.** Truy cập [IRS.gov/FreeFile](https://www.irs.gov/FreeFile). Tìm hiểu quý vị có đủ điều kiện sử dụng phần mềm thương hiệu để chuẩn bị và *e-file* tờ khai thuế liên bang miễn phí hay không.
- **VITA.** Truy cập [IRS.gov/VITA](https://www.irs.gov/VITA), tải ứng dụng IRS2Go miễn phí, hoặc gọi 800-906-9887 để tìm địa điểm VITA gần nhất cung cấp hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.
- **TCE.** Truy cập [IRS.gov/TCE](https://www.irs.gov/TCE), tải ứng dụng IRS2Go miễn phí, hoặc gọi 888-227-7669 để tìm địa điểm TCE gần nhất cung cấp hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.

Sử dụng một Chuyên Gia Thuế

Nhiều chuyên gia thuế khai thuế điện tử cho khách hàng của mình. Quý vị có thể tự nhập mã PIN của mình hoặc hoàn thành Mẫu 8879, Ủy Quyền Chữ Ký *e-file* của IRS, để ủy quyền cho chuyên gia thuế nhập mã PIN trên tờ khai thuế của quý vị.

Ghi chú. Các chuyên gia thuế có thể tính phí cho dịch vụ *e-file* của IRS. Mức phí có thể thay đổi tùy thuộc vào từng chuyên gia và các dịch vụ cụ thể được cung cấp.

Khi Nào Tôi Phải Nộp?

Ngày 18 tháng 4, 2023 là ngày đến hạn nộp tờ khai thuế thu nhập năm 2022 nếu quý vị sử dụng niên lịch. Ngày đến hạn là 18 tháng 4 thay vì 15 tháng 4 tại vì lễ Ngày Giải Phóng tại Đặc Khu Columbia - ngay cả khi quý vị khu sống tại Đặc Khu Columbia. Để xem nhanh ngày đến hạn nộp tờ khai thuế có hoặc không có gia hạn thời gian nộp hồ sơ (được thảo luận sau), tham khảo [Bảng 1-5](#).

Nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chính (năm kết thúc vào ngày cuối cùng của bất kỳ tháng nào ngoại trừ tháng 12 hoặc năm có 52-53 tuần), thì tờ khai thuế thu nhập của quý vị sẽ đến hạn vào ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính của quý vị.

Bảng 1-5. Khi Nào Nộp Tờ Khai Năm 2022 của Quý Vị

Đối với công dân và thường trú nhân Hoa Kỳ nộp tờ khai thuế theo niên lịch.

	Đối với hầu hết người đóng thuế	Đối Với Một Số Người Nộp Thuế Ngoài Hoa Kỳ
Không có yêu cầu gia hạn	Ngày 18 tháng 4 năm 2023	Ngày 15 tháng 6 năm 2023
Gia hạn tự động	Ngày 16 tháng 10 năm 2023	Ngày 16 tháng 10 năm 2023

Khi ngày đến hạn để thực hiện bất kỳ hành động nào vì mục đích thuế - khai thuế, nộp thuế, v.v... - rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, thì ngày đến hạn sẽ được lùi đến ngày làm việc tiếp theo.

Nộp tờ khai bằng giấy đúng hạn. Tờ khai bằng giấy của quý vị sẽ được nộp đúng hạn nếu được gửi trong một phong bì để đúng địa chỉ, trả đủ bưu phí và được đóng dấu bưu điện trước ngày đến hạn. Nếu quý vị gửi tờ khai bằng thư bảo đảm, ngày đăng ký là ngày đóng dấu bưu điện. Đăng ký là bằng chứng cho thấy tờ khai đã được gửi. Nếu quý vị gửi tờ khai bằng thư bảo đảm và biên nhận của quý vị được nhân viên bưu điện đóng dấu bưu điện, thì ngày trên biên nhận là ngày đóng dấu bưu điện. Biên nhận thư có đóng dấu bưu điện là bằng chứng cho thấy tờ khai đã được gửi.

Dịch vụ chuyển phát tư nhân. Nếu quý vị chọn nộp tờ khai thuế qua đường bưu điện, quý vị có thể sử dụng dịch vụ chuyển phát tư nhân nhất định đã được IRS chỉ định để đáp ứng việc "gửi đúng thời hạn được coi như nộp/trả đúng thời hạn" quy tắc của nộp hồ sơ thuế và thanh toán. Các dịch vụ chuyển phát tư nhân chỉ bao gồm sau đây.

- DHL Express 9:00, DHL Express 10:30, DHL Express 12:00, DHL Express Worldwide, DHL Express Envelope, DHL Import Express 10:30, DHL Import Express 12:00, and DHL Import Express Worldwide.
- UPS Next Day Air Early A.M., UPS Next Day Air, UPS Next Day Air Saver, UPS 2nd Day Air, UPS 2nd Day Air A.M., UPS Worldwide Express Plus, and UPS Worldwide Express.
- FedEx First Overnight, FedEx Priority Overnight, FedEx Standard Overnight, FedEx 2 Day, FedEx International Next Flight Out, FedEx International Priority, FedEx International First, and FedEx International Economy.

Để kiểm tra thông tin cập nhật về danh sách dịch vụ chuyển phát tư nhân được chỉ định, truy cập [IRS.gov/PDS](https://www.irs.gov/PDS) (tiếng Anh). Để tìm địa chỉ gửi thư của IRS nếu quý vị sử dụng dịch vụ chuyển phát tư nhân, truy cập [IRS.gov/PDSStreetAddresses](https://www.irs.gov/PDSStreetAddresses) (tiếng Anh).

Dịch vụ chuyển phát tư nhân có thể cho quý vị biết cách lấy bằng chứng văn bản về ngày gửi thư.

Nộp tờ khai thuế điện tử đúng hạn. Nếu quý vị sử dụng hệ thống *e-file* của IRS, thì tờ khai thuế của quý vị được coi là nộp đúng hạn nếu đơn vị truyền gửi tờ khai thuế điện tử được ủy quyền đóng dấu bưu điện trước ngày đến hạn. Đơn vị truyền gửi tờ khai thuế điện tử được ủy quyền là thành viên chương trình *e-file* của IRS, đơn vị này sẽ truyền thông tin khai thuế điện tử trực tiếp đến IRS.

Dấu bưu điện điện tử là một bản ghi về thời điểm đơn vị truyền gửi tờ khai thuế điện tử được ủy quyền nhận được truyền gửi tờ khai thuế điện tử của quý vị trên hệ thống chủ. Ngày và giờ trong múi giờ của

quý vị quyết định liệu tờ khai thuế điện tử của quý vị có nộp đúng hạn hay không.

Nộp trễ hạn. Nếu quý vị không nộp tờ khai trước ngày đến hạn, quý vị có thể phải trả tiền lãi và hình phạt do không khai thuế. Để biết thêm thông tin, xem [Hình phạt](#), ở phần sau. Đồng thời tham khảo phần [Tiền lãi](#) trong mục [Số Tiền Quý Vị Nợ](#), ở phần sau.

Nếu đã đến hạn hoàn thuế nhưng quý vị không nộp tờ khai thuế, quý vị thường phải nộp tờ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn hoàn thuế (bao gồm thời gian gia hạn) để nhận số tiền hoàn thuế này.

Người nước ngoài tạm trú. Nếu quý vị là người nước ngoài tạm trú và nhận tiền lương chịu khấu lưu thuế thu nhập Hoa Kỳ, tờ khai thuế thu nhập Hoa Kỳ năm 2022 của quý vị (Mẫu 1040-NR) đến hạn vào:

- Ngày 18 tháng 4 năm 2023, nếu quý vị sử dụng niên lịch; hoặc
- Ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính, nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chính.

Nếu quý vị nhận tiền lương phải chịu khấu lưu thuế thu nhập của Hoa Kỳ, tờ khai thuế của quý vị đến hạn vào:

- Ngày 15 tháng 6 năm 2023 nếu quý vị sử dụng niên lịch; hoặc
- Ngày 15 của tháng thứ 6 sau khi kết thúc năm theo lịch tài chính, nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chính.

Xem Ấn Phẩm 519 để tìm hiểu thêm thông tin về khai thuế.

Khai thuế cho người quá cố. Nếu quý vị phải nộp tờ khai thuế thu nhập cuối cùng cho người đóng thuế đã qua đời trong năm (người quá cố), tờ khai thuế sẽ đến hạn vào ngày 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm tính thuế thường của người quá cố. Xem Ấn Phẩm 559.

Gia Hạn Thời Gian Nộp

Quý vị có thể được gia hạn thời gian nộp tờ khai. Có ba loại tình huống mà quý vị có thể đủ điều kiện để được gia hạn.

- Gia hạn tự động.
- Quý vị đang ở bên ngoài Hoa Kỳ.
- Quý vị đang phục vụ trong khu vực chiến sự.

Gia Hạn Tự Động

Nếu quý vị không thể nộp tờ khai thuế năm 2022 của mình trước ngày đến hạn, quý vị có thể được gia hạn 6 tháng tự động.

Ví dụ. Nếu tờ khai thuế của quý vị đến hạn vào ngày 18 tháng 4 năm 2023, quý vị sẽ có thêm thời gian cho đến ngày 16 tháng 10 năm 2023 để nộp.



Nếu quý vị không trả tiền thuế trước ngày đến hạn thông thường (ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết người đóng thuế), quý vị sẽ nợ tiền lãi. Quý vị cũng có thể bị tính phí phạt, được thảo luận sau.

Cách xin gia hạn tự động. Quý vị có thể xin gia hạn tự động bằng cách:

1. Sử dụng *e-file* (khai thuế điện tử) của IRS, hoặc
2. Nộp mẫu bằng giấy.

Tùy chọn e-file. Có hai cách quý vị có thể sử dụng *e-file* để gia hạn thời gian nộp. Hoàn thành Mẫu 4868 để sử dụng làm bằng tính. Nếu quý vị nghĩ rằng quý vị có thể nợ thuế khi nộp tờ khai, sử dụng *Part II (Phần II)* của mẫu để ước tính số nợ đến hạn. Nếu quý vị *e-file* Mẫu 4868 và gửi cho IRS, không gửi Mẫu 4868 bằng giấy.

Sử dụng máy tính cá nhân của quý vị hoặc thông qua một chuyên gia thuế để e-file. Quý vị có thể sử dụng gói phần mềm thuế với máy tính cá nhân của mình hoặc thông qua một chuyên gia thuế để nộp Mẫu 4868 bằng điện tử. Free File và các mẫu Free File Tự Động có sẵn tại IRS.gov, cho phép quý vị chuẩn bị và *e-file* Mẫu 4868 miễn phí. Quý vị sẽ cần cung cấp một số thông tin nhất định từ tờ khai thuế năm 2021 của mình. Nếu quý vị muốn thanh toán bằng cách chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình, tham khảo phần [Thanh toán trực tuyến](#) trong mục *Cách Trả Tiền*, ở phần sau của chương này.

E-file và thanh toán bằng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ hoặc chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của quý vị. Quý vị có thể được gia hạn bằng cách thanh toán một phần hoặc toàn bộ số thuế ước tính đến hạn bằng thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ hoặc bằng cách chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của quý vị. Quý vị có thể thực hiện việc này qua điện thoại hoặc Internet. Quý vị không nộp Mẫu 4868. Xem [Trả trực tuyến](#) trong mục *Cách Trả Tiền*, ở phần sau của chương này.

Nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Quý vị có thể xin gia hạn thời gian khai thuế bằng cách nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Nếu quý vị là người đóng thuế theo năm tài chính, quý vị phải nộp Mẫu 4868 bằng giấy. Gửi đến địa chỉ được nêu trong hướng dẫn của mẫu.

Nếu quý vị muốn thực hiện thanh toán với mẫu này, hãy viết séc hoặc lệnh phiếu trả cho "United States Treasury (Bộ Tài Chính Hoa Kỳ)." Ghi SSN, số điện thoại ban ngày và "2022 Form 4868 (Mẫu 4868 năm 2022)" trên séc hoặc lệnh phiếu của quý vị.

Khi nào nộp. Quý vị phải yêu cầu gia hạn tự động trước ngày đến hạn nộp tờ khai. Quý vị có thể nộp tờ khai bất kỳ lúc nào trước khi kết thúc thời gian gia hạn 6 tháng.

Khi nào nộp tờ khai của quý vị. Nhập khoản thanh toán mà quý vị đã thực hiện liên quan đến việc gia hạn thời gian khai thuế trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 10.

Cá Nhân Bên Ngoài Hoa Kỳ

Quý vị được cho phép tự động gia hạn 2 tháng, mà không cần nộp Mẫu 4868 (cho đến ngày 15 tháng 6 năm 2023, nếu quý vị sử dụng niên lịch), để nộp tờ khai năm 2022 và trả mọi khoản tiền thuế thu nhập liên bang đến hạn nếu:

1. Quý vị là công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ; và
2. Vào ngày đến hạn nộp tờ khai thuế:
 - a. Quý vị đang sống bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ và Puerto Rico, đồng thời địa điểm kinh doanh hoặc vị trí làm việc chính của quý vị ở bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ và Puerto Rico; hoặc
 - b. Quý vị đang phục vụ trong quân đội hoặc hải quân và đang làm nhiệm vụ bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ và Puerto Rico.

Tuy nhiên, nếu quý vị trả tiền thuế đến hạn sau ngày đến hạn thông thường (ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết mọi người đóng thuế), tiền lãi sẽ được tính từ ngày đó cho đến ngày thuế được trả.

Nếu quý vị phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc khu vực nhiệm vụ nguy hiểm đủ tiêu chuẩn, quý vị có thể đủ điều kiện xin gia hạn thời gian nộp lâu hơn. Xem [Cá Nhân Phục Vụ Trong Khu Vực Chiến Sự](#), ở phần sau để tìm hiểu những quy tắc đặc biệt áp dụng với quý vị.

Người đóng thuế đã kết hôn. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế chung, chỉ cần vợ hoặc chồng đáp ứng điều kiện gia hạn tự động này. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị nộp tờ khai thuế riêng, quy định gia hạn tự động chỉ áp dụng cho đối tượng đủ điều kiện.

Cách xin gia hạn. Để xin gia hạn tự động, quý vị phải gửi bản tường trình giải thích tình huống giúp quý vị đủ điều kiện xin gia hạn kèm theo tờ khai thuế. (Xem các tình huống được liệt kê trong mục (2) ở phần trên.)

Gia hạn sau 2 tháng. Nếu quý vị không thể nộp tờ khai thuế trong khoảng thời gian 2 tháng gia hạn tự động, quý vị có thể xin gia hạn thêm 4 tháng, tổng cộng là 6 tháng. Nộp Mẫu 4868 và đánh dấu vào ô ở dòng 8.

Không gia hạn thêm. Thông thường sẽ không được gia hạn hơn 6 tháng. Tuy nhiên, nếu quý vị ở bên ngoài Hoa Kỳ và đáp ứng các thử thách nhất định, quý vị có thể được gia hạn dài hơn. Để biết thêm thông tin, xem *When To File and Pay (Khi Nào Nộp và Trả Tiền)* trong Ấn Phẩm 54.

Cá Nhân Phục Vụ Trong Khu Vực Chiến Sự

Thời hạn nộp tờ khai thuế, trả tiền thuế mà quý vị nợ và nộp đơn yêu cầu hoàn thuế sẽ tự động được gia hạn nếu quý vị phục vụ trong khu vực chiến sự. Quy tắc này áp dụng cho thành viên của Lực Lượng Vũ Trang, cũng như thành viên đội thương thuyền phục vụ trên các tàu dưới quyền kiểm soát hoạt động của Bộ Quốc Phòng, nhân viên Hội Chữ Thập Đỏ, phóng viên được công nhận và dân thường dưới sự chỉ đạo của Lực Lượng Vũ Trang hỗ trợ cho Lực Lượng Vũ Trang.

Khu vực chiến sự. Khu vực chiến sự là bất kỳ khu vực nào được Tổng Thống Hoa Kỳ chỉ định thông qua lệnh hành pháp là khu vực mà Lực Lượng Vũ Trang Hoa Kỳ đang tham chiến hoặc đã tham chiến. Một khu vực sẽ trở thành khu vực chiến sự và không còn là khu vực chiến sự vào ngày do Tổng thống chỉ định thông qua lệnh hành pháp. Trong phạm vi gia hạn tự động, thuật ngữ "khu vực chiến sự" bao gồm những khu vực dưới đây.

1. Khu vực bán đảo Ả Rập, có hiệu lực từ ngày 17 tháng 1 năm 1991.

2. Khu vực Kosovo, có hiệu lực từ ngày 24 tháng 3 năm 1999.
3. Khu vực Afghanistan, có hiệu lực từ ngày 19 tháng 9 năm 2001.

Xem Ấn Phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin chi tiết về các địa điểm trong từng khu vực chiến sự. Ấn Phẩm 3 còn cung cấp thông tin về những quyền lợi thuế khác dành cho quân nhân phục vụ trong khu vực chiến sự.

Thời gian gia hạn. Thời hạn nộp tờ khai, trả tiền thuế đến hạn, nộp đơn yêu cầu hoàn thuế và thực hiện những hành động khác với IRS được gia hạn theo hai bước. Thứ nhất, thời hạn của quý vị được gia hạn thêm 180 ngày sau thời hạn muộn hơn của:

1. Ngày cuối cùng quý vị ở trong khu chiến sự hoặc ngày cuối cùng khu vực đó đáp ứng điều kiện là khu chiến sự, hoặc
2. Ngày cuối cùng của bất kỳ lần [nhập viện đủ tiêu chuẩn](#) liên tục nào (được định nghĩa ở phần sau) do chấn thương khi phục vụ ở khu chiến sự.

Thứ hai, ngoài 180 ngày, thời hạn của quý vị còn được gia hạn bằng số ngày còn lại để thực hiện hành động với IRS khi quý vị vào khu vực chiến sự. Ví dụ, quý vị có 3 $\frac{1}{2}$ tháng (1 tháng 1 – 15 tháng 4) để nộp tờ khai thuế. Số ngày còn lại trong khoảng thời gian này kể từ khi quý vị vào khu vực chiến sự (hoặc toàn bộ 3 $\frac{1}{2}$ tháng nếu quý vị vào khu vực chiến sự trước thời điểm đầu năm) sẽ được cộng vào 180 ngày. Xem *Gia Hạn Thời Hạn* trong Ấn Phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin.

Các quy tắc về gia hạn thời gian nộp tờ khai thuế cũng áp dụng khi quý vị được triển khai bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ (cách xa địa điểm đóng quân thường trực của quý vị) trong khi tham gia cuộc hành quân dự phòng được chỉ định.

Nhập viện đủ tiêu chuẩn. Việc nhập viện phải là kết quả của chấn thương gặp phải khi phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc khi tham gia hành quân dự phòng. Nhập viện đủ tiêu chuẩn có nghĩa là:

- Bất kỳ lần nhập viện nào bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ, và
- Nhập viện trong thời gian tối đa 5 năm ở trong lãnh thổ Hoa Kỳ.

Xem Ấn Phẩm 3 để tìm hiểu thêm thông tin về nhập viện đủ tiêu chuẩn.

Cách Chuẩn Bị Tờ Khai?

Phần này giải thích cách chuẩn bị sẵn sàng để điền tờ khai thuế cùng thời điểm khai báo thu nhập và chi phí của quý vị. Phần này cũng giải thích cách hoàn thành các mục nhất định trên mẫu. [Bảng 1-6](#) có thể giúp ích cho quý vị khi chuẩn bị tờ khai bằng giấy.

Bảng 1-6. Sáu Bước để Chuẩn Bị Tờ Khai Bằng Giấy

1	— Tập hợp hồ sơ về thu nhập và chi phí của quý vị.
2	— Lấy các mẫu đơn, bản liệt kê và ấn phẩm mà quý vị cần.
3	— Điền tờ khai của quý vị.
4	— Kiểm tra tờ khai để đảm bảo thông tin chính xác.
5	— Ký tên và ghi ngày trên tờ khai của quý vị.
6	— Đính kèm tất cả các mẫu đơn và bản liệt kê theo yêu cầu.

Tờ khai thuế điện tử. Để tìm hiểu thông tin mà quý vị có thể thấy hữu ích khi chuẩn bị tờ khai thuế điện tử, tham khảo mục [Tai Sao Tôi Nên Khai Thuế Điện Tử?](#), ở phần trên.

Mẫu đơn thuế thay thế. Quý vị không thể sử dụng mẫu đơn thuế của riêng quý vị trừ trường hợp mẫu đơn này đáp ứng những yêu cầu được giải thích trong Ấn Phẩm 1167.

Mẫu W-2. Nếu quý vị là người lao động, quý vị sẽ nhận được Mẫu W-2 từ chủ lao động của mình. Quý vị sẽ cần thông tin từ mẫu này để chuẩn bị tờ khai thuế. Xem [Mẫu W-2](#) trong mục [Giảm Thuế cho Khấu Lưu và Thuế Ước Tính Năm 2022](#) ở chương 4.

Đơn vị sử dụng lao động của quý vị phải cung cấp hoặc gửi Mẫu W-2 cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2023. Nếu mẫu đơn này được gửi qua đường bưu điện, quý vị nên dành đủ thời gian để nhận trước khi liên hệ với chủ lao động. Nếu quý vị vẫn không nhận được mẫu đơn trước đầu tháng 2, IRS có thể giúp quý vị bằng cách yêu cầu chủ lao động cung cấp mẫu này. Khi quý vị yêu cầu trợ giúp từ IRS, hãy chuẩn bị cung cấp những thông tin sau.

- Tên, địa chỉ (bao gồm mã bưu điện) và số điện thoại của quý vị.
- SSN của quý vị.
- Ngày nhận việc của quý vị.
- Tên, địa chỉ (bao gồm mã bưu điện) và số điện thoại của chủ lao động.

Mẫu 1099. Nếu quý vị nhận được một số hình thức thu nhập nhất định, quý vị có thể nhận được Mẫu 1099. Ví dụ, nếu quý vị nhận được tiền lãi chịu thuế từ \$10 trở lên, người trả tiền phải cung cấp hoặc gửi Mẫu 1099 cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2023 (hoặc trước ngày 15 tháng 2 năm 2023, nếu do người môi giới cung cấp). Nếu mẫu đơn này được gửi qua đường bưu điện, quý vị nên dành đủ thời gian để nhận trước khi liên hệ với người trả tiền. Nếu quý vị vẫn không nhận được mẫu đơn muộn nhất vào ngày 15 tháng 2 (hoặc ngày 1 tháng 3 năm 2023, nếu do người môi giới cung cấp), hãy gọi đến IRS để được trợ giúp.

Khi Nào Khai Báo Thu Nhập và Chi Phí?

Quý vị phải tính thu nhập chịu thuế trên cơ sở năm chịu thuế. “Năm thuế” là chu kỳ kế toán hàng năm được sử dụng để lưu giữ hồ sơ cũng như để báo cáo thu nhập và chi phí. Quý vị phải hạch toán thu nhập và chi phí của mình theo cách thể hiện rõ ràng thu nhập chịu thuế của quý vị. Cách quý vị thực hiện

quy trình hạch toán được gọi là phương pháp kế toán. Phần này giải thích quý vị có thể sử dụng những chu kỳ và phương pháp kế toán nào.

Chu Kỳ Kế Toán

Hầu hết tờ khai thuế cá nhân áp dụng một niên lịch - 12 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Nếu quý vị không sử dụng niên lịch, chu kỳ kế toán của quý vị là năm theo lịch tài chính. Năm theo lịch tài chính thông thường là khoảng thời gian 12 tháng kết thúc vào ngày cuối cùng của bất kỳ tháng nào ngoại trừ tháng 12. Năm tài chính 52-53 tuần thay đổi từ 52 đến 53 tuần và luôn kết thúc vào cùng một ngày trong tuần.

Quý vị chọn chu kỳ kế toán (năm thuế) khi nộp tờ khai thuế thu nhập lần đầu. Chu kỳ kế toán không thể dài hơn 12 tháng.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về chu kỳ kế toán, bao gồm cách thay đổi chu kỳ kế toán của quý vị, tham khảo Ấn Phẩm 538.

Phương Pháp Kế Toán

Phương pháp kế toán của quý vị là cách quý vị hạch toán thu nhập và chi phí của mình. Hầu hết người đóng thuế sử dụng phương pháp thu chi bằng tiền mặt hoặc phương pháp kế toán tích lũy. Quý vị chọn phương pháp kế toán khi nộp tờ khai thuế thu nhập lần đầu. Nếu quý vị muốn thay đổi phương pháp kế toán của mình sau đó, quý vị thường phải xin chấp thuận của IRS. Sử dụng Mẫu 3115 để đề nghị thay đổi phương pháp kế toán.

Phương pháp tiền mặt. Nếu quý vị sử dụng phương pháp này, hãy khai báo tất cả các khoản thu nhập trong năm mà quý vị nhận được trên thực tế hoặc suy định. Thông thường, quý vị sẽ khấu trừ tất cả các chi phí trong năm mà quý vị thực sự chi trả. Đây là phương pháp mà hầu hết cá nhân đóng thuế sử dụng.

Khoản nhận suy định. Nói chung, quý vị nhận thu nhập suy định khi số tiền này được ghi có vào tài khoản của quý vị hoặc để sẵn cho quý vị tự do sử dụng. Quý vị không cần thực sự sở hữu khoản tiền đó. Ví dụ, tiền lãi được ghi có trên tài khoản ngân hàng của quý vị vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ là thu nhập chịu thuế đối với quý vị trong năm 2022 nếu quý vị có thể rút tiền trong năm 2022 (ngay cả khi số tiền không được nhập trong hồ sơ của quý vị hoặc tới năm 2023 quý vị mới rút số tiền này).

Sai áp tiền lương. Nếu chủ lao động dùng tiền lương của quý vị để trả các khoản nợ của quý vị, hoặc nếu tiền lương của quý vị bị lệnh tịch biên hoặc sai áp, toàn bộ khoản tiền này được coi là khoản nhận suy định của quý vị. Quý vị phải bao gồm khoản tiền lương này vào tổng thu nhập trong năm quý vị nhận được.

Các khoản nợ đã trả cho quý vị. Nếu một người khác xóa bỏ hoặc trả các khoản nợ của quý vị (nhưng không phải dưới hình thức quà tặng hoặc khoản vay), số tiền này được coi là khoản nhận suy định của quý vị và thông thường quý vị phải bao gồm khoản tiền này vào tổng thu nhập trong năm. Xem [Các Khoản Nợ Được Xóa Bỏ](#) ở chương 8 để tìm hiểu thêm thông tin.

Thanh toán cho bên thứ ba. Nếu bên thứ ba được trả bằng thu nhập từ tài sản mà quý vị sở hữu, phần thu nhập này được coi là khoản nhận suy định của quý vị. Tình huống này giống như khi quý vị thực sự nhận được thu nhập và sau đó mang trả cho bên thứ ba.

Thanh toán cho người đại diện. Thu nhập mà người đại diện nhận cho quý vị là thu nhập nhận suy định của quý vị trong năm mà người đại diện nhận được. Nếu quý vị nêu rõ trong hợp đồng rằng thu nhập của quý vị sẽ được trả cho người khác, quý vị phải bao gồm vào tổng thu nhập của mình khi người đó nhận được số tiền này.

Séc đã nhận hoặc khả dụng. Séc hợp lệ được cung cấp cho quý vị trước khi kết thúc năm thuế là khoản nhận suy định của quý vị trong năm đó. Séc được “cung cấp cho quý vị” bao gồm séc quý vị đã nhận được, nhưng chưa chuyển thành tiền mặt hoặc ký thác. Ví dụ, séc trả lương cuối cùng trong năm mà chủ lao động gửi cho quý vị để nhận tại văn phòng trước khi kết thúc năm. Séc này được coi là khoản nhận suy định của quý vị trong năm đó cho dù quý vị có nhận được séc định kỳ kết thúc năm hay không hoặc đợi nhận séc qua đường bưu điện sau khi kết thúc năm.

Không phải là khoản nhận suy định. Có thể có những dữ kiện cho thấy quý vị đã không nhận thu nhập suy định.

Ví dụ. Người đóng thuế Z, là một giáo viên, đã đồng ý với điều kiện của hội đồng nhà trường rằng, khi Z vắng mặt, Z sẽ chỉ nhận được phần chênh lệch giữa lương bình thường và lương của giáo viên dạy thay do hội đồng nhà trường thuê. Vì vậy, Z đã không nhận suy định số tiền lương bị giảm để trả cho giáo viên dạy thay.

Phương pháp tích lũy. Nếu quý vị sử dụng phương pháp tích lũy, quý vị thường khai báo thu nhập khi kiểm được thay vì khi nhận được. Thông thường, quý vị sẽ khấu trừ chi phí của mình tại thời điểm phát sinh thay vì tại thời điểm quý vị thanh toán những chi phí này.

Thu nhập được ứng trước. Thu nhập được ứng trước thường được bao gồm vào tổng thu nhập trong năm quý vị nhận được. Phương pháp kế toán của quý vị không ảnh hưởng đến quy tắc này miễn là thu nhập khả dụng đối với quý vị. Khoản ứng trước có thể bao gồm tiền thuê hoặc tiền lãi mà quý vị nhận trước và tiền trả cho các dịch vụ mà quý vị sẽ thực hiện sau đó.

Có thể được cho phép hoãn thuế có giới hạn cho đến năm chịu thuế tiếp theo đối với một số khoản trả trước. Xem Ấn Phẩm 538 để tìm hiểu thông tin cụ thể.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về các phương pháp kế toán, bao gồm cách thay đổi phương pháp kế toán của quý vị, tham khảo Ấn Phẩm 538.

Số An Sinh Xã hội (SSN)

Quý vị phải nhập SSN trên tờ khai. Nếu quý vị đã kết hôn, hãy nhập SSN cho quý vị và vợ/chồng của quý vị, cho dù quý vị khai thuế chung hay riêng.

Nếu quý vị khai thuế chung, nhập SSN tương ứng với thứ tự tên. Sử dụng thứ tự này khi gửi các mẫu đơn và tài liệu khác cho IRS.



Khi khai thuế chung, nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị không có SSN (hoặc ITIN) được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn của tờ khai thuế năm 2022 (bao gồm thời gian gia hạn), quý vị không thể yêu cầu một số lợi ích thuế nhất định trên tờ khai thuế năm 2022 ban đầu hoặc điều chỉnh.


Sau khi quý vị được cấp SSN, hãy sử dụng nó để nộp tờ khai thuế. Sử dụng SSN của quý vị để nộp

tờ khai thuế ngay cả khi SSN của quý vị không cho phép làm việc hoặc nếu quý vị đã được cấp một SSN cho phép làm việc và quý vị bị mất giấy phép làm việc của mình. ITIN sẽ không được cấp cho quý vị sau khi quý vị đã được cấp SSN. Nếu quý vị đã nhận được SSN của mình sau khi sử dụng ITIN trước đó, hãy ngừng sử dụng ITIN của quý vị. Sử dụng SSN của quý vị thay vào đó.

Kiểm tra để đảm bảo rằng tên và SSN trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, W-2 và 1099 khớp với thông tin trên thẻ an sinh xã hội của quý vị. Nếu không, một số khoản khấu trừ và tín thuế trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR có thể bị giảm hoặc không được cho phép và quý vị có thể không nhận được ghi có cho thu nhập an sinh xã hội. Nếu Mẫu W-2 hiển thị SSN hoặc tên không chính xác, thông báo cho chủ lao động của quý vị hoặc người đại diện phát hành mẫu đơn càng sớm càng tốt để đảm bảo thu nhập của quý vị được ghi có vào hồ sơ an sinh xã hội. Nếu tên hoặc SSN trên thẻ an sinh xã hội của quý vị không chính xác, hãy gọi cho Sở An Sinh Xã Hội (SSA) theo số 800-772-1213.

Thay đổi tên. Nếu quý vị thay đổi tên của mình vì kết hôn, ly hôn, v.v..., quý vị phải khai báo thay đổi cho văn phòng SSA địa phương trước khi nộp tờ khai thuế. Thủ tục này giúp tránh chậm trễ trong quá trình xử lý tờ khai thuế và hoàn thuế cho quý vị. Thủ tục này cũng bảo vệ quyền lợi an sinh xã hội trong tương lai của quý vị.

SSN của người phụ thuộc. Quý vị phải cung cấp SSN của từng người phụ thuộc mà quý vị khai, bất kể tuổi của người phụ thuộc. Yêu cầu này áp dụng đối với tất cả người phụ thuộc (không chỉ trẻ em của quý vị) được khai trên tờ khai thuế của quý vị.

 **Trẻ em của quý vị phải có SSN hợp lệ cho việc làm được cấp trước ngày đến hạn của tờ khai thuế năm 2022 (bao gồm thời gian gia hạn) để được coi là trẻ đủ điều kiện nhận một số lợi ích thuế nhất định trên tờ khai thuế năm 2022 ban đầu hoặc điều chỉnh của quý vị. Xem [chương 14](#).**

Trường hợp ngoại lệ. Nếu trẻ em của quý vị sinh ra và qua đời trong năm 2022 và không có SSN, hãy nhập "DIED (ĐÃ QUA ĐỜI)" vào cột (2) của phần Dependents (Người phụ thuộc) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và đính kèm bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử hoặc hồ sơ bệnh viện của trẻ. Tài liệu phải chứng minh rằng trẻ còn sống khi sinh.

Không có SSN. Nộp Mẫu SS-5, Đơn Xin Cấp Thẻ An Sinh Xã Hội tới văn phòng SSA địa phương để xin cấp SSN cho quý vị hoặc người phụ thuộc của quý vị. Bình thường kéo dài khoảng 2 tuần để nhận được SSN. Nếu quý vị hoặc người phụ thuộc của quý vị không đủ điều kiện xin SSN, tham khảo mục [Mã số thuế cá nhân \(ITIN\)](#), ở phần sau.

Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú, quý vị phải xuất trình bằng chứng về tuổi, danh tính và quốc tịch hoặc tình trạng người nước ngoài với Mẫu SS-5. Nếu quý vị từ 12 tuổi trở lên và chưa bao giờ được cấp SSN, quý vị phải trực tiếp mang bằng chứng này đến văn phòng SSA.

Mẫu SS-5 được cung cấp tại văn phòng SSA, trên Internet tại [SSA.gov/forms/ss-5.pdf \(tiếng Anh\)](#), hoặc bằng cách gọi đến số 800-772-1213. Nếu quý vị có bất kỳ câu hỏi nào về những tài liệu mà quý vị có thể sử dụng làm bằng chứng về tuổi tác, danh tính hoặc quốc tịch, hãy liên hệ với văn phòng SSA.

Nếu người phụ thuộc của quý vị không có SSN vào thời điểm đến hạn nộp tờ khai thuế, quý vị có thể muốn xin gia hạn thời gian khai thuế, như đã giải thích ở phần trên trong mục [Khi Nào Tôi Phải Nộp](#).

Nếu quý vị không cung cấp SSN theo yêu cầu hoặc nếu quý vị cung cấp SSN không chính xác, tiền thuế của quý vị có thể tăng và tiền hoàn thuế có thể giảm.

Mã số thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN). Nếu quý vị đang trong quá trình xin nhận con nuôi là công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ và không thể xin cấp SSN cho trẻ cho đến khi thủ tục nhận con nuôi hoàn tất, quý vị có thể xin cấp ATIN để sử dụng thay vì SSN.

Nộp Mẫu W-7A, Đơn Xin Mã Số Thuế cho Việc Nhận Con Nuôi ở Hoa Kỳ Đang Chờ Xử Lý cho IRS để xin cấp ATIN nếu tất cả những điều dưới đây đều đúng.

- Quý vị có trẻ sống chung với quý vị và trẻ đã được đưa đến nhà quý vị để làm con nuôi hợp pháp.
- Quý vị không thể lấy SSN hiện có của trẻ mặc dù quý vị đã cố gắng hợp lý để lấy SSN từ cha mẹ đẻ, cơ quan sắp xếp nhận con nuôi và những người khác.
- Quý vị không thể lấy SSN cho trẻ từ SSA do thủ tục nhận con nuôi chưa hoàn tất.
- Quý vị có đủ điều kiện để khai trẻ là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của mình.

Sau khi thủ tục nhận con nuôi hoàn tất, quý vị phải nộp đơn xin cấp SSN cho trẻ. Quý vị không thể tiếp tục sử dụng ATIN.

Xem Mẫu W-7A để thêm thông tin.


Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú. Nếu vợ/chồng của quý vị là người nước ngoài tạm trú, vợ/chồng của quý vị phải có SSN hoặc ITIN nếu:


- Quý vị nộp tờ khai thuế chung, hoặc
- Vợ/chồng của quý vị nộp tờ khai thuế riêng.

Nếu vợ/chồng của quý vị không đủ điều kiện xin cấp SSN, tham khảo [phần thảo luận dưới đây về ITIN](#).

Mã số thuế cá nhân (ITIN). IRS sẽ cấp cho quý vị ITIN nếu quý vị là người nước ngoài tạm trú hoặc thường trú và quý vị không có cũng như không đủ điều kiện xin cấp SSN. Quy định này cũng áp dụng cho vợ/chồng hoặc người phụ thuộc là người nước ngoài. Để đăng ký ITIN, nộp Mẫu W-7 cho IRS. Quy trình này thường kéo dài khoảng 7 tuần trước khi quý vị nhận được ITIN. Nhập ITIN trên tờ khai thuế của quý vị ở bất kỳ mục nào yêu cầu SSN.

Đảm bảo rằng ITIN của quý vị chưa hết hạn. Xem [Gia hạn mã số thuế cá nhân \(ITIN\)](#), trước đó, để biết thêm thông tin về hết hạn và gia hạn ITIN. Quý vị có thể tìm hiểu thêm thông tin tại [IRS.gov/ITIN](#).

 **Nếu quý vị đang nộp đơn xin cấp ITIN cho bản thân, vợ/chồng hoặc người phụ thuộc của quý vị để khai thuế, hãy gửi kèm tờ khai thuế hoàn chỉnh với Mẫu W-7 của quý vị. Xem hướng dẫn Mẫu W-7 để biết cách thức và nơi nộp đơn.**

 **Quý vị không thể e-file tờ khai với ITIN trong niên lịch mà ITIN được cấp; tuy nhiên, quý vị có thể e-file tờ khai trong những năm tiếp theo.**

ITIN chỉ sử dụng cho thuế. ITIN chỉ sử dụng cho thuế liên bang. Mã này không mang lại cho quý vị quyền lợi an sinh xã hội hay thay đổi tình trạng việc làm hoặc nhập cư của quý vị theo luật Hoa Kỳ.

Hình phạt cho hành vi không cung cấp số an sinh xã hội. Nếu quý vị không cung cấp SSN của

quý vị hoặc SSN của vợ/chồng hoặc người phụ thuộc của quý vị theo yêu cầu, quý vị có thể phải trả tiền phạt. Xem nội dung thảo luận về [Hình phạt](#), ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin.

SSN trên thư từ. Nếu quý vị gửi thư cho IRS về tài khoản thuế của mình, bao gồm SSN của quý vị (cùng tên và SSN của vợ/chồng quý vị, nếu quý vị khai thuế chung) trong thư. Vì SSN được dùng để xác định tài khoản của quý vị, điều này giúp IRS kịp thời phản hồi thư của quý vị.

Quý Vận Động Tranh Cử Tổng Thống

Quý này tài trợ các chiến dịch tranh cử Tổng thống. Quý cũng tài trợ cho các nghiên cứu nhi khoa. Nếu quý vị muốn đóng góp \$3 vào quỹ này, vui lòng đánh dấu vào ô. Nếu quý vị khai thuế chung, vợ/chồng của quý vị cũng có thể đóng góp \$3 vào quỹ. Nếu quý vị đánh dấu ô này, tiền thuế hoặc tiền hoàn thuế của quý vị sẽ không thay đổi.

Tính toán

Thông tin sau đây có thể hữu ích cho quá trình hoàn thiện tờ khai thuế.

Làm tròn. Quý vị có thể làm tròn số tiền xu trên tờ khai và các bảng liệt kê. Nếu quý vị làm tròn, quý vị phải làm tròn tất cả các khoản tiền. Để làm tròn, giảm số tiền dưới 50 xu và tăng số tiền từ 50 đến 99 xu đến đồng đô la tiếp theo. Ví dụ, \$1,39 sẽ được làm tròn thành \$1 và \$2,50 sẽ được làm tròn thành \$3.

Nếu quý vị phải thêm hai hoặc nhiều khoản để tính số tiền cần nhập trên một dòng, giữ nguyên phần xu lẻ khi cộng và chỉ làm tròn tổng số.


Nếu quý vị nhập số tiền bao gồm phần xu lẻ, hãy nhớ sử dụng dấu thập phân. Không có cột xu trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Số tiền bằng nhau. Nếu quý vị được yêu cầu nhập số tiền nhỏ hơn hoặc lớn hơn trong hai số tiền bằng nhau, hãy nhập số tiền đó.

Số tiền âm. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế bằng giấy và quý vị cần nhập số tiền âm, đặt số tiền đó trong dấu ngoặc đơn thay vì sử dụng dấu trừ. Để cộng số tiền dương và số âm, cộng tất cả các số tiền dương với nhau rồi trừ đi số tiền âm.

Đính kèm

Tùy thuộc vào hình thức quý vị nộp tờ khai thuế và khoản mục được khai báo trên tờ khai thuế của quý vị, quý vị có thể phải hoàn thành các bảng liệt kê và mẫu đơn bổ sung đồng thời đính kèm vào tờ khai giấy của quý vị.

 **Quý vị có thể nộp tờ khai không giấy bằng cách sử dụng e-file của IRS. Quý vị không phải đính kèm hay gửi bất kỳ mẫu đơn nào, kể cả Mẫu W-2 của quý vị. Xem [Tai Sao Tôi Nên Khai Thuế Điện Tử](#), ở phần trên.**

Mẫu W-2. Mẫu W-2 là báo cáo từ chủ lao động của quý vị về tiền lương và các khoản thù lao khác đã trả cho quý vị cũng như các khoản thuế đã khấu trừ từ lương của quý vị. Quý vị sẽ nhận Mẫu W-2 từ mỗi chủ lao động. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm bản sao Mẫu W-2 vào vị trí chỉ định trên tờ khai thuế của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem [Mẫu W-2](#) trong chương 4.

Mẫu 1099-R. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-R cho biết thuế thu nhập liên bang đã khấu trừ và quý vị nộp tờ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm bản sao mẫu này vào vị trí chỉ định trên tờ khai thuế của quý vị.

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm các mẫu đơn và bảng liệt kê vào sau Mẫu 1040 hoặc 1040-SR theo "Attachment Sequence No. (Số Thứ Tự Đính Kèm)" hiển thị ở góc trên bên phải của mẫu đơn hoặc bảng liệt kê. Sau đó, sắp xếp tất cả các báo cáo hoặc bảng liệt kê đính kèm khác có liên quan theo thứ tự tương ứng với các mẫu đơn và bảng liệt kê và đính kèm vào sau cùng. Không đính kèm những tài liệu không cần thiết.

Người Được Chỉ Định Làm Bên Thứ Ba

Nếu quý vị muốn cho phép người khai thuế, một người bạn, người nhà hoặc bất kỳ người nào khác do quý vị chọn để thảo luận về tờ khai thuế 2022 với IRS, hãy đánh dấu vào ô "Yes (Có)" trong mục "Third Party Designee (Người Được Chỉ Định Làm Bên Thứ Ba)" trên tờ khai thuế của quý vị. Ngoài ra, nhập tên, số điện thoại của người được chỉ định và năm chữ số mà người được chỉ định chọn làm mã số nhận diện cá nhân (PIN).

Nếu quý vị đánh dấu vào ô "Yes (Có)", quý vị và vợ/chồng quý vị trong trường hợp khai thuế chung, sẽ cho phép IRS gọi cho người được chỉ định để trả lời mọi câu hỏi phát sinh trong quá trình xử lý tờ khai thuế của quý vị. Quý vị cũng ủy quyền cho người được chỉ định:

- Cung cấp thông tin còn thiếu trong tờ khai của quý vị cho IRS;
- Gọi cho IRS để biết thông tin về việc xử lý tờ khai thuế hoặc tình trạng hoàn thuế hoặc các khoản thanh toán của quý vị;
- Nhận bản sao của các thông báo hoặc bản ghi liên quan đến tờ khai thuế của quý vị, theo yêu cầu; và
- Trả lời một số thông báo nhất định của IRS về lỗi toán học, bù trừ (xem phần [Hoàn thuế](#) ở sau) và sự chuẩn bị tờ khai thuế.

Quý vị không ủy quyền cho người được chỉ định nhận séc hoàn thuế, ràng buộc quý vị bởi bất kỳ điều khoản nào (bao gồm nghĩa vụ thuế bổ sung) hoặc đại diện cho quý vị trước IRS. Nếu quý vị muốn mở rộng phạm vi ủy quyền cho người được chỉ định, tham khảo Ấn Phẩm 947.

Việc ủy quyền sẽ tự động hết hiệu lực không muộn hơn ngày đến hạn (không kể gia hạn) nộp tờ khai thuế năm 2023. Ngày này là ngày 15 tháng 4 năm 2024, đối với hầu hết mọi người.

Xem hướng dẫn cho mẫu đơn của quý vị để tìm hiểu thêm thông tin.

Chữ ký

Quý vị phải ký tên và ghi ngày trên tờ khai thuế. Nếu quý vị khai thuế chung, cả quý vị và vợ/chồng của quý vị phải ký tên trên tờ khai thuế, kể cả khi chỉ một trong hai người có thu nhập.



Nếu quý vị khai thuế chung, cả hai vợ chồng thường phải chịu thuế và toàn bộ nghĩa vụ thuế có thể được tính cho một trong hai người phối ngẫu. Xem [chương 2](#).

Tờ khai của quý vị không được coi là tờ khai hợp lệ trừ khi quý vị ký tên theo các yêu cầu trong hướng dẫn cho tờ khai.

Quý vị phải ký tay chữ ký của mình trên tờ khai nếu quý vị nộp bằng giấy. Chữ ký kỹ thuật số, điện tử hoặc chữ ký đánh máy không phải là chữ ký hợp lệ cho Mẫu 1040 hoặc 1040-SR được nộp trên giấy.

Nếu quý vị khai thuế bằng điện tử, quý vị có thể sử dụng chữ ký điện tử để ký vào tờ khai thuế của mình theo các yêu cầu trong hướng dẫn của tờ khai.

Việc quý vị không ký vào tờ khai thuế theo các yêu cầu này có thể khiến quý vị không được hoàn thuế.

Nhập nghề nghiệp của quý vị. Nếu quý vị khai thuế chung, hãy nhập cả nghề nghiệp của quý vị và nghề nghiệp của vợ/chồng quý vị.

Khi nào người khác có thể ký thay quý vị. Quý vị có thể chỉ định người đại diện ký tên vào tờ khai thuế của quý vị nếu quý vị:

1. Không thể ký tờ khai thuế vì bệnh tật hoặc thương tích,
2. Vắng mặt tại Hoa Kỳ trong ít nhất 60 ngày liên tục trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế, hoặc
3. Được văn phòng IRS tại khu vực của quý vị cho phép làm như vậy.

Giấy ủy quyền. Tờ khai thuế có chữ ký của người đại diện trong bất kỳ trường hợp nào trên đây phải có giấy ủy quyền (POA) đính kèm cho phép người đại diện ký thay quý vị. Quý vị có thể sử dụng POA nêu rõ người đại diện được ủy quyền ký tờ khai thuế hoặc quý vị có thể sử dụng Mẫu 2848. Phần I của Mẫu 2848 phải nêu rõ rằng người đại diện được ủy quyền ký tờ khai thuế.

Người bảo hộ, người giám hộ hoặc người được ủy thác khác do tòa án chỉ định. Nếu quý vị là người bảo hộ, người giám hộ hoặc người được ủy thác khác do tòa án chỉ định cho một cá nhân không đủ năng lực về tinh thần hoặc thể chất phải khai thuế, hãy ký tên của quý vị cho cá nhân đó. Nộp Mẫu 56.

Không thể ký. Nếu người đóng thuế có đủ năng lực về tinh thần nhưng không thể ký vào tờ khai thuế hoặc POA, "chữ ký" hợp lệ được xác định theo luật tiểu bang. Chữ ký hợp lệ có thể là bất cứ hình thức nào thể hiện rõ ràng ý định ký của người đóng thuế. Ví dụ, chữ "X" của người đóng thuế với chữ ký của hai nhân chứng có thể được coi là chữ ký hợp lệ theo luật tiểu bang.

Vợ/chồng không thể ký. Nếu vợ/chồng của quý vị không thể ký vì bất kỳ lý do gì, tham khảo mục [Ký tờ khai thuế chung](#) ở chương 2.

Tờ khai của trẻ em. Nếu trẻ phải khai thuế nhưng không thể ký vào tờ khai thuế, cha mẹ, người giám hộ của trẻ hoặc một người chịu trách nhiệm pháp lý khác phải ký tên của trẻ, tiếp đó ghi "By (Bởi) (chữ ký của quý vị), parent for minor child (cha mẹ của trẻ vị thành niên)."

Người khai thuế được trả tiền

Thông thường, bất kỳ ai được quý vị trả tiền để chuẩn bị, hỗ trợ chuẩn bị hoặc xem xét tờ khai thuế của quý vị phải ký tên và điền vào các ô trống khác, bao gồm Mã Số Thuế của Người Khai Thuế (PTIN), trong phần dành cho người khai thuế được trả tiền trên tờ khai thuế của quý vị.

Nhiều người khai thuế được yêu cầu *e-file* cho tờ khai thuế mà họ chuẩn bị. Họ ký tờ khai *e-file* bằng phần mềm khai thuế của mình. Tuy nhiên, quý vị có thể chọn hoàn thành tờ khai thuế trên giấy nếu muốn. Trong trường hợp này, người khai thuế được trả tiền có thể ký vào tờ khai thuế bằng tay, sử dụng con dấu cao su hoặc thiết bị cơ khí. Người khai thuế phải chịu trách nhiệm cá nhân cho việc đóng dấu chữ ký của mình trên tờ khai thuế.

Nếu người khai thuế là người tự kinh doanh (nghĩa là không được thuê bởi bất kỳ cá nhân hay doanh nghiệp nào để chuẩn bị tờ khai thuế), họ cần đánh dấu vào ô tự kinh doanh trong phần "Paid Preparer Use Only (Chỉ Dành Cho Người Khai Thuế Được Trả Tiền)" trên tờ khai thuế.

Người khai thuế phải cung cấp cho quý vị bản sao tờ khai thuế của quý vị ngoài bản sao đã nộp cho IRS.

Nếu quý vị tự chuẩn bị tờ khai thuế, để trống phần này. Nếu người khác chuẩn bị tờ khai thuế cho quý vị và không tính phí, người đó không nên ký vào tờ khai thuế của quý vị.

Nếu quý vị có thắc mắc về việc liệu người khai thuế có phải ký vào tờ khai thuế của quý vị hay không, liên hệ với bất kỳ một văn phòng nào của IRS.

Hoàn thuế

Khi hoàn thành tờ khai thuế của mình, quý vị sẽ xác định liệu quý vị có trả nhiều thuế thu nhập hơn số tiền quý vị nợ hay không. Nếu có, quý vị có thể được hoàn lại số tiền đã trả thừa hoặc quý vị có thể chọn áp dụng toàn bộ hoặc một phần khoản thanh toán vượt mức cho tiền thuế ước tính của năm tiếp theo (2023).



Nếu quý vị chọn áp dụng khoản thanh toán vượt mức năm 2022 cho tiền thuế ước tính năm 2023, quý vị không thể thay đổi quyết định và sẽ không được hoàn thuế sau ngày đến hạn (không có gia hạn) của tờ khai thuế năm 2022.

Làm theo Hướng dẫn cho Mẫu 1040 để hoàn thành các mục nhập để yêu cầu hoàn thuế và/hoặc để áp dụng khoản thanh toán vượt mức cho tiền thuế ước tính năm 2023.



Nếu số tiền hoàn thuế cho năm 2022 lớn, quý vị có thể muốn giảm số thuế thu nhập khấu trừ từ lương của mình trong năm 2023. Xem [chương 4](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

DIRECT DEPOSIT Thay vì nhận séc giấy, quý vị có thể yêu cầu ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản thanh toán hoặc tài khoản tiết kiệm của quý vị, bao gồm tài khoản hưu trí cá nhân (IRA). Làm theo Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 để yêu cầu ký gửi trực tiếp. Nếu không thể ký gửi trực tiếp, IRS sẽ gửi séc.

Không yêu cầu ký gửi tiền hoàn thuế vào tài khoản không đứng tên quý vị. Không cho phép người khai thuế chuyển tiền hoàn thuế của quý vị vào tài khoản của họ. Số lần ký gửi trực tiếp vào một tài khoản hoặc thẻ ghi nợ trả trước được giới hạn trong ba lần hoàn thuế một năm. Sau khi vượt quá giới hạn này, séc giấy sẽ được gửi thay thế. Tìm hiểu thêm tại [IRS.gov/Individuals/Direct-Deposit-Limits \(tiếng Anh\)](#).

IRA. Quý vị có thể yêu cầu ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế (hoặc một phần) vào IRA truyền thống, IRA Roth hoặc SEP-IRA, nhưng không thể yêu cầu chuyển vào IRA SIMPLE. Quý vị phải thiết lập IRA tại

một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính trước khi yêu cầu ký gửi trực tiếp.

TreasuryDirect®. Quý vị có thể yêu cầu ký gửi tiền hoàn thuế vào tài khoản trực tuyến của TreasuryDirect® để mua chứng khoán khả mại và trái phiếu tiết kiệm của Bộ Tài Chính Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, truy cập <https://TreasuryDirect.gov> (tiếng Anh).

Chia nhỏ tiền hoàn thuế. Nếu quý vị chọn hình thức ký gửi trực tiếp, quý vị có thể chia nhỏ tiền hoàn thuế và ký gửi vào hai hoặc ba tài khoản hoặc mua trái phiếu tiết kiệm sê-ri I bằng giấy hoặc điện tử trị giá tối đa \$5.000. Hoàn thành Mẫu 8888 và đính kèm vào tờ khai thuế của quý vị.

Thanh toán vượt mức ít hơn một đô la. Nếu khoản thanh toán vượt mức của quý vị ít hơn một đô la, quý vị sẽ không được hoàn thuế trừ khi quý vị có yêu cầu bằng văn bản.

Rút séc hoàn thuế. Rút séc hoàn thuế ngay sau khi quý vị nhận được séc. Séc sẽ hết hạn vào ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ 12 sau khi phát hành.

Nếu séc của quý vị hết hạn, quý vị có thể nộp đơn lên IRS để xin phát hành lại.

Tiền hoàn thuế nhiều hơn hoặc ít hơn mong đợi. Nếu quý vị nhận được séc hoàn thuế mà quý vị không được hưởng hoặc hoàn lại khoản thanh toán vượt mức lẽ ra phải được ghi có vào thuế ước tính, đừng rút séc. Hãy gọi cho IRS.

Nếu quý vị nhận được séc với số tiền hoàn thuế nhiều hơn yêu cầu, đừng rút séc cho đến khi quý vị nhận được thông báo giải thích khoản chênh lệch.

Nếu séc hoàn thuế của quý vị ít hơn số tiền quý vị đã yêu cầu, séc này phải kèm theo thông báo giải thích khoản chênh lệch. Việc rút séc không ngăn quý vị yêu cầu hoàn thuế bổ sung.

Nếu quý vị không nhận được thông báo và quý vị có thắc mắc về số tiền hoàn thuế của mình, quý vị nên đợi 2 tuần. Nếu quý vị vẫn chưa nhận được thông báo, hãy gọi cho IRS.

Bù trừ các khoản nợ. Nếu quý vị được hoàn thuế nhưng chưa thanh toán một số tiền nợ, thì toàn bộ hoặc một phần tiền hoàn thuế của quý vị có thể được dùng để thanh toán toàn bộ hoặc một phần số tiền quá hạn. Các khoản quá hạn bao gồm thuế thu nhập liên bang quá hạn, các khoản nợ liên bang khác (ví dụ như khoản vay sinh viên), thuế thu nhập tiểu bang, tiền cấp dưỡng cho con và vợ/chồng và nợ bồi thường thất nghiệp của tiểu bang. Quý vị sẽ nhận được thông báo nếu số tiền hoàn thuế mà quý vị yêu cầu đã được bù trừ cho các khoản nợ của quý vị.

Tờ khai thuế chung và vợ/chồng bị tổn hại. Khi nộp tờ khai thuế chung và chỉ có 1 người phối ngẫu có nợ quá hạn, người còn lại có thể được coi là vợ/chồng bị tổn hại. Người vợ/chồng bị thiệt hại nên nộp Mẫu 8379, Phân Bổ Cho Người Phối Ngẫu Bị Tổn Hại, nếu cả hai điều kiện sau đây áp dụng và người vợ/chồng muốn được hoàn lại phần thanh toán vượt mức của mình trên tờ khai thuế chung.

1. Quý vị không có nghĩa vụ pháp lý phải trả số tiền quá hạn.
2. Quý vị đã thực hiện và khai báo các khoản thanh toán thuế (ví dụ như thuế thu nhập liên bang khấu trừ từ tiền lương của quý vị hoặc các khoản thanh toán thuế ước tính), hoặc yêu cầu tín thuế được hoàn lại (tham khảo các khoản tín thuế được liệt kê trong mục [Ai Nên Nộp](#), ở phần trên).

Ghi chú. Nếu nơi cư trú của người vợ/chồng bị tổn hại nằm ở tiểu bang có tài sản chung vào bất kỳ thời điểm nào trong năm thuế, các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 8379.

Nếu quý vị chưa khai thuế chung và quý vị biết rằng khoản hoàn thuế chung của quý vị sẽ bị bù trừ, nộp Mẫu 8379 với tờ khai của quý vị. Quý vị sẽ nhận được tiền hoàn thuế của mình trong vòng 14 tuần kể từ ngày nộp tờ khai thuế bằng giấy hoặc trong vòng 11 tuần kể từ ngày nộp tờ khai thuế điện tử.

Nếu quý vị đã khai thuế chung và tiền hoàn thuế chung của quý vị đã bị bù trừ, nộp riêng Mẫu 8379. Nếu nộp sau khi bù trừ, có thể mất tối đa 8 tuần để quý vị nhận được tiền hoàn thuế. Không đính kèm tờ khai thuế đã nộp trước đó, mà đính kèm bản sao tất cả các Mẫu W-2 và W-2G cho cả hai vợ chồng và bất kỳ Mẫu 1099 nào cho thấy số thuế thu nhập đã khấu trừ. Việc xử lý Mẫu 8379 có thể bị trì hoãn nếu những đơn đơn này không được đính kèm, hoặc nếu mẫu đơn không đầy đủ khi nộp.

Mẫu đơn 8379 riêng phải được nộp cho mỗi năm thuế để được xem xét.



Đơn yêu cầu của vợ/chồng bị tổn hại khác với yêu cầu của vợ/chồng vô can. Người vợ/chồng bị tổn hại sử dụng Mẫu 8379 để yêu cầu phân chia số tiền thuế thanh toán vượt mức được quy cho mỗi người. Người vợ/chồng vô can sử dụng Mẫu 8857, Yêu Cầu Miễn cho Người Vợ/Chồng Vô Can, để đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm liên đới về thuế, tiền lãi và hình phạt trên tờ khai thuế chung đối với các khoản mục của người kia (hoặc vợ/chồng cũ) đã được khai báo không chính xác trên tờ khai thuế chung. Để tìm hiểu thông tin về vợ/chồng vô can, tham khảo phần [Giảm nhẹ trách nhiệm liên đới](#) trong mục Nộp Tờ Khai Thuế Chung ở chương 2.

Số Tiền Quý Vị Nợ

Khi hoàn thành tờ khai thuế của mình, quý vị sẽ xác định liệu quý vị đã trả đủ số tiền thuế mà quý vị nợ hay chưa. Nếu quý vị nợ thuế bổ sung, quý vị nên trả kèm theo tờ khai thuế của mình.



Quý vị không phải trả nếu số tiền quý vị nợ nhỏ hơn \$1.

Nếu IRS tính thuế cho quý vị, quý vị sẽ nhận được hóa đơn tiền thuế đến hạn. Quý vị phải thanh toán hóa đơn này trong vòng 30 ngày (hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế, nếu muộn hơn). Xem [Thuế do IRS Tính](#) ở chương 13.



Nếu quý vị không trả thuế khi đến hạn, quý vị có thể phải trả tiền phạt do không trả thuế. Xem [Hình phạt](#), ở phần sau. Để biết thêm thông tin về nợ đến hạn của quý vị, tham khảo [Ấn Phẩm 594](#).



Nếu số tiền quý vị nợ cho năm 2022 lớn, quý vị có thể muốn tăng số thuế thu nhập khấu trừ từ lương của mình hoặc thanh toán thuế ước tính cho năm 2023. Xem [chương 4](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

Cách Trả Tiền

Quý vị có thể thanh toán trực tuyến, qua điện thoại, bằng thiết bị di động, bằng tiền mặt, bằng séc hoặc lệnh chuyển tiền. Không nộp thuế ước tính cho năm 2023 vào khoản thanh toán này. Thay vào đó, hãy thanh toán riêng thuế ước tính.

Séc hoặc thanh toán không hợp lệ. Mức phạt cho hành vi gửi séc không hợp lệ cho IRS là \$25 hoặc 2% giá trị séc, tùy mức nào cao hơn. Mức phạt này cũng áp dụng cho những hình thức thanh toán khác nếu IRS không nhận được tiền.

Trả trực tuyến. Thanh toán trực tuyến rất tiện lợi và an toàn đồng thời giúp đảm bảo rằng chúng tôi nhận được tiền thanh toán của quý vị đúng hạn.

Quý vị có thể thanh toán trực tuyến bằng cách ký gửi trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình thông qua IRS Direct Pay hoặc Hệ Thống Thanh Toán Thuế Liên Bang Bằng Điện Tử (EFTPS), hoặc bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng.

Để thanh toán thuế trực tuyến hoặc để tìm hiểu thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/Payments](https://irs.gov/Payments).

Trả qua điện thoại. Thanh toán qua điện thoại là một cách trả tiền trực tuyến an toàn và bảo mật khác. Sử dụng một trong các phương thức sau.

- EFTPS.
- Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng.

Để biết thêm thông tin về EFTPS hoặc để đăng ký EFTPS, truy cập [EFTPS.gov](https://eftps.gov) (tiếng Anh) hoặc gọi 800-555-4477. Để liên hệ với EFTPS qua Dịch Vụ Viễn Thông Chuyên Tiếp (TRS) cho người bị điếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói, gọi 711 và cung cấp cho người trợ tá của TRS số 800-555-4477 hoặc số 800-733-4829. Thông tin bổ sung về EFTPS cũng có sẵn trong Ấn Phẩm 966.

Để thanh toán bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, quý vị có thể gọi cho một trong các nhà cung cấp dịch vụ sau. Phí dịch vụ của những nhà cung cấp này khác nhau tùy theo nhà cung cấp, loại thẻ và số tiền thanh toán.

Link2Gov Corporation

888-PAY-1040™ (888-729-1040)
www.PAY1040.com (tiếng Anh)

WorldPay US, Inc.

844-PAY-TAX-8™ (844-729-8298)
www.payUSAtax.com (tiếng Anh)

ACI Payments, Inc.

888-UPAY-TAX™ (888-872-9829)
fed.acipayonline.com (tiếng Anh)

Để cập nhật thông tin mới nhất về cách trả tiền qua điện thoại, truy cập [IRS.gov/Payments](https://irs.gov/Payments).

Trả bằng tiền mặt. Tiền mặt là tùy chọn thanh toán trực tiếp cho cá nhân được cung cấp thông qua các đối tác bán lẻ với tối đa \$1.000 mỗi ngày cho mỗi giao dịch. Để thanh toán bằng tiền mặt, trước tiên quý vị phải đăng ký trực tuyến tại fed.acipayonline.com (tiếng Anh). Đừng gửi tiền mặt qua bưu điện.

Trả bằng séc hoặc lệnh phiếu. Viết séc hoặc lệnh phiếu cho “United States Treasury (Bộ Tài Chính Hoa Kỳ)” cho toàn bộ số tiền đến hạn. Không gửi tiền mặt. Không đính kèm tiền thanh toán với tờ khai thuế của quý vị. Ghi chính xác tên, địa chỉ, SSN, số điện thoại ban ngày, năm chịu thuế và số mẫu đơn lên mặt trước của séc hoặc lệnh phiếu. Nếu quý vị khai thuế chung, nhập SSN hiển thị đầu tiên trên tờ khai thuế của quý vị.

Thông báo cho người đóng thuế xuất trình séc. Khi quý vị viết séc để thanh toán, quý vị cho phép chúng tôi sử dụng thông tin từ séc của quý vị để thực hiện chuyển khoản điện tử một lần từ tài khoản của quý vị hoặc để xử lý thanh toán dưới hình


thức giao dịch séc. Khi chúng tôi sử dụng thông tin từ séc của quý vị để thực hiện chuyển khoản điện tử, tiền có thể được rút khỏi tài khoản của quý vị ngay ngày chúng tôi nhận được khoản thanh toán của quý vị và quý vị sẽ không nhận lại séc từ tổ chức tài chính của mình.

Không chấp nhận séc \$100 triệu trở lên. IRS không thể chấp nhận một séc duy nhất (bao gồm séc ngân hàng có bảo chứng) cho số tiền \$100.000.000 (\$100 triệu) trở lên. Nếu quý vị thanh toán \$100 triệu trở lên bằng séc, quý vị phải chia khoản thanh toán thành hai séc hoặc hơn với mỗi séc có giá trị thấp hơn \$100 triệu. Hạn mức này không áp dụng đối với các cách trả tiền khác (ví dụ như thanh toán điện tử). Vui lòng cân nhắc cách trả tiền khác ngoài séc nếu số tiền thanh toán trên \$100 triệu.

Thanh toán thuế ước tính. Không bao gồm thuế ước tính năm 2023 khi thanh toán cho tờ khai thuế thu nhập năm 2022 của quý vị. Xem [chương 4](#) để tìm hiểu thông tin về cách trả thuế ước tính.

Tiền lãi

Tiền lãi sẽ được tính trên khoản thuế mà quý vị không trả trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế. Tiền lãi sẽ được tính kể cả khi quý vị được gia hạn thời gian nộp tờ khai thuế.

 Nếu IRS tính thuế cho quý vị, để tránh bị tính lãi do chậm thanh toán, quý vị phải thanh toán hóa đơn trước ngày ấn định trên hóa đơn hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của quý vị, tùy ngày nào muộn hơn. Để tìm hiểu thông tin, tham khảo mục [Thuế Do IRS Tính ở chương 13](#).

Lãi tính trên hình phạt. Tiền lãi được tính trên hình phạt do không khai thuế, hình phạt do thiếu chính xác và hình phạt do gian lận tính từ ngày đến hạn nộp tờ khai thuế (bao gồm thời gian gia hạn) cho đến ngày thanh toán. Tiền lãi tính trên các khoản hình phạt khác bắt đầu vào ngày thông báo và yêu cầu, nhưng không tính trên các khoản hình phạt được thanh toán trong vòng 21 ngày theo lịch kể từ ngày thông báo (hoặc trong vòng 10 ngày làm việc nếu thông báo yêu cầu thanh toán \$100.000 trở lên).

Tiền lãi do lỗi hoặc trì hoãn của IRS. Tất cả hoặc một phần tiền lãi tính cho quý vị sẽ được xóa bỏ nếu khoản tiền lãi đó là do lỗi hoặc trì hoãn bất hợp lý của viên chức hoặc nhân viên IRS khi thực hiện hành vi thủ tục hoặc hành vi quản lý.

Hành vi thủ tục là hành động mang tính quy trình hoặc máy móc diễn ra trong quá trình xử lý vụ việc của quý vị. Hành vi quản lý bao gồm hoạt động điều chuyển nhân sự và đào tạo nhân sự kéo dài. Quyết định liên quan đến việc áp dụng đúng luật thuế liên bang không phải là hành vi thủ tục hay hành vi quản lý.

Tiền lãi chỉ được xóa bỏ nếu quý vị không chịu trách nhiệm ở mọi khía cạnh quan trọng đối với tình huống sai sót hoặc trì hoãn và IRS đã thông báo cho quý vị bằng văn bản về khoản thiếu hụt hoặc khoản thanh toán. Để biết thêm thông tin, xem [Ấn Phẩm 556](#).

Tiền lãi và một số hình phạt nhất định có thể tạm dừng trong khoảng thời gian giới hạn nếu quý vị nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn) và IRS không cung cấp cho quý vị thông báo cụ thể về trách nhiệm pháp lý của quý vị cùng cơ sở của trách nhiệm đó trước khi kết thúc khoảng thời gian 36 tháng bắt đầu vào ngày muộn hơn của:

- Ngày nộp tờ khai thuế, hoặc

- Ngày đến hạn nộp tờ khai thuế mà không liên quan đến gia hạn.

Để biết thêm thông tin, xem [Ấn Phẩm 556](#).


Thỏa Thuận Trả Góp

Nếu quý vị không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo tờ khai thuế, quý vị có thể đề nghị trả góp hàng tháng toàn bộ hoặc một phần. Tuy nhiên, quý vị sẽ bị tính lãi và có thể bị tính phí phạt chậm thanh toán đối với tiền thuế chưa thanh toán vào ngày đến hạn nộp tờ khai thuế, kể cả khi yêu cầu trả góp của quý vị được chấp thuận. Nếu yêu cầu của quý vị được chấp thuận, quý vị cũng phải trả một khoản phí. Để hạn chế tiền lãi và phí phạt, hãy trả càng nhiều tiền thuế càng tốt theo tờ khai thuế của quý vị. Nhưng trước khi yêu cầu thỏa thuận trả góp, quý vị nên cân nhắc các phương án thay thế khác ít tốn kém hơn, ví dụ như vay ngân hàng hoặc thanh toán bằng thẻ tín dụng.

Để đăng ký thỏa thuận trả góp trực tuyến, truy cập [IRS.gov/OPA](#). Quý vị cũng có thể sử dụng Mẫu 9465.

Ngoài thanh toán bằng séc hoặc lệnh phiếu, quý vị có thể sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ hoặc thanh toán trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện thanh toán theo thỏa thuận trả góp. Xem [Cách Trả Tiền](#), ở phần trên.

Quà Tặng Để Giảm Nợ Công

 Quý vị có thể đóng góp (tặng quà) để giảm phần nợ công. Nếu quý vị muốn làm như vậy, hãy lập séc riêng cho "Bureau of the Fiscal Service (Văn Phòng Dịch Vụ Tài Chính)."

Gửi séc của quý vị đến:

Bureau of the Fiscal Service
ATTN: Department G
P.O. Box 2188
Parkersburg, WV 26106-2188


Hoặc gửi séc riêng trong phong bì cùng với tờ khai thuế thu nhập của quý vị. Không thêm quà tặng này vào bất kỳ khoản thuế nào mà quý vị nợ.

Để tìm hiểu thông tin về cách tặng quà trực tuyến, truy cập [TreasuryDirect.gov/Help-Center/Public-Debt-FAQs/#DebtFinance](#) (tiếng Anh) và xem thông tin dưới "How do you make a contribution to reduce the debt? (Cách đóng góp để giảm nợ?)".

Quý vị có thể khấu trừ quà tặng này như một khoản đóng góp từ thiện trên tờ khai thuế của năm tới nếu quý vị khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040).

Tên và Địa Chỉ

Sau khi quý vị hoàn thiện tờ khai thuế của mình, điền tên và địa chỉ của quý vị vào vị trí thích hợp trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

 Quý vị phải ghi SSN của mình vào đúng vị trí trên tờ khai thuế.

Hộp thư. Nếu bưu điện không gửi thư đến địa chỉ đường phố của quý vị và quý vị có hộp thư bưu điện, hãy nhập số hộp thư bưu điện ở dòng cho địa chỉ nhà hiện tại thay vì địa chỉ đường phố.

Địa chỉ nước ngoài. Nếu địa chỉ của quý vị ở bên ngoài Hoa Kỳ hay thuộc địa hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ, nhập tên thành phố vào dòng thích hợp trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Không nhập bất kỳ thông tin nào khác trên dòng đó, nhưng cần điền thông tin vào khoảng trống phía dưới.

1. Tên quốc gia ở nước ngoài.
2. Tỉnh/bang/quận ở nước ngoài.
3. Mã bưu chính nước ngoài.

Không viết tắt tên quốc gia. Thực hiện theo thông lệ của quốc gia khi nhập mã bưu chính và tên tỉnh, quận hoặc tiểu bang.

Tôi Nộp Ở Đâu?

Sau khi hoàn thành tờ khai, quý vị phải gửi tờ khai cho IRS. Quý vị có thể gửi qua đường bưu điện hoặc quý vị có thể gửi dưới hình thức điện tử. Xem [Tại Sao Tôi Nên Khai Thuế Điện Tử](#), ở phần trên.


Gửi tờ khai bằng giấy của quý vị qua đường bưu điện. Gửi tờ khai thuế của quý vị qua đường bưu điện đến địa chỉ nêu trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.

Điều Gì Xảy Ra Sau Khi Tôi Nộp?

Sau khi gửi tờ khai của mình cho IRS, quý vị có thể có một số câu hỏi. Phần này thảo luận về những thắc mắc của quý vị liên quan đến việc lưu giữ hồ sơ, tiền hoàn thuế và những việc cần làm nếu quý vị chuyển đi.

Tôi Nên Giữ Những Hồ Sơ Nào?

Phần này thảo luận lý do tại sao quý vị nên lưu giữ hồ sơ, những loại hồ sơ quý vị nên giữ và quý vị nên giữ hồ sơ trong bao lâu.

 Quý vị phải lưu hồ sơ để có thể lập tờ khai thuế thu nhập đầy đủ và chính xác. Luật pháp không yêu cầu bất kỳ mẫu hồ sơ đặc biệt nào. Tuy nhiên, quý vị nên giữ tất cả biên lai, séc đã hủy hoặc bằng chứng thanh toán khác và bất kỳ hồ sơ nào khác để hỗ trợ khoản khấu trừ và tín thuế mà quý vị yêu cầu.

Nếu quý vị nộp đơn yêu cầu hoàn thuế, quý vị phải có khả năng chứng minh rằng quý vị đã nộp thừa tiền thuế bằng hồ sơ.

Phần này không thảo luận về các loại hồ sơ mà quý vị nên lưu giữ khi điều hành một doanh nghiệp. Để tìm hiểu thông tin về hồ sơ kinh doanh, tham khảo [Ấn Phẩm 583](#), Khởi Nghiệp Kinh Doanh và Lưu Giữ Hồ Sơ.

Tại Sao Cần Lưu Giữ Hồ Sơ?

Hồ sơ đầy đủ giúp quý vị:

- **Xác định nguồn thu nhập.** Hồ sơ có thể xác định các nguồn thu nhập để giúp quý vị tách biệt thu nhập kinh doanh và thu nhập phi kinh doanh cũng như thu nhập chịu thuế và thu nhập không chịu thuế.
- **Theo dõi chi phí.** Quý vị có thể sử dụng hồ sơ để xác định những chi phí mà quý vị có thể yêu cầu khấu trừ. Điều này giúp quý vị xác định liệu

quý vị có thể khấu trừ từng khoản trên tờ khai thuế của mình không.

- **Theo dõi giá gốc của tài sản.** Quý vị cần lưu giữ hồ sơ thể hiện giá gốc của tài sản của quý vị. Giá gốc của tài sản bao gồm chi phí ban đầu hoặc giá gốc khác của tài sản và bất kỳ cải tiến nào mà quý vị đã thực hiện.
- **Chuẩn bị tờ khai thuế.** Quý vị cần các hồ sơ để chuẩn bị tờ khai thuế.
- **Hỗ trợ các mục được khai báo trên tờ khai thuế.** IRS có thể đặt câu hỏi về một mục trên tờ khai thuế của quý vị. Hồ sơ sẽ giúp quý vị giải trình bất kỳ mục nào và tính toán mức thuế chính xác. Nếu quý vị không thể xuất trình hồ sơ chính xác, quý vị có thể phải trả thêm thuế và bị phạt.

Các Loại Hồ Sơ Cần Lưu Giữ

IRS không quy định cụ thể cách thức lưu giữ hồ sơ. Hãy lưu giữ hồ sơ theo cách cho phép quý vị và IRS xác định mức thuế chính xác của quý vị.

Quý vị có thể sử dụng sổ séc để ghi chép thu nhập và chi phí của mình. Quý vị cũng cần giữ các hồ sơ, ví dụ như biên lai và phiếu bán hàng, có thể chứng minh khoản khấu trừ.

Trong phần này, quý vị sẽ tìm thấy hướng dẫn về các loại hồ sơ cơ bản mà mọi người nên giữ. Phần này cũng cung cấp hướng dẫn về các loại hồ sơ cụ thể mà quý vị nên giữ cho những mục nhất định.

Hồ sơ điện tử. Tất cả yêu cầu áp dụng cho sổ sách và hồ sơ bản cứng đồng thời áp dụng cho hệ thống lưu trữ điện tử duy trì sổ sách và hồ sơ thuế. Khi quý vị thay thế sổ sách và hồ sơ bản cứng, quý vị phải duy trì hệ thống lưu trữ điện tử trong khoảng thời gian cần thiết cho hoạt động quản lý luật thuế.

Để tìm hiểu chi tiết về yêu cầu đối với hệ thống lưu trữ điện tử, tham khảo Quy Trình Thuế Vụ 97-22, trên trang 9 của Bản Tin Thuế Vụ 1997-13 tại địa chỉ [IRS.gov/pub/irs-irbs/irb97-13.pdf](https://www.irs.gov/pub/irs-irbs/irb97-13.pdf) (tiếng Anh).

Bản sao tờ khai thuế. Quý vị nên giữ bản sao tờ khai thuế trong hồ sơ thuế của mình. Bản sao tờ khai thuế có thể giúp quý vị chuẩn bị tờ khai thuế trong tương lai, và quý vị sẽ cần tài liệu này nếu quý vị nộp tờ khai thuế sửa đổi hoặc khi quý vị bị kiểm xét. Bản sao tờ khai thuế và những hồ sơ khác có thể hữu ích cho người còn sống, người thi hành hoặc người quản lý di sản của quý vị.

Nếu cần, quý vị có thể yêu cầu bản sao tờ khai thuế và tất cả các tài liệu đính kèm (bao gồm Mẫu W-2) từ IRS bằng cách sử dụng Mẫu 4506. Quý vị phải trả phí để lấy bản sao tờ khai thuế. Để tìm hiểu thông tin về chi phí và nơi nộp, tham khảo Hướng Dẫn cho Mẫu 4506.

Nếu quý vị chỉ cần thông tin từ tờ khai thuế của mình, quý vị có thể xin bản ghi theo một trong những cách sau.

- Truy cập [IRS.gov/Transcript](https://www.irs.gov/Transcript).
- Gọi 800-908-9946.
- Sử dụng Mẫu 4506-T hoặc Mẫu 4506T-EZ.

Không có lệ phí cho bản ghi. Để biết thêm thông tin, xem Mẫu 4506-T.

Hồ Sơ Cơ Bản

Hồ sơ cơ bản là tài liệu mà mọi người nên giữ. Đây là những hồ sơ chứng minh thu nhập và chi phí của quý vị. Nếu quý vị sở hữu nhà hoặc các khoản đầu

tu, hồ sơ cơ bản mà quý vị nên giữ bao gồm những tài liệu liên quan đến các khoản mục đó.

Thu nhập. Hồ sơ cơ bản chứng minh số tiền quý vị khai báo là thu nhập trên tờ khai thuế của mình. Thu nhập của quý vị có thể bao gồm tiền lương, cổ tức, tiền lãi, và phần phối từ công ty hợp danh hoặc công ty S. Hồ sơ của quý vị còn có thể chứng minh một số khoản nhất định không phải chịu thuế, ví dụ như tiền lãi được miễn thuế.

Ghi chú. Nếu quý vị nhận được Mẫu W-2, giữ Bản sao C cho đến khi quý vị bắt đầu nhận phúc lợi an sinh xã hội. Điều này sẽ giúp bảo vệ quyền lợi của quý vị trong trường hợp có thắc mắc về hồ sơ việc làm hoặc thu nhập của quý vị trong một năm cụ thể.

Chi phí. Hồ sơ cơ bản chứng minh các chi phí mà quý vị yêu cầu khấu trừ (hoặc xin tín thuế) trên tờ khai thuế của mình. Các khoản khấu trừ của quý vị có thể bao gồm tiền cấp dưỡng ly hôn, đóng góp từ thiện, lãi thế chấp và thuế bất động sản. Quý vị còn có thể xin tín thuế cho chi phí giữ trẻ.

Nhà ở. Hồ sơ cơ bản cho phép quý vị xác định giá gốc hoặc giá gốc được điều chỉnh của căn nhà. Quý vị cần thông tin này để xác định liệu quý vị có lãi hay lỗ khi bán nhà hoặc để tính khấu hao nếu quý vị sử dụng một phần căn nhà của mình cho mục đích kinh doanh hoặc cho thuê. Hồ sơ của quý vị phải thể hiện giá mua, chi phí quyết toán hoặc chi phí kết thúc cùng chi phí của bất kỳ cải tiến nào. Hồ sơ cũng có thể thể hiện bất kỳ tổn thất bất ngờ nào được khấu trừ và tiền bồi thường bảo hiểm cho những tổn thất bất ngờ này.

Để tìm hiểu thông tin chi tiết về giá gốc, bao gồm chi phí quyết toán hoặc chi phí kết thúc được tính vào căn nhà của quý vị, tham khảo Ấn Phẩm 551.

Khi quý vị bán nhà, hồ sơ của quý vị phải thể hiện giá bán và chi phí bán, ví dụ như hoa hồng. Để tìm hiểu thông tin về việc bán nhà, tham khảo Ấn Phẩm 523.

Đầu tư. Hồ sơ cơ bản cho phép quý vị xác định giá gốc của khoản đầu tư và liệu quý vị có lãi hay lỗ khi thanh lý khoản đầu tư này. Các khoản đầu tư bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và quỹ tương hỗ. Hồ sơ của quý vị phải thể hiện giá mua, giá bán và hoa hồng. Hồ sơ còn có thể thể hiện các khoản cổ tức được tái đầu tư, chia tách cổ phiếu và cổ tức, phí bán và chiết khấu phát hành ban đầu (OID).

Để tìm hiểu thông tin về cổ phiếu, trái phiếu và quỹ tương hỗ, tham khảo Ấn Phẩm 550 Ấn Phẩm 551.

Bảng Chứng Thanh Toán

Một trong những hồ sơ cơ bản cần giữ là bảng chứng thanh toán. Quý vị nên giữ hồ sơ này để chứng minh cho những số tiền nhất định ghi trên tờ khai thuế của quý vị. Bảng chứng thanh toán không phải là bằng chứng cho thấy khoản mục yêu cầu của quý vị được cho phép. Ngoài ra, quý vị nên giữ những tài liệu khác giúp chứng minh khoản mục đó được cho phép.

Thông thường, quý vị chứng minh việc thanh toán bằng biên lai tiền mặt, bảng sao kê tài khoản tài chính, bảng sao kê thẻ tín dụng, séc đã hủy hoặc séc thay thế. Nếu quý vị thanh toán bằng tiền mặt, quý vị sẽ nhận được biên lai ghi ngày tháng và có chữ ký cho biết số tiền và lý do thanh toán.

Nếu quý vị thanh toán bằng tài khoản ngân hàng của mình, quý vị có thể chứng minh việc thanh toán bằng bảng sao kê tài khoản.

Sao kê tài khoản. Quý vị có thể chứng minh việc thanh toán bằng sao kê tài khoản tài chính hợp pháp do ngân hàng của quý vị hoặc tổ chức tài chính khác lập.

Sao kê lương. Một số chi phí được khấu trừ có thể được khấu trừ từ lương của quý vị, ví dụ như bảo phí bảo hiểm y tế. Quý vị nên giữ bảng sao kê lương cuối năm hoặc cuối kỳ của mình để làm bằng chứng cho việc thanh toán những chi phí này.

Giữ Hồ Sơ Trong Bao lâu

Quý vị phải lưu giữ hồ sơ cho đến khi những hồ sơ còn cần thiết cho công tác quản trị bất kỳ điều khoản nào của Bộ Luật Thuế Vụ. Nói chung, quy định này có nghĩa là quý vị phải lưu giữ hồ sơ hỗ trợ các khoản mục hiển thị trên tờ khai thuế của mình cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho tờ khai thuế đó.

Khoảng thời gian giới hạn là khoảng thời gian mà quý vị có thể điều chỉnh tờ khai thuế của mình để yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế hoặc IRS có thể đánh thuế bổ sung. [Bảng 1-7](#) trình bày khoảng thời gian giới hạn áp dụng cho tờ khai thuế thu nhập. Trừ khi có quy định khác, các năm tham chiếu là khoảng thời gian bắt đầu sau khi tờ khai thuế được nộp. Tờ khai thuế nộp trước ngày đến hạn được coi là được nộp vào ngày đến hạn.

Bảng 1-7. Khoảng Thời Gian Giới Hạn

NẾU quý vị...	THÌ khoảng thời gian là...
1 Nộp tờ khai và (2), (3) và (4) không áp dụng đối với quý vị,	3 năm.
2 Không khai báo thu nhập mà quý vị nên và điều này nhiều hơn 25% tổng thu nhập hiển thị trên tờ khai thuế của quý vị,	6 năm.
3 Nộp tờ khai thuế gian lận,	Không giới hạn.
4 Không nộp tờ khai thuế,	Không giới hạn.
5 Nộp đơn yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế sau khi quý vị nộp tờ khai thuế,	Thời điểm muộn hơn giữa 3 năm và 2 năm sau khi trả tiền thuế.
6 Nộp đơn xin xét lỗi từ chứng khoán vô giá trị hoặc khấu trừ nợ xấu,	7 năm.

Tài sản. Giữ hồ sơ liên quan đến tài sản cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho năm mà quý vị thanh lý tài sản theo diện chịu thuế. Quý vị phải lưu giữ những hồ sơ này làm cơ sở tính toán lãi lỗ khi quý vị bán hoặc thanh lý tài sản theo cách khác.

Nói chung, nếu quý vị nhận được tài sản dưới hình thức trao đổi không chịu thuế, giá trị tài sản của quý vị bằng giá trị tài sản mà quý vị đã từ bỏ. Quý vị phải lưu giữ hồ sơ về tài sản cũ, cũng như tài sản mới, cho đến hết khoảng thời gian giới hạn cho năm mà quý vị thanh lý tài sản mới theo diện chịu thuế.

Thông Tin Hoàn Thuế

Quý vị có thể truy cập trực tuyến để kiểm tra tình trạng hoàn thuế năm 2022 24 giờ sau khi IRS nhận được tờ khai đã *e-file* của quý vị hoặc 4 tuần sau khi quý vị gửi tờ khai thuế bằng giấy qua đường bưu điện. Nếu quý vị đã nộp Mẫu 8379 cùng với tờ khai thuế của mình, hãy đợi 14 tuần (11 tuần nếu quý vị nộp tờ khai điện tử) trước khi kiểm tra tình trạng hoàn thuế của mình. Chuẩn bị sẵn bản sao tờ khai thuế năm 2021 vì quý vị sẽ cần biết tình trạng khai thuế, SSN đầu tiên hiển thị trên tờ khai thuế và số tiền hoàn thuế làm tròn chính xác. Để kiểm tra tiền hoàn thuế của quý vị, thực hiện một trong các bước sau.

- Truy cập [IRS.gov/Refunds](https://www.irs.gov/Refunds).
- Tải ứng dụng IRS2Go miễn phí về điện thoại thông minh của quý vị và sử dụng ứng dụng này để kiểm tra tình trạng hoàn thuế của quý vị.
- Gọi đến đường dây nóng tự động về hoàn thuế theo số 800-829-1954.

Lãi Trên Tiền Hoàn Thuế

Nếu quý vị được hoàn thuế, quý vị có thể nhận được tiền lãi trên khoản tiền này. Lãi suất được điều chỉnh hàng quý.

Nếu việc hoàn thuế được thực hiện trong vòng 45 ngày sau ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của quý vị, quý vị sẽ không được trả lãi. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế sau ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn), quý vị sẽ không được trả lãi nếu việc hoàn thuế được thực hiện trong vòng 45 ngày sau ngày quý vị nộp hồ sơ. Nếu việc hoàn thuế không được thực hiện trong khoảng thời gian 45 ngày trên, tiền lãi sẽ được trả kể từ ngày đến hạn nộp tờ khai thuế hoặc từ ngày quý vị nộp hồ sơ, tùy ngày nào muộn hơn.

Chấp nhận séc hoàn thuế không thay đổi quyền yêu cầu hoàn thuế bổ sung và tiền lãi của quý vị. Nộp đơn yêu cầu trong khoảng thời gian áp dụng. Xem [Tờ Khai Được Điều Chỉnh và Yêu Cầu Hoàn Thuế](#), ở phần sau. Nếu quý vị không chấp nhận séc hoàn thuế, tiền lãi sẽ không được trả thêm cho khoản thanh toán vượt mức bao gồm trong séc.

Lãi trên tiền hoàn thuế sai sót. Tất cả hoặc một phần tiền lãi tính cho quý vị do hoàn thuế sai thường sẽ được xóa bỏ. Tiền lãi được tính cho khoảng thời gian trước khi yêu cầu hoàn trả được thực hiện sẽ được xóa bỏ trừ khi:

1. Quý vị, hoặc người có liên quan đến quý vị, đã gây ra tình huống hoàn thuế sai theo bất kỳ cách nào; hoặc
2. Tiền hoàn thuế lớn hơn \$50.000.

Ví dụ, nếu quý vị yêu cầu hoàn thuế \$100 trên tờ khai của mình, nhưng IRS đã sai sót và gửi cho quý vị \$1.000, quý vị sẽ không bị tính lãi cho khoảng thời gian giữ số tiền chênh lệch \$900. Tuy nhiên, quý vị phải hoàn trả \$900 khi IRS yêu cầu.

Thay Đổi Địa Chỉ

Nếu quý vị đã chuyển đi, hãy khai thuế theo địa chỉ mới của mình.

Nếu quý vị chuyển đi sau khi nộp tờ khai thuế, quý vị cần cung cấp cho IRS thông báo rõ ràng và ngắn gọn về thông tin thay đổi địa chỉ của quý vị. Thông báo có thể bằng văn bản, điện tử hoặc bằng miệng. Gửi thông báo bằng văn bản đến Trung Tâm Sở Thuế Vụ phục vụ địa chỉ cũ của quý vị. Quý vị có

thể dùng Mẫu 8822, Thay Đổi Địa Chỉ. Nếu quý vị đang đợi nhận tiền hoàn thuế, thông báo cho bưu điện phục vụ địa chỉ cũ của quý vị. Điều này sẽ giúp chuyển tiếp séc đến địa chỉ mới của quý vị (trừ khi quý vị chọn ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế). Để biết thêm thông tin, xem Quy Trình Thuế Vụ 2010-16, 2010-19 I.R.B. 664, tại [IRS.gov/irb/2010-19_IRB/ar07.html](https://www.irs.gov/irb/2010-19_IRB/ar07.html) (tiếng Anh).

Đảm bảo ghi rõ SSN của quý vị (cùng tên và SSN của vợ/chồng quý vị nếu quý vị khai thuế chung) trong thư từ gửi cho IRS.

Điều Gì Sẽ Xảy Ra Nếu Tôi Nhầm Lẫn?

Sai sót có thể trì hoãn tiền hoàn thuế hoặc dẫn đến thông báo được gửi cho quý vị. Nếu quý vị phát hiện ra sai sót, quý vị có thể nộp tờ khai được điều chỉnh hoặc yêu cầu hoàn thuế.

Tờ Khai Được Điều Chỉnh và Yêu Cầu Hoàn Thuế

Quý vị nên sửa đổi tờ khai thuế của mình nếu sau khi nộp, quý vị nhận thấy rằng:

1. Quý vị đã không khai báo một số khoản thu nhập.
2. Quý vị yêu cầu khấu trừ hoặc tín thuế mà quý vị không nên yêu cầu,
3. Quý vị không yêu cầu khoản khấu trừ hoặc tín thuế mà quý vị đáng ra có thể yêu cầu, hoặc
4. Quý vị nên khai với tình trạng khai thuế khác. (Sau khi quý vị khai thuế chung, quý vị không thể chọn nộp tờ khai thuế riêng cho năm đó sau ngày đến hạn nộp tờ khai thuế.) Tuy nhiên, người thi hành có thể thực hiện thay đổi này cho người vợ/chồng quá cố.)

Nếu quý vị cần bản sao tờ khai thuế của mình, tham khảo phần [Bản sao tờ khai thuế](#) trong mục [Các Loại Hồ Sơ Cần Lưu Giữ](#), ở phần trước trong chương này.

Mẫu 1040-X. Sử dụng Mẫu 1040-X để sửa đổi tờ khai thuế mà quý vị đã nộp.

Hoàn Thành Mẫu 1040-X. Trên Mẫu 1040-X, nhập thu nhập, các khoản khấu trừ và tín thuế như quý vị đã khai báo ban đầu trên tờ khai thuế; nội dung thay đổi cùng các khoản đã sửa đổi. Sau đó, tính thuế trên số thu nhập chịu thuế đã điều chỉnh và số tiền quý vị nợ hoặc số tiền hoàn thuế của quý vị.

Nếu quý vị nợ thuế, IRS cung cấp một số tùy chọn thanh toán. Xem [Cách Trả Tiền](#), ở phần trên. Số thuế nợ sẽ không được khấu trừ vào bất kỳ số tiền nào quý vị đã ghi có cho khoản thuế ước tính của mình.

Nếu quý vị không thể trả toàn bộ số tiền đến hạn theo tờ khai thuế, quý vị có thể đề nghị trả góp hàng tháng. Xem [Thỏa Thuận Trả Góp](#), ở phần trên.

Nếu quý vị đã nộp thừa tiền thuế, quý vị có thể được hoàn trả toàn bộ hoặc một phần khoản thanh toán vượt mức, hoặc quý vị có thể áp dụng tất cả hoặc một phần số tiền đó cho khoản thuế ước tính của mình. Nếu quý vị chọn nhận tiền hoàn thuế, khoản tiền đó sẽ được gửi riêng với khoản tiền hoàn thuế hiển thị trên tờ khai thuế ban đầu của quý vị.

Nộp Mẫu 1040-X. Khi hoàn thành Mẫu 1040-X, đừng quên ghi rõ năm khai thuế ban đầu của quý vị và giải thích tất cả những thay đổi mà quý vị đã thực hiện. Đính kèm bất kỳ mẫu đơn hoặc bảng liệt kê nào cần thiết để giải trình nội dung thay đổi của quý vị. Gửi Mẫu 1040-X tới Trung Tâm Sở Thuế Vụ phục vụ khu vực quý vị hiện đang sống (theo Hướng Dẫn cho Mẫu 1040-X). Tuy nhiên, nếu quý vị nộp Mẫu 1040-X để phản hồi thông báo mà quý vị nhận được từ IRS, hãy gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ trên thông báo.

Nộp một mẫu riêng cho mỗi năm thuế liên quan.

Quý vị có thể nộp Mẫu 1040-X bằng điện tử để điều chỉnh Mẫu 1040 và 1040-SR cho năm 2019 và trẻ hơn. Để biết thêm thông tin, xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040-X.

Thời gian nộp yêu cầu hoàn thuế. Thông thường, quý vị phải nộp yêu cầu tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế trong vòng 3 năm sau ngày quý vị nộp tờ khai thuế ban đầu hoặc trong vòng 2 năm sau ngày quý vị trả thuế, tùy thời điểm nào muộn hơn. Tờ khai thuế nộp trước ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn) được coi là nộp vào ngày đến hạn (kể cả khi ngày đến hạn là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp). Khoảng thời gian này sẽ tạm dừng trong khi quý vị [không có khả năng tài chính](#), nội dung này được thảo luận ở phần sau.

Nếu ngày cuối cùng để yêu cầu tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, quý vị có thể nộp đơn yêu cầu vào ngày làm việc tiếp theo.

Nếu quý vị không nộp đơn yêu cầu trong khoảng thời gian này, quý vị có thể không được nhận tín thuế hoặc tiền hoàn thuế.

Thiên tai được liên bang tuyên bố. Nếu quý vị bị ảnh hưởng bởi một thiên tai được liên bang tuyên bố, quý vị có thể có thêm thời gian để nộp tờ khai thuế được điều chỉnh. Xem [Ấn Phẩm 556](#) để biết chi tiết.

Yêu cầu hoàn thuế được bảo vệ. Nói chung, yêu cầu bảo vệ là yêu cầu chính thức hoặc tờ khai thuế sửa đổi xin xét tín thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế thường dựa trên tranh chấp pháp lý hiện tại hoặc những thay đổi dự kiến trong luật thuế hoặc luật khác. Quý vị gửi yêu cầu bảo vệ khi quyền được hoàn thuế của quý vị phụ thuộc vào sự kiện trong tương lai và có thể không xác định được cho đến khi hết thời hiệu. Yêu cầu bảo vệ hợp lệ không cần phải liệt kê số tiền cụ thể hoặc yêu cầu hoàn thuế ngay lập tức. Tuy nhiên, yêu cầu bảo vệ hợp lệ phải:

- Bằng văn bản và có chữ ký;
- Bao gồm tên, địa chỉ, SSN hoặc ITIN của quý vị và những thông tin liên hệ khác;
- Xác định và mô tả tình huống bất thường ảnh hưởng đến đơn yêu cầu;
- Cảnh báo rõ ràng cho IRS về tính chất cơ bản của đơn yêu cầu; và
- Xác định (các) năm cụ thể yêu cầu hoàn thuế.

Gửi yêu cầu bảo vệ hoàn thuế của quý vị đến địa chỉ được nêu trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040-X ở mục [Where To File \(Nộp Ở Đầu\)](#).

Nói chung, IRS sẽ trì hoãn hành động khi có yêu cầu bảo vệ cho đến khi tình huống bất thường được giải quyết.

Giới hạn số tiền hoàn thuế. Nếu quý vị nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm sau ngày quý vị nộp tờ khai thuế, tín thuế và tiền hoàn thuế không thể nhiều hơn phần thuế đã trả trong khoảng thời gian 3 năm (cộng với thời gian gia hạn để khai thuế) ngay trước

khi quý vị nộp yêu cầu. Khoảng thời gian này sẽ tạm dừng trong khi quý vị **không có khả năng tài chính**, nội dung này được thảo luận ở phần sau.

Thuế đã trả. Các khoản thanh toán, bao gồm cả các khoản thanh toán thuế ước tính, được thực hiện trước ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn) của tờ khai thuế ban đầu được coi là thanh toán vào ngày đến hạn. Ví dụ, thuế thu nhập khấu lưu trong năm được coi là đã thanh toán vào ngày đến hạn khai thuế, tức là ngày 15 tháng 4 đối với hầu hết người đóng thuế.

Ví dụ 1. Quý vị đã thực hiện thanh toán thuế ước tính \$500 và được tự động gia hạn đến ngày 15 tháng 10 năm 2019 để nộp tờ khai thuế thu nhập năm 2018 của mình. Khi quý vị khai thuế vào ngày đó, quý vị trả thêm \$200 tiền thuế. Vào ngày 15 tháng 10 năm 2022, quý vị nộp tờ khai thuế sửa đổi và yêu cầu hoàn lại \$700. Vì quý vị đã nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm sau khi quý vị nộp tờ khai thuế ban đầu, quý vị có thể được hoàn lại số tiền tối đa \$700, tiền thuế đã nộp trong vòng 3 năm cộng với thời gian gia hạn 6 tháng ngay trước khi quý vị nộp đơn yêu cầu.

Ví dụ 2. Tình huống giống như ở *Ví dụ 1*, ngoại trừ quý vị đã khai thuế vào ngày 30 tháng 10 năm 2019, 2 tuần sau khi thời gian gia hạn kết thúc. Quý vị trả thêm \$200 vào ngày đó. Vào ngày 31 tháng 10 năm 2022, quý vị nộp tờ khai thuế sửa đổi và yêu cầu hoàn lại \$700. Mặc dù quý vị đã nộp đơn yêu cầu trong vòng 3 năm kể từ ngày quý vị nộp tờ khai thuế ban đầu, tiền hoàn thuế bị giới hạn ở mức \$200, tiền thuế đã nộp trong vòng 3 năm cộng với thời gian gia hạn 6 tháng ngay trước khi quý vị nộp đơn yêu cầu. Khoản thuế ước tính \$500 đã nộp trước thời hạn đó sẽ không được hoàn lại hoặc ghi có.

Nếu quý vị nộp đơn yêu cầu hơn 3 năm sau khi quý vị khai thuế, tín thuế hoặc tiền hoàn thuế không thể nhiều hơn số thuế quý vị đã nộp trong vòng 2 năm ngay trước khi quý vị nộp đơn yêu cầu.

Ví dụ. Quý vị nộp tờ khai thuế năm 2018 vào ngày 15 tháng 4 năm 2019. Quý vị đã trả \$500 tiền thuế. Vào ngày 5 tháng 11 năm 2020, sau khi kiểm tra tờ khai thuế năm 2018, quý vị phải trả thêm \$200 tiền thuế. Vào ngày 12 tháng 5 năm 2022, quý vị gửi yêu cầu hoàn lại \$300. Tuy nhiên, vì quý vị đã nộp đơn yêu cầu hơn 3 năm sau khi quý vị khai thuế, tiền hoàn thuế bị giới hạn ở mức \$200 mà quý vị đã nộp trong 2 năm ngay trước khi quý vị nộp đơn yêu cầu.

Không có khả năng tài chính. Khoảng thời gian để yêu cầu hoàn thuế sẽ tạm dừng trong khoảng thời gian quý vị không có khả năng tài chính. Đối với tờ khai thuế thu nhập chung, chỉ cần vợ hoặc chồng không có khả năng tài chính trong thời gian tạm dừng. Quý vị không có khả năng tài chính khi quý vị không thể quản lý các vấn đề tài chính của mình do suy giảm thể chất hoặc tinh thần có thể xác định được về mặt y tế có thể dẫn đến tử vong hoặc tình trạng này đã kéo dài hoặc có thể kéo dài trong khoảng thời gian liên tục không dưới 12 tháng. Tuy nhiên, quý vị không được coi là không có khả năng tài chính trong bất kỳ khoảng thời gian nào mà vợ/chồng của quý vị hoặc bất kỳ người nào khác được ủy quyền thay mặt quý vị trong các vấn đề tài chính.

Để xin xét tình trạng không có khả năng tài chính, quý vị phải gửi những văn bản dưới đây cùng với yêu cầu hoàn thuế của quý vị.

1. Tuyên bố từ bác sĩ đủ tư cách của quý vị nêu rõ:

- a. Tên và mô tả về tình trạng suy giảm thể chất hoặc tinh thần của quý vị;
- b. Ý kiến y tế của bác sĩ cho biết tình trạng suy giảm đã ngăn cản quý vị quản lý các vấn đề tài chính của mình;
- c. Ý kiến y tế của bác sĩ cho biết tình trạng suy giảm này đã hoặc có thể dẫn đến tử vong, hoặc tình trạng này đã kéo dài, hoặc có thể kéo dài, ít nhất 12 tháng;
- d. Khoảng thời gian cụ thể (theo hiểu biết tốt nhất của bác sĩ); và
- e. Xác nhận sau do bác sĩ ký: "I hereby certify that, to the best of my knowledge and belief, the above representations are true, correct, and complete. (Tôi xin xác nhận rằng, theo hiểu biết và niềm tin của tôi, những tuyên bố trên là đúng, chính xác và đầy đủ.)"

2. Tuyên bố của người ký tên yêu cầu xét tín thuế hoặc hoàn thuế rằng không ai, kể cả vợ/chồng của quý vị, được ủy quyền thay mặt quý vị trong các vấn đề tài chính trong khoảng thời gian quý vị không có khả năng tài chính (hoặc ngày chính xác mà một người được ủy quyền thay mặt quý vị).

Ngoại lệ đối với các trường hợp hoàn thuế đặc biệt. Nếu quý vị nộp đơn yêu cầu một khoản mục trong danh sách sau, quy định về ngày và hạn mức được thảo luận ở phần trên có thể không áp dụng. Những khoản mục này và nơi tìm hiểu thêm thông tin như sau.

- Nợ xấu. Xem Ấn Phẩm 550.
- Chứng khoán không có giá trị. Xem Ấn Phẩm 550.
- Thuế nước ngoài đã trả hoặc tích lũy. Xem Ấn Phẩm 514.
- Chuyển lồi lỗi hoạt động rỗng. Xem Ấn Phẩm 536.
- Chuyển lồi một số tín thuế kinh doanh. Xem Mẫu 3800.
- Yêu cầu dựa trên thỏa thuận với IRS về gia hạn thời gian định mức thuế.

Xử lý yêu cầu hoàn thuế. Yêu cầu hoàn thuế thường được xử lý trong 8-12 tuần sau khi yêu cầu được nộp. Yêu cầu của quý vị có thể được chấp nhận là đã nộp, không được cho phép hoặc phải kiểm tra. Nếu yêu cầu được kiểm tra, thủ tục giống như khi kiểm tra tờ khai thuế sẽ được thực hiện.

Nếu yêu cầu của quý vị không được cho phép, quý vị sẽ nhận được giải thích về lý do không cho phép.

Đệ trình yêu cầu của quý vị ra tòa. Quý vị có thể kiện đòi tiền hoàn thuế trước tòa, nhưng trước tiên quý vị phải nộp đơn khiếu nại kịp thời tới IRS. Nếu IRS từ chối yêu cầu của quý vị hoặc không xử lý yêu cầu của quý vị trong vòng 6 tháng sau khi quý vị nộp đơn, quý vị có thể đệ trình yêu cầu của mình ra tòa. Để tìm hiểu thông tin về nghĩa vụ chứng minh trong thủ tục tố tụng tại tòa án, tham khảo Ấn Phẩm 556.

IRS cung cấp phương thức trực tiếp để chuyển yêu cầu của quý vị ra tòa nếu:

- Quý vị đang nộp đơn yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế chỉ dựa trên thuế thu nhập tranh chấp hoặc các vấn đề về thuế bất động sản hoặc thuế quà tặng được xem xét trong các tờ khai thuế đã kiểm tra trước đây của quý vị và

- Quý vị muốn đưa vụ việc của mình ra tòa thay vì kháng nghị trong IRS.

Khi quý vị nộp đơn khiếu nại tới IRS, quý vị sẽ được sử dụng phương thức trực tiếp bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đề nghị từ chối ngay lập tức khiếu nại của quý vị. Thông báo về việc không cho phép khiếu nại sẽ được gửi cho quý vị.

Quý vị có 2 năm kể từ ngày gửi thông báo không cho phép khiếu nại để nộp đơn kiện đòi tiền hoàn thuế tại Tòa Án Quận có thẩm quyền của Hoa Kỳ hoặc tại Tòa Án Khu vực Liên bang Hoa Kỳ.

Tiền lãi từ tiền hoàn thuế. Nếu quý vị nhận được tiền hoàn thuế do tờ khai thuế sửa đổi, tiền lãi sẽ được trả trên số tiền này kể từ ngày đến hạn của tờ khai thuế ban đầu hoặc ngày quý vị nộp tờ khai thuế sửa đổi, tùy ngày nào muộn hơn, cho đến ngày quý vị nộp tờ khai thuế sửa đổi. Tuy nhiên, nếu việc hoàn thuế không được thực hiện trong vòng 45 ngày sau khi quý vị nộp tờ khai thuế sửa đổi, tiền lãi sẽ được trả cho đến ngày tiền hoàn thuế được thanh toán.

Giảm tiền hoàn thuế. Tiền hoàn thuế của quý vị có thể giảm bởi nợ thuế bổ sung áp dụng đối với quý vị.

Ngoài ra, tiền hoàn thuế của quý vị có thể giảm bởi số tiền nợ thuế liên bang quá hạn, thuế thu nhập tiểu bang, nợ bồi thường thất nghiệp của tiểu bang, tiền cấp dưỡng cho con cái, tiền cấp dưỡng cho vợ/chồng hoặc các khoản nợ liên bang phi thuế khác, ví dụ như các khoản vay sinh viên. Nếu vợ/chồng quý vị nợ những khoản này, tham khảo phần [Bù trừ các khoản nợ](#) trong mục *Hoàn thuế*, ở trên để nắm được quy trình hoàn thuế chính xác.

Ảnh hưởng đến nợ thuế tiểu bang. Nếu tờ khai thuế của quý vị thay đổi vì bất kỳ lý do gì, thay đổi này có thể ảnh hưởng đến nợ thuế thu nhập tiểu bang của quý vị. Điều này bao gồm những thay đổi được thực hiện do IRS kiểm tra tờ khai thuế của quý vị. Liên hệ cơ quan thuế tiểu bang để tìm hiểu thêm thông tin.

Hình phạt

Luật pháp quy định các hình phạt đối với hành vi không khai thuế hoặc trả thuế theo yêu cầu.

Hình phạt dân sự

Nếu quý vị không khai thuế và trả thuế trước ngày đến hạn, quý vị có thể phải trả tiền phạt. Quý vị cũng có thể phải trả tiền phạt nếu quý vị khai thấp đáng kể tiền thuế của mình, khai thấp một giao dịch phải khai báo, nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế có sai sót, nộp tờ khai thuế phủ phiếm hoặc không cung cấp SSN hoặc ITIN của quý vị. Nếu quý vị cung cấp thông tin gian lận khi khai thuế, quý vị có thể phải trả tiền phạt gian lận dân sự.

Nộp trễ. Nếu quý vị không nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn), quý vị có thể phải trả tiền phạt do không khai thuế. Mức phạt thường là 5% cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng chậm nộp tờ khai thuế, nhưng không quá 25%. Hình phạt được tính trên số tiền thuế chưa thanh toán tại ngày đến hạn (không tính thời gian gia hạn).

Gian lận. Nếu việc quý vị không nộp tờ khai thuế là do gian lận, hình phạt là 15% cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng chậm nộp tờ khai thuế, tối đa là 75%.

Tờ khai muộn hơn 60 ngày. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế của mình hơn 60 ngày sau ngày đến hạn hoặc ngày đến hạn đã được cho hạn, mức phạt tối

thiểu là số tiền nhỏ hơn của \$450 hoặc 100% số tiền thuế chưa thanh toán.

Ngoại lệ. Quý vị sẽ không phải trả tiền phạt nếu quý vị có thể chứng minh rằng quý vị không nộp tờ khai thuế đúng hạn vì lý do chính đáng chứ không phải do cố ý bỏ qua.

Trả thuế trễ. Quý vị sẽ phải trả tiền phạt do không trả thuế bằng 1/2 của 1% (0,50%) số tiền thuế chưa thanh toán của quý vị cho mỗi tháng hoặc một phần của tháng, sau ngày đến hạn mà khoản thuế đó chưa được thanh toán. Hình phạt này không áp dụng trong thời gian tự động gia hạn 6 tháng để nộp tờ khai thuế nếu quý vị đã thanh toán ít nhất 90% nợ thuế thực tế của mình vào hoặc trước ngày đến hạn khai thuế và thanh toán số nợ còn lại khi quý vị nộp tờ khai thuế.

Mức phạt hàng tháng do không trả thuế bằng một nửa mức thông thường (0,25% thay vì 0,50%) nếu thỏa thuận trả góp có hiệu lực cho tháng đó. Quý vị phải nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn (bao gồm thời gian gia hạn) để đủ điều kiện được giảm hình phạt này.

Nếu thông báo về ý định áp thuế được ban hành, mức phạt sẽ tăng lên 1% vào đầu tháng đầu tiên bắt đầu ít nhất 10 ngày sau ngày thông báo được ban hành. Nếu thông báo và yêu cầu thanh toán ngay lập tức được phát hành, mức phạt sẽ tăng lên 1% vào đầu tháng đầu tiên bắt đầu sau ngày thông báo và yêu cầu được ban hành.

Hình phạt không được nhiều hơn 25% số tiền thuế chưa thanh toán của quý vị. Quý vị sẽ không phải trả tiền phạt nếu quý vị có thể chứng minh rằng quý vị có lý do chính đáng khi không trả tiền thuế đúng hạn.

Hình phạt tổng hợp. Nếu cả hình phạt do không nộp tờ khai thuế và không trả tiền thuế (thảo luận ở trên) áp dụng trong bất kỳ tháng nào, mức phạt 5% (hoặc 15%) do không nộp tờ khai thuế được giảm xuống bằng mức phạt do không trả tiền thuế. Tuy nhiên, nếu quý vị nộp tờ khai thuế của mình hơn 60 ngày sau ngày đến hạn hoặc ngày đến hạn đã được gia hạn, mức phạt tối thiểu là số tiền nhỏ hơn của \$450 hoặc 100% số tiền thuế chưa thanh toán.

Hình phạt liên quan đến tính chính xác. Quý vị có thể phải trả tiền phạt liên quan đến tính chính xác nếu quý vị trả thuế ít hơn vì:

1. Quý vị thể hiện sự sơ suất hoặc coi thường các quy tắc hoặc quy định,
2. Quý vị khai thấp đáng kể thuế thu nhập của mình,
3. Quý vị yêu cầu quyền lợi về thuế cho một giao dịch thiếu bản chất kinh tế, hoặc
4. Quý vị không khai báo tài sản tài chính nước ngoài.

Hình phạt là 20% số tiền thanh toán thiếu. Hình phạt là 40% đối với bất kỳ phần nào của khoản thanh toán thiếu nào liên quan đến giao dịch không có bản chất kinh tế không được khai báo hoặc giao dịch tài sản tài chính nước ngoài không được khai báo. Hình phạt sẽ không được tính trên bất kỳ phần nào của khoản thanh toán thiếu mà hình phạt do gian lận (thảo luận ở phần sau) được tính.

Sơ suất hoặc coi thường. Thuật ngữ “sơ suất” bao gồm việc không thực hiện một nỗ lực hợp lý để tuân thủ luật thuế hoặc thể hiện mức độ thận trọng thông thường và hợp lý khi chuẩn bị tờ khai thuế. Sơ suất cũng bao gồm việc không lưu giữ đầy đủ sổ sách và hồ sơ. Quý vị sẽ không phải trả tiền phạt do

sơ suất nếu quý vị có cơ sở hợp lý cho lập trường của mình.

Thuật ngữ “coi thường” bao gồm hành vi coi thường có tính chất bất cẩn, thiếu thận trọng hoặc cố ý.

Tiết lộ thỏa đáng. Quý vị có thể tránh được hình phạt do coi thường các quy tắc hoặc quy định nếu quý vị tiết lộ thỏa đáng trên tờ khai thuế về lập trường có cơ sở hợp lý. Xem [Tuyên bố tiết lộ](#), ở phần sau.

Trường hợp ngoại lệ này sẽ không áp dụng cho khoản mục gắn với việc tránh thuế. Ngoài ra, quy tắc này sẽ không áp dụng nếu quý vị không giữ sổ sách và hồ sơ thỏa đáng, hoặc không thể chứng minh các khoản mục một cách hợp lý.

Khai báo thấp đáng kể thuế thu nhập. Quý vị khai thấp thuế của mình nếu thuế ghi trên tờ khai thuế của quý vị thấp hơn số thuế chính xác. Mức khai thấp được coi là đáng kể nếu cao hơn mức lớn hơn của 10% số thuế chính xác hoặc \$5.000. Tuy nhiên, số tiền khai thấp có thể giảm xuống nếu việc khai thấp là do:

1. Thẩm quyền đáng kể, hoặc
2. Tiết lộ thỏa đáng và cơ sở hợp lý.

Nếu một khoản mục trên tờ khai thuế của quý vị gắn với việc tránh thuế, sẽ không có giảm trừ cho việc tiết lộ thỏa đáng. Tuy nhiên, sẽ có giảm trừ cho lập trường với thẩm quyền đáng kể, nhưng chỉ khi quý vị có cơ sở hợp lý để tin rằng cách xử lý thuế của quý vị có nhiều khả năng là đúng chứ không phải là cách xử lý không chính xác.

Thẩm quyền đáng kể. Việc có hay đã có thẩm quyền đáng kể cho cách xử lý thuế đối với một khoản mục phụ thuộc vào sự kiện thực tế và hoàn cảnh. Một số khoản mục có thể được xem xét là ý kiến của tòa án, quy định của Bộ Tài Chính, quy định thuế vụ, quy trình thuế vụ và các thông báo và tuyên bố do IRS ban hành và được xuất bản trong Bản Tin Thuế Vụ liên quan đến các trường hợp giống hoặc tương tự như của quý vị.

Tuyên bố tiết lộ. Để tiết lộ thỏa đáng thông tin liên quan về cách xử lý thuế của quý vị đối với một khoản mục, sử dụng Mẫu 8275. Quý vị cũng phải có cơ sở hợp lý để xử lý khoản mục này theo cách quý vị đã làm.

Trong các trường hợp chỉ khai thấp đáng kể, các khoản mục đáp ứng yêu cầu của Quy Trình Thuế Vụ 2021-52 (hoặc nhật mới hơn) được coi là tiết lộ thỏa đáng trên tờ khai thuế của quý vị mà không cần nộp Mẫu 8275.

Sử dụng Mẫu 8275-R để tiết lộ các khoản mục hoặc lập trường trái với quy định.

Giao dịch thiếu bản chất kinh tế. Để biết thêm thông tin về bản chất kinh tế, xem đoạn 7701(o).

Tài sản tài chính nước ngoài. Để biết thêm thông tin về các tài sản tài chính nước ngoài chưa tiết lộ, xem đoạn 6662(j).

Nguyên nhân hợp lý. Quý vị sẽ không phải trả tiền phạt nếu quý vị đưa ra nguyên nhân chính đáng (nguyên nhân hợp lý) cho cách xử lý một khoản mục của quý vị. Quý vị cũng phải chứng minh rằng quý vị đã hành động một cách thiện chí. Quy tắc này không áp dụng đối với giao dịch thiếu bản chất kinh tế.

Nộp đơn yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế có sai sót. Quý vị có thể phải trả tiền phạt nếu quý vị gửi yêu cầu hoàn thuế hoặc tín thuế có sai sót. Mức phạt bằng 20% số tiền không được phép của yêu cầu, trừ khi quý vị có thể trình bày cơ sở hợp lý cho cách xử

lý một khoản mục của quý vị. Tuy nhiên, số tiền không được cho phép do giao dịch thiếu bản chất kinh tế sẽ không được coi là có cơ sở hợp lý. Hình phạt sẽ không được tính trên bất kỳ phần nào của số tiền không được cho phép của yêu cầu liên quan đến tín thuế thu nhập kiểm được hoặc là cơ sở để tính tiền phạt liên quan đến tính chính xác hoặc do gian lận.

Nộp tờ khai thuế phụ phẩm. Quý vị có thể phải trả tiền phạt là \$5.000 nếu quý vị nộp tờ khai thuế phụ phẩm hoặc các bản đệ trình phụ phẩm khác. Tờ khai thuế phụ phẩm là tờ khai không bao gồm đủ thông tin để tính thuế chính xác hoặc chứa thông tin cho thấy rõ ràng rằng thuế được khai báo là không chính xác. Để biết thêm thông tin về tờ khai thuế phụ phẩm, bản đệ trình phụ phẩm và danh sách những lập trường được xác định là phụ phẩm, xem Thông Báo 2010-33, 2010-17 I.R.B. 609, tại [IRS.gov/irb/2010-17_IRB/ar13.html](#) (tiếng Anh).

Quý vị sẽ phải trả tiền phạt nếu quý vị nộp tờ khai thuế hoặc bản đệ trình thuộc loại này trên cơ sở lập trường phụ phẩm hoặc muốn trốn hoãn hoặc can thiệp vào công tác quản lý luật thuế liên bang. Điều này bao gồm việc thay đổi hoặc gạch đi ngôn ngữ in sẵn phía trên khoảng trống dành cho chữ ký của quý vị.

Hình phạt này được bổ sung vào bất kỳ hình phạt nào khác do pháp luật quy định.

Gian lận. Nếu có khoản tiền thuế thanh toán thiếu trên tờ khai thuế của quý vị là do gian lận, thì mức phạt 75% số tiền thuế thanh toán thiếu do gian lận sẽ được cộng vào thuế của quý vị.

Tờ khai thuế chung. Hình phạt gian lận khi khai thuế chung không áp dụng cho người vợ/chồng trừ khi một phần của khoản thanh toán thiếu là do người vợ/chồng đó gian lận.

Không cung cấp SSN. Nếu quý vị không cung cấp SSN của mình hoặc SSN của người khác khi được yêu cầu trên tờ khai, bản báo cáo hoặc tài liệu khác, quý vị sẽ phải chịu khoản tiền phạt \$50 cho mỗi lần không cung cấp. Quý vị cũng sẽ phải chịu khoản tiền phạt \$50 nếu quý vị không cung cấp SSN của mình cho người khác khi được yêu cầu trong tờ khai thuế, bản báo cáo hoặc tài liệu khác.

Ví dụ, nếu quý vị có tài khoản ngân hàng thu lãi, quý vị phải cung cấp SSN của mình cho ngân hàng. Số này phải được ghi trên Mẫu 1099-INT hoặc bản báo cáo khác mà ngân hàng gửi cho quý vị. Nếu quý vị không cung cấp cho ngân hàng SSN của mình, quý vị sẽ phải trả khoản tiền phạt \$50. (Quý vị cũng có thể phải chịu khấu lưu “dự phòng” thuế thu nhập. Xem [chương 4](#).)

Quý vị sẽ không phải trả tiền phạt nếu quý vị có thể chứng minh rằng việc không cung cấp là do nguyên nhân hợp lý và không phải do cố ý bỏ qua.

Hình phạt hình sự

Quý vị có thể bị truy tố hình sự (đưa ra xét xử) vì những hành vi như:

1. Trốn thuế;
2. Cố ý không nộp tờ khai thuế, không cung cấp thông tin hoặc không trả thuế đến hạn;
3. Gian lận và khai báo sai sự thật;
4. Chuẩn bị và nộp tờ khai thuế gian lận; hoặc
5. Trộm cắp danh tính.

Trộm Cấp Danh Tính

Trộm cấp danh tính xảy ra khi ai đó sử dụng thông tin cá nhân của quý vị như tên, SSN hoặc thông tin nhận diện khác mà không có sự cho phép của quý vị, để thực hiện hành vi gian lận hoặc các hành vi tội phạm khác. Kẻ trộm cấp danh tính có thể sử dụng SSN của quý vị để tìm việc làm hoặc nộp tờ khai thuế bằng SSN của quý vị để nhận tiền hoàn thuế.

Để giảm rủi ro cho quý vị:

- Bảo vệ SSN của quý vị,
- Đảm bảo chủ lao động bảo vệ SSN của quý vị và
- Thận trọng khi chọn người khai thuế chuyên nghiệp.

Nếu hồ sơ thuế của quý vị bị ảnh hưởng bởi hành vi trộm cấp danh tính và quý vị nhận được thông báo từ IRS, hãy phản hồi ngay lập tức tới tên và số điện thoại in trên thông báo hoặc thư của IRS.

Nếu SSN của quý vị đã bị mất hoặc bị đánh cắp hoặc quý vị nghi ngờ mình là nạn nhân của hành vi trộm cấp danh tính liên quan đến thuế, truy cập [IRS.gov/IdentityTheft](https://www.irs.gov/identitytheft) để tìm hiểu những bước quý vị nên thực hiện.

Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 5027.

TIP Tất cả người đóng thuế đủ điều kiện để được cấp Số Nhận Diện Cá Nhân Bảo Vệ Danh Tính (IP PIN). Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 5477. Để nộp đơn xin IP PIN, đi đến [IRS.gov/IPPIN](https://www.irs.gov/ippin) và sử dụng công cụ Nhận IP PIN.

Nạn nhân của hành vi trộm cấp danh tính đang chịu tổn hại về kinh tế hoặc gặp phải vấn đề có tính chất hệ thống hoặc đang tìm kiếm trợ giúp để giải quyết những vấn đề về thuế chưa được giải quyết thông qua các kênh thông thường, có thể đủ điều kiện nhận được trợ giúp của Dịch Vụ Biện Hộ Cho Người Đóng Thuế (TAS). Quý vị có thể liên hệ với TAS bằng cách gọi cho đường dây trợ giúp của Dịch Vụ Biện Hộ Cho Người Đóng Thuế Quốc Gia theo số 877-777-4778 hoặc 800-829-4059 (TTY/TDD). Người bị diếc hoặc khiếm thính cũng có thể liên hệ với IRS thông qua Dịch Vụ Viễn Thông Chuyển Tiếp (TRS), có sẵn tại [FCC.gov/TRS](https://www.fcc.gov/TRS).

Bảo vệ quý vị khỏi các email đáng ngờ hoặc những âm mưu lừa đảo. Mọi email là việc tạo và sử dụng email và trang web được thiết kế bất chướng email và trang web kinh doanh hợp pháp. Hình thức phổ biến nhất là hành động gửi email đến người dùng giả mạo là một doanh nghiệp hợp pháp có tiếng để lừa người dùng cung cấp thông tin cá nhân sẽ được sử dụng để trộm cấp danh tính.

IRS không bắt đầu liên hệ với người đóng thuế qua email. Ngoài ra, IRS không yêu cầu thông tin cá nhân chi tiết qua email hoặc yêu cầu người đóng thuế cung cấp PIN, mật khẩu hoặc thông tin truy cập bí mật tương tự cho thẻ tín dụng, ngân hàng hoặc tài khoản tài chính khác.

Nếu quý vị nhận được một email không mong muốn tự xưng là từ IRS, hãy chuyển tiếp thư về địa chỉ phishing@irs.gov. Quý vị cũng có thể báo cáo hành vi sử dụng sai mục đích tên, biểu tượng, mẫu đơn hoặc tài sản khác của IRS cho Tổng Thanh Tra của Bộ Tài Chính về Điều Hành Thuế Vụ theo số điện thoại miễn phí 800-366-4484. Quý vị có thể chuyển tiếp các email đáng ngờ tới Ủy Ban Thương Mại Liên Bang (FTC) theo địa chỉ spam@uce.gov hoặc báo cáo tại ftc.gov/complaint (tiếng Anh). Quý vị có thể liên hệ theo địa chỉ ftc.gov/idtheft (tiếng Anh) hoặc gọi 877-IDTHEFT (877-438-4338). Nếu quý vị là nạn nhân của hành vi trộm cấp danh tính, tham khảo [IdentityTheft.gov](https://www.identitytheft.gov) (tiếng Anh) hoặc Ấn

Phẩm 5027. Người bị diếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói và có thể sử dụng thiết bị TTY/TDD, gọi theo số 866-653-4261.

Truy cập [IRS.gov/IDProtection](https://www.irs.gov/IDProtection) để tìm hiểu thêm về hành vi trộm cấp danh tính và cách giảm thiểu rủi ro của quý vị.

2.

Tình Trạng Khai Thuế

Giới thiệu

Chương này giúp quý vị xác định tình trạng khai thuế để sử dụng. Có năm tình trạng khai thuế.

- Độc Thân.
- Vợ Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế.
- Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế.
- Chủ Gia Đình.
- Người Vợ/Chồng Còn Lại Đủ Điều Kiện.

TIP Nếu có nhiều tình trạng khai thuế áp dụng với quý vị, chọn tình trạng khai thuế nào sẽ cho quý vị mức thuế thấp nhất.

Quý vị phải xác định tình trạng khai thuế của mình trước khi có thể xác định liệu quý vị có phải khai thuế hay không (chương 1), mức khấu trừ tiêu chuẩn (chương 10) và các khoản thuế (chương 11). Quý vị còn sử dụng tình trạng khai thuế của mình để xác định liệu quý vị có đủ điều kiện yêu cầu một số khoản khấu trừ và tín thuế nhất định hay không.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 501** Người Phụ Thuộc, Khấu Trừ Tiêu Chuẩn và Thông Tin Khai Thuế
- 503** Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc
- 519** Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Người Nước Ngoài
- 555** Tài Sản Chung
- 559** Người Còn Lại, Người Thi Hành và Người Quản Lý
- 596** Tín Thuế Thu Nhập Kiểm Được
- 925** Quy Tắc về Các Hoạt Động Thụ Động và Rủi Ro

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/Forms) (tiếng Anh).

Tình Trạng Hôn Nhân

Nhìn chung, tình trạng khai thuế của quý vị phụ thuộc vào việc quý vị được coi là chưa kết hôn hay đã kết hôn.

Người chưa kết hôn. Quý vị được coi là chưa kết hôn trong cả năm nếu, vào ngày cuối cùng của năm tính thuế, quý vị:

- Chưa kết hôn, hoặc
- Đã ly thân hợp pháp với vợ/chồng của quý vị theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân.

Luật của tiểu bang quản lý việc quý vị đã kết hôn hay ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân của quý vị.

Người đã ly hôn. Nếu quý vị ly hôn theo án lệnh cuối cùng vào ngày cuối cùng của năm, quý vị được coi là chưa kết hôn trong cả năm.

Ly hôn và tái hôn. Nếu quý vị ly hôn với mục đích duy nhất là để nộp tờ khai thuế với tình trạng cá nhân chưa kết hôn, đồng thời tại thời điểm ly hôn quý vị dự định và trên thực tế tái hôn trong năm thuế tiếp theo, quý vị và vợ/chồng của quý vị phải nộp tờ khai thuế với tình trạng là cá nhân đã kết hôn trong cả hai năm.

Hôn nhân bị hủy bỏ. Nếu quý vị nhận được lệnh hủy bỏ của tòa án, trong đó đưa ra phán quyết rằng hôn nhân hợp lệ không tồn tại, quý vị được coi là chưa kết hôn kể cả khi quý vị đã khai thuế chung trong những năm trước đó. Nộp Mẫu 1040-X, tờ khai thuế Thu Nhập Cá Nhân Hoa Kỳ Sửa Đổi, khai tình trạng độc thân hoặc chủ gia đình cho tất cả những năm thuế bị ảnh hưởng bởi lệnh hủy bỏ và chưa hết thời hiệu nộp tờ khai thuế. Thông thường, đối với tín thuế và hoàn thuế, quý vị phải nộp Mẫu 1040-X trong vòng 3 năm (bao gồm thời gian gia hạn) sau ngày quý vị nộp tờ khai thuế ban đầu hoặc trong vòng 2 năm sau ngày quý vị đóng thuế, tùy thời điểm nào muộn hơn. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế ban đầu sớm (ví dụ vào ngày 1 tháng 3), tờ khai thuế của quý vị được coi là nộp vào ngày đến hạn (thường là ngày 15 tháng 4). Tuy nhiên, nếu quý vị được gia hạn thời gian nộp tờ khai thuế (ví dụ: đến ngày 15 tháng 10) nhưng quý vị đã nộp sớm hơn và chúng tôi nhận được vào ngày 1 tháng 7, tờ khai thuế của quý vị được coi là nộp vào ngày 1 tháng 7.

Chủ gia đình hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Nếu quý vị được coi là chưa kết hôn, quý vị có thể nộp tờ khai thuế với tình trạng khai thuế chủ gia đình hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Xem mục [Chủ Gia Đình](#) và [Người Vợ/Chồng Còn Lại Đủ Điều Kiện](#), ở phần sâu để tìm hiểu liệu quý vị có đủ tiêu chuẩn hay không.

Người đã kết hôn. Nếu quý vị được coi là đã kết hôn, quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể khai thuế chung hoặc khai thuế riêng.

Coi như đã kết hôn. Quý vị được coi là đã kết hôn trong cả năm nếu, vào ngày cuối cùng của năm thuế, quý vị và vợ/chồng của quý vị đáp ứng một trong các thử thách sau.

1. Quý vị đã kết hôn và sống chung.
2. Quý vị sống chung dưới hình thức hôn nhân theo thông luật được công nhận ở tiểu bang nơi quý vị đang sống hoặc ở tiểu bang mà hôn nhân theo thông luật bắt đầu.
3. Quý vị đã kết hôn và sống xa nhau, nhưng không ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân.
4. Quý vị đang ly thân theo lệnh cho phép ly hôn tạm thời (chưa phải cuối cùng).

Vợ/chồng qua đời trong năm. Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm, quý vị được coi là đã

kết hôn trong cả năm cho mục đích xác định tình trạng khai thuế.

Nếu quý vị không tái hôn trước khi kết thúc năm thuế, quý vị có thể khai thuế chung cho mình và người vợ/chồng đã qua đời của mình. Trong 2 năm tiếp theo, quý vị có thể được hưởng các quyền lợi đặc biệt được mô tả ở phần sau trong mục [Người Vợ/Chồng Còn Lại Đủ Điều Kiện](#).

Nếu quý vị tái hôn trước khi kết thúc năm thuế, quý vị có thể khai thuế chung với người vợ/chồng mới của mình. Tình trạng khai thuế của người vợ/chồng đã qua đời của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế cho năm đó.

Người đã kết hôn sống xa nhau. Nếu quý vị sống xa vợ/chồng của mình và đáp ứng một số thử thách nhất định, quý vị có thể nộp tờ khai thuế với tình trạng khai thuế là chủ gia đình kể cả khi quý vị chưa ly hôn hoặc ly thân hợp pháp. Nếu quý vị đủ điều kiện nộp tờ khai thuế với tình trạng khai thuế là chủ gia đình thay vì vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, mức khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị sẽ cao hơn. Ngoài ra, mức thuế của quý vị có thể thấp hơn và quý vị có thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được. Xem mục [Chủ Gia Đình](#) phần sau.

Độc Thân

Tình trạng khai thuế của quý vị là độc thân nếu quý vị được coi là chưa kết hôn và quý vị không đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế khác. Để xác định tình trạng hôn nhân của quý vị, tham khảo mục [Tình Trạng Hôn Nhân](#) ở phần trên.

Người vợ/chồng còn lại. Tình trạng khai thuế của quý vị có thể là độc thân nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trước ngày 1 tháng 1 năm 2022 và không tái hôn trước cuối năm 2022. Tuy nhiên, quý vị có thể sử dụng tình trạng khai thuế khác mà sẽ cho quý vị mức thuế thấp hơn. Xem mục [Chủ Gia Đình](#) và [Người Vợ/Chồng Còn Lại Đủ Điều Kiện](#) ở phần sau để tìm hiểu liệu quý vị có đủ tiêu chuẩn hay không.

Cách nộp tờ khai thuế. Trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, khai báo tình trạng khai thuế độc thân của quý vị bằng cách đánh dấu vào ô "Single (Độc Thân)" ở dòng *Filing Status (Tình Trạng Khai Thuế)* trên đầu của mẫu. Sử dụng cột *Độc Thân* của Bảng Thuế, hoặc Đoạn A của Bảng Tính Thuế để tính thuế của quý vị.

Vợ Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế

Quý vị có thể chọn tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế nếu quý vị được coi là đã kết hôn và cả quý vị và vợ/chồng của quý vị đồng ý nộp tờ khai thuế chung. Khi khai thuế chung, quý vị và vợ/chồng của quý vị báo cáo thu nhập kết hợp và khấu trừ chi phí kết hợp được phép của hai vợ/chồng. Quý vị có thể khai thuế chung kể cả khi một trong hai người không có thu nhập hoặc các khoản khấu trừ.

Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị quyết định khai thuế chung, thuế của quý vị có thể thấp hơn tổng thuế cho các tình trạng khai thuế khác. Ngoài ra, mức khấu trừ thuế tiêu chuẩn của quý vị (nếu quý vị không khấu trừ từng khoản) có thể cao hơn và quý vị có thể đủ điều kiện nhận những lợi ích thuế không áp dụng cho các tình trạng khai thuế khác.

Cách nộp tờ khai thuế. Trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, khai báo tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế của quý vị bằng cách đánh

dấu vào ô "Married filing jointly (Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế)" ở dòng *Filing Status (Tình Trạng Khai Thuế)* trên đầu biểu mẫu. Sử dụng cột *Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế* của Bảng Thuế, hoặc Đoạn B của Bảng Tính Thuế để tính thuế của quý vị.



Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị đều có thu nhập, quý vị có thể tính thuế của mình trên cả tờ khai thuế chung và tờ khai thuế riêng (sử dụng tình trạng khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Quý vị có thể chọn phương pháp cung cấp cho hai vợ/chồng mức thuế kết hợp thấp hơn trừ khi được yêu cầu vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Vợ/chồng qua đời. Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm, quý vị được coi là đã kết hôn trong cả năm và có thể chọn tình trạng khai thuế là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế. Xem phần [Vợ/chồng qua đời trong năm](#), trong mục [Người đã kết hôn](#), ở trên để tìm hiểu thêm thông tin.

Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm 2023 trước khi nộp tờ khai thuế năm 2022, quý vị có thể chọn tình trạng khai thuế là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế trên tờ khai thuế năm 2022 của mình.

Người đã ly hôn. Nếu quý vị ly hôn theo án lệnh cuối cùng vào ngày cuối cùng của năm, quý vị được coi là chưa kết hôn trong cả năm đó và quý vị không thể chọn tình trạng khai thuế vợ chồng khai chung hồ sơ thuế.

Nộp Tờ Khai Thuế Chung

Cả hai quý vị và vợ/chồng của quý vị phải bao gồm tất cả thu nhập và các khoản khấu trừ trên tờ khai thuế chung.

Chu kỳ kế toán. Cả hai người phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán nhưng có thể sử dụng các phương pháp kế toán khác nhau. Xem [Chu Kỳ Kế Toán](#) và [Phương Pháp Kế Toán](#) ở chương 1.

Trách nhiệm chung. Cả hai người có thể phải chịu trách nhiệm chung và riêng biệt đối với tiền thuế, tiền lãi hoặc tiền phạt phải trả trên tờ khai thuế chung. Điều này có nghĩa là nếu người vợ hoặc chồng không trả tiền thuế đúng hạn, người còn lại có thể phải trả. Hoặc, nếu một người vợ hoặc chồng không khai báo thuế chính xác, cả hai vợ/chồng có thể phải chịu trách nhiệm đóng thuế bổ sung theo định mức của IRS. Một người vợ hoặc chồng có thể phải chịu trách nhiệm đối với tất cả tiền thuế phải trả kể cả trong trường hợp tất cả thu nhập là của người kia.

Quý vị có thể muốn nộp tờ khai thuế riêng nếu:

- Quý vị tin rằng vợ/chồng của quý vị không khai báo hết toàn bộ thu nhập của họ, hoặc
- Quý vị không muốn chịu trách nhiệm đối với số thuế phải trả nếu vợ/chồng của quý vị không có đủ thuế đã khấu trừ hoặc không nộp đủ thuế ước tính.

Người đóng thuế đã ly hôn. Quý vị có thể phải chịu trách nhiệm chung và riêng biệt đối với tiền thuế, tiền lãi và tiền phạt phải trả trên tờ khai thuế chung trước khi ly hôn. Trách nhiệm này có thể áp dụng ngay cả khi lệnh cho phép ly hôn của quý vị phán quyết rằng vợ/chồng cũ của quý vị sẽ chịu trách nhiệm về bất kỳ số tiền nào phải trả trên các tờ khai thuế chung đã nộp trước đó.

Miễn trách nhiệm chung. Trong một số trường hợp, một người vợ hoặc chồng có thể được giảm trách nhiệm chung về thuế, tiền lãi và tiền phạt trên tờ khai thuế chung cho các mục đã khai báo sai

trong tờ khai thuế chung của người kia. Quý vị có thể yêu cầu miễn bất kể số nợ nhỏ đến đâu.

Có ba hình thức được miễn.

1. Miễn cho vợ/chồng vô can.
2. Phân tách số nợ (chỉ áp dụng cho người nộp tờ khai thuế chung mà người vợ/chồng đã qua đời, hoặc đã ly hôn, ly thân hợp pháp, hoặc không sống cùng nhau trong 12 tháng tính đến ngày nộp lựa chọn miễn này).
3. Miễn công bằng.

Quý vị phải nộp Mẫu 8857, Yêu Cầu Miễn cho Vợ/Chồng Vô Can, để yêu cầu miễn trách nhiệm chung. Ấn Phẩm 971, Miễn cho Vợ/Chồng Vô Can giải thích các hình thức miễn và đối tượng đủ điều kiện để được.

Ký tờ khai thuế chung. Để tờ khai thuế được coi là tờ khai thuế chung, cả hai vợ/chồng thường phải ký tên trên tờ khai.

Vợ/chồng qua đời trước khi ký. Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trước khi ký tên trên tờ khai thuế, người thi hành hoặc người quản lý pháp ký tên vào tờ khai thuế cho vợ/chồng của quý vị. Nếu quý vị hoặc người khác chưa được chỉ định làm người thi hành hoặc người quản lý, quý vị có thể ký tên vào tờ khai thuế cho vợ/chồng của mình đồng thời điền "Nộp đơn với tư cách là người vợ/chồng còn lại" ở phần ký tên trên hồ sơ.

Vợ/chồng vắng nhà. Nếu vợ/chồng quý vị vắng nhà, quý vị cần chuẩn bị tờ khai thuế, ký tên và gửi cho vợ/chồng của quý vị ký để có thể nộp đúng hạn.

Thương tích hoặc bệnh tật ngăn cản việc ký tên. Nếu vợ/chồng của quý vị không thể ký tên do bệnh tật hoặc thương tích và yêu cầu quý vị ký thay cho họ, quý vị có thể ký tên của người vợ/chồng của quý vị vào khoảng trống thích hợp trên tờ khai thuế sau đó ghi "By (Bởi) (tên của quý vị), Spouse (Vợ/Chồng)." Đảm bảo ký vào đúng khoảng trống dành cho chữ ký của quý vị. Gửi bản tường trình có ghi ngày và có chữ ký của quý vị kèm theo tờ khai thuế. Bản tường trình phải ghi rõ số mẫu của tờ khai thuế mà quý vị đang nộp, năm thuế và lý do vợ/chồng của quý vị không thể ký tên đồng thời phải nêu rõ rằng vợ/chồng của quý vị đã đồng ý để quý vị ký thay họ.

Ký tên với tư cách là người giám hộ của vợ/chồng. Nếu quý vị là người giám hộ cho vợ/chồng không đủ năng lực về tinh thần, quý vị có thể ký tờ khai thuế cho vợ/chồng của quý vị với tư cách là người giám hộ.

Vợ/chồng ở khu vực chiến sự. Quý vị có thể ký tờ khai thuế chung cho vợ/chồng của quý vị nếu vợ/chồng của quý vị không thể ký do họ đang phục vụ trong khu vực chiến sự (ví dụ như Khu Vực Vịnh Ba Tư, Serbia, Montenegro, Albania hoặc Afghanistan), kể cả trong trường hợp quý vị không có giấy ủy quyền hoặc tuyên bố khác. Gửi bản tường trình có chữ ký giải thích rằng vợ/chồng của quý vị đang phục vụ trong khu vực chiến sự kèm theo tờ khai thuế. Để biết thêm thông tin về các quy tắc thuế đặc biệt áp dụng với những người đang phục vụ trong khu vực chiến sự hoặc những người đang ở tình trạng mất tích khi phục vụ trong khu vực chiến sự, tham khảo Ấn Phẩm 3, Hướng Dẫn về Thuế Cho Lực Lượng Vũ Trang.

Giấy ủy quyền. Để quý vị có thể ký tờ khai thuế cho vợ/chồng của quý vị trong bất kỳ trường hợp nào trong số này, quý vị phải gửi giấy ủy quyền (POA) cho phép quý vị ký thay vợ/chồng của mình kèm theo tờ khai thuế. Quý vị có thể sử dụng POA

nêu rõ rằng quý vị được ủy quyền ký tờ khai thuế hoặc quý vị có thể sử dụng Mẫu 2848. Phần I của Mẫu 2848 phải nêu rõ rằng quý vị được ủy quyền ký tờ khai thuế.

Người nước ngoài tạm trú hoặc người nước ngoài có tình trạng kép. Nói chung, một cặp vợ/chồng đã kết hôn không thể nộp tờ khai thuế chung nếu một trong hai người là người nước ngoài tạm trú tại bất kỳ thời điểm nào trong năm thuế. Tuy nhiên, nếu vợ hoặc chồng là người nước ngoài tạm trú hoặc người nước ngoài có tình trạng kép đã kết hôn với công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú tại thời điểm cuối năm, hai vợ/chồng có thể chọn nộp tờ khai thuế chung. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế chung, quý vị và vợ/chồng của quý vị đều được coi là thường trú nhân Hoa Kỳ trong cả năm thuế. Tham khảo chương 1 của Ấn Phẩm 519, Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Người Nước Ngoài.

Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế

Quý vị có thể chọn tình trạng khai thuế là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế khi quý vị đã kết hôn. Tình trạng khai thuế này có thể có lợi cho quý vị nếu quý vị chỉ muốn chịu trách nhiệm đối với số thuế của riêng quý vị hoặc nếu tình trạng khai thuế này dẫn tới mức thuế thấp hơn so với khi khai thuế chung.

Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị không đồng ý khai thuế chung, quý vị phải sử dụng tình trạng khai thuế này trừ khi quý vị đủ tiêu chuẩn sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình, nội dung này sẽ được thảo luận ở phần sau.

Quý vị có thể chọn tình trạng khai thuế là chủ gia đình nếu quý vị được coi là chưa kết hôn vì quý vị sống xa vợ/chồng đồng thời đáp ứng một số thử thách nhất định (trình bày trong mục [Chủ Gia Đình](#) ở phần sau). Quy tắc này có thể áp dụng với quý vị kể cả khi quý vị chưa ly hôn hoặc ly thân hợp pháp. Nếu quý vị đủ điều kiện nộp tờ khai thuế với tình trạng khai thuế là chủ gia đình, thay vì vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, mức thuế của quý vị có thể thấp hơn, quý vị có thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được và một số quyền lợi khác, đồng thời mức khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị sẽ cao hơn. Tình trạng khai thuế là chủ gia đình cho phép quý vị chọn áp dụng mức khấu trừ tiêu chuẩn kể cả khi vợ/chồng của quý vị chọn khấu trừ từng khoản. Xem mục [Chủ Gia Đình](#) ở phần sau để tìm hiểu thêm thông tin.

TIP Quý vị thông thường sẽ trả nhiều thuế kết hợp trên các tờ khai riêng lẻ hơn là quý vị trả cho một tờ khai chung vì những lý do được liệt kê trong [Quy Tắc Đặc Biệt](#) ở phần sau. Tuy nhiên, trừ trường hợp quý vị được yêu cầu khai thuế riêng, quý vị nên tính thuế theo cả hai cách (khai thuế chung và khai thuế riêng). Bằng cách này, quý vị có thể đảm bảo rằng mình đang sử dụng tình trạng khai thuế dẫn đến mức thuế kết hợp thấp nhất. Khi tính thuế kết hợp của một cặp vợ/chồng, quý vị có thể cần xem xét thuế tiểu bang cũng như thuế liên bang.

Cách nộp tờ khai thuế. Nếu quý vị khai thuế riêng, quý vị thường chỉ khai báo thu nhập, tín thuế và khấu trừ của riêng mình.

Chọn tình trạng khai thuế này bằng cách đánh dấu vào ô “Married filing separately (Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)” trên dòng *Filing Status (Tình Trạng Khai Thuế)* ở đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Điền tên đầy đủ của vợ/chồng quý vị và SSN hoặc ITIN vào ô trống ở cuối phần *Filing Status (Tình*

Trạng Khai Thuế). Nếu vợ/chồng của quý vị không có và không bắt buộc phải có SSN hoặc ITIN, hãy điền “NRA” vào chỗ trống dành cho SSN của vợ/chồng quý vị. Sử dụng cột *Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế* của Bảng Thuế, hoặc Đoạn C của Bảng Tính Thuế, để tính thuế của quý vị.

Quy Tắc Đặc Biệt

Nếu quý vị chọn tình trạng khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, các quy tắc đặc biệt sau sẽ được áp dụng. Do những quy tắc đặc biệt này, mức thuế quý vị phải trả trên tờ khai thuế riêng thường cao hơn mức thuế với tình trạng khai thuế khác mà quý vị đủ điều kiện sử dụng.

1. Thuế suất của quý vị thường cao hơn so với tờ khai thuế chung.
2. Số tiền miễn trừ để tính thuế tối thiểu thay thế của quý vị bằng một nửa số tiền cho phép trên tờ khai thuế chung.
3. Quý vị không thể nhận tín thuế cho các chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc trong hầu hết các trường hợp, và số tiền quý vị có thể loại trừ từ thu nhập theo chương trình hỗ trợ chăm sóc người phụ thuộc của chủ lao động sẽ giới hạn ở mức \$2.500 (thay vì mức \$5.000 áp dụng cho tờ khai thuế chung). Tuy nhiên, nếu quý vị sống ly thân hợp pháp hoặc sống xa vợ/chồng, quý vị có thể nộp tờ khai thuế riêng và vẫn được nhận tín thuế này. Để tìm hiểu thêm thông tin về các khoản chi phí, tín thuế và loại trừ này, xem *What's Your Filing Status? (Tình Trạng Khai Thuế Của Quý Vị Là Gì?)* trong Ấn Phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc.
4. Quý vị không thể xin tín thuế thu nhập kiếm được trừ khi quý vị đã ly thân với vợ/chồng của mình vào cuối năm 2022 và đáp ứng một số yêu cầu nhất định. Để biết thêm thông tin về các yêu cầu này, xem *Quy Tắc 3—Nếu Tình Trạng Khai Thuế của Quý Vị là Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế, Quý Vị Phải Đáp Ứng Một Số Quy Tắc Nhất Định* trong Ấn Phẩm 596, Tín Thuế Thu Nhập Kiếm Được (EIC).
5. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị không thể xin loại trừ hoặc tín thuế cho chi phí nhận con nuôi.
6. Quý vị không thể xin tín thuế giáo dục (tín thuế cơ hội Mỹ và tín thuế học tập trọn đời) hoặc khấu trừ lãi vay sinh viên.
7. Quý vị không thể loại trừ khỏi thu nhập tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện mà quý vị đã sử dụng cho các chi phí giáo dục đại học.
8. Nếu quý vị đã sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm:
 - a. Quý vị không thể yêu cầu tín thuế dành cho người cao niên hay người bị khuyết tật, và
 - b. Quý vị phải tính phúc lợi an sinh xã hội hoặc phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương mà quý vị nhận được vào thu nhập với tỷ lệ cao hơn (tối đa 85%).
9. Các khoản tín thuế và khấu trừ dưới đây sẽ giảm theo mức thu nhập và bằng một nửa so với mức áp dụng trong tờ khai thuế chung:
 - a. Tín thuế trẻ em và tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác, và
 - b. Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí.

10. Giới hạn khấu trừ tiền lãi vốn của quý vị là \$1.500 (thay vì \$3.000 áp dụng với tờ khai thuế chung).

11. Nếu vợ/chồng của quý vị khấu trừ từng khoản, quý vị không thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn. Nếu quý vị có thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn, khấu trừ tiêu chuẩn cơ bản của quý vị bằng một nửa số tiền được cho phép đối với tờ khai thuế chung.

Giới hạn tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI)

Nếu AGI của quý vị trên tờ khai thuế riêng thấp hơn so với mức trên tờ khai thuế chung, quý vị có thể khấu trừ số tiền lớn hơn đối với một số khoản khấu trừ bị AGI giới hạn, ví dụ như chi phí y tế.

Quỹ hưu trí cá nhân (IRA)

Quý vị không thể khấu trừ tất cả hoặc một phần tiền đóng góp vào IRA truyền thống nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị đã tham gia chương trình hưu trí dành cho nhân viên tại nơi làm việc trong năm. Mức khấu trừ của quý vị sẽ giảm hoặc bị loại bỏ nếu thu nhập của quý vị nhiều hơn một số tiền nhất định. Số tiền này thấp hơn nhiều đối với những cá nhân đã kết hôn nộp tờ khai thuế riêng và sống cùng nhau tại bất kỳ thời điểm nào trong năm. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem mục [Quý Vị Có Thể Khấu Trừ Bao Nhiêu](#) ở chương 9.

Lỗ từ hoạt động cho thuê. Nếu quý vị tích cực tham gia hoạt động cho thuê bất động sản thụ động dẫn đến thua lỗ, quý vị thường có thể khấu trừ tiền lỗ từ thu nhập không thụ động của mình với mức tối đa \$25.000. Khoản khấu trừ này được gọi là “special allowance (phụ cấp đặc biệt).” Tuy nhiên, những người đã kết hôn nộp tờ khai thuế riêng sống cùng nhau tại bất kỳ thời điểm nào trong năm không thể yêu cầu phụ cấp đặc biệt này. Những người đã kết hôn nộp tờ khai thuế riêng sống xa nhau tại mọi thời điểm trong năm được phép nhận khoản phụ cấp đặc biệt tối đa \$12.500 cho khoản lỗ từ hoạt động bất động sản thụ động. Xem *Rental Activities (Hoạt Động Cho Thuê)* trong Ấn Phẩm 925, Quy Tắc về Các Hoạt Động Thụ Động và Rủi Ro, để biết thêm thông tin.

Tiểu bang có tài sản chung. Nếu quý vị sống tại tiểu bang có tài sản chung và nộp tờ khai thuế riêng, thu nhập của quý vị có thể được coi là thu nhập riêng hoặc thu nhập chung cho các mục đích liên quan đến thuế thu nhập. Các tiểu bang có tài sản chung bao gồm Arizona, California, Idaho, Louisiana, Nevada, New Mexico, Texas, Washington, và Wisconsin. Tham khảo Ấn Phẩm 555, Tài Sản Chung, để tìm hiểu thêm thông tin.

Tờ Khai Thuế Chung Sau Tờ Khai Thuế Riêng

Quý vị có thể thay đổi tình trạng khai thuế của mình từ tờ khai thuế riêng thành tờ khai thuế chung bằng cách nộp tờ khai thuế đã sửa đổi bằng cách sử dụng Mẫu 1040-X.

Thông thường, quý vị có thể đổi sang tình trạng khai thuế chung bất kỳ lúc nào trong vòng 3 năm kể từ ngày đáo hạn tờ khai thuế riêng hoặc các tờ khai thuế. Thời hạn này không bao gồm thời gian gia hạn. Tờ khai thuế riêng bao gồm tờ khai thuế do quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị nộp sử dụng tình trạng khai thuế vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, độc thân hoặc chủ gia đình.

Bảng Tính 2-1. Chi Phí Duy Trì Nhà Ở

Ở

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị



	Số Tiền Quý Vị Đã Trả	Tổng Chi Phí
Thuế tài sản	\$	\$
Chi phí lãi vay thế chấp		
Tiền thuê		
Phí tiện ích		
Sửa chữa/Bảo trì		
Bảo hiểm tài sản		
Thực phẩm ăn ở nhà		
Các chi phí gia đình khác		
Tổng cộng	\$	\$
Trừ tổng số tiền quý vị đã trả		(_____)
Số tiền người khác đã trả		\$

Nếu tổng số tiền quý vị đã trả nhiều hơn số tiền người khác đã trả, quý vị đáp ứng yêu cầu trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở.

Tờ Khai Thuế Riêng Sau Tờ Khai Thuế Chung

Sau khi quý vị khai thuế chung, quý vị không thể chọn nộp tờ khai thuế riêng cho năm đó sau ngày đến hạn nộp tờ khai thuế.

Trường hợp ngoại lệ. Đại diện cá nhân cho người quá cố có thể thay đổi từ tình trạng khai thuế chung do người vợ/chồng còn lại lựa chọn thành tình trạng khai thuế riêng cho người quá cố. Đại diện cá nhân có 1 năm kể từ ngày đến hạn tờ khai thuế (bao gồm thời gian gia hạn) để thực hiện thay đổi. Xem Ấn Phẩm 559, Người Còn Lại, Người Thi Hành, và Người Quản Lý, để tìm hiểu thêm thông tin về việc nộp tờ khai thuế cho người quá cố.

Chủ Gia Đình

Quý vị có thể khai thuế với tư cách chủ gia đình nếu quý vị đáp ứng tất cả những yêu cầu sau.

- Quý vị chưa kết hôn hoặc được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm. Xem mục [Tình Trạng Hôn Nhân](#) ở phần trên, và [Được Coi Là Chưa Kết Hôn](#) ở phần sau.
- Quý vị đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm.
- Một người đủ điều kiện đã sống trong nhà với quý vị hơn nửa năm (trừ trường hợp vắng mặt tạm thời, ví dụ như đi học). Tuy nhiên, nếu người đủ điều kiện là cha/mẹ phụ thuộc của quý vị thì cha/mẹ phụ thuộc không nhất thiết phải sống với quý vị. Xem [Quy tắc đặc biệt dành cho cha/mẹ](#) ở phần sau, trong mục [Người Đủ Điều Kiện](#).



Nếu quý vị đủ điều kiện nộp tờ khai thuế với tư cách chủ gia đình, mức thuế của quý vị thường sẽ thấp hơn mức thuế áp dụng với tình trạng khai thuế độc thân hoặc vợ/chồng khai thuế riêng hồ sơ thuế. Quý vị cũng sẽ nhận được mức khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn so với mức khấu trừ áp dụng nếu quý vị nộp tờ khai thuế theo tình trạng độc thân hoặc vợ/chồng khai thuế riêng hồ sơ thuế.

Cách nộp. Chọn tình trạng khai thuế của quý vị bằng cách đánh dấu vào ô "Head of household (Chủ

gia đình)" trên dòng *Filing Status (Tình Trạng Khai Thuế)* ở đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu đưa trẻ giúp quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này không được khai báo là người phụ thuộc của quý vị trong phần *Dependents (Người Phụ Thuộc)* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Filing Status (Tình Trạng Khai Thuế)*. Sử dụng cột *Chủ gia đình* của Bảng Thuế, hoặc Đoạn D của Bảng Tính Thuế để tính thuế của quý vị.

Được Coi Là Chưa Kết Hôn

Để đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình, quý vị phải chưa kết hôn hoặc được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm. Quý vị được coi là chưa kết hôn vào ngày cuối cùng của năm thuế nếu quý vị đáp ứng tất cả các thử thách sau.

- Quý vị nộp tờ khai thuế riêng. Tờ khai thuế riêng bao gồm tờ khai thuế sử dụng tình trạng khai thuế vợ/chồng khai thuế riêng hồ sơ thuế, độc thân hoặc chủ gia đình.
- Quý vị đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm thuế.
- Vợ/chồng của quý vị đã không sống trong nhà của quý vị trong 6 tháng cuối cùng của năm thuế. Vợ/chồng của quý vị được coi là sống trong nhà của quý vị kể cả khi vợ/chồng của quý vị tạm thời vắng mặt vì hoàn cảnh đặc biệt. Xem [Vắng mặt tạm thời](#) trong mục [Người Đủ Điều Kiện](#) ở phần sau.
- Nhà của quý vị là nơi ở chính của con, con kế hoặc con nuôi của quý vị trong hơn nửa năm. (Xem [Nhà của người đủ điều kiện](#) trong mục [Người Đủ Điều Kiện](#) ở phần sau để tìm hiểu các quy tắc áp dụng cho trẻ sinh ra, qua đời hoặc vắng mặt tạm thời trong năm.)
- Quý vị phải có thể khai trẻ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, quý vị đáp ứng thử thách này nếu quý vị không thể khai trẻ là người phụ thuộc chỉ vì người cha/mẹ không giám hộ có thể khai trẻ là người phụ thuộc bằng cách sử dụng các quy tắc được mô tả ở phần [Con của cha/mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha/mẹ sống xa](#)

[nhau](#)) trong mục [Trẻ Đủ Điều Kiện](#) ở chương 3, hoặc được nhắc tới trong phần [Thử Thách Hỗ Trợ Đối Với Con Của Cha Mẹ Đã Ly Hôn Hoặc Ly Thân \(Hoặc Cha Mẹ Sống Xa Nhau\)](#) trong mục [Thân Nhân Đủ Điều Kiện](#) ở chương 3. Các quy tắc chung để khai báo trẻ là người phụ thuộc được giải thích ở Chương 3.



Nếu quý vị được coi là đã kết hôn trong một phần của năm và sống tại [tiểu bang có tài sản chung](#) (được liệt kê ở phần trên trong mục [Vợ/Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế](#)), các quy tắc đặc biệt có thể áp dụng khi xác định thu nhập và chi phí của quý vị. Xem Ấn Phẩm 555 để biết thêm thông tin.

Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú. Quý vị được coi là chưa kết hôn cho mục đích xác định tình trạng chủ gia đình nếu vợ/chồng của quý vị là người nước ngoài tạm trú tại bất kỳ thời điểm nào trong năm và quý vị không chọn coi vợ/chồng tạm trú của mình là người nước ngoài thường trú. Tuy nhiên, vợ/chồng của quý vị không phải là người đủ điều kiện cho mục đích xác định tình trạng chủ gia đình. Quý vị phải có một người đủ điều kiện khác đồng thời đáp ứng các thử thách khác để đủ điều kiện nộp đơn với tư cách chủ gia đình.

Lựa chọn coi vợ/chồng là thường trú nhân.

Quý vị được coi là đã kết hôn nếu quý vị chọn coi vợ/chồng của mình là người nước ngoài thường trú. Tham khảo chương 1 của Ấn Phẩm 519.

Duy Trì Nhà Ở

Để đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình, quý vị phải trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm. Quý vị có thể xác định liệu quý vị đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở hay chưa bằng cách sử dụng [Bảng Tính 2-1](#).

Chi phí quý vị cần tính vào. Tính vào chi phí duy trì nhà ở, ví dụ như tiền thuê nhà, lãi vay thế chấp, thuế bất động sản, bảo hiểm cho ngôi nhà, sửa chữa, tiện ích và thực phẩm ăn ở nhà.

Chi phí quý vị không tính vào. Không tính chi phí quần áo, giáo dục, điều trị y tế, nghỉ dưỡng, bảo hiểm nhân thọ hay đi lại. Ngoài ra không tính giá trị các dịch vụ của quý vị hoặc của một thành viên trong gia đình quý vị.

Người Đủ Điều Kiện

Xem [Bảng 2-1](#) để tìm hiểu về người đủ điều kiện. Bất kỳ người nào không được mô tả trong [Bảng 2-1](#) không phải là người đủ điều kiện.

Ví dụ 1 - Trẻ em. Trẻ chưa kết hôn sống với quý vị cả năm và 18 tuổi vào cuối năm. Trẻ của quý vị không tự cung cấp hơn một nửa số tiền cấp dưỡng cho bản thân và không đáp ứng các thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác. Vì vậy, trẻ này là trẻ đủ điều kiện của quý vị (tham khảo mục [Trẻ Đủ Điều Kiện](#) ở chương 3) và, bởi vì trẻ này còn độc thân, là người đủ điều kiện của quý vị cho mục đích chủ gia đình.

Ví dụ 2 - Trẻ không phải là người đủ điều kiện. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ trẻ của quý vị 25 tuổi vào cuối năm và tổng thu nhập của trẻ là \$5.000. Vì trẻ không đáp ứng [thử thách tuổi tác](#) (được giải thích trong mục [Trẻ Đủ Điều Kiện](#) ở chương 3), trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị. Vì trẻ không đáp ứng [thử thách tổng](#)

Bảng 2-1. Ai Là Người Đủ Điều Kiện Giúp Quý Vị Đủ Điều Kiện Khai Thuế Với Tư Cách Chủ Gia Đình?¹

Chú ý. Xem văn bản của chương này để nắm được những yêu cầu khác mà quý vị phải đáp ứng để yêu cầu tình trạng khai thuế là chủ gia đình.

NẾU với quý vị người đó là . . .	VÀ . . .	THÌ người đó là . . .
trẻ đủ điều kiện (ví dụ như con trai, con gái hoặc cháu nội/ngoại đã sống với quý vị hơn nửa năm và đáp ứng một số thử thách khác) ²	trẻ là độc thân	người đủ điều kiện, cho dù trẻ có đáp ứng Thử Thách Quốc Tịch hoặc Thường Trú Nhân trong chương 3 hay không.
	trẻ đã kết hôn và quý vị khai trẻ là người phụ thuộc	người đủ điều kiện.
	trẻ đã kết hôn và quý vị không thể khai trẻ là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện. ³
thân nhân đủ điều kiện ⁴ là cha hoặc mẹ của quý vị	quý vị có thể khai cha/mẹ của mình là người phụ thuộc ⁵	người đủ điều kiện. ⁶
	quý vị không thể khai cha/mẹ của mình là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện.
thân nhân đủ điều kiện ⁴ ngoài cha hoặc mẹ của quý vị (ví dụ như ông bà, anh/em trai hoặc chị/em gái đáp ứng các thử thách nhất định)	thân nhân này đã sống với quý vị hơn nửa năm và thân nhân này có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị ở chương 3 và quý vị có thể khai thân nhân này là người phụ thuộc ⁵	người đủ điều kiện.
	thân nhân này đã không sống với quý vị hơn nửa năm	không phải là người đủ điều kiện.
	thân nhân này không có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị ở chương 3 và chỉ là thân nhân đủ điều kiện của quý vị vì thân nhân này đã sống với quý vị cả năm với tư cách là thành viên trong gia đình quý vị	không phải là người đủ điều kiện.
	quý vị không thể khai thân nhân này là người phụ thuộc	không phải là người đủ điều kiện.

¹ Một người không thể giúp nhiều hơn một người đóng thuế đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế là chủ gia đình trong năm.
² Thuật ngữ [trẻ đủ điều kiện](#) được định nghĩa ở chương 3. **Ghi chú.** Nếu quý vị là cha/mẹ không giám hộ, thì thuật ngữ "trẻ đủ điều kiện" cho tình trạng khai thuế chủ gia đình không bao gồm trẻ đủ điều kiện chỉ dựa trên các quy tắc được mô tả ở phần [Con của cha/mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha/mẹ sống xa nhau\)](#) trong mục [Trẻ Đủ Điều Kiện](#) ở chương 3. Nếu quý vị là cha/mẹ giám hộ và những quy tắc trên áp dụng, thì đứa trẻ đó thường là trẻ đủ điều kiện của quý vị cho tình trạng khai thuế chủ gia đình mặc dù đứa trẻ đó không phải là trẻ đủ điều kiện mà quý vị có thể khai báo là người phụ thuộc.
³ Người này là người đủ điều kiện nếu lý do duy nhất khiến quý vị không thể khai người này là người phụ thuộc là vì quý vị, hoặc vợ/chồng của quý vị nếu nộp tờ khai thuế chung, có thể đã được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác.
⁴ Thuật ngữ [thân nhân đủ điều kiện](#) được định nghĩa ở chương 3.
⁵ Nếu quý vị có thể khai một người là người phụ thuộc chỉ vì thỏa thuận cấp dưỡng đa phương, người đó không phải là người đủ điều kiện. Xem mục [Thỏa Thuận Cấp Dưỡng Đa Phương](#) ở chương 3.
⁶ Xem [Quy tắc đặc biệt dành cho cha/mẹ](#) trong mục [Người Đủ Điều Kiện](#), ở phần trước.

thu nhập (được giải thích trong mục [Thân Nhân Đủ Điều Kiện](#) ở chương 3), trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Vì vậy, trẻ không là người đủ điều kiện của quý vị cho mục đích chủ gia đình.

Ví dụ 3 - Bạn. Bạn của quý vị đã sống với quý vị cả năm. Mặc dù bạn của quý vị có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng thử thách tổng thu nhập và hỗ trợ (được giải thích ở chương 3), bạn của quý vị không phải là người đủ điều kiện của quý vị cho mục đích chủ gia đình vì bạn của quý vị không có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục [Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị](#) ở chương 3. Xem [Bảng 2-1](#).

Ví dụ 4 - Con của bạn. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 3](#), ngoại trừ đứa trẻ 10 tuổi của bạn của quý vị cũng sống với quý vị cả năm. Trẻ của bạn

của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị và vì trẻ này là trẻ đủ điều kiện của bạn của quý vị, trẻ của bạn của quý vị không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị (tham khảo mục [Thử Thách Không Phải Trẻ Đủ Điều Kiện](#) ở chương 3). Vì vậy, trẻ của bạn của quý vị không phải là người đủ điều kiện của quý vị cho mục đích chủ gia đình.

Nhà của người đủ điều kiện. Thông thường, người đủ điều kiện phải sống với quý vị hơn nửa năm.

Quy tắc đặc biệt dành cho cha/mẹ. Nếu người đủ điều kiện của quý vị là cha/mẹ của quý vị, quý vị có thể đủ điều kiện nộp tờ khai với tư cách chủ gia đình kể cả khi cha/mẹ của quý vị không sống với quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải có thể khai cha/mẹ mình là người phụ thuộc. Ngoài ra, quý vị phải trả

hơn một nửa chi phí duy trì ngôi nhà là nơi ở chính trong cả năm cho cha/mẹ mình.

Nếu quý vị trả hơn một nửa chi phí cho cha/mẹ ở nhà an dưỡng hoặc nhà dành cho người cao niên, quý vị được coi là đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nơi ở chính cho cha/mẹ của quý vị.

Qua đời hoặc sinh ra. Quý vị có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách chủ gia đình kể cả khi cá nhân giúp quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này được sinh ra hoặc qua đời trong năm. Nếu cá nhân đó là trẻ đủ điều kiện của quý vị, thì trẻ phải sống với quý vị hơn một thời gian mà trẻ còn sống. Nếu cá nhân đó là bất kỳ ai khác, tham khảo Ấn Phẩm 501 để biết thêm thông tin.

Vắng mặt tạm thời. Quý vị và người đủ điều kiện của quý vị được coi là sống cùng nhau kể cả khi một hoặc cả hai người tạm thời vắng mặt ở nhà vì

những hoàn cảnh đặc biệt, ví dụ như bệnh tật, giáo dục, kinh doanh, nghỉ dưỡng, nghĩa vụ quân sự hoặc bị giam giữ trong cơ sở dành cho trẻ vị thành niên. Quý vị phải có thể giá định hợp lý rằng người vắng mặt sẽ trở về nhà sau thời gian tạm vắng. Quý vị phải tiếp tục duy trì nhà ở trong thời gian vắng mặt.

Trẻ bị bắt cóc. Quý vị có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách chủ gia đình kể cả khi đứa trẻ là người đủ điều kiện của quý vị bị bắt cóc. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 501.

Người Vợ/Chồng Còn Lại Đủ Điều Kiện

Nếu vợ/chồng của quý vị qua đời trong năm 2022, quý vị có thể sử dụng tình trạng khai thuế là vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế cho năm 2022 nếu quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này khi vợ/chồng của quý vị còn sống. Năm mất là năm cuối cùng mà quý vị có thể khai thuế chung với người vợ/chồng quá cố của mình. Xem mục [Vợ/Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế](#) ở phần trên.

Quý vị có thể đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế là người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện trong 2 năm sau năm vợ/chồng của quý vị qua đời. Ví dụ, nếu vợ/chồng của quý vị qua đời vào năm 2021 và quý vị chưa tái hôn, quý vị có thể sử dụng tình trạng khai thuế này cho năm 2022 và 2023.

Tình trạng khai thuế này cho phép quý vị sử dụng thuế suất khai thuế chung và mức khấu trừ tiêu chuẩn cao nhất (nếu quý vị không khấu trừ từng khoản). Tình trạng này không cho phép quý vị khai thuế chung.

Cách nộp tờ khai thuế. Chọn tình trạng khai thuế của quý vị bằng cách đánh dấu vào ô “Qualifying surviving spouse (Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện)” trên dòng *Filing Status (Tình Trạng Khai Thuế)* ở đầu Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu đứa trẻ giúp quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này không được khai là người phụ thuộc của quý vị trong phần *Dependents (Người Phụ Thuộc)* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Filing Status (Tình Trạng Khai Thuế)*. Sử dụng cột *Vợ/Chồng khai chung hồ sơ thuế* của Bảng Thuế, hoặc Đoạn B của Bảng Tính Thuế để tính thuế của quý vị.

Quy tắc đủ điều kiện. Quý vị đủ điều kiện nộp tờ khai thuế năm 2022 với tình trạng người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện nếu quý vị đáp ứng tất cả các thử thách sau.

- Quý vị có quyền khai thuế chung với vợ/chồng của quý vị trong năm vợ/chồng của quý vị qua đời. Quý vị không nhất thiết đã khai thuế chung trên thực tế.
- Vợ/chồng của quý vị đã qua đời trong năm 2020 hoặc 2021 và quý vị không tái hôn trước khi kết thúc năm 2022.
- Quý vị có con hoặc con kế (không phải con nuôi) mà quý vị có thể khai là người phụ thuộc hoặc đã có thể khai là người phụ thuộc ngoại trừ trường hợp, cho năm 2022:
 - Trẻ có tổng thu nhập từ \$4.400 trở lên,
 - Trẻ đã khai thuế chung, hoặc
 - Quý vị có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác.

Nếu trẻ không được khai là người phụ thuộc của quý vị trong phần *Dependents*

(*Người Phụ Thuộc*) của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên trẻ vào khoảng trống ở cuối phần *Filing Status (Tình Trạng Khai Thuế)*. Nếu quý vị không điền tên, chúng tôi sẽ mất nhiều thời gian hơn để xử lý tờ khai thuế của quý vị.

- Trẻ đã sống trong nhà quý vị cả năm, ngoại trừ những lần vắng mặt tạm thời. Xem phần [Vắng mặt tạm thời](#), trong mục *Chủ Gia Đình*. Có một số trường hợp ngoại lệ, được mô tả ở phần sau, đối với trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm và đối với trẻ bị bắt cóc.
- Quý vị đã trả hơn một nửa chi phí duy trì nhà ở trong năm. Xem phần [Duy Trì Nhà Ở](#), trong mục *Chủ Gia Đình*.

Ví dụ: Vợ/chồng của A mất năm 2020. A chưa tái hôn. Trong suốt năm 2021 và 2022, A tiếp tục duy trì nhà ở cho bản thân và con của mình, người sống với A và người mà A có thể khai là người phụ thuộc. Trong năm 2020, A có quyền nộp tờ khai thuế chung cho mình và người vợ/chồng quá cố. Trong năm 2021 và 2022, A có thể nộp tờ khai thuế với tư cách người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện. Sau năm 2022, A có thể khai thuế với tư cách chủ gia đình nếu A đủ điều kiện.

Qua đời hoặc sinh ra. Quý vị có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện khi đứa trẻ giúp quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này được sinh ra hoặc qua đời trong năm. Quý vị phải trả hơn một nửa chi phí duy trì ngôi nhà là nơi ở chính của trẻ trong suốt thời gian trẻ còn sống.

Trẻ bị bắt cóc. Quý vị có thể đủ điều kiện khai thuế với tư cách người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện kể cả khi đứa trẻ giúp quý vị đủ điều kiện sử dụng tình trạng khai thuế này đã bị bắt cóc. Xem Ấn Phẩm 501 để biết thêm thông tin.



Như đã đề cập ở phần trên, tình trạng khai thuế này chỉ có hiệu lực trong 2 năm sau năm vợ/chồng của quý vị qua đời.

3.

Người Phụ Thuộc

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Người phụ thuộc – Thông thường, quý vị có thể khai trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của mình là người phụ thuộc.
- Yêu cầu về số an sinh xã hội (SSN) đối với người phụ thuộc—quý vị phải liệt kê SSN của bất kỳ người nào mà quý vị khai là người phụ thuộc.

Cách khai người phụ thuộc. Trên trang 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, điền tên người phụ thuộc của quý vị vào phần *Dependents (Người Phụ Thuộc)*.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 501** Người Phụ Thuộc, Khấu Trừ Tiêu Chuẩn và Thông Tin Khai Thuế
 - 503** Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc
 - 526** Đóng Góp Từ Thiện
- Mẫu (và Hướng dẫn)**
- 2120** Tuyên Bố Cấp Dưỡng Đa Phương
 - 8332** Miễn/Hủy Bỏ của Miễn Khai Miễn Trừ Cho Trẻ Bồi Cha Mẹ Giám Hộ

Người Phụ Thuộc

Thuật ngữ “người phụ thuộc” có nghĩa là:

- Trẻ đủ điều kiện, hoặc
- Thân nhân đủ điều kiện.

Thuật ngữ “trẻ đủ điều kiện” và “thân nhân đủ điều kiện” được định nghĩa ở phần sau.

Tất cả những yêu cầu cần đáp ứng để khai người phụ thuộc được tóm tắt trong [Bảng 3-1](#).

Quản gia, người giúp việc hoặc người phục vụ. Nếu những người này làm việc cho quý vị, quý vị không thể khai họ là người phụ thuộc.

Tín thuế trẻ em. Quý vị có thể được hưởng tín thuế trẻ em cho trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi tại thời điểm cuối năm nếu quý vị khai đứa trẻ đó là người phụ thuộc. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem [chương 14](#).

Tín thuế cho người phụ thuộc khác. Quý vị có thể được hưởng tín thuế cho người phụ thuộc khác cho mỗi trẻ đủ điều kiện mà không làm cho quý vị đủ điều kiện hưởng tín thuế trẻ em và đối với mỗi thân nhân đủ điều kiện. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem [chương 14](#).

Ngoại lệ

Kể cả khi quý vị có trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện, quý vị chỉ có thể khai người đó là người phụ thuộc khi đáp ứng ba thử thách dưới đây.

- [Thử thách cho người đóng thuế là người phụ thuộc.](#)
- [Thử thách về khai thuế chung.](#)
- [Thử thách công dân hoặc thường trú nhân.](#)

Ba thử thách này được giải thích chi tiết ở đây.

Thử Thách cho Người Đóng Thuế là Người Phụ Thuộc

Nếu quý vị được khai là người phụ thuộc của một người đóng thuế khác, quý vị không thể khai bất kỳ ai khác là người phụ thuộc. Kể cả khi quý vị có trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện, quý vị không thể khai người đó là người phụ thuộc.

Nếu quý vị khai thuế chung và vợ/chồng của quý vị có thể được khai là người phụ thuộc của người đóng thuế khác, quý vị và vợ/chồng của quý vị không thể khai bất kỳ người phụ thuộc nào trên tờ khai thuế chung của mình.

Bảng 3-1. Tổng Quan Về Các Quy Tắc Khai Người Phụ Thuộc

Chú ý. Bảng này chỉ là tổng quan về các quy tắc. Để biết chi tiết, xem phần còn lại của chương này.

<ul style="list-style-type: none"> Quý vị không thể khai bất kỳ người phụ thuộc nào nếu quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai thuế chung) có thể được khai người phụ thuộc của một người đóng thuế khác. Quý vị không thể khai một người đã kết hôn khai thuế chung là người phụ thuộc trừ khi tờ khai thuế chung đó chỉ được nộp để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp. Quý vị không thể khai một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là công dân Hoa Kỳ, thường trú nhân người nước ngoài tại Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ hoặc thường trú nhân của Canada hoặc Mexico.¹ Quý vị không thể khai một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của quý vị. 	
Thử Thách Để Thành Trẻ Đủ Điều Kiện	Thử Thách Để Thành Thân Nhân Đủ Điều Kiện
<ol style="list-style-type: none"> Trẻ phải là trẻ, con gái, con riêng, con nuôi tạm, anh/em trai, chị/em gái, anh/em trai cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha, chị/em gái cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha, anh/em trai là con riêng của mẹ kế/cha kế, chị/em gái là con riêng của mẹ kế/cha kế của quý vị, hoặc hậu thế của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên. Trẻ phải (a) dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai thuế chung); (b) dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm, là học sinh và nhỏ tuổi hơn quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai thuế chung); hoặc (c) ở bất kỳ độ tuổi nào nếu bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn. Trẻ phải sống với quý vị hơn nửa năm.² Trẻ không được cấp dưỡng hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. Trẻ không được khai thuế chung trong năm (trừ khi tờ khai thuế đó được nộp chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp). <p>Nếu trẻ đáp ứng các quy tắc để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người, thường chỉ một người có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Xem Trẻ Đủ Điều Kiện của Nhiều Hơn Một Người ở phần sau để tìm hiểu ai là người có quyền khai trẻ là trẻ đủ điều kiện.</p>	<ol style="list-style-type: none"> Người đó không thể là trẻ đủ điều kiện của quý vị hoặc trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác. Người đó (a) phải có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị, hoặc (b) phải sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị² (và mối quan hệ của hai người không được vi phạm luật địa phương). Tổng thu nhập trong năm của người đó phải dưới \$4.400.³ Quý vị phải cung cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ cho người đó trong năm.⁴
<p>¹ Có ngoại lệ đối với trường hợp con nuôi.</p> <p>² Có ngoại lệ đối với trường hợp vắng mặt tạm thời, trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), và trẻ bị bắt cóc.</p> <p>³ Có trường hợp ngoại lệ nếu người đó là người khuyết tật và có thu nhập từ nơi huấn luyện nghiệp cho người khuyết tật.</p> <p>⁴ Có ngoại lệ đối với trường hợp thỏa thuận trợ cấp đa phương, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), và trẻ bị bắt cóc.</p>	

Thử Thách Về Khai Thuế Chung

Thông thường, quý vị không thể khai một người đã kết hôn là người phụ thuộc nếu người đó khai thuế chung.

Trường hợp ngoại lệ. Quý vị có thể khai một người khai thuế chung là người phụ thuộc nếu người đó và vợ/chồng của họ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1—Trẻ nộp tờ khai thuế chung. Quý vị chu cấp cho trẻ 18 tuổi của mình mà đã sống với quý vị cả năm trong khi vợ/chồng của trẻ tham gia Lực Lượng Vũ Trang. Người vợ/chồng của trẻ kiếm được \$35.000 trong năm. Cấp vợ/chồng này khai

thuế chung. Quý vị không thể khai trẻ của mình là người phụ thuộc.

Ví dụ 2—Trẻ nộp tờ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế đã khấu lưu. Trẻ 18 tuổi của quý vị và người vợ/chồng 17 tuổi của trẻ có \$800 tiền lương từ công việc bán thời gian và không có thu nhập nào khác. Họ đã sống với quý vị cả năm. Cả hai không bắt buộc phải nộp tờ khai thuế chung. Họ không có con. Thuế đã được trừ từ lương của họ nên họ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn lại số tiền thuế khấu lưu. Trường hợp ngoại lệ cho thử thách về khai thuế chung được áp dụng, vì vậy quý vị không mất quyền khai từng người trong số họ là người phụ thuộc chỉ vì họ khai thuế chung. Quý vị có thể khai mỗi người trong số họ là người phụ thuộc

nếu đáp ứng tất cả các thử thách xác định người phụ thuộc.

Ví dụ 3—Trẻ nộp tờ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 2*, ngoại trừ không có khoản thuế nào được khấu trừ từ tiền lương của trẻ của quý vị hoặc của vợ/chồng của trẻ. Tuy nhiên, họ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ với giá trị \$124 và được hoàn lại số tiền này. Vì yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ là lý do để họ nộp tờ khai thuế, họ không nộp tờ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp. Trường hợp ngoại lệ cho thử thách về khai thuế chung không áp dụng, vì vậy quý vị không thể khai bất kỳ ai trong số họ là người phụ thuộc.

Thử Thách Công Dân hoặc Thường Trú Nhân

Thông thường, quý vị không thể khai một người là người phụ thuộc trừ khi người đó là công dân Hoa Kỳ, thường trú nhân người nước ngoài tại Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ hoặc thường trú nhân của Canada hoặc Mexico. Tuy nhiên, có một trường hợp ngoại lệ đối với con nuôi, như được giải thích ở phần kế tiếp.

Ngoại lệ đối với con nuôi. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ hoặc quốc dân Hoa Kỳ đã nhận nuôi hợp pháp một đứa trẻ không phải là công dân Hoa Kỳ, thường trú nhân người nước ngoài tại Hoa Kỳ hoặc quốc dân Hoa Kỳ, thì thử thách này được áp dụng nếu đứa trẻ đó sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị cả năm. Trường hợp ngoại lệ này cũng áp dụng nếu trẻ được sắp xếp làm con nuôi hợp pháp của quý vị và đứa trẻ đó đã sống với quý vị trong phần còn lại của năm sau khi sắp xếp.

Nơi thường trú của trẻ. Trẻ thường là công dân hoặc thường trú nhân tại quốc gia của cha mẹ mình.

Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ khi con quý vị được sinh ra, trẻ có thể là công dân Hoa Kỳ và đáp ứng thử thách này kể cả khi người cha/mẹ kia là người nước ngoài tạm trú và trẻ được sinh ra ở nước ngoài.

Nơi thường trú của học sinh nước ngoài. Sinh viên nước ngoài được đưa đến đất nước này theo chương trình trao đổi giáo dục quốc tế đủ điều kiện và được đưa vào nhà người Mỹ trong một khoảng thời gian tạm thời thường không phải là thường trú nhân Hoa Kỳ và không đáp ứng thử thách này. Quý vị không thể khai họ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, nếu quý vị cung cấp nhà ở cho học sinh nước ngoài, quý vị có thể được khấu trừ đóng góp từ thiện. Xem *Chi Phí Trả Cho Học Sinh Sống Cùng Quý Vị* trong Ấn Phẩm 526, Đóng Góp Từ Thiện.

Quốc dân Hoa Kỳ. Quốc dân Hoa Kỳ là một cá nhân, mặc dù không phải là công dân Hoa Kỳ, nhưng có nghĩa vụ trung thành với Hoa Kỳ. Quốc dân Hoa Kỳ bao gồm Người Samoa Thuộc Hoa Kỳ và Cư Dân Quần Đảo Bắc Mariana đã chọn trở thành quốc dân Hoa Kỳ thay vì công dân Hoa Kỳ.

Trẻ Đủ Điều Kiện

Trẻ phải đáp ứng năm thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Năm thử thách này bao gồm:

1. [Mối quan hệ](#),
2. [Tuổi tác](#),
3. [Tình trạng cư trú](#),
4. [Hỗ trợ](#), và
5. [Khai thuế chung](#).

Các thử thách này được giải thích trong phần kế tiếp.



Nếu trẻ đáp ứng năm thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người, có các quy tắc mà quý vị phải áp dụng để xác định người nào có thể thực sự khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Xem [Trẻ Đủ Điều Kiện của Nhiều Hơn Một Người](#) ở phần sau.

Thử Thách Mối Quan Hệ

Để đáp ứng thử thách này, trẻ phải là:

- Con trai, con gái, con riêng của vợ hay của chồng, hoặc con nuôi tạm của quý vị, hoặc hậu

thế (ví dụ, cháu gọi là ông/bà) của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên; hoặc

- Anh em trai, chị em gái, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc cùng mẹ khác cha, hoặc con riêng của cha/mẹ, hoặc hậu thế (ví dụ như cháu) của bất kỳ người nào trong số những đối tượng trên.

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của quý vị. Thuật ngữ “con nuôi” bao gồm trẻ được sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng tại nhà quý vị để làm con nuôi hợp pháp của quý vị.

Con nuôi tạm. Con nuôi tạm là một cá nhân được đưa tới sống với quý vị bởi một cơ quan có thẩm quyền sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em hoặc theo bản án, án lệnh hoặc phán quyết khác của tòa án có thẩm quyền.

Thử Thách Tuổi Tác

Để đáp ứng thử thách này, trẻ phải là:

- Dưới 19 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị nếu khai thuế chung);
- Là một học sinh dưới 24 tuổi tại thời điểm cuối năm và nhỏ tuổi hơn quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị nếu khai thuế chung); hoặc
- Ở bất kỳ độ tuổi nào nếu bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn vào thời điểm bất kỳ trong năm.

Ví dụ. Trẻ của quý vị tròn 19 tuổi vào ngày 10 tháng 12. Trừ khi trẻ bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn hoặc là học sinh, trẻ sẽ không đáp ứng thử thách tuổi tác vì, tại thời điểm cuối năm, trẻ không **dưới 19 tuổi**.

Trẻ phải nhỏ tuổi hơn quý vị hoặc người vợ/chồng. Để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị, trẻ không bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn phải nhỏ tuổi hơn quý vị. Tuy nhiên, nếu quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, trẻ phải nhỏ tuổi hơn quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị nhưng không nhất thiết phải nhỏ tuổi hơn cả hai vợ chồng.

Ví dụ 1—Trẻ không nhỏ tuổi hơn quý vị hoặc người vợ/chồng. Anh chị em của quý vị 23 tuổi, đang là sinh viên và chưa lập gia đình, sống với hai vợ chồng quý vị. Quý vị chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ cho anh chị em ấy. Anh chị em ấy không bị khuyết tật. Hai vợ chồng quý vị đều 21 tuổi, và quý vị khai thuế chung. Anh chị em của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị vì anh chị em ấy không nhỏ tuổi hơn quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị.

Ví dụ 2—Trẻ nhỏ tuổi hơn vợ/chồng của quý vị nhưng không nhỏ tuổi hơn quý vị. Các dữ kiện tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ vợ/chồng của quý vị 25 tuổi. Vì anh chị em của quý vị nhỏ tuổi hơn vợ/chồng của quý vị và hai vợ chồng quý vị khai thuế chung, anh chị em của quý vị là trẻ đủ điều kiện của quý vị, mặc dù anh chị em ấy không nhỏ tuổi hơn quý vị.

Định nghĩa học sinh. Để đủ điều kiện là học sinh, trong một khoảng thời gian nào đó của mỗi 5 tháng bất kỳ trong năm theo niên lịch, trẻ phải là:

1. Học sinh toàn thời gian tại một trường học có đội ngũ giáo viên giảng dạy và có khóa học thường xuyên và một nhóm học sinh thường xuyên theo học tại trường; hoặc
2. Học sinh tham gia khóa đào tạo toàn thời gian tại trang trại do một trường học được mô tả

trong (1), hoặc của tiểu bang, quận hoặc cơ quan chính quyền địa phương tổ chức.

5 tháng theo niên lịch không nhất thiết phải diễn ra liên tiếp.

Học sinh toàn thời gian. Học sinh toàn thời gian là học sinh đăng ký số giờ học hoặc các khóa học mà theo tiêu chuẩn của trường học là toàn thời gian.

Định nghĩa trường học. Trường học có thể là một trường tiểu học; một trung học cơ sở hoặc một trường học phổ thông; một trường cao đẳng; một trường đại học; hoặc một trường kỹ thuật, dạy nghề, hoặc cơ khí. Tuy nhiên, khóa đào tạo tại chỗ, trường đào tạo từ xa hoặc trường chỉ cung cấp các khóa học qua Internet không được tính là trường học.

Học sinh trung học học nghề. Học sinh tham gia chương trình “co-op (giáo dục hợp tác)” trong ngành công nghiệp tư nhân như một phần của khóa học chính quy tại trường và đào tạo thực hành được coi là học sinh toàn thời gian.

Khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn. Trẻ của quý vị bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn nếu cả hai điều sau áp dụng.

- Trẻ không thể tham gia vào bất kỳ hoạt động có lợi đáng kể nào vì tình trạng thể chất hoặc tinh thần.
- Bác sĩ xác định tình trạng này đã kéo dài hoặc có thể kéo dài liên tục trong ít nhất một năm hoặc có thể dẫn đến tử vong.

Thử Thách Tình Trạng Cư Trú

Để đáp ứng thử thách này, trẻ phải sống với quý vị hơn nửa năm. Có những ngoại lệ cho trường hợp vắng mặt tạm thời, trẻ sinh ra hoặc qua đời trong năm, trẻ bị bắt cóc, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân.

Vắng mặt tạm thời. Trẻ được coi là đã sống với quý vị trong khoảng thời gian khi một trong hai người hoặc cả hai tạm thời vắng mặt vì những hoàn cảnh đặc biệt như:

- Bệnh tật,
- Giáo dục,
- Làm việc,
- Nghỉ dưỡng,
- Phục vụ trong quân ngũ, hoặc
- Bị giam giữ tại cơ sở dành cho trẻ vị thành niên.

Trẻ qua đời hoặc được sinh ra. Trẻ được sinh ra hoặc qua đời trong năm được coi là đã sống với quý vị hơn nửa năm nếu nhà của quý vị là nơi ở của trẻ trong hơn một nửa thời gian khi trẻ còn sống trong năm. Quy tắc này cũng áp dụng nếu trẻ sống với quý vị hơn nửa năm ngoại trừ khoảng thời gian bắt buộc nằm viện sau khi sinh.

Trẻ còn sống khi sinh. Quý vị có thể khai người phụ thuộc đối với trẻ còn sống khi sinh trong năm, kể cả khi trẻ chỉ sống trong giây lát. Luật của tiểu bang hoặc địa phương phải coi trẻ là còn sống khi sinh. Phải có bằng chứng cho thấy trẻ còn sống khi sinh thể hiện trên tài liệu chính thức, ví dụ như giấy khai sinh. Trẻ phải là trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của quý vị và tất cả các thử thách khác để khai trẻ là người phụ thuộc phải được đáp ứng.

Trẻ chết trước khi sinh. Quý vị không thể khai trẻ chết trước khi sinh là người phụ thuộc.

Trẻ bị bắt cóc. Quý vị có thể coi trẻ đã đáp ứng thủ tục thách xét tình trạng cư trú kể cả khi trẻ bị bắt cóc. Xem [Ấn Phẩm 501](#) để tìm hiểu chi tiết.

Con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau). Trong hầu hết các trường hợp, do thủ tục thách xét tình trạng cư trú, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ giám hộ. Tuy nhiên, trẻ sẽ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ không giám hộ nếu cả bốn điều kiện sau đều đúng.

1. Cha mẹ:
 - a. Đã ly hôn hoặc ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân;
 - b. Đã ly thân theo thỏa thuận ly thân bằng văn bản; hoặc
 - c. Đã không sống cùng nhau vào mọi thời điểm trong 6 tháng cuối năm, cho dù họ đã hay đã từng kết hôn.
2. Trẻ đã nhận được hơn một nửa số tiền cấp dưỡng của mình trong năm từ cha mẹ.
3. Trẻ thuộc quyền giám hộ của cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ trong hơn nửa năm.
4. Một trong hai điều kiện sau đây là đúng.
 - a. Cha/mẹ giám hộ ký văn bản tuyên bố, được thảo luận ở phần sau, rằng họ sẽ không khai trẻ là người phụ thuộc trong năm, và cha/mẹ không giám hộ sẽ đính kèm văn bản tuyên bố này vào tờ khai thuế của mình. (Nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 1984 và trước năm 2009, Xem [Lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 1984 và trước năm 2009](#), được thảo luận ở phần sau. Nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 2008, Xem [Lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 2008](#), được thảo luận ở phần sau.)
 - b. Lệnh cho phép ly hôn, lệnh cấp dưỡng sau ly thân hoặc văn bản thỏa thuận ly thân trước năm 1985 áp dụng cho năm 2022 nêu rõ rằng cha/mẹ không giám hộ có thể khai trẻ là người phụ thuộc, án lệnh hoặc thỏa thuận không thay đổi sau năm 1984 để quy định rằng cha/mẹ không giám hộ không thể khai trẻ là người phụ thuộc đồng thời cha/mẹ không giám hộ cung cấp tối thiểu \$600 tiền cấp dưỡng cho trẻ trong năm.

Nếu tất cả các điều kiện từ (1) đến (4) đều đúng, thì chỉ có cha/mẹ không giám hộ mới có thể:

- khai trẻ là người phụ thuộc; và
- khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em hoặc tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác.

Tuy nhiên, điều này không cho phép cha/mẹ không giám hộ xin xét tình trạng khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho quyền lợi chăm sóc người phụ thuộc, hoặc tín thuế thu nhập kiếm được. Thao khảo mục [Áp dụng quy tắc phá hòa đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#) ở phần sau.

Ví dụ—Tín thuế thu nhập kiếm được. Kể cả khi các điều kiện từ (1) đến (4) đều đúng và cha/mẹ giám hộ ký Mẫu 8332 hoặc một tuyên bố cơ bản tương tự trong đó nêu rõ rằng họ sẽ không khai trẻ là

người phụ thuộc trong năm 2022, điều này không cho phép cha/mẹ không giám hộ khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để xin xét tín thuế thu nhập kiếm được. Cha/mẹ giám hộ hoặc người đóng thuế khác, nếu đủ điều kiện, có thể khai trẻ để nhận tín thuế thu nhập kiếm được.

Cha/mẹ giám hộ và cha/mẹ không giám hộ. Cha/mẹ giám hộ là cha/mẹ mà trẻ đã sống với số đêm nhiều hơn trong năm. Người cha/mẹ còn lại là cha/mẹ không giám hộ.

Nếu cha/mẹ đã ly hôn hoặc ly thân trong năm và trẻ sống với cả cha và mẹ trước khi ly thân thì cha/mẹ giám hộ là người mà trẻ em đã sống cùng nhiều đêm hơn trong thời gian còn lại của năm.

Trẻ được coi là sống với cha/mẹ trong một đêm nếu trẻ ngủ:

- Ở nhà của cha/mẹ, dù người đó có mặt hay không; hoặc
- Ở nơi có mặt cha/mẹ, khi trẻ không ngủ ở nhà của cha/mẹ (ví dụ, cha/mẹ và con đi nghỉ cùng nhau).

Số đêm bằng nhau. Nếu trẻ sống với cha và mẹ với một số đêm bằng nhau trong năm, cha/mẹ giám hộ là người có AGI cao hơn.

31 tháng 12. Đêm 31 tháng 12 được coi là một phần của năm. Ví dụ, đêm ngày 31 tháng 12 năm 2022 được coi là một phần của năm 2022.

Trẻ sống độc lập. Nếu tình trạng của trẻ là sống độc lập theo luật tiểu bang, trẻ được coi là không sống với cha hoặc mẹ. Xem [Ví dụ 5](#) và [6](#).

Vắng mặt. Nếu trẻ không ở cùng cha/mẹ vào một đêm cụ thể (ví dụ, trẻ ở nhà một người bạn), trẻ được coi là sống với cha/mẹ mà trẻ thường sống cùng trong đêm đó, trừ trường hợp vắng mặt. Nhưng nếu không thể xác định trẻ thường sống với cha hay mẹ hoặc nếu đứa trẻ không sống với cha hoặc mẹ vào đêm đó, trẻ được coi là không sống với cha hoặc mẹ vào đêm đó.

Cha/mẹ làm việc vào ban đêm. Nếu do lịch trình làm việc ban đêm của cha/mẹ, trẻ sống trong nhiều ngày hơn, mà không phải đêm, với cha/mẹ làm việc vào ban đêm, người đó được coi là cha/mẹ giám hộ. Vào ngày đi học, trẻ được coi là đang sống tại nơi ở chính đã đăng ký với trường.

Ví dụ 1—Trẻ sống với cha hoặc mẹ trong nhiều đêm hơn. Hai vợ chồng quý vị đã ly hôn và có con. Trong năm 2022, con sống với quý vị 210 đêm và với vợ/chồng cũ của quý vị 155 đêm. Quý vị là cha/mẹ giám hộ.

Ví dụ 2—Trẻ đi trại hè. Trong năm 2022, trẻ của quý vị luân phiên sống với cha/mẹ mỗi tuần. Vào mùa hè, trẻ đi trại hè 6 tuần. Trong thời gian 6 tuần đó, trẻ được coi là sống với quý vị trong 3 tuần và với vợ/chồng cũ của quý vị là cha/mẹ của trẻ trong 3 tuần vì đây là khoảng thời gian trẻ sẽ sống với mỗi người nếu trẻ không đi trại hè.

Ví dụ 3—Trẻ sống với cha và mẹ trong số đêm bằng nhau. Trẻ của quý vị sống với quý vị 180 đêm trong năm và cũng sống với vợ/chồng cũ của quý vị, cha/mẹ của con, 180 đêm. AGI của quý vị là \$40.000. AGI của vợ/chồng cũ của quý vị là \$25.000. Quý vị được coi là cha mẹ giám hộ của trẻ vì quý vị có AGI cao hơn.

Ví dụ 4—Trẻ ở nhà của cha/mẹ nhưng với người cha/mẹ còn lại. Trẻ của quý vị thường sống với quý vị trong tuần và với vợ/chồng cũ của quý vị

là cha/mẹ của trẻ vào mỗi cuối tuần. Quý vị bị ốm và phải nhập viện. Vợ/chồng cũ sống trong nhà của quý vị với trẻ của quý vị trong 10 ngày liên tục khi quý vị ở bệnh viện. Trẻ của quý vị được coi là sống với quý vị trong khoảng thời gian 10 ngày này vì trẻ sống trong nhà của quý vị.

Ví dụ 5—Trẻ sống độc lập từ tháng 5. Khi trẻ của quý vị tròn 18 tuổi vào tháng 5 năm 2022, trẻ của quý vị được coi là sống độc lập theo luật của bang nơi con sinh sống. Vì vậy, trẻ không thuộc quyền giám hộ của cha mẹ mình trong hơn nửa năm. Quy tắc đặc biệt đối với trẻ của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân không được áp dụng.

Ví dụ 6—Trẻ sống độc lập từ tháng 8. Trẻ của quý vị sống với quý vị từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 5 năm 2022 và sống với vợ/chồng cũ của quý vị là cha/mẹ của trẻ từ ngày 1 tháng 6 năm 2022 đến hết năm. Trẻ tròn 18 tuổi và được coi là sống độc lập theo luật tiểu bang vào ngày 1 tháng 8 năm 2022. Vì trẻ được coi là không sống với cha/mẹ kể từ ngày 1 tháng 8, trẻ được coi là sống với quý vị với số đêm nhiều hơn trong năm 2021. Quý vị là cha mẹ giám hộ.

Tuyên bố bằng văn bản. Cha mẹ giám hộ phải sử dụng Mẫu 8332 hoặc một tài liệu tương tự (với cùng thông tin theo yêu cầu trên mẫu đơn) để đưa ra tuyên bố bằng văn bản qua đó nhường quyền yêu cầu miễn thuế đối với trẻ cho cha mẹ không giám hộ. Mặc dù số tiền miễn thuế bằng 0 cho năm tính thuế 2022, nhưng văn bản này cho phép cha/mẹ không giám hộ xin xét tín thuế trẻ em, tín thuế trẻ em bổ sung và tín thuế cho những người phụ thuộc khác, nếu có, cho trẻ. Cha mẹ không giám hộ phải đính kèm bản sao của mẫu đơn hoặc tuyên bố vào tờ khai thuế của mình.

Quyền yêu cầu miễn thuế có thể có giá trị cho 1 năm, cho một số năm cụ thể (ví dụ: cách năm) hoặc cho tất cả các năm trong tương lai, như được nêu cụ thể trong tuyên bố.

Án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 1984 và trước năm 2009. Nếu án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân có hiệu lực sau năm 1984 và trước năm 2009, cha mẹ không giám hộ có thể đính kèm một số trang nhất định từ án lệnh hoặc thỏa thuận thay cho Mẫu 8332. Án lệnh hoặc thỏa thuận phải nêu rõ ba nội dung sau.

1. Cha mẹ không giám hộ có thể khai con là người phụ thuộc mà không cần quan tâm đến bất kỳ điều kiện nào, ví dụ như trả tiền hỗ trợ.
2. Cha mẹ không giám hộ sẽ không khai con là người phụ thuộc trong năm.
3. Những năm mà cha mẹ không giám hộ, thay vì cha mẹ giám hộ, có thể khai con là người phụ thuộc.

Cha mẹ không giám hộ phải đính kèm tất cả các trang sau đây của án lệnh hoặc thỏa thuận vào tờ khai thuế của mình.

- Trang bìa (ghi SSN của người cha/mẹ còn lại trên trang này).
- Các trang bao gồm tất cả thông tin đã nêu trong mục (1) đến (3) ở trên.
- Trang chữ ký có chữ ký của người cha/mẹ còn lại và ngày của thỏa thuận.

Án lệnh cho phép ly hôn hoặc thỏa thuận ly thân sau năm 2008. Cha mẹ không giám hộ không thể đính kèm các trang từ án lệnh hoặc thỏa thuận

thay cho Mẫu 8332 nếu án lệnh hoặc thỏa thuận có hiệu lực sau năm 2008. Cha mẹ giám hộ phải ký Mẫu 8332 hoặc một tuyên bố tương tự với mục đích duy nhất là nhường quyền yêu cầu miễn thuế của cha mẹ giám hộ đối với con, và cha mẹ không giám hộ phải đính kèm một bản sao vào tờ khai thuế của họ. Mẫu đơn hoặc tuyên bố phải nhường quyền yêu cầu của cha mẹ giám hộ đối với con mà không kèm theo bất kỳ điều kiện nào. Ví dụ, việc nhường quyền không được phụ thuộc vào việc chi trả tiền hỗ trợ của cha mẹ không giám hộ.



Cha mẹ không giám hộ phải đính kèm những thông tin theo yêu cầu kể cả khi thông tin đó đã được nộp cùng với tờ khai thuế trong năm trước đó.

Hủy bỏ của miễn khai miễn trừ. Cha mẹ giám hộ có thể thu hồi tuyên bố nhường quyền yêu cầu miễn thuế. Để việc thu hồi có hiệu lực cho năm 2022, cha mẹ giám hộ phải gửi (hoặc nỗ lực hợp lý để gửi) thông báo bằng văn bản về việc thu hồi cho cha mẹ không giám hộ trong năm 2021 hoặc sớm hơn. Cha mẹ giám hộ có thể sử dụng Phần III của Mẫu 8332 cho mục đích này và phải đính kèm bản sao văn bản thu hồi vào tờ khai thuế của mình cho mỗi năm tính thuế mà người cha/mẹ giám hộ khai trẻ là người phụ thuộc do đã thu hồi.

Cha mẹ tái hôn. Nếu quý vị tái hôn, tiền hỗ trợ do vợ/chồng mới của quý vị cung cấp được coi như do quý vị cung cấp.

Cha mẹ chưa từng kết hôn. Quy tắc đặc biệt dành cho cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân này cũng áp dụng cho cha mẹ chưa từng kết hôn và sống xa nhau tại mọi thời điểm trong 6 tháng cuối năm.

Thử Thách Hỗ Trợ (Để Thành Trẻ Đủ Điều Kiện)

Để đáp ứng thử thách này, trẻ không thể tự cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm.

Thử thách này khác với thử thách đánh giá hỗ trợ để xác định thân nhân đủ điều kiện, được mô tả ở phần sau. Tuy nhiên, để tìm hiểu hỗ trợ bao gồm những gì và không bao gồm những gì, Xem [Thử Thách Hỗ Trợ \(Để Thành Thân Nhân Đủ Điều Kiện\)](#), ở phần sau. Nếu quý vị không chắc liệu trẻ có cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân hay không, [Bảng Tính 3-1](#) có thể hữu ích với quý vị.

Ví dụ. Quý vị đã chu cấp \$4.000 cho trẻ 16 tuổi của mình trong năm và trẻ chu cấp \$6.000. Trẻ đã tự chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. Trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị.

Các khoản thanh toán và chi phí chăm sóc nuôi dưỡng. Các khoản thanh toán mà quý vị nhận được để chu cấp cho con nuôi tạm từ cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em được coi là tiền hỗ trợ do cơ quan này cung cấp. Tương tự, các khoản thanh toán mà quý vị nhận được để chu cấp cho con nuôi tạm từ tiểu bang hoặc quận được coi là tiền hỗ trợ do tiểu bang hoặc quận cung cấp.

Nếu quý vị không thực hiện hoạt động thương mại hoặc kinh doanh cung cấp dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng và các khoản chi phí tự chi trả chưa được hoàn trả của quý vị khi chăm sóc con nuôi tạm chủ yếu là để mang lại lợi ích cho một tổ chức đủ điều kiện nhận các khoản đóng góp từ thiện được khấu trừ, những chi phí này sẽ được khấu trừ như các khoản đóng góp từ thiện nhưng không được coi là tiền hỗ trợ mà quý vị đã chu cấp. Để tìm hiểu thêm

thông tin về khấu trừ các khoản đóng góp từ thiện, xem [Ấn Phẩm 526](#). Nếu chi phí chưa được hoàn trả của quý vị không được khấu trừ theo diện đóng góp từ thiện, những chi phí này có thể đủ điều kiện trở thành tiền hỗ trợ mà quý vị đã chu cấp.

Nếu quý vị thực hiện hoạt động thương mại hoặc kinh doanh cung cấp dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng, chi phí chưa được hoàn trả của quý vị không được coi là tiền hỗ trợ mà quý vị đã chu cấp.

Ví dụ 1. L, một trẻ được nhận tạm nuôi, đã sống với cặp vợ chồng, A và B Smith trong 3 tháng cuối năm. Nhà Smiths chăm sóc cho L vì họ muốn nhận trẻ làm con nuôi (mặc dù trẻ chưa được sắp xếp để làm con nuôi của họ). Họ không chăm sóc cho L như một hoạt động thương mại hay công việc kinh doanh hay để mang lại lợi ích cho cơ quan đã sắp xếp cháu ở nhà của họ. Các khoản chi phí chưa được hoàn trả của gia đình Smith không được khấu trừ theo diện đóng góp từ thiện nhưng được coi là khoản hỗ trợ mà họ đã cung cấp cho Lauren.

Ví dụ 2. Quý vị đã chu cấp \$3.000 cho đứa trẻ 10 tuổi mà quý vị nhận nuôi trong năm. Chính quyền tiểu bang đã chu cấp \$4.000 và số tiền này được coi là tiền hỗ trợ do tiểu bang chu cấp không phải do trẻ tự chu cấp. Xem [Hỗ trợ của tiểu bang \(trợ cấp, phiếu thực phẩm, nhà ở, v.v.\)](#) ở phần sau. Con nuôi tạm của quý vị đã không tự chu cấp một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm.

Học bổng. Học bổng mà trẻ là học sinh nhận được không được tính đến khi xác định liệu trẻ có tự chu cấp một nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân hay không.

Thử Thách Về Khai Thuế Chung (Để Thành Trẻ Đủ Điều Kiện)

Để đáp ứng thử thách này, trẻ không thể khai thuế chung trong năm.

Trường hợp ngoại lệ. Trường hợp ngoại lệ đối với thử thách về khai thuế chung được áp dụng nếu trẻ và vợ/chồng của trẻ nộp tờ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1—Trẻ nộp tờ khai thuế chung. Quý vị chu cấp cho trẻ 18 tuổi của mình và trẻ đã sống với quý vị cả năm trong khi vợ/chồng trẻ tham gia Lực Lượng Vũ Trang. Vợ/chồng của trẻ kiếm được \$35.000 trong năm. Cặp vợ chồng này khai thuế chung vì vậy trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị.

Ví dụ 2—Trẻ nộp tờ khai thuế chung để yêu cầu hoàn thuế đã khấu lưu. Trẻ 18 tuổi của quý vị và người vợ/chồng 17 tuổi của trẻ có \$800 tiền lương từ công việc bán thời gian và không có thu nhập nào khác. Họ đã sống với quý vị cả năm. Cả hai không bắt buộc phải nộp tờ khai thuế chung. Họ không có con. Thuế đã được trừ từ lương của họ nên họ khai thuế chung chỉ để yêu cầu hoàn lại số tiền thuế khấu lưu. Trường hợp ngoại lệ đối với thử thách về khai thuế chung được áp dụng, vì vậy trẻ quý vị có thể là trẻ đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng tất cả các thử thách khác.

Ví dụ 3—Trẻ nộp tờ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 2](#), ngoại trừ không có khoản thuế nào được khấu trừ từ tiền lương của cả hai vợ/chồng. Tuy nhiên, họ khai thuế chung để yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ với giá trị \$124 và được hoàn lại số tiền này. Vì yêu cầu tín thuế cơ hội Mỹ là lý do để họ nộp tờ

khai thuế, họ không nộp tờ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp. Trường hợp ngoại lệ đối với thử thách khai thuế chung không được áp dụng, vì vậy trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị.

Trẻ Đủ Điều Kiện của Nhiều Hơn Một Người



Nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác, chủ đề này không áp dụng cho quý vị và quý vị không cần phải đọc thêm. Chủ đề này cũng không áp dụng với quý vị nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác ngoại trừ vợ/chồng của quý vị, người mà quý vị dự định khai thuế chung.



Nếu trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ không giám hộ theo các quy tắc dành cho con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) được mô tả ở phần trên, Xem [Áp dụng quy tắc phá hòa đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#) ở phần sau.

Trong một số trường hợp, trẻ đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung để trở thành trẻ đủ điều kiện của nhiều người. Mặc dù trẻ là trẻ đủ điều kiện của mỗi người trong số những người này, thường chỉ một người thực sự có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận tất cả các quyền lợi về thuế dưới đây (với điều kiện người đó đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng khoản trợ cấp).

1. Tín thuế trẻ em, tín thuế dành cho những người phụ thuộc khác, và tín thuế trẻ em bổ sung.
2. Tình trạng khai thuế chủ gia đình.
3. Tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc.
4. Loại trừ khỏi thu nhập đối với trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc.
5. Tín thuế thu nhập kiếm được.

Người còn lại không thể nhận bất kỳ quyền lợi nào trong số này dựa trên trẻ đủ điều kiện đó. Nói cách khác, quý vị và người đó không thể thỏa thuận phân chia những quyền lợi này giữa hai người.

Quy tắc phá hòa. Để xác định người nào có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để yêu cầu năm quyền lợi thuế này, quy tắc phá hòa sau đây sẽ được áp dụng.

- Nếu chỉ một trong số những người này là cha/mẹ của trẻ, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người đó.
- Nếu cha mẹ khai thuế chung và có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ.
- Nếu cha mẹ không khai thuế chung nhưng cả cha và mẹ đều khai trẻ là trẻ đủ điều kiện của mình, IRS sẽ coi trẻ là trẻ đủ điều kiện của người dài hơn trong năm. Nếu trẻ sống với cha và mẹ trong khoảng thời gian bằng nhau, IRS sẽ coi trẻ là trẻ đủ điều kiện của người có AGI cao hơn trong năm.
- Nếu không có cha/mẹ nào có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện, trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người có AGI cao nhất trong năm.



Số Tiền Thuộc Về Người Quý Vị Đã Hỗ Trợ

1. Nhập tổng số tiền thuộc về người mà quý vị đã hỗ trợ, bao gồm thu nhập nhận được (chịu thuế và không chịu thuế) và số tiền đã vay trong năm, cộng với số tiền trong tài khoản tiết kiệm và các tài khoản khác vào đầu năm. Không bao gồm số tiền do tiểu bang cung cấp; thay vào đó ghi số tiền này ở dòng 23 **1.** _____
2. Nhập số tiền ở dòng 1 đã được sử dụng để hỗ trợ người đó **2.** _____
3. Nhập số tiền ở dòng 1 đã được sử dụng cho các mục đích khác **3.** _____
4. Nhập tổng số tiền trong tài khoản tiết kiệm và các tài khoản khác của người đó vào cuối năm **4.** _____
5. Cộng các dòng từ 2 đến 4. (Số tiền này phải bằng số tiền ở dòng 1.) **5.** _____

Chi Phí Cho Toàn Bộ Hộ Gia Đình (nơi người quý vị hỗ trợ sống)

6. Chỗ ở (hoàn thành dòng 6a hoặc 6b):
 - a. Nhập tổng số tiền thuê đã trả **6a.** _____
 - b. Nhập giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà. Nếu người được quý vị hỗ trợ sở hữu căn nhà, điền số tiền này ở dòng 21 **6b.** _____
7. Nhập tổng chi phí ăn uống **7.** _____
8. Nhập tổng chi phí tiện ích (sưởi ấm, chiếu sáng, nước, v.v., không bao gồm trong dòng 6a hoặc 6b) **8.** _____
9. Nhập tổng số tiền sửa chữa (không bao gồm trong dòng 6a hoặc 6b) **9.** _____
10. Nhập tổng các chi phí khác. Không bao gồm các chi phí duy trì nhà ở, ví dụ như lãi thế chấp, thuế bất động sản và bảo hiểm **10.** _____
11. Cộng các dòng từ 6a đến 10. Đây là tổng chi phí của hộ gia đình **11.** _____
12. Nhập tổng số người sống trong hộ gia đình **12.** _____

Chi Phí Cho Người Mà Quý Vị Hỗ Trợ

13. Chia dòng 11 cho dòng 12. Đây là phần của người đó trong chi phí của hộ gia đình **13.** _____
14. Nhập tổng chi phí quần áo của người đó **14.** _____
15. Nhập tổng chi phí giáo dục của người đó **15.** _____
16. Nhập tổng chi phí y tế và nha khoa của người đó không được bảo hiểm thanh toán hoặc hoàn lại **16.** _____
17. Nhập tổng chi phí du lịch và giải trí của người đó **17.** _____
18. Nhập tổng các chi phí khác của người đó **18.** _____
19. Cộng các dòng từ 13 đến 18. Đây là tổng chi phí hỗ trợ của người đó trong năm **19.** _____

Người Đó Có Cung Cấp Hơn Một Nửa Tiền Hỗ Trợ Cho Bản Thân Không?

20. Nhân dòng 19 với 50% (0,50) **20.** _____
21. Nhập số tiền từ dòng 2, cộng với số tiền từ dòng 6b nếu người quý vị hỗ trợ sở hữu căn nhà. Đây là số tiền mà người đó đã cung cấp để hỗ trợ cho bản thân **21.** _____
22. Dòng 21 có lớn hơn dòng 20 không?

Không. Quý vị đáp ứng thử thách đánh giá hỗ trợ để người này trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Nếu người này cũng đáp ứng các thử thách khác để được xác định là trẻ đủ điều kiện, dừng ở đây; không hoàn thành các dòng 23–26. Nếu không, chuyển đến dòng 23 và điền vào phần còn lại của bảng tính để xác định liệu người này có phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị hay không.

Có. Quý vị không đáp ứng thử thách đánh giá hỗ trợ để xác định người này là trẻ đủ điều kiện hoặc thân nhân đủ điều kiện của quý vị. **Dừng ở đây.**

Quý Vị Đã Chu Cấp Nhiều Hơn Một Nửa?

23. Nhập số tiền mà những người khác đã chu cấp cho người đó. Bao gồm các khoản do tiểu bang, địa phương và các tổ chức hoặc cơ quan phúc lợi khác cung cấp. Không bao gồm bất kỳ số tiền nào đã nhập ở dòng 1 **23.** _____
24. Cộng dòng 21 và 23 **24.** _____
25. Lấy dòng 19 trừ đi dòng 24. Đây là số tiền quý vị đã chu cấp cho người đó **25.** _____
26. Dòng 25 có lớn hơn dòng 20 không?

Có. Quý vị đáp ứng thử thách đánh giá hỗ trợ để người này là thân nhân đủ điều kiện của quý vị.

Không. Quý vị không đáp ứng thử thách đánh giá hỗ trợ để người này là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Quý vị không thể khai người này là người phụ thuộc trừ khi quý vị có thể làm như vậy theo thỏa thuận cấp dưỡng đa phương, thử thách đánh giá hỗ trợ cho con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân, hoặc quy tắc đặc biệt dành cho trẻ bị bắt cóc. Xem [Thỏa Thuận Cấp Dưỡng Đa Phương](#) hoặc [Thử Thách Hỗ Trợ Đối Với Con của Cha Mẹ Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân \(hoặc Cha Mẹ Sống Xa Nhau\)](#), hoặc [Trẻ bị bắt cóc](#) trong mục [Thân Nhân Đủ Điều Kiện](#).

- Nếu cha/mẹ của trẻ có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện nhưng không có người nào làm như vậy thì trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của người có AGI cao nhất trong năm, nhưng chỉ khi AGI của người đó cao hơn AGI cao nhất của bất kỳ cha mẹ nào của trẻ có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện.

Theo các quy tắc phá hòa này, quý vị và những người khác có thể chọn người nào trong số quý vị có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện.



Quý vị có thể đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập kiểm được theo các quy định đối với người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện nếu quý vị có một trẻ đủ điều kiện cho tín thuế thu nhập kiểm được mà người đóng thuế khác khai là trẻ đủ điều kiện của họ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 596.

Ví dụ 1—Trẻ em sống với cha mẹ và ông bà.

Quý vị và trẻ 3 tuổi J sống với cha/mẹ của quý vị cả năm. Quý vị 25 tuổi, chưa kết hôn và AGI của quý vị là \$9.000. AGI của cha/mẹ quý vị là \$15.000. Người cha/mẹ kia của J không sống với quý vị hay trẻ của quý vị. Quý vị chưa ký Mẫu 8332 (hay một tuyên bố tương tự).

J là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và cha/mẹ quý vị vì J đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả quý vị và cha/mẹ của quý vị. Tuy nhiên, chỉ một trong hai người có thể khai J là trẻ đủ điều kiện. J không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ ai khác, kể cả người cha/mẹ của J. Quý vị đồng ý để cha/mẹ quý vị khai J là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là cha/mẹ quý vị có thể khai J là trẻ đủ điều kiện để nhận tất cả năm quyền lợi thuế được liệt kê ở trên, nếu cha/mẹ của quý vị đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng quyền lợi đó (và nếu quý vị không khai J là trẻ đủ điều kiện để nhận bất kỳ quyền lợi thuế nào trong số đó).

Ví dụ 2—Cha mẹ có AGI cao hơn ông bà.

Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ AGI của quý vị là \$18.000. Vì AGI của cha/mẹ quý vị không cao hơn của quý vị, nên cha/mẹ quý vị không thể khai J là trẻ đủ điều kiện. Chỉ quý vị mới có thể khai J là trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 3—Hai người khai cùng một đứa trẻ.

Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ việc quý vị và cha/mẹ quý vị đều khai J là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, quý vị, với tư cách là cha/mẹ của trẻ, là người duy nhất được phép khai J là trẻ đủ điều kiện. IRS sẽ không cho phép cha/mẹ quý vị yêu cầu năm quyền lợi thuế được liệt kê trước đó dựa trên J. Tuy nhiên, cha/mẹ của quý vị có thể đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập kiểm được với tư cách là người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 4—Trẻ đủ điều kiện được phân chia giữa hai người.

Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ quý vị còn có hai trẻ khác là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và cha/mẹ quý vị. Chỉ một trong số quý vị có thể khai mỗi đứa trẻ là trẻ đủ điều kiện. Tuy nhiên, nếu AGI của cha/mẹ quý vị cao hơn của quý vị, quý vị có thể cho phép cha/mẹ quý vị khai một hoặc nhiều trẻ là trẻ đủ điều kiện. Ví dụ, nếu quý vị khai một trẻ, cha/mẹ quý vị có thể khai hai trẻ còn lại.

Ví dụ 5—Người đóng thuế là trẻ đủ điều kiện.

Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ quý vị chỉ 18 tuổi và không tự chu cấp hơn một

nửa số tiền hỗ trợ cho bản thân trong năm. Vì vậy, quý vị là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ mình. Nếu cha/mẹ của quý vị có thể khai quý vị là người phụ thuộc, quý vị không thể khai trẻ của mình là người phụ thuộc do [Thử Thách cho Người Đóng Thuế là Người Phụ Thuộc](#), được giải thích ở phần trên.

Ví dụ 6—Cha mẹ ly thân.

Quý vị, vợ/chồng, và trẻ 10 tuổi sống với nhau đến ngày 1 tháng 8 năm 2022 thì vợ/chồng quý vị chuyển ra khỏi nhà. Trong tháng 8 và tháng 9, trẻ sống với quý vị. Trong phần còn lại của năm, trẻ sống với vợ/chồng của quý vị là cha/mẹ của trẻ. Trẻ của quý vị là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và vợ/chồng quý vị vì trẻ đã sống với mỗi người hơn nửa năm đồng thời đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. Tại thời điểm cuối năm, quý vị và vợ/chồng vẫn chưa ly hôn, ly thân hợp pháp hoặc ly thân theo văn bản thỏa thuận ly thân nên không thể áp dụng quy tắc đối với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau).

Quý vị và vợ/chồng của quý vị sẽ khai thuế riêng. Vợ/chồng quý vị đồng ý để quý vị khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là, nếu vợ/chồng quý vị không khai trẻ của quý vị là trẻ đủ điều kiện, quý vị có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em và loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc (nếu quý vị đủ điều kiện tiếp nhận từng quyền lợi thuế này). Tuy nhiên, quý vị không thể sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình vì quý vị và vợ/chồng quý vị không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm. Vì vậy, tình trạng khai thuế của quý vị là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị không thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được vì quý vị và vợ/chồng đã không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm 2022, và quý vị cũng không ly thân về mặt pháp lý theo một văn bản thỏa thuận tách biệt hoặc nghị định bảo trì riêng biệt. Do đó, quý vị không đáp ứng các yêu cầu để nhận tín thuế thu nhập kiểm được khi nộp hồ sơ với tư cách vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế. Quý vị cũng không thể nhận khoản khấu giảm cho chi phí chăm sóc con cái và người phụ thuộc vì tình trạng chung sống của quý vị là đã kết hôn nộp hồ sơ riêng và quý vị và người vợ/chồng đã không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm 2022.

Ví dụ 7—Cha mẹ ly thân khai cùng một con.

Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 6](#), ngoại trừ việc quý vị và vợ/chồng quý vị đều khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, chỉ có vợ/chồng quý vị mới được khai trẻ là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do, trong suốt năm 2022, trẻ đã sống với người vợ/chồng ấy lâu hơn với quý vị. Nếu quý vị xin xét tín thuế trẻ em cho trẻ của mình, IRS sẽ không cho phép quý vị yêu cầu tín thuế trẻ em. Nếu quý vị không có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác, IRS cũng sẽ không cho phép quý vị yêu cầu loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Ngoài ra, do quý vị và vợ/chồng quý vị không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm nên vợ/chồng quý vị không thể sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình. Vì vậy, tình trạng khai thuế của vợ/chồng quý vị là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và người vợ/chồng ấy không thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được vì quý vị và vợ/chồng đã không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm 2022, và quý vị cũng không ly thân về mặt pháp lý theo một văn bản thỏa thuận tách biệt hoặc nghị định bảo trì riêng biệt. Do đó, quý vị không đáp ứng các yêu cầu để nhận tín thuế thu nhập kiểm được khi nộp hồ sơ với tư cách vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế. Quý vị cũng không thể nhận khoản khấu giảm cho chi phí chăm sóc con cái và người phụ thuộc vì tình trạng chung sống của quý vị là đã kết

hôn nộp hồ sơ riêng và quý vị và người vợ/chồng đã không sống xa nhau trong 6 tháng cuối năm 2022.

Ví dụ 8—Cha mẹ chưa kết hôn.

Quý vị, trẻ 5 tuổi của quý vị, L, và cha/mẹ kia của trẻ đã sống với nhau cả năm. Quý vị và cha/mẹ kia của L không kết hôn. L là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và cha/mẹ kia của L vì L đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. AGI của quý vị là \$12.000 và AGI của cha/mẹ kia của L là \$14.000. Cha/mẹ kia của L đồng ý để quý vị khai L là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là quý vị có thể khai L là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế trẻ em, tình trạng khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc và tín thuế thu nhập kiểm được, nếu quý vị đáp ứng tiêu chuẩn nhận từng loại quyền lợi thuế này (và nếu cha/mẹ kia của L không khai L là trẻ đủ điều kiện để nhận bất kỳ quyền lợi thuế nào trong số này).

Ví dụ 9—Cha mẹ chưa kết hôn khai cùng một con.

Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 8](#), ngoại trừ việc quý vị và cha/mẹ kia của L đều khai L là trẻ đủ điều kiện. Trong trường hợp này, chỉ cha/mẹ kia của L mới được khai L là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do AGI của cha/mẹ kia của L, \$14.000, cao hơn AGI của quý vị, \$12.000. Nếu quý vị xin xét tín thuế trẻ em cho L, IRS sẽ không cho phép quý vị yêu cầu khoản tín thuế này. Nếu quý vị không có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác, IRS cũng sẽ không cho phép quý vị sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc cũng như loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Tuy nhiên, quý vị có thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiểm được với tư cách là người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 10—Con không sống với cha mẹ.

Quý vị và con của anh chị em của quý vị, M, sống với cha/mẹ của quý vị cả năm. Quý vị 25 tuổi và AGI của quý vị là \$9.300. AGI của cha/mẹ quý vị là \$15.000. Cha mẹ của M nộp tờ khai thuế chung, có AGI dưới \$9.000, và không sống với quý vị hoặc M. M là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và cha/mẹ quý vị vì M đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả quý vị và cha/mẹ quý vị. Tuy nhiên, chỉ cha/mẹ quý vị mới có thể khai M là trẻ đủ điều kiện. Điều này là do AGI của cha/mẹ quý vị, \$15.000, cao hơn AGI của quý vị, \$9.300.

Áp dụng quy tắc phá hòa đối với cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau).

Nếu trẻ được coi là trẻ đủ điều kiện của cha mẹ không giám hộ theo các quy tắc được mô tả trước đó đối với [con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#), thì chỉ cha mẹ không giám hộ mới có thể khai trẻ là người phụ thuộc đồng thời yêu cầu tín thuế trẻ em hoặc tín thuế cho những người phụ thuộc khác cho trẻ. Tuy nhiên, chỉ cha mẹ giám hộ mới có thể yêu cầu tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc hoặc loại trừ cho quyền lợi chăm sóc người phụ thuộc của trẻ. Ngoài ra, thường thì cha mẹ không giám hộ không được khai trẻ là trẻ đủ điều kiện cho tình trạng khai thuế chủ gia đình hoặc tín thuế thu nhập kiểm được. Thay vào đó, thường thì cha mẹ giám hộ, nếu đủ điều kiện, hoặc người đủ điều kiện khác có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện để nhận hai quyền lợi đó. Nếu trẻ là trẻ đủ điều kiện của nhiều người để nhận những quyền lợi trên, quy tắc phá hòa được giải thích trên đây sẽ giúp xác định liệu cha mẹ giám hộ

hay một người đủ điều kiện khác có thể khai trẻ là trẻ đủ điều kiện hay không.

Ví dụ 1. Quý vị và trẻ 5 tuổi, E, sống cả năm với cha/mẹ quý vị, người đã chi trả toàn bộ chi phí để duy trì ngôi nhà. AGI của quý vị là \$10.000. AGI của cha/mẹ quý vị là \$25.000. Cha/mẹ của E không sống với quý vị hay E.

Theo quy tắc được giải thích ở phần trên áp dụng với con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau), E được coi là trẻ đủ điều kiện của cha/mẹ của E, người có thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho E. Do đó, quý vị không thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho E. Tuy nhiên, những quy tắc này không cho phép cha/mẹ của E khai E là trẻ đủ điều kiện để xin xét tình trạng khai thuế chủ gia đình, tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc, loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc, hoặc tín thuế thu nhập kiếm được.

Quý vị và cha/mẹ quý vị không có quyền lợi về chi phí chăm sóc trẻ em hay trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc, vì vậy cả hai người đều không thể yêu cầu tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc hoặc loại trừ cho trợ cấp chăm sóc người phụ thuộc. Tuy nhiên, E là trẻ đủ điều kiện của cả quý vị và cha/mẹ quý vị cho tình trạng khai thuế chủ gia đình và tín thuế thu nhập kiếm được vì E đáp ứng các thử thách về mối quan hệ, tuổi tác, tình trạng cư trú, hỗ trợ và khai thuế chung cho cả hai người. (Thử thách đánh giá hỗ trợ không áp dụng đối với tín thuế thu nhập kiếm được.) Tuy nhiên, quý vị đồng ý để cha/mẹ mình khai M là trẻ đủ điều kiện. Điều này có nghĩa là cha/mẹ của quý vị có thể khai M cho tình trạng khai thuế chủ gia đình và tín thuế thu nhập kiếm được nếu đủ điều kiện và nếu quý vị không khai M là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập kiếm được. (Quý vị không thể sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình vì cha/mẹ quý vị đã trả toàn bộ chi phí duy trì nhà ở.) Quý vị có thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được với tư cách là người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện.

Ví dụ 2. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ AGI của quý vị là \$25.000 và AGI của cha/mẹ quý vị là \$21.000. Cha/mẹ của quý vị không thể khai E là trẻ đủ điều kiện cho bất kỳ mục đích nào vì AGI của cha/mẹ quý vị không cao hơn AGI của quý vị.

Ví dụ 3. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ quý vị và cha/mẹ của quý vị đều khai E là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập kiếm được. Cha/mẹ của quý vị cũng khai E là trẻ đủ điều kiện để sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình. Quý vị, với tư cách là cha/mẹ của E, sẽ là người duy nhất được phép khai E là trẻ đủ điều kiện để nhận tín thuế thu nhập kiếm được. IRS sẽ không cho phép cha/mẹ quý vị sử dụng tình trạng khai thuế chủ gia đình trừ khi cha/mẹ của quý vị có trẻ đủ điều kiện hoặc người phụ thuộc khác. Cha/mẹ của quý vị không thể yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được với tư cách người đóng thuế không có trẻ đủ điều kiện vì AGI của cha/mẹ của quý vị cao hơn mức \$16.480.

Thân Nhân Đủ Điều Kiện

Một người phải đáp ứng bốn thử thách để trở thành thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Bốn thử thách này bao gồm:

1. [Thử thách không phải là trẻ đủ điều kiện](#),
2. [Thử thách thành viên hộ gia đình hoặc mối quan hệ](#),

3. [Thử thách tổng thu nhập](#), và
4. [Thử thách hỗ trợ](#).

Tuổi. Không giống như trẻ đủ điều kiện, thân nhân đủ điều kiện có thể ở mọi lứa tuổi. Không áp dụng thử thách tuổi tác với thân nhân đủ điều kiện.

Trẻ bị bắt cóc. Quý vị có thể coi trẻ là thân nhân đủ điều kiện của mình ngay cả khi trẻ bị bắt cóc. Xem [Ấn Phẩm 501](#) để tìm hiểu chi tiết.

Thử Thách Không Phải Là Trẻ Đủ Điều Kiện

Trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu trẻ là trẻ đủ điều kiện của quý vị hoặc trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác.

Ví dụ 1. Trẻ 22 tuổi của quý vị, đang là sinh viên, sống với quý vị và đáp ứng tất cả các thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị.

Ví dụ 2. Trẻ 2 tuổi của quý vị sống với cha mẹ quý vị và đáp ứng tất cả các thử thách để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị.

Ví dụ 3. Trẻ 30 tuổi của quý vị sống với quý vị. Trẻ này không phải là trẻ đủ điều kiện vì không đáp ứng thử thách tuổi tác. Trẻ có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng thử thách tổng thu nhập và thử thách đánh giá hỗ trợ.

Ví dụ 4. Cháu 13 tuổi của quý vị chỉ sống với quý vị 5 tháng trong năm. Cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị vì cháu không đáp ứng thử thách xét tình trạng cư trú. Cháu có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng thử thách tổng thu nhập và thử thách đánh giá hỗ trợ.

Trẻ của người không bắt buộc phải nộp tờ khai thuế. Trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác và do đó có thể đủ điều kiện là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu cha/mẹ của trẻ (hoặc người khác mà trẻ được xác định là trẻ đủ điều kiện của người đó) không bắt buộc phải khai thuế thu nhập hoặc:

- Không nộp tờ khai thuế thu nhập, hoặc
- Nộp tờ khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu lưu hoặc thuế ước tính đã nộp.

Ví dụ 1—Không bắt buộc khai thuế. Quý vị chu cấp cho một người bạn không có quan hệ huyết thống với quý vị và đưa trẻ 3 tuổi của người ấy, và hai người đã sống với quý vị cả năm trong nhà của quý vị. Bạn của quý vị không có thu nhập, không bắt buộc phải khai thuế năm 2022 và không khai thuế cho năm 2022. Cả hai bạn của quý vị và trẻ của người ấy đều là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng thử thách hỗ trợ.

Ví dụ 2—Nộp tờ khai thuế để yêu cầu hoàn thuế. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 1](#), ngoại trừ bạn của quý vị có \$1.500 tiền lương trong năm và thuế đã được khấu trừ từ tiền lương của người ấy. Bạn của quý vị khai thuế chỉ để xin hoàn thuế thu nhập đã khấu trừ và không yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được hay bất kỳ khoản tín thuế hoặc khấu trừ nào khác. Cả hai bạn quý vị và trẻ của người ấy đều là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu đáp ứng thử thách hỗ trợ.

Ví dụ 3—Yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được. Các dữ kiện tương tự như trong [Ví dụ 2](#),

ngoại trừ bạn của quý vị có \$8.000 tiền lương trong năm và yêu cầu tín thuế thu nhập kiếm được trên tờ khai thuế. Con của bạn quý vị là trẻ đủ điều kiện của một người đóng thuế khác (bạn của quý vị), vì vậy quý vị không thể khai trẻ là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Ngoài ra, quý vị không thể khai bạn của quý vị là thân nhân đủ điều kiện do thử thách tổng thu nhập được giải thích ở phần sau.

Trẻ em ở Canada hoặc Mexico. Quý vị có thể khai trẻ là người phụ thuộc kể cả trong trường hợp trẻ sống ở Canada hoặc Mexico. Nếu trẻ không sống với quý vị, trẻ không đáp ứng thử thách xét tình trạng cư trú để trở thành trẻ đủ điều kiện của quý vị. Tuy nhiên, trẻ vẫn có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Nếu những người mà trẻ sống cùng không phải là công dân Hoa Kỳ và không có thu nhập từ Hoa Kỳ, những người này không phải là “người đóng thuế,” thì trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác. Nếu trẻ không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác, trẻ là thân nhân đủ điều kiện của quý vị khi đáp ứng thử thách tổng thu nhập và thử thách đánh giá hỗ trợ.

Quý vị không thể khai người phụ thuộc đối với trẻ sống ở các quốc gia khác ngoài Canada hoặc Mexico, trừ khi trẻ là công dân Hoa Kỳ, thường trú nhân người nước ngoài tại Hoa Kỳ hoặc người mang quốc tịch Hoa Kỳ. Có trường hợp ngoại lệ đối với con nuôi đã sống với quý vị cả năm. Xem [Thử Thách Tình Trạng Cư Trú](#) ở phần trên.

Ví dụ. Quý vị chu cấp cho tất cả các con của mình, 6, 8 và 12 tuổi, các cháu sống ở Mexico với cha/mẹ của quý vị và không có thu nhập. Quý vị độc thân và sống ở Hoa Kỳ. Cha/mẹ quý vị không phải là công dân Hoa Kỳ và không có thu nhập Hoa Kỳ, vì vậy cha/mẹ của quý vị không phải là “người đóng thuế.” Con của quý vị không phải là trẻ đủ điều kiện của quý vị vì các cháu không đáp ứng thử thách xét tình trạng cư trú. Nhưng vì các cháu không phải là trẻ đủ điều kiện của bất kỳ người đóng thuế nào khác, các cháu có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị và quý vị có thể được phép khai các cháu là người phụ thuộc. Quý vị cũng có thể khai cha/mẹ mình là người phụ thuộc nếu đáp ứng thử thách tổng thu nhập và thử thách đánh giá hỗ trợ.

Thử Thách Thành Viên Hộ Gia Đình hoặc Mối Quan Hệ

Để đáp ứng thử thách này, một người phải:

1. Sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị, hoặc
2. Có quan hệ với quý vị theo một trong những cách được liệt kê trong mục [Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị](#) ở phần sau.

Nếu trong năm có bất kỳ thời điểm nào người đó là vợ/chồng của quý vị, thì người đó không thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị.

Thân nhân không nhất thiết phải sống với quý vị. Một người có quan hệ với quý vị theo bất kỳ cách nào sau đây không cần phải sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị để đáp ứng thử thách này.

- Con của quý vị, con riêng của vợ/chồng quý vị, hoặc con nuôi tạm hoặc hậu thế của bất kỳ người nào trong số họ (ví dụ: cháu của quý vị). (Con nuôi hợp pháp được coi là con của quý vị.)
- Anh em trai, chị em gái, anh chị em cùng cha khác mẹ hoặc con riêng của cha/mẹ của quý vị.

- Cha, mẹ, ông bà hoặc tổ tiên trực hệ khác của quý vị, nhưng không bao gồm cha mẹ nuôi.
- Cha dượng hoặc mẹ kế của quý vị.
- Con trai hoặc con gái của anh/em trai hoặc chị/em gái của quý vị.
- Con trai hoặc con gái của anh/em trai cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha hoặc chị/em gái cùng cha khác mẹ/cùng mẹ khác cha của quý vị.
- Anh/em trai hoặc chị/em gái của cha hoặc mẹ quý vị.
- Con rể, con dâu, cha vợ/cha chồng, mẹ vợ/mẹ chồng, anh/em rể hoặc chị/em dâu của quý vị.

Bất kỳ mối quan hệ nào được thiết lập bởi hôn nhân sẽ không kết thúc khi qua đời hoặc ly hôn.

Ví dụ. Trong năm 2016, quý vị và vợ/chồng của quý vị bắt đầu chu cấp cho cha/mẹ không kết hôn của vợ/chồng quý vị, G. Vợ/chồng của quý vị qua đời năm 2021. Dù vợ/chồng của quý vị đã qua đời, G vẫn tiếp tục đáp ứng thử thách này, kể cả khi G không sống cùng quý vị. Quý vị có thể khai G là người phụ thuộc nếu đáp ứng tất cả các thử thách khác, bao gồm thử thách tổng thu nhập và thử thách hỗ trợ.

Con nuôi tạm. Con nuôi tạm là một cá nhân được đưa tới sống với quý vị bởi một cơ quan có thẩm quyền sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em hoặc theo bản án, án lệnh hoặc phán quyết khác của tòa án có thẩm quyền.

Tờ khai thuế chung. Nếu quý vị khai thuế chung, người này có thể có quan hệ với quý vị hoặc vợ/chồng quý vị. Ngoài ra, người này không cần phải có quan hệ với người vợ/chồng cung cấp hỗ trợ.

Ví dụ, quý vị cung cấp hơn nửa hỗ trợ cho cha/mẹ kế của vợ/chồng của quý vị. Cha/mẹ kế của vợ/chồng của quý vị có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị ngay cả khi người cha/mẹ kế không sống chung với quý vị. Tuy nhiên, nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị khai thuế riêng, cha/mẹ kế của vợ/chồng của quý vị chỉ có thể là thân nhân đủ điều kiện của quý vị nếu người cha/mẹ kế đó sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị.

Vắng mặt tạm thời. Một người được coi là sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị trong khoảng thời gian khi một trong hai người hoặc cả hai tạm thời vắng mặt vì những hoàn cảnh đặc biệt như:

- Bệnh tật,
- Giáo dục,
- Làm việc,
- Nghỉ dưỡng,
- Phục vụ trong quân ngũ, hoặc
- Bị giam giữ tại cơ sở dành cho trẻ vị thành niên.

Nếu người đó được đưa vào viện dưỡng lão trong một khoảng thời gian không xác định để chăm sóc y tế liên tục, trường hợp này được coi là vắng mặt tạm thời.

Qua đời hoặc sinh ra. Một người đã qua đời trong năm, nhưng sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị cho đến khi qua đời, sẽ đáp ứng thử thách này. Quy tắc này cũng áp dụng đối với trẻ được sinh ra trong năm và sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị trong suốt thời gian còn lại của năm. Thử thách này cũng được đáp ứng nếu trẻ sống với quý vị như một thành viên

trong gia đình quý vị ngoại trừ khoảng thời gian bắt buộc nằm viện sau khi sinh.

Nếu người phụ thuộc của quý vị qua đời trong năm và quý vị đủ điều kiện để khai người đó là người phụ thuộc khi họ còn sống, quý vị vẫn có thể khai người đó là người phụ thuộc.

Ví dụ. Cha/mẹ của quý vị đáp ứng các thử thách để trở thành thân nhân đủ điều kiện của quý vị qua đời ngày 15 tháng 1. Quý vị có thể khai cha/mẹ của quý vị là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của quý vị.

Vi phạm luật địa phương. Một người sẽ không đáp ứng thử thách này nếu tại thời điểm bất kỳ trong năm mối quan hệ giữa quý vị và người đó vi phạm luật địa phương.

Ví dụ. Người quan trọng của quý vị, T, sống với quý vị như một thành viên trong gia đình quý vị cả năm. Tuy nhiên, mối quan hệ của quý vị và T đã vi phạm luật ở tiểu bang nơi quý vị sống vì T đã kết hôn với người khác. Do đó, T không đáp ứng thử thách này và quý vị không thể khai T là người phụ thuộc.

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của quý vị. Thuật ngữ “con nuôi” bao gồm trẻ được sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng tại nhà quý vị để làm con nuôi hợp pháp của quý vị.

Anh chị em họ. Anh chị em họ của quý vị phải sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị để đáp ứng thử thách này. Anh chị em họ là hậu thế của anh/em trai hoặc chị/em gái của cha hoặc mẹ quý vị.

Thử Thách Tổng Thu Nhập

Để đáp ứng thử thách này, tổng thu nhập của một người trong năm phải dưới \$4.400.

Định nghĩa tổng thu nhập. Tổng thu nhập bao gồm tất cả thu nhập dưới dạng tiền, tài sản và dịch vụ không được miễn thuế.

Trong hoạt động kinh doanh sản xuất, buôn bán hoặc khai thác mỏ, tổng thu nhập là tổng doanh thu thuần trừ đi giá vốn hàng bán, cộng với mọi thu nhập khác từ hoạt động kinh doanh.

Tổng các khoản thu từ bất động sản cho thuê được tính vào tổng thu nhập. Không khấu trừ thuế, tiền sửa chữa hoặc các chi phí khác khi xác định tổng thu nhập từ tài sản cho thuê.

Tổng thu nhập bao gồm phần của một đối tác trong tổng thu nhập từ hình thức hợp tác kinh doanh (không tính trên thu nhập ròng).

Tổng thu nhập còn bao gồm tất cả các khoản trợ cấp thất nghiệp chịu thuế, phúc lợi an sinh xã hội chịu thuế và một số khoản tiền nhận được như là trợ cấp học bổng và nghiên cứu. Học bổng mà học sinh nhận được và được sử dụng để trả học phí, lệ phí, mua đồ dùng học tập, sách và thiết bị cần thiết cho những khóa học cụ thể thường không được tính vào tổng thu nhập. Để tìm hiểu thêm thông tin về học bổng, xem [chương 8](#).

Người phụ thuộc khuyết tật làm việc tại nơi huấn nghiệp cho người khuyết tật. Cho mục đích xem xét thử thách tổng thu nhập, tổng thu nhập của một cá nhân bị khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn vào bất kỳ thời điểm nào trong năm không bao gồm thu nhập từ các dịch vụ mà cá nhân đó thực hiện tại nơi huấn nghiệp cho người khuyết tật. Các dịch vụ chăm sóc y tế được cung cấp tại nơi huấn nghiệp phải là lý do chính khiến cá nhân này làm việc ở đây. Ngoài ra, thu nhập phải bắt nguồn từ các hoạt động

tại nơi huấn nghiệp gắn liền với hoạt động chăm sóc y tế.

“Nơi huấn nghiệp cho người khuyết tật” là trường học:

- Tổ chức hướng dẫn hoặc đào tạo đặc biệt, được thiết kế để giảm nhẹ tình trạng khuyết tật của cá nhân; và
- Được điều hành bởi một số tổ chức được miễn thuế hoặc bởi tiểu bang, thuộc địa của Hoa Kỳ, phân khu chính trị thuộc tiểu bang hoặc thuộc địa, Hoa Kỳ, hoặc Đặc khu Columbia.

[Khuyết tật vĩnh viễn và hoàn toàn](#) được định nghĩa trong mục [Trẻ Đủ Điều Kiện](#), ở phần trên.

Thử Thách Hỗ Trợ (Để Thành Thân Nhân Đủ Điều Kiện)

Để đáp ứng thử thách này, thông thường quý vị phải chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người trong năm theo niên lịch.

Tuy nhiên, nếu hai người trở lên cùng chu cấp, nhưng không ai chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người, Xem [Thỏa Thuận Trợ Cấp Đa Phương](#) ở phần sau.

Cách xác định liệu quý vị có đáp ứng thử thách hỗ trợ hay không. Quý vị xác định mình có chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của một người hay không bằng cách so sánh số tiền quý vị đã đóng góp để hỗ trợ cho người đó với tổng số tiền hỗ trợ mà người đó nhận được từ tất cả các nguồn. Tổng số tiền hỗ trợ bao gồm số tiền mà người đó tự chu cấp cho bản thân.

Quý vị có thể sử dụng [Bảng Tính 3-1](#) để xác định liệu quý vị có chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của một người hay không.

Nguồn tiền riêng của một người không được sử dụng để hỗ trợ. Các nguồn tiền riêng của một người không được tính là tiền hỗ trợ trừ trường hợp nguồn tiền đó được sử dụng cho mục đích này.

Ví dụ. Cha/mẹ của quý vị đã nhận được \$2.400 tiền phúc lợi an sinh xã hội và \$300 tiền lãi, trả \$2.000 cho chỗ ở và \$400 để giải trí, và gửi tiết kiệm \$300.

Mặc dù cha/mẹ của quý vị nhận được tổng cộng \$2.700 (\$2.400 + \$300), cha/mẹ của quý vị chỉ trả \$2.400 (\$2.000 + \$400) để chu cấp cho bản thân. Nếu quý vị đã chi hơn \$2.400 để chu cấp cho cha/mẹ của quý vị và không có nhận được khoản hỗ trợ nào khác, quý vị đã chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của cha/mẹ của quý vị.

Tiền lương của trẻ được sử dụng để tự chu cấp. Quý vị không thể tính khoản hỗ trợ mà trẻ tự chi trả từ tiền lương của mình vào phần đóng góp hỗ trợ của quý vị, kể cả khi quý vị là người trả lương.

Năm cung cấp hỗ trợ. Năm quý vị cung cấp hỗ trợ là năm quý vị trả tiền hỗ trợ, kể cả khi quý vị trả tiền hỗ trợ bằng tiền đi vay mà quý vị hoàn trả vào năm sau đó.

Nếu quý vị sử dụng năm theo lịch tài chính để báo cáo thu nhập, quý vị phải cung cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ của người phụ thuộc trong năm theo niên lịch mà năm theo lịch tài chính của quý vị bắt đầu.

Tiền phân bổ cho người phụ thuộc của thành viên Lực Lượng Vũ Trang. Phần tiền phân bổ do chính phủ đóng góp và phân trích từ tiền lương quân đội của quý vị đều được coi là do quý vị chu cấp khi xác định quý vị có chu cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ hay không. Nếu tiền phân bổ của quý vị được sử

dụng để hỗ trợ những người không phải những người mà quý vị chỉ định, quý vị có thể khai họ là người phụ thuộc nếu đủ điều kiện.

Ví dụ. Quý vị đang phục vụ trong Lực Lượng Vũ Trang. Quý vị ủy quyền phân bổ tiền cho người cha/mẹ còn lại của mình và người cha/mẹ còn lại dùng số tiền này để chi trả cho bản thân và anh chị em của họ. Nếu tiền phân bổ chiếm hơn một nửa tiền hỗ trợ của mỗi người, quý vị có thể khai mỗi người trong số họ là người phụ thuộc, nếu họ đủ điều kiện, mặc dù quý vị chỉ ủy quyền phân bổ tiền cho cha/mẹ còn lại của mình.

Trợ cấp nhà ở quân đội được miễn thuế. Các khoản trợ cấp này được đối xử giống như tiền phân bổ cho người phụ thuộc khi tính toán tiền hỗ trợ. Tiền lương phân bổ và trợ cấp nhà ở cơ bản được miễn thuế đều được coi là tiền hỗ trợ do quý vị chi cấp.

Thu nhập được miễn thuế. Khi tính toán tổng số tiền hỗ trợ của một người, hãy tính cả thu nhập được miễn thuế, tiền tiết kiệm và tiền đi vay được dùng để hỗ trợ người đó. Thu nhập được miễn thuế bao gồm một số khoản phúc lợi an sinh xã hội, trợ cấp xã hội, tiền bảo hiểm nhân thọ không chịu thuế, tiền phân bổ cho gia đình của thành viên Lực Lượng Vũ Trang, hưu bổng không chịu thuế và tiền lãi được miễn thuế.

Ví dụ 1. Quý vị chi cấp \$4.000 để hỗ trợ cho cha/mẹ mình trong năm. Cha/mẹ của bạn có \$600 thu nhập kiếm được, \$4.800 phúc lợi an sinh xã hội không chịu thuế và \$200 tiền lãi được miễn thuế và tất cả số tiền này dùng để chi trả cho bản thân. Quý vị không thể khai cha/mẹ mình là người phụ thuộc vì \$4.000 mà quý vị chi cấp không chiếm hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của cha/mẹ của quý vị là \$9.600 (\$4.000 + \$600 + \$4.800 + \$200).

Ví dụ 2. K, con của anh chị em của quý vị, có một khoản vay sinh viên trị giá \$2.500 và sử dụng số tiền này để trả học phí đại học. Cả nhân K chịu trách nhiệm về khoản vay này. Quý vị chi cấp \$2.000 để hỗ trợ cho K. Quý vị không thể khai K là người phụ thuộc vì quý vị chi cấp ít hơn một nửa số tiền hỗ trợ của K.

Phúc lợi an sinh xã hội. Nếu một cặp vợ chồng nhận trợ cấp thông qua chỉ phiếu được trả cho cả hai người, một nửa tổng số tiền này được coi là tiền hỗ trợ cho mỗi người, trừ trường hợp họ có thể chứng minh khác đi.

Nếu trẻ nhận phúc lợi an sinh xã hội và sử dụng số tiền này để hỗ trợ cho bản thân thì khoản trợ cấp đó được coi là do trẻ tự chi cấp.

Hỗ trợ của tiểu bang (trợ cấp xã hội, phiếu thực phẩm, nhà ở, v.v.). Các khoản trợ cấp do tiểu bang cung cấp cho những người có hoàn cảnh khó khăn thường được coi là tiền hỗ trợ của tiểu bang. Tuy nhiên, các khoản thanh toán dựa trên nhu cầu của người nhận sẽ không được coi là được sử dụng hoàn toàn để hỗ trợ cho người đó nếu có thể chứng minh rằng một phần của những khoản thanh toán này không được sử dụng cho mục đích đó.

Chăm sóc nuôi dưỡng. Các khoản thanh toán mà quý vị nhận được để chi trả cho con nuôi tạm từ cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em được coi là tiền hỗ trợ do cơ quan này cung cấp. Xem [Các khoản thanh toán và chi phí chăm sóc nuôi dưỡng](#), ở phần trên.

Nhà cho người cao tuổi. Nếu quý vị trả trước một lần tiền dịch vụ nhà cho người cao tuổi để chăm sóc

thân nhân của quý vị đến cuối đời và số tiền được thanh toán dựa trên tuổi thọ của người đó, số tiền hỗ trợ mà quý vị chi trả mỗi năm bằng số tiền trả trước một lần chia cho tuổi thọ của thân nhân. Số tiền hỗ trợ mà quý vị chi trả còn bao gồm bất kỳ khoản tiền nào khác mà quý vị đã chi trả trong năm.

Tổng Số Tiền Hỗ Trợ

Để xác định liệu quý vị có chi trả hơn một nửa số tiền hỗ trợ của một người hay không, trước tiên quý vị phải xác định tổng số tiền hỗ trợ được cung cấp cho người đó. Tổng số tiền hỗ trợ bao gồm số tiền được chi trả để chi trả thực phẩm, chỗ ở, quần áo, giáo dục, chăm sóc y tế và nha khoa, giải trí, phương tiện đi lại và các nhu cầu cần thiết tương tự.

Thông thường, số tiền của một khoản mục hỗ trợ là chi phí phát sinh để cung cấp khoản mục đó. Đối với chỗ ở, số tiền hỗ trợ là giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở.

Các chi phí không liên quan trực tiếp đến bất kỳ thành viên nào trong hộ gia đình, ví dụ như chi phí thực phẩm cho hộ gia đình, phải được chia cho các thành viên trong hộ gia đình.

Ví dụ 1. G Brown, cha/mẹ của M Miller, sống với F và M Miller cùng hai con của họ. G nhận được \$2.400 phúc lợi an sinh xã hội, G dùng số tiền này để chi trả cho quần áo, phương tiện đi lại và giải trí. G không có thu nhập nào khác. Tổng chi phí thực phẩm của F và M cho hộ gia đình là \$5.200. Họ trả \$1.200 chi phí thuốc men và y tế cho G. Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở được cung cấp cho G là \$1.800 một năm, dựa trên giá cho thuê của những chỗ ở có điều kiện tương tự. Tính tổng số tiền hỗ trợ của G như sau.

Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở	\$ 1.800
Quần áo, phương tiện đi lại và giải trí	2.400
Chi phí y tế	1.200
Thực phẩm (1/5 của \$5.200)	1.040
Tổng số tiền hỗ trợ	\$6.440

Tiền hỗ trợ mà F và M cung cấp, \$4.040 (\$1.800 chỗ ở + \$1.200 chi phí y tế + \$1.040 thực phẩm), chiếm hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ \$6.440 của G.

Ví dụ 2. Cha mẹ của quý vị, A và B, sống với quý vị, vợ/chồng và hai con quý vị trong căn nhà mà quý vị sở hữu. Giá trị cho thuê hợp lý của phần chỗ ở dành cho cha mẹ quý vị là \$2.000 một năm (\$1.000 mỗi người), bao gồm đồ chi phí nội thất và dịch vụ tiện ích. A nhận được \$4.200 tiền hưu bổng không chịu thuế, A dùng số tiền này để chi trả các khoản hỗ trợ như quần áo, phương tiện đi lại và giải trí cho bản thân A và B với mức bằng nhau. Tổng chi phí thực phẩm của quý vị cho hộ gia đình là \$6.000. Giá trị hóa đơn điện, nước, sưởi ấm của quý vị là \$1.200. B có \$600 chi phí nằm viện và y tế mà quý vị đã trả trong năm. Tính tổng số tiền hỗ trợ của cha mẹ quý vị như sau.

Hỗ trợ được cung cấp	A	B
Giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở	\$1.000	\$1.000
Hưu bổng được dùng để hỗ trợ cho họ	2.100	2.100
Thực phẩm (1/6 của \$6.000)	1.000	1.000
Chi phí y tế cho B		600
Tổng số tiền hỗ trợ của cha mẹ	\$4.100	\$4.700

Quý vị phải áp dụng thử thách đánh giá hỗ trợ riêng cho từng người. Quý vị chi cấp \$2.000 (\$1.000 chỗ ở + \$1.000 thực phẩm) trong tổng số tiền hỗ trợ \$4.100 của A – ít hơn một nửa. Quý vị chi cấp \$2.600 cho B (\$1.000 chỗ ở + \$1.000 thực phẩm + \$600 y tế) – hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ \$4.700 của B. Quý vị đáp ứng thử thách hỗ trợ đối với B, nhưng không đáp ứng thử thách này đối với A. Chi phí dịch vụ tiện ích và sưởi ấm được tính vào giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở, vì vậy chi phí này không được xem xét riêng.

Chỗ ở. Nếu quý vị cung cấp chỗ ở cho một người, quý vị được coi là cung cấp khoản hỗ trợ tương đương với giá trị cho thuê hợp lý của căn phòng, căn hộ, căn nhà hoặc nơi cư trú khác mà người đó sống. Giá trị cho thuê hợp lý bao gồm chi phí sử dụng đồ nội thất và đồ gia dụng cũng như chi phí sưởi ấm và các dịch vụ tiện ích khác được cung cấp.

Định nghĩa giá trị cho thuê hợp lý. Giá trị cho thuê hợp lý là số tiền mà quý vị có thể mong đợi nhận được một cách hợp lý từ người lạ cho cùng loại hình chỗ ở. Giá trị này được sử dụng thay cho các chi phí thực tế như thuế, lãi vay, khấu hao, sơn, bảo hiểm, tiện ích cùng chi phí đồ nội thất và đồ gia dụng. Trong một số trường hợp, giá trị cho thuê hợp lý có thể bằng giá thuê đã trả.

Nếu quý vị cung cấp toàn bộ chi phí chỗ ở, số tiền hỗ trợ mà quý vị chi cấp là giá trị cho thuê hợp lý của căn phòng mà người đó sử dụng hoặc một phần giá trị cho thuê hợp lý của toàn bộ nơi cư trú nếu người đó sử dụng toàn bộ căn nhà của quý vị. Nếu quý vị không cung cấp toàn bộ chi phí chỗ ở, tổng giá trị cho thuê hợp lý phải được chia dựa trên số tiền cho nơi ở mà quý vị cung cấp. Nếu quý vị chỉ cung cấp một phần và người đó cung cấp phần còn lại, giá trị cho thuê hợp lý phải được chia cho cả hai người theo số tiền mà mỗi người cung cấp.

Ví dụ. Cha mẹ quý vị sống miễn phí trong căn nhà mà quý vị sở hữu. Căn nhà có giá trị cho thuê hợp lý là \$5.400 một năm và được trang bị nội thất, bao gồm giá trị cho thuê hợp lý là \$3.600 cho căn nhà và \$1.800 cho đồ nội thất. Giá trị cho thuê hợp lý không bao gồm chi phí sưởi ấm và các dịch vụ tiện ích khác. Nhà có đầy đủ nội thất thuộc sở hữu của cha mẹ quý vị. Quý vị trả \$600 hóa đơn tiện ích cho họ. Chi phí dịch vụ tiện ích thường không được tính vào tiền thuê nhà ở khu vực mà cha mẹ quý vị sống. Do đó, tổng giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở là \$6.000 (\$3.600 giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà không có đồ đạc + \$1.800 dành cho đồ nội thất do cha mẹ quý vị cung cấp + \$600 chi phí dịch vụ tiện ích) trong đó quý vị được coi là đã chi trả \$4.200 (\$3.600 + \$600).

Người sống trong nhà riêng của mình. Tổng giá trị cho thuê hợp lý của căn nhà mà một người sở hữu được coi là khoản hỗ trợ do người đó đóng góp.

Sống với ai đó không phải trả tiền thuê nhà. Nếu quý vị sống với một người trong nhà của người đó mà không phải trả tiền thuê, quý vị phải giảm số tiền mà quý vị chi trả để hỗ trợ cho người đó

bằng giá trị cho thuê hợp lý của chỗ ở mà người đó cung cấp cho quý vị.

Tài sản. Tài sản được cung cấp để hỗ trợ được tính bằng giá trị thị trường hợp lý của tài sản đó. Giá trị thị trường hợp lý là giá bán của tài sản trên thị trường. Đây là mức giá thỏa thuận giữa người mua và người bán có thiện chí, không bắt buộc phải hành động và cả hai đều có kiến thức hợp lý về các sự kiện liên quan.

Chi phí vốn. Tài sản cố định, ví dụ như đồ nội thất, đồ gia dụng và ô tô mua cho một người trong năm có thể được tính vào tổng số tiền hỗ trợ trong một số trường hợp nhất định.

Các ví dụ dưới đây cho biết khi nào tài sản cố định được hoặc không được tính vào tiền hỗ trợ.

Ví dụ 1. Quý vị mua một chiếc máy cắt cỏ trị giá \$200 cho đứa con 13 tuổi của mình. Con được giao nhiệm vụ cắt tía bãi cỏ. Vì máy cắt cỏ mang lại lợi ích cho tất cả các thành viên trong gia đình, không tính chi phí máy cắt cỏ vào tiền hỗ trợ cho con quý vị.

Ví dụ 2. Quý vị mua một chiếc tivi trị giá \$150 làm quà sinh nhật cho đứa con 12 tuổi của mình. Tivi được đặt trong phòng ngủ của con. Quý vị có thể tính chi phí mua tivi vào tiền hỗ trợ cho con quý vị.

Ví dụ 3. Quý vị trả \$5.000 mua xe và đăng ký xe dưới tên quý vị. Quý vị và trẻ 17 tuổi của quý vị sử dụng chiếc xe với mức ngang nhau. Vì quý vị sở hữu chiếc xe và không tặng cho trẻ của quý vị để sử dụng riêng, không tính chi phí xe vào tổng số tiền hỗ trợ của trẻ của quý vị. Tuy nhiên, quý vị có thể tính các chi phí phụ để vận hành chiếc xe vì lợi ích của con vào tiền hỗ trợ của trẻ của quý vị.

Ví dụ 4. Trẻ 17 tuổi của quý vị sử dụng tiền cá nhân để mua một chiếc xe với giá \$4.500. Quý vị chu cấp phần còn lại tiền hỗ trợ của trẻ, \$4.000. Vì chiếc xe do trẻ của quý vị mua và sở hữu nên giá trị thị trường hợp lý của chiếc xe (\$4.500) phải được tính vào tiền hỗ trợ của trẻ. Trẻ đã cung cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ \$8.500 của bản thân (\$4.500 + \$4.000), vì vậy trẻ không phải trẻ đủ điều kiện của quý vị. Quý vị đã không chu cấp hơn một nửa tổng số tiền hỗ trợ của trẻ, vì vậy trẻ không phải là thân nhân đủ điều kiện của quý vị. Quý vị không thể khai trẻ này là người phụ thuộc.

Phí bảo hiểm y tế. Phí bảo hiểm y tế mà quý vị trả, bao gồm phí bảo hiểm Medicare bổ sung, được tính vào tiền hỗ trợ mà quý vị cung cấp.

Quyền lợi bảo hiểm y tế. Các quyền lợi bảo hiểm y tế, bao gồm quyền lợi Medicare cơ bản và bổ sung, không phải là một phần của hỗ trợ.

Các khoản thanh toán học phí và phụ cấp của GI Bill. Số tiền mà các cựu chiến binh nhận được của GI Bill để thanh toán học phí và trợ cấp khi họ đi học được tính vào tổng số tiền hỗ trợ.

Ví dụ. Trong năm, trẻ của quý vị nhận được \$2.200 từ chính phủ theo GI Bill. Trẻ sử dụng số tiền này cho việc học của mình. Quý vị cung cấp số tiền hỗ trợ còn lại của trẻ, \$2.000. Vì quyền lợi GI được tính vào tổng số tiền hỗ trợ, tổng số tiền hỗ trợ của trẻ là \$4.200 (\$2.200 + \$2.000). Quý vị không chu cấp hơn một nửa số tiền hỗ trợ của trẻ.

Chi phí chăm sóc trẻ em. Nếu quý vị trả tiền cho ai đó để cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em hoặc người phụ thuộc, quý vị có thể tính các khoản thanh toán này vào số tiền mà quý vị đã cung cấp để hỗ trợ cho con hoặc người phụ thuộc bị khuyết tật, kể cả khi

quý vị yêu cầu tín thuế cho các khoản thanh toán này. Để tìm hiểu thông tin về tín thuế, xem Ấn Phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc.

Các khoản mục hỗ trợ khác. Các khoản mục khác có thể được coi là tiền hỗ trợ tùy theo dữ kiện thực tế trong từng trường hợp.

Không Tính vào Tổng Số Tiền Hỗ Trợ

Các khoản mục sau không được tính vào tổng số tiền hỗ trợ.

- Thuế thu nhập liên bang, tiểu bang và địa phương do một người trả từ thu nhập của bản thân.
- Thuế an sinh xã hội và Medicare do cá nhân trả từ thu nhập của bản thân.
- Phí bảo hiểm nhân thọ.
- Chi phí tang lễ.
- Học bổng mà con quý vị nhận được nếu con là học sinh.
- Trợ Cấp Giáo Dục của Người Còn Sống và Người Phụ Thuộc được sử dụng để hỗ trợ cho trẻ nhận được các khoản trợ cấp này.

Thỏa Thuận Trợ Cấp Đa Phương

Trong một số trường hợp, không ai cung cấp hơn một nửa tiền hỗ trợ của một người. Thay vào đó, hai hoặc nhiều người, mỗi người trong số đó có thể khai người đó là người phụ thuộc, nhưng về thủ thách đánh giá hỗ trợ, tất cả họ đã cung cấp nhiều hơn một nửa số tiền hỗ trợ của người đó.

Khi tình huống này xảy ra, quý vị có thể thỏa thuận rằng bất kỳ ai trong số quý vị cung cấp hơn 10% số tiền hỗ trợ của người đó, nhưng chỉ một người, sẽ có thể khai người đó là người phụ thuộc. Mỗi người trong số những người còn lại phải ký tuyên bố đồng ý không khai người đó là người phụ thuộc trong năm. Người khai người đó là người phụ thuộc phải lưu những tuyên bố có chữ ký này vào hồ sơ của mình. Tuyên bố cấp dưỡng đa phương của từng người đã đồng ý không khai người đó là người phụ thuộc phải được đính kèm tờ khai thuế của người khai người đó là người phụ thuộc. Có thể sử dụng Mẫu 2120 cho mục đích này.

Quý vị có thể khai một người là người phụ thuộc theo thỏa thuận trợ cấp đa phương với người có quan hệ với quý vị hoặc người đã sống với quý vị cả năm như một thành viên trong gia đình quý vị.

Ví dụ 1. Quý vị, và anh chị em, S, B, D, chu cấp toàn bộ tiền hỗ trợ của cha/mẹ quý vị trong năm. Quý vị chu cấp 45%, S chu cấp 35%, và B và D mỗi người chu cấp 10%. Quý vị hoặc S có thể khai cha/mẹ của quý vị là người phụ thuộc; những người kia phải ký tuyên bố đồng ý không khai cha/mẹ của quý vị là người phụ thuộc. Người khai cha/mẹ của quý vị là người phụ thuộc phải đính kèm Mẫu 2120, hoặc một tờ khai tương tự, vào hồ sơ của họ và phải giữ tuyên bố có chữ ký của người kia trong hồ sơ của mình. Vì cả hai B và D không cung cấp nhiều hơn 10% số tiền hỗ trợ, cả hai không thể khai cha/mẹ của quý vị là người phụ thuộc và không phải ký tuyên bố.

Ví dụ 2. Quý vị và anh chị em của quý vị mỗi người chu cấp 20% số tiền hỗ trợ cho cha/mẹ quý vị trong năm. 60% số tiền hỗ trợ còn lại của cha/mẹ của quý vị do hai người khác không có quan hệ huyết thống với bà cung cấp ở mức ngang nhau.

Cha/mẹ của quý vị không sống với họ. Vì hơn một nửa số tiền hỗ trợ của cha/mẹ của quý vị được cung cấp bởi những người không đủ điều kiện khai cha/mẹ của quý vị là người phụ thuộc, không ai có thể khai cha/mẹ của quý vị là người phụ thuộc.

Thủ Thách Hỗ Trợ Cho Con của Cha Mẹ Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân (hoặc Cha Mẹ Sống Xa Nhau)

Trong hầu hết các trường hợp, con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân (hoặc cha mẹ sống xa nhau) sẽ là trẻ đủ điều kiện của một trong hai người. Xem phần [Con của cha mẹ đã ly hôn hoặc ly thân \(hoặc cha mẹ sống xa nhau\)](#) trong mục [Trẻ Đủ Điều Kiện ở phần trên](#). Tuy nhiên, nếu trẻ không đáp ứng yêu cầu để trở thành trẻ đủ điều kiện của cha hoặc mẹ, trẻ có thể là thân nhân đủ điều kiện của một trong hai người. Nếu quý vị nghi rằng trường hợp này có thể áp dụng với quý vị, xem Ấn Phẩm 501.

Số An Sinh Xã Hội (SSN) cho Người Phụ Thuộc

Quý vị phải khai SSN của bất kỳ người phụ thuộc nào mà quý vị liệt kê trong phần *Dependents (Người Phụ Thuộc)* của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.



Nếu quý vị không khai SSN của người phụ thuộc khi được yêu cầu, hoặc nếu quý vị khai SSN không chính xác, một số quyền lợi thuế nhất định có thể không được cho phép.

Không có SSN. Nếu một người mà quý vị muốn khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của quý vị không có SSN, quý vị hoặc người đó phải nộp đơn xin cấp SSN càng sớm càng tốt bằng cách nộp Mẫu SS-5, Đơn Xin Cấp Thẻ An Sinh Xã Hội, tới Sở An Sinh Xã Hội (Social Security Administration, SSA). Quý vị có thể lấy Mẫu SS-5 trực tuyến tại [SSA.gov/forms/ss-5.pdf \(tiếng Anh\)](#) hoặc tại văn phòng SSA địa phương.

Thường mất khoảng 2 tuần để nhận SSN sau khi SSA có tất cả những thông tin cần thiết. Nếu quý vị không có SSN cần thiết trước ngày đến hạn khai thuế, quý vị có thể nộp Mẫu 4868 để gia hạn thời gian khai thuế.

Sinh và mất trong năm 2022. Nếu con quý vị được sinh ra rồi qua đời trong năm 2022 và quý vị không có SSN cho con, quý vị có thể đính kèm bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử hoặc hồ sơ bệnh viện của con. Tài liệu phải cho thấy con còn sống khi sinh. Với trường hợp này, điền "DIED (ĐÃ QUA ĐỜI)" vào cột (2) trong phần *Dependents (Người Phụ Thuộc)* trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị.

Người nước ngoài hoặc người được nhận làm con nuôi không có SSN. Nếu người phụ thuộc của quý vị không có và không thể xin cấp SSN, quý vị phải khai ITIN hoặc mã số thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN) thay cho SSN.

Mã số thuế cho người nước ngoài. Nếu người phụ thuộc của quý vị là thường trú nhân người nước ngoài hoặc không thường trú không có và không đủ điều kiện xin cấp SSN, người phụ thuộc của quý vị phải nộp đơn đăng ký ITIN. Để tìm hiểu chi tiết về cách đăng ký, xem Mẫu W-7, Đơn Xin Cấp Mã Số Thuế Cá Nhân của IRS.

Mã số thuế cho người được nhận làm con nuôi. Nếu quý vị có trẻ được một cơ quan sắp xếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ em có thẩm quyền sắp xếp ở cùng quý vị, quý vị có thể khai trẻ là người phụ thuộc. Tuy nhiên, nếu quý vị không thể xin cấp SSN hoặc ITIN cho trẻ, quý vị phải xin IRS cấp mã số thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN) cho trẻ. Xem Mẫu W-7A, Đơn Xin Cấp Mã Số Thuế Cho Trường Hợp Nhận Con Nuôi Đang Chờ Xử Lý Ở Hoa Kỳ, để tìm hiểu chi tiết.

4.

Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính

Quy Định Mới cho Năm 2023

Những thay đổi về luật thuế cho năm 2023. Nếu quý vị đang xem xét mức khấu lưu thuế thu nhập từ tiền lương của mình cũng như tính số tiền thuế ước tính, hãy cân nhắc những thay đổi của luật thuế có hiệu lực trong năm 2023. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 505, Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính.

Nhắc Nhở

Càng an toàn cho thuế ước tính cho người đóng thuế có thu nhập cao hơn. Nếu tổng thu nhập đã điều chỉnh năm 2022 của quý vị cao hơn \$150.000 (\$75.000 nếu quý vị đã kết hôn và khai thuế riêng), để tránh bị phạt thuế ước tính, số tiền thuế quý vị phải đóng là con số nhỏ hơn giữa 90% thuế ước tính cho năm 2023 hoặc 110% số tiền thuế đã khai trong tờ khai thuế năm 2022 của quý vị.

Giới thiệu

Nội dung của chương này trình bày cách thức đóng thuế dựa trên tiền lương hoặc thu nhập mà quý vị nhận được trong năm. Nhìn chung, thuế thu nhập liên bang là loại thuế vừa làm vừa trả. Có hai cách để đóng thuế trả ngay.

- **Khấu lưu.** Nếu quý vị là một nhân viên, chủ lao động của quý vị có thể khấu lưu thuế thu nhập từ tiền lương của quý vị. Ngoài ra, thuế thu nhập có thể bị khấu lưu từ một số nguồn thu nhập khác, chẳng hạn như lương hưu, tiền thưởng, hoa hồng và tiền thắng cược. Số tiền khấu lưu sẽ được nộp cho IRS dưới danh nghĩa của quý vị.
- **Thuế ước tính.** Nếu quý vị không trả thuế của mình thông qua khấu lưu, hoặc không trả đủ thuế theo cách đó, thì quý vị có thể phải trả thuế ước tính. Nhìn chung, những người tự kinh doanh sẽ phải đóng thuế theo cách này. Ngoài ra, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính cho các khoản thu nhập như cổ tức, tiền lãi, lợi

nhuận đầu tư, tiền cho thuê và tiền tác quyền. Thuế ước tính được sử dụng không chỉ để trả thuế thu nhập mà còn để chi trả thuế tự kinh doanh và thuế tối thiểu thay thế.

Chương này mô tả các phương pháp này. Ngoài ra, chương cũng giải thích những nội dung dưới đây.

- **Khấu giảm cho khấu lưu và thuế ước tính.** Khi quý vị nộp tờ khai thuế thu nhập năm 2022, hãy lấy khoản khấu giảm cho tất cả các khoản thuế thu nhập đã khấu lưu từ tiền lương, tiền công, lương hưu của quý vị, v.v. và cho khoản thuế ước tính mà quý vị đã đóng cho năm 2022. Ngoài ra hãy lấy khấu giảm cho bất kỳ khoản thuế an sinh xã hội hoặc thuế lưu trí đường sắt vượt mức nào đã được khấu lưu. Xem Ấn Phẩm 505
- **Hình phạt do thanh toán thiếu.** Nếu quý vị không trả đủ thuế trong năm, thông qua khấu lưu hoặc nộp thuế ước tính, quý vị có thể phải trả tiền phạt. Trong hầu hết các trường hợp, IRS có thể tính mức phạt này cho quý vị. Tham khảo [Hình Phạt Do Thanh Toán Thiếu cho Năm 2022](#) ở cuối chương này.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 505** Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính

Mẫu (và Hướng dẫn)

- W-4** Chứng Nhận Khấu Lưu Thuế của Nhân Viên
- W-4P** Chứng Nhận Khấu Lưu Thanh Toán Lương Hưu Định Kỳ hoặc Niên Kim
- W-4S** Yêu Cầu Khấu Lưu Thuế Thu Nhập Liên Bang từ Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh
- W-4V** Yêu Cầu Khấu Lưu Tự nguyện
- 1040-ES** Thuế Ước Tính cho Cá Nhân
- 2210** Trả Thiếu của Thuế Ước Tính cho Cá Nhân, Di Sản và Quỹ Tín Thác
- 2210-F** Trả Thiếu của Thuế Ước Tính cho Nông Gia và Ngư Gia

Khấu Lưu Thuế cho Năm 2023

Nội dung của phần này trình bày khấu lưu thuế thu nhập đối với:

- Tiền lương và tiền công,
- Tiền boa,
- Các quyền lợi phụ chịu thuế,
- Nghi ốm có lương,
- Lương hưu và niên kim,
- Tiền thắng bạc,
- Bồi thường thất nghiệp, và
- Các thanh toán liên bang nhất định.

Phần này sẽ giải thích các quy tắc khấu lưu thuế cho mỗi loại hình thu nhập nêu trên.

Ngoài ra, phần này cũng đề cập đến khấu lưu thuế dự phòng đối với tiền lãi, cổ tức và các khoản thanh toán khác.

Tiền lương và Tiền công

Hầu hết nhân viên đóng thuế thu nhập thông qua hình thức khấu lưu từ tiền lương. Tiền lương của quý vị bao gồm tiền lương thông thường, tiền thưởng, hoa hồng và phụ cấp nghỉ phép. Nó bao gồm các khoản hoàn trả và các khoản phụ cấp chi phí khác được trả theo một chương trình phi trách nhiệm. Tham khảo mục [Lương Bổ Sung](#) ở phần sau để biết thêm thông tin về các khoản hoàn trả và khoản phụ cấp được trả theo một chương trình phi trách nhiệm.

Nếu thu nhập của quý vị không đạt đến mức phải đóng thuế thu nhập trong năm, quý vị có thể được miễn khấu lưu. Điều này sẽ được giải thích trong mục [Miễn Khấu Lưu](#) ở phần sau.

Quý vị có thể yêu cầu chủ lao động của mình khấu lưu thuế thu nhập từ thù lao không phải tiền mặt và các khoản lương khác không phải chịu khấu lưu. Nếu chủ lao động của quý vị không đồng ý khấu lưu thuế, hoặc lương không đủ để khấu lưu, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính, như được thảo luận ở sau trong phần [Thuế Ước Tính cho Năm 2023](#).

Quân nhân về hưu. Tiền lương hưu quân đội cũng được khấu lưu thuế thu nhập theo cùng một cách như tiền lương thông thường, ngay cả khi nó được xem là lương hưu hoặc niên kim cho các mục đích thuế khác.

Người làm tại gia. Nếu quý vị là người làm tại gia, quý vị có thể yêu cầu chủ lao động khấu lưu thuế thu nhập từ tiền công trả cho quý vị. Người làm tại gia là nhân viên làm công việc nhà tại nhà riêng, câu lạc bộ của đại học địa phương, hoặc hội nam sinh hoặc hội nữ sinh địa phương.

Thuế chỉ bị khấu lưu khi quý vị muốn được khấu lưu và chủ lao động của quý vị đồng ý khấu lưu. Nếu quý vị không có đủ thuế thu nhập đã khấu lưu, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính, sẽ được thảo luận ở phần sau trong mục [Thuế Ước Tính cho Năm 2023](#).

Công nhân nông trại. Nhìn chung, thuế thu nhập sẽ được khấu lưu từ tiền công quý vị nhận được bằng tiền mặt cho công việc trên nông trại từ khi chủ lao động của quý vị thực hiện cả hai điều sau:

- Trả công cho quý vị với số tiền dưới \$150 trong năm, và
- Có tổng chi tiêu cho lao động nông nghiệp dưới mức \$2.500 trong năm.

Thanh toán tiền lương chênh lệch. Khi người lao động nghỉ việc để thực hiện nghĩa vụ quân sự, một số chủ lao động bù đắp phần chênh lệch giữa lương quân sự và lương dân sự. Các khoản thanh toán cho người lao động đang tại ngũ trong thời gian hơn 30 ngày sẽ bị khấu lưu thuế thu nhập, nhưng sẽ không bị khấu lưu thuế an sinh xã hội, Medicare, hoặc thất nghiệp liên bang (FUTA). Tiền công và khấu lưu sẽ được báo cáo trên Mẫu W-2, Báo Cáo Tiền Lương và Thuế.

Xác Định Số Tiền Thuế Khấu Lưu Bằng Mẫu W-4

Thuế thu nhập mà chủ lao động khấu lưu từ tiền lương thông thường của quý vị phụ thuộc vào hai điều.

- Số tiền quý vị nhận được trong mỗi kỳ lương.
- Thông tin quý vị cung cấp cho chủ lao động của mình trên Mẫu W-4.

Mẫu W-4 đưa ra các bước để giúp quý vị xác định khoản khấu lưu của mình. Chỉ hoàn thành các

Bước 2 - 4 nếu chúng áp dụng cho trường hợp của quý vị.

- **Bước 1.** Nhập thông tin cá nhân của quý vị bao gồm tình trạng khai thuế của quý vị.
- **Bước 2.** Hoàn thành bước này nếu quý vị làm nhiều công việc cùng một lúc hoặc là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và quý vị cùng vợ/chồng của mình đều có việc làm.
- **Bước 3.** Hoàn thành bước này nếu quý vị yêu cầu người phụ thuộc và tín thuế khác.
- **Bước 4.** Hoàn thành bước tùy chọn này để thực hiện các điều chỉnh khác.
*Thu nhập khác
*Các khoản khấu trừ
*Khấu lưu thêm

Công Việc Mới

Khi quý vị bắt đầu một công việc mới, quý vị phải điền vào Mẫu W-4 và đưa lại cho chủ lao động của quý vị. Chủ lao động của quý vị phải có bản sao của mẫu đơn này. Nếu sau này quý vị cần thay đổi thông tin, quý vị phải điền vào mẫu đơn mới.

Nếu quý vị chỉ làm việc một phần trong năm (chẳng hạn như bắt đầu làm việc sau khi đã qua năm mới), mức khấu lưu thuế của quý vị có thể rất cao. Quý vị có thể tránh tình trạng khấu lưu vượt mức nếu chủ lao động của quý vị đồng ý sử dụng phương pháp một phần của năm. Tham khảo *Part-Year Method (Phương Pháp Một Phần Của Năm)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 505 để tìm hiểu thêm thông tin.

Nhân viên cũng đang nhận thu nhập lương hưu. Nếu quý vị đang nhận lương hưu hoặc thu nhập niên kim và bắt đầu một công việc mới, quý vị sẽ cần phải nộp Mẫu W-4 cho chủ lao động mới của mình. Tuy nhiên, quý vị có thể tách phần khấu lưu từ lương hưu và công việc mới theo bất kỳ cách nào.

Thay Đổi Mức Khấu Lưu của Quý Vị

Trong năm có thể xảy ra những thay đổi về tình trạng hôn nhân của quý vị, các điều chỉnh, khoản khấu trừ hoặc tín thuế mà quý vị dự kiến yêu cầu trên tờ khai thuế của mình. Nếu xảy ra những thay đổi trên, quý vị có thể cần nộp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới để thay đổi tình trạng khấu lưu của quý vị.

Nếu sự thay đổi trong hoàn cảnh cá nhân làm giảm số tiền khấu lưu mà quý vị có quyền yêu cầu, quý vị phải cung cấp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới trong vòng 10 ngày sau khi thay đổi xảy ra.

Thay đổi mức khấu lưu của quý vị cho năm 2024. Nếu có sự kiện xảy ra trong năm 2023 làm thay đổi số tiền khấu lưu mà quý vị phải đóng cho năm 2024, quý vị phải cung cấp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới không muộn hơn ngày 1 tháng 12 năm 2023. Nếu sự kiện đó xảy ra vào tháng 12 năm 2023, hãy nộp Mẫu W-4 mới trong vòng 10 ngày.

Kiểm Tra Khoản Khấu Lưu của Quý Vị

Sau khi đã nộp Mẫu W-4 cho chủ lao động của mình, quý vị có thể kiểm tra xem liệu số thuế bị khấu lưu từ lương của mình là quá thấp hay quá cao. Nếu mức khấu lương thuế của quý vị quá thấp hoặc quá cao, quý vị cần nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của mình để thay đổi mức khấu lưu của quý vị. Quý vị nên cố gắng để mức khấu lưu phù hợp với nợ thuế thực tế của mình. Nếu khấu lưu không đủ thuế, quý vị sẽ bị nợ thuế vào cuối năm và có thể phải trả

lãi và tiền phạt. Nếu mức khấu lưu thuế quá cao, quý vị sẽ mất cơ hội sử dụng đồng tiền đó cho đến khi quý vị được hoàn thuế. Thường xuyên kiểm tra mức khấu lưu của quý vị nếu có những thay đổi về cuộc sống cá nhân hoặc tình hình tài chính hoặc những thay đổi về luật có thể ảnh hưởng đến nợ thuế của quý vị.

Ghi chú. Quý vị không thể cung cấp cho chủ lao động của quý vị một khoản thanh toán để trang trải khoản khấu lưu trên tiền lương và tiền công cho các kỳ trả lương trước đây hoặc khoản thanh toán cho thuế ước tính.

Hoàn Thành Mẫu W-4 và Bảng Tính

Mẫu W-4 có các bảng tính để hỗ trợ quý vị tính toán chính xác số tiền khấu lưu mà quý vị có thể khai. Các bảng tính chỉ để quý vị lưu lại. Quý vị không cung cấp các bảng tính này cho chủ lao động của mình.

Bảng Tính cho Nhiều Công Việc. Nếu quý vị có thu nhập từ hai công việc trở lên cùng một lúc, hoặc là vợ chồng khai chung tờ khai thuế và quý vị cùng vợ/chồng của mình đều có việc làm, hãy hoàn thành Bảng Tính Nhiều Công Việc trong Mẫu W-4.

Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị muốn khai thuế riêng, hãy tính mức khấu lưu của quý vị bằng bảng tính riêng dựa trên thu nhập cá nhân, khoản điều chỉnh, khoản khấu trừ và tín thuế của riêng quý vị.

Bảng Tính Khoản Khấu Trừ. Sử dụng Bảng Tính Khoản Khấu Trừ trên Mẫu W-4 nếu quý vị dự định khấu trừ từng khoản hoặc khai một số điều chỉnh đối với thu nhập và quý vị muốn giảm mức khấu lưu của mình. Ngoài ra hãy hoàn thành bảng tính này khi quý vị có thay đổi cho những khoản này để xem quý vị có cần thay đổi mức khấu lưu không.

Tính Được Số Tiền Thuế Khấu Lưu Chính Xác

Trong hầu hết mọi trường hợp, thuế khấu lưu từ lương của quý vị sẽ gần đúng với số tiền thuế mà quý vị tính trên tờ khai thuế nếu tuân thủ hai quy tắc sau.

- Quý vị hoàn thành chính xác tất cả các bảng tính của Mẫu W-4 áp dụng cho quý vị.
- Quý vị nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của mình khi có thay đổi.

Tuy nhiên, do các bảng tính này và phương pháp khấu lưu có thể không bao quát hết tất cả các tình huống có thể xảy ra, quý vị có thể không tính được mức khấu lưu chính xác. Điều này có thể rơi vào các tình huống sau.

- Quý vị đã kết hôn và cả hai vợ chồng quý vị đều đi làm.
- Quý vị có từ hai công việc trở lên cùng một lúc.
- Quý vị có nguồn thu nhập ngoài lương như tiền lãi, cổ tức, tiền cấp dưỡng, trợ cấp thất nghiệp hoặc thu nhập do tự làm chủ.
- Quý vị sẽ phải đóng thêm thuế cho hồ sơ của mình, chẳng hạn như thuế tư doanh.
- Mức khấu lưu của quý vị dựa trên thông tin đã khai trong Mẫu W-4 cho phần lớn thời gian trong năm.
- Quý vị chỉ làm việc một phần trong năm.
- Quý vị thay đổi số tiền khấu lưu của mình trong năm.

- Quý vị phải chịu Thuế Medicare Bổ sung hoặc Thuế Thu Nhập Đầu Tư Ròng (NIIT). Nếu quý vị biết trước sẽ nợ Thuế Medicare Bổ sung hoặc NIIT, quý vị có thể yêu cầu chủ lao động khấu trừ một số tiền khấu lưu thuế thu nhập bổ sung trên Mẫu W-4.

Phương pháp tiền công cộng dồn. Nếu quý vị thay đổi số tiền khấu lưu của mình trong năm, số tiền thuế đã khấu lưu cho giai đoạn trước khi quý vị thực hiện thay đổi có thể đã quá cao hoặc quá thấp. Quý vị có thể bù đắp phần chênh lệch này nếu chủ lao động của quý vị sử dụng phương pháp khấu lưu tiền lương cộng dồn cho thời gian còn lại trong năm. Quý vị phải gửi yêu cầu bằng văn bản cho chủ lao động của mình để yêu cầu họ sử dụng phương pháp này.

Để đủ điều kiện, quý vị phải được trả lương cho cùng một loại kỳ lương (hàng tuần, hai tuần một lần, v.v.) kể từ đầu năm.

Ấn Phẩm 505

Để đảm bảo quý vị tính đúng số tiền thuế khấu lưu, tham khảo Ấn Phẩm 505. Nó sẽ giúp quý vị so sánh giữa tổng số tiền thuế sẽ được khấu lưu trong năm với số thuế mà quý vị có thể điền trên hồ sơ. Nó cũng sẽ giúp quý vị xác định số tiền thuế cần khấu lưu bổ sung, nếu có, cho mỗi ngày lương để tránh tình trạng nợ thuế khi quý vị nộp tờ khai thuế của mình. Nếu quý vị đóng không đủ thuế khấu lưu, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính, như được giải thích trong phần sau tại mục [Thuế Ước Tính cho Năm 2023](#).



Quý vị có thể sử dụng Công Cụ Ước Tính Khấu Lưu Thuế tại [IRS.gov/W4App](#), thay vì Ấn Phẩm 505 hoặc các bảng tính đính kèm với Mẫu W-4, để xác định xem liệu quý vị cần tăng hay giảm mức khấu lưu của mình hay không.

Các Quy Tắc Mà Chủ Lao Động của Quý Vị Phải Tuân Theo

Hiểu rõ một số quy tắc khấu lưu mà chủ lao động của quý vị phải tuân thủ có thể hữu ích cho quý vị. Những quy tắc này có thể ảnh hưởng đến cách điền Mẫu W-4 và cách xử lý các vấn đề có thể phát sinh.

Mẫu W-4 Mới. Khi quý vị bắt đầu công việc mới, chủ lao động của quý vị phải yêu cầu quý vị hoàn thành Mẫu W-4. Bắt đầu từ ngày trả lương đầu tiên của quý vị, chủ lao động của quý vị sẽ sử dụng thông tin mà quý vị khai trên mẫu đơn này để tính mức khấu lưu áp dụng cho quý vị.

Nếu sau này quý vị nộp Mẫu W-4 mới, chủ lao động của quý vị có thể sử dụng mẫu mới trong thời gian sớm nhất có thể. Hạn chót để mẫu đơn mới có hiệu lực là bắt đầu kỳ lương đầu tiên kết thúc vào ngày 30 hoặc nhiều ngày hơn sau khi quý vị nộp mẫu đơn này.

Không nộp Mẫu W-4. Nếu quý vị không nộp Mẫu W-4 đã hoàn thành cho chủ lao động của mình, thì chủ lao động của quý vị phải khấu lưu thuế ở mức cao nhất, như áp dụng cho người độc thân.

Hoàn trả thuế đã khấu lưu. Nếu quý vị phát hiện mình đang chịu mức thuế khấu lưu quá cao do quý vị đã không kê khai đúng số tiền khấu lưu mà quý vị được hưởng, quý vị phải nộp cho chủ lao động của mình Mẫu W-4 mới. Chủ lao động của quý vị không thể hoàn trả thuế đã khấu lưu trước đó. Thay vào đó, hãy khai đầy đủ số tiền đã khấu lưu khi quý vị nộp tờ khai thuế.

Tuy nhiên, nếu chủ lao động của quý vị đã khấu lưu nhiều hơn số tiền thuế khai trên Mẫu W-4 mà

Quý vị đang áp dụng, quý vị không phải hoàn thành Mẫu W-4 mới để giảm mức khấu trừ của quý vị xuống đúng số tiền đã khai. Chủ lao động của quý vị có thể hoàn trả số tiền đã được khấu trừ không chính xác. Nếu quý vị không được hoàn trả, Mẫu W-2 của quý vị sẽ phản ánh đầy đủ số tiền khấu trừ thực tế mà quý vị sẽ kê khai trong tờ khai thuế của mình.

Miễn Khấu Lừu

Nếu quý vị yêu cầu miễn khấu lừu thuế, chủ lao động của quý vị sẽ không khấu lừu thuế thu nhập liên bang từ tiền lương của quý vị. Miễn khấu lừu thuế chỉ áp dụng đối với thuế thu nhập, không áp dụng đối với khấu lừu thuế an sinh xã hội, Medicare, hoặc FUTA.

Quý vị chỉ có thể yêu cầu miễn khấu lừu thuế cho năm 2023 nếu thuộc cả hai trường hợp sau.

- Cho năm 2022, quý vị có quyền hoàn lại tất cả các khoản thuế thu nhập liên bang đã khấu lừu do quý vị đã không phát sinh nợ thuế.
- Cho năm 2023, quý vị dự kiến sẽ được hoàn lại tất cả các khoản thuế thu nhập liên bang đã khấu lừu do quý vị dự kiến sẽ không phát sinh nợ thuế.

Sinh viên. Nếu quý vị là sinh viên, quý vị không được từ động miễn khấu lừu thuế. Xem [chương 1](#) để tìm hiểu xem liệu quý vị có phải khai thuế hay không. Nếu quý vị chỉ làm việc bán thời gian hoặc chỉ trong thời gian hè, quý vị có thể đủ điều kiện để được miễn khấu lừu thuế.

Từ 65 tuổi trở lên hoặc bị mù. Nếu quý vị từ 65 tuổi trở lên hoặc bị mù, hãy sử dụng Bảng Tính 1-1 hoặc 1-2 trong chương 1 của Ấn Phẩm 505 để hỗ trợ quý vị xác định liệu quý vị có đủ điều kiện được miễn khấu lừu thuế hay không. Không sử dụng bảng tính nếu quý vị sẽ khấu trừ từng khoản hoặc yêu cầu tín thuế trên tờ khai thuế năm 2023 của mình. Thay vào đó, xem *Itemizing deductions or claiming credits (Khấu trừ từng khoản hoặc yêu cầu tín thuế)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 505.

Yêu cầu miễn khấu lừu. Để yêu cầu miễn, quý vị phải nộp Mẫu W-4 cho chủ lao động của mình. Ghi chữ "Exempt (Miễn)" vào mẫu đơn trong khoảng trống bên dưới Bước 4(c) và hoàn thành các bước của mẫu.

Nếu quý vị đã yêu cầu miễn, nhưng sau đó có những tình huống thay đổi khiến cho cuối cùng quý vị phải đóng thuế thu nhập, quý vị phải nộp Mẫu W-4 mới trong vòng 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Nếu quý vị đã yêu cầu miễn khấu lừu thuế cho năm 2023, tuy nhiên, quý vị dự kiến sẽ có phát sinh thuế thu nhập cho năm 2024, quý vị phải nộp Mẫu W-4 mới trước ngày 1 tháng 12 năm 2023.

Tình trạng yêu cầu miễn của quý vị có thể được IRS xem xét.

Miễn khấu lừu chỉ áp dụng trong 1 năm. Quý vị phải nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của mình trước ngày 15 tháng 2 hàng năm để duy trì tình trạng miễn.

Lương Bổ Sung

Lương bổ sung bao gồm tiền thưởng, hoa hồng, tiền làm thêm giờ, nghỉ phép, một số tiền nghỉ bệnh và phụ cấp chi phí theo một số chương trình nhất định. Người trả có thể tính mức khấu lừu trên lương bổ sung theo cùng phương pháp đã áp dụng cho tiền lương thông thường của quý vị. Tuy nhiên, nếu những khoản thanh toán này được xác định là tách

biệt với tiền lương thường của quý vị thì chủ lao động hoặc đơn vị khác trả lương bổ sung có thể khấu lừu thuế thu nhập từ các khoản tiền lương này theo tỷ lệ cố định.

Các khoản phụ cấp chi phí. Các khoản hoàn trả hoặc các khoản phụ cấp chi phí khác do chủ lao động của quý vị chi trả theo một chương trình phi trách nhiệm sẽ được xem là lương bổ sung.

Các khoản hoàn trả hoặc các khoản phụ cấp chi phí khác được chi trả theo một chương trình có trách nhiệm ngoài các khoản chi phí đã được chứng minh sẽ được xem là chi trả theo một chương trình phi trách nhiệm nếu quý vị không hoàn trả số tiền vượt mức trong khoảng thời gian hợp lý.

Để biết thêm thông tin về các chương trình phụ cấp chi phí có trách nhiệm và phi trách nhiệm, tham khảo Ấn Phẩm 505.

Hình phạt

Quý vị có thể phải đóng khoản tiền phạt \$500 nếu cả hai điều sau áp dụng.

- Quý vị tuyên bố hoặc yêu cầu mức khấu lừu trên Mẫu W-4 nhằm làm giảm số thuế cần khấu lừu.
- Quý vị không có cơ sở hợp lý cho tuyên bố hoặc mức khấu lừu đó tại thời điểm quý vị chuẩn bị Mẫu W-4.

Ngoài ra còn có hình phạt hình sự đối với trường hợp cố tình cung cấp thông tin sai lệch hoặc gian lận trong Mẫu W-4 hoặc cố ý không cung cấp thông tin có thể làm tăng số tiền khấu lừu. Hình phạt khi bị kết án có thể là phạt tiền lên đến \$1.000 hoặc phạt tù tối đa 1 năm, hoặc cả hai hình phạt trên.

Những hình phạt này sẽ được áp dụng nếu quý vị cố tình và chủ ý khai sai Mẫu W-4 nhằm giảm hoặc loại bỏ mức khấu lừu thuế phù hợp. Sai sót đơn giản hoặc nhầm lẫn do sơ suất sẽ không dẫn đến một trong những hình phạt trên.

Tiền bo

Tiền bo quý vị nhận được khi thực hiện công việc được xem là một phần tiền lương của quý vị. Quý vị phải khai tiền bo trên tờ khai thuế của mình trên cùng dòng với tiền lương thông thường của quý vị. Tuy nhiên, thuế sẽ không được khấu lừu trực tiếp vào thu nhập từ tiền bo mà từ tiền lương thông thường của quý vị. Tuy nhiên, chủ lao động sẽ căn cứ vào tiền bo quý vị khai báo để xác định số tiền cần phải khấu lừu từ tiền lương thông thường của quý vị.

Để biết thêm thông tin về cách khai báo tiền bo của quý vị đến chủ lao động và về các quy tắc khấu lừu đối với thu nhập tiền bo, hãy tham khảo Ấn Phẩm 531, Khai Báo Thu Nhập Tiền Bo.

Chủ lao động tính số tiền khấu lừu như thế nào.

Tiền bo mà quý vị khai báo cho chủ lao động của mình sẽ được tính vào thu nhập cho tháng mà quý vị khai thuế. Chủ lao động của quý vị có thể tính mức khấu lừu của quý vị theo một trong hai cách sau.

- Khấu lừu theo tỷ lệ thường trên tổng của tiền lương và tiền bo mà quý vị đã khai báo.
- Khấu lừu theo tỷ lệ thường trên tiền lương của quý vị cộng với tỷ lệ phần trăm tiền bo mà quý vị đã khai báo.

Tiền lương không đủ để đóng thuế. Nếu tiền lương thông thường của quý vị không đủ để chủ lao động của quý vị khấu lừu tất cả các khoản thuế phải nộp (bao gồm thuế thu nhập, thuế an sinh xã hội và

Medicare (hoặc thuế hưu trí đường sắt tương đương)) dựa trên tiền lương cộng với tiền bo của quý vị, quý vị có thể đưa thêm tiền cho chủ lao động của mình để nộp cho khoản thiếu hụt này. Xem Ấn Phẩm 531 để biết thêm thông tin.

Tiền bo được phân bổ. Chủ lao động của quý vị không phải khấu lừu thuế thu nhập, thuế Medicare, thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt trên bất kỳ khoản tiền bo được phân bổ nào. Mức khấu lừu chỉ được tính trên tiền lương cộng với tiền bo mà quý vị đã khai báo. Chủ lao động của quý vị phải hoàn trả lại cho quý vị bất kỳ khoản thuế nào đã bị khấu lừu không chính xác. Xem Ấn Phẩm 531 để biết thêm thông tin.

Các Quyền Lợi Phụ Chừu Thuế

Giá trị của một số quyền lợi phụ phi tiền mặt mà quý vị nhận được từ chủ lao động được xem là một phần tiền lương của quý vị. Thông thường, chủ lao động của quý vị phải khấu lừu thuế thu nhập cho những quyền lợi này từ tiền lương thông thường của quý vị.

Để biết thêm thông tin về quyền lợi phụ, tham khảo mục [Quyền Lợi Phụ](#) trong phần [Lương Bổ Sung Của Nhân Viên](#) trong chương 5.

Mặc dù giá trị quý vị có được từ việc sử dụng ô tô, xe tải hoặc phương tiện di chuyển cơ giới khác do chủ lao động cung cấp đều phải chịu thuế, tuy nhiên, chủ lao động của quý vị có thể chọn không khấu lừu thuế thu nhập trên số tiền này. Chủ lao động phải thông báo cho quý vị biết nếu áp dụng lựa chọn này.

Để biết thêm thông tin về việc khấu lừu các quyền lợi phụ chịu thuế, tham khảo chương 1 của Ấn Phẩm 505.

Tiền Nghỉ Bệnh

Tiền nghỉ bệnh là khoản thanh toán cho quý vị thay cho tiền lương thông thường trong thời gian quý vị tạm thời nghỉ việc do ốm đau hoặc thương tật cá nhân. Tiền nghỉ bệnh chỉ được trả qua một chương trình mà chủ lao động của quý vị là một bên tham gia.

Nếu quý vị nhận tiền nghỉ bệnh từ chủ lao động của quý vị hoặc đại diện của chủ lao động thì số tiền lương này sẽ chịu khấu lừu thuế thu nhập. Với đại diện không trả tiền lương thông thường cho quý vị, họ có thể chọn khấu lừu thuế thu nhập theo tỷ lệ cố định.

Tuy nhiên, nếu quý vị nhận tiền nghỉ bệnh từ bên thứ ba không phải là đại lý của chủ lao động của quý vị, thuế thu nhập chỉ được khấu lừu khi quý vị chọn hình thức khấu lừu. Tham khảo [Mẫu W-4S](#) ở phần sau.

Nếu quý vị nhận được các khoản thanh toán theo một chương trình mà chủ lao động của quý vị không tham gia (chẳng hạn như chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc y tế mà quý vị đã trả tất cả phí bảo hiểm), thì các khoản thanh toán đó không phải là tiền nghỉ bệnh và thường không phải chịu thuế.

Các thỏa thuận công đoàn. Nếu quý vị nhận tiền nghỉ bệnh theo thỏa thuận công đoàn tập thể giữa công đoàn của quý vị và chủ lao động của quý vị, số tiền khấu lừu thuế thu nhập có thể được xác định dựa trên thỏa thuận này. Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ với đại diện công đoàn hoặc chủ lao động của quý vị.

Mẫu W-4S. Nếu quý vị chọn khấu lừu thuế thu nhập từ tiền nghỉ bệnh do bên thứ ba trả, chẳng hạn như

công ty bảo hiểm, quý vị phải điền vào Mẫu W-4S. Quý vị sẽ tìm thấy bảng tính trong phần hướng dẫn để giúp quý vị tính được số tiền quý vị muốn khấu trừ. Hướng dẫn cũng đưa ra một số hạn chế có thể được áp dụng.

Hãy nộp mẫu đơn đã điền cho đơn vị trả tiền nghỉ bệnh của quý vị. Đơn vị trả này sẽ khấu trừ thuế thu nhập theo chỉ dẫn của quý vị điền trong đơn.

Thuế ước tính. Nếu quý vị không yêu cầu khấu trừ trên Mẫu W-4S, hoặc nếu quý vị không có đủ tiền khấu trừ thuế, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính. Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu trừ thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải chịu hình phạt. Tham khảo mục [Hình Phạt Do Thanh Toán Thiếu cho Năm 2022](#) ở cuối chương này.

Lương hưu và Niên kim

Thuế thu nhập thường sẽ được khấu trừ từ lương hưu hoặc các khoản phân phối niên kim trừ khi quý vị chọn không khấu trừ từ nguồn thu nhập này. Quy tắc này áp dụng cho các khoản phân phối đến từ:

- Quỹ hưu trí cá nhân (IRA) truyền thống;
- Một công ty bảo hiểm nhân thọ theo hợp đồng quyền tặng, niên kim hoặc bảo hiểm nhân thọ;
- Chương trình lương hưu, niên kim hoặc chia sẻ lợi nhuận;
- Chương trình thưởng cổ phiếu; và
- Bất kỳ chương trình nào khác làm trì hoãn thời gian quý vị nhận thù lao.

Số tiền khấu trừ sẽ phụ thuộc vào việc quý vị nhận các khoản thanh toán dần trải trong hơn một năm (khoản thanh toán định kỳ), hoặc trong vòng 1 năm (khoản thanh toán không định kỳ) hoặc là khoản phân phối chuyển tiếp đủ điều kiện (ERD). Việc khấu trừ thuế thu nhập từ ERD là bắt buộc.

Thông tin bổ sung. Để có thêm thông tin về khấu trừ thuế trên lương hưu và niên kim, bao gồm cả phần thảo luận của Mẫu W-4P, tham khảo mục *Pensions and Annuities (Lương hưu và Niên kim)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 505.

Tiền thắng cược

Thuế thu nhập được khấu trừ ở mức cố định là 24% đối với một số hình thức thắng cược.

Tiền thắng cược từ \$5.000 trở lên từ các nguồn sau sẽ chịu khấu trừ thuế thu nhập.

- Bất kỳ hình thức rút thăm trúng thưởng; góp vốn cá cược, bao gồm các thanh toán cho người thắng cuộc trong các giải đấu poker; hoặc tiền trúng xổ số.
- Bất kỳ các hình thức cá cược nào khác, nếu số tiền thắng cược ít nhất gấp 300 lần số tiền đặt cược.

Không phân biệt nếu quý vị sẽ nhận tiền thắng cược bằng hình thức nào, tiền mặt, tài sản, hay niên kim. Việc thắng cược không trả bằng tiền mặt sẽ được quy đổi theo giá trị hợp lý của thị trường.

Ngoại lệ. Tiền thắng cược từ trò chơi bingo, keno và máy đánh bạc thường không bị khấu trừ thuế thu nhập. Tuy nhiên, quý vị có thể cần cung cấp cho người trả tiền số an sinh xã hội để tránh bị khấu trừ thuế. Xem *Backup withholding on gambling winnings (Khấu trừ thuế dự phòng trên tiền thắng cược)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 505. Nếu quý vị

nhận tiền thắng cược không bị khấu trừ thuế, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính. Tham khảo mục [Thuế Ước Tính cho Năm 2023](#) ở phần sau.

Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu trừ thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải trả tiền phạt. Xem [Hình Phạt Do Thanh Toán Thiếu cho Năm 2022](#) ở cuối chương này.

Mẫu W-2G. Nếu người trả tiền khấu trừ thuế thu nhập từ tiền thắng cược của quý vị, quý vị phải nhận được Mẫu W-2G, Một Số Tiền Thắng Cược, thể hiện số tiền mà quý vị thắng cược và số tiền khấu trừ. Khai báo thuế khấu trừ trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c.

Bồi Thường Thất Nghiệp

Quý vị có thể chọn khấu trừ thuế thu nhập từ khoản bồi thường thất nghiệp. Để thực hiện lựa chọn này, hãy điền Mẫu W-4V (hoặc mẫu tương tự do người trả tiền cung cấp) và đưa mẫu này cho người trả tiền.

Tất cả các khoản bồi thường thất nghiệp đều chịu thuế. Nếu quý vị không có khấu trừ thuế thu nhập, quý vị có thể phải nộp thuế ước tính. Tham khảo mục [Thuế Ước Tính cho Năm 2023](#) ở phần sau.

Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu trừ thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải đóng hình phạt. Tham khảo mục [Hình Phạt Do Thanh Toán Thiếu cho Năm 2022](#) ở cuối chương này.

Các Khoản Thanh Toán Liên Bang

Quý vị có thể chọn khấu trừ thuế thu nhập từ một số khoản thanh toán liên bang mà quý vị nhận được. Những thanh toán này gồm có.

1. Phúc lợi an sinh xã hội.
2. Phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1.
3. Các khoản vay của công ty tín dụng hàng hóa mà quý vị chọn để tính vào tổng thu nhập của mình.
4. Các khoản thanh toán theo Đạo Luật Nông Nghiệp Năm 1949 (7 U.S.C. 1421 và tiếp theo), được điều chỉnh, hoặc theo tiêu đề II của Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai (Disaster Assistance Act) Năm 1988, được xem là tiền bảo hiểm với lý do nhận được vì:
 - a. Cây trồng của quý vị bị phá hủy hoặc thiệt hại do hạn hán, lũ lụt, hoặc thiên tai khác; hoặc
 - b. Quý vị không thể trồng trọt do ảnh hưởng của thiên tai được mô tả trong phần (a).
5. Bất kỳ các thanh toán nào khác theo luật liên bang được Bộ Trưởng phê duyệt.

Để thực hiện lựa chọn này, hãy điền Mẫu W-4V (hoặc mẫu tương tự do đơn vị chi trả cung cấp) và đưa mẫu này cho đơn vị chi trả.

Nếu quý vị không chọn khấu trừ thuế thu nhập, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính. Tham khảo mục [Thuế Ước Tính cho Năm 2023](#) ở phần sau.

Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu trừ thuế, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải đóng hình phạt. Tham khảo mục [Hình Phạt Do Thanh Toán Thiếu cho Năm 2022](#) ở cuối chương này.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về việc xử lý thuế đối với phúc lợi an sinh xã hội và trợ cấp hưu trí đường sắt, tham khảo [chương 7](#). Lấy Ấn Phẩm 225, Hướng Dẫn Thuế cho Nông Gia, để biết thêm thông tin về việc xử lý thuế đối với các khoản vay của công ty tín dụng hàng hóa hoặc các thanh toán cho vụ mùa do thiên tai.

Khấu Lưu Dự Phòng

Ngân hàng hoặc doanh nghiệp có chi trả cho quý vị hình thức thu nhập nhất định cần phải nộp tờ khai thông tin (Mẫu 1099) cho IRS. Tờ khai thông tin sẽ cho biết số tiền mà quý vị được chi trả trong năm. Thông tin về họ tên và mã số thuế (TIN) của quý vị sẽ được đưa vào tờ khai này. TIN này được giải thích trong chương 1 tại mục [Số An Sinh Xã Hội \(SSN\)](#).

Các khoản thanh toán này thường không bị khấu trừ thuế. Tuy nhiên, khấu lưu “dự phòng” là bắt buộc trong một số trường hợp nhất định. Khấu lưu dự phòng có thể áp dụng cho hầu hết các hình thức chi trả được khai báo trong Mẫu 1099.

Người trả tiền phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ cố định là 24% trong các trường hợp sau.

- Quý vị không cung cấp cho người trả tiền TIN của mình theo quy định.
- Người trả tiền được thông báo từ IRS rằng TIN mà quý vị cung cấp không chính xác.
- Quý vị được yêu cầu phải xác nhận quý vị không thuộc diện khấu lưu dự phòng, nhưng quý vị đã không xác nhận.
- IRS thông báo cho người trả tiền bắt đầu khấu trừ thuế trên tiền lãi hoặc cổ tức của quý vị vì quý vị đã khai báo không đầy đủ tiền lãi hoặc cổ tức trên tờ khai thuế thu nhập của quý vị. IRS sẽ chỉ thực thi biện pháp này sau khi đã gửi 4 thông báo nhắc nhở qua bưu điện cho quý vị.

Truy cập [IRS.gov/Businesses/Small-Businesses-Self-Employed/Backup-Withholding](#) để biết thêm thông tin về các hình thức thanh toán bị khấu lưu dự phòng.

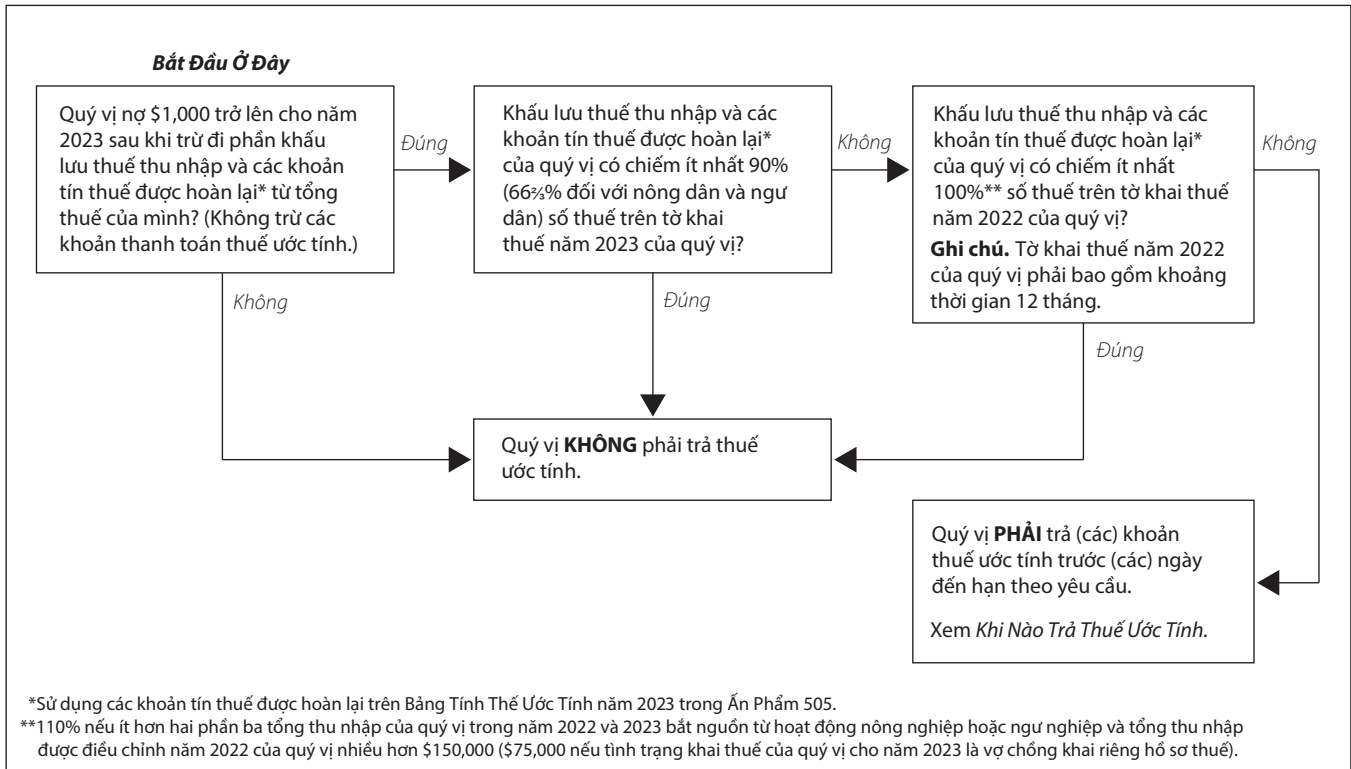
Hình phạt. Việc cung cấp sai thông tin để tránh khấu trừ thuế dự phòng đều có thể dẫn đến các hình phạt dân sự và hình sự. Khoản hình phạt dân sự là \$500. Sau khi bị kết án, hình phạt hình sự sẽ là phạt tiền lên đến \$1.000 hoặc phạt tù đến 1 năm, hoặc cả hai hình phạt này.

Thuế Ước Tính cho Năm 2023

Thuế ước tính là phương pháp được sử dụng để trả thuế đối với thu nhập không phải chịu khấu . Phương pháp này áp dụng cho thu nhập do tự kinh doanh, tiền lãi, cổ tức, tiền cấp dưỡng, tiền cho thuê, tiền thu được từ việc bán tài sản, từ giải thưởng và phần thưởng. Quý vị cũng có thể phải đóng thuế ước tính nếu số tiền thuế thu nhập được khấu trừ từ tiền lương, lương hưu hoặc thu nhập khác của quý vị không đủ.

Thuế ước tính được áp dụng cho thuế thu nhập và thuế tự kinh doanh, cũng như các loại thuế và số tiền khác được khai báo cáo trong tờ khai thuế của quý vị. Nếu quý vị không đóng đủ thuế, thông qua hình thức thuế ước tính hoặc khấu trừ, hoặc cả hai hình thức này, thì quý vị có thể phải đóng tiền phạt. Nếu quý vị không đóng đủ thuế trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán (xem [Khi Nào Trả Thuế Ước](#)

Hình 4-A. Quý Vị Có Phải Trả Thuế Ước Tính Không?



[Tinh](#) ở phần sau), quý vị có thể sẽ bị phạt ngay cả khi quý vị đến hạn được hoàn thuế khi nộp tờ khai thuế của mình. Để biết thông tin về thời điểm áp dụng khoản tiền phạt, vui lòng tham khảo [Hình Phạt Do Thanh Toán Thiểu cho Năm 2022](#) ở cuối chương này.

Ai Không Cần Trả Thuế Ước Tính

Nếu quý vị có thu nhập từ tiền lương hoặc tiền công, quý vị có thể tránh việc trả thuế ước tính bằng cách đề nghị chủ lao động của quý vị khấu lưu mức thuế cao hơn từ thu nhập của quý vị. Để đề nghị, vui lòng nộp Mẫu W-4 mới cho chủ lao động của quý vị. Xem chương 1 của Ấn Phẩm 505.

Thuế ước tính không bắt buộc. Quý vị không phải nộp thuế ước tính cho năm 2023 nếu quý vị đáp ứng cả ba điều kiện sau.

- Quý vị không có nợ thuế cho năm 2022.
- Quý vị là công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú trong cả năm.
- Năm thuế 2022 của quý vị bao gồm khoảng thời gian 12 tháng.

Quý vị không có nợ thuế cho năm 2022 nếu tổng số thuế là không hoặc quý vị không phải nộp tờ khai thuế thu nhập. Để hiểu về định nghĩa của “tổng số thuế” cho năm 2022, xem Ấn Phẩm 505, chương 2.

Ai Phải Trả Thuế Ước Tính

Nếu quý vị nợ thuế bổ sung cho năm 2022, quý vị có thể phải đóng thuế ước tính cho năm 2023.

Quý vị có thể tham khảo các quy tắc chung sau đây làm hướng dẫn khai thuế cho cả năm để tính xem liệu quý vị đã khấu lưu đủ thuế, hoặc có cần

tăng mức khấu lưu hoặc nộp thuế ước tính hay không.

Quy tắc chung. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải trả thuế ước tính cho năm 2023 nếu cả hai điều sau áp dụng.

1. Quý vị dự kiến nợ thuế ít nhất là \$1.000 cho năm 2023 sau khi trừ đi các khoản khấu lưu và tín thuế được hoàn lại.
2. Quý vị dự kiến khoản khấu lưu cộng với tín thuế được hoàn lại của mình thấp hơn con số nhỏ hơn, giữa:
 - a. 90% số tiền thuế được thể hiện trên tờ khai thuế năm 2023 của quý vị, hoặc
 - b. 100% số tiền thuế được thể hiện trên tờ khai thuế năm 2022 của quý vị (tuy nhiên, cần tham khảo mục [Các quy tắc đặc biệt dành cho nông gia, ngư gia, và người đóng thuế có thu nhập cao hơn](#) ở phần sau). Tờ khai thuế năm 2022 của quý vị phải bao gồm khoảng thời gian 12 tháng.



CAUTION Nếu kết quả từ việc áp dụng các quy tắc chung nêu trên cho thấy quý vị chưa khấu lưu đủ thuế, hãy sử dụng Bảng Tính Thuế Ước Tính năm 2023 trong Ấn Phẩm 505 để tính toán chính xác hơn.

Các quy tắc đặc biệt dành cho nông gia, ngư gia, và người đóng thuế có thu nhập cao hơn.

Nếu ít nhất hai phần ba tổng thu nhập của quý vị trong năm 2022 và 2023 bắt nguồn từ hoạt động nông nghiệp hoặc đánh bắt thủy hải sản, hãy áp dụng tỷ lệ 66%³ thay vì 90% trong dòng (2a) của mục [Quy tắc chung](#) ở phần trước đó. Nếu AGI của quý vị cho năm 2022 cao hơn \$150.000 (\$75.000 nếu tình trạng khai thuế của quý vị cho năm 2023 là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế), hãy áp dụng tỷ lệ 110% thay vì 100% trong dòng (2b) của mục [Quy tắc](#)

[chung](#) ở phần trước đó. Xem [Hình 4-A](#), Ấn Phẩm 505, chương 2, để tìm hiểu thêm thông tin.

Người nước ngoài. Người nước ngoài thường trú và tạm trú có thể phải đóng thuế ước tính. Người nước ngoài thường trú phải tuân theo các quy tắc trong chương này trừ khi có ghi chú khác. Người nước ngoài tạm trú phải lấy Mẫu 1040-ES (NR), Thuế Ước Tính Hoa Kỳ cho Người Nước Ngoài Tạm Trú.

Quý vị là người nước ngoài nếu quý vị không phải là công dân hoặc quốc dân Hoa Kỳ. Quý vị là người nước ngoài thường trú nếu quý vị có thể xanh hoặc đáp ứng thử thách hiện diện đáng kể. Để biết thêm thông tin về thử thách hiện diện đáng kể, tham khảo Ấn Phẩm 519, Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Người Nước Ngoài.

Người đóng thuế đã kết hôn. Nếu quý vị đủ điều kiện để thanh toán các khoản thuế ước tính nộp chung, hãy áp dụng các quy tắc được thảo luận tại đây cho thu nhập ước tính nộp chung của quý vị.

Quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể thanh toán thuế ước tính chung ngay cả khi quý vị không sống cùng nhau.

Tuy nhiên, quý vị và vợ/chồng của quý vị không thể thanh toán thuế ước tính chung trong các trường hợp sau:

- Quý vị đã ly thân hợp pháp theo lệnh cho phép ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân,
- Quý vị và vợ/chồng của quý vị có các năm chịu thuế khác nhau, hoặc
- Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú (trừ khi người này lựa chọn được xem là người nước ngoài thường trú cho mục đích thuế (tham khảo chương 1 của Ấn Phẩm 519)).

Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị không thể nộp thuế ước tính, hãy áp dụng các quy tắc này cho thu nhập ước tính riêng của quý vị. Việc thanh toán

các khoản thuế ước tính nộp chung hoặc riêng sẽ không ảnh hưởng đến việc lựa chọn khai chung hoặc khai riêng tờ khai thuế cho năm 2023.

Tờ khai thuế riêng năm 2022 và tờ khai thuế chung năm 2023. Nếu quý vị dự định nộp tờ khai thuế chung với vợ/chồng của mình cho năm 2023 nhưng quý vị đã khai thuế riêng cho năm 2022, thuế năm 2022 của quý vị sẽ là tổng số thuế hiển thị trên tờ khai thuế riêng của quý vị. Quý vị đã nộp tờ khai thuế riêng nếu quý vị thuộc diện độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng tờ khai thuế.

Tờ khai thuế chung năm 2022 và tờ khai thuế riêng năm 2023. Nếu quý vị dự định nộp tờ khai thuế riêng cho năm 2023 nhưng quý vị đã nộp tờ khai thuế chung cho năm 2022, thuế năm 2022 của quý vị là phần thuế của quý vị trên tờ khai thuế chung. Quý vị nộp tờ khai thuế riêng nếu quý vị thuộc diện độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng tờ khai thuế.

Để tính phần thuế của quý vị trên tờ khai thuế chung, trước tiên hãy tính số tiền thuế mà quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể đã đóng nếu quý vị khai thuế riêng cho năm 2022 và sử dụng cùng tình trạng khai thuế cho năm 2023. Sau đó, nhân số tiền thuế trên tờ khai chung với tỷ lệ sau.

Tiền thuế mà quý vị có thể đã nộp nếu khai thuế riêng
Tổng số tiền thuế mà quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể đã nộp nếu khai thuế riêng

Ví dụ: Người đóng thuế A và Người đóng thuế B đã khai thuế chung cho năm 2022 trên tổng thu nhập chịu thuế là \$48.500 và thuế là \$5.412. Trong tổng thu nhập chịu thuế \$48.500 thì phần thu nhập của Người đóng thuế A là \$40.100 và phần còn lại của Người đóng thuế B. Năm 2023, họ dự định khai như vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế. Người đóng thuế A tính thuế trên tờ khai thuế chung năm 2022 như sau.

Số tiền thuế trên thu nhập chịu thuế \$40.100 nếu khai thuế riêng	\$4.610
Số tiền thuế trên thu nhập chịu thuế \$8.400 nếu khai thuế riêng	843
Tổng	\$5.453
Tỷ lệ của Người đóng thuế A trong tổng số (\$4.610 ÷ \$5.453)	85%
Phần thuế của Người đóng thuế A trên tờ khai thuế chung là (\$5.412 × 85%)	\$4.600

Cách Tính Thuế Ước Tính

Để tính thuế ước tính, quý vị phải tính tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI), thu nhập chịu thuế, các loại thuế, các khoản khấu trừ và các khoản tín thuế trong năm.

Sẽ hữu ích nếu quý vị sử dụng thu nhập, khoản khấu trừ và tín thuế năm 2022 của mình làm điểm bắt đầu để tính thuế ước tính cho năm 2023. Sử dụng tờ khai thuế liên bang năm 2022 của quý vị làm hướng dẫn. Quý vị có thể sử dụng Mẫu 1040-ES và Ấn Phẩm 505 để tính thuế ước tính của quý vị. Người nước ngoài tạm trú sử dụng Mẫu 1040-ES (NR) và Ấn Phẩm 505 để tính thuế ước tính (xem

chương 8 của Ấn Phẩm 519 để tìm hiểu thêm thông tin).

Quý vị phải thực hiện điều chỉnh nếu có những thay đổi về tình trạng cá nhân và những thay đổi trong luật thuế. Để thảo luận về những thay đổi này, hãy truy cập [IRS.gov](https://www.irs.gov).

Để tìm hiểu thêm thông tin đầy đủ về cách tính thuế ước tính của quý vị cho năm 2023, tham khảo chương 2 của Ấn Phẩm 505.

Khi Nào Trả Thuế Ước Tính

Cho mục đích thuế ước tính, một năm thuế được chia thành bốn kỳ thanh toán. Mỗi kỳ sẽ có ngày đến hạn thanh toán cụ thể. Nếu quý vị không trả đủ thuế trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán, quý vị có thể sẽ bị tính tiền phạt ngay cả khi quý vị được hoàn thuế khi nộp tờ khai thuế thu nhập của mình. Dưới đây là các kỳ thanh toán thuế ước tính và ngày đến hạn.

Kỳ thuế:	Ngày đến hạn*
Ngày 1 tháng 1–Ngày 31 tháng 3	Ngày 18 tháng 4
Ngày 1 tháng 4–Ngày 31 tháng 5	Ngày 15 tháng 6
Ngày 1 tháng 6–Ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 9
Ngày 1 tháng 9–Ngày 31 tháng 12	Ngày 16 tháng 1 năm sau

*Tham khảo [Thư Bảy, Chủ Nhật, quy tắc ngày lễ và Thanh toán vào tháng 1](#).

Thứ Bảy, Chủ Nhật, quy tắc ngày lễ. Nếu ngày đến hạn thanh toán thuế ước tính rơi vào Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp, thì khoản thanh toán vẫn được xem là đúng hạn nếu quý vị thực hiện vào ngày tiếp theo không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày lễ hợp pháp.

Thanh toán vào tháng 1. Nếu quý vị nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho năm 2023 trước ngày 31 tháng 1 năm 2024 và trả phần thuế còn nợ, quý vị không cần phải thanh toán vào ngày 16 tháng 1 năm 2024.

Người đóng thuế theo năm tài chính. Nếu năm chịu thuế của quý vị không bắt đầu vào ngày 1 tháng 1, tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 1040-ES cho ngày đến hạn thanh toán của quý vị.

Khi Nào Bắt Đầu

Quý vị không phải thanh toán thuế ước tính cho đến khi quý vị có thu nhập phát sinh nghĩa vụ đóng thuế thu nhập. Nếu quý vị có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ thanh toán đầu tiên, quý vị phải thực hiện khoản thanh toán đầu tiên trước ngày đến hạn cho kỳ thanh toán đầu tiên. Quý vị có thể thanh toán toàn bộ tiền thuế ước tính của mình tại thời điểm đó, hoặc quý vị có thể trả dần. Nếu quý vị chọn trả dần, hãy thanh toán khoản trả dần đầu tiên trước ngày đến hạn của kỳ thanh toán đầu tiên. Tiến hành thanh toán các khoản trả dần còn lại trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán.

Không có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ đầu tiên. Nếu quý vị không có thu nhập chịu thuế ước tính cho đến kỳ thanh toán sau, quý vị phải thực hiện khoản thanh toán đầu tiên trước ngày đến hạn của kỳ đó. Quý vị có thể thanh toán toàn bộ thuế ước tính trước ngày đến hạn cho kỳ đó hoặc quý vị

có thể trả dần trước ngày đến hạn của kỳ đó và ngày đến hạn cho các kỳ còn lại.

Bảng 4-1. Ngày Đến Hạn Chung cho Khoản Trả Dần Thuế Ước Tính

Nếu đây là lần đầu tiên quý vị có thu nhập chịu thuế ước tính:	Trả dần trước:*	Trả dần sau trước: *
Trước ngày 1 tháng 4	Ngày 15 tháng 4	Ngày 15 tháng 6 Ngày 15 tháng 9 Ngày 15 tháng 1 năm sau
Ngày 1 tháng 4–Ngày 31 tháng 5	Ngày 15 tháng 6	Ngày 15 tháng 9 Ngày 15 tháng 1 năm sau
Ngày 1 tháng 6–Ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 9	Ngày 15 tháng 1 năm sau
Sau ngày 31 tháng 8	Ngày 15 tháng 1 năm sau	(Không có)

*Tham khảo [Thư Bảy, Chủ Nhật, quy tắc ngày lễ và Thanh toán vào tháng 1](#).

Số tiền thuế phải trả để tránh bị phạt. Để xác định số tiền thuế mà quý vị phải trả cho mỗi kỳ đến hạn, tham khảo mục [Cách Tính Từng Khoản Thanh Toán](#) ở phần sau.

Cách Tính Từng Khoản Thanh Toán

Quý vị phải trả đủ số thuế ước tính trước ngày đến hạn của mỗi kỳ thanh toán để tránh bị phạt cho kỳ thanh toán đó. Quý vị có thể xác định số tiền thuế phải trả cho mỗi kỳ thanh toán theo phương pháp trả dần định kỳ hoặc phương pháp trả dần thu nhập hàng năm. Các phương pháp này được mô tả trong chương 2 của Ấn Phẩm 505. Nếu quý vị không trả đủ thuế trong mỗi kỳ thanh toán, quý vị có thể sẽ bị tính tiền phạt ngay cả khi quý vị được hoàn thuế khi nộp tờ khai thuế của mình.

Nếu quý vị thấy thảo luận trước đây về [Không có thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ đầu tiên](#) hoặc thảo luận sau đây về [Thay đổi thuế ước tính](#) áp dụng cho trường hợp của mình, quý vị nên xem thêm [Annualized Income Installment Method \(Phương Thức Trả Dần Thu Nhập Hàng Năm\)](#) trong chương 2 của Ấn Phẩm 505 để có thông tin giúp tránh bị phạt.

Hình phạt do trả thiếu. Theo phương pháp trả dần định kỳ, nếu số tiền đóng thuế ước tính của quý vị cho mỗi kỳ thấp hơn một phần tư tổng số thuế ước tính của quý vị, quý vị có thể bị phạt do trả thiếu thuế ước tính cho kỳ đó khi quý vị nộp tờ khai thuế. Theo phương pháp trả dần thu nhập hàng năm, các khoản thanh toán thuế ước tính của quý vị sẽ thay đổi theo thu nhập, tuy nhiên, việc thanh toán thuế ước tính cho mỗi kỳ là bắt buộc. Tham khảo [Hướng Dẫn cho Mẫu 2210](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

Thay đổi thuế ước tính. Sau khi quý vị thực hiện thanh toán thuế ước tính, quý vị có thể phải tính lại số tiền thuế ước tính của mình nếu có những thay đổi về thu nhập, các điều chỉnh, các khoản khấu trừ hoặc tín thuế. Trả số tiền còn chưa thanh toán của thuế ước tính đã điều chỉnh trước ngày đến hạn của khoản thanh toán tiếp theo sau khi thay đổi hoặc khoản trả dần trước ngày đến hạn cho kỳ này và ngày đến hạn cho các kỳ thanh toán còn lại.

Khoản Thanh Toán Thuế Ước Tính Không Bắt Buộc

Quý vị không phải thanh toán thuế ước tính nếu khoản khấu lưu trong mỗi kỳ thanh toán tối thiểu bằng với:

- Một phần tư khoản thanh toán hàng năm bắt buộc của quý vị, hoặc
- Khoản trả dần thu nhập hàng năm bắt buộc của quý vị cho kỳ thanh toán đó.

Quý vị cũng không phải nộp thuế ước tính nếu quý vị đóng đủ thuế thông qua hình thức khấu lưu để giữ số tiền mà quý vị nợ trên tờ khai thuế dưới \$1.000.

Cách Trả Thuế Ước Tính

Có nhiều cách để trả thuế ước tính.

- Khấu giảm khoản thanh toán vượt mức cho tờ khai thuế năm 2022 của quý vị vào thuế ước tính năm 2023 của quý vị.
- Trả bằng chuyển khoản trực tiếp từ tài khoản ngân hàng của quý vị, hoặc thanh toán bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng thông qua hệ thống thanh toán qua điện thoại hoặc qua Internet.
- Gửi thanh toán của quý vị (séc hoặc lệnh phiếu) kèm theo phiếu thanh toán từ Mẫu 1040-ES.

Khấu Giảm cho Khoản Thanh Toán Vượt Mức

Nếu quý vị chứng minh khoản thanh toán vượt mức thuế quy định sau khi hoàn thành Mẫu 1040 hoặc 1040-SR năm 2022 của mình, quý vị có thể bù trừ một phần hoặc toàn bộ khoản thanh toán vượt mức này vào thuế ước tính cho năm 2023 của quý vị. Tại dòng 36 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy nhập số tiền mà quý vị muốn được khấu giảm vào thuế ước tính thay vì hoàn thuế. Hãy tính đến số tiền quý vị được khấu giảm khi xác định các khoản thanh toán thuế ước tính.

Quý vị không thể khấu giảm khoản thanh toán vượt mức vào thuế ước tính hoặc hoàn thuế cho đến khi quý vị nộp tờ khai thuế cho năm tiếp theo. Quý vị cũng không thể sử dụng khoản thanh toán vượt mức này dưới bất kỳ hình thức nào khác.

Thanh Toán Trực Tuyến

IRS cung cấp tùy chọn thanh toán điện tử phù hợp cho quý vị. Thanh toán trực tuyến rất tiện lợi, an toàn đồng thời giúp đảm bảo rằng chúng tôi nhận được tiền thanh toán của quý vị đúng hạn. Để thanh toán thuế trực tuyến hoặc để tìm hiểu thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/payments). Quý vị có thể thanh toán bằng bất kỳ phương thức nào sau đây.

- Direct Pay của IRS.** Để chuyển khoản trực tuyến trực tiếp từ tài khoản thanh toán hoặc tài khoản tiết kiệm của quý vị mà không tốn phí, hãy truy cập [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/payments).
- Trả bằng Thẻ.** Để trả bằng thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, hãy truy cập [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/payments). Các nhà cung cấp dịch vụ này sẽ tính phí tiện lợi.
- Trích Ngân Điện Tử (EFW).** Đây là tùy chọn tích hợp e-file/e-pay chỉ được cung cấp khi quý vị nộp tờ khai thuế liên bang bằng điện tử thông qua phần mềm lập tờ khai thuế, thông qua chuyên gia thuế hoặc IRS tại [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/payments).

- Thỏa Thuận Thanh Toán Trực Tuyến.** Nếu quý vị không thể trả đầy đủ vào ngày đến hạn của tờ khai thuế, quý vị có thể đăng ký thỏa thuận trả dần hàng tháng trực tuyến tại [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/payments). Sau khi hoàn thành quy trình trên mạng, quý vị sẽ được thông báo ngay để biết thỏa thuận của mình có được chấp thuận hay không. Có tính phí người dùng.
- IRS2GO.** Đây là ứng dụng trên thiết bị di động của IRS. Quý vị có thể truy cập Direct Pay hoặc Thanh Toán Bằng Thẻ bằng cách tải xuống ứng dụng.

Thanh Toán qua Điện Thoại

Thanh toán qua điện thoại là một phương thức thanh toán điện tử an toàn và bảo mật khác. Sử dụng một trong các phương thức sau: **(1)** gọi đến một trong những nhà cung cấp thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng, hoặc **(2)** sử dụng Hệ Thống Thanh Toán Tích Liên Bằng Bằng Điện Tử (EFTPS).

Thẻ ghi nợ hoặc thẻ tín dụng. Hãy gọi cho một trong những nhà cung cấp dịch vụ của chúng tôi. Phí dịch vụ của những nhà cung cấp này khác nhau tùy theo nhà cung cấp, loại thẻ và số tiền thanh toán.

ACI Payments, Inc. (Trước đây là Official Payments)
888-272-9829
www.fed.acipayonline.com (tiếng Anh)

Link2Gov Corporation
888-PAY-1040™ (888-729-1040)
www.PAY1040.com (tiếng Anh)

WorldPay US, Inc.
844-PAY-TAX-8™ (844-729-8298)
www.payUSAtax.com (tiếng Anh)

EFTPS. Để biết thêm thông tin về EFTPS hoặc để đăng ký với EFTPS, truy cập www.EFTPS.gov (tiếng Anh) hoặc gọi 800-555-4477 (tiếng Anh). Để liên hệ với EFTPS bằng Dịch Vụ Viễn Thông Chuyển Tiếp (TRS) cho người bị điếc, khiếm thính, hoặc khuyết tật nói gọi 711 và sau đó cung cấp cho người trợ tá TRS số 800-555-4477 ở trên hoặc 800-733-4829. Thông tin bổ sung về EFTPS cũng có sẵn trong Ấn Phẩm 966.

Trả bằng Thiết Bị Di Động

Để thanh toán qua thiết bị di động của quý vị, hãy tải xuống ứng dụng IRS2Go.

Trả bằng Tiền Mặt

Tiền mặt là tùy chọn thanh toán trực tiếp cho cá nhân được cung cấp thông qua các đối tác bán lẻ với tối đa \$1.000 mỗi ngày cho mỗi giao dịch. Để thanh toán bằng tiền mặt, trước tiên quý vị phải đăng ký trực tuyến tại www.fed.acipayonline.com (tiếng Anh), nhà cung cấp Dịch Vụ Thanh Toán Chính Thức của chúng tôi.

Trả bằng Séc hoặc Lệnh Phiếu Bằng Thuế Ước Tính

Trước khi gửi thanh toán qua đường bưu điện thông qua phiếu thanh toán thuế ước tính, vui lòng cân nhắc các phương thức thay thế. Các phương thức thanh toán điện tử an toàn, nhanh chóng và dễ sử

dụng mà chúng tôi cung cấp có thể phù hợp cho quý vị.

Nếu quý vị chọn gửi thanh toán qua đường bưu điện, mỗi khoản thanh toán thuế ước tính bằng séc hoặc lệnh phiếu phải kèm theo phiếu thanh toán lấy từ Mẫu 1040-ES.

Trong năm 2022, nếu quý vị:

- Đã thực hiện ít nhất một khoản thanh toán thuế ước tính không thông qua phương tiện điện tử,
- Đã không sử dụng phần mềm hoặc người giúp khai thuế có trả phí để lập hoặc nộp tờ khai thuế của quý vị,

thì quý vị sẽ nhận được một bản sao của Mẫu 1040-ES cho năm 2023 cùng với phiếu thanh toán.

Các phiếu thanh toán kèm theo sẽ được in sẵn tên, địa chỉ và số an sinh xã hội của quý vị. Hãy sử dụng phiếu in sẵn để giúp quý vị tiết kiệm thời gian chuẩn bị hồ sơ, giảm sai sót và tiết kiệm chi phí xử lý.

Vui lòng sử dụng phong bì có cửa sổ giấy bóng được gửi kèm cùng với gói gồm Mẫu 1040-ES của quý vị. Nếu quý vị sử dụng phong bì của riêng mình, hãy đảm bảo rằng quý vị gửi phiếu thanh toán của quý vị đến địa chỉ được hiển thị trên hướng dẫn cho Mẫu 1040-ES dành cho khu vực quý vị sinh sống.

Không chấp nhận séc \$100 triệu trở lên. IRS không thể chấp nhận một séc duy nhất (bao gồm séc ngân hàng có bảo chứng) cho số tiền \$100.000.000 (\$100 triệu) trở lên. Nếu quý vị thanh toán \$100 triệu trở lên bằng séc, quý vị phải chia khoản thanh toán thành hai séc hoặc hơn với mỗi séc có giá trị thấp hơn \$100 triệu. Hạn mức này không áp dụng đối với các phương thức thanh toán khác (ví dụ như thanh toán điện tử). Vui lòng cân nhắc phương thức thanh toán khác ngoài séc nếu số tiền thanh toán trên \$100 triệu.

Ghi chú. Những tiêu chí này có thể thay đổi mà không báo trước. Nếu quý vị không nhận được gói hồ sơ có Mẫu 1040-ES và quý vị được yêu cầu thanh toán thuế ước tính, quý vị phải truy cập [IRS.gov/Form1040ES](https://www.irs.gov/Form1040ES) và in bản sao Mẫu 1040-ES có bao gồm bốn phiếu thanh toán chưa điền. Hoàn thành một trong những mẫu này và thực hiện thanh toán đúng hạn để tránh bị phạt do trả trễ.



Không sử dụng địa chỉ hiển thị trên Hướng dẫn cho Mẫu 1040 cho khoản thanh toán thuế ước tính của quý vị.

Nếu quý vị không trả thuế ước tính vào năm ngoài, quý vị có thể yêu cầu Mẫu 1040-ES từ IRS (xem tại bìa sau bên trong ấn phẩm này) hoặc tải mẫu đơn này từ [IRS.gov](https://www.irs.gov). Hãy làm theo hướng dẫn để đảm bảo quý vị sử dụng đúng phiếu.

Các khoản thanh toán thuế ước tính chung. Nếu quý vị khai tờ khai thuế chung và thanh toán thuế ước tính chung, hãy nhập tên và số an sinh xã hội vào phiếu thanh toán theo đúng thứ tự sẽ xuất hiện trên tờ khai thuế chung.

Thay đổi địa chỉ của quý vị. Quý vị phải thông báo cho IRS nếu quý vị sẽ thanh toán thuế ước tính và đã thay đổi địa chỉ trong năm. Hoàn thành Mẫu 8822, Thay Đổi Địa Chỉ, và gửi mẫu này đến địa chỉ được hiển thị trong hướng dẫn cho mẫu đơn đó.

Khấu Giảm cho Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính cho Năm 2022

Khi quý vị nộp tờ khai thuế thu nhập năm 2022, hãy khấu giảm tất cả các khoản thuế thu nhập và thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt vượt mức quy định đã được khấu lưu từ tiền lương, tiền công, lương hưu của quý vị, v.v. Ngoài ra hãy khấu giảm thuế ước tính quý vị đã đóng cho năm 2022. Các khoản khấu giảm này sẽ được trừ vào tổng số tiền thuế của quý vị. Do các khoản khấu giảm này có thể được hoàn lại, quý vị nên nộp tờ khai thuế và yêu cầu những khoản khấu giảm này ngay cả khi quý vị không nợ thuế.

Hai chủ lao động hoặc nhiều hơn. Nếu quý vị đã làm việc cho hai chủ lao động trở lên trong năm 2022 và được trả mức lương cao hơn \$147.000, mức thuế an sinh xã hội hoặc thuế hưu trí đường sắt bậc 1 khấu lưu từ tiền lương của quý vị có thể rất cao. Quý vị có thể yêu cầu khoản khấu lưu vượt mức được khấu giảm vào thuế thu nhập của mình khi quý vị nộp tờ khai thuế. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 để biết thêm thông tin.

Khấu lưu thuế

Nếu quý vị có thuế thu nhập được khấu lưu trong năm 2022, quý vị sẽ được gửi báo cáo có thể hiện thu nhập và thuế khấu lưu của quý vị trước ngày 31 tháng 1 năm 2023. Tùy thuộc vào nguồn thu nhập của mình, quý vị sẽ nhận được:

- Mẫu W-2, Báo Cáo Tiền Lương và Thuế;
- Mẫu W-2G, Một Số Khoản Tiền Thắng Cược; hoặc
- Một mẫu trong loạt 1099.

Mẫu W-2 và Mẫu W-2G. Nếu quý vị nộp tờ khai bằng giấy, hãy đính kèm Mẫu W-2 cùng với tờ khai thuế thu nhập của quý vị. Nộp Mẫu W-2G cùng với tờ khai của quý vị chỉ nếu mẫu này thể hiện bất kỳ khoản thuế thu nhập liên bang nào được khấu lưu từ tiền thắng cược của quý vị.

Quý vị phải nhận được ít nhất hai bản sao của mỗi mẫu đơn này. Nếu quý vị nộp tờ khai thuế bằng giấy, hãy đính kèm một bản sao ở mặt trước của tờ khai thuế thu nhập liên bang của quý vị. Vui lòng giữ lại một bản sao để lưu trữ. Ngoài ra, quý vị cũng sẽ nhận được bản sao để nộp cùng với tờ khai thuế của tiểu bang và địa phương.

Mẫu W-2

Chủ lao động của quý vị phải cung cấp hoặc gửi Mẫu W-2 cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2023. Quý vị sẽ nhận được một Mẫu W-2 riêng từ mỗi chủ lao động nơi quý vị đang làm việc.

Nếu quý vị ngừng làm việc trước khi kết thúc năm 2022, chủ lao động của quý vị có thể đã cung cấp cho quý vị Mẫu W-2 vào bất kỳ lúc nào sau khi quý vị ngừng làm việc. Tuy nhiên, chủ lao động của quý vị phải cung cấp hoặc gửi mẫu đơn này cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2023.

Nếu quý vị yêu cầu cung cấp mẫu đơn này, chủ lao động của quý vị phải gửi nó cho quý vị trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của quý vị hoặc trong vòng 30 ngày sau khi

thanh toán khoản lương cuối cùng cho quý vị, tùy thuộc thời điểm nào đến sau.

Nếu quý vị chưa nhận được Mẫu W-2 trước ngày 31 tháng 1, quý vị nên hỏi lại chủ lao động của mình. Nếu quý vị không nhận được mẫu đơn này trước đầu Tháng Hai, hãy gọi cho IRS.

Mẫu W-2 cho biết tổng số tiền lương, trợ cấp khác, thuế thu nhập, thuế an sinh xã hội và thuế Medicare của quý vị đã được khấu lưu trong năm. Bao gồm thuế thu nhập liên bang đã khấu lưu (giống như mình họa trong ô 2 của Mẫu W-2) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25a.

Ngoài ra, Mẫu W-2 được sử dụng để báo cáo bất kỳ khoản tiền lương chịu thuế được chi trả khi nghỉ bệnh mà quý vị nhận được và bất kỳ thuế thu nhập nào đã được khấu lưu từ tiền lương trả khi nghỉ bệnh.

Mẫu W-2G

Nếu quý vị có tiền thắng cược trong năm 2022, bên thanh toán có thể đã khấu lưu thuế thu nhập. Nếu thuế đã được khấu lưu, bên thanh toán sẽ cung cấp cho quý vị Mẫu W-2G thể hiện số tiền quý vị thắng và số thuế đã khấu lưu.

Khai báo số tiền thắng cược của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040). Lấy khấu giảm cho số tiền thuế đã khấu lưu trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c.

Loạt 1099

Hầu hết các mẫu trong loạt 1099 sẽ không được nộp cùng tờ khai thuế của quý vị. Những mẫu này sẽ được cung cấp cho quý vị không muộn hơn ngày 31 tháng 1 năm 2023 (khẩu đối với Mẫu 1099-B, 1099-S và một số Mẫu 1099-MISC, sẽ được cung cấp không muộn hơn ngày 15 tháng 2 năm 2023). Trừ khi được hướng dẫn nộp bất kỳ biểu mẫu nào trong số này cùng với tờ khai thuế, hãy lưu giữ chúng trong hồ sơ của quý vị. Trong loạt mẫu này có một số mẫu khác nữa nhưng không được liệt kê. Xem hướng dẫn cho Mẫu 1099 cụ thể để biết thêm thông tin.

Mẫu 1099-R. Đính kèm Mẫu 1099-R vào tờ khai bằng giấy của quý vị nếu ô 4 cho thấy thuế thu nhập liên bang đã được khấu lưu. Gộp số tiền đã khấu lưu vào tổng số tiền ở dòng 25b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Khấu lưu dự phòng. Nếu quý vị phải khấu lưu thuế dự phòng trên thu nhập nhận được trong năm 2022, gộp số tiền đã khấu lưu, thể hiện trên Mẫu 1099, vào tổng số tiền ở dòng 25b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Mẫu Không Chính Xác

Nếu quý vị nhận được biểu mẫu với thông tin không chính xác, quý vị nên yêu cầu bên thanh toán cung cấp biểu mẫu sửa đổi. Gọi đến số điện thoại hoặc viết thư đến địa chỉ được cung cấp trên biểu mẫu để liên hệ với bên thanh toán. Mẫu W-2G hoặc Mẫu 1099 sửa đổi mà quý vị nhận được sẽ có dấu "X" ở ô "CORRECTED (ĐÃ SỬA ĐỔI)" trên đầu biểu mẫu. Một biểu mẫu đặc biệt, Mẫu W-2c, Báo Cáo Lương Bổng Và Thuế Sửa Đổi, được dùng để sửa đổi Mẫu W-2.

Trong một số tình huống nhất định, quý vị sẽ nhận được hai biểu mẫu thay cho biểu mẫu ban đầu không chính xác. Tình huống này xảy ra khi số nhận diện người đóng thuế của quý vị sai hoặc thiếu, tên và địa chỉ của quý vị sai hoặc quý vị nhận được loại biểu mẫu sai (ví dụ: Mẫu 1099-DIV, Cổ Tức và Tiền

Phân Phối thay vì Mẫu 1099-INT, Thu Nhập Từ Tiền Lãi). Một biểu mẫu mới mà quý vị nhận được sẽ giống với biểu mẫu không chính xác hoặc có cùng thông tin không chính xác, nhưng tất cả số tiền sẽ bằng không. Biểu mẫu này có dấu "X" ở ô "CORRECTED (ĐÃ SỬA ĐỔI)" trên đầu biểu mẫu. Biểu mẫu mới thứ hai phải trình bày tất cả các thông tin chính xác, được lập như bản gốc (ô "CORRECTED (ĐÃ SỬA ĐỔI)" sẽ không được đánh dấu).

Mẫu Nhận Được Sau Khi Nộp

Nếu quý vị nộp tờ khai thuế và sau đó nhận được mẫu về thu nhập mà quý vị đã không khai báo trên tờ khai thuế của mình, quý vị nên khai báo khoản thu nhập này và nhận khấu giảm cho số tiền thuế thu nhập liên bang đã khấu lưu bằng cách nộp Mẫu 1040-X, Tờ Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Cá Nhân Được Điều Chính.

Tờ Khai Thuế Riêng

Nếu quý vị đã kết hôn nhưng khai thuế riêng, quý vị chỉ có thể nhận tín thuế cho phần thuế khấu lưu từ thu nhập của chính quý vị. Không khai báo số tiền khấu lưu từ thu nhập của vợ/chồng quý vị. Tuy nhiên, các quy tắc khác có thể áp dụng nếu quý vị sống ở tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng.

Các bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng được liệt kê ở [chương 2](#). Để tìm thêm thông tin về những quy tắc này và một số trường hợp ngoại lệ, tham khảo Ấn Phẩm 555, Tài Sản Chung.

Thuế Ước Tính

Lấy khấu giảm cho tất cả các khoản thanh toán thuế ước tính cho năm 2022 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 26. Bao gồm thanh toán vượt mức từ năm 2020 mà quý vị đã khấu giảm vào thuế ước tính năm 2022 của mình.

Thay đổi tên. Nếu quý vị đổi tên và quý vị đã trả thuế ước tính bằng tên cũ, đính kèm một bản tường trình ngắn gọn trên mặt trước của tờ khai thuế bằng giấy, trong đó nêu rõ:

- Thời điểm quý vị thanh toán,
- Số tiền thanh toán mỗi đợt,
- Tên của quý vị khi quý vị thực hiện thanh toán và
- Số an sinh xã hội của quý vị.

Bản tường trình này phải bao gồm các khoản thanh toán mà quý vị đã thực hiện chung với vợ/chồng của mình cũng như bất kỳ khoản thanh toán nào quý vị thực hiện riêng.

Quý vị phải báo cáo thay đổi cho Sở An Sinh Xã Hội. Thủ tục này giúp tránh chậm trễ trong quá trình xử lý tờ khai thuế và hoàn thuế cho quý vị.

Tờ Khai Thuế Riêng

Nếu quý vị và vợ/chồng quý vị thực hiện thanh toán riêng thuế ước tính cho năm 2022 và quý vị nộp tờ khai thuế riêng, quý vị chỉ có thể khấu giảm cho các khoản thanh toán của mình.

Nếu quý vị thanh toán thuế ước tính chung, quý vị phải quyết định cách phân chia các khoản thanh toán giữa hai tờ khai thuế. Một trong hai người có thể khai báo toàn bộ số thuế ước tính đã thanh toán và người còn lại sẽ không khai báo, hoặc quý vị có thể chia theo bất kỳ cách nào khác tùy vào thỏa thuận của hai vợ chồng. Nếu quý vị không thể thống

nhất cách thức phân chia, quý vị phải chia các khoản thanh toán tương ứng với thuế cá nhân của mỗi người trên tờ khai thuế riêng cho năm 2021.

Người Đóng Thuế Đã Ly Hôn

Nếu quý vị thực hiện thanh toán chung thuế ước tính cho năm 2022 và quý vị đã ly hôn trong năm, quý vị hoặc vợ/chồng cũ của quý vị có thể khai báo tất cả các khoản thanh toán chung hoặc mỗi người có thể khai báo một phần. Nếu quý vị không thể thống nhất về cách thức phân chia, quý vị phải chia các khoản thanh toán tương ứng với thuế cá nhân của mỗi người trên tờ khai thuế riêng cho năm 2022.

Nếu quý vị khai báo bất kỳ khoản thanh toán chung nào trên tờ khai thuế của mình, nhập số an sinh xã hội (SSN) của vợ/chồng cũ vào khoảng trống trên mặt trước của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Nếu quý vị ly hôn và tái hôn trong năm 2021, nhập SSN của người vợ/chồng hiện tại vào khoảng trống trên mặt trước của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Ngoài ra, trên dòng chấm bên cạnh dòng 26, nhập SSN của vợ/chồng cũ của quý vị, sau đó điền "DIV."

Hình Phạt Do Thanh Toán Thiếu cho Năm 2022

Nếu quý vị không trả đủ thuế, thông qua hình thức khấu lưu thuế hoặc thanh toán đúng hạn thuế ước

tính, quý vị sẽ có thanh toán thiếu thuế ước tính và có thể bị phạt.

Nói chung, quý vị sẽ không phải trả tiền phạt cho năm 2022 nếu bất kỳ điều nào sau đây áp dụng .

- Tổng số tiền khấu lưu và các khoản thanh toán thuế ước tính của quý vị ít nhất bằng thuế năm 2021 của quý vị (hoặc 110% thuế năm 2021 nếu AGI của quý vị hơn \$150.000, \$75.000 nếu tình trạng khai thuế năm 2022 của quý vị là vợ chồng khai riêng tờ khai thuế) và quý vị đã nộp thuế ước tính đúng hạn;
- Số nợ thuế đến hạn trên tờ khai thuế năm 2022 của quý vị không vượt quá 10% tổng số thuế năm 2022 và quý vị đã trả tất cả thuế ước tính bắt buộc đúng hạn;
- Tổng số thuế năm 2022 của quý vị trừ đi số tiền đã khấu lưu và các khoản tín thuế được hoàn lại ở mức thấp hơn \$1.000;
- Quý vị không có tiền nợ thuế cho năm 2021 và năm chịu thuế 2021 của quý vị là 12 tháng; hoặc
- Quý vị đã không có bất kỳ khoản thuế khấu lưu nào và tiền thuế cho năm hiện tại của quý vị trừ đi thuế việc làm tại gia ở mức dưới \$1.000.

Nông gia và ngư gia. Các quy tắc đặc biệt được áp dụng nếu quý vị là nông gia hoặc ngư gia. Tham khảo *Hướng Dẫn cho Mẫu 2210-F* để tìm hiểu thêm thông tin.

IRS có thể tính mức phạt cho quý vị. Nếu quý vị nghĩ rằng quý vị nợ tiền phạt nhưng quý vị không muốn tự mình tính toán khi khai thuế, quý vị có thể không phải làm vậy. Thông thường, IRS sẽ tính hình phạt cho quý vị và gửi cho quý vị hóa đơn. Tuy nhiên, nếu quý vị nghĩ rằng quý vị có thể giảm hoặc loại bỏ hình phạt của mình, quý vị phải khai Mẫu 2210 hoặc Mẫu 2210-F và đính kèm vào tờ khai thuế bằng giấy của mình. Tham khảo *Hướng Dẫn cho Mẫu 2210* để tìm hiểu thêm thông tin.

Phần Hai.

Thu Nhập và Điều Chỉnh Thu Nhập

Năm chương trong phần này trình bày về nhiều loại thu nhập và các điều chỉnh đối với thu nhập. Các chương này giải thích thu nhập nào bị tính thuế và không bị tính thuế, cũng như thảo luận về một số điều chỉnh đối với thu nhập mà quý vị có thể thực hiện để tính tổng thu nhập đã điều chỉnh của mình.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- *Bảng 1, Thu Nhập Bổ Sung và Điều Chỉnh Thu Nhập;*
- *Bảng 2 (Phần II), Các Loại Thuế Khác; và*
- *Bảng 3 (Phần II), Khoản Thanh Toán Khác và Tín Thuế Có Thể Hoàn Lại.*

Bảng V. Các Điều Chỉnh Khác về Thu Nhập

Sử dụng bảng này để tìm thông tin về các nội dung điều chỉnh khác đối với thu nhập không được đề cập trong phần này của ấn phẩm.

NẾU quý vị đang tìm kiếm thêm thông tin về khoản khấu trừ cho...	HÃY xem...
đóng góp vào tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe	Ấn Phẩm 969, Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe và Các Chương Trình Sức Khỏe Được Ưu Đãi Thuế Khác (tiếng Anh).
chi phí di chuyển	Ấn Phẩm 3, Hướng Dẫn Về Thuế Cho Lực Lượng Vũ Trang (tiếng Anh).
một phần trong thuế tự kinh doanh của quý vị	chương 11.
bảo hiểm y tế cho những người tự kinh doanh	Ấn Phẩm 502, Chi Phí Y Tế và Nha Khoa (tiếng Anh).
khoản thanh toán các chương trình đủ điều kiện, SEP và SIMPLE của người tự doanh	Ấn Phẩm 560, Chương Trình Hưu Trí cho Doanh Nghiệp Nhỏ (tiếng Anh).
tiền phạt trên khoản rút tiết kiệm trước hạn	chương 6.
đóng góp vào Archer MSA	Ấn Phẩm 969 (tiếng Anh).
khấu hao hoặc chi phí trồng rừng	chương 7 và 8 của Ấn Phẩm 535, Chi Phí Kinh Doanh (tiếng Anh).
đóng góp vào chương trình hưu trí theo đoạn 501(c)(18)(D) Bộ Luật Thuế Vụ	Ấn Phẩm 525, Thu Nhập Chiu Thuế và Không Chiu Thuế (tiếng Anh).
chi phí từ việc cho thuê tài sản cá nhân	chương 8.
một số khoản hoàn trả bắt buộc của khoản trợ cấp thất nghiệp bổ sung (sub-pay)	chương 8.
chi phí cho nhà ở nước ngoài	chương 4 của Ấn Phẩm 54, Hướng Dẫn Thuế cho Công Dân Hoa Kỳ và Thường Trú Nhân Người Nước Ngoài Ở Nước Ngoài (tiếng Anh).
tiền nhiệm vụ bồi thẩm trả cho chủ lao động của quý vị	chương 8.
đóng góp của một số mục sư hoặc tuyên úy cho chương trình theo đoạn 403(b) của Bộ Luật Thuế Vụ	Ấn Phẩm 517, An Sinh Xã Hội và Những Thông Tin Khác cho Thành Viên Giới Tăng Lữ và Người Làm Việc Liên Quan Đến Tôn Giáo (tiếng Anh).
phí luật sư và một số loại chi phí cho các hành động liên quan đến khoản thương của IRS cho người tố cáo	Ấn Phẩm 525 (tiếng Anh).

5.

Tiền Công, Tiền Lương và Các Khoản Thu Nhập Khác

Nhắc nhở

Giới hạn đóng góp thù lao hoãn thuế. Nếu quý vị tham gia chương trình 401(k), 403(b), hoặc Chương Trình Tiết Kiệm Để Dành của chính phủ liên bang, tổng số tiền hàng năm mà quý vị có thể đóng góp được tăng lên \$20.500 cho năm 2022. Quy định này cũng áp dụng cho hầu hết các chương trình 457.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về thù lao mà nhân viên nhận được cho các dịch vụ mà mình cung cấp, ví dụ như tiền công, tiền lương và quyền lợi phụ. Những chủ đề dưới đây sẽ được đề cập.

- Tiền thưởng và phần thưởng.
- Quy tắc đặc biệt đối với một số nhân viên.
- Quyền lợi ốm đau và thương tật.

Chương này giải thích khoản thu nhập nào được tính vào và không được tính vào tổng thu nhập của nhân viên.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 463** Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng và Xe Hơi
- 502** Chi Phí Y Tế và Nha Khoa
- 524** Tín Thuế cho Người Già hoặc Người Khuyết Tật
- 525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- 526** Đóng Góp Từ Thiện
- 550** Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư
- 554** Hướng Dẫn Thuế cho Người Cao Niên
- 575** Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim
- 907** Những Điểm Nổi Bật về Thuế cho Người Khuyết Tật
- 926** Hướng Dẫn Thuế cho Chủ Lao Động Tại Gia
- 3920** Miễn Thuế cho Nạn Nhân của Các Cuộc Tấn Công Khủng Bó

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/forms) (tiếng Anh).

Thù Lao của Nhân Viên

Phần này thảo luận về các hình thức thù lao khác nhau được trả cho nhân viên, bao gồm quyền lợi phụ, đóng góp chương trình hưu trí, quyền chọn cổ phiếu và tài sản bị hạn chế.

Mẫu W-2. Nếu quý vị là một nhân viên, quý vị sẽ nhận được Mẫu W-2 từ chủ lao động, cho biết mức lương quý vị nhận được cho các dịch vụ của mình. Bao gồm tiền lương của quý vị vào dòng 1 của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, kể cả khi quý vị không nhận được Mẫu W-2.

Trong một số trường hợp, chủ lao động không bắt buộc phải cung cấp Mẫu W-2 cho quý vị. Chủ lao động không bắt buộc phải cung cấp cho quý vị Mẫu W-2 nếu quý vị làm công việc tại gia tại nhà của chủ lao động và nhận ít hơn \$2.400 bằng tiền mặt trong năm theo niên lịch đồng thời quý vị không bị khấu lưu thuế thu nhập liên bang từ tiền công của mình. Công việc gia đình là công việc được thực hiện trong hoặc xung quanh nhà của chủ lao động. Một số ví dụ về nhân viên làm công việc gia đình bao gồm:

- Người trông trẻ,
- Người trông nom nhà cửa,
- Nhân viên vệ sinh nhà cửa,
- Người giúp việc gia đình,
- Tài xế,
- Chuyên viên chăm sóc sức khỏe tại nhà,
- Quản gia,
- Người giúp việc,
- Bảo mẫu,
- Y tá riêng, và
- thợ làm vườn.

Tham khảo Bảng H (Mẫu 1040), Thuế Lao Động Tại Gia, tài liệu hướng dẫn, và Ấn Phẩm 926 để biết thêm thông tin.

Nếu quý vị đã cung cấp các dịch vụ, ngoài các dịch vụ được thực hiện với tư cách người làm việc theo hợp đồng độc lập, và chủ lao động không khấu lưu thuế an sinh xã hội và Medicare từ tiền lương của quý vị, quý vị phải nộp Mẫu 8919, Thuế An Sinh Xã Hội và Medicare Chưa Thu Trên Tiền Công, kèm theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Tham khảo Mẫu 8919 và tài liệu hướng dẫn để tìm hiểu thêm thông tin về cách tính tiền lương và thuế chưa khai báo cũng như cách khai báo những khoản này trên tờ khai thuế thu nhập của quý vị.

Người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em. Nếu quý vị cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em, tại nhà của trẻ, tại nhà của quý vị hoặc địa điểm kinh doanh khác, tiền lương quý vị nhận được phải được tính vào thu nhập của quý vị. Nếu quý vị không phải là nhân viên, quý vị có thể là người tự kinh doanh và phải khai báo các khoản thanh toán cho dịch vụ của quý vị vào Bảng C (Mẫu 1040), Lợi Nhuận hoặc Lỗ Từ Kinh Doanh. Nói chung, quý vị không phải là nhân viên trừ khi quý vị phải tuân theo ý chí và chịu sự kiểm soát của người thuê quý vị về nội dung công việc và cách thức thực hiện.

Trông trẻ. Nếu quý vị được trả tiền để trông trẻ, kể cả thân nhân hay trẻ em hàng xóm, dù thường xuyên hay chỉ định kỳ, các quy tắc đối với người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em sẽ áp dụng cho quý vị.

Thuế lao động. Cho dù quý vị là nhân viên hay người tự kinh doanh, thu nhập của quý vị có thể phải chịu thuế tự kinh doanh. Tham khảo hướng dẫn của Bảng C và SE (Mẫu 1040) nếu quý vị là tự doanh. Đồng thời tham khảo Ấn Phẩm 926 để biết thêm thông tin.

Thù Lao Hồn Hợp

Phần này thảo luận về các hình thức thù lao khác được trả cho nhân viên.

Tiền hoa hồng ứng trước và thu nhập kiếm được khác. Nếu quý vị nhận được tiền hoa hồng ứng trước hoặc những khoản khác cho các dịch vụ sẽ được thực hiện trong tương lai và quý vị là người nộp thuế theo phương pháp tiền mặt, quý vị phải tính các khoản này vào thu nhập của mình trong năm quý vị nhận được.

Nếu quý vị hoàn trả tiền hoa hồng chưa được hưởng hoặc các khoản khác trong cùng năm quý vị nhận được, hãy giảm số tiền tính vào thu nhập của quý vị, số tiền giảm bằng số tiền hoàn trả. Nếu quý vị hoàn trả trong năm thuế sau đó, quý vị có thể khấu trừ từng khoản tiền hoàn trả trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, hoặc quý vị có thể nhận một khoản tín dụng cho năm đó. Tham khảo mục [Các khoản hoàn trả](#) ở chương 8.

Các khoản phụ cấp và hoàn lại. Nếu quý vị nhận được phụ cấp hoặc hoàn lại cho chi phí đi lại, vận chuyển hoặc các chi phí kinh doanh khác từ chủ lao động, tham khảo Ấn Phẩm 463, Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng và Xe Hơi. Nếu quý vị được hoàn lại chi phí thuyền chèo, tham khảo Ấn Phẩm 521, Chi Phí Di Chuyển.

Bồi thường hoàn trả. Nếu quý vị nhận được tiền lương truy lĩnh theo thỏa thuận hòa giải hoặc phán quyết của tòa án, quý vị phải tính số tiền này vào thu nhập của mình. Số tiền trên bao gồm các khoản thanh toán cho tổn thất, phí bảo hiểm nhân thọ chưa thanh toán và phí bảo hiểm sức khỏe chưa thanh toán của quý vị. Chủ lao động sẽ báo cáo khoản thanh toán này cho quý vị trên Mẫu W-2.

Tiền thưởng và phần thưởng. Nếu quý vị nhận được tiền thưởng hoặc phần thưởng (tiền mặt, hàng hóa, dịch vụ, v.v.) từ chủ lao động, quý vị phải tính giá trị của tiền thưởng và phần thưởng vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, nếu chủ lao động chỉ hứa sẽ trả cho quý vị tiền thưởng hoặc phần thưởng vào một thời điểm nào đó trong tương lai, khoản tiền đó sẽ không chịu thuế cho đến khi quý vị nhận được hoặc có thể sử dụng.

Phần thưởng thành tích cho nhân viên. Nếu quý vị nhận được phần thưởng là tài sản cá nhân hữu hình (ngoài tiền mặt, phiếu quà tặng hoặc tương đương) cho thâm niên công tác hoặc thành tích an toàn, quý vị thường có thể loại trừ giá trị của phần thưởng khỏi thu nhập của mình. Số tiền quý vị có thể loại trừ hạn mức ở mức chi phí của chủ lao động và không được nhiều hơn \$1.600 cho các phần thưởng chương trình đủ điều kiện hoặc \$400 cho các phần thưởng chương trình không đủ điều kiện đối với tất cả các phần thưởng mà quý vị nhận được trong năm. Chủ lao động có thể cho quý vị biết phần thưởng của quý vị có phải là phần thưởng chương trình đủ điều kiện hay không. Chủ lao động phải tổ chức trao thưởng trang trọng, trong những điều kiện và hoàn cảnh không tạo ra nghi vấn rằng phần thưởng này là một khoản thù lao trá hình.

Tuy nhiên, quy định loại trừ không áp dụng đối với các loại phần thưởng sau.

- Phần thưởng thâm niên công tác nếu quý vị nhận được phần thưởng này cho thời gian công tác dưới 5 năm hoặc nếu quý vị đã nhận phần thưởng thâm niên công tác trong năm hoặc 4 năm trước đó.
- Phần thưởng thành tích an toàn nếu quý vị là cán bộ quản lý, quản trị viên, nhân viên văn thư hoặc nhân viên chuyên môn khác hoặc nếu hơn 10% nhân viên đủ điều kiện đã từng nhận được phần thưởng thành tích an toàn trong năm.

Ví dụ: Ben Green nhận được ba phần thưởng thành tích cho nhân viên trong năm: một phần thưởng chương trình không đủ điều kiện là chiếc đồng hồ đeo tay trị giá \$250, hai phần thưởng chương trình đủ điều kiện là dàn âm thanh nổi trị giá \$1.000 và bộ gậy đánh gôn trị giá \$500. Giả sử các yêu cầu đối với phần thưởng chương trình đủ điều kiện được đáp ứng, giá trị mỗi phần thưởng kể trên sẽ được loại trừ khỏi thu nhập. Tuy nhiên, vì tổng giá trị phần thưởng \$1.750 lớn hơn mức \$1.600, Ben phải tính \$150 (\$1.750 – \$1.600) vào thu nhập của mình.

Thanh toán tiền công chênh lệch. Đây là bất kỳ khoản tiền nào mà chủ lao động trả cho quý vị trong khoảng thời gian không quá 30 ngày khi quý vị làm nhiệm vụ trong lực lượng đồng phục liên bang đồng thời tương ứng với toàn bộ hoặc một phần tiền lương mà quý vị đáng lẽ được nhận từ chủ lao động trong khoảng thời gian đó. Khoản tiền này được coi là tiền công và phải chịu khấu trừ thuế thu nhập, nhưng không phải thuế FICA hay FUTA. Khoản thanh toán trên được báo cáo là tiền công trên Mẫu W-2.

Phụ cấp sinh hoạt phí của chính phủ. Hầu hết các khoản thanh toán mà nhân viên dân sự của Chính phủ Hoa Kỳ nhận được khi làm việc ở nước ngoài đều phải chịu thuế. Tuy nhiên, một số khoản trợ cấp sinh hoạt phí được miễn thuế. Ấn Phẩm 516, Nhân Viên Dân Sự của Chính phủ Hoa Kỳ Làm Nhiệm Vụ Ở Nước Ngoài, giải thích quy tắc xử lý thuế đối với các khoản trợ cấp, chênh lệch cùng những khoản tiền lương đặc biệt khác mà quý vị nhận được khi làm việc ở nước ngoài.

Chương trình thù lao hoãn thuế không đủ điều kiện. Chủ lao động có thể báo cáo cho quý vị tổng số tiền hoãn thuế trong năm theo chương trình thù lao hoãn thuế không đủ điều kiện trên Mẫu W-2, ô 12, sử dụng mã Y. Số tiền này không tính vào thu nhập của quý vị.

Tuy nhiên, nếu tại bất kỳ thời điểm nào trong năm thuế, chương trình không đáp ứng một số yêu cầu nhất định hoặc không vận hành theo những yêu cầu đó, tất cả số tiền hoãn thuế theo chương trình cho năm thuế hiện tại và tất cả các năm thuế trước đó trong phạm vi đã trả và chưa khai báo trong thu nhập sẽ được tính vào thu nhập của quý vị cho năm hiện tại. Số tiền này được gộp trong tiền lương của quý vị, ở Mẫu W-2, ô 1 hoặc ở Mẫu W-2, ô 12, sử dụng mã Z.

Phiếu nợ nhận được cho phục vụ. Nếu chủ lao động cung cấp cho quý vị ngân phiếu bảo đảm để thanh toán cho các dịch vụ của quý vị, quý vị phải tính giá trị thị trường hợp lý (thường là giá trị chiết khấu) của ngân phiếu vào thu nhập trong năm quý vị nhận được ngân phiếu. Sau đó, khi quý vị nhận tiền thanh toán trên ngân phiếu, một phần tương ứng của mỗi khoản thanh toán là khoản thu hồi giá trị thị

trường hợp lý mà quý vị đã tính vào thu nhập của mình trước đó. Không tính số tiền này vào thu nhập của quý vị một lần nữa. Tính phần còn lại của khoản thanh toán vào thu nhập của quý vị trong năm nhận thanh toán.

Nếu chủ lao động cung cấp cho quý vị ngân phiếu không có bảo đảm và không thể chuyển nhượng để thanh toán cho các dịch vụ của quý vị, tiền thanh toán trên ngân phiếu được ghi có vào số tiền gốc của ngân phiếu là thu nhập thù lao khi quý vị nhận được.

Bồi thường thôi việc. Nếu quý vị nhận được trợ cấp thôi việc khi việc làm của quý vị với chủ lao động chấm dứt hoặc bị hủy bỏ, quý vị phải tính số tiền này vào thu nhập của mình.

Tiền lương nghỉ phép tích lũy. Nếu quý vị là nhân viên liên bang và nhận thanh toán một lần cho số ngày nghỉ phép tích lũy hàng năm khi quý vị nghỉ hưu hoặc từ chức, số tiền này sẽ được tính vào tiền lương trên Mẫu W-2 của quý vị.

Nếu quý vị từ chức ở một cơ quan và được một cơ quan khác tuyển dụng lại, quý vị có thể phải hoàn trả một phần tiền nghỉ phép hàng năm thanh toán một lần của mình cho cơ quan thứ hai. Quý vị có thể trừ số tiền quý vị đã hoàn trả trong cùng năm thuế mà quý vị nhận được từ tổng lương. Đính kèm tờ khai thuế của quý vị bản sao biên lai hoặc bản sao kê do cơ quan nhận hoàn trả cung cấp để giải trình phần chênh lệch giữa tiền lương trên tờ khai thuế và tiền lương trên Mẫu W-2 của quý vị.

Dịch vụ hỗ trợ tìm việc. Nếu quý vị chấp nhận mức trợ cấp thôi việc thấp hơn để có thể nhận dịch vụ hỗ trợ tìm việc (ví dụ như đào tạo về kỹ năng viết sơ yếu lý lịch và phỏng vấn), quý vị phải tính mức trợ cấp thôi việc khi chưa giảm vào thu nhập.

Tiền lương nghỉ bệnh. Tiền mà quý vị nhận được từ chủ lao động khi quý vị bị ốm hoặc bị thương là một phần tiền lương hoặc tiền công của quý vị. Ngoài ra, quý vị phải tính vào thu nhập của mình các khoản tiền lương trả khi nghỉ bệnh nhận được từ bất kỳ bên thanh toán nào dưới đây.

- Quý phúc lợi.
- Quỹ bệnh tật hoặc thương tật của tiểu bang.
- Hiệp hội chủ lao động hoặc nhân viên.
- Công ty bảo hiểm, nếu chủ lao động của quý vị đã trả tiền cho chương trình.

Tuy nhiên, nếu quý vị tự thanh toán phí hợp đồng bảo hiểm tai nạn hoặc bảo hiểm sức khỏe, quyền lợi được hưởng theo hợp đồng này sẽ không phải chịu thuế. Để tìm hiểu thêm thông tin, tham khảo Ấn Phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế.

Thuế an sinh xã hội và Medicare do chủ lao động trả. Nếu quý vị và chủ lao động có thỏa thuận rằng chủ lao động sẽ trả thuế an sinh xã hội và Medicare mà không khấu trừ khoản tiền trên từ tổng lương của quý vị, quý vị phải báo cáo số tiền thuế đã trả cho quý vị là tiền lương chịu thuế trên tờ khai thuế. Khoản thanh toán này cũng được coi là tiền lương để tính thuế an sinh xã hội và Medicare cũng như phúc lợi an sinh xã hội và Medicare của quý vị. Tuy nhiên, khoản thanh toán này không được coi là tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare nếu quý vị là người làm việc trong hộ gia đình hoặc người làm việc trong nông trại.

Quyền tăng giá cổ phiếu. Không tính quyền tăng giá cổ phiếu do chủ lao động cấp vào thu nhập cho đến khi quý vị thực hiện (sử dụng) quyền. Khi quý vị sử dụng quyền, quý vị được nhận thanh toán tiền

mặt bằng giá trị thị trường hợp lý của cổ phiếu công ty vào ngày sử dụng trừ đi giá trị thị trường hợp lý vào ngày quyền được cấp. Quý vị phải tính khoản thanh toán bằng tiền mặt trên vào thu nhập của mình trong năm quý vị sử dụng quyền.

Quyền Lợi Phụ

Quyền lợi phụ gắn với việc thực hiện các dịch vụ được tính vào thu nhập của quý vị như một khoản thù lao trừ khi quý vị trả giá trị thị trường hợp lý cho những quyền lợi này hoặc nếu được loại trừ theo luật. Việc hạn chế thực hiện dịch vụ (ví dụ: theo giao ước không cạnh tranh) được coi là thực hiện dịch vụ cho mục đích của quy tắc này.

Chu kỳ kế toán. Quý vị phải sử dụng cùng chu kỳ kế toán mà chủ lao động áp dụng để báo cáo quyền lợi phụ không phải tiền mặt và phải chịu thuế của mình. Chủ lao động có thể lựa chọn báo cáo quyền lợi phụ không phải tiền mặt và phải chịu thuế bằng cách sử dụng một trong các quy tắc sau.

- Quy tắc chung: quyền lợi được báo cáo cho tròn một năm theo niên lịch (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12).
- Quy tắc chu kỳ kế toán đặc biệt: quyền lợi được cung cấp trong 2 tháng cuối cùng của năm theo niên lịch (hoặc khoảng thời gian ngắn hơn) được coi là cung cấp trong năm theo niên lịch tiếp theo. Ví dụ, mỗi năm chủ lao động của quý vị báo cáo giá trị quyền lợi đã cung cấp trong 2 tháng cuối của năm trước và 10 tháng đầu của năm hiện tại.

Chủ lao động không bắt buộc phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán cho mỗi hình thức quyền lợi phụ, nhưng phải sử dụng cùng một chu kỳ kế toán cho tất cả nhân viên nhận một hình thức quyền lợi cụ thể.

Quý vị phải sử dụng cùng chu kỳ kế toán mà quý vị dùng để báo cáo quyền lợi để yêu cầu khấu trừ chi phí kinh doanh cho nhân viên (ví dụ: sử dụng xe hơi).

Mẫu W-2. Chủ lao động phải khai báo tất cả quyền lợi phụ chịu thuế vào ô 1 của Mẫu W-2 như tiền lương, tiền boa, và các khoản thù lao khác và, nếu có, vào ô 3 và 5 như tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare. Mặc dù không bắt buộc, chủ lao động có thể khai báo tổng giá trị quyền lợi phụ ở ô 14 (hoặc trên một tờ khai riêng). Tuy nhiên, nếu chủ lao động cung cấp cho quý vị phương tiện đi lại và tính 100% giá trị thuế hàng năm vào thu nhập của quý vị, chủ lao động phải báo cáo riêng giá trị này cho quý vị trong ô 14 (hoặc trên một tờ khai riêng).

Chương Trình Bảo Hiểm Tai Nạn hoặc Sức Khỏe

Trong hầu hết các trường hợp, giá trị chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe mà chủ lao động cung cấp cho quý vị không được tính vào thu nhập của quý vị. Quyền lợi mà quý vị nhận được từ chương trình có thể phải chịu thuế, nội dung này được trình bày ở phần sau trong mục [Quyền Lợi Ốm Đau và Thương Tật](#).

Để tìm hiểu thông tin về các khoản mục trong phần này, ngoài bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tham khảo Ấn Phẩm 969, Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe và Các Chương Trình Sức Khỏe Được Ưu Đãi Thuế Khác.

Bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Phần đóng góp của chủ lao động để cung cấp bảo hiểm cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn thường không được tính vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, phần đóng góp thông

qua tài khoản chi tiêu linh hoạt hoặc một cơ chế tương tự do chủ lao động cung cấp sẽ được tính vào thu nhập của quý vị. Số tiền này sẽ được báo cáo là tiền lương trong ô 1 của Mẫu W-2.

Phần đóng góp của quý vị vào chương trình sẽ được thảo luận trong Ấn Phẩm. 502, Chi Phí Y Tế và Nha Khoa.

Đóng góp cho Archer MSA. Phần đóng góp của chủ lao động cho Archer MSA của quý vị thường không được tính vào thu nhập của quý vị. Tổng số tiền đóng góp sẽ được báo cáo ở ô 12 của Mẫu W-2 với mã R. Quý vị phải khai báo số tiền này trên Mẫu 8853, Archer MSA và Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn. Nộp mẫu này kèm theo tờ khai thuế.

Tài khoản chi tiêu linh hoạt cho y tế (FSA y tế). Nếu chủ lao động của quý vị cung cấp FSA y tế đủ điều kiện là chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe, số tiền giảm lương và hoàn lại chi phí chăm sóc y tế của quý vị, trong hầu hết các trường hợp, không được tính vào thu nhập của quý vị.

Ghi chú. Có quy định về hạn mức đóng góp giảm lương đối với FSA y tế cho các năm chương trình bắt đầu sau năm 2012. Đối với các năm thuế bắt đầu từ 2022, hạn mức (được điều chỉnh theo lạm phát) đối với phần giảm lương tự nguyện của nhân viên để đóng góp vào FSA y tế là \$2.850.

Tài khoản hoàn lại y tế (Health Reimbursement Arrangement, HRA). Nếu chủ lao động của quý vị cung cấp HRA đủ điều kiện là chương trình bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe, tiền bảo hiểm và hoàn lại chi phí chăm sóc y tế của quý vị thường không được tính vào thu nhập của quý vị.

Tài khoản tiết kiệm dành cho sức khỏe (Health Savings Account, HSA). Nếu quý vị là cá nhân đủ điều kiện, quý vị và bất kỳ người nào khác, bao gồm chủ lao động hoặc một thành viên trong gia đình, có thể đóng góp vào HSA của quý vị. Các khoản đóng góp, ngoài phần đóng góp của chủ lao động, được khấu trừ trên tờ khai thuế của quý vị cho dù quý vị có khấu trừ từng khoản hay không. Phần đóng góp của chủ lao động không được tính vào thu nhập của quý vị. Tiền phân phối từ HSA được sử dụng để thanh toán các chi phí y tế đủ điều kiện sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị. Tiền phân phối không được sử dụng cho các chi phí y tế đủ điều kiện sẽ được tính vào thu nhập của quý vị. Xem Ấn Phẩm 969 để tìm hiểu yêu cầu của HSA.

Phần đóng góp của tổ chức hợp tác kinh doanh vào HSA của người góp vốn không phải là phần đóng góp của chủ lao động. Phần đóng góp này được coi như một khoản phân phối tiền và sẽ không được tính vào tổng thu nhập của người góp vốn. Phần đóng góp của tổ chức hợp tác kinh doanh vào HSA của người góp vốn cho các dịch vụ được cung cấp được coi là khoản thanh toán bảo đảm và sẽ được tính vào tổng thu nhập của người góp vốn. Trong cả hai trường hợp, người góp vốn có thể khấu trừ phần đóng góp vào HSA của người góp vốn.

Phần đóng góp của Công ty S vào HSA 2% của cổ đông-nhân viên cho các dịch vụ được cung cấp được coi là khoản thanh toán bảo đảm và sẽ được tính vào tổng thu nhập của cổ đông-nhân viên. Cổ đông-nhân viên có thể khấu trừ phần đóng góp vào HSA của cổ đông-nhân viên.

Phân phối quỹ HSA đủ điều kiện. Quý vị có thể thực hiện phân phối một lần từ tương mục hưu trí cá nhân (IRA) vào HSA và quý vị thường sẽ không phải tính số tiền phân phối này vào thu nhập của mình.

Hỗ Trợ Nhận Con Nuôi

Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập của mình số tiền hoặc chi phí mà chủ lao động đã chi trả cho chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện liên quan đến việc quý vị nhận nuôi một trẻ đủ tiêu chuẩn. Tham khảo Hướng Dẫn cho Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện, để tìm hiểu thêm thông tin.

Chủ lao động sẽ báo cáo quyền lợi do nhận con nuôi ở ô 12 của Mẫu W-2 với mã T. Quyền lợi này cũng được khai báo là tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare ở ô 3 và 5. Tuy nhiên, quyền lợi này không được khai báo là tiền lương ở ô 1. Để xác định số tiền chịu thuế và không chịu thuế, quý vị phải hoàn thành Phần III của Mẫu 8839. Nộp mẫu này kèm theo tờ khai thuế.

Quyền Lợi Cục Tiểu (Nhỏ Li Ti)

Nếu chủ lao động cung cấp cho quý vị một sản phẩm hoặc dịch vụ với giá trị quá nhỏ để hạch toán hợp lý, quý vị thường không phải tính giá trị của những sản phẩm hoặc dịch vụ này vào thu nhập của mình. Trong hầu hết các trường hợp, không tính vào thu nhập của quý vị giá trị chiết khấu tại nhà ăn của công ty, tiền taxi về nhà khi làm thêm giờ và các buổi dã ngoại của công ty.

Quà tặng ngày lễ. Nếu chủ lao động tặng cho quý vị gà tây, giảm bông hoặc các vật phẩm chỉ có giá trị danh nghĩa khác vào lễ Giáng Sinh hoặc những ngày lễ khác, không tính giá trị món quà vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, nếu chủ lao động tặng quý vị tiền mặt hoặc quà tặng tương đương tiền mặt, quý vị phải tính khoản tiền này vào thu nhập của mình.

Hỗ Trợ Giáo Dục

Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập của mình tối đa \$5.250 tiền hỗ trợ giáo dục đủ điều kiện do chủ lao động cung cấp. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 970, Quyền Lợi Thuế cho Giáo Dục.

Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn

Trong hầu hết các trường hợp, chi phí cho phạm vi bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn tối đa \$50.000 do chủ lao động (hoặc chủ lao động trước đây) cung cấp cho quý vị sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải tính vào thu nhập chi phí bảo hiểm do chủ lao động cung cấp cao hơn mức chi phí cho phạm vi bảo hiểm \$50.000 trừ đi số tiền quý vị trả để mua bảo hiểm.

Để tìm hiểu các trường hợp ngoại lệ, tham khảo [Loại trừ toàn bộ chi phí](#) và [Tính thuế toàn bộ chi phí](#) ở phần sau.

Nếu chủ lao động của quý vị cung cấp phạm vi bảo hiểm hơn \$50.000, số tiền tính vào thu nhập sẽ được báo cáo như một phần tiền lương của quý vị ở ô 1 của Mẫu W-2. Ngoài ra, số tiền này sẽ được khai báo riêng ở ô 12 với mã C.

Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn. Bảo hiểm này là bảo hiểm nhân thọ có kỳ hạn (bảo hiểm trong một khoảng thời gian cố định) và:

- Cung cấp quyền lợi bồi thường tử vong chung,
- Được cung cấp cho một nhóm nhân viên,
- Được cung cấp theo chính sách do chủ lao động thực hiện, và
- Cung cấp số tiền bảo hiểm cho mỗi nhân viên dựa trên một công thức gây cản trở đối với lựa chọn cá nhân.

Quyền lợi vĩnh viễn. Nếu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn của quý vị bao gồm các quyền lợi vĩnh viễn, ví dụ như giá trị đóng phí một lần hoặc giá trị giải ước, quý vị phải tính vào thu nhập của mình, dưới dạng tiền lương, chi phí các quyền lợi vĩnh viễn trừ đi số tiền quý vị phải trả để nhận những quyền lợi này. Chủ lao động có thể cho quý vị biết số tiền cần tính vào thu nhập của quý vị.

Tiền tử tuất do tai nạn. Bảo hiểm trả tiền tử tuất do tai nạn hoặc các quyền lợi bồi thường tử vong khác nhưng không cung cấp quyền lợi bồi thường tử vong chung (ví dụ: bảo hiểm du lịch) không phải là bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn.

Chủ lao động trước đây. Nếu chủ lao động trước đây của quý vị cung cấp hơn \$50.000 phạm vi bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn trong năm, số tiền tính vào thu nhập của quý vị được báo cáo là tiền lương ở ô 1 của Mẫu W-2. Ngoài ra, số tiền này thể hiện số tiền thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên phạm vi bảo hiểm vượt mức, với mã M và N. Quý vị phải trả các khoản thuế này cùng với tờ khai thuế thu nhập của mình. Khai báo các khoản này ở Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 13.

Hai chủ lao động hoặc nhiều hơn. Số tiền loại trừ cho bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do chủ lao động cung cấp không được vượt quá chi phí cho phạm vi bảo hiểm \$50.000, cho dù bảo hiểm được cung cấp bởi một chủ lao động hay nhiều chủ lao động. Nếu hai chủ lao động hoặc nhiều hơn cung cấp phạm vi bảo hiểm lớn hơn \$50.000, số tiền được báo cáo là tiền lương trên Mẫu W-2 sẽ không đúng. Quý vị phải tính toán số tiền để khai báo trong thu nhập của quý vị. Lấy số tiền quý vị tính ra trừ đi số tiền được báo cáo với mã C ở ô 12 của Mẫu W-2, cộng kết quả với số tiền lương được báo cáo ở ô 1, sau đó khai báo tổng số trên tờ khai thuế của quý vị.

Tính toán chi phí chịu thuế. Sử dụng [Bảng Tính 5-1](#) để tính số tiền cần báo cáo trong thu nhập của quý vị.

Bảng Tính 5-1. Tính Toán Chi Phí Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn Để Khai Báo Trong Thu Nhập

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị



1. Nhập tổng giá trị phạm vi bảo hiểm của quý vị từ (các) chủ lao động	1.	_____
2. Hạn mức loại trừ đối với bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do chủ lao động cung cấp	2.	50,000
3. Lấy dòng 1 trừ dòng 2	3.	_____
4. Chia dòng 3 cho \$1.000. Tính chẵn đến hàng chục	4.	_____
5. Chuyển đến Bảng 5-1 . Sử dụng tuổi của quý vị vào ngày cuối cùng của năm thuế, tìm nhóm tuổi ở cột bên trái và nhập chi phí từ cột bên phải tương ứng với nhóm tuổi của quý vị.	5.	_____
6. Nhân dòng 4 với dòng 5	6.	_____
7. Nhập số tháng bảo hiểm đầy đủ với chi phí này	7.	_____
8. Nhân dòng 6 với dòng 7	8.	_____
9. Nhập phí bảo hiểm quý vị đã trả mỗi tháng	9.	_____
10. Nhập số tháng quý vị đã trả phí bảo hiểm	10.	_____
11. Nhân dòng 9 với dòng 10	11.	_____
12. Lấy dòng 8 trừ đi dòng 11. Khai báo số tiền này vào thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lương	12.	_____

Bảng Tính 5-1. Tính Toán Chi Phí Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn Để Cộng Trong Thu Nhập-Minh Hoa

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị



1. Nhập tổng giá trị phạm vi bảo hiểm của quý vị từ (các) chủ lao động	1.	80,000
2. Hạn mức loại trừ đối với bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn do chủ lao động cung cấp	2.	50,000
3. Lấy dòng 1 trừ dòng 2	3.	30,000
4. Chia dòng 3 cho \$1.000. Tính chẵn đến hàng chục	4.	30,0
5. Chuyển đến Bảng 5-1 . Sử dụng tuổi của quý vị vào ngày cuối cùng của năm thuế, tìm nhóm tuổi ở cột bên trái và nhập chi phí từ cột bên phải tương ứng với nhóm tuổi của quý vị.	5.	0,23
6. Nhân dòng 4 với dòng 5	6.	6,90
7. Nhập số tháng bảo hiểm đầy đủ với chi phí này	7.	12
8. Nhân dòng 6 với dòng 7	8.	82,80
9. Nhập phí bảo hiểm quý vị đã trả mỗi tháng	9.	4,15
10. Nhập số tháng quý vị đã trả phí bảo hiểm	10.	12
11. Nhân dòng 9 với dòng 10	11.	49,80
12. Lấy dòng 8 trừ đi dòng 11. Khai báo số tiền này vào thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lương	12.	33,00

Bảng 5-1. Chi Phí \$1.000 Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn Trong 1 Tháng

Tuổi	Chi phí
Dưới 25	\$ 0,05
25 đến 29	0,06
30 đến 34	0,08
35 đến 39	0,09
40 đến 44	0,10
45 đến 49	0,15
50 đến 54	0,23
55 đến 59	0,43
60 đến 64	0,66
65 đến 69	1,27
70 trở lên	2,06

Ví dụ: Quý vị 51 tuổi và làm việc cho công ty A và B. Cả hai công ty này đều cung cấp bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn cho quý vị trong cả năm. Phạm vi bảo hiểm của quý vị là \$35.000 với công ty A và \$45.000 với công ty B. Quý vị trả phí bảo hiểm \$4,15 một tháng theo chương trình nhóm của công ty B. Quý vị tính số tiền cần khai báo trong thu nhập của mình như trình bày ở [Bảng Tính 5-1. Tính Toán Chi Phí Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn Để Cộng Trong Thu Nhập-Minh Hoa](#) dưới đây.

Loại trừ toàn bộ chi phí. Quý vị không phải chịu thuế đối với chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn nếu bất kỳ trường hợp nào dưới đây áp dụng.

- Quý vị bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn và đã nghỉ việc.
- Chủ lao động là người thụ hưởng hợp đồng cho toàn bộ thời gian bảo hiểm có hiệu lực trong năm thuế.
- Một tổ chức từ thiện (được định nghĩa ở Ấn Phẩm 526, Đóng Góp Từ Thiện) mà các khoản đóng góp cho tổ chức này được khấu trừ là người thụ hưởng duy nhất của hợp đồng bảo hiểm cho toàn bộ thời gian bảo hiểm có hiệu lực trong năm thuế. (Quý vị không được khấu trừ tiền đóng góp từ thiện khi chỉ định tổ chức từ thiện là người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm của quý vị.)
- Chương trình đã tồn tại vào ngày 1 tháng 1 năm 1984, và:
 - Quý vị đã nghỉ hưu trước ngày 2 tháng 1 năm 1984 và được bảo hiểm theo chương trình đó vào thời điểm quý vị nghỉ hưu, hoặc
 - Quý vị đủ 55 tuổi trước ngày 2 tháng 1 năm 1984 và được chủ lao động hoặc tổ chức tiền nhiệm của chủ lao động đó tuyển dụng trong năm 1983.

Tính thuế toàn bộ chi phí. Quý vị phải chịu thuế đối với toàn bộ chi phí bảo hiểm nhân thọ theo nhóm

có kỳ hạn nếu một trong các trường hợp dưới đây áp dụng.

- Bảo hiểm được cung cấp bởi chủ lao động thông qua quỹ tín thác của nhân viên đủ điều kiện, ví dụ như quỹ hưu trí hoặc chương trình niên kim đủ điều kiện.
- Quý vị là nhân viên chủ chốt và chương trình của chủ lao động ưu đãi cho những nhân viên chủ chốt.

Dịch Vụ Lập Kế Hoạch Hưu Trí

Nói chung, không khai báo giá trị các dịch vụ lập kế hoạch hưu trí đủ điều kiện được cung cấp cho quý vị và vợ/chồng quý vị bởi chương trình hưu trí đủ tiêu chuẩn của chủ lao động. Các dịch vụ đủ điều kiện bao gồm tư vấn lập kế hoạch hưu trí, thông tin về chương trình hưu trí của chủ lao động và thông tin cho biết chương trình này có thể phối hợp với chương trình thu nhập hưu trí cá nhân tổng thể của quý vị như thế nào. Quý vị không thể loại trừ giá trị dịch vụ hỗ trợ khai thuế, kế toán, pháp lý hoặc môi giới do chủ lao động cung cấp.

Vận chuyển

Nếu chủ lao động cung cấp cho quý vị quyền lợi phụ về vận chuyển đủ điều kiện, quý vị có thể loại trừ quyền lợi này khỏi thu nhập của mình, với hạn mức nhất định. Quyền lợi phụ về vận chuyển đủ điều kiện là:

- Vận chuyển bằng phương tiện giao thông trên đường cao tốc (ví dụ như xe van) giữa nhà ở và nơi làm việc của quý vị,
- Vé phương tiện giao thông, hoặc
- Bãi đỗ xe đủ tiêu chuẩn.

Số tiền mặt mà chủ lao động hoàn lại cho những chi phí này theo thỏa thuận hoàn lại cũng được loại trừ. Tuy nhiên, tiền hoàn lại cho vé phương tiện giao thông chỉ được loại trừ nếu phiếu mua hàng hoặc vật phẩm tương tự chỉ có thể dùng để đổi lấy vé phương tiện giao thông không có sẵn để phân phát trực tiếp cho quý vị.

Hạn mức loại trừ. Mức loại trừ đối với quyền lợi phụ về phương tiện đi lại và vé phương tiện giao thông không được nhiều hơn \$280 một tháng.

Mức loại trừ đối với quyền lợi phụ về bãi đỗ xe đủ tiêu chuẩn không được nhiều hơn \$280 một tháng.

Nếu quyền lợi có giá trị cao hơn các hạn mức này, phần vượt quá phải được tính vào thu nhập của quý vị.

Phương tiện giao thông đường cao tốc. Đây là phương tiện giao thông trên đường cao tốc có ít nhất sáu chỗ cho người lớn (không bao gồm lái xe). Tối thiểu 80% quãng đường di chuyển của chiếc xe là:

- Để đưa đón nhân viên từ nhà đến nơi làm việc và ngược lại, và
- cho các chuyến đi mà nhân viên chiếm ít nhất một nửa số chỗ ngồi của người lớn trên xe (không bao gồm lái xe).

Vé phương tiện giao thông. Bao gồm vé, mã thông báo, thẻ, phiếu mua hàng hoặc vật phẩm tương tự cho phép một người sử dụng phương tiện giao thông đại chúng (bao gồm phương tiện công cộng và tư nhân) miễn phí hoặc với giá được giảm hoặc sử dụng phương tiện giao thông đường cao tốc do một người kinh doanh vận tải điều khiển được cung cấp như một khoản thù lao.

Bãi đỗ xe tiêu chuẩn. Bao gồm bãi đỗ xe được cung cấp cho nhân viên tại hoặc gần địa điểm kinh doanh của chủ lao động. Còn bao gồm bãi đỗ xe được cung cấp tại hoặc gần địa điểm mà từ đó nhân viên đi tới nơi làm việc bằng phương tiện giao thông đại chúng, phương tiện giao thông đường cao tốc hoặc đi chung xe. Không bao gồm bãi đỗ xe tại hoặc gần nhà của nhân viên.

Đóng Góp Chương Trình Hưu Trí

Phần đóng góp của chủ lao động vào chương trình hưu trí đủ điều kiện cho quý vị không được tính vào thu nhập tại thời điểm đóng góp. (Chủ lao động có thể cho quý vị biết chương trình hưu trí của quý vị có đủ điều kiện hay không.) Tuy nhiên, chi phí bảo hiểm nhân thọ kèm theo chương trình sẽ có thể phải tính vào thu nhập. Tham khảo [Bảo Hiểm Nhân Thọ Theo Nhóm Có Kỳ Hạn](#) ở phần trên, trong mục [Quyền Lợi Phụ](#).

Nếu chủ lao động đóng góp vào một chương trình không đủ điều kiện cho quý vị, quý vị phải khai báo phần đóng góp này trong thu nhập của mình như tiền lương cho năm thuế mà các khoản đóng góp được thực hiện. Tuy nhiên, nếu quyền lợi của quý vị theo chương trình không thể chuyển nhượng hoặc có nguy cơ cao bị tịch thu (quý vị có khả năng mất quyền lợi này) tại thời điểm đóng góp, quý vị không phải khai báo giá trị quyền lợi trong thu nhập của mình cho đến khi quyền lợi này có thể chuyển nhượng hoặc không còn chịu nguy cơ cao bị tịch thu.



Để tìm hiểu thông tin về tiền phân phối từ các chương trình hưu trí, tham khảo [Ấn Phẩm 575, Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim \(hoặc Ấn Phẩm 721, Hướng Dẫn Về Thuế Đối Với Quyền Lợi Hưu Trí của Dịch Vụ Dân Sự Hoa Kỳ, nếu quý vị là nhân viên liên bang hoặc nhân viên liên bang đã về hưu\)](#).

Hoãn thuế tự chọn. Nếu quý vị được bao trả bởi một số chương trình hưu trí nhất định, quý vị có thể lựa chọn để chủ lao động đóng góp một phần thù lao của quý vị vào quỹ hưu trí, thay vì trả cho quý vị. Số tiền quý vị dành ra (được gọi là “hoãn thuế tự chọn”) được coi là phần đóng góp của chủ lao động cho một chương trình đủ điều kiện. Hoãn thuế tự chọn, ngoại trừ khoản đóng góp Roth được chỉ định (sẽ thảo luận ở phần sau), không được tính vào tiền lương chịu thuế thu nhập tại thời điểm đóng góp. Thay vào đó, khoản này sẽ chịu thuế thu nhập khi được phân bổ từ chương trình. Tuy nhiên, tiền hoãn thuế tự chọn sẽ được tính vào tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare tại thời điểm đóng góp.

Hoãn thuế tự chọn bao gồm đóng góp tự chọn vào các chương trình hưu trí sau.

1. Hợp đồng tiền mặt hoặc thu nhập hoãn thuế (chương trình 401(k)).
2. Chương Trình Tiết Kiệm Để Dành cho nhân viên liên bang.
3. Chương trình hưu trí đơn giản hóa trích từ lương cho nhân viên (Salary Reduction Simplified Employee Pension Plan, SARSEP).
4. Chương trình ưu đãi tiết kiệm đối ứng cho nhân viên (chương trình Savings Incentive Match Plans for Employees, SIMPLE).
5. Chương trình niên kim tránh thuế (các chương trình theo mục 403(b)).

6. Các chương trình theo mục 501(c)(18)(D).

7. Các chương trình theo mục 457.

Hợp đồng đóng góp tự động đủ điều kiện.

Đối với hợp đồng đóng góp tự động đủ điều kiện, chủ lao động có thể coi như quý vị đã lựa chọn đóng góp một phần thù lao của quý vị vào một chương trình theo mục 401(k). Quý vị sẽ nhận được thông báo bằng văn bản về quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đóng góp tự động đủ điều kiện. Thông báo phải giải thích:

- Quyền lựa chọn không thực hiện đóng góp tự chọn hoặc thực hiện đóng góp với tỷ lệ khác; và
- Các khoản đóng góp sẽ được đầu tư như thế nào khi quý vị không đưa ra quyết định đầu tư.

Quý vị phải được cho một khoảng thời gian hợp lý sau khi nhận được thông báo và trước khi khoản đóng góp tự chọn đầu tiên được thực hiện để lựa chọn hình thức đóng góp.

Hạn mức hoãn thuế chung. Cho năm 2022, trong hầu hết các trường hợp, quý vị được phép hoãn thuế cho tối đa \$20.500 tiền đóng góp vào các chương trình được liệt kê ở mục (1) đến (3) và (5) trên đây. Hạn mức đối với các chương trình SIMPLE là \$14.000. Hạn mức cho các chương trình theo mục 501(c)(18)(D) là mức thấp hơn giữa \$7.000 và 25% số tiền đóng góp của quý vị. Hạn mức cho các chương trình theo mục 457 là mức thấp hơn giữa số tiền thù lao phải tính vào và \$20.500. Số tiền hoãn thuế theo hạn mức của chương trình cụ thể là một phần của hạn mức hoãn thuế chung.

Đóng góp Roth được chỉ định. Chủ lao động với các chương trình theo mục 401(k) và 403(b) có thể xây dựng chương trình đóng góp Roth đủ điều kiện để quý vị có thể lựa chọn chỉ định một phần hoặc toàn bộ tiền hoãn thuế tự chọn vào chương trình của quý vị là khoản đóng góp Roth sau thuế. Đóng góp Roth được chỉ định được coi như các khoản hoãn thuế tự chọn, ngoại trừ việc khoản đóng góp này sẽ được tính vào thu nhập tại thời điểm đóng góp.

Hoãn thuế vượt mức. Chủ lao động hoặc người quản trị chương trình của quý vị có thể áp dụng hạn mức năm thích hợp khi xác định mức đóng góp vào chương trình của quý vị. Tuy nhiên, quý vị có trách nhiệm theo dõi tổng số tiền hoãn thuế để đảm bảo rằng số tiền này không vượt quá hạn mức chung.

Nếu quý vị dành ra nhiều hơn hạn mức, phần vượt quá thường sẽ được tính vào thu nhập của quý vị cho năm đó, trừ khi quý vị có khoản hoãn thuế vượt quá là đóng góp Roth được chỉ định. Xem [Ấn Phẩm 525](#) thảo luận về việc xử lý thuế đối với hoãn thuế vượt mức.

Đóng góp đuổi theo. Quý vị có thể được phép đóng góp đuổi theo (hoãn thuế tự chọn bổ sung) nếu quý vị từ 50 tuổi trở lên tại thời điểm cuối năm thuế.

Quyền Chọn Cổ Phiếu

Nếu quý vị nhận được quyền chọn mua/bán cổ phiếu hoặc tài sản khác không theo luật định để thanh toán cho dịch vụ của quý vị, quý vị thường sẽ có thu nhập khi nhận được quyền chọn, khi quý vị thực hiện quyền chọn (sử dụng quyền chọn để mua/bán cổ phiếu hoặc tài sản khác), hoặc khi quý vị bán hoặc thanh lý quyền chọn. Tuy nhiên, nếu quyền chọn của quý vị là quyền chọn cổ phiếu luật định, quý vị sẽ không có thu nhập cho đến khi quý vị bán

hoặc giao dịch cổ phiếu của mình. Chủ lao động có thể cho quý vị biết quyền chọn của quý vị là loại nào. Để biết thêm thông tin, xem [Ấn Phẩm 525](#).

Tài Sản Bị Hạn Chế

Trong hầu hết các trường hợp, nếu quý vị nhận tài sản cho các dịch vụ của mình, quý vị phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của tài sản vào thu nhập trong năm quý vị nhận được tài sản này. Tuy nhiên, nếu quý vị nhận được cổ phiếu hoặc tài sản khác có những hạn chế nhất định ảnh hưởng đến giá trị, quý vị không phải khai báo giá trị của tài sản vào thu nhập cho đến khi tài sản thuộc quyền sở hữu của quý vị. (Mặc dù quý vị có thể lựa chọn tính giá trị của tài sản vào thu nhập của mình trong năm tài sản được chuyển cho quý vị.) Để biết thêm thông tin, tham khảo mục [Tài Sản Bị Hạn Chế](#) trong [Ấn Phẩm 525](#).

Cổ tức nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế. Cổ tức mà quý vị nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế được coi là thù lao chứ không phải là thu nhập cổ tức. Chủ lao động phải khai báo khoản thanh toán này trên Mẫu W-2 của quý vị.

Cổ phiếu mà quý vị lựa chọn tính vào thu nhập. Cổ tức quý vị nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế mà quý vị đã chọn tính vào thu nhập của mình trong năm nhận chuyển nhượng được coi như bất kỳ khoản cổ tức nào khác. Hãy báo cáo khoản này như cổ tức trên tờ khai thuế của quý vị. Để tìm hiểu nội dung thảo luận về cổ tức, tham khảo [Ấn Phẩm 550, Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư](#).

Để tìm hiểu thông tin về cách xử lý cổ tức được báo cáo trên Mẫu W-2 và Mẫu 1099-DIV của quý vị, xem [Cổ tức nhận được trên cổ phiếu bị hạn chế](#) trong [Ấn Phẩm 525](#).

Quy Tắc Đặc Biệt Đối Với Một Số Nhân Viên

Phần này trình bày các quy tắc đặc biệt đối với một số loại hình việc làm nhất định: thành viên của giới tăng lữ, thành viên của các dòng tu, người làm việc cho chủ lao động nước ngoài, quân nhân và tình nguyện viên.

Giáo sĩ

Thông thường, nếu quý vị là thành viên giới tăng lữ, quý vị phải tính vào thu nhập của mình tiền cúng dường và lệ phí cử hành đám cưới, lễ rửa tội, đám tang, thánh lễ, v.v. ngoài tiền lương của quý vị. Nếu tiền cúng dường được gửi cho tổ chức tôn giáo, quý vị sẽ không phải chịu thuế.

Nếu quý vị là thành viên của một tổ chức tôn giáo và quý vị đóng góp các khoản thu nhập từ bên ngoài của mình cho tổ chức tôn giáo, quý vị vẫn phải khai báo những khoản thu nhập này vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, quý vị có thể được hưởng khấu trừ đóng góp từ thiện cho số tiền đã đóng góp cho tổ chức. Tham khảo [Ấn Phẩm 526](#).

Hưu bổng. Hưu bổng hoặc tiền hưu trí trả cho thành viên của giới tăng lữ thường được đối xử như bất kỳ khoản hưu bổng hoặc niên kim nào khác. Khoản tiền này phải được khai báo ở dòng 5a và 5b trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nhà ở. Quy tắc đặc biệt về nhà ở áp dụng cho các thành viên của giới tăng lữ. Theo các quy tắc này,

Quý vị sẽ không tính vào thu nhập của mình giá trị cho thuê nhà (bao gồm chi phí dịch vụ tiện ích) hoặc tiền trợ cấp thuê nhà chỉ định được cung cấp như một phần tiền lương của quý vị. Tuy nhiên, mức loại trừ không thể nhiều hơn mức chi trả hợp lý cho các dịch vụ của quý vị. Nếu quý vị thanh toán chi phí dịch vụ tiện ích, quý vị có thể loại trừ khoản trợ cấp được chỉ định cho chi phí dịch vụ tiện ích, lên tới mức chi phí thực tế của quý vị. Nhà ở và trợ cấp phải được cung cấp như tiền thù lao cho dịch vụ của quý vị với tư cách là mục sư đã được tấn phong, cấp phép và ủy nhiệm. Tuy nhiên, quý vị phải khai báo giá trị cho thuê của căn nhà hoặc tiền trợ cấp thuê nhà là thu nhập tự doanh trên Bảng SE (Mẫu 1040) nếu quý vị phải chịu thuế tự doanh. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 517, An Sinh Xã Hội và Những Thông Tin Khác cho Thành Viên Giới Tăng Lữ và Người Làm Việc Liên Quan Đến Tôn Giáo.

Thành Viên của Các Dòng Tu

Nếu quý vị là thành viên của một dòng tu đã tuyên thệ sống trong nghèo khó, cách quý vị xử lý thu nhập mà quý vị từ bỏ và chuyển cho dòng tu phụ thuộc vào việc các dịch vụ của quý vị có được thực hiện cho dòng tu hay không.

Dịch vụ thực hiện cho dòng tu. Nếu quý vị thực hiện các dịch vụ với tư cách là người đại diện của dòng tu khi thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu của dòng tu, không khai báo vào thu nhập của quý vị số tiền đã chuyển cho dòng tu.

Nếu dòng tu chỉ thị quý vị thực hiện dịch vụ cho một cơ quan khác của nhà thờ giám sát hoặc tổ chức liên kết, quý vị được coi là đang thực hiện các dịch vụ với tư cách là người đại diện của dòng tu. Tiền công quý vị kiếm được với tư cách người đại diện của dòng tu mà quý vị chuyển lại cho dòng tu sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị.

Ví dụ: Quý vị là thành viên của dòng tu và đã tuyên thệ sống trong nghèo khó. Quý vị từ bỏ quyền lợi đối với thu nhập của mình và chuyển cho dòng tu tất cả tiền lương và tiền công mà quý vị kiếm được. Quý vị là một y tá đã đăng ký, vì vậy dòng tu đã phân công quý vị làm việc tại bệnh viện, một tổ chức liên kết của nhà thờ. Tuy nhiên, quý vị vẫn chịu sự chỉ đạo và kiểm soát chung của dòng tu. Quý vị được coi là người đại diện của dòng tu và tiền lương quý vị kiếm được tại bệnh viện mà quý vị chuyển lại cho dòng tu sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị.

Dịch vụ thực hiện bên ngoài dòng tu. Nếu quý vị được chỉ thị làm việc bên ngoài dòng tu, dịch vụ của quý vị không phải là thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của dòng tu trừ khi những dịch vụ này đáp ứng cả hai yêu cầu dưới đây.

- Dịch vụ này thường là nhiệm vụ của các thành viên trong dòng tu.
- Dịch vụ này là một phần nhiệm vụ mà quý vị phải thực hiện cho hoặc thay mặt dòng tu với tư cách là người đại diện.

Nếu quý vị là nhân viên của bên thứ ba, dịch vụ mà quý vị thực hiện cho bên thứ ba sẽ không được coi là theo chỉ đạo hoặc yêu cầu của dòng tu. Số tiền quý vị nhận được cho những dịch vụ này được tính vào thu nhập của quý vị, kể cả khi quý vị đã tuyên thệ sống trong nghèo khó.

Ví dụ: Mark Brown là thành viên của một dòng tu và đã tuyên thệ sống trong nghèo khó. Anh từ bỏ

toàn bộ quyền lợi đối với thu nhập của mình và chuyển thu nhập cho dòng tu.

Mark là giáo viên. Anh được cấp trên trong dòng tu chỉ thị xin việc tại một trường tu thực miễn thuế. Mark trở thành nhân viên của trường và theo yêu cầu của anh, trường trả tiền lương trực tiếp cho dòng tu.

Vì Mark là nhân viên của trường, anh thực hiện dịch vụ cho trường thay vì với tư cách là người đại diện của dòng tu. Tiền lương Mark nhận được khi làm việc cho trường sẽ được tính vào thu nhập của anh.

Chủ Lao Động Nước Ngoài

Các quy tắc đặc biệt sẽ áp dụng nếu quý vị làm việc cho một chủ lao động nước ngoài.

Công dân Hoa Kỳ. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ làm việc tại Hoa Kỳ cho chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, đại sứ quán nước ngoài hoặc bất kỳ chủ lao động nước ngoài nào, quý vị phải khai báo tiền lương vào thu nhập của mình.

Thuế an sinh xã hội và Medicare. Quý vị được miễn thuế an sinh xã hội và Medicare nếu quý vị được tuyển dụng tại Hoa Kỳ bởi một tổ chức quốc tế hoặc chính phủ nước ngoài. Tuy nhiên, quý vị phải nộp thuế tự kinh doanh trên thu nhập từ các dịch vụ thực hiện tại Hoa Kỳ, cho dù quý vị không phải là người tự kinh doanh. Quy tắc này cũng áp dụng nếu quý vị là nhân viên của một cơ quan thuộc sở hữu hoàn toàn của chính phủ nước ngoài đủ điều kiện.

Nhân viên của các tổ chức quốc tế hoặc chính phủ nước ngoài. Thù lao mà quý vị nhận được khi làm việc chính thức cho tổ chức quốc tế được miễn thuế thu nhập liên bang nếu quý vị không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc quý vị là công dân Philippines (cho dù quý vị có phải là công dân Hoa Kỳ hay không).

Thù lao mà quý vị nhận được khi làm việc chính thức cho chính phủ nước ngoài được miễn thuế thu nhập liên bang nếu tất cả điều kiện sau đều đúng.

- Quý vị không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc quý vị là công dân Philippines (cho dù quý vị có phải là công dân Hoa Kỳ hay không).
- Công việc của quý vị giống như công việc của nhân viên Hoa Kỳ ở nước ngoài.
- Chính phủ nước ngoài cung cấp quyền lợi miễn thuế ngang bằng cho nhân viên của Hoa Kỳ tại quốc gia của mình.

Từ bỏ tình trạng người nước ngoài. Nếu quý vị là người nước ngoài làm việc cho chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế và quý vị nộp đơn từ bỏ theo mục 247(b) của Đạo Luật Nhập Cư và Quốc Tịch để giữ tình trạng nhập cư của mình, các quy tắc khác có thể áp dụng. Tham khảo mục *Foreign Employer (Chủ Lao Động Nước Ngoài)* trong Ấn Phẩm 525.

Việc làm ở nước ngoài. Để tìm hiểu thông tin về xử lý thuế đối với thu nhập kiếm được ở nước ngoài, tham khảo Ấn Phẩm 54.

Quân đội

Các khoản thanh toán mà quý vị nhận khi tham gia nghĩa vụ quân sự thường phải chịu thuế như tiền lương, ngoại trừ tiền hưu trí, phải chịu thuế như một khoản hưu bổng. Phụ cấp thường không phải chịu thuế. Để tìm hiểu thông tin về xử lý thuế đối với phụ

cấp và trợ cấp quân sự, tham khảo Ấn Phẩm 3, Hướng Dẫn Thuế cho Lực Lượng Vũ Trang.

Thanh toán tiền lương chênh lệch. Khoản tiền mà chủ lao động trả cho quý vị trong thời gian quý vị phục vụ trong lực lượng đồng phục liên bang được coi là thù lao. Khoản tiền lương này phải chịu khấu trừ thuế thu nhập và được báo cáo trên Mẫu W-2. Tham khảo nội dung thảo luận trong mục [Thu Lao Hồn Hạp](#) ở phần trước.

Tiền hưu trí quân đội. Nếu tiền hưu trí của quý vị dựa trên tuổi tác hoặc thời gian công tác, khoản tiền đó phải chịu thuế và sẽ được tính vào thu nhập của quý vị như một khoản hưu bổng ở dòng 5a và 5b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Không tính vào thu nhập của quý vị tiền hưu trí hoặc tiền lương trả trước để cung cấp niên kim cho vợ/chồng hoặc con của quý vị theo Chương Trình Bảo Vệ Gia Đình của Quân Nhân Đã Nghỉ Hưu hoặc Chương Trình Phúc lợi cho Người Còn Sống.

Để tìm hiểu nội dung thảo luận về niên kim cho người còn sống, tham khảo Ấn Phẩm 575, Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim.

Thương tật. Nếu quý vị nghỉ hưu do thương tật, tham khảo [Hưu Bổng Thương Tật của Chính Phủ và Quân Đội](#) trong mục [Quyền Lợi Ốm Đau và Thương Tật](#), ở phần sau.

Quyền lợi cho cựu chiến binh. Không tính vào thu nhập của quý vị quyền lợi cho cựu chiến binh trả theo luật, quy định hoặc thông lệ hành chính do Bộ Cựu Chiến Binh (VA) quản lý. Các khoản tiền sau đây trả cho cựu chiến binh hoặc gia đình của họ không phải chịu thuế.

- Phụ cấp giáo dục, đào tạo và sinh hoạt phí.
- Bồi thường thương tật và lương hưu cho thương binh được trả cho cựu chiến binh hoặc gia đình của họ.
- Trợ cấp nhà ở được thiết kế cho người sử dụng xe lăn.
- Trợ cấp phương tiện cơ giới cho cựu chiến binh bị mất thị lực hoặc khả năng sử dụng các chi.
- Tiền bảo hiểm của cựu chiến binh và cổ tức được trả cho cựu chiến binh hoặc người thụ hưởng, bao gồm tiền thu được từ hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp của cựu chiến binh được trả trước khi qua đời.
- Tiền lãi từ cổ tức bảo hiểm mà quý vị có thể ký gửi với VA.
- Quyền lợi theo chương trình chăm sóc người phụ thuộc.
- Tiền từ chối trả cho thân nhân còn sống của thành viên Lực Lượng Vũ Trang mất sau ngày 10 tháng 9 năm 2001.
- Các khoản thanh toán theo chương trình làm việc kết hợp trị liệu được trả lương.
- Tiền thưởng của tiểu bang hoặc phân khu chính trị cho việc phục vụ trong khu vực chiến sự.

Tình nguyện viên

Quy tắc xử lý thuế đối với số tiền mà quý vị nhận được khi làm tình nguyện viên tình nguyện cho Đoàn Hòa Bình hoặc một cơ quan tương tự được đề cập trong nội dung thảo luận dưới đây.

Đoàn Hòa Bình Phụ cấp sinh hoạt mà quý vị nhận được khi làm tình nguyện viên hoặc lãnh đạo tình

nguyên cho Đoàn Hòa Bình để trang trải chi phí nhà ở, dịch vụ tiện ích, đồ dùng gia đình, thực phẩm và quần áo thường được miễn thuế.

Phụ cấp chịu thuế. Tuy nhiên, các khoản phụ cấp sau đây phải được tính vào thu nhập của quý vị và sẽ được báo cáo như tiền lương.

- Phụ cấp trả cho vợ/chồng và con nhỏ ở tuổi vị thành niên của quý vị khi quý vị là lãnh đạo tình nguyện tham gia huấn luyện ở Hoa Kỳ.
- Phụ cấp sinh hoạt mà Giám đốc Đoàn Hòa Bình chỉ định là thù lao cơ bản. Đây là các khoản phụ cấp cho chi phí cá nhân như giúp việc, giặt là và bảo dưỡng quần áo, vui chơi, giải trí, đi lại, và các chi phí linh tinh khác.
- Phụ cấp nghỉ phép.
- Trợ cấp tái hòa nhập hoặc thanh toán nghỉ việc. Quý vị được coi là đã nhận các khoản phụ cấp này khi tiền phụ cấp được ghi có vào tài khoản của quý vị.

Ví dụ: Gary Carpenter, một tình nguyện viên của Đoàn Hòa Bình, nhận được \$175 mỗi tháng tiền trợ cấp tái hòa nhập trong thời gian phục vụ của anh, sẽ được trả một lần khi kết thúc thời gian phục vụ. Mặc dù Gary không thể sử dụng tiền trợ cấp cho đến khi kết thúc thời gian làm nhiệm vụ, anh phải khai báo số tiền này vào thu nhập hàng tháng khi tài khoản của anh được ghi có.

Tình Nguyện Viên Phục Vụ Mỹ (VISTA). Nếu quý vị là tình nguyện viên VISTA, quý vị phải khai báo các khoản phụ cấp ăn ở được trả cho quý vị như tiền lương.

Các chương trình của Đoàn Phục Vụ Người Cao Niên Quốc Gia. Không tính vào thu nhập số tiền quý vị nhận được cho các dịch vụ hỗ trợ hoặc tiền hoàn lại cho các chi phí tự chi trả từ các chương trình sau.

- Chương Trình Tình Nguyện Viên Cao Niên Đã Nghỉ Hưu (RSVP).
- Chương Trình Ông Bà Nuôi.
- Chương Trình Đồng Hành Với Người Cao Niên.

Đoàn Phục Vụ của Các Lãnh Đạo Đã Nghỉ Hưu (SCORE). Nếu quý vị nhận được tiền thanh toán cho các dịch vụ hỗ trợ hoặc tiền hoàn lại cho các chi phí tự chi trả từ SCORE, không khai báo số tiền này vào tổng thu nhập.

Tình nguyện tư vấn thuế. Không tính vào thu nhập của quý vị số tiền hoàn lại mà quý vị nhận được cho chi phí đi lại, ăn uống và các chi phí khác phát sinh trong quá trình quý vị tiếp nhận đào tạo hoặc cung cấp dịch vụ tư vấn thuế thu nhập liên bang cho người cao niên (TCE).

Quý vị có thể khấu trừ như một khoản đóng góp từ thiện đối với các chi phí tự chi trả chưa được hoàn lại của mình khi tham gia chương trình tình nguyện hỗ trợ thuế thu nhập (VITA). Tham khảo Ấn Phẩm 526.

Nhân viên cứu hỏa tình nguyện và nhân viên ứng cứu y tế khẩn cấp. Nếu quý vị là lính cứu hỏa tình nguyện hoặc nhân viên ứng cứu y tế khẩn cấp, đừng tính vào thu nhập của quý vị những phúc lợi sau đây mà quý vị nhận được từ chính quyền tiểu bang hoặc địa phương.

- Các khoản hoàn trả hoặc giảm thuế tài sản hoặc thuế thu nhập mà quý vị nhận được do các dịch vụ mà quý vị đã thực hiện với tư cách

là lính cứu hỏa tình nguyện hoặc nhân viên cấp cứu y tế.

- Các khoản thanh toán quý vị nhận được nhờ các dịch vụ quý vị đã thực hiện với tư cách là lính cứu hỏa tình nguyện hoặc nhân viên ứng cứu y tế khẩn cấp, lên đến \$50 cho mỗi tháng mà quý vị cung cấp dịch vụ.

Phần thu nhập bị loại trừ làm giảm tất cả các khoản khấu trừ thuế hoặc đóng góp liên quan.

Quyền Lợi Ốm Đau và Thương Tật

Phần này thảo luận về quyền lợi ốm đau và thương tật, bao gồm hưu bổng thương tật, hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tiền bồi thường cho nhân viên và các phúc lợi khác.

Trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải báo cáo vào thu nhập số tiền mà quý vị nhận được do bệnh tật và thương tật cả nhân thông qua chương trình bảo hiểm sức khỏe hoặc tai nạn do chủ lao động chi trả. Nếu quý vị và chủ lao động cùng chi trả cho chương trình, chỉ số tiền mà quý vị nhận được tương ứng với phần thanh toán của chủ lao động sẽ được báo cáo là thu nhập. Tuy nhiên, một số khoản thanh toán có thể không phải chịu thuế đối với quý vị. Để tìm hiểu thông tin về các khoản thanh toán không chịu thuế, tham khảo mục [Hưu Bổng Thương Tật của Chính Phủ và Quân Đội](#) và [Trợ Cấp Ốm Đau và Thương Tật Khác](#), ở phần sau.

TIP Không báo cáo vào thu nhập số tiền hoàn lại các chi phí y tế phát sinh của quý vị sau khi chương trình được thiết lập.

Chi phí do quý vị thanh toán. Nếu quý vị thanh toán toàn bộ chi phí của chương trình bảo hiểm sức khỏe hoặc tai nạn, không tính số tiền quý vị nhận được từ chương trình cho bệnh tật và thương tật cá nhân vào thu nhập trên tờ khai thuế của quý vị. Nếu chương trình hoàn lại cho quý vị những chi phí y tế mà quý vị đã khấu trừ trong một năm trước đó, quý vị có thể phải khai báo một phần hoặc toàn bộ số tiền hoàn lại vào thu nhập của mình. Tham khảo phần [What if You Receive Insurance Reimbursement in a Later Year? \(Sẽ Thế Nào Nếu Quý Vị Nhận Được Khoản Hoàn Lại của Bảo Hiểm Năm Sau?\)](#) trong Ấn Phẩm 502, Chi Phí Y Tế và Nha Khoa.

Chương trình tự chọn. Trong hầu hết các trường hợp, nếu quý vị được bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe thông qua chương trình tự chọn và phí bảo hiểm không được tính vào thu nhập của quý vị, quý vị không được coi là đã trả phí bảo hiểm và quý vị phải khai báo bất kỳ quyền lợi nào nhận được vào thu nhập của mình. Nếu phí bảo hiểm được tính vào thu nhập của quý vị, quý vị được coi là đã trả phí bảo hiểm và bất kỳ quyền lợi nào mà quý vị nhận được đều không phải chịu thuế.

Hưu Bổng Thương Tật

Nếu quý vị nghỉ hưu do thương tật, quý vị phải khai báo trong thu nhập bất kỳ khoản trợ cấp thương tật nào mà quý vị nhận được theo chương trình do chủ lao động chi trả. Quý vị phải báo cáo các khoản trợ cấp thương tật chịu thuế của mình như tiền lương ở dòng 1a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR cho đến khi quý vị đến tuổi nghỉ hưu tối thiểu. Tuổi nghỉ hưu tối thiểu là tuổi mà quý vị có thể nhận hưu bổng hoặc niên kim lần đầu tiên nếu quý vị không bị tàn tật.

TIP Quý vị có thể được nhận tín thuế nếu quý vị bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn khi quý vị nghỉ hưu. Để tìm hiểu thông tin về khoản tín thuế này và định nghĩa về thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, xem Ấn Phẩm 524, Tín Thuế cho Người Già hoặc Người Khuyết Tật.

Bắt đầu từ ngày sau khi quý vị đến tuổi nghỉ hưu tối thiểu, các khoản thanh toán quý vị nhận được sẽ phải chịu thuế như hưu bổng hoặc niên kim. Khai báo khoản tiền này ở dòng 5a và 5b trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Các quy tắc báo cáo hưu bổng được giải thích trong mục Disability Pensions (Hưu Bổng Khuyết Tật) trong Ấn Phẩm 575.

Để tìm hiểu thông tin về các khoản trợ cấp thương tật từ chương trình của chính phủ được cung cấp để thay thế cho bởi thường thất nghiệp, tham khảo [Quyền Lợi Thất Nghiệp](#) trong chương 8.

Chương trình hưu trí và chia sẻ lợi nhuận. Nếu quý vị nhận được tiền thanh toán từ chương trình hưu trí hoặc chương trình chia sẻ lợi nhuận không cung cấp tiền hưu trí cho thương tật, không coi các khoản thanh toán này là hưu bổng thương tật. Khoản thanh toán này phải được báo cáo là hưu bổng hoặc niên kim. Để tìm hiểu thêm thông tin về hưu bổng, xem Ấn Phẩm 575.

Tiền lương nghỉ phép tích lũy. Nếu quý vị nghỉ hưu do thương tật, khoản thanh toán một lần mà quý vị nhận được cho tiền lương nghỉ phép tích lũy được coi là tiền lương. Số tiền này không phải là trợ cấp thương tật. Khai báo số tiền này vào thu nhập trong năm thuế mà quý vị nhận được.

Hưu Bổng Thương Tật của Chính Phủ và Quân Đội

Một số khoản hưu bổng thương tật của chính phủ và quân đội không phải chịu thuế.

Thương tật gắn với quá trình phục vụ. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập số tiền mà quý vị nhận được dưới hình thức hưu bổng, niên kim hoặc trợ cấp tương tự cho thương tật và bệnh tật cá nhân do làm nhiệm vụ tại một trong các lực lượng trước của chính phủ.

- Các lực lượng vũ trang của bất kỳ quốc gia nào.
- Cục Quản Lý Khí Quyển và Đại Dương Quốc Gia.
- Dịch Vụ Y Tế Công Cộng.
- Dịch Vụ Ngoại Giao.

Điều kiện để loại trừ. Không tính trợ cấp thương tật vào thu nhập của quý vị nếu bất kỳ điều kiện nào dưới đây áp dụng.

1. Quý vị có quyền nhận trợ cấp thương tật trước ngày 25 tháng 9 năm 1975.
2. Quý vị là thành viên của một lực lượng chính phủ hoặc thành phần dự bị của lực lượng này, hoặc có cam kết ràng buộc bằng văn bản để trở thành thành viên, vào ngày 24 tháng 9 năm 1975.
3. Quý vị nhận được trợ cấp thương tật cho chấn thương liên quan đến chiến đấu. Đây là thương tật hoặc bệnh tật cá nhân:
 - a. Là kết quả trực tiếp của xung đột vũ trang;
 - b. Xảy ra khi quý vị tham gia vào lực lượng cực kỳ nguy hiểm;
 - c. Xảy ra trong điều kiện mô phỏng chiến tranh, bao gồm các bài tập huấn luyện như diễn tập; hoặc

d. Do phương tiện chiến tranh gây ra.

- Quý vị sẽ được quyền nhận tiền bồi thường thương tật từ Bộ Cựu Chiến Binh (VA) nếu quý vị nộp đơn xin. Số tiền loại trừ của quý vị theo điều kiện này bằng với số tiền quý vị có thể được nhận từ VA.

Hưu bổng dựa trên số năm công tác. Nếu quý vị nhận được hưu bổng dựa trên số năm công tác, trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải khai báo vào thu nhập của mình. Tuy nhiên, nếu tiền hưu bổng đủ điều kiện loại trừ theo diện [thương tật gắn với quá trình phục vụ](#) (đã thảo luận ở phần trên), không tính vào thu nhập phần hưu bổng mà quý vị có thể đã nhận được nếu hưu bổng được chi trả dựa trên tỷ lệ thương tật. Quý vị phải khai báo phần còn lại của tiền hưu bổng vào thu nhập của quý vị.

Quyết định hồi tố của VA. Nếu quý vị nghỉ hưu từ lực lượng vũ trang dựa trên số năm công tác và sau đó được VA xếp hạng thương tật có giá trị hồi tố gắn với quá trình phục vụ, trợ cấp thương tật của quý vị cho khoảng thời gian hồi tố được loại trừ khỏi thu nhập với mức tối đa là số tiền trợ cấp thương tật của VA mà quý vị có thể đã được nhận. Quý vị có thể yêu cầu hoàn lại số thuế đã nộp trên khoản tiền được loại trừ (tùy thuộc vào thời hiệu) bằng cách nộp tờ khai thuế sửa đổi trên Mẫu 1040-X cho từng năm trong thời gian hồi tố. Quý vị phải gửi kèm mỗi Mẫu 1040-X bản sao của Quyết định chính thức cấp trợ cấp hồi tố của VA. Quyết định phải nêu rõ số tiền đã khấu trừ và ngày hiệu lực của trợ cấp.

Nếu quý vị nhận được trợ cấp thời việc do thương tật trả một lần và sau đó được nhận trợ cấp thương tật của VA, loại trừ 100% số tiền trợ cấp thời việc khỏi thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải tính vào thu nhập của mình mọi khoản trợ cấp tái hòa nhập trả một lần hoặc trợ cấp thời việc không do thương tật khác mà quý vị nhận được sau khi mãn hạn nghĩa vụ, kể cả khi sau đó quý vị được VA xếp hạng thương tật có hiệu lực hồi tố.

Thời gian giới hạn đặc biệt. Trong hầu hết các trường hợp, theo thời gian giới hạn, yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế phải được nộp trong vòng 3 năm kể từ khi khai thuế hoặc 2 năm kể từ khi nộp thuế. Tuy nhiên, nếu quý vị nhận được quyết định xếp hạng thương tật gắn với quá trình phục vụ có hiệu lực hồi tố, thời gian giới hạn sẽ được kéo dài thêm 1 năm bắt đầu từ ngày quyết định. Khoảng thời gian gia hạn 1 năm này áp dụng cho các yêu cầu tín thuế hoặc hoàn thuế nộp sau ngày 17 tháng 6 năm 2008 và không áp dụng cho bất kỳ năm thuế nào bắt đầu hơn 5 năm trước ngày quyết định.

Tấn công khủng bố hoặc hành động quân sự. Không tính vào thu nhập của quý vị tiền trợ cấp thương tật mà quý vị nhận được cho thương tích do hậu quả trực tiếp của một cuộc tấn công khủng bố nhằm vào Hòa Kỳ (hoặc các đồng minh), dù ở bên trong hay bên ngoài lãnh thổ Hoa Kỳ hoặc do hành động quân sự. Xem Ấn Phẩm 3920 và Ấn Phẩm 907 để tìm hiểu thêm thông tin.

Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn

Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn trong hầu hết các trường hợp được coi là hợp đồng bảo hiểm tai nạn và sức khỏe. Số tiền quý vị nhận được từ hợp đồng này (ngoài cổ tức của chủ hợp đồng hoặc tiền hoàn lại phí bảo hiểm) trong hầu hết các trường hợp đều được loại trừ khỏi thu nhập như số tiền nhận được cho thương tật hoặc bệnh tật cá nhân. Để yêu

cầu loại trừ cho các khoản thanh toán trên cơ sở hàng ngày hoặc định kỳ khác theo hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, quý vị phải nộp Mẫu 8853 cùng với tờ khai thuế của mình.

Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn là hợp đồng bảo hiểm chỉ cung cấp bảo hiểm cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn. Hợp đồng phải:

- Được bảo đảm có thể tái tục;
- Không quy định giá trị giải ước bằng tiền mặt hoặc các khoản tiền khác có thể được thanh toán, chuyển nhượng, cầm cố hoặc vay mượn;
- Quy định rằng khoản hoàn trả, ngoài khoản hoàn trả khi người được bảo hiểm tử vong hoặc giải ước hoàn toàn hoặc hủy bỏ hoàn toàn hợp đồng cũng như cổ tức theo hợp đồng chỉ có thể được sử dụng để giảm phí mua bảo hiểm trong tương lai hoặc gia tăng các quyền lợi trong tương lai; và
- Trong hầu hết các trường hợp, không thanh toán hay hoàn lại chi phí phát sinh cho các dịch vụ hoặc hạng mục có thể được hoàn lại theo Medicare, ngoại trừ trường hợp Medicare là bên chi trả phụ hoặc hợp đồng thực hiện thanh toán hàng ngày hoặc trên cơ sở định kỳ khác mà không liên quan đến chi phí.

Dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn. Dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ tiêu chuẩn là:

- Các dịch vụ chẩn đoán, dự phòng, trị liệu, chữa trị, điều trị, giảm nhẹ và phục hồi chức năng cần thiết cũng như các dịch vụ chăm sóc cá nhân và duy trì; và
- Các dịch vụ được yêu cầu bởi một cá nhân bị bệnh mãn tính và được cung cấp theo chương trình chăm sóc do bác sĩ chăm sóc sức khỏe được cấp phép chỉ định.

Cá nhân bị bệnh mãn tính. Cá nhân bị bệnh mãn tính là người đã được chứng nhận bởi chuyên gia chăm sóc sức khỏe được cấp phép trong vòng 12 tháng trước đó là một trong những đối tượng sau.

- Một cá nhân, trong ít nhất 90 ngày, không thể thực hiện tối thiểu hai hoạt động sinh hoạt hàng ngày mà không cần trợ giúp đáng kể do mất khả năng hoạt động. Hoạt động sinh hoạt hàng ngày là ăn uống, đi vệ sinh, di chuyển, tắm rửa, mặc quần áo và tiết dục.
- Một cá nhân yêu cầu giám sát đáng kể để được bảo vệ khỏi các mối đe dọa đối với sức khỏe và an toàn do suy giảm nhận thức nghiêm trọng.

Hạn mức loại trừ. Quý vị thường có thể loại trừ khỏi tổng thu nhập tối đa \$390 mỗi ngày cho năm 2022. Xem *Limit on exclusion (Hạn mức loại trừ)*, trong phần *Long-Term Care Insurance Contracts (Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn)*, ở mục *Sickness and Injury Benefits (Quyền Lợi Ốm Đau và Thương Tật)* trong Ấn Phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin.

Tiền bồi thường cho người lao động

Số tiền quý vị nhận được dưới hình thức tiền bồi thường cho bệnh nghề nghiệp hoặc thương tật cho được miễn thuế hoàn toàn nếu được trả theo đạo luật tiền bồi thường cho người lao động hoặc một quy chế có cùng bản chất với đạo luật tiền bồi thường cho người lao động. Quy tắc loại trừ cũng được áp dụng cho thân nhân còn sống của quý vị. Tuy nhiên, quy tắc loại trừ không áp dụng với các

khoản trợ cấp từ chương trình hưu trí mà quý vị nhận được dựa trên tuổi tác, thời gian công tác hoặc số tiền đã đóng góp vào chương trình, kể cả trong trường hợp quý vị nghỉ hưu do bệnh nghề nghiệp hoặc thương tích.



Nếu một phần tiền bồi thường cho người lao động của quý vị làm giảm phúc lợi an sinh xã hội hoặc phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương nhận được, phần đó được coi là phúc lợi an sinh xã hội (hoặc phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương) và có thể phải chịu thuế. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 915, Phúc Lợi An Sinh Xã Hội và Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương (tiếng Anh).

Quay trở lại làm việc. Nếu quý vị trở lại làm việc sau khi đủ điều kiện để nhận tiền bồi thường cho người lao động, tiền lương quý vị nhận được để thực hiện các công việc nhẹ nhàng sẽ chịu thuế như tiền lương.

Quyền Lợi Ốm Đau và Thương Tật Khác

Ngoài hưu bổng thương tật và niên kim, quý vị có thể nhận các khoản thanh toán khác cho bệnh tật hoặc thương tích.

Tiền lương nghỉ bệnh ngành đường sắt. Tiền lương nghỉ bệnh mà quý vị nhận được theo Đạo Luật Bảo Hiểm Thất Nghiệp Đường Sắt phải chịu thuế và quý vị phải khai báo số tiền này vào thu nhập. Tuy nhiên, không khai báo vào thu nhập nếu tiền được trả cho thương tích xảy ra khi đang làm nhiệm vụ.

Nếu quý vị nhận được thu nhập do thương tật, xem [Hưu Bổng Thương Tật](#) ở phần trên.

Đạo Luật Lương Bổng cho Nhân Viên Liên Bang (Federal Employees' Compensation Act, FECA).

Tiền thanh toán nhận được theo Đạo Luật này cho thương tật hoặc bệnh tật cá nhân bao gồm tiền thanh toán cho người thụ hưởng trong trường hợp tử vong không phải chịu thuế. Tuy nhiên, quý vị phải chịu thuế trên số tiền lương tiếp tục trả mà quý vị nhận được theo Đạo Luật này cho tối đa 45 ngày trong khi yêu cầu được xem xét quyết định. Báo cáo khoản thu nhập này là tiền lương. Ngoài ra, tiền thanh toán cho thời gian nghỉ ốm trong khi yêu cầu được xử lý sẽ phải chịu thuế và phải được tính vào thu nhập của quý vị như một khoản tiền lương.



Nếu một phần số tiền quý vị nhận được theo FECA làm giảm phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt tương đương nhận được, phần đó được coi là phúc lợi an sinh xã hội (hoặc hưu trí đường sắt tương đương) và có thể phải chịu thuế. Xem Ấn Phẩm 554 để tìm hiểu thêm thông tin.

Các khoản bồi thường khác. Nhiều khoản tiền khác mà quý vị nhận như tiền bồi thường cho bệnh tật hoặc thương tật sẽ không phải chịu thuế. Bao gồm các khoản tiền sau.

- Các khoản bồi thường thiệt hại mà quý vị nhận được cho thương tật hoặc bệnh tật thể chất, cho dù được trả một lần hay trả theo kỳ.
- Các quyền lợi nhận được theo chính sách bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe do quý vị hoặc chủ lao động đóng phí bảo hiểm nhưng quý vị phải tính những quyền lợi này vào thu nhập của mình.

- Trợ cấp thương tật mà quý vị nhận được khi mất thu nhập hoặc khả năng kiếm tiền do thương tích theo hợp đồng bảo hiểm xe hơi không có lỗi.
- Tiền bồi thường mà quý vị nhận được nếu mất vĩnh viễn hoặc mất khả năng sử dụng một bộ phận hoặc chức năng của cơ thể, hoặc bị biến dạng vĩnh viễn. Khoản bồi thường này chỉ dựa trên thương tật chứ không dựa trên thời gian quý vị nghỉ việc. Những quyền lợi này sẽ không chịu thuế kể cả khi chủ lao động trả tiền cho chương trình bảo hiểm tai nạn và sức khỏe cung cấp những quyền lợi này.

Bồi hoàn chi phí chăm sóc y tế. Tiền hoàn lại cho chi phí chăm sóc y tế thường không phải chịu thuế. Tuy nhiên, số tiền này có thể làm giảm mức khấu trừ chi phí y tế của quý vị. Để tìm hiểu thêm thông tin, tham khảo Ấn Phẩm 502.

6.

Thu Nhập từ Tiền Lãi

Nhắc nhở

Thu nhập nguồn nước ngoài. Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ có thu nhập từ tiền lãi từ các nguồn bên ngoài Hoa Kỳ (thu nhập từ nước ngoài), quý vị cần phải khai báo thu nhập đó trong tờ khai thuế của mình từ khi thu nhập đó được miễn thuế theo luật pháp Hoa Kỳ. Điều này được áp dụng dù quý vị đang sinh sống ở bên trong hay bên ngoài Hoa Kỳ và quý vị có nhận được Mẫu 1099 từ người trả tiền nước ngoài hay không.

Tự động gia hạn 6 tháng. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099 khai báo thu nhập từ tiền lãi của mình muộn và cần thêm thời gian để nộp tờ khai thuế, quý vị có thể yêu cầu gia hạn thời gian nộp tờ khai thêm 6 tháng. Xem [Tự Động Gia Hạn](#) trong chương 1.

Trẻ em có thu nhập không kiểm được. Xem Mẫu 8615 và hướng dẫn để biết quy tắc và thuế suất áp dụng to một số trẻ có thu nhập không kiểm được.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Các loại thu nhập từ tiền lãi.
- Tiền lãi nào phải chịu thuế và tiền lãi nào không chịu thuế.
- Khi nào khai báo thu nhập từ tiền lãi.
- Cách khai báo thu nhập từ tiền lãi trên tờ khai thuế của quý vị.

Hầu hết các khoản tiền lãi mà quý vị nhận được hoặc được ghi có trong tài khoản của mình và có thể rút ra đều được coi là thu nhập chịu thuế. Các ngoại lệ đối với quy định này sẽ được thảo luận sau trong chương này.

Quý vị có thể khấu trừ các chi phí mà quý vị đã bỏ ra để kiếm được thu nhập này trong Bảng A (Mẫu 1040) nếu quý vị liệt kê từng khoản khấu trừ của mình. Xem [Tiền vay để đầu tư vào chứng thư gửi tiền định kỳ](#) ở phần sau và [Chương 12](#).

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 537** Bán Trả Góp
- 550** Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư
- 1212** Hướng Dẫn về Công Cụ Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)

Mẫu (và Hướng dẫn)

- Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu Trừ Từng Khoản
- Bảng B (Mẫu 1040)** Tiền Lãi và Cổ Tức Thông Thường
- 8615** Thuế cho Một Số Trẻ Em Có Thu Nhập Không Kiểm Được
- 8814** Cha Mẹ Chọn Khai Báo Tiền Lãi và Cổ Tức của Con
- 8815** Loại trừ Tiền Lãi Từ Loạt Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ EE và I Được Phát Hành Sau Năm 1989
- 8818** Mẫu Tùy Chọn Để Ghi Lại Việc Bán Loạt Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ EE và I Được Phát Hành Sau Năm 1989

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](#) (tiếng Anh).

Thông Tin Tổng Quan

Một vài mục quan tâm chung được đề cập ở đây.



Lưu giữ hồ sơ. Quý vị nên lưu giữ danh sách thể hiện các nguồn thu nhập từ tiền lãi và số tiền lãi nhận được trong năm. Ngoài ra, hãy lưu giữ các mẫu đơn mà quý vị nhận được có ghi thu nhập từ tiền lãi của quý vị (ví dụ: Mẫu 1099-INT) như loại giấy tờ quan trọng trong hồ sơ của quý vị.

Thuế trên thu nhập không kiểm được của một số trẻ em. Một phần thu nhập không kiểm được trong năm 2022 của trẻ có thể bị đánh thuế theo mức thuế của cha mẹ. Nếu vậy, quý vị phải hoàn thành Mẫu 8615 và đính kèm với tờ khai thuế của trẻ. Nếu không, quý vị không phải hoàn thành Mẫu 8615 và thu nhập của trẻ sẽ bị đánh thuế theo mức thuế riêng của trẻ.

Một số cha mẹ có thể lựa chọn bao gồm cả tiền lãi và cổ tức của trẻ vào tờ khai thuế của mình. Nếu được, hãy sử dụng Mẫu 8814 sử dụng cho mục đích này.

Để biết thêm thông tin về thuế đối với thu nhập không kiểm được của trẻ em và sự lựa chọn của cha mẹ, hãy xem [Mẫu 8615](#) (tiếng Anh).

Người thụ hưởng di sản hoặc quỹ ủy thác. Tiền lãi quý vị nhận được với tư cách là người thụ hưởng di sản hoặc quỹ ủy thác thường là thu nhập chịu thuế. Quý vị sẽ nhận được Bảng K-1 (Mẫu 1041), Phần Thu Nhập, Khoản Khấu Trừ, Tín Thuế, v.v., của Người Thụ Hưởng, từ người được ủy thác. Bản sao của Bảng K-1 (Mẫu 1041) và các hướng dẫn

của nó sẽ cho quý vị biết nơi để khai báo thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị.

Mã số thuế (TIN). Quý vị phải cung cấp tên và TIN của mình (hoặc số an sinh xã hội (SSN), hoặc mã số thuế của chủ lao động (EIN), hoặc mã số thuế cho việc nhận con nuôi (ATIN), hoặc mã số thuế cá nhân (ITIN)) đối với bất kỳ người nào được luật thuế liên bang yêu cầu để thực hiện tờ khai, báo cáo hoặc tài liệu khác liên quan đến quý vị. Điều này bao gồm cả người trả lãi. Nếu quý vị không cung cấp TIN của mình cho người trả lãi, người trả lãi thường sẽ phải khấu trừ dự phòng trên các khoản thanh toán tiền lãi với tỷ lệ là 24%, và quý vị cũng có thể phải chịu một hình phạt.

TIN cho tài khoản chung. Nếu tiền trong tài khoản chung thuộc về một cá nhân, hãy liệt kê tên của người đó trước trên tài khoản và cung cấp TIN của người đó cho người trả tiền. (Để biết thông tin về người sở hữu các quỹ trong tài khoản chung, xem [Tài khoản chung](#) sau đây.) Nếu tài khoản chung bao gồm nhiều quỹ kết hợp, hãy cung cấp TIN của người có tên được liệt kê đầu tiên trên tài khoản. Lý do là vì chỉ một tên và TIN duy nhất có thể được ghi trên Mẫu 1099.

Những quy định này áp dụng cho cả quyền sở hữu chung của một cặp vợ chồng và quyền sở hữu chung của các cá nhân khác. Ví dụ: nếu quý vị mở một tài khoản tiết kiệm chung với con cái bằng cách sử dụng quỹ của con, hãy liệt kê tên trẻ trước trên tài khoản và cung cấp TIN của trẻ.

Tài khoản giám hộ cho trẻ. Nếu con của quý vị là chủ sở hữu thực tế của một tài khoản được ghi tên quý vị với tư cách là người giám hộ cho trẻ, hãy cung cấp TIN của trẻ cho người trả tiền. Ví dụ: quý vị phải cung cấp SSN của con mình cho người trả lãi trên tài khoản mà trẻ sở hữu mặc dù quý vị là người nhận tiền lãi với tư cách là người giám hộ.

Hình phạt nếu không cung cấp TIN. Nếu quý vị không cung cấp TIN của mình cho người trả lãi, quý vị có thể bị phạt tiền. Xem [Không cung cấp SSN](#) trong mục [Hình phạt](#) ở chương 1. Khấu lưu dự phòng cũng có thể được áp dụng.

Khấu lưu dự phòng. Thu nhập từ tiền lãi của quý vị thường sẽ không bị khấu lưu như thường lệ. Tuy nhiên, nó có thể bị khấu lưu dự phòng để đảm bảo việc thu thuế trên thu nhập được thực hiện. Theo yêu cầu khấu lưu dự phòng, người trả lãi phải tạm giữ, như thuế thu nhập, trên khoản tiền quý vị được trả, bằng cách áp dụng tỷ lệ khấu lưu thích hợp. Tỷ lệ hiện tại là 24%. Việc khấu lưu chỉ được yêu cầu nếu có điều kiện để khấu lưu dự phòng, chẳng hạn như không cung cấp TIN của quý vị cho người trả tiền hoặc không chứng nhận TIN của quý vị theo hình phạt của tội khai man, nếu được yêu cầu.

Khấu lưu dự phòng có thể được thực hiện nếu IRS xác định rằng quý vị đã khai báo thiếu thu nhập từ tiền lãi hoặc cổ tức của mình. Để biết thêm thông tin, xem [Khấu Lưu Dự Phòng](#) trong chương 4.

Khai báo khấu lưu dự phòng. Nếu khấu lưu dự phòng được khấu trừ từ thu nhập từ tiền lãi của quý vị thì số tiền khấu lưu sẽ được khai báo trên Mẫu 1099-INT của quý vị. Mẫu 1099-INT sẽ ghi bất kỳ khấu lưu dự phòng nào là "Federal income tax withheld (Khấu lưu thuế thu nhập Liên Bang)."

Tài khoản chung. Nếu hai hoặc nhiều người nắm giữ tài sản (chẳng hạn như tài khoản tiết kiệm hoặc trái phiếu) với tư cách là người đồng hưởng dụng, người hưởng dụng toàn bộ hoặc người hưởng dụng chung thì phần thu nhập chia sẻ của mỗi người từ tài sản sẽ được xác định theo luật pháp địa phương.

Thu nhập từ tài sản trao tặng cho trẻ em. Tài sản mà quý vị trao tặng với tư cách là cha mẹ cho con mình theo Đạo Luật Quà Tặng Chứng Khoán cho Trẻ Vị Thành Niên, Đạo Luật Đồng Nhất về Quà Tặng cho Trẻ Vị Thành Niên hoặc bất kỳ luật nào tương tự sẽ trở thành tài sản của đứa trẻ.

Trẻ em sẽ bị đánh thuế đối với thu nhập từ tài sản, ngoại trừ phần được sử dụng để đáp ứng nghĩa vụ pháp lý để cấp dưỡng cho trẻ thì cha mẹ hoặc người giám hộ của trẻ sẽ phải chịu thuế.

Tài khoản tiết kiệm với cha mẹ là người được ủy thác. Trẻ em sẽ bị đánh thuế đối với thu nhập từ tiền lãi đến từ tài khoản tiết kiệm được mở cho trẻ vị thành niên nhưng cha mẹ lại đứng tên và có quyền quyết định với tư cách là người được ủy thác trong trường hợp, theo luật của bang nơi trẻ cư trú, cả hai điều sau đây đều đúng.

- Đứa trẻ là chủ sở hữu tài khoản tiết kiệm pháp.
- Cha mẹ không được luật pháp cho phép sử dụng bất kỳ khoản tiền nào để cấp dưỡng cho trẻ.

Mẫu 1099-INT. Thu nhập từ tiền lãi thường được ghi trên Mẫu 1099-INT gửi cho quý vị hoặc một khai báo tương tự từ các ngân hàng, khoản tiết kiệm và khoản vay, và những người trả lãi khác. Mẫu này sẽ cho quý vị biết khoản thu nhập từ tiền lãi mà quý vị nhận được trong năm. Hãy lưu giữ mẫu này trong hồ sơ của quý vị. Quý vị không cần phải đính kèm nó vào tờ khai thuế của mình.

Khai báo trên tờ khai thuế của quý vị tổng thu nhập từ tiền lãi mà quý vị nhận được trong năm chịu thuế. Xem Instructions for Recipient (Hướng Dẫn cho Người Nhận) của Mẫu 1099-INT để xem quý vị có cần điều chỉnh khoản tiền nào được khai báo cho quý vị không.

Tiền lãi không được ghi trên Mẫu 1099-INT. Ngay cả khi không nhận được Mẫu 1099-INT, quý vị vẫn phải khai báo tất cả thu nhập từ tiền lãi của mình. Ví dụ: quý vị có thể nhận được phần lợi nhuận phân phối từ công ty hợp danh hoặc công ty S. Phần lãi này được khai báo cho quý vị trên Bảng K-1 (Mẫu 1065), Phần Thu Nhập, Khấu Trừ, Tín Thuế, v.v... của Thành Viên; hoặc Bảng K-1 (Mẫu 1120-S), Phần Thu Nhập, Khấu Trừ, Tín Thuế, v.v... của Cổ Đông

Người được chỉ định. Thông thường, nếu một người nhận tiền lãi với tư cách là người được quý vị chỉ định thì người đó sẽ phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT có ghi số tiền lãi nhận thay quý vị.

Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT có ghi số tiền thuộc về một người khác, xem phần thảo luận về phân phối cho người được chỉ định trong mục *How To Report Interest Income (Cách Khai Báo Thu Nhập từ Tiền Lãi)* trong chương 1 của [IRS.gov/Pub550 \(tiếng Anh\)](#), hoặc hướng dẫn cho Bảng B (Mẫu 1040).

Số tiền không chính xác. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT có ghi số tiền không chính xác hoặc thông tin khác không chính xác, hãy yêu cầu nhà phát hành cung cấp mẫu đã điều chỉnh. Mẫu 1099-INT mới mà quý vị nhận được sẽ có ô đánh dấu "CORRECTED (ĐÃ CHỈNH SỬA)".

Mẫu 1099-OID. Thu nhập từ tiền lãi có thể khai báo cũng có thể được ghi trên Mẫu 1099-OID, Giám Giá Phát Hành Gốc. Để biết thêm thông tin về số tiền được ghi trên mẫu này, xem [Giám Giá Phát Hành Gốc \(OID\)](#) sau trong chương này.



Ô được đề cập thảo luận bên dưới là từ **Mẫu 1099-INT và Mẫu 1099-DIV bản sửa đổi năm 2022.** Các bản sửa đổi sau này có thể có các ô được đề cập khác nhau.

Lãi miễn thuế từ cổ tức. Lãi miễn thuế từ cổ tức mà quý vị nhận được từ một quỹ góp vốn đầu tư hoặc đầu tư hoạt động theo các quy định của luật pháp khác sẽ không được tính vào thu nhập chịu thuế của quý vị. (Tuy nhiên, xem *Yêu cầu khai báo thông tin* tiếp sau đây.) Cổ tức được miễn lãi phải được kê khai trên Mẫu 1099-DIV, ô số 12. Quý vị không giảm giá gốc các khoản phân phối là lãi miễn thuế từ cổ tức.

Yêu cầu khai báo thông tin. Dù cổ tức được miễn lãi không phải chịu thuế nhưng quý vị vẫn phải khai báo chúng trên tờ khai thuế nếu quý vị phải khai thuế. Đây là yêu cầu khai báo thông tin và không biến cổ tức được miễn thuế thành thu nhập chịu thuế.

Ghi chú. Cổ tức được miễn thuế được trả bởi một quỹ tương hỗ hoặc RIC khác từ trái phiếu hoạt động tư nhân cụ thể có thể phải chịu mức thuế tối thiểu 0,3 của Mẫu 1099-DIV. Xem [Thuế Tối Thiểu Thay Thế \(AMT\)](#) tại chương 13 để biết thêm thông tin. Chương 1 của Ấn Phẩm 550 có đề cập đến trái phiếu hoạt động tư nhân theo *State or Local Government Obligations (Công Trái của Chính Quyền Tiểu Bang hoặc Địa Phương)*.

Lãi từ cổ tức của VA. Tiền lãi từ cổ tức bảo hiểm còn lại của khoản tiền gửi tại Bộ Cựu Chiến Binh (VA) sẽ không bị đánh thuế. Quý vị không tiền cả được trả từ cổ tức trong các Hợp đồng Bảo Hiểm Nhân Thọ của Chính Phủ Hoa Kỳ đã được chuyển đổi và các Hợp đồng Bảo Hiểm Nhân Thọ Phục Vụ Quốc Gia.

Quỹ hưu trí cá nhân (IRA). Tiền lãi trên IRA Roth thường không bị đánh thuế. Tiền lãi trên IRA truyền thống được hoãn thuế. Quý vị thường không tính cả tiền lãi kiếm được từ IRA vào thu nhập của mình cho đến khi quý vị thực hiện rút tiền từ IRA. Xem [chương 9](#).

Tiền Lãi Chịu Thuế

Tiền lãi chịu thuế bao gồm cả tiền lãi quý vị nhận được từ tài khoản ngân hàng, các khoản quý vị cho người khác vay và các nguồn khác. Sau đây là một số nguồn tiền lãi chịu thuế.

Cổ tức là tiền lãi trên thực tế. Một số khoản phân phối thường được gọi cổ tức là tiền lãi trên thực tế. Quý vị phải khai báo dưới dạng tiền lãi được gọi là cổ tức trên số tiền gửi hoặc trên trường mục chung phần tài:

- Ngân hàng tập thể,
- Công đoàn tín dụng,
- Hiệp hội cho vay và xây dựng nội địa,
- Hiệp hội tiết kiệm và cho vay nội địa,
- Hiệp hội tiết kiệm và cho vay liên bang, và
- Ngân hàng tiết kiệm tương hỗ.

"Dividends (Cổ tức)" sẽ được hiển thị dưới dạng thu nhập từ tiền lãi trên Mẫu 1099-INT.

Quý thị trường tiền tệ. Các quỹ thị trường tiền tệ trả cổ tức và các quỹ này đến từ các tổ chức tài chính phi ngân hàng như các quỹ tương hỗ và công ty giao dịch chứng khoán. Thông thường, số tiền

quý vị nhận được từ quỹ thị trường tiền tệ phải được khai báo dưới dạng cổ tức thay vì tiền lãi.

Chứng thư gửi tiền định kỳ và các tài khoản tiền lãi hoãn thuế khác. Nếu quý vị mở một tài khoản bất kỳ trong số này thì tiền lãi có thể được trả theo khoảng thời gian cố định từ 1 năm trở xuống trong thời hạn của tài khoản. Quý vị thường phải tính cả khoản tiền lãi này vào thu nhập của mình khi quý vị thực nhận hoặc được quyền nhận khoản tiền này mà không phải trả một khoản tiền phạt lớn. Điều này cũng được áp dụng với các tài khoản có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống và trả lãi một lần khi đáo hạn. Nếu tiền lãi được hoãn thuế trên 1 năm, xem [Giám Giá Phát Hành Gốc \(OID\)](#).

Tiền lãi phải chịu phạt nếu rút trước hạn. Quý vị có thể bị phạt tiền nếu rút tiền từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế trước hạn. Quý vị phải khai báo tổng số tiền lãi đã được trả hoặc được ghi có vào tài khoản của mình trong năm mà chưa trừ hình phạt. Xem *Penalty on early withdrawal of savings (Phạt rút tiền tiết kiệm trước hạn)* tại chương 1 của [IRS.gov/Pub550 \(tiếng Anh\)](#) để biết thêm thông tin về cách khai báo tiền lãi và khấu trừ tiền phạt.

Tiền vay để đầu tư vào chứng thư gửi tiền định kỳ. Tiền lãi mà quý vị phải trả cho khoản tiền vay từ ngân hàng hoặc tổ chức tiết kiệm để đáp ứng yêu cầu gửi tiền tối thiểu để có được chứng thư gửi tiền định kỳ từ tổ chức đó và lãi suất quý vị kiếm được trên chứng chỉ lãi hai khoản riêng biệt. Quý vị phải khai báo tổng thu nhập từ tiền lãi mà mình kiếm được trên chứng chỉ vào thu nhập của quý vị. Nếu chia nhỏ các khoản khấu trừ, quý vị có thể khấu trừ khoản tiền lãi mà quý vị phải trả dưới dạng tiền lãi đầu tư, tối đa lên đến số tiền thu nhập đầu tư ròng của quý vị. Xem *Interest Expenses (Chi Phí Tiền Lãi)* trong chương 3 của [IRS.gov/Pub550 \(tiếng Anh\)](#).

Ví dụ. Quý vị đã gửi \$5.000 vào ngân hàng và vay \$5.000 từ ngân hàng để tạo thành khoản tiền gửi tối thiểu \$10.000 theo yêu cầu để mua chứng thư gửi tiền 6 tháng. Chứng chỉ mang lại cho quý vị \$575 khi đáo hạn vào năm 2022, tuy nhiên, quý vị chỉ nhận được \$265, con số này tương ứng với \$575 quý vị kiếm được trừ đi \$310 tiền lãi cho khoản vay \$5.000 của quý vị trước đó. Ngân hàng sẽ cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT của năm 2022 ghi nhận khoản tiền lãi \$575 mà quý vị kiếm được. Ngân hàng cũng sẽ cung cấp cho quý vị một bản sao kê cho thấy rằng quý vị đã thanh toán \$310 tiền lãi cho năm 2022. Quý vị phải bao gồm cả \$575 trong thu nhập của quý vị. Nếu chia nhỏ các khoản khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), quý vị có thể khấu trừ đi \$310 theo đúng giới hạn thu nhập đầu tư ròng.

Quà tặng khi mở tài khoản. Nếu quý vị nhận được quà tặng hoặc dịch vụ không bằng tiền mặt khi gửi tiền hoặc mở tài khoản tại một tổ chức tiết kiệm, quý vị có thể phải khai báo giá trị của chúng dưới dạng tiền lãi.

Đối với các khoản tiền gửi dưới \$5.000, quà tặng hoặc dịch vụ có giá trị hơn \$10 phải được khai báo là tiền lãi. Đối với các khoản tiền gửi từ \$5.000 trở lên, quà tặng hoặc dịch vụ có giá trị hơn \$20 phải được khai báo là tiền lãi. Giá trị được xác định bởi chi phí cho tổ chức tài chính.

Ví dụ. Quý vị mở tài khoản tiết kiệm tại ngân hàng địa phương và gửi vào đó \$800. Tài khoản này nhận được \$20 tiền lãi. Quý vị cũng nhận được một máy tính trị giá \$15. Nếu không có khoản lãi nào khác được ghi có vào tài khoản của quý vị trong năm, Mẫu 1099-INT mà quý vị nhận được sẽ ghi

nhận tiền lãi trong năm là \$35. Quý vị phải khai báo thu nhập từ tiền lãi là \$35 trên tờ khai thuế của mình.

Tiền lãi từ cổ tức của bảo hiểm. Quý vị sẽ bị đánh thuế đối với cổ tức bảo hiểm khi gửi tại công ty bảo hiểm có thể được rút ra hàng năm trong năm số tiền lãi này được ghi có vào tài khoản của quý vị. Tuy nhiên, nếu quý vị chỉ được rút tiền vào ngày kỷ niệm của hợp đồng (hoặc một ngày được chỉ định khác) thì số tiền lãi này sẽ bị đánh thuế trong năm đó.

Phí bảo hiểm trả trước. Bất kỳ sự tăng giá phí bảo hiểm trả trước, phí bảo hiểm ứng trước, hoặc quỹ tiền gửi bảo hiểm nào cũng đều được coi là tiền lãi nếu nó được áp dụng cho khoản thanh toán phí bảo hiểm đến hạn của hợp đồng bảo hiểm hoặc có thể rút mọi lúc.

Công trái của Hoa Kỳ. Lãi trên công trái của Hoa Kỳ được phát hành bởi bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức phát hành nào của Hoa Kỳ, chẳng hạn như trái phiếu ngắn hạn, trái phiếu trung hạn và trái phiếu dài hạn của Bộ Tài Chính Hoa Kỳ, sẽ bị đánh thuế cho các mục đích tính thuế thu nhập liên bang.

Tiền lãi hoàn thuế. Tiền lãi hoàn thuế mà quý vị nhận được coi là thu nhập chịu thuế.

Tiền lãi từ thưởng xử phạt. Nếu cơ quan xử phạt trả tiền lãi cho quý vị để bồi thường cho sự chậm trễ trong việc thanh toán thường thì khoản tiền lãi đó sẽ phải chịu thuế.

Thanh toán bán hàng trả góp. Nếu một hợp đồng bán hàng hoặc trao đổi tài sản cho phép việc chưa phải trả tiền ngay thì hợp đồng đó thường sẽ quy định lãi suất phải trả khi trả chậm. Tiền lãi mà quý vị nhận được thường sẽ phải chịu thuế. Nếu một hợp đồng trả chậm không có lãi suất hoặc lãi suất thấp thì một phần của mỗi khoản thanh toán có thể được coi là tiền lãi. Xem *Unstated Interest and Original Issue Discount (Lãi Suất Khai Thấp và Giảm Giá Phát Hành Gốc)* trong Ấn Phẩm 537, Bán Trả Góp.

Tiền lãi từ hợp đồng niên kim. Tiền lãi tích lũy từ hợp đồng niên kim mà quý vị bán trước ngày đáo hạn sẽ phải chịu thuế.

Tiền lãi từ cho vay nặng lãi. Tiền lãi từ cho vay nặng lãi là tiền lãi được tính theo lãi suất bất hợp pháp. Khoản tiền này phải chịu thuế như tiền lãi trừ khi luật tiểu bang tự động thay đổi nó thành khoản thanh toán trên số tiền vốn.

Thu nhập từ tiền lãi từ tiền gửi đóng băng. Loại trừ tiền lãi trên tổng thu nhập từ các khoản tiền gửi đóng băng. Khoản tiền gửi sẽ bị đóng băng vào thời điểm cuối năm nếu quý vị không thể rút bất kỳ phần nào từ khoản tiền gửi do:

- Cơ quan tài chính bị phá sản hoặc vỡ nợ, hoặc
- Tiểu bang nơi tổ chức đặt trụ sở đã đặt giới hạn rút tiền vì các cơ quan tài chính khác ở tiểu bang bị phá sản hoặc vỡ nợ.

Số tiền lãi quý vị phải loại trừ là tiền lãi đã được ghi có trên các khoản tiền gửi đóng băng trừ đi tổng của:

- Số tiền rỗng quý vị đã rút từ các khoản tiền gửi này trong năm, và
- Số tiền quý vị đã có thể rút vào cuối năm (không bị giảm do trừ khoản tiền bị phạt nào vì rút tiền trước hạn quy định đối với khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT khai báo thu nhập từ tiền lãi đối với các khoản tiền gửi đóng băng vào cuối năm 2022, xem *Frozen deposits (Tiền gửi đóng băng)* trong mục *How To Report Interest*

Income (Cách Khai Báo Thu Nhập từ Tiền Lãi) tại chương 1 của [IRS.gov/Pub550 \(tiếng Anh\)](https://www.irs.gov/pub/550) để biết thông tin về việc khai báo loại trừ thu nhập từ tiền lãi này trên tờ khai thuế của quý vị.

Tiền lãi mà quý vị loại trừ sẽ được ghi có vào tài khoản của quý vị trong năm tiếp theo. Quý vị phải tính cả nó vào thu nhập trong năm mà quý vị được phép rút nó.

Ví dụ. \$100 tiền lãi đã được ghi có vào khoản tiền gửi đóng băng của quý vị trong năm. Quý vị đã rút \$80 nhưng không thể rút thêm nữa vào cuối năm. Quý vị phải tính cả \$80 vào thu nhập của mình và trừ \$20 khỏi thu nhập của mình trong năm. Quý vị phải tính cả \$20 vào thu nhập của mình trong năm nếu quý vị có thể rút nó.

Trái phiếu giao dịch không lãi. Nếu quý vị mua trái phiếu với giá chiết khấu khi tiền lãi không được trả hoặc khi tiền lãi đã được cộng dồn nhưng chưa được trả thì giao dịch này được mô tả là giao dịch trái phiếu không lãi. Tiền lãi không trả được hoặc chưa trả không phải là thu nhập và không phải chịu thuế như tiền lãi nếu được trả sau. Khi quý vị nhận được khoản tiền lãi đó thì đó là một khoản hoàn vốn làm giảm giá gốc còn lại của trái phiếu của quý vị. Tuy nhiên, tiền lãi phát sinh sau ngày mua là thu nhập từ tiền lãi chịu thuế cho năm mà nó được trả hoặc được cộng dồn. Xem [Trái Phiếu Được Bán Giữa Các Ngày Trả Lãi](#) ở sau để biết thêm thông tin.

Khoản vay dưới giá thị trường. Thông thường, một khoản vay dưới giá thị trường là khoản cho vay không bị tính lãi hoặc được tính lãi suất thấp hơn lãi suất liên bang hiện hành. Nếu quý vị cho vay một khoản vay dưới giá thị trường, quý vị có thể có thêm thu nhập từ tiền lãi. Xem *Below-Market Loans (Khoản Vay Dưới Giá Thị Trường)* trong chương 1 của [IRS.gov/Pub550 \(tiếng Anh\)](https://www.irs.gov/pub/550) để biết thêm thông tin.

Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ

Mục này cung cấp thông tin về thuế đối với trái phiếu tiết kiệm của Hoa Kỳ. Mục này giải thích cách thức khai báo thu nhập từ tiền lãi từ các trái phiếu này và cách xử lý việc chuyển nhượng các trái phiếu này.



Để biết thêm thông tin về trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, hãy gửi thư tới:

Treasury Retail Securities Services
P.O. Box 9150
Minneapolis, MN 55480-9150



Hoặc qua mạng internet, truy cập [TreasuryDirect.gov/savings-bonds/](https://www.treasurydirect.gov/savings-bonds/) (tiếng Anh).

Người đóng thuế theo phương pháp kế toán tích lũy. Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy thì quý vị phải khai báo tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ hàng năm khi nó cộng dồn lại. Quý vị không thể trì hoãn việc khai báo tiền lãi cho đến khi nhận được tiền lãi hoặc cho đến khi trái phiếu đáo hạn. Phương pháp kế toán tích lũy được giải thích tại chương 1 trong mục [Phương Pháp Kế Toán](#).

Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt. Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt như hầu hết những người đóng thuế cá nhân, quý vị thường sẽ khai báo tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ khi nhận được tiền. phương pháp kế

toán bằng tiền mặt được giải thích tại chương 1 trong mục [Phương Pháp Kế Toán](#). Tuy nhiên, hãy tham khảo [Các lựa chọn khai báo dành cho người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt](#) sau đó.

Loại trái phiếu H và HH. Các trái phiếu này được phát hành theo mệnh giá để đối lấy các trái phiếu tiết kiệm khác. Loại trái phiếu HH được phát hành từ năm 1980 đến năm 2004. Loại trái phiếu này đáo hạn sau 20 năm kể từ khi phát hành. Loại trái phiếu HH chưa đáo hạn trả lãi hai lần một năm (thường bằng hình thức kỳ gửi trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của quý vị). Nếu quý vị là người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt, quý vị cần khai báo khoản tiền lãi này dưới dạng thu nhập trong năm mà quý vị nhận được số tiền đó.

Hầu hết các trái phiếu H / HH đều có thành phần lãi suất trả chậm. Việc khai báo điều này dưới dạng thu nhập sẽ được đề cập ở phần sau của chương này.

Loại trái phiếu H được phát hành từ trước năm 1980. Toàn bộ loại trái phiếu H đều đã đáo hạn và không còn sinh lãi.

Loại trái phiếu EE và I. Phải trả tiền lãi từ những trái phiếu này khi quý vị mua lại trái phiếu. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị hoàn lại được coi là tiền lãi chịu thuế.

Loại trái phiếu E và EE. Loại trái phiếu E được phát hành từ trước tháng 7 năm 1980. Toàn bộ loại trái phiếu E đều đã đáo hạn và không còn sinh lãi. Loại trái phiếu EE được chào bán lần đầu tiên vào tháng 1 năm 1980 và có thời gian đáo hạn là 30 năm; chúng được cung cấp dưới dạng trái phiếu giấy (trái phiếu xác định) cho đến năm 2012. Loại trái phiếu giấy EE và Loại trái phiếu E được phát hành với một mức chiết khấu và tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Loại trái phiếu EE điện tử (trái phiếu ghi số) được bán ra lần đầu tiên vào năm 2003; chúng được phát hành theo mệnh giá và tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Đối với tất cả Loại trái phiếu E và EE, khi tất toán quý vị sẽ nhận được giá vốn cùng tiền lãi tích lũy.

Loại trái phiếu I. Loại trái phiếu I được chào bán lần đầu vào năm 1998. Chúng là trái phiếu chống lạm phát được phát hành theo mệnh giá với thời gian đáo hạn là 30 năm. Loại trái phiếu I tăng giá trị khi chúng sinh lãi. Quý vị sẽ được thanh toán mệnh giá của trái phiếu cộng với toàn bộ tiền lãi tích lũy khi quy đổi trái phiếu.

Các lựa chọn khai báo dành cho người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt. Nếu quý vị sử dụng phương pháp khai báo thu nhập bằng tiền mặt, quý vị có thể khai báo tiền lãi từ Loại trái phiếu E và I theo một trong các phương pháp sau.

1. **Phương pháp 1.** Hoàn khai báo tiền lãi đến đầu năm quý vị rút tiền mặt từ trái phiếu, thanh lý trái phiếu hoặc đến năm chúng đáo hạn. (Tuy nhiên, hãy tham khảo [Trái phiếu tiết kiệm được giao dịch](#) được đề cập sau.)
Ghi chú. Loại trái phiếu EE phát hành năm 1992 đáo hạn năm 2022. Nếu quý vị sử dụng phương pháp 1, quý vị thường phải khai báo tiền lãi của loại trái phiếu này trên tờ khai năm 2022.
2. **Phương pháp 2.** Chọn để khai báo mức tăng giá trị hoàn lại dưới dạng tiền lãi mỗi năm.

Quý vị phải sử dụng thống nhất một phương pháp cho tất cả Loại trái phiếu EE, E và I mà quý vị sở hữu. Nếu không lựa chọn phương pháp 2 thì quý vị sẽ phải sử dụng phương pháp 1.

Bảng 6-1. Ai Trả Thuế cho Tiền Lãi Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ

NẾU...	THÌ khoản tiền lãi phải được khai báo bởi...
Quý vị mua một trái phiếu đứng tên của quý vị và tên của một người khác với tư cách đồng sở hữu, chỉ sử dụng tiền riêng của quý vị	Quý vị.
Quý vị mua một trái phiếu đứng tên của một người khác, người đó là chủ nhân duy nhất của trái phiếu	Người mà quý vị đã mua trái phiếu cho.
Quý vị và một người khác mua một trái phiếu với tư cách là người đồng sở hữu, mỗi người đóng góp một phần vào giá mua	Cả quý vị và người sở hữu đó, tương ứng với số tiền mỗi người đã trả cho trái phiếu.
Quý vị và vợ/chồng của quý vị, sống ở tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung của vợ chồng, mua một trái phiếu thì đó là tài sản chung của vợ chồng	Quý vị và vợ/chồng của quý vị. Nếu quý vị khai thuế riêng, cả quý vị và vợ/chồng của quý vị thường sẽ khai báo một nửa tiền lãi.



Nếu quý vị dự định rút tiền mặt từ trái phiếu của mình trong cùng năm phải thanh toán chi phí giáo dục đại học, quý vị nên sử dụng phương pháp 1 vì quý vị có thể trừ số tiền lãi này khỏi thu nhập của mình. Để tìm hiểu cách thực hiện, xem [Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục](#) sau đây.

Thay đổi từ phương pháp 1. Nếu quý vị muốn thay đổi phương pháp khai báo tiền lãi của mình từ phương pháp 1 sang phương pháp 2, quý vị có thể tự thay đổi mà không cần sự cho phép từ IRS. Trong năm thay đổi, quý vị phải khai báo tất cả các khoản lãi đã được cộng dồn cho đến thời điểm hiện tại và các khoản tiền lãi chưa được khai báo trước đó cho tất cả các trái phiếu mà mình sở hữu.

Khi quý vị chọn khai báo tiền lãi mỗi năm, quý vị phải tiếp tục làm như vậy cho tất cả Loạt trái phiếu EE và I mà mình sở hữu và cho bất kỳ trái phiếu nào quý vị nhận được sau này trừ khi quý vị thay đổi phương pháp khai báo như được giải thích sau đây.

Thay đổi từ phương pháp 2. Để thay đổi từ phương pháp 2 thành phương pháp 1, quý vị sẽ cần sự cho phép từ IRS. Quý vị sẽ được tự động cấp quyền thay đổi nếu quý vị gửi cho IRS một tuyên bố đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

1. Quý vị đã nhập hoặc in số sau ở đầu: "131."
2. Nó nêu rõ tên và số an sinh xã hội của quý vị theo "131."
3. Nó nêu rõ năm thay đổi (cả ngày bắt đầu và ngày kết thúc).
4. Nó nêu rõ các trái phiếu tiết kiệm mà quý vị đang yêu cầu thay đổi.
5. Nó nêu rõ quý vị đồng ý:
 - a. Khai báo tất cả các khoản tiền lãi thu được từ bất kỳ trái phiếu nào trong hoặc sau năm có thay đổi khi trái phiếu được ghi nhận, mua lại hoặc đáo hạn lần cuối tùy điều kiện nào đến trước; và
 - b. Khai báo toàn bộ phần tiền lãi thu được từ trái phiếu trước năm có thay đổi khi trái phiếu được ghi nhận, mua lại hoặc đáo hạn lần cuối tùy điều kiện nào đến trước, ngoại trừ trường hợp phần tiền lãi đã được khai báo trong các năm thuế trước đó.

Quý vị phải đính kèm tuyên bố này vào tờ khai thuế của mình cho năm thay đổi và quý vị phải nộp trước ngày đến hạn (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Quý vị có thể tự động gia hạn thêm 6 tháng kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ cho năm thay đổi (không bao gồm thời gian gia hạn) để nộp bản khai báo cùng tờ khai thuế đã sửa đổi. Trên tuyên bố, ghi hoặc in "Filed pursuant to section 301.9100-2. (Nộp theo đoạn 301.9100-2)". Để được gia hạn, quý vị phải nộp tờ khai thuế ban đầu của mình cho năm thay đổi trước ngày đến hạn (bao gồm cả thời gian gia hạn).

Thay vì nộp tuyên bố này, quý vị có thể yêu cầu thay đổi từ phương pháp 2 sang phương pháp 1 bằng cách điền Mẫu 3115, Đơn Xin Thay Đổi Phương Pháp Kế Toán. Trong trường hợp đó, hãy làm theo hướng dẫn theo mẫu để tự động thay đổi. Không áp dụng phí người dùng.

Người đồng sở hữu. Nếu trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ được phát hành dưới danh nghĩa của nhiều người đồng sở hữu, chẳng hạn như tên của quý vị và con cái hoặc tên của quý vị và vợ/chồng của quý vị thì tiền lãi từ trái phiếu của người đồng sở hữu đã mua trái phiếu sẽ phải chịu thuế.

Khi một người đồng sở hữu sử dụng quỹ. Nếu quý vị đã sử dụng quỹ của mình để mua trái phiếu thì quý vị phải đóng thuế áp dụng cho khoản tiền lãi đó. Điều này được áp dụng ngay cả khi quý vị cho phép người đồng sở hữu khác mua lại trái phiếu và giữ tất cả số tiền thu được. Trong những trường hợp này, người đồng sở hữu đã mua lại trái phiếu sẽ nhận được Mẫu 1099-INT tại thời điểm mua lại và phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT khác có ghi số tiền lãi từ trái phiếu mà quý vị phải chịu thuế. Người đồng sở hữu đã mua lại trái phiếu là "nominee (người được chỉ định)." Xem *Nominee distributions (Phân phối của người được chỉ định)* trong mục *How To Report Interest Income (Cách Khai Báo Thu Nhập từ Tiền Lãi)* trong chương 1 của [IRS.gov/Pub550 \(tiếng Anh\)](#) để biết thêm thông tin về cách người được chỉ định khai báo thu nhập từ tiền lãi thuộc về một người khác.

Khi cả hai người đồng sở hữu sử dụng quỹ. Nếu quý vị và một người đồng sở hữu khác cùng góp tiền để mua trái phiếu thì tiền lãi của từng người sẽ phải chịu thuế tương ứng với số tiền mà mỗi người đã bỏ ra.

Tài sản chung. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị sinh sống tại tiểu bang áp dụng quy định tài sản chung và nắm giữ trái phiếu là tài sản chung thì mỗi người sẽ nhận được một nửa số tiền lãi đó. Nếu quý vị nộp các tờ khai thuế riêng thì mỗi người thường phải khai báo nửa số tiền lãi từ trái phiếu. Để biết thêm thông tin về tài sản chung, xem [Ấn Phẩm 555](#).

Bảng 6-1. Các quy tắc này cũng được thể hiện trong [Bảng 6-1](#).

Chuyển nhượng quyền sở hữu. Nếu quý vị mua Loạt trái phiếu EE, hoặc I hoàn toàn bằng tiền riêng của quý vị và phát hành lại chúng chỉ đứng tên người đồng sở hữu hoặc tên của người thụ hưởng, quý vị phải đưa vào tổng thu nhập của mình cho năm phát hành lại toàn bộ tiền lãi mà quý vị kiếm được từ những trái phiếu này và chưa được khai báo trước đó. Tuy nhiên, nếu trái phiếu được phát hành lại chỉ đứng tên của quý vị, quý vị không phải khai báo khoản tiền lãi tích lũy vào thời điểm đó.

Quy tắc tương tự áp dụng khi các trái phiếu (không phải trái phiếu được giữ như tài sản chung của vợ chồng) được chuyển giao giữa vợ/chồng hoặc khi xảy ra ly hôn.

Mua chung. Nếu quý vị và một người đồng sở hữu từng góp vốn mua chung các Loạt trái phiếu EE, hoặc I và sau đó phát hành lại chúng chỉ đứng tên người đồng sở hữu làm người thụ hưởng, quý vị phải đưa vào tổng thu nhập của mình cho năm phát hành lại phần trái phiếu của mình toàn bộ tiền lãi mà quý vị kiếm được từ những trái phiếu này và chưa được khai báo trước đó. Người đồng sở hữu cũ không phải tính vào tổng thu nhập tại thời điểm phát hành lại phần lãi mà họ kiếm được và chưa được khai báo trước khi chuyển nhượng. Tuy nhiên, khoản lãi này, cũng như tất cả các khoản lãi kiếm được sau khi phát hành lại, là thu nhập của người đồng sở hữu cũ.

Quy tắc khai báo thu nhập này cũng áp dụng khi trái phiếu được một người đồng sở hữu mới mua phần trái phiếu của quý vị và trái phiếu đó được phát hành lại đứng tên người đồng sở hữu cũ của quý vị hoặc một người đồng sở hữu mới. Nhưng người đồng sở hữu mới sẽ chỉ khai báo phần tiền lãi thu được sau khi chuyển nhượng.

Nếu trái phiếu mà quý vị và người đồng sở hữu cùng mua được phát hành lại cho từng người một cách riêng biệt theo tỷ lệ tương đương với phần đóng góp của quý vị vào giá mua, cả quý vị và người đồng sở hữu đều không phải khai báo khoản lãi thu được vào thời điểm đó trước khi trái phiếu được phát hành lại.

Ví dụ 1. Quý vị và vợ/chồng của quý vị mỗi người đã chi một số tiền bằng nhau để mua \$1.000 Loạt trái phiếu tiết kiệm EE. Trái phiếu được phát hành cho quý vị và vợ/chồng của quý vị với tư cách là đồng sở hữu. Cả hai quý vị đều hoàn việc khai báo khoản tiền lãi từ trái phiếu. Sau đó quý vị cho phát hành lại trái phiếu làm hai trái phiếu trị giá \$500, một trái phiếu đứng tên quý vị và một trái phiếu đứng tên vợ/chồng của quý vị. Vào thời điểm đó, cả quý vị lẫn vợ/chồng của quý vị đều không phải khai báo lãi thu được vào ngày phát hành lại.

Ví dụ 2. Quý vị đã mua Loạt trái phiếu tiết kiệm EE trị giá \$1.000 hoàn toàn bằng tiền của mình. Trái phiếu được phát hành cho quý vị và vợ/chồng của quý vị với tư cách là đồng sở hữu. Cả hai quý vị đều hoàn việc khai báo khoản tiền lãi từ trái phiếu. Sau đó quý vị cho phát hành lại trái phiếu làm hai trái phiếu trị giá \$500, một trái phiếu đứng tên quý vị và một trái phiếu đứng tên vợ/chồng của quý vị. Quý vị phải khai báo một nửa số tiền lãi thu được vào ngày phát hành lại.

Chuyển nhượng cho một quỹ ủy thác. Nếu quý vị sở hữu Loạt trái phiếu EE hoặc I và chuyển nhượng chúng cho một quỹ ủy thác, từ bỏ mọi quyền sở hữu, quý vị phải tính vào thu nhập của mình cho năm đó tiền lãi thu được tính đến ngày chuyển nhượng nếu quý vị chưa khai báo nó. Tuy nhiên, nếu quý vị được coi là chủ sở hữu của quỹ ủy thác đó và nếu sự gia tăng giá trị cả trước và sau khi chuyển nhượng vẫn tiếp tục bị đánh thuế đối với quý vị, quý vị có thể tiếp tục hoàn khai báo lãi thu được mỗi năm. Quý vị phải tính cả tổng lãi vào thu nhập của mình trong năm quý vị rút tiền mặt hoặc thanh lý trái phiếu hoặc năm đáo hạn cuối cùng, tùy theo ngày nào sớm hơn.

Quy tắc tương tự cũng áp dụng cho tiền lãi chưa được khai báo trước đây đối với Loạt trái phiếu EE hoặc E nếu việc chuyển nhượng cho quỹ ủy thác bao gồm Loạt trái phiếu HH mà quý vị có được trong một giao dịch Loạt trái phiếu EE hoặc E. Xem [Giao dịch trái phiếu tiết kiệm](#) ở phần sau.

Người quá cố. Phương thức khai báo thu nhập từ tiền lãi từ Loạt trái phiếu EE hoặc I, sau khi người sở

hữu qua đời (người quá cố), phụ thuộc vào phương pháp kế toán và khai báo thu nhập mà người quá cố đã sử dụng trước đây. Phương thức này được trình bày ở chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh).

Giao dịch trái phiếu tiết kiệm. Trước tháng 9 năm 2004, quý vị có thể giao dịch (trao đổi) trái phiếu Loạt E hoặc EE lấy trái phiếu Loạt H hoặc HH. Vào thời điểm giao dịch, quý vị có quyền lựa chọn dùng (hoãn) khai báo lãi suất đã kiếm được trên trái phiếu Loạt E hoặc EE của quý vị cho đến khi trái phiếu Loạt H hoặc HH nhận được trong giao dịch được mua lại hoặc đáo hạn. Bất kỳ khoản tiền mặt nào quý vị nhận được trong giao dịch là thu nhập lên đến số tiền lãi đã tích lũy trên trái phiếu Loạt E hoặc EE. Số thu nhập mà quý vị chọn để hoãn khai báo đã được ghi nhận trên mặt trái phiếu Chuỗi H hoặc HH dưới dạng "Deferred Interest (Lãi suất được hoãn)"; số tiền này cũng bằng chênh lệch giữa giá trị hoàn lại của trái phiếu Loạt H hoặc HH và chi phí của quý vị. Chi phí của quý vị là tổng số tiền quý vị đã trả cho các trái phiếu Loạt E hoặc EE đã trao đổi cộng với bất kỳ số tiền nào quý vị phải trả tại thời điểm giao dịch.

Ví dụ. Quý vị đã giao dịch Loạt trái phiếu EE (mà quý vị đã trì hoãn khai báo lãi suất) để lấy \$2.500 Loạt trái phiếu HH và \$223 tiền mặt. Quý vị đã khai báo \$223 là thu nhập chịu thuế trên tờ khai thuế của mình. Vào thời điểm giao dịch, các Loạt trái phiếu EE có lãi tích lũy là \$523 và giá trị mua lại là \$2.723. Quý vị nắm giữ Loạt trái phiếu HH đến khi đáo hạn, khi quý vị nhận được \$2.500. Quý vị phải khai báo \$300 là khoản thu nhập từ tiền lãi trong năm đáo hạn. Đây là sự khác biệt giữa giá trị mua lại của chúng, \$2.500, và chi phí của quý vị, \$2.200 (số tiền quý vị đã trả để mua Loạt trái phiếu EE). Nó cũng là khoản chênh lệch giữa tiền lãi tích lũy là \$523 Loạt trái phiếu EE và \$223 tiền mặt đã nhận từ giao dịch.

Ghi chú. Số tiền \$300 có thể được khai báo khi mua lại hoặc khi đáo hạn có thể được tìm thấy trên mặt trái phiếu Loạt HH dưới dạng "Lãi suất trả chậm." Nếu nhận được nhiều hơn một trái phiếu Loạt HH trong cuộc trao đổi, tổng số tiền là tiền lãi hoãn / trả chậm trong giao dịch được chia theo tỷ lệ giữa các trái phiếu Loạt HH.

Chọn khai báo tiền lãi trong năm giao dịch. Quý vị có thể đã chọn xử lý tất cả tiền lãi tích lũy chưa được khai báo trước đó từ Loạt trái phiếu E hoặc EE đã giao dịch cho Loạt trái phiếu H hoặc HH làm thu nhập trong năm giao dịch. Nếu quý vị chọn khai báo tiền lãi thì ký hiệu "Lãi suất trả chậm." trên mặt trái phiếu H hoặc HH nhận được trong giao dịch sẽ là \$0 hoặc để trống.

Mẫu 1099-INT để biết lãi suất trái phiếu tiết kiệm của Hoa Kỳ. Khi quý vị rút tiền mặt một trái phiếu, ngân hàng hoặc người thanh toán khác mua lại trái phiếu đó phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-INT nếu phần lãi của khoản thanh toán quý vị nhận được là \$10 trở lên. Ở 3 của Mẫu 1099-INT của quý vị phải thể hiện tiền lãi là khoản chênh lệch giữa số tiền quý vị nhận được và số tiền đã trả khi mua trái phiếu. Tuy nhiên, Mẫu 1099-INT của quý vị có thể cho thấy nhiều tiền lãi hơn quý vị phải đưa vào tờ khai thuế thu nhập của mình. Ví dụ, điều này có thể xảy ra nếu bất kỳ điều nào sau đây là đúng.

- Quý vị chọn khai báo sự gia tăng giá trị mua lại của trái phiếu mỗi năm. Tiền lãi được thể hiện trong Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi các khoản tiền trước đó đã tính vào trong thu nhập.

- Quý vị nhận được trái phiếu từ một người quá cố. Tiền lãi thể hiện trong Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi bất kỳ khoản lãi nào được khai báo bởi người quá cố trước khi qua đời, hoặc trên tờ khai thuế cuối cùng của người quá cố, hoặc theo tài sản trong tờ khai thuế thu nhập của tài sản.
- Chuyển nhượng quyền sở hữu trái phiếu. Tiền lãi thể hiện trên Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi lãi tích lũy trước khi chuyển.

Ghi chú. Điều này đúng với trái phiếu giấy, nhưng quy trình khai báo của Bộ Tài Chính đối với trái phiếu điện tử được tinh chỉnh hơn — nếu Bộ Tài Chính biết rằng việc chuyển giao trái phiếu tiết kiệm điện tử là một sự kiện có thể khai báo, thì người chuyển sẽ nhận được Mẫu 1099-INT cho năm chuyển khoản đối với khoản lãi phát sinh tính đến thời điểm chuyển khoản; khi người được chuyển nhượng sau đó xử lý trái phiếu (mua lại, đáo hạn hoặc chuyển nhượng thêm), người được chuyển nhượng sẽ nhận được Mẫu 1099-INT giảm theo số tiền được khai báo cho người chuyển tại thời điểm chuyển giao ban đầu.

- Quý vị đứng tên là đồng sở hữu và đồng sở hữu khác cùng góp vốn để mua trái phiếu. Tiền lãi thể hiện trên Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi số tiền quý vị nhận được với tư cách là người được chỉ định làm đồng sở hữu khác. Xem [Người đồng sở hữu](#) ở phần trước của chương này để biết thêm thông tin về các yêu cầu khai báo.)
- Quý vị đã nhận được trái phiếu dưới dạng khoản phân phối chịu thuế từ chương trình hưu trí hoặc chia sẻ lợi nhuận. Tiền lãi thể hiện trong Mẫu 1099-INT của quý vị sẽ không bị giảm đi phần lãi của số tiền chịu thuế như khoản phân phối từ chương trình và không bị đánh thuế dưới dạng tiền lãi. (Số tiền này thường được thể hiện trong Mẫu 1099-R, Phân Phối từ Tiền Hưu Bổng, Niên Kim, Chương Trình Hưu Trĩ hoặc Chia Sẻ Lợi Nhuận, IRA, Hợp Đồng Bảo Hiểm, v.v... cho năm phân phối.)

Để biết thêm thông tin về việc nêu số tiền lãi chính xác trong tờ khai thuế của quý vị, xem phần [Cách Khai Báo Thu Nhập từ Tiền Lãi](#) ở phần sau. Ấn Phẩm 550 bao gồm các ví dụ chỉ dẫn cách khai báo những số tiền này.

TIP *Lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ được miễn thuế tiểu bang và địa phương. Mẫu 1099-INT quý vị nhận được sẽ cho biết số tiền dành cho lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ ở ô 3.*


Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục

Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập toàn bộ hoặc một phần lãi quý vị nhận được từ việc mua lại trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện trong năm nếu quý vị thanh toán các khoản chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện trong cùng năm đó. Việc loại trừ này được gọi là Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục.

Quý vị không đủ điều kiện cho loại trừ này nếu tình trạng nộp hồ sơ của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế.

Mẫu 8815. Sử dụng Mẫu 8815 để tính phần loại trừ của quý vị. Đính kèm Mẫu của quý vị vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện. Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện là Loạt trái phiếu EE được phát hành sau năm 1989 hoặc Loạt trái phiếu I. Trái phiếu phải được phát hành dưới tên của quý vị (chủ sở hữu duy nhất) hoặc dưới tên của quý vị và tên vợ/chồng quý vị (đồng sở hữu). Quý vị phải đủ 24 tuổi trở lên trước ngày phát hành trái phiếu. Ví dụ: Trái phiếu do cha mẹ mua và phát hành đứng tên con của họ dưới 24 tuổi không đủ điều kiện để cha mẹ hoặc con cái được loại trừ.

 Ngày phát hành trái phiếu có thể sớm hơn ngày mua trái phiếu vì ngày phát hành trái phiếu được ấn định là ngày đầu tiên của tháng trái phiếu được mua.

Người thụ hưởng. Quý vị có thể chỉ định bất kỳ cá nhân nào (kể cả trẻ em) là người thụ hưởng trái phiếu.

Xác minh bởi IRS. Nếu quý vị yêu cầu loại trừ, IRS sẽ kiểm tra bằng cách sử dụng thông tin mua lại trái phiếu từ Bộ Tài Chính.

Chi phí đủ điều kiện. Chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện là học phí và lệ phí cần thiết để quý vị, vợ/chồng của quý vị, hoặc người phụ thuộc của quý vị (người mà quý vị yêu cầu miễn giảm) theo học tại một cơ sở giáo dục đủ điều kiện.

Các chi phí đủ điều kiện bao gồm bất kỳ khoản đóng góp nào mà quý vị thực hiện cho một chương trình học phí đủ điều kiện hoặc vào Trường mục tiết kiệm giáo dục Coverdell (Coverdell education savings account, ESA).

Các chi phí đủ điều kiện không bao gồm chi phí ăn ở hoặc cho các khóa học liên quan đến thể thao, trò chơi, hoặc sở thích không thuộc chương trình cấp bằng hoặc chứng chỉ.

Cơ sở giáo dục đủ điều kiện. Các tổ chức này bao gồm hầu hết các trường đại học, cao đẳng và trường dạy nghề công lập, tư thục và phi lợi nhuận được công nhận và đủ điều kiện tham gia vào các chương trình hỗ trợ sinh viên do Bộ Giáo Dục và Đào Tạo Hoa Kỳ điều hành.

Giảm một số lợi ích nhất định. Quý vị phải giảm chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của mình bằng tất cả các quyền lợi miễn thuế sau đây.

1. Phần học bổng và nghiên cứu sinh được miễn thuế (xem [Học bổng và nghiên cứu sinh](#) ở chương 8).
2. Các chi phí được sử dụng để tính phần phân phối miễn thuế từ Coverdell ESA.
3. Các chi phí được sử dụng để tính phần phân phối miễn thuế từ một chương trình học phí đủ điều kiện.
4. Bất kỳ khoản thanh toán miễn thuế nào (ngoài quà tặng hoặc thừa kế) nhận được để chi trả chi phí giáo dục, chẳng hạn như:
 - a. Trợ cấp hỗ trợ giáo dục của cựu chiến binh,
 - b. Giảm học phí đủ điều kiện, hoặc
 - c. Trợ cấp giáo dục do nhà tuyển dụng cung cấp.
5. Bất kỳ chi phí nào sử dụng trong việc tính Tin Thuế Cơ Hội Mỹ và Tin Thuế Giáo Dục Trộn Đồi.

Số tiền có thể loại trừ. Nếu tổng số tiền thu được (lãi và gốc) từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện mà quý vị mua lại trong năm không nhiều hơn chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện đã điều

chính của quý vị trong năm, quý vị có thể loại trừ tất cả lãi suất. Nếu số tiền thu được nhiều hơn chi phí, quý vị có thể chỉ loại trừ một phần tiền lãi.

Để xác định số tiền có thể loại trừ, hãy nhân phần lãi của số tiền thu được với một phân số. Từ số của phân số là chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện mà quý vị đã trả trong năm. Mẫu của phân số là tổng số tiền quý vị nhận được trong năm.

Ví dụ. Tháng 2 năm 2022, Mark và Joan, một cặp vợ chồng đã kết hôn, đã rút tiền mặt từ Loại trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ EE với tổng mệnh giá \$10.000 mà họ đã mua tháng 04 năm 2006 với giá \$5.000. Họ nhận được số tiền là \$8.264, tương ứng với số tiền gốc \$5.000 và tiền lãi \$3.264. Năm 2022, họ đã trả \$4.000 học phí đại học của con gái. Họ không yêu cầu một khoản tin thuế giáo dục cho số tiền đó, và con gái của họ không có bất kỳ trợ cấp giáo dục miễn thuế nào. Họ có thể loại trừ \$1.580 ($\$3.264 \times (\$4.000 \div \$8.264)$) tiền lãi trong năm 2022. Họ phải tính số tiền lãi còn lại là \$1.684 ($\$3.264 - \1.580) vào trong tổng thu nhập.

Gới hạn tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi. Việc loại trừ tiền lãi bị giới hạn nếu tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới (AGI đã sửa đổi) của quý vị là:

- \$128.650 đến \$158.650 đối với người đóng thuế đã kết hôn và khai thuế chung, và
- \$85.800 đến \$100.800 cho tất cả người đóng thuế khác.

Quý vị không đủ điều kiện để được loại trừ tiền lãi nếu AGI đã sửa đổi của quý vị bằng hoặc lớn hơn giới hạn trên áp dụng cho tình trạng nộp hồ sơ của quý vị.

AGI đã sửa đổi, vì mục đích của loại trừ này, là tổng thu nhập đã điều chỉnh (Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11) được tính trước khi loại trừ tiền lãi, và được sửa đổi bằng cách cộng lại bất kỳ:

1. Loại trừ cho thu nhập kiếm được từ nước ngoài,
2. Loại trừ và khấu trừ cho thu nhập từ nhà ở nước ngoài,
3. Loại trừ cho thu nhập của cư dân có hạo ý của Samoa thuộc Mỹ,
4. Loại trừ đối với thu nhập từ Puerto Rico,
5. Loại trừ đối với quyền lợi do nhận con nuôi được nhận theo chương trình hỗ trợ nhận con nuôi của chủ lao động, và
6. Khấu trừ cho lãi vay sinh viên

Sử dụng Dòng 9 Mẫu Tính Toán trong hướng dẫn Mẫu 8815 cách tính AGI sửa đổi của quý vị.

Nếu quý vị có chi phí lãi suất đầu tư phát sinh để kiếm tiền bản quyền và các khoản thu nhập đầu tư khác, xem phần *Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục* ở chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh).



Lưu giữ hồ sơ. Nếu quý vị yêu cầu loại trừ tiền lãi, quý vị phải giữ một hồ sơ bằng văn bản về các loại trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện mà quý vị mua lại. Hồ sơ của quý vị phải bao gồm số sê-ri, ngày phát hành, mệnh giá và tổng số tiền thu được (gốc và lãi) của mỗi trái phiếu. Quý vị có thể sử dụng Mẫu 8818 để ghi lại thông tin này. Quý vị cũng nên giữ các hóa đơn, biên lai, séc đã hủy hoặc các tài liệu khác cho thấy quý vị đã thanh toán các chi phí giáo dục đại học trong năm.

Trái Phiếu Hoa Kỳ Ngắn Hạn, Trung Hạn, và Dài Hạn

Trái phiếu ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn là các khoản nợ trực tiếp (công trái) của Chính Phủ Hoa Kỳ.

Đánh thuế tiền lãi. Tiền lãi từ trái phiếu ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn phải chịu thuế thu nhập liên bang nhưng được miễn tất cả các loại thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương. Quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-INT thể hiện tiền lãi được trả cho quý vị trong năm ở ô 3.

Trái phiếu ngắn hạn. Các loại trái phiếu ngắn hạn này thường có thời gian đáo hạn 4 tuần, 8 tuần, 13 tuần, 26 tuần hoặc 52 tuần. Chúng thường được phát hành chiết khấu với số tiền \$100 và bội số của \$100. Chênh lệch giữa giá chiết khấu quý vị trả cho trái phiếu ngắn hạn và mệnh giá quý vị nhận được khi đáo hạn là thu nhập từ tiền lãi. Nói chung, quý vị khai báo thu nhập tiền lãi này khi phiếu ngắn hạn được thanh toán khi đáo hạn. Nếu quý vị đã trả một số tiền thêm (premium) cho một trái phiếu ngắn hạn (nhiều hơn mệnh giá), quý vị thường khai báo số tiền trả thêm là khoản khấu trừ theo mục 171 khi trái phiếu ngắn hạn được thanh toán khi đáo hạn.

Trái phiếu trung hạn và dài hạn. Trái phiếu trung hạn thông thường đáo hạn hơn 1 năm và lên đến 10 năm. Thời gian đáo hạn cho trái phiếu dài hạn thông thường nhiều hơn 10 năm. Cả hai thường được phát hành với mệnh giá từ \$100 đến \$1.000.000 và thường trả lãi 6 tháng một lần. Thông thường, quý vị sẽ khai báo khoản lãi này cho năm được trả. Để biết thêm thông tin, xem phần *U.S. Treasury Bills, Notes, and Bonds (Trái Phiếu Hoa Kỳ Ngắn Hạn, Trung Hạn, và Dài Hạn)* ở chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh).



Để tìm hiểu thêm thông tin về trái phiếu trung hạn và dài hạn bằng giấy, vui lòng gửi thư về:

Treasury Retail Securities Services
P.O. Box 9150
Minneapolis, MN 55480-9150



Hoặc, bấm vào liên kết đến trang mạng của Bộ Tài Chính tại địa chỉ: [TreasuryDirect.gov/marketable-securities/](https://www.treasurydirect.gov/marketable-securities/) (tiếng Anh).

Để biết thêm thông tin về Loại trái phiếu tiết kiệm EE, I, và HH, xem phần *Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ* trước đó.

Chứng khoán chống lạm phát của Bộ Tài Chính (TIPS). Các loại chứng khoán này trả lãi hai lần một năm với tỷ lệ cố định, dựa vào số tiền gốc được điều chỉnh có tính đến lạm phát và giảm phát. Để biết cách xử lý thuế đối với những loại trái phiếu này, xem phần *Inflation-Indexed Debt Instruments (Công Cụ Nợ Điều Chỉnh Theo Lạm Phát)* trong phần *Original Issue Discount (Giảm Giá Phát Hành Gốc) (OID)* của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh).

Trái Phiếu Được Bán Giữa Các Ngày Trả Lãi

Nếu quý vị bán trái phiếu giữa những ngày thanh toán lãi, một phần của giá bán biểu thị tiền lãi được tích lũy vào ngày bán. Quý vị phải khai báo phần đó

của giá bán dưới dạng thu nhập từ tiền lãi cho năm bán.

Nếu quý vị mua một trái phiếu giữa những ngày thanh toán lãi, một phần của giá mua biểu thị tiền lãi được tích lũy trước ngày mua. Khi khoản lãi đó được trả cho quý vị, hãy coi nó như một khoản hoàn vốn không chịu thuế cho khoản đầu tư vốn của quý vị, chứ không phải là thu nhập từ tiền lãi. Xem *Lãi suất tích lũy trên trái phiếu* trong phần *How To Report Interest Income (Cách Khai Báo Thu Nhập từ Tiền Lãi)* ở chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh) để biết thông tin về việc khai báo thanh toán.

Bảo hiểm

Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho quý vị với tư cách là người thụ hưởng của người được bảo hiểm thường không bị đánh thuế. Nhưng nếu quý vị nhận được tiền theo từng đợt, quý vị thường phải khai báo một phần của mỗi đợt thanh toán dưới dạng thu nhập từ tiền lãi.

Để biết thêm thông tin về tiền bảo hiểm nhận được theo từng đợt, xem phần *Ấn Phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế*.

Niên kim. Nếu quý vị mua một niên kim bằng tiền bảo hiểm, các khoản thanh toán niên kim mà quý vị nhận được sẽ bị đánh thuế là thu nhập từ hưu bổng và niên kim từ một chương trình không đủ tiêu chuẩn, không phải là thu nhập từ tiền lãi. Xem [chương 5](#) để biết thông tin về thu nhập hưu bổng và niên kim từ các chương trình không đủ tiêu chuẩn.

Công Trái của Chính Quyền Tiểu Bang hoặc Địa Phương

Lãi suất trên một trái phiếu được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động của chính phủ thường không bị đánh thuế nếu trái phiếu được phát hành bởi tiểu bang, Đặc khu Columbia, thuộc sở hữu của Hoa Kỳ, hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào.

Trái phiếu được phát hành sau năm 1982 bởi một chính quyền bộ lạc (bao gồm các trái phiếu phát triển kinh tế bộ lạc được phát hành sau ngày 17 tháng 02 năm 2009) được coi như do một tiểu bang phát hành. Lãi suất đối với trái phiếu này thường được miễn thuế nếu trái phiếu là một phần của một đợt phát hành mà về cơ bản tất cả số tiền thu được sẽ được sử dụng cho việc thực hiện bất kỳ chức năng thiết yếu nào của chính quyền. Tuy nhiên, yêu cầu về chức năng thiết yếu của chính phủ không áp dụng cho các trái phiếu phát triển kinh tế bộ lạc được phát hành sau ngày 17 tháng 2 năm 2009. Xem đoạn 7871 (f).

Để biết thêm thông tin về trái phiếu được bảo lãnh liên bang, trái phiếu doanh thu thế chấp, trái phiếu chênh lệch giá, trái phiếu hoạt động tư nhân, trái phiếu tín thuế đủ điều kiện, và trái phiếu Xây Dựng Hoa Kỳ, bao gồm liệu tiền lãi của những trái phiếu này có chịu thuế không, xem *State or Local Government Obligations (Công Trái của Chính Quyền Tiểu Bang hoặc Địa Phương)* ở chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh).

Yêu cầu khai báo thông tin. Nếu quý vị khai thuế, quý vị phải trình bày bất kỳ khoản lãi được miễn thuế nào mà quý vị nhận được trên tờ khai của mình. Khoản lãi miễn thuế trả cho quý vị sẽ được khai báo cho quý vị trên Mẫu 1099-INT, ở ô 8. Đây chỉ là yêu cầu khai báo thông tin. Nó không thay đổi tiền lãi miễn thuế thành tiền lãi chịu thuế.

Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)

Giảm giá phát hành gốc (OID) là một hình thức tiền lãi. Quý vị thường đưa OID vào thu nhập của mình khi nó tích lũy trong thời hạn của công cụ nợ, cho dù quý vị có nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ tổ chức phát hành hay không.

Một công cụ nợ thường có OID khi công cụ đó được phát hành với giá thấp hơn giá mua lại đã nêu của nó khi đáo hạn. OID là chênh lệch giữa giá mua lại đã nêu khi đáo hạn và giá phát hành.

Tất cả các công cụ nợ không trả lãi trước hạn được coi là được phát hành với giá chiết khấu. Trái phiếu không nhận trái tức là một ví dụ của những công cụ này.

Các quy tắc tích lũy OID thường không áp dụng cho các công trái ngắn hạn (những công trái có ngày đáo hạn cố định từ 1 năm trở xuống kể từ ngày phát hành). Xem *Discount on Short-Term Obligations (Giảm Giá Công Trái Ngắn Hạn)* ở chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh).

OID cực tiểu. Quý vị có thể coi chiết khấu là không nếu nó nhỏ hơn một phần tư của 1% (0,0025) của giá mua lại đã nêu khi đáo hạn nhân với số năm đầy đủ kể từ ngày phát hành gốc đến ngày đáo hạn. Khoản chiết khấu nhỏ này được gọi là OID cực tiểu.

Ví dụ 1. Quý vị mua trái phiếu 10 năm với giá mua lại đã nêu khi đáo hạn là \$1.000, được phát hành ở mức \$980 với OID là \$20. Một phần tư của 1% của \$1.000 (giá mua lại đã nêu) nhân với 10 (số năm đầy đủ từ ngày phát hành gốc đến khi đáo hạn) bằng \$25. Vì khoản chiết khấu \$20 nhỏ hơn \$25, OID được coi là 0. (Nếu quý vị giữ trái phiếu khi đáo hạn, quý vị sẽ ghi nhận \$20 (\$1.000 – \$980) tiền lãi gốc.)

Ví dụ 2. Các thông tin tương tự như ở *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc trái phiếu được phát hành với giá \$950. OID là \$50. Vì khoản chiết khấu \$50 nhiều hơn số tiền \$25 được tính ở *Ví dụ 1*, quý vị phải đưa OID vào thu nhập khi nó tích lũy trong thời hạn của trái phiếu.

Công cụ nợ đã mua sau phát hành gốc. Nếu quý vị mua một công cụ nợ với OID tối thiểu ở mức phí mua bảo hiểm, OID tối thiểu sẽ không được tính vào thu nhập. Nếu quý vị mua một công cụ nợ với OID tối thiểu ở mức chiết khấu, khoản chiết khấu được khai báo theo các quy tắc chiết khấu thị trường. Xem *Market Discount Bonds (Trái Phiếu Chiết Khấu Thị Trường)* ở chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh).

Các trường hợp ngoại lệ khai báo OID dưới dạng thu nhập hiện tại. Các quy tắc OID đã thảo luận trong chương này không áp dụng cho các công cụ nợ sau đây.

1. Các công trái được miễn thuế. (Tuy nhiên, xem *Công trái miễn thuế không nhận lãi* trong phần *Trái Phiếu và Trái Tức Không Nhận Lãi* ở chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh).)
2. Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ.
3. Các công cụ nợ ngắn hạn (những khoản có thời gian đáo hạn cố định không quá 1 năm kể từ ngày phát hành).
4. Các khoản vay giữa cá nhân nếu tất cả những điều sau đây là đúng.

- a. Khoản vay không được thực hiện trong quá trình giao dịch hoặc kinh doanh của người cho vay.
 - b. Số tiền vay, cộng với số tiền của bất kỳ khoản vay trước chưa trả nào giữa các cá nhân đó là \$10.000 trở xuống.
 - c. Tránh bất kỳ khoản thuế liên bang nào không phải là một trong những mục đích chính của khoản vay.
5. Một công cụ nợ được mua ở mức phí mua bảo hiểm.

Mẫu 1099-OID. Chủ thể phát hành công cụ nợ (hoặc người môi giới của quý vị nếu quý vị giữ công cụ đó thông qua một người môi giới) phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-OID, hoặc tờ khai tương tự, nếu tổng OID cho năm dương lịch là \$10 trở lên. Mẫu 1099-OID sẽ thể hiện, trong ô 1, số tiền OID cho phần của năm mà quý vị nắm giữ trái phiếu. Mẫu này cũng sẽ kê khai trong ô 2 số tiền lãi đã nêu mà quý vị phải đưa vào thu nhập của mình. Ô 8 thể hiện OID theo công trái của Bộ Tài Chính Hoa Kỳ cho phần của năm mà quý vị sở hữu nó và không được bao gồm trong ô 1. Bản sao của Mẫu 1099-OID sẽ được gửi đến IRS. Đừng nộp bản sao của quý vị cùng với tờ khai thuế của quý vị. Giữ nó trong hồ sơ của quý vị.

Trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải khai báo toàn bộ số tiền trong ô 1, 2, và 8 của Mẫu 1099-OID dưới dạng thu nhập từ tiền lãi. Nhưng hãy xem *Tính toán lại OID thể hiện trong Mẫu 1099-OID* ở phần sau của thảo luận này, để biết thêm thông tin.

Không nhận được Mẫu 1099-OID. Nếu quý vị có OID trong năm nhưng không nhận được Mẫu 1099-OID, quý vị có thể phải tính số tiền OID chính xác để khai báo trong tờ khai thuế của mình. Xem Ấn Phẩm 1212 để biết chi tiết về cách tính OID chính xác.

Người được chỉ định. Nếu người khác là người có tên trên hồ sơ (chủ sở hữu đã đăng ký) của công cụ OID thuộc về quý vị và nhận được Mẫu 1099-OID thay mặt quý vị, người đó phải cung cấp cho quý vị Mẫu 1099-OID.

Tính toán lại OID thể hiện trên Mẫu 1099-OID. Quý vị có thể cần phải tính toán lại OID thể hiện ở ô 1 hoặc ô 8 của Mẫu 1099-OID nếu một trong hai điều sau áp dụng.

- Quý vị đã mua công cụ nợ sau khi phát hành gốc và đã trả phí hoặc một khoản phí mua lại.
- Công cụ nợ là trái phiếu không nhận lãi hoặc trái tức không nhận lãi (bao gồm một số công cụ không trái tức).

Nếu quý vị mua công cụ nợ của mình trước năm 2014, người trả tiền của quý vị chỉ phải khai báo tổng số tiền OID trong ô 1 hoặc ô 8 của Mẫu 1099-OID.

Để biết thông tin về cách tính toán lại số tiền OID chính xác để đưa vào trong thu nhập của quý vị, xem *Figuring OID on Long-Term Debt Instruments (Tính OID trên các Công Cụ Nợ Dài Hạn)* trong Ấn Phẩm 1212 và *Instructions for Recipient (Hướng Dẫn cho Người Nhận)* của Mẫu 1099-OID.

Nếu quý vị mua công cụ nợ của mình vào hoặc sau năm 2013, trừ khi quý vị đã thông báo cho người trả tiền của mình rằng quý vị không muốn khấu hao tiền trả thêm cho trái phiếu, người trả tiền của quý vị thường phải khai báo một trong hai (1) lượng OID ròng phản ánh khoản đền bù OID bằng số tiền trả thêm cho trái phiếu hoặc khấu hao tiền trả thêm để mua lại trong năm, hoặc (2) tổng số tiền cho cả OID

và tiền trả thêm cho trái phiếu hoặc khấu hao tiền trả thêm để mua lại trong năm.

Tính toán lại lãi suất định kỳ thể hiện trên Mẫu 1099-OID. Nếu quý vị thanh lý một công cụ nợ hoặc mua lại nó từ một chủ sở hữu khác trong năm, xem *Trái Phiếu Bán Giữa Những Ngày Tính Lãi* ở phần trước để biết thông tin về cách xử lý tiền lãi định kỳ có thể được hiển thị ở ô 2 của Mẫu 1099-OID cho công cụ đó.

Chứng thư gửi tiền định kỳ (CD). Nếu quý vị mua CD có thời hạn thanh toán hơn 1 năm, quý vị phải đưa vào trong thu nhập mỗi năm phần trong tổng tiền lãi đến hạn và khai báo theo cách tương tự như OID khác.

Điều này cũng áp dụng cho các thỏa thuận tiền gửi tương tự với các ngân hàng, hiệp hội xây dựng và cho vay, v.v..., bao gồm:

- Tiền gửi có kỳ hạn,
- Góii tiền thưởng,
- Chứng chỉ tiết kiệm,
- Chứng nhận thu nhập được tri hoãn,
- Chứng chỉ tiết kiệm thưởng, và
- Chứng chỉ tiết kiệm tăng trưởng.

CD vô danh. CD được phát hành sau năm 1982 thường phải ở dạng đã đăng ký. CD vô danh là các CD không ở dạng đã đăng ký. Chúng không được phát hành dưới tên của người gửi và có thể chuyển nhượng từ cá nhân này sang cá nhân khác.

Các ngân hàng phải cung cấp cho IRS và người mua lại một CD vô danh Mẫu 1099-INT.

Thông tin bổ sung. Xem chương 1 của [IRS.gov/Pub550](https://www.irs.gov/pub/550) (tiếng Anh) để biết thêm thông tin về OID và các chủ đề liên quan, chẳng hạn như trái phiếu chiết khấu thị trường.

Khi Nào Khai Báo Thu Nhập từ Tiền Lãi

Thời điểm khai báo thu nhập từ tiền lãi phụ thuộc vào việc quý vị sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt hay phương pháp kế toán tích lũy để khai báo thu nhập.

Phương pháp thu chi bằng tiền mặt. Hầu hết người nộp thuế cá nhân sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt. Nếu quý vị sử dụng phương pháp này, quý vị thường khai báo thu nhập từ tiền lãi trong năm mà quý vị thực nhận hoặc được suy định là nhận. Tuy nhiên, có những quy tắc đặc biệt để khai báo chiết khấu đối với một số công cụ nợ. Xem *Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ* và *Giảm Giá Phát Hành Gốc (OID)* trước đó.

Ví dụ. Vào ngày 01 tháng 09 năm 2020, quý vị đã cho một cá nhân khác vay \$2.000 với lãi suất 4%, cộng dồn hàng năm. Quý vị không kinh doanh cho vay tiền. Trái phiếu cho biết rằng tiền gốc và lãi sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 08 năm 2022. Năm 2022, quý vị nhận được \$2.163,20 (\$2.000 tiền gốc và \$163,20 tiền lãi). Nếu quý vị sử dụng phương pháp chi thu bằng tiền mặt, quý vị phải đưa vào trong thu nhập trong tờ khai thuế 2022 của mình số tiền lãi \$163,20 mà quý vị nhận được trong năm đó.

Khoản nhận suy định. Quý vị được suy định nhận thu nhập khi nó được ghi có vào tài khoản của quý vị hoặc được cung cấp sẵn cho quý vị. Quý vị không cần thực sự sở hữu khoản tiền đó. Ví dụ, quý vị được coi là nhận tiền lãi, cổ tức, hoặc các khoản thu nhập khác trên bất kỳ khoản tiền gửi hoặc tài

khoản nào trong ngân hàng, khoản tiết kiệm và khoản vay, hoặc tổ chức tài chính tương tự, hoặc tiền lãi từ cổ tức trong hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được để lại để tích lũy khi chúng được ghi có vào tài khoản và tùy thuộc vào việc rút tiền của quý vị.

Quý vị được suy định nhận thu nhập đối với khoản tiền gửi hoặc tài khoản ngay cả khi quý vị phải:

- Rút tiền theo bội số của số tiền chẵn;
- Đưa ra thông báo rút tiền trước khi thực hiện rút tiền;
- Rút toàn bộ hoặc một phần tài khoản để rút số tiền kiếm được; hoặc
- Trả một khoản phạt trên số tiền rút trước hạn, trừ khi tiền lãi quý vị được nhận khi rút tiền trước hạn hoặc tất toán về ít hơn đáng kể so với tiền lãi phải trả khi đáo hạn.

Phương pháp kế toán tích lũy. Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, quý vị sẽ khai báo thu nhập từ tiền lãi khi quý vị kiếm được, dù quý vị đã nhận được hay chưa. Tiền lãi thu được trong thời hạn của công cụ cụ thể.

Ví dụ. Nếu, trong ví dụ trước, quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, quý vị phải đưa tiền lãi vào thu nhập của mình khi quý vị thu được nó. Quý vị sẽ khai báo tiền lãi như sau: 2020, \$26,67; 2021, \$81,06; và 2022, \$55,47.

Trái phiếu cưỡng. Tiền lãi đối với trái phiếu vô danh với phiếu trả lãi tách rời thường bị đánh thuế trong năm phiếu trả lãi đó đến hạn và phải trả. Không quan trọng thời điểm quý vị gửi phiếu trả lãi để thanh toán.

Cách Khai Báo Thu Nhập từ Tiền Lãi

Nhìn chung, quý vị sẽ khai báo tất cả thu nhập chịu thuế từ tiền lãi theo Mẫu Form 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2b.

Bảng B (Mẫu 1040). Quý vị cũng phải hoàn thành Bảng B (Mẫu 1040), Phần I, nếu quý vị nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR và bất kỳ trường hợp nào sau đây được áp dụng.

1. Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của quý vị nhiều hơn \$1.500.
2. Quý vị đang yêu cầu loại trừ tiền lãi theo [Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục](#) (đã thảo luận ở trên).
3. Quý vị đã nhận được tiền lãi từ một khoản thế chấp do người bán tài trợ, và người mua đã sử dụng tài sản đó như một ngôi nhà.
4. Quý vị đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ bao gồm số tiền quý vị đã khai báo trong năm tính thuế trước đó.
5. Quý vị đã nhận được, với tư cách người được chỉ định, tiền lãi thực tế thuộc về người khác.
6. Quý vị đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi từ tiền gửi bị đóng băng.
7. Quý vị đã nhận được Mẫu 1099-INT cho tiền lãi từ trái phiếu mà quý vị mua giữa những ngày trả lãi.
8. Quý vị đang khai báo OID số tiền ít hơn số tiền thể hiện trên Mẫu 1099-OID.

9. Quý vị giảm thu nhập từ tiền lãi trái phiếu bằng phí khấu hao tiền trả thêm có thể khấu hao cho trái phiếu.

Ở Phần I, dòng 1, liệt kê từng người thanh toán và số tiền nhận được từ mỗi người. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT hoặc Mẫu 1099-OID từ một công ty môi giới, hãy ghi công ty môi giới đó là người trả tiền.



Ô được đề cập thảo luận bên dưới là từ Mẫu 1099-INT và Mẫu 1099-DIV bản sửa đổi năm 2022. Các bản sửa đổi sau này có thể có các ô được đề cập khác nhau.

Khai báo tiền lãi miễn thuế. Tổng số tiền lãi miễn thuế của quý vị (chẳng hạn như lãi suất hoặc OID tích lũy trên một số trái phiếu tiểu bang và đô thị, bao gồm cả trái phiếu đô thị không trái tức) được khai báo trong Mẫu 1099-INT, ô 8, Mẫu 1099-OID, ô 11, và cổ tức được miễn lãi từ quỹ tương hỗ hoặc công ty đầu tư khác hoạt động theo các quy định của pháp luật được khai báo trên Mẫu 1099-DIV, ô 12. Cộng các số tiền này với bất kỳ khoản lãi được miễn thuế nào khác mà quý vị nhận được. Khai báo tổng số trên dòng 2a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Mẫu 1099-INT, ô 9, và Mẫu 1099-DIV, ô 13, thể hiện tiền lãi miễn thuế chịu mức thuế tối thiểu thay thế trên Mẫu 6251. Các số tiền này đã được bao gồm trong các số tiền trên Mẫu 1099-INT, ô 8, và Mẫu 1099-DIV, ô 12. Không thêm số tiền trong Mẫu 1099-INT, ô 9, và Mẫu 1099-DIV, ô 13, vào, hoặc trừ khỏi số tiền trên Mẫu 1099-INT, ô 8, và Mẫu 1099-DIV, ô 12.



Không khai báo tiền lãi từ IRA dưới dạng tiền lãi miễn thuế.

Mẫu 1099-INT. Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của quý vị, ngoại trừ lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ và công trái Bộ Tài Chính, được thể hiện trong ô 1 của Mẫu 1099-INT. Cộng số tiền này vào bất kỳ thu nhập từ tiền lãi chịu thuế nào khác mà quý vị nhận được. Xem Instructions for Recipient (Hướng Dẫn cho Người Nhận) của Mẫu 1099-INT nếu quý vị có tiền lãi từ một chứng khoán có được bằng một số tiền trả thêm. Quý vị phải khai báo tất cả thu nhập từ tiền lãi chịu thuế của mình ngay cả khi quý vị không nhận được Mẫu 1099-INT. Liên hệ với tổ chức tài chính của quý vị nếu quý vị có thể bị cắt ngắn trên bất kỳ Mẫu 1099-INT nào mà quý vị nhận được.

Nếu quý vị bỏ đi thu nhập từ tiền lãi và rút tiền trước hạn, số tiền khấu trừ sẽ được thể hiện trên Mẫu 1099-INT ở ô 2. Xem *Penalty on early withdrawal of savings* (Phạt rút tiền tiết kiệm trước hạn) tại chương 1 của [IRS.gov/Pub550 \(tiếng Anh\)](#).

Ô 3 của Mẫu 1099-INT thể hiện thu nhập từ lãi mà quý vị nhận được từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, Ngân Khố Phiếu Ngắn Hạn, Ngân Khố Phiếu Trung hạn, và Trái Phiếu Ngân Khố. Nói chung, hãy cộng số tiền thể hiện ở ô 3 vào bất kỳ thu nhập từ tiền lãi chịu thuế nào khác mà quý vị nhận được. Nếu một phần của số tiền thể hiện trong ô 3 trước đây đã được bao gồm trong thu nhập từ tiền lãi, xem [lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đã khai báo trước đó](#) ở phần sau. Nếu quý vị có được chứng khoán bằng một số tiền trả thêm, xem Instructions for Recipient (Hướng Dẫn cho Người Nhận) của Mẫu 1099-INT.

Ô 4 của Mẫu 1099-INT sẽ chứa một số tiền nếu quý vị phải duy trì khấu trừ dự phòng. Bao gồm số tiền từ ô 4 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25b (đã khấu trừ thuế thu nhập liên bang).

Ô 5 của Mẫu 1099-INT thể hiện chi phí đầu tư. Số tiền này không được khấu trừ. Xem [chương 12](#) để biết thêm thông tin về các chi phí đầu tư.

Ô 6 của Mẫu 1099-INT thể hiện thuế nước ngoài đã nộp. Quý vị có thể yêu cầu khoản thuế này như một khoản khấu trừ hoặc một khoản tín dụng trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị. Xem hướng dẫn khai thuế của quý vị.

Ô 7 của Mẫu 1099-INT thể hiện quốc gia hoặc các vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ mà thuế nước ngoài đã nộp cho nơi đó.

Lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đã khai báo trước đó. Nếu quý vị nhận được Mẫu 1099-INT khai báo lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ, mẫu có thể hiển thị tiền lãi mà quý vị không phải khai báo. Xem [Mẫu 1099-INT để biết lãi suất trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ](#) trước đó.

Ở Bảng B (Mẫu 1040), Phần I, dòng 1, khai báo tất cả tiền lãi được thể hiện trong Mẫu 1099-INT của quý vị. Sau đó làm theo các bước sau.

1. Một số hàng bên trên dòng 2, hãy nhập tổng phụ của tất cả tiền lãi được liệt kê ở trên dòng 1.
2. Dưới tổng phụ, nhập “U.S. Savings Bond Interest Previously Reported (Lãi Suất Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ được Khai Báo Trước Đó)” và nhập số tiền đã khai báo trước đó hoặc tiền lãi đã tích lũy trước khi quý vị nhận được trái phiếu.
3. Lấy tổng phụ trừ đi các số tiền này và nhập kết quả ở dòng 2.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về cách khai báo thu nhập từ lãi, hãy xem chương 1 của [IRS.gov/Pub550 \(tiếng Anh\)](#) hoặc hướng dẫn cho mẫu đơn quý vị phải nộp.

7.

Phúc Lợi An Sinh Xã Hội và Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương

Quy Định Mới

Dòng mới 1a đến 1z trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Năm nay, dòng 1 được mở rộng và có các dòng mới 1a đến 1z. Một số tiền năm trước được khai báo trên Mẫu 1040, và một số được khai báo trên Mẫu 1040-SR, bây giờ được khai báo trên Bảng 1.

- Học bổng và tiền trợ cấp nghiên cứu bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8r.
- Lương hưu hoặc niên kim từ kế hoạch thu lao tri hoãn không đủ điều kiện hoặc kế hoạch phi chính phủ đoạn 457 bây giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8t.

- Tiền công kiếm được trong lúc bị giam bấy giờ được khai báo trên Bảng 1, dòng 8u.

Dòng mới 6c trên Mẫu 1040 và 1040-SR. Một ô đánh dấu được bổ sung trên dòng 6c. Người đóng thuế chọn phương pháp lấy một lần cho phúc lợi của họ sẽ đánh vào ô này. Xem *Lump-Sum Election (Tùy Chọn Lấy Một Lần)* trong Ấn Phẩm 915, Phúc Lợi An Sinh Xã Hội và Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương, để biết thêm chi tiết.

Giới thiệu

Chương này giải thích các quy định thuế thu nhập liên bang dành cho phúc lợi an sinh xã hội và phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương bậc 1. Chương này giải thích các chủ đề sau đây.

- Cách xác định xem phúc lợi của quý vị có phải chịu thuế hay không.
- Cách khai báo những phúc lợi chịu thuế của quý vị.
- Cách sử dụng Bảng Tính Phúc Lợi An Sinh Xã Hội (kèm ví dụ).
- Các khoản khấu trừ liên quan đến phúc lợi của quý vị và cách xử lý các khoản hoàn trả nhiều hơn phúc lợi quý vị đã nhận trong năm.

Phúc lợi an sinh xã hội bao gồm phúc lợi hưu trí, người sống sót, và người khuyết tật. Trong đó không có Tiền Phụ Cấp An Sinh (SSI) vì khoản tiền này không chịu thuế.

Phúc lợi hưu trí đường sắt tương đương bậc 1 là một phần của phúc lợi bậc 1 mà nhân viên đường sắt hoặc người thụ hưởng có quyền nhận theo hệ thống an sinh xã hội. Những phúc lợi này thường được gọi là phần phúc lợi an sinh xã hội tương đương (SSEB) của phúc lợi bậc 1.

Nếu nhận những phúc lợi này trong năm 2022, quý vị hẳn đã nhận một Mẫu SSA-1099, Báo Cáo Phúc Lợi An Sinh Xã Hội; hoặc Mẫu RRB-1099, Khoản Tiền Được Thanh Toán bởi Ban Hưu Trí Đường Sắt. Các mẫu này cho biết số tiền đã nhận và hoàn trả, và các khoản thuế đã khấu trừ trong năm. Quý vị có thể nhận nhiều hơn một trong các mẫu này trong cùng một năm. Quý vị nên cộng số tiền hiển thị trên tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 mà quý vị đã nhận trong năm để tính ra tổng số tiền đã nhận và hoàn trả, và các khoản thuế đã khấu trừ cho năm đó. Xem thêm thông tin trong Appendix (Phụ Lục) ở cuối Ấn Phẩm 915 để tìm hiểu thêm thông tin.

Ghi chú. Thuật ngữ “phúc lợi” sử dụng trong chương này chỉ cả phúc lợi an sinh xã hội và phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1.

Tài khoản An Sinh Xã Hội của tôi. Những người thụ hưởng an sinh xã hội có thể nhanh chóng và dễ dàng tìm được thông tin trên trang web của SSA bằng một tài khoản *An Sinh Xã Hội của tôi* để:

- Theo dõi và xác minh thu nhập của quý vị hàng năm,
- Ước tính các phúc lợi tương lai nếu quý vị vẫn đang làm việc,
- Nhận thư với bằng chứng về phúc lợi mà quý vị hiện đang nhận,
- Thay đổi địa chỉ,
- Bắt đầu hoặc thay đổi khoản tiền chuyển khoản trực tiếp,
- Nhận thẻ Medicare thay thế, và
- Nhận Mẫu SSA-1099 thay thế cho mùa thuế.

Để xem thêm thông tin và thiết lập tài khoản, truy cập [SSA.gov/myaccount](https://ssa.gov/myaccount) (tiếng Anh).

Chương này không đề cập đến mục nào. Chương này không bao gồm các quy định về thuế cho các phúc lợi hưu trí đường sắt sau đây.

- Phần phúc lợi tương đương không phải an sinh xã hội (NSSEB) của phúc lợi bậc 1.
- Phúc lợi bậc 2.
- Phúc lợi kép được xác nhận.
- Phúc lợi niên kim bổ sung.

Để biết thêm thông tin về các phúc lợi này, vui lòng xem Ấn Phẩm 575, Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim.

Chương này không đề cập đến các quy định thuế cho phúc lợi an sinh xã hội được khai báo trên Mẫu SSA-1042S, Báo Cáo Phúc Lợi An Sinh Xã Hội; hoặc Mẫu RRB-1042S, Báo Cáo cho Người Nhận là Người Nước Ngoài Tạm Trú của Khoản Thanh Toán của Ban Hưu Trí Đường Sắt. Để biết thêm thông tin về các phúc lợi này, vui lòng xem Ấn Phẩm 519, Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Người Nước Ngoài; và Ấn Phẩm 915.

Chương này không có các quy định về thuế cho các phúc lợi an sinh nước ngoài. Các phúc lợi này bị đánh thuế dưới dạng niên kim trừ khi được miễn thuế của Hoa Kỳ hoặc được coi là phúc lợi an sinh xã hội của Hoa Kỳ theo hiệp ước thuế.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 501** Người Phụ Thuộc, Khấu Trừ Tiêu Chuẩn và Thông Tin Khai Thuế
- 505** Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính
- 519** Hướng Dẫn Thuế Hoa Kỳ cho Người Nước Ngoài
- 575** Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim
- 590-A** Đóng Góp vào Quỹ Hưu Trí Cá Nhân (IRA)
- 915** Phúc Lợi An Sinh Xã Hội và Hưu Trí Đường Sắt Tương Đương

Mẫu (và Hướng dẫn)

- 1040-ES** Thuế Ước Tính cho Cá Nhân
- SSA-1099** Báo Cáo Phúc Lợi An Sinh Xã Hội
- RRB-1099** Khoản Tiền Được Thanh Toán bởi Ban Hưu Trí Đường Sắt
- W-4V** Yêu Cầu Khấu Lưu Tự nguyện

Để xem các mục hữu ích này và các mục khác, vui lòng truy cập [IRS.gov/Forms](https://irs.gov/forms) (tiếng Anh).

Quý vị Có Phúc Lợi Nào Phải Chịu Thuế Không?

Để xem quý vị có phúc lợi nào phải chịu thuế hay không, hãy so sánh **mức cơ bản** (giải thích ở phần sau) của tình trạng khai thuế với tổng của:

1. Một nửa các phúc lợi của quý vị; cộng
2. Toàn bộ thu nhập khác của quý vị, bao gồm cả tiền lãi miễn thuế.

Loại trừ. Khi thực hiện so sánh, không giảm thu nhập khác của quý vị bởi bất kỳ khoản loại trừ nào đối với:

- Lãi từ trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ đủ điều kiện,
- Lợi ích do nhận con nuôi được chủ lao động cung cấp,
- Lãi của khoản vay giáo dục,
- Thu nhập từ nước ngoài hoặc nhà ở nước ngoài, hoặc
- Thu nhập của cư dân chân thật của Samoa thuộc Hoa Kỳ hoặc Puerto Rico.

Phúc lợi của trẻ em. Các quy định trong chương này áp dụng cho các phúc lợi nhận được của trẻ em. Xem [Ai bị đánh thuế](#) ở phần sau.

Tính tổng thu nhập. Để tính được tổng của một nửa phúc lợi cộng với thu nhập khác của quý vị, hãy sử dụng [Bảng Tính 7-1](#) được đề cập ở phần sau. Nếu tổng lớn hơn mức cơ bản, một phần phúc lợi của quý vị có thể bị đánh thuế.

Nếu quý vị đã lập gia đình và khai thuế chung năm 2022, quý vị và vợ/chồng phải kết hợp thu nhập và phúc lợi của cả hai vợ chồng để tính xem có khoản phúc lợi kết hợp nào phải chịu thuế không. Ngay cả khi vợ/chồng của quý vị không nhận bất kỳ phúc lợi nào, quý vị vẫn cần cộng tổng thu nhập của cả hai vợ chồng để tính xem có khoản phúc lợi kết hợp nào phải chịu thuế không.

TIP Nếu thu nhập duy nhất quý vị nhận được trong năm 2022 là an sinh xã hội hoặc một phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1, thì phúc lợi của quý vị thường không bị đánh thuế và quý vị có thể không phải khai thuế. Nếu quý vị có thêm thu nhập ngoài các phúc lợi, quý vị có thể phải khai thuế ngay cả khi không phúc lợi nào phải chịu thuế. Xem [Tôi Có Phải Khai Thuế Không?](#) trong chương 1 trước đó; Ấn Phẩm 501; hoặc hướng dẫn của tờ khai thuế để xem quý vị có phải khai thuế hay không.

Mức cơ bản. Mức cơ bản của quý vị là:

- \$25.000 nếu quý vị là người độc thân, chủ gia đình, hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện;
- \$25.000 nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2022;
- \$32.000 nếu quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc
- \$0 nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống cùng nhau trong năm 2022.

Bảng Tính 7-1. Quý vị có thể sử dụng Bảng Tính 7-1 để tính tổng thu nhập và so với mức cơ bản của mình. Đây là một cách xác định nhanh chóng phần phúc lợi nào của quý vị phải chịu thuế.

Bảng Tính 7-1. Cách Xác Định Nhanh Chóng Phúc Lợi Chịu Thuế.

Ghi chú. Nếu quý vị dự định khai thuế thu nhập chung, hãy tính cả số tiền của vợ/chồng mình, nếu có, vào các dòng A, C và D.

A. Nhập tổng số tiền từ **ô 5** trong **tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099**. Tính cả toàn bộ số tiền thanh toán phúc lợi một lần nhận được trong năm 2022, cho năm 2022 và những năm trước đó. (Nếu nhận được hơn một mẫu, quý vị hãy gộp số tiền từ ô 5 và nhập tổng số tiền.) A. _____

Ghi chú. Nếu số tiền ở dòng A nhỏ hơn hoặc bằng 0, hãy dừng lại; quý vị không có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế năm nay.

B. Nhân dòng A với 50% (0,50) B. _____

C. Nhập tổng các khoản thu nhập chịu thuế (trừ dòng A), như lương hưu, tiền công, lãi suất, cổ tức thông thường và phân phối lợi nhuận đầu tư. Không trừ vào thu nhập các khoản khấu trừ, **loại trừ** (được liệt kê trước đó), hoặc các khoản miễn thuế C. _____

D. Nhập các khoản thu nhập từ lãi suất được miễn thuế như tiền lãi trái phiếu đô thị D. _____

E. Cộng dòng B, C và D E. _____

Ghi chú. So sánh khoản tiền ở dòng E với **mức cơ bản** cho tình trạng khai thuế của quý vị. Nếu khoản trên dòng E nhỏ hơn hoặc bằng **mức cơ bản** của tình trạng khai thuế, không có phúc lợi nào của quý vị phải chịu thuế năm nay. Nếu khoản trên dòng E lớn hơn **mức cơ bản**, một số phúc lợi của quý vị có thể phải chịu thuế và quý vị cần hoàn thiện Bảng Tính 1 trong Ấn Phẩm 915 (hoặc Bảng Tính Phúc Lợi An Sinh Xã Hội trong hướng dẫn biểu mẫu thuế của quý vị). Nếu không có phúc lợi nào phải chịu thuế, quý vị vẫn phải khai thuế, hãy xem [Phúc lợi không chịu thuế](#), dưới đây, trong mục [Cách Khai Báo Phúc Lợi](#).

Ví dụ. Quý vị cùng vợ/chồng (đều trên 65 tuổi) đang khai thuế chung năm 2022 và cả hai đều đã nhận phúc lợi an sinh xã hội trong năm này. Tháng 1 năm 2023, quý vị đã nhận Mẫu SSA-1099 thể hiện phúc lợi ròng \$3.500 trong ô 5. Vợ/chồng của quý vị đã nhận một Mẫu SSA-1099 thể hiện phúc lợi ròng \$2.500 trong ô 5. Quý vị cũng nhận được tiền lương hưu chịu thuế \$28.100 và thu nhập từ tiền lãi là \$700. Quý vị không có khoản thu nhập từ tiền lãi được miễn thuế nào. Các phúc lợi của quý vị không bị đánh thuế cho năm 2022 bởi thu nhập của quý vị, như tính toán trong Bảng Tính 7-1, không lớn hơn mức cơ bản (\$32.000) áp dụng cho vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế.

Tuy không có phúc lợi nào phải chịu thuế, quý vị vẫn phải khai thuế cho năm 2022 vì tổng thu nhập phải chịu thuế của quý vị là (\$28.800) vượt quá yêu cầu nộp thuế tối thiểu cho tình trạng nộp thuế của quý vị.

Bảng Tính 7-1 Đã Điền. Cách Xác Định Nhanh Chóng Phúc Lợi Chịu Thuế.

Ghi chú. Nếu quý vị dự định khai thuế thu nhập chung, hãy tính cả số tiền của vợ/chồng mình, nếu có, vào các dòng A, C và D.

A. Nhập tổng số tiền từ **ô 5** của **tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099**. Tính cả toàn bộ số tiền thanh toán phúc lợi một lần nhận được trong năm 2022, cho năm 2022 và những năm trước đó. (Nếu nhận được hơn một mẫu, quý vị hãy gộp số tiền từ ô 5 và nhập tổng số tiền.) A. \$7.600

Ghi chú. Nếu số tiền ở dòng A nhỏ hơn hoặc bằng 0, hãy dừng lại; quý vị không có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế năm nay.

B. Nhân dòng A với 50% (0,50) B. 3.800

C. Nhập tổng các khoản thu nhập chịu thuế (trừ dòng A), như lương hưu, tiền công, lãi suất, cổ tức thông thường và phân phối lợi nhuận đầu tư. Không trừ vào thu nhập các khoản khấu trừ, **loại trừ** (được liệt kê trước đó), hoặc các khoản miễn thuế C. 27.900

D. Nhập các khoản thu nhập từ lãi suất được miễn thuế như tiền lãi trái phiếu đô thị D. -0-

E. Cộng dòng B, C và D E. \$31.700

Ghi chú. So sánh khoản tiền ở dòng E với **mức cơ bản** cho tình trạng khai thuế của quý vị. Nếu khoản trên dòng E nhỏ hơn hoặc bằng **mức cơ bản** của tình trạng khai thuế, không có phúc lợi nào của quý vị phải chịu thuế năm nay. Nếu khoản trên dòng E lớn hơn **mức cơ bản**, một số phúc lợi của quý vị có thể phải chịu thuế và quý vị cần hoàn thiện Bảng Tính 1 trong Ấn Phẩm 915 (hoặc Bảng Tính Trợ cấp an sinh xã hội trong hướng dẫn biểu mẫu thuế của quý vị). Nếu không có phúc lợi nào phải chịu thuế, quý vị vẫn phải khai thuế, hãy xem [Phúc lợi không chịu thuế](#), dưới đây, trong mục [Cách Khai Báo Phúc Lợi](#).

Ái bị đánh thuế. Phúc lợi được tính vào thu nhập chịu thuế (trong phạm vi phải chịu thuế) của người có quyền hợp pháp nhận các phúc lợi. Chẳng hạn, nếu quý vị và con mình nhận phúc lợi, nhưng việc kiểm tra phúc lợi của con cái được thực hiện dưới tên quý vị, quý vị chỉ phải sử dụng phần phúc lợi của mình để xem phúc lợi nào của quý vị phải chịu thuế. Một nửa của phần lợi nhuận thuộc về con cái phải được cộng vào phần thu nhập khác của con để xem có phúc lợi nào của con quý vị phải chịu thuế hay không.

Hoàn trả phúc lợi. Các khoản hoàn trả phúc lợi quý vị thực hiện năm 2022 phải được trừ vào tổng phúc lợi quý vị nhận trong năm 2022. Việc hoàn trả phúc lợi quý vị nhận năm 2022 hay năm trước đó đều không quan trọng. Nếu quý vị hoàn trả một khoản lớn hơn tổng phúc lợi quý vị nhận được năm 2022, xem [Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Phúc Lợi](#) ở phần sau.

Tổng phúc lợi của quý vị thể hiện trong ô 3 của Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099. Các khoản hoàn trả thể hiện trong ô 4. Khoản tiền trong ô 5 là phúc lợi ròng của quý vị năm 2022 (ô 3 trừ ô 4). Sử dụng

khoản tiền trong ô 5 để tính toán xem có khoản phúc lợi nào phải chịu thuế hay không.

Khấu lưu thuế và thuế ước tính. Quý vị có thể chọn khấu lưu thuế thu nhập liên bang vào các phúc lợi an sinh xã hội và/hoặc phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1 của mình. Nếu chọn khấu lưu như vậy, hãy hoàn thành Mẫu W-4V.

Nếu không chọn khấu lưu thuế thu nhập, quý vị có thể yêu cầu khấu lưu bổ sung vào thu nhập khác hoặc đóng thuế ước tính trong suốt năm. Để biết cụ thể hơn, hãy xem [chương 4](#), được đề cập trước đó trong Ấn Phẩm 505; hoặc Hướng Dẫn cho Mẫu 1040-ES.

Cách Khai Báo Phúc Lợi

Nếu một phần phúc lợi của quý vị phải chịu thuế, quý vị phải sử dụng Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Khai báo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Khai báo phúc lợi ròng của quý vị (tổng các khoản trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và Mẫu RRB-1099) trên dòng 6a và phần chịu thuế trên dòng 6b. Nếu quý vị là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống xa vợ/chồng trong suốt năm 2022, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefit (phúc lợi)" trên dòng 6a.

Phúc lợi không chịu thuế. Khai báo phúc lợi ròng của quý vị (tổng các khoản trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và Mẫu RRB-1099) trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu quý vị là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống xa vợ/chồng trong suốt năm 2022, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefit (phúc lợi)" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Số Tiền Phải Chịu Thuế Là Bao Nhiêu?

Nếu một phần phúc lợi của quý vị phải chịu thuế thì số tiền phải chịu thuế tùy thuộc vào tổng phúc lợi và thu nhập khác của quý vị. Nhìn chung, tổng các khoản càng cao, phần phúc lợi chịu thuế càng lớn.

Phần chịu thuế tối đa. Thông thường, tối đa 50% các phúc lợi của quý vị phải chịu thuế. Tuy nhiên, có thể tối đa 85% các phúc lợi của quý vị phải chịu thuế nếu quý vị gặp một trong hai trường hợp sau.

- Tổng của một nửa phúc lợi và tất cả thu nhập khác lớn hơn \$34.000 (\$44.000 nếu vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế).
- Quý vị là vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống cùng với vợ/chồng trong năm 2022.

Dùng bảng tính nào. Bảng tính quý vị có thể sử dụng để tính các phúc lợi chịu thuế của mình có trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040. Quý vị có thể dùng bảng tính đó hoặc Bảng Tính 1 trong Ấn Phẩm 915, trừ khi quý vị gặp một trong các trường hợp sau.

1. Quý vị đã đóng góp vào một quỹ hưu trí cá nhân (IRA) và quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị tham gia chương trình hưu trí ở chỗ làm. Khi đó, quý vị phải sử dụng bảng tính đặc biệt trong Appendix (Phụ Lục) B của Ấn Phẩm 590-A để tính toán cả khấu trừ IRA và các phúc lợi chịu thuế.
2. Trường hợp 1 không áp dụng và quý vị loại trừ lãi suất từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ (Mẫu 8815), cho phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839), cho thu nhập kiểm được từ nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555), hoặc cho

thu nhập kiếm được tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563) hoặc Puerto Rico bởi thường trú nhân trung thực. Khi đó, quý vị phải sử dụng Bảng Tính 1 trong Ấn Phẩm 915 để tính toán phúc lợi chịu thuế.

- Quý vị đã được thanh toán một lần năm trước đó. Khi đó, quý vị cũng cần hoàn thành Bảng Tính 2 hoặc 3 và Bảng Tính 4 trong Ấn Phẩm 915. Xem [Chọn nhận tiền một lần](#) tiếp sau đây.

Chọn nhận tiền một lần. Quý vị phải tính cả phần chịu thuế của khoản tiền được thanh toán một lần (truy lĩnh) cho các phúc lợi nhận được vào năm 2022 vào thu nhập năm 2022 của mình, ngay cả khi khoản thanh toán bao gồm phúc lợi của năm trước đó.



Dòng 6c: Đánh dấu ô trên dòng 6c nếu quý vị chọn sử dụng phương pháp nhận tiền một lần cho phúc lợi của quý vị. Nếu bất kỳ phúc lợi nào của quý vị chịu thuế trong năm 2022 và bao gồm thanh toán nhận một lần cho năm trước đó, quý vị có thể giảm số tiền chịu thuế với tùy chọn nhận tiền một lần. Xem Lump-Sum Election (Tùy Chọn Nhận Tiền Một Lần) trong Ấn Phẩm 915 để biết thêm chi tiết.



Tránh nhầm lẫn khoản thanh toán phúc lợi một lần này với phúc lợi tiền từ tuất trả một lần mà cả SSA và RRB thanh toán cho nhiều người thụ hưởng của họ. Phúc lợi tiền từ tuất trả một lần không chịu thuế.

Nói chung, quý vị sử dụng thu nhập năm 2022 của mình để tính phần chịu thuế trong tổng phúc lợi nhận được năm 2022. Tuy nhiên, quý vị có thể tính riêng phần chịu thuế của khoản thanh toán một lần cho một năm trước đó bằng cách sử dụng thu nhập năm trước đó của quý vị. Quý vị có thể dùng phương pháp này nếu hạ thấp được phúc lợi chịu thuế của mình.

Thực hiện lựa chọn. Nếu quý vị nhận khoản thanh toán phúc lợi một lần năm 2022 có bao gồm phúc lợi của một hay các năm trước đó, hãy làm theo hướng dẫn trong Ấn Phẩm 915 mục Lump-Sum Election (Chọn Nhận Tiền Một Lần) để xem nếu chọn thì có hạ thấp phúc lợi chịu thuế hay không. Nội dung đó cũng giải thích cách đưa ra lựa chọn.



Do các phúc lợi chịu thuế của năm trước đó được tính vào thu nhập năm 2022 của quý vị, sẽ không có điều chỉnh nào đối với tờ khai thuế của năm trước đó. Không nộp tờ khai thuế được điều chỉnh cho năm trước đó.

Ví dụ

Dưới đây là một số trường hợp quý vị có thể xem làm hướng dẫn tính phần chịu thuế trong phúc lợi của mình.

Ví dụ 1. George White độc thân và nộp Mẫu 1040 cho năm 2022. Thu nhập của ông trong năm 2022 như sau.

Lương hưu chịu thuế đầy đủ	\$18.600
Lương từ công việc làm thêm	9.400
Thu nhập từ tiền lãi chịu thuế	990
Tổng	\$28.990

George cũng đã hưởng phúc lợi an sinh xã hội trong suốt năm 2022. Mẫu SSA-1099 ông nhận vào tháng 01 năm 2023 có ghi \$5.980 trong ô 5. Để tính

phúc lợi chịu thuế của mình, George hoàn thành mẫu tính toán như dưới đây.

Bảng Tính 1 đã điền. Tính Phúc Lợi Chịu Thuế

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099. Đồng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a	\$5.980
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50)	2.990
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8	28.990
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a	-0-
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho: <ul style="list-style-type: none"> Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28), Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và Thu nhập nhất định của cư dân có hảo ý tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico 	-0-
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên	31.980
7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20; và 23 và 25	-0-
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không? <p>Không. Quý vị không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.</p> <p>Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6</p>	31.980
9. Nếu quý vị là: <ul style="list-style-type: none"> Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị không sống cùng vợ/chồng trong năm 2022, nhập \$25.000 	25.000

Ghi chú. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của quý vị vào bất kỳ thời điểm nào năm 2022, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.

- Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?



Không. Quý vị không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng nhau trong suốt năm 2022, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefit (phúc lợi)" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.

Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8	6.980
11. Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2022	9.000
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0-	-0-
13. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 10 hoặc 11	6.980
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50)	3.490
15. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 2 hoặc 14	2.990
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0-	-0-
17. Cộng dòng 15 với 16	2.990
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85)	5.083
19. Phúc lợi chịu thuế. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b	\$2.990

Số liệu trên dòng 19 trong mẫu tính toán của George cho thấy \$2.990 trong phúc lợi an sinh xã hội của ông phải chịu thuế. Trên dòng 6a của Mẫu 1040, George nhập phúc lợi ròng của mình là \$5.980. Trên dòng 6b, ông nhập phúc lợi chịu thuế là \$2.990.

Ví dụ 2. Ray và Alice Hopkins khai chung hồ sơ thuế vào Mẫu 1040 cho năm 2022. Ray đã nghỉ hưu và nhận lương hưu có tính thuế đầy đủ là \$15.500. Ông cũng được hưởng phúc lợi an sinh xã hội, và Mẫu SSA-1099 cho năm 2022 của ông cho thấy phúc lợi ròng là \$5.600 trong ô 5. Alice làm việc cả năm và có thù lao \$14.000. Cô ấy đã thực hiện thanh toán được khấu trừ vào trường mục IRA của mình là \$1.000 và không tham gia chương trình hưu trí tại cơ quan. Ray và Alice có hai tài khoản tiết kiệm với tổng thu nhập từ tiền lãi chịu thuế là \$250. Họ hoàn thành Bảng Tính 1 phía dưới, nhập \$29.750 (\$15.500 + \$14.000 + \$250) vào dòng 3. Họ thấy không có phúc lợi an sinh xã hội nào của Ray phải chịu thuế. Trong Mẫu 1040, họ nhập \$5.600 vào dòng 6a và -0- vào dòng 6b.

Bảng Tính 1 đã điền. Tính Phúc Lợi Chịu Thuế

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 . Đồngng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a	\$5.600
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50)	2.800
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8	29.750
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a	-0-
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:	
• Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),	
• Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và	
• Thu nhập nhất định của cư dân có hảo ý tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico	-0-
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên	32.550
7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20; và 23 và 25	1.000
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?	
Không. Quý vị không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.	
Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6	31.550
9. Nếu quý vị là:	
• Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc	
• Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị không sống cùng vợ/chồng trong năm 2022, nhập \$25.000	32.000
Ghi chú. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của quý vị vào bất kỳ thời điểm nào năm 2022, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.	
10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?	
Không. Quý vị không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng nhau trong suốt năm 2022, hãy nhập "D" vào bên phải từ "phúc lợi" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.	
Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8	

11. Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2022	_____
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0-	_____
13. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 10 hoặc 11	_____
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50)	_____
15. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 2 hoặc 14	_____
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0-	_____
17. Cộng dòng 15 với 16	_____
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85)	_____
19. Phúc lợi chịu thuế. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b	_____

Ví dụ 3. Joe và Betty Johnson khai chung hồ sơ thuế vào Mẫu 1040 cho năm 2022. Joe là công nhân đường sắt đã nghỉ hưu và năm 2022 hưởng một phần SSEB của phúc lợi hưu trí đường sắt bậc 1. Mẫu RRB-1099 của Joe ghi \$10.000 trong ô 5. Betty là nhân viên nhà nước đã nghỉ hưu và nhận lương hưu chịu thuế đầy đủ là \$38.000. Họ có \$2.300 thu nhập từ lãi chịu thuế cộng với \$200 lãi trên một trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ. Lãi trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện để loại trừ. Họ sử dụng Bảng Tính 1, đặt ở phía dưới, để tính toán phúc lợi chịu thuế của mình. Do có trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ, họ làm theo lưu ý ở phần đầu ở mẫu tính toán và sử dụng số liệu ở dòng 2 Bảng B (Mẫu 1040) thuộc dòng 3 của mẫu tính toán thay vì số liệu trên dòng 2b của Mẫu 1040. Ở dòng 3 của mẫu tính toán, họ nhập \$40.500 (\$38.000 + \$2.500).

Bảng Tính 1 đã điền. Tính Phúc Lợi Chịu Thuế

Trước khi bắt đầu:

- Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2022, nhập "D" vào bên phải từ "phúc lợi" của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.
- Không dùng mẫu thanh toán này nếu quý vị đã hoàn trả các phúc lợi năm 2022 và tổng khoản hoàn trả (ô 4 của Mẫu SSA-1099 và RRB-1099) nhiều hơn tổng phúc lợi năm 2022 của quý vị (ô 3 của Mẫu SSA-1099 và RRB-1099). Không có phúc lợi nào của quý vị phải chịu thuế năm 2022. Để biết thêm thông tin, hãy xem mục [Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Phúc Lợi](#) ở phần sau.
- Nếu quý vị đang khai Mẫu 8815, Loại Trừ Lãi Từ Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ loại EE và I Phát Hành Sau Năm 1989, không tính số liệu ở dòng 2b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR ở dòng 3 của mẫu tính toán này. Thay vào đó, tính số liệu trong Bảng B (Mẫu 1040), dòng 2.

1. Nhập tổng tiền từ ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 . Đồngng thời nhập số tiền này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a	\$10.000
2. Nhân dòng 1 với 50% (0,50)	5.000
3. Kết hợp các khoản tiền trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, các dòng 1, 2b, 3b, 4b, 5b, 7, và 8	40.500
4. Nhập khoản tiền, nếu có vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 2a	-0-
5. Nhập tổng số tiền loại trừ/điều chỉnh cho:	
• Phúc lợi do nhận con nuôi (Mẫu 8839, dòng 28),	
• Thu nhập kiếm được ở nước ngoài hoặc nhà ở (Mẫu 2555, dòng 45 và 50), và	
• Thu nhập nhất định của cư dân có hảo ý tại Samoa thuộc Hoa Kỳ (Mẫu 4563, dòng 15) hoặc Puerto Rico	-0-
6. Kết hợp các dòng 2, 3, 4, và 5 ở trên	45.500
7. Nhập tổng các khoản vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 đến 20, và 23 và 25	-0-
8. Số tiền trên dòng 7 có ít hơn trên dòng 6 không?	
Không. Quý vị không có phúc lợi an sinh nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b.	
Có. Lấy dòng 7 trừ dòng 6	45.500
9. Nếu quý vị là:	
• Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, nhập \$32.000; hoặc	
• Độc thân, chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị không sống cùng vợ/chồng trong năm 2022, nhập \$25.000	32.000
Ghi chú. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và sống chung với vợ/chồng của quý vị vào bất kỳ thời điểm nào năm 2022, bỏ qua các dòng 9 đến 16, nhân dòng 8 với 85% (0,85) và nhập kết quả vào dòng 17. Xong thì đến dòng 18.	
10. Số tiền ở dòng 9 có nhỏ hơn dòng 8 không?	
Không. Quý vị không có phúc lợi nào phải chịu thuế. Nhập -0- vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b. Nếu quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng nhau trong suốt năm 2022, hãy nhập "D" vào bên phải từ "benefit (phúc lợi)" trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6a.	
Có. Lấy dòng 9 trừ dòng 8	13.500

11. Nhập \$12.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế; hoặc \$9.000 nếu độc thân, làm chủ gia đình, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hoặc nếu là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và không sống cùng vợ/chồng trong suốt năm 2022	12.000
12. Lấy dòng 11 trừ dòng 10. Nếu nhỏ hơn hoặc bằng không, nhập -0-	1.500
13. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 10 hoặc 11	12.000
14. Nhân dòng 13 với 50% (0,50)	6.000
15. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 2 hoặc 14	5.000
16. Nhân dòng 12 với 85% (0,85). Nếu dòng 12 bằng không, nhập -0-	1.275
17. Cộng dòng 15 với 16	6.275
18. Nhân dòng 1 với 85% (0,85)	8.500
19. Phúc lợi chịu thuế. Nhập số tiền nhỏ hơn của dòng 17 hoặc 18. Đồng thời nhập số liệu này vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 6b	<u>\$6.275</u>

Hơn 50% phúc lợi của Joe phải chịu thuế do thu nhập ở dòng 8 của mẫu tính toán (\$45.500) lớn hơn \$44.000. (Xem [Phần chịu thuế tối đa](#) trong phần *Mức Chịu Thuế Là Bao Nhiêu*, được đề cập trước đó.) Joe và Betty nhập \$10.000 vào Mẫu 1040, dòng 6a; và \$6.275 vào Mẫu 1040, dòng 6b.

Các Khoản Khấu Trừ Liên Quan đến Phúc Lợi

Quý vị có thể có quyền khấu trừ một số tiền nhất định liên quan đến các phúc lợi được hưởng.

Thanh toán cho người khuyết tật. Có thể quý vị đã nhận khoản thanh toán cho người khuyết tật từ đơn vị sử dụng lao động hoặc công ty bảo hiểm mà quý vị đã kê vào thu nhập trong tờ khai thuế của mình trong năm trước đó. Nếu quý vị được SSA hoặc RRB thanh toán một lần, và phải hoàn trả cho đơn vị sử dụng lao động hoặc công ty bảo hiểm khoản thanh toán cho người khuyết tật, quý vị có thể lấy khấu trừ từng khoản cho khoản thanh toán đã tính vào tổng thu nhập của năm trước đó. Nếu số tiền hoàn trả lớn hơn \$3.000, quý vị có thể xin hoàn lại một tín thuế thay thế. Yêu cầu khoản khấu trừ hoặc khoản tín dụng theo cách tương tự được giải thích tại phần [Hoàn trả phúc lợi đã nhận được trong năm trước](#) trong phần *Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Phúc Lợi* tiếp theo.

Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Phúc Lợi

Trong một số trường hợp, Mẫu SSA-1099 hoặc Mẫu RRB-1099 sẽ thể hiện tổng thu nhập quý vị đã hoàn trả (ô 4) nhiều hơn tổng thu nhập (ô 3) quý vị nhận được. Nếu vậy, phúc lợi ròng của quý vị trong ô 5 sẽ là số âm (một con số trong ngoặc đơn) và không có phúc lợi nào của quý vị phải chịu thuế. Không dùng mẫu tính toán trong trường hợp này. Nếu nhận được nhiều hơn một mẫu, một số âm trong ô 5 của mẫu này được dùng để bù cho một số dương trong ô 5 của mẫu kia trong cùng năm đó.

Nếu có bất kỳ câu hỏi nào về số âm này, quý vị hãy liên hệ với [văn phòng SSA của địa phương](#) hoặc [văn phòng RRB khu vực](#).

Tờ khai thuế chung. Nếu quý vị và vợ/chồng khai thuế chung, và Mẫu SSA-1099 hoặc RRB-1099 của quý vị có số âm trong ô 5, nhưng của vợ/chồng quý vị không có, lấy số tiền ở ô 5 trong mẫu của vợ/

chồng trừ đi số tiền ở ô 5 trong mẫu của quý vị. Hãy làm vậy để tính phúc lợi ròng khi tính toán xem phúc lợi kết hợp của hai vợ chồng có phải chịu thuế không.

Ví dụ. John và Mary khai thuế chung cho năm 2022. John nhận Mẫu SSA-1099 hiển thị \$3.000 trong ô 5. Mary cũng nhận Mẫu SSA-1099 với số tiền trong ô 5 là (\$500). John và Mary sẽ sử dụng \$2.500 (\$3.000 trừ \$500) làm phúc lợi ròng của họ khi tính xem phúc lợi kết hợp của hai vợ chồng có phải chịu thuế không.

Hoàn trả phúc lợi đã nhận được trong năm trước. Nếu tổng số tiền trong ô 5 của tất cả các Mẫu SSA-1099 và RRB-1099 là một số âm, quý vị có thể khấu trừ một phần số âm này biểu thị cho phúc lợi quý vị tính vào tổng thu nhập một năm trước đó nếu số tiền lớn hơn \$3.000. Nếu con số ít hơn hoặc bằng \$3.000, nó sẽ được xem là khoản khấu trừ từng khoản khác và không thể khấu trừ được nữa.

Khấu trừ trên \$3.000. Nếu khoản khấu trừ trên \$3.000, quý vị có thể tính thuế theo hai cách.

- Tính thuế cho năm 2022 với khoản khấu trừ từng khoản tính trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.
- Tính thuế cho năm 2022 theo các bước sau.
 - Tính thuế không có khoản khấu trừ từng khoản tính trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.
 - Đối với mỗi năm sau năm 1983 mà phần của số âm biểu thị phúc lợi đã hoàn trả, hãy tính lại các khoản phúc lợi chịu thuế của quý vị như thể tổng phúc lợi của quý vị trong năm đã bị giảm đi bằng đúng phần đó của số âm. Sau đó tính lại thuế của năm đó.
 - Lấy (b) tổng số tiền thuế thực tế của quý vị trừ đi tổng số tiền thuế đã tính lại.
 - Lấy kết quả ở (a) trừ kết quả ở (c).

So sánh tiền thuế tính theo hai cách 1 và 2. Thuế của quý vị năm 2022 là số nhỏ hơn trong hai số. Nếu cách 1 tính cho thuế ít hơn, hãy lấy khoản khấu trừ từng khoản trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16. Nếu cách 2 tính cho thuế ít hơn, yêu cầu hoàn lại tín thuế cho số tiền ở bước 2c ở trên trong Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 13z. Nhập "I.R.C. 1341" trên dòng để nhập. Nếu cả hai cách tính cho số thuế như nhau, khấu trừ khoản hoàn trả trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.

8.

Thu Nhập Khác

Nhắc nhở

Bữa ăn kinh doanh. Đoạn 210 của Đạo Luật Sự Chắc Chắn của Người Đóng Thuế và Cứu Trợ Thuế do Thiên Tai năm 2020 quy định việc tạm thời khấu trừ 100% bữa ăn kinh doanh đối với thực phẩm hoặc

đồ uống do nhà hàng cung cấp và được thanh toán hoặc phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trước ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Bồi thường thất nghiệp. Nếu quý vị đã nhận được bồi thường thất nghiệp nhưng chưa nhận được Mẫu 1099-G, Một Số Khoản Thanh Toán Nhất Định của Chính Phủ qua thư, có thể quý vị cần truy cập thông tin của mình qua trang web của tiểu bang để nhận Mẫu 1099-G điện tử.

Giới thiệu

Quý vị phải khai báo vào tờ khai thuế của mình tất cả các khoản thu nhập mà quý vị nhận được dưới dạng tiền, tài sản và dịch vụ trừ khi luật thuế quy định rằng quý vị không cần khai báo những khoản mục này vào tờ khai thuế. Tuy nhiên, một số khoản mục chỉ được loại trừ một phần khỏi thu nhập. Chương này thảo luận về các loại thu nhập và xác định những thu nhập đó có phải chịu thuế hay không.

- Thu nhập chịu thuế phải được khai báo trên tờ khai thuế của quý vị và phải chịu thuế.
- Thu nhập không chịu thuế phải được khai báo trên tờ khai thuế của quý vị nhưng không phải chịu thuế.

Mở đầu chương là nội dung thảo luận về các khoản thu nhập dưới đây.

- Trao đổi.
- Nợ được hủy.
- Tiệt bán hàng mà quý vị là người tổ chức.
- Tiền bảo hiểm nhân thọ.
- Thu nhập từ hợp danh.
- Thu nhập từ công ty S.
- Phục hồi (bao gồm tiền hoàn thuế thu nhập của tiểu bang).
- Tiền cho thuê tài sản cá nhân.
- Hoàn trả.
- Tiền bản quyền.
- Quyền lợi thất nghiệp.
- Trợ cấp xã hội và các phúc lợi trợ giúp công cộng khác.

Sau những chủ đề này là nội dung thảo luận ngắn gọn về các khoản thu nhập khác.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 502** Chi Phí Y Tế và Nha Khoa
- 504** Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân
- 523** Bán Nhà của Quý Vị
- 525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- 544** Bán và Phát Mại Khác của Tài Sản
- 547** Thiệt Hại, Thiên Tai, và Trộm Cắp
- 550** Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư
- 4681** Nợ Được Hủy, Tịch Biên, Thu Hồi, và Bỏ Đi

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](#) (tiếng Anh).

Trao đổi

Trao đổi là hoạt động hoán đổi tài sản hoặc dịch vụ. Quý vị phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của tài sản hoặc dịch vụ mà quý vị nhận được từ giao dịch trao đổi vào thu nhập của mình tại thời điểm nhận được. Nếu quý vị trao đổi dịch vụ với một người khác và cả hai đã đồng ý trước về giá trị của dịch vụ thì giá trị đó sẽ được coi là giá trị thị trường hợp lý trừ khi được chứng minh là không chính xác.

Quý vị thường khai báo thu nhập này trên Bảng C (Mẫu 1040), Lợi Nhuận hoặc Lỗ từ Kinh Doanh. Tuy nhiên, nếu giao dịch trao đổi liên quan tới loại hình khác ngoài dịch vụ, như trong [Ví dụ 3](#) dưới đây, quý vị có thể phải sử dụng mẫu đơn hoặc bảng liệt kê khác để thay thế.

Ví dụ 1. Quý vị là luật sư tự kinh doanh thực hiện các dịch vụ pháp lý cho khách hàng, một cơ sở kinh doanh cỡ nhỏ. Doanh nghiệp gửi cho quý vị cổ phần chứng khoán của mình để thanh toán cho các dịch vụ đã sử dụng. Quý vị phải gộp giá trị thị trường hợp lý của cổ phần chứng khoán vào thu nhập của quý vị trên Bảng C (Mẫu 1040) trong năm quý vị nhận được.

Ví dụ 2. Quý vị đang tự kinh doanh và là thành viên của câu lạc bộ trao đổi. Câu lạc bộ sử dụng “đơn vị tín dụng” làm phương tiện trao đổi. Quý vị nhận được đơn vị tín dụng vào trương mục của mình cho hàng hóa hoặc dịch vụ mà quý vị cung cấp cho các thành viên, và quý vị có thể sử dụng số đơn vị tín dụng trên để mua hàng hóa hoặc dịch vụ do những thành viên khác trong câu lạc bộ cung cấp. Câu lạc bộ trừ các đơn vị tín dụng từ trương mục của quý vị khi quý vị nhận hàng hóa hoặc dịch vụ từ các thành viên khác. Quý vị phải tính vào thu nhập của mình giá trị của các đơn vị tín dụng được thêm vào trương mục, mặc dù quý vị có thể không thực sự nhận được hàng hóa hoặc dịch vụ từ các thành viên khác cho đến năm thuế sau đó.

Ví dụ 3. Quý vị đang sở hữu một tòa nhà chung cư nhỏ. Một nghệ sĩ tặng quý vị một tác phẩm nghệ thuật của mình để đổi lấy 6 tháng sử dụng căn hộ miễn phí. Quý vị phải khai báo thu nhập cho thuê nhà trên Bảng E (Mẫu 1040), Thu Nhập và Lỗ Bổ Sung, đối với giá trị thị trường hợp lý của tác phẩm nghệ thuật và nghệ sĩ phải khai báo thu nhập trên Bảng C (Mẫu 1040) đối với giá trị cho thuê hợp lý của căn hộ.

Mẫu 1099-B từ hoạt động trao đổi. Nếu quý vị đã trao đổi tài sản hoặc dịch vụ thông qua sàn giao dịch trao đổi, Mẫu 1099-B, Tiền Thu Được Từ Giao Dịch Môi Giới và Trao Đổi, hay một bản kê tương tự từ sàn giao dịch trao đổi sẽ được gửi cho quý vị không muộn hơn ngày 15 tháng 2 năm 2023. Tài liệu này phải hiển thị giá trị tiền mặt, tài sản, dịch vụ, tín dụng hoặc bán tháo mà quý vị nhận được từ giao dịch trao đổi trong năm 2022. IRS cũng sẽ nhận một bản sao của Mẫu 1099-B.

Nợ Được Hủy

Trong hầu hết các trường hợp, nếu khoản nợ của quý vị được hủy bỏ hay được bỏ qua, ngoài quà tặng hoặc di sản, quý vị phải tính số tiền được hủy vào thu nhập của quý vị. Quý vị không có thu nhập từ khoản nợ được hủy nếu khoản tiền đó được dành cho quý vị như quà tặng. Một khoản nợ bao gồm bất kỳ khoản nợ nào mà quý vị phải chịu trách nhiệm hoặc gắn liền với tài sản mà quý vị nắm giữ.

Nếu khoản nợ là khoản nợ phi kinh doanh, hãy khai báo số tiền được hủy trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8c. Nếu đó là một khoản nợ kinh doanh, hãy khai báo số tiền trên Bảng C (Mẫu 1040) (hoặc trên Bảng F (Mẫu 1040), Lợi Nhuận hoặc Lỗ từ Nông Nghiệp, nếu nợ là nợ nông nghiệp và quý vị là nhà nông).

Mẫu 1099-C. Nếu cơ quan chính quyền liên bang, cơ quan tài chính hoặc công đoàn tín dụng hủy bỏ hoặc bỏ qua khoản nợ của quý vị từ \$600 trở lên, quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-C, Hủy Nợ. Số tiền nợ được hủy được thể hiện trong ô 2.

Tiền lãi nằm trong nợ được hủy. Nếu bất kỳ khoản lãi nào được bỏ qua và được gộp trong nợ được hủy trong ô 2, thì số tiền lãi cũng sẽ được hiển thị trong ô 3. Việc quý vị có phải gộp phần lãi của khoản nợ được hủy vào thu nhập của quý vị hay không phụ thuộc vào việc liệu khoản lãi đó có được khấu trừ khi quý vị thanh toán hay không. Xem [Nợ có thể khấu trừ](#) trong mục [Ngoại lệ](#).

Nếu tiền lãi không được khấu trừ (ví dụ lãi cho một khoản vay cá nhân), hãy gộp vào thu nhập của quý vị số tiền từ ô 2 của Mẫu 1099-C. Nếu tiền lãi được khấu trừ (ví dụ khoản vay kinh doanh), hãy gộp vào thu nhập của quý vị số tiền ròng của khoản nợ được hủy (số tiền được hiển thị trong ô 2 trừ đi số tiền lãi được trong hiển thị ô 3).

Vay thế chấp được chiết khấu. Nếu cơ quan tài chính của quý vị đề nghị giảm giá cho khoản thanh toán sớm khoản vay thế chấp, số tiền giảm giá sẽ là nợ được hủy. Quý vị phải gộp số tiền đã hủy vào thu nhập của quý vị.

Giảm khoản vay thế chấp khi bán hoặc phát mãi khác. Nếu quý vị phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với một khoản vay thế chấp (nợ truy đòi) và được giải chấp khi xử lý tài sản, quý vị có thể thu được lãi hoặc lỗ theo giá trị thị trường hợp lý của tài sản. Ngoài ra, trong phạm vi việc xóa bỏ khoản vay thế chấp vượt quá giá trị thị trường hợp lý của tài sản, đây là thu nhập từ việc trả nợ trừ khi đủ điều kiện để loại trừ theo mục [Nợ được loại trừ](#), được trình bày ở phần sau. Khai báo bất kỳ thu nhập nào từ việc xóa bỏ khoản nợ phi kinh doanh không đủ điều kiện để loại trừ dưới dạng thu nhập khác trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8c.

Nếu quý vị không phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với một khoản vay thế chấp (nợ không truy đòi) và được giải chấp khi xử lý tài sản (ví dụ thông qua việc tịch thu tài sản), khoản tiền đền bù đó được gộp vào số tiền quý vị nhận được. Quý vị có thể có lợi nhuận chịu thuế nếu số tiền quý vị nhận được vượt quá giá trị cơ bản đã điều chỉnh trong tài sản. Khai báo bất kỳ khoản lợi nhuận nào đối với tài sản phi kinh doanh dưới dạng lãi vốn.

Xem [Ấn Phẩm 4681](#) để tìm hiểu thêm thông tin.

Nợ cổ đông. Nếu quý vị là cổ đông trong một công ty và công ty hủy bỏ hoặc xóa nợ cho quý vị, khoản nợ được hủy là khoản phân phối ngầm hiểu mà thường là thu nhập cổ tức của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem [Ấn Phẩm 542](#), Công ty.

Nếu quý vị là một cổ đông trong một công ty và hủy khoản nợ mà công ty nợ quý vị, quý vị thường không nhận được thu nhập. Bởi vì khoản nợ được hủy được coi như khoản đóng góp cho vốn của công ty bằng với số nợ gốc mà quý vị đã hủy.

Hoàn trả nợ được hủy. Nếu quý vị đã gộp số tiền được hủy vào thu nhập và sau đó trả nợ, quý vị có thể nộp đơn yêu cầu hoàn trả cho năm số tiền đã được gộp trong thu nhập. Quý vị có thể nộp đơn yêu cầu theo Mẫu 1040-X, Tờ Khai Thuế Thu Nhập Hoa

Kỳ cho Cá Nhân Được Điều Chỉnh nếu vẫn trong quy chế để nộp đơn yêu cầu. Thông thường, thời hạn quy chế sẽ kết thúc sau 3 năm sau ngày đáo hạn của tờ khai thuế ban đầu của quý vị.

Ngoại lệ

Có một vài ngoại lệ đối với việc đưa khoản nợ được hủy vào thu nhập. Những nội dung này sẽ được giải thích ở phần tiếp theo.

Khoản vay sinh viên. Một số khoản vay giáo dục có điều khoản quy định rằng tất cả hoặc một phần khoản nợ phải trả để thế học tập cơ sở giáo dục đủ điều kiện sẽ bị hủy bỏ nếu quý vị làm việc trong một thời gian cụ thể trong một số ngành nghề nhất định cho bất kỳ chủ lao động nào.

Quý vị không có thu nhập nếu khoản vay giáo dục bị hủy sau khi quý vị đồng ý với điều khoản này và sau đó thực hiện các dịch vụ được yêu cầu. Để đủ điều kiện, khoản vay phải được thực hiện bởi:

1. Chính phủ liên bang, chính quyền tiểu bang hoặc địa phương hoặc một cơ quan phát hành, văn phòng hoặc phân ban của họ;
2. Một công ty cổ phần được miễn thuế quyền lợi công cộng đã nắm quyền kiểm soát một bệnh viện của tiểu bang, quận hay thành phố và nhân viên của họ được coi là nhân viên công quyền theo luật tiểu bang; hay
3. Một tổ chức giáo dục:
 - a. Theo thỏa thuận với pháp nhân được mô tả trong (1) hoặc (2) đã cung cấp quỹ cho tổ chức để thực hiện khoản vay, hay
 - b. Là một phần của chương trình của tổ chức được thiết kế để khuyến khích sinh viên của mình phục vụ trong các ngành nghề có nhu cầu chưa được đáp ứng hay trong các lĩnh vực có nhu cầu chưa được đáp ứng và các dịch vụ trong đó là do sinh viên (hoặc sinh viên cũ) cung cấp hoặc theo sự chỉ đạo của cơ quan chính quyền hoặc tổ chức được miễn thuế được mô tả trong phần 501(c)(3).

Khoản vay để tái cấp vốn cho một khoản vay giáo dục đủ điều kiện cũng sẽ đủ điều kiện nếu nó được thực hiện bởi một tổ chức giáo dục hoặc một tổ chức được miễn thuế đủ điều kiện theo chương trình được thiết kế như mô tả trong mục 3b ở trên.

Quy tắc đặc biệt đối cho các khoản vay sinh viên được giảm trừ từ năm 2021 đến năm 2025. Đạo Luật Kế Hoạch Giải Cứu Người Mỹ năm 2021 đã sửa đổi việc xử lý khoản vay của sinh viên được xóa bỏ được giảm trừ từ năm 2021 đến năm 2025. Nói chung, nếu quý vị chịu trách nhiệm thanh toán khoản vay và khoản vay bị hủy hoặc được trả bởi người khác, quý vị phải bao gồm số tiền đã hủy hoặc trả thay cho mình trong tổng thu nhập của quý vị cho các mục đích thuế. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhất định, quý vị có thể loại trừ số tiền này khỏi tổng thu nhập nếu khoản vay thuộc một trong các khoản sau.

- Khoản vay cho chi phí giáo dục sau trung học.
- Khoản vay cho giáo dục tư nhân.
- Khoản vay từ một tổ chức giáo dục được mô tả trong đoạn 170(b)(1)(A)(ii).
- Khoản vay từ một tổ chức được miễn thuế theo đoạn 501(a) để tái cấp vốn cho khoản vay sinh viên.

Xem Ấn Phẩm 4681 và Ấn Phẩm 970 để biết thêm thông tin.

Hỗ trợ hoàn trả khoản vay giáo dục. Khoản hoàn trả khoản vay giáo dục được thực hiện bởi Chương Trình Trả Nợ Khoản Vay của Cơ Quan Dịch Vụ Y Tế Quốc Gia (NHSC Loan Repayment Program), một chương trình hoàn trả khoản vay giáo dục của tiểu bang đủ điều kiện cho các quỹ theo Đạo Luật Dịch Vụ Y Tế Công Cộng, hoặc bất kỳ chương trình hoàn trả khoản vay hoặc xóa bỏ khoản vay nào khác của tiểu bang được dự định để phục vụ cho tính khả dụng ngày càng tăng của các dịch vụ y tế ở các khu vực thiếu chuyên gia y tế hoặc khu vực không được phục vụ sẽ không bị đánh thuế.

Nợ có thể khấu trừ. Quý vị không có thu nhập từ việc hủy nợ nếu khoản thanh toán khoản nợ của quý vị được khấu trừ. Ngoại lệ này chỉ áp dụng nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt. Để biết thêm thông tin, xem chương 5 của Ấn Phẩm 334, Hướng Dẫn Thuế cho Doanh Nghiệp Nhỏ.

Giá được giảm sau khi mua. Trong hầu hết các trường hợp, nếu người bán giảm số nợ quý vị phải trả cho bất động sản quý vị đã mua, quý vị sẽ không có thu nhập từ việc giảm giá. Việc giảm nợ được coi là điều chỉnh giá mua và giảm giá trị cơ bản của quý vị trong tài sản.

Nợ được loại trừ. Không gộp khoản nợ được hủy vào tổng thu nhập của quý vị trong các trường hợp sau.

- Khoản nợ được hủy trong một trường hợp vỡ nợ theo tiêu đề 11 của Bộ luật Hoa Kỳ. Xem Ấn Phẩm 908, Hướng Dẫn Thuế Khi Vỡ Nợ.
- Khoản nợ sẽ được hủy khi quý vị phá sản. Tuy nhiên, quý vị không thể loại trừ bất kỳ nợ được hủy nào nhiều hơn số tiền quý vị mất khả năng thanh toán. Xem Ấn Phẩm 908.
- Khoản nợ là nợ nông nghiệp đủ điều kiện và được hủy bỏ bởi một người có đủ điều kiện. Xem chương 3 của Ấn Phẩm 225, Hướng Dẫn Thuế Cho Nông Dân.
- Khoản nợ đủ điều kiện là khoản nợ kinh doanh bất động sản. Xem chương 5 của Ấn Phẩm 334.
- Việc hủy bỏ với mục đích làm quà tặng.
- Khoản nợ đủ điều kiện là khoản nợ nơi cư trú chính.

Người tổ chức

Nếu quý vị tổ chức một bữa tiệc hoặc sự kiện mà tại đó hoạt động bán hàng được thực hiện, bất kỳ món quà hoặc khoản tiền thưởng nào quý vị nhận được cho sự kiện đó đều là khoản thanh toán cho người bán trực tiếp bán hàng. Quý vị phải khai báo mặt hàng này dưới dạng thu nhập theo giá trị thị trường hợp lý của nó.

Chi phí ngoài bữa tiệc của quý vị phải tuân theo giới hạn 50% cho chi phí ăn uống. Đối với các năm tính thuế từ 2018 và sau đó, không được phép khấu trừ bất kỳ khoản chi phí nào liên quan đến các hoạt động được coi là tiêu khiển, vui chơi hoặc giải trí. Người đóng thuế có thể tiếp tục khấu trừ 50% chi phí bữa ăn kinh doanh nếu người đóng thuế (hoặc nhân viên của người đóng thuế) có mặt và thực phẩm hoặc đồ uống không được coi là xa hoa hoặc hoang phí. Các bữa ăn có thể được phục vụ cho khách hàng doanh nghiệp hiện tại hoặc tiềm năng, khách hàng, nhà tư vấn hoặc người liên hệ kinh doanh tương tự. Thực phẩm và đồ uống được phục vụ

trong các sự kiện giải trí sẽ không được coi là mang tính giải trí nếu được mua riêng ngoài sự kiện.

Đoạn 210 của Đạo Luật Sự Chắc Chắn của Người Đóng Thuế và Cứu Trợ Thuế do Thiên Tai năm 2020 quy định việc tạm thời khấu trừ 100% bữa ăn kinh doanh đối với thực phẩm hoặc đồ uống do nhà hàng cung cấp và được thanh toán hoặc phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 và trước ngày 1 tháng 1 năm 2023.

Để tìm hiểu thêm thông tin về giới hạn cho chi phí bữa ăn, tham khảo Ấn Phẩm 463, Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng và Xe Hơi.

Tiền Bảo Hiểm Nhân Thọ

Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho quý vị vì người được bảo hiểm qua đời sẽ không phải chịu thuế trừ khi hợp đồng bảo hiểm được chuyển cho quý vị với một mức giá cụ thể. Điều này đúng ngay cả khi tiền thu được thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm tai nạn hoặc sức khỏe hoặc hợp đồng hỗn hợp. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi được nhận từ tiền bảo hiểm nhân thọ có thể bị đánh thuế.

Tiền được nhận không phải là trả góp. Nếu tiền từ tuất được trả cho quý vị một lần hoặc khác với định kỳ, chỉ tính vào thu nhập của quý vị quyền lợi mà nó nhiều hơn số tiền phải trả tại thời điểm người được bảo hiểm qua đời. Nếu quyền lợi bồi thường tử vong không được nêu rõ, quý vị sẽ gộp vào thu nhập của quý vị khoản thanh toán quyền lợi nhiều hơn giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tại thời điểm có sự kiện qua đời.

Tiền được nhận là trả góp. Nếu quý vị nhận tiền bảo hiểm nhân thọ theo từng đợt, quý vị có thể loại trừ một phần của khoản thanh toán theo từng đợt khỏi thu nhập của quý vị.

Để xác định phần bị loại trừ, hãy chia số tiền mà công ty bảo hiểm nắm giữ (thường là tổng số tiền phải trả một lần khi người được bảo hiểm qua đời) cho số lần trả góp. Tính bất cứ điều gì trên phần bị loại trừ này vào thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lãi.

Vợ/chồng còn lại. Nếu người vợ/chồng của quý vị qua đời trước ngày 23 tháng 10 năm 1986 và số tiền bảo hiểm được trả vì cái chết của vợ/chồng của quý vị được nhận theo từng đợt, quý vị có thể loại trừ tiền lãi lên đến \$1.000 một năm theo từng đợt. Nếu quý vị tái hôn, quý vị có thể tiếp tục thực hiện trường hợp loại trừ.

Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt. Nếu quý vị giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt, quý vị phải tính vào thu nhập bất kỳ khoản tiền nhận được mà nhiều hơn chi phí của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ. Trong hầu hết các trường hợp, chi phí của quý vị (hay khoản đầu tư vào hợp đồng) là tổng số phí bảo hiểm mà quý vị đã trả theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, trừ đi mọi khoản phí bảo hiểm được hoàn lại, khoản giảm giá, cổ tức hay các khoản cho vay chưa thanh toán không được gộp trong thu nhập của quý vị.

Quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-R thể hiện tổng số tiền thu được và phần chịu thuế. Khai báo số tiền này trên dòng 5a và 5b của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin, xem mục *Tiền Bảo hiểm Nhân thọ* trong Ấn Phẩm 525.

Tiền Thu Được Từ Hợp Đồng Bảo Hiểm Hỗn Hợp

Hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp là một hợp đồng mà theo đó quý vị được trả một số tiền cụ thể vào một ngày nhất định trừ khi quý vị chết trước ngày đó, trong trường hợp đó, số tiền được trả cho người thụ hưởng được chỉ định của quý vị. Tiền từ hợp đồng trên được trả một lần cho quý vị khi đáo hạn chỉ bị đánh thuế nếu số tiền thu được nhiều hơn chi phí của hợp đồng. Để xác định chi phí, hãy trừ bất kỳ số tiền nào mà quý vị đã nhận trước đó theo hợp đồng và loại trừ thu nhập của quý vị khỏi tổng phí bảo hiểm (hoặc trường hợp khác) đã trả cho hợp đồng. Tính vào thu nhập của quý vị phần thanh toán một lần nhiều hơn chi phí của quý vị.

Quyền Lợi Bồi Thường Tử Vong Trả Trước

Một số khoản tiền nhất định được thanh toán như quyền lợi bồi thường tử vong trả trước theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hoặc dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ trước khi người được bảo hiểm qua đời sẽ bị loại trừ khỏi thu nhập nếu người được bảo hiểm bị bệnh giai đoạn cuối hoặc mãn tính.

Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ. Đây là việc mua bán hoặc chuyển nhượng bất kỳ phần nào của quyền lợi bồi thường tử vong theo hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho bên có dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ. Bên có dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ thường xuyên tham gia vào hoạt động kinh doanh mua bán hoặc nhận chuyển nhượng các hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho những cá nhân được bảo hiểm bị bệnh giai đoạn cuối hoặc bệnh mãn tính và đáp ứng các yêu cầu của mục 101 (g) (2) (B) của Luật Thuế Vụ.

Loại trừ đối với bệnh giai đoạn cuối. Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước hoàn toàn có thể được loại trừ nếu người được bảo hiểm là người bệnh giai đoạn cuối. Đây là người đã được bác sĩ chứng nhận là mắc bệnh hoặc có tình trạng thể chất có thể dẫn đến tử vong một cách hợp lý trong vòng 24 tháng kể từ ngày được xác nhận.

Loại trừ đối với bệnh mãn tính. Nếu người được bảo hiểm là cá nhân bị bệnh mãn tính không phải giai đoạn cuối, có thể loại trừ hoàn toàn quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả trên cơ sở chi phí phát sinh cho các dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ điều kiện. Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả mỗi lần hoặc chu kỳ khác được loại trừ đến một giới hạn. Đối với năm 2022, hạn mức là \$390. Quy định áp dụng cho tổng quyền lợi bồi thường tử vong trả trước và bất kỳ khoản thanh toán theo kỳ nào nhận được từ các hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Để tìm hiểu thông tin về hạn mức và định nghĩa của cá nhân bị bệnh mãn tính, dịch vụ chăm sóc dài hạn đủ điều kiện và hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn, tham khảo *Long-Term Care Insurance Contracts (Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn)* trong mục *Sickness and Injury Benefits (Quyền Lợi Ốm Đau và Thương Tật)* trong Ấn Phẩm 525.

Trường hợp ngoại lệ. Loại trừ không áp dụng cho bất kỳ số tiền nào trả cho một người (không phải người được bảo hiểm) có quyền lợi được bảo hiểm trong cuộc đời của người được bảo hiểm vì người được bảo hiểm:

- Là giám đốc, lãnh đạo cấp cao hoặc nhân viên của người đó; hoặc

- Có lợi ích tài chính trong hoạt động kinh doanh của người đó.

Mẫu 8853. Để yêu cầu loại trừ quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được thực hiện mỗi lần hoặc theo chu kỳ khác, quý vị phải nộp Mẫu 8853, Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA và Hợp đồng Bảo hiểm Chăm sóc Dài hạn, kèm theo tờ khai thuế của quý vị. Quý vị không cần phải nộp Mẫu 8853 để loại trừ quyền lợi bồi thường tử vong trả trước được trả trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh.

Nhân Viên An Ninh Công Cộng Chết hoặc Bị Thương Trong Nhiệm Vụ

Vợ/chồng, vợ/chồng cũ và con của một nhân viên an ninh công cộng bị giết trong khi thi hành công vụ có thể loại bỏ tra hoãn tổng thu nhập khoản quyền lợi cho người còn sống được nhận từ chương trình mục 401 (a) của chính quyền tri ân cho sự phục vụ của nhân viên. Xem phần 101(h).

Một nhân viên an ninh công cộng bị tàn tật vĩnh viễn và toàn bộ hay chết trong quá trình thi hành công vụ và vợ/chồng hay con còn sống có thể loại bỏ thu nhập khoản tiền tử tuất hay quyền lợi cho người khuyết tật được nhận từ Cục Hỗ trợ Tư pháp liên bang hoặc tiền tử tuất do chương trình của tiểu bang trả. Xem phần 104(a)(6).

Vi mục đích này, thuật ngữ “nhân viên an ninh công cộng” bao gồm các nhân viên thi hành pháp luật, lính cứu hỏa, tuyên úy và đội cứu hộ và thành viên đội cứu thương. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 559, Người Còn Sống, Người Thi Hành và Người Quản Lý.

Thu Nhập từ Hợp Danh

Hợp danh thường không phải là thực thể chịu thuế. Thu nhập, lãi, lỗ, khấu trừ và tín thuế của hợp danh được chuyển cho các thành viên dựa trên tỷ lệ phần phối của mỗi thành viên trong các khoản này.

Bảng K-1 (Mẫu 1065). Mặc dù hợp danh thường không trả thuế, nhưng phải nộp tờ khai thông tin trên Mẫu 1065, Tờ Khai của Hoa Kỳ cho Thu Nhập từ Hợp Danh và gửi Bảng K-1 (Mẫu 1065) cho từng thành viên. Ngoài ra, hợp danh sẽ gửi cho mỗi thành viên một bản sao của Hướng Dẫn Cho Hội Viên trên Bảng K-1 (Mẫu 1065) để giúp thành viên khai báo phần thu nhập, khấu trừ, tín thuế và các khoản ưu đãi thuế của thành viên.



Giữ Bảng K-1 (Mẫu 1065). Đừng đính kèm vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị, trừ khi quý vị được yêu cầu một cách cụ thể.

Để biết thêm thông tin về hình thức hợp tác kinh doanh, tham khảo Ấn Phẩm 541, Hợp Danh.

Liên doanh đủ điều kiện. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị đều tham gia với tư cách là thành viên duy nhất của một doanh nghiệp đồng sở hữu và điều hành, và quý vị khai thuế chung cho năm tính thuế, quý vị có thể thực hiện lựa chọn chung một lần để được coi là một liên doanh đủ điều kiện thay vì hợp danh. Để thực hiện điều này, quý vị phải phân chia tất cả các khoản thu nhập, lãi, lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế cho công việc kinh doanh giữa quý vị và vợ/chồng của quý vị sao cho phù hợp với lợi ích tương ứng của quý vị trong liên doanh. Để biết thêm thông tin về cách thực hiện lựa chọn và (các) bản liệt kê để

nộp, hãy tham khảo hướng dẫn cho tờ khai thuế cá nhân của quý vị.

Thu Nhập từ Công Ty S

Trong hầu hết các trường hợp, công ty S không trả thuế trên thu nhập của mình. Thay vào đó, thu nhập, khoản lỗ, khoản khấu trừ và tín thuế của công ty được chuyển cho các cổ đông dựa trên tỷ lệ cổ phần của mỗi cổ đông.

Bảng K-1 (Mẫu 1120-S). Công ty S phải nộp tờ khai thuế trên Mẫu 1120-S, Tờ Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho công ty S và gửi Bảng K-1 (Mẫu 1120-S) cho từng cổ đông. Ngoài ra, công ty S sẽ gửi cho mỗi cổ đông bản sao Hướng dẫn dành cho Cổ đông trên Bảng K-1 (Mẫu 1120-S) để giúp mỗi cổ đông khai báo phần thu nhập, thua lỗ, tín dụng, và các khoản khấu trừ của họ.



Giữ Bảng K-1 (Mẫu 1120-S). Đừng đính kèm vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của quý vị, trừ khi quý vị được yêu cầu một cách cụ thể.

Để biết thêm thông tin về công ty S và các cổ đông, tham khảo Hướng dẫn cho Mẫu 1120-S.

Phục hồi

Phục hồi là việc trả lại số tiền mà quý vị được khấu trừ hoặc ghi tín thuế trong một năm trước đó. Các khoản thu hồi phổ biến nhất là tiền hoàn thuế, hoàn trả, và tiền hoàn lại của khoản khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040). Quý vị cũng có thể có phục hồi từ khoản khấu trừ không theo từng khoản (ví dụ khoản thanh toán cho khoản nợ khó đòi đã khấu trừ trước đó) và phục hồi các khoản mà quý vị đã yêu cầu tín thuế trước đó.

Quy tắc lợi ích thuế. Quý vị phải bao gồm khoản phục hồi vào thu nhập trong năm quý vị nhận được lên đến số tiền được khấu trừ hoặc ghi tín thuế cho số tiền được thu hồi đã giảm thuế của quý vị trong năm trước đó. Vì mục đích này, bất kỳ khoản gia tăng nào đối với số tiền được chuyển sang năm hiện tại do khấu trừ hoặc ghi tín thuế đều được coi là đã được giảm thuế của quý vị trong năm trước đó. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 525.

Hoàn thuế thu nhập liên bang. Khoản hoàn thuế thu nhập liên bang không bao gồm trong thu nhập của quý vị vì chúng không bao giờ được phép khấu trừ từ thu nhập.

Hoàn thuế tiểu bang. Nếu quý vị nhận được khoản hoàn thuế thu nhập của tiểu bang hoặc địa phương (hay tín thuế hay khoản bù trừ) vào năm 2022, quý vị thường phải bao gồm khoản đó vào thu nhập nếu quý vị đã khấu trừ thuế trong năm trước đó. Bên thanh toán phải gửi Mẫu 1099-G cho quý vị trước ngày 31 tháng 1 năm 2023. IRS cũng sẽ nhận được một bản sao của Mẫu 1099-G. Nếu quý vị nộp Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, sử dụng Bảng Tính Hoàn Thuế Thu Nhập của Tiểu Bang và Địa Phương trong Hướng dẫn năm 2022 của Bảng 1 (Mẫu 1040) để tính số tiền (nếu có) cần bao gồm vào thu nhập của quý vị. Xem Ấn Phẩm 525 để tìm hiểu trong trường hợp nào quý vị phải sử dụng mẫu bảng tính khác.

Nếu quý vị có thể chọn khấu trừ cho một năm thuế:

- Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, hoặc
- Thuế bán hàng chung của tiểu bang và địa phương, thì

số tiền hoàn thuế tối đa mà quý vị có thể phải gộp vào thu nhập được giới hạn để vượt quá số thuế quý vị đã chọn khấu trừ cho năm đó so với số thuế quý vị không chọn khấu trừ cho năm đó. Để xem ví dụ, tham khảo Ấn Phẩm 525.

Hoàn thuế từ lãi vay thế chấp. Nếu quý vị đã nhận được khoản hoàn thuế hay tín thuế vào năm 2022 của lãi của khoản vay thế chấp đã trả trong một năm trước đó, số tiền sẽ được hiển thị trong ô 4 của Mẫu 1098 của quý vị, Báo Cáo Lãi Vay Thế Chấp. Không trừ số tiền hoàn thuế vào tiền lãi quý vị đã trả trong năm 2021. Quý vị có thể phải gộp nó vào thu nhập theo các quy tắc được giải thích trong các cuộc thảo luận sau đây.

Lãi từ khoản phục hồi. Tiền lãi đối với bất kỳ số tiền nào quý vị phục hồi phải được khai báo là thu nhập từ tiền lãi trong năm nhận được. Ví dụ, khai báo bất kỳ khoản lãi nào quý vị đã nhận trên khoản hoàn thuế thu nhập của tiểu bang hoặc địa phương trên Mẫu 1040, 1040-SR, hoặc 1040-NR dòng 2b.

Phục hồi và chi phí trong cùng một năm. Nếu khoản hoàn thuế hay khoản phục hồi khác và chi phí phát sinh trong cùng một năm, khoản phục hồi đó sẽ làm giảm khoản khấu trừ hoặc tín thuế và không được coi là thu nhập.

Phục hồi cho 2 năm hoặc nhiều hơn. Nếu quý vị nhận được tiền hoàn thuế hoặc phục hồi khác cho số tiền đã trả trong 2 năm riêng biệt trở lên, quý vị phải phân phối, theo tỷ lệ, số tiền phục hồi giữa các năm quý vị đã trả. Sự phân phối này cần thiết để xác định số tiền phục hồi từ bất kỳ năm nào trước đó và xác định khoản khấu trừ được phép của quý vị cho mục này cho năm hiện tại, nếu có. Để tìm hiểu thông tin về cách tính phân bổ, tham khảo mục *Recoveries (Phục hồi)* trong Ấn Phẩm 525.

Phục Hồi Khấu Trừ Từng Khoản

Nếu quý vị phục hồi bất kỳ số tiền nào đã được khấu trừ trong một năm trước đó trên Bảng A (Mẫu 1040), quý vị phải gộp toàn bộ số tiền phục hồi vào thu nhập trong năm quý vị nhận nó.

Nơi khai báo. Nhập tiền hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1 và tổng tất cả các khoản phục hồi khác dưới dạng thu nhập khác trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Hạn mức khấu trừ tiêu chuẩn. Quý vị được phép yêu cầu mức khấu trừ tiêu chuẩn nếu quý vị không khấu trừ từng khoản. Chỉ các khoản khấu trừ từng khoản nhiều hơn mức khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị mới thực hiện theo quy tắc thu hồi (trừ khi quý vị được yêu cầu phải liệt kê chi tiết khoản khấu trừ của quý vị). Nếu tổng khoản khấu trừ của quý vị trên tờ khai thuế của năm trước không nhiều hơn thu nhập của quý vị trong năm đó, hãy tính vào thu nhập của quý vị trong năm nay phần nhỏ hơn:

- Khoản phục hồi của quý vị, hoặc
- Số tiền mà khoản khấu trừ từng khoản của quý vị đã vượt quá mức khấu trừ tiêu chuẩn.

Ví dụ. Vào năm 2021, quý vị đã nộp tờ khai thuế chung. Thu nhập chịu thuế của quý vị là \$60.000 và quý vị không được hưởng bất kỳ khoản tín thuế nào. Mức khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị là \$25.100 và quý vị đã khấu trừ từng khoản là \$26.200. Vào năm 2022, quý vị đã nhận được các khoản thu hồi sau

đây cho số tiền đã khấu trừ trên hồ sơ Khai thuế năm 2021 của quý vị.

Chi phí y tế	\$200
Hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương	400
Hoàn thuế của lãi vay thế chấp	325
Tổng số phục hồi	\$925

Không có khoản thu hồi nào nhiều hơn khoản khấu trừ được thực hiện cho năm 2021. Chênh lệch giữa thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương mà quý vị được khấu trừ và thuế tiêu thụ tổng quát tại địa phương của quý vị là hơn \$400.

Tổng số tiền thu hồi của quý vị nhỏ hơn số tiền mà khoản khấu trừ từng khoản của quý vị đã vượt quá mức khấu trừ tiêu chuẩn (\$26.600 – \$25.100 = \$1.500), vì vậy quý vị phải gộp tổng số tiền thu hồi vào thu nhập của quý vị cho năm 2022. Khai báo hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương \$400 trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1, và số dư các khoản thu hồi của quý vị, \$525, trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Mức khấu trừ tiêu chuẩn cho những năm trước. Để xác định xem số tiền hoàn trả trong năm hiện tại có phải được tính trong thu nhập của quý vị hay không, quý vị phải biết mức khấu trừ tiêu chuẩn cho tình trạng Khai thuế của quý vị cho năm khoản khấu trừ được yêu cầu. Xem hướng dẫn cho tờ khai thuế của quý vị từ những năm trước để tìm mức khấu trừ tiêu chuẩn cho tình trạng khai thuế trong năm trước đó.

Ví dụ. Quý vị đã khai thuế chung trên Mẫu 1040 cho năm 2021 với thu nhập chịu thuế là \$45.000. Khoản khấu trừ từng khoản của quý vị là \$25.350. Mức khấu trừ tiêu chuẩn mà quý vị có thể đã yêu cầu là \$25.100. Vào năm 2022, quý vị đã hoàn trả được \$2.100 từ các khoản khấu trừ từng khoản trong năm 2021 của quý vị. Không có khoản phục hồi nào nhiều hơn khoản khấu trừ thực tế cho năm 2021. Bao gồm \$250 tiền phục hồi vào thu nhập năm 2022 của quý vị. Đây là số tiền nhỏ hơn giữa số tiền phục hồi của quý vị (\$2.100) hoặc số tiền mà khoản khấu trừ từng khoản của quý vị nhiều hơn mức khấu trừ tiêu chuẩn (\$25.350 - \$25.100 = \$250).

Khoản phục hồi giới hạn ở mức khấu trừ. Quý vị không tính vào thu nhập của quý vị bất kỳ khoản phục hồi nào nhiều hơn số tiền quý vị được khấu trừ trong năm trước đó. Số tiền quý vị tính trong thu nhập của quý vị được giới hạn ở mức nhỏ hơn của:

- Số tiền được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), hoặc
- Số tiền phục hồi được.

Ví dụ. Trong suốt năm 2021, quý vị đã thanh toán \$1.700 cho chi phí y tế. Trong số tiền này, quý vị đã khấu trừ \$200 trên Bảng A năm 2021 (Mẫu 1040). Vào năm 2022, quý vị đã nhận được khoản hoàn trả \$500 từ bảo hiểm y tế cho các chi phí năm 2021 của quý vị. Số tiền hoàn trả \$500 duy nhất phải được tính trong thu nhập của quý vị cho năm 2022 là \$200 - số tiền thực sự được khấu trừ.

Khoản phục hồi khác. Xem *Recoveries (Phục hồi)* trong Ấn Phẩm 525 nêu:

- Quý vị có khoản phục hồi từ các mục khác với các khoản khấu trừ từng khoản hoặc
- Quý vị đã nhận được khoản phục hồi cho mục mà quý vị đã yêu cầu tín thuế (trừ tín thuế đầu tư hoặc tín thuế nước ngoài) trong năm trước.

Tiền Cho Thuê Tài Sản Cá Nhân

Nếu quý vị cho thuê tài sản cá nhân, ví dụ như thiết bị hoặc xe cộ, cách quý vị khai báo thu nhập và chi phí của quý vị trong hầu hết các trường hợp được xác định bởi:

- Hoạt động cho thuê có phải là hoạt động kinh doanh hay không, và
- Hoạt động cho thuê có được thực hiện để thu lợi nhuận hay không.

Trong hầu hết các trường hợp, nếu mục đích chính của quý vị là thu nhập hoặc lợi nhuận và quý vị liên quan đến hoạt động cho thuê với tính liên tục và thường xuyên thì hoạt động cho thuê của quý vị là một hoạt động kinh doanh. Xem Ấn Phẩm 535, Chi Phí Kinh Doanh, để tìm hiểu chi tiết về việc khấu trừ chi phí cho cả hoạt động kinh doanh và hoạt động phi lợi nhuận.

Khai báo thu nhập và chi phí kinh doanh. Nếu quý vị đang kinh doanh cho thuê tài sản cá nhân, hãy khai báo thu nhập và chi phí của quý vị trên Bảng C (Mẫu 1040). Hướng dẫn mẫu có thông tin về cách hoàn thành chúng.

Khai báo thu nhập phi kinh doanh. Nếu quý vị không kinh doanh cho thuê tài sản cá nhân, khai báo thu nhập cho thuê của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8l.

Khai báo chi phí phi kinh doanh. Nếu quý vị cho thuê tài sản cá nhân vì lợi nhuận, bao gồm chi phí thuê của quý vị trong tổng số tiền quý vị nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24b và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Nếu quý vị không cho thuê tài sản cá nhân vì lợi nhuận, khoản khấu trừ của quý vị bị giới hạn và quý vị không thể khai báo khoản lỗ để bù trừ thu nhập khác. Xem *Hoạt động không vì lợi nhuận* trong mục *Thu Nhập Khác* ở phần sau.

Hoàn trả

Nếu quý vị phải hoàn trả một số tiền mà quý vị đã gộp trong thu nhập trong một năm trước đó, quý vị có thể khấu trừ số tiền đã được hoàn trả khỏi thu nhập cho năm mà quý vị đã hoàn trả. Hay, nếu số tiền quý vị hoàn trả nhiều hơn \$3.000, quý vị có thể được khấu trừ thuế cho năm mà quý vị đã hoàn trả. Nói chung, quý vị chỉ có thể yêu cầu khấu trừ hoặc ghi tín thuế nếu khoản hoàn trả đủ điều kiện là một khoản chi phí hoặc tổn thất phát sinh trong giao dịch hoặc kinh doanh của quý vị hoặc trong một giao dịch vì lợi nhuận.

Loại khấu trừ. Loại khấu trừ quý vị được phép sử dụng trong năm hoàn trả phụ thuộc vào loại thu nhập quý vị đã tính trong năm trước đó. Quý vị thường khấu trừ khoản hoàn trả theo cùng một hình thức hoặc bản khai mà trước đây quý vị đã khai báo là thu nhập. Ví dụ, nếu quý vị đã khai báo đó là thu nhập tự doanh, hãy khấu trừ nó như một chi phí kinh doanh trên Bảng C (Mẫu 1040) hoặc Bảng F (Mẫu 1040). Nếu quý vị đã khai báo đó là lãi vốn, hãy khấu trừ đó như là khoản lỗ vốn được giải thích trong Hướng dẫn cho Bảng D (Mẫu 1040). Nếu quý vị đã khai báo nó dưới dạng tiền lương, tiền trợ cấp thất nghiệp hoặc thu nhập phi kinh doanh khác, quý vị có thể khấu trừ nó như một khoản khấu trừ từng khoản khác nếu số tiền hoàn trả trên \$3.000.



Bắt đầu từ năm 2018, quý vị không còn có thể yêu cầu bất kỳ khoản khấu trừ từng khoản linh tinh nào nữa, vì vậy nếu số tiền được hoàn trả từ \$3.000 trở xuống, quý vị sẽ không thể khấu trừ số tiền đó vào thu nhập trong năm quý vị hoàn trả.

Phúc lợi an sinh xã hội được hoàn trả. Nếu quý vị hoàn trả phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt tương đương, tham khảo mục [Hoàn trả quyền lợi](#), ở chương 7.

Hoàn trả từ \$3.000 trở xuống. Nếu số tiền quý vị hoàn trả từ \$3.000 trở xuống, hãy khấu trừ số tiền đó vào thu nhập của quý vị trong năm quý vị hoàn trả.

Hoàn trả trên \$3.000. Nếu quý vị hoàn trả trên \$3.000, quý vị có thể khấu trừ tiền hoàn trả như một khoản khấu trừ từng khoản khác trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu quý vị bao gồm thu nhập theo quyền yêu cầu. Điều này có nghĩa là tại thời điểm quý vị tính thu nhập, có vẻ như quý vị có quyền không hạn chế đối với thu nhập đó. Tuy nhiên, quý vị có thể chọn lấy tín thuế trong năm hoàn trả. Tín thuế của quý vị theo cả hai phương pháp và so sánh kết quả. Sử dụng phương pháp (khấu trừ hoặc ghi tín thuế) phải trả ít thuế hơn.



Khi xác định xem số tiền quý vị đã hoàn trả nhiều hơn hoặc ít hơn \$3.000, hãy xem xét tổng số tiền được trả khi hoàn trả. Mỗi trường hợp hoàn trả không được xem xét riêng biệt.

Phương pháp 1. Tính thuế của quý vị cho năm 2022 yêu cầu khấu trừ cho số tiền đã hoàn trả. Nếu quý vị khấu trừ nó như một khoản khấu trừ từng khoản khác, hãy nhập nó vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16.

Phương pháp 2. Xác định thuế của quý vị cho năm 2022 yêu cầu tín dụng cho số tiền đã hoàn trả. Thực hiện theo các bước sau.

- Tính thuế của quý vị cho năm 2022 mà không khấu trừ số tiền đã trả.
- Xác định thuế của quý vị từ năm trước mà không tính vào thu nhập số tiền quý vị đã hoàn trả vào năm 2022.
- Trừ khoản thuế (2) vào tiền thuế ghi trên tờ khai của quý vị cho năm trước. Đây chính là khoản tín thuế.
- Trừ kết quả ở (3) khỏi thuế cho năm 2022 được tính mà không có khấu trừ (bước 1).

Nếu phương pháp 1 dẫn đến việc trả ít thuế hơn, hãy khấu trừ số tiền đã hoàn trả. Nếu phương pháp 2 dẫn đến trả ít thuế hơn, hãy yêu cầu khoản tín dụng được nêu trong (3) ở trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 13d, bằng cách cộng số tiền tín thuế vào bất kỳ khoản tín thuế nào khác trên dòng này và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Có thể tìm ví dụ về tính toán này trong Ấn Phẩm 525.

Hoàn trả tiền lương chịu thuế an sinh xã hội và Medicare. Nếu quý vị đã phải trả lại một số tiền mà quý vị đã gộp trong tiền lương hoặc tiền trợ cấp của quý vị trong một năm trước đó mà các khoản thuế an sinh xã hội, Medicare hoặc RRTA bậc 1 đã được trả, hãy yêu cầu chủ lao động hoàn lại số tiền vượt quá cho quý vị. Nếu chủ lao động từ chối hoàn lại thuế, hãy yêu cầu một bản kê khai cho biết số tiền thừa để hỗ trợ cho yêu cầu của quý vị. Nộp đơn yêu cầu hoàn trả bằng cách sử dụng Mẫu 843, Yêu cầu Hoàn trả và Đề nghị bãi bỏ.

Hoàn trả tiền lương chịu Thuế Medicare Bổ Sung. Chủ lao động không thể thực hiện điều chỉnh hoặc nộp đơn yêu cầu hoàn lại khấu trừ Thuế Medicare Bổ sung khi có khoản hoàn trả tiền lương mà nhân viên đã nhận trong năm trước vì nhân viên xác định trách nhiệm đối với Thuế Medicare Bổ sung trên tờ khai thuế thu nhập của nhân viên đối với năm trước. Nếu quý vị phải hoàn trả một số tiền mà quý vị đã tính trong tiền lương hoặc tiền trợ cấp của quý vị trong một năm trước đó, và trên đó Thuế Medicare Bổ sung đã được trả, quý vị có thể lấy lại Thuế Medicare Bổ sung đã trả trên số tiền đó. Để thu hồi Thuế Medicare Bổ sung đối với tiền lương hoặc tiền trợ cấp đã hoàn trả, quý vị phải nộp Mẫu 1040-X cho năm trước mà tiền lương hoặc tiền trợ cấp được nhận. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 1040-X.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền từ bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản dầu, khí đốt và khoáng sản bị đánh thuế như thu nhập thông thường.

Trong hầu hết các trường hợp, quý vị khai báo tiền bản quyền trong Phần I của Bảng E (Mẫu 1040). Tuy nhiên, nếu quý vị nắm giữ lợi nhuận kinh doanh dầu, khí đốt hoặc khoáng sản hoặc đang kinh doanh với tư cách là nhà văn, nhà phát minh, nghệ sĩ tự làm chủ, v.v..., hãy khai báo thu nhập và chi phí của quý vị trên Bảng C (Mẫu 1040).

Bản quyền và bằng sáng chế. Tiền bản quyền từ bản quyền đối với các tác phẩm văn học, âm nhạc hoặc nghệ thuật và tài sản tương tự, hoặc từ các bằng sáng chế về phát minh, là số tiền trả cho quý vị để có quyền sử dụng tác phẩm của quý vị trong một khoảng thời gian nhất định. Tiền bản quyền nói chung dựa trên số lượng đơn vị đã bán, ví dụ như số lượng sách, vé xem buổi biểu diễn hoặc máy móc được bán.

Dầu mỏ, khí đốt và khoáng sản. Thu nhập bản quyền từ tài sản dầu, khí đốt và khoáng sản là số tiền quý vị nhận được khi tài nguyên thiên nhiên được khai thác từ tài sản của quý vị. Tiền bản quyền dựa trên đơn vị, chẳng hạn như thùng, tấn, v.v. và được trả cho quý vị bởi một người hay công ty thuê tài sản từ quý vị.

Hao hụt. Nếu quý vị là chủ của quyền lợi kinh tế đối với các mỏ khoáng sản hay giếng dầu và khí đốt, quý vị có thể thu hồi khoản đầu tư thông qua khoản trợ cấp hao hụt. Để biết thêm thông tin về chủ đề này, tham khảo chương 9 của Ấn Phẩm 535.

Than và quặng sắt. Trong một số trường hợp nhất định, quý vị có thể coi số tiền quý vị nhận được từ việc xử lý than và quặng sắt là khoản thanh toán từ việc bán tài sản vốn chứ không phải là thu nhập bản quyền. Để biết thêm thông tin về lãi hoặc lỗ từ việc thụ than và quặng sắt, tham khảo chương 2 của Ấn Phẩm 544.

Bản quyền lợi của tài sản. Nếu quý vị bán toàn bộ quyền lợi của quý vị đối với dầu, khí đốt hoặc quyền khoáng sản, số tiền quý vị nhận được coi là khoản thanh toán cho việc bán tài sản được sử dụng trong thương mại hoặc kinh doanh theo mục 1231, không phải thu nhập từ bản quyền. Trong một số trường hợp nhất định, việc bán hàng phải được xử lý lãi hoặc lỗ vốn như được giải thích trong Hướng dẫn cho Bảng D (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin về việc bán tài sản phần 1231, tham khảo chương 3 của Ấn Phẩm 544.

Nếu quý vị giữ lại tiền bản quyền, tiền bản quyền ghi đề hoặc tiền lãi ròng từ tài sản khoáng sản trong

suốt thời gian tồn tại của tài sản đó, quý vị đã thực hiện một hợp đồng thuê hoặc cho thuê lại và bất kỳ khoản tiền mặt nào quý vị nhận được để chuyển nhượng các quyền lợi khác trong tài sản đó là thu nhập bình thường có trợ cấp hao hụt.


Phần sản xuất trong tương lai đã bán. Nếu quý vị sở hữu tài sản khoáng sản nhưng bán một phần sản xuất trong tương lai, trong hầu hết các trường hợp, quý vị coi số tiền quý vị nhận được từ người mua tại thời điểm bán như một khoản vay từ người mua. Đừng đưa nó vào thu nhập của quý vị hoặc tính sự hao hụt dựa trên nó.

Khi sản xuất bắt đầu, quý vị tính tất cả số tiền thu được vào thu nhập của quý vị, khấu trừ tất cả các chi phí sản xuất và khấu trừ phần hao hụt từ số tiền đó để tính thu nhập chịu thuế từ tài sản.

Quyền Lợi Thất Nghiệp

Việc xử lý thuế đối với quyền lợi thất nghiệp mà quý vị nhận được tùy thuộc vào loại chương trình chi trả trợ cấp.

Bồi thường thất nghiệp. Quý vị phải tính vào thu nhập tất cả các khoản bồi thường thất nghiệp mà quý vị nhận được. Quý vị sẽ nhận được Mẫu 1099-G thể hiện trong ô 1 tổng số tiền bồi thường thất nghiệp đã trả cho quý vị. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị nhập khoản bồi thường thất nghiệp trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 7.

 Nếu quý vị đã nhận được bồi thường thất nghiệp nhưng chưa nhận được Mẫu 1099-G qua thư, có thể quý vị cần truy cập thông tin của mình qua trang web của tiểu bang để nhận Mẫu 1099-G điện tử.


Các loại bồi thường thất nghiệp. Tiền bồi thường thất nghiệp thường bao gồm bất kỳ số tiền nhận được theo luật bồi thường thất nghiệp của Hoa Kỳ hoặc của một tiểu bang. Bồi thường thất nghiệp bao gồm các khoản bồi thường dưới đây.

- Quyền lợi được trả bởi một tiểu bang hoặc Đặc Khu Columbia từ Ủy Ủy Thác Thất Nghiệp Liên Bang.
- Trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp tiểu bang.
- Quyền lợi trợ cấp thất nghiệp đường sắt.
- Các khoản trợ cấp khuyết tật từ một chương trình của chính quyền được trả thay thế cho trợ cấp thất nghiệp. (Số tiền nhận được dưới dạng trợ cấp khuyết tật hoặc bệnh tật cho nhân viên không phải là trợ cấp thất nghiệp. Xem [chương 5](#) để tìm hiểu thêm thông tin.)
- Trợ cấp điều chỉnh thương mại theo Đạo Luật Thương Mại năm 1974.
- Khoản hỗ trợ thất nghiệp theo Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai và Hỗ Trợ Khẩn Cấp.
- Hỗ trợ thất nghiệp theo Chương Trình Đạo Luật Bãi Bò Quy Định Hàng Không năm 1978.

Chương trình của chính phủ. Nếu quý vị đóng góp vào chương trình trợ cấp thất nghiệp của chính phủ và khoản đóng góp của quý vị không được khấu trừ, số tiền quý vị nhận được theo chương trình sẽ không được tính vào trợ cấp thất nghiệp cho đến khi quý vị khôi phục được khoản đóng góp của mình. Nếu quý vị khấu trừ tất cả các khoản đóng góp cho chương trình, toàn bộ số tiền quý vị nhận được theo chương trình sẽ được tính vào thu nhập của quý vị.

Hoàn trả bồi thường thất nghiệp. Nếu quý vị đã hoàn trả trợ cấp thất nghiệp năm 2022 mà quý vị đã nhận vào năm 2022, hãy trừ số tiền quý vị đã hoàn trả khỏi tổng số tiền quý vị nhận được và nhập phần chênh lệch vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 7. Trên dòng chấm bên cạnh mục quý vị phải nhập, hãy nhập "Repaid (Đã hoàn trả)" và số tiền quý vị đã hoàn trả. Nếu quý vị đã hoàn trả trợ cấp thất nghiệp vào năm 2022 mà quý vị đã tính vào thu nhập của một năm trước đó, quý vị có thể khấu trừ số tiền được hoàn trả trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu quý vị chia từng khoản khấu trừ và số tiền là hơn \$3.000. Xem mục [Hoàn trả](#), ở phần trên.

Khấu trừ thuế. Quý vị có thể chọn khấu trừ thuế thu nhập liên bang từ trợ cấp thất nghiệp của mình. Để đưa ra lựa chọn này, hãy hoàn thành Mẫu W-4V, Yêu Cầu Khấu Trừ Tự nguyện, và gửi tới văn phòng chi trả. Thuế sẽ được khấu trừ ở mức 10% khoản thanh toán của quý vị.

 Nếu quý vị không chọn khấu trừ thuế từ trợ cấp thất nghiệp, quý vị có thể phải chịu thuế ước tính. Nếu quý vị không trả đủ thuế, thông qua khấu trừ hoặc thuế ước tính, hoặc kết hợp cả hai, quý vị có thể phải trả tiền phạt. Để biết thêm thông tin về thuế ước tính, hãy tham khảo [chương 4](#).

Quyền lợi thất nghiệp bổ sung. Quyền lợi nhận được từ quỹ do chủ lao động chi trả (mà nhân viên không đóng góp) không phải là khoản bồi thường thất nghiệp. Khoản này phải chịu thuế như tiền lương. Để biết thêm thông tin, xem *Supplemental Unemployment Benefits (Quyền Lợi Thất Nghiệp Bổ Sung)* trong phần 5 của Ấn Phẩm 15-A, Hướng Dẫn Bổ Sung cho Thuế của Chủ Lao Động. Khai báo khoản thanh toán trên dòng 1a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Hoàn trả quyền lợi. Quý vị có thể phải hoàn trả một số quyền lợi thất nghiệp bổ sung để đủ điều kiện nhận các khoản trợ cấp điều chỉnh thương mại theo Đạo Luật Thương Mại năm 1974. Nếu quý vị hoàn trả các quyền lợi thất nghiệp bổ sung trong cùng năm quý vị nhận chúng, hãy giảm tổng số tiền trợ cấp sao cho bằng số tiền quý vị hoàn trả. Nếu quý vị hoàn trả các khoản trợ cấp trong một năm sau đó, quý vị phải tính toàn bộ số tiền trợ cấp nhận được vào thu nhập cho năm quý vị đã nhận chúng.

Khấu trừ tiền hoàn trả vào năm sau như một sự điều chỉnh cho tổng thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Khai báo tiền hoàn trả vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24e, và tham khảo hướng dẫn ở đó. Nếu số tiền quý vị hoàn trả trong năm sau nhiều hơn \$3.000, quý vị có thể được khấu trừ thuế vào năm sau đó thay vì khấu trừ số tiền đã hoàn trả. Để biết thêm thông tin về nội dung này, tham khảo mục [Hoàn trả](#), ở phần trên.

Quý thất nghiệp tự nhân. Các khoản thanh toán quyền lợi thất nghiệp từ quỹ tự nhân (phi công đoàn) mà quý vị tự nguyện đóng góp chỉ bị đánh thuế nếu số tiền quý vị nhận được nhiều hơn tổng số tiền quý vị phải trả vào quỹ. Khai báo số tiền chịu thuế trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Thanh toán bởi công đoàn. Quyền lợi được trả cho quý vị như một thành viên thất nghiệp của một công đoàn tự chi phí công đoàn thông thường được tính vào thu nhập của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z. Tuy nhiên, nếu quý vị đóng góp vào quỹ công đoàn đặc biệt và các khoản thanh toán của quý vị cho quỹ không được khấu trừ, quyền lợi thất nghiệp quý vị nhận được từ quỹ chỉ được tính vào

thu nhập của quý vị trong phạm vi nhiều hơn khoản đóng góp của quý vị.

Lương hàng năm được đảm bảo. Các khoản thanh toán quý vị nhận được từ chủ lao động trong thời gian thất nghiệp, theo một thỏa thuận công đoàn đảm bảo quý vị được trả đủ lương trong năm, sẽ bị đánh thuế dưới dạng tiền lương. Tính chúng trên dòng 1a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nhân viên của tiểu bang. Các khoản thanh toán tương tự như khoản trợ cấp thất nghiệp của tiểu bang có thể được tiểu bang thực hiện cho những nhân viên của mình, những người không thuộc phạm vi điều chỉnh của luật trợ cấp thất nghiệp của tiểu bang. Mặc dù các khoản thanh toán phải chịu thuế đầy đủ, không khai báo số tiền này là trợ cấp thất nghiệp. Khai báo khoản thanh toán này trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Phúc Lợi Xã Hội và Quyền Lợi Hỗ Trợ Công Cộng Khác

Không bao gồm vào thu nhập của quý vị các khoản thanh toán phúc lợi công cộng từ quỹ phúc lợi công cộng dựa trên nhu cầu, ví dụ như các khoản thanh toán cho người mù theo luật hỗ trợ công cộng của tiểu bang. Các khoản thanh toán từ quỹ của tiểu bang cho các nạn nhân của tội phạm sẽ không được tính vào thu nhập của nạn nhân nếu bản chất của chúng thuộc về các khoản thanh toán phúc lợi. Không khấu trừ các chi phí y tế được hoàn trả bởi quỹ đó. Quý vị phải đưa vào thu nhập của mình bất kỳ khoản thanh toán quyền lợi nào là tiền bồi thường cho các dịch vụ hoặc thu được một cách gian lận.

Các khoản thanh toán Hỗ Trợ Điều Chỉnh Nghề Nghiệp Tuyển Dụng Lại (RTAA). Các khoản thanh toán RTAA nhận được từ một tiểu bang phải được tính vào thu nhập của quý vị. Tiểu bang phải gửi cho quý vị Mẫu 1099-G để thông báo cho quý vị về số tiền quý vị nên tính vào thu nhập. Số tiền phải được khai báo trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8.

Người khuyết tật. Nếu quý vị là người khuyết tật, quý vị phải tính khoản trợ cấp thu nhập mà quý vị nhận được cho các dịch vụ quý vị thực hiện trừ khi khoản trợ cấp được loại trừ. Tuy nhiên, quý vị không tính vào thu nhập giá trị hàng hóa, dịch vụ và tiền mặt mà quý vị nhận được, không phải để đổi lại các dịch vụ của quý vị, mà là để đào tạo và phục hồi vì quý vị bị khuyết tật. Các khoản được loại trừ bao gồm các khoản thanh toán cho phương tiện đi lại và chăm sóc người phục vụ, ví dụ như dịch vụ phiên dịch cho người khiếm thính, dịch vụ đọc cho người mù và các dịch vụ giúp những người khuyết tật trí tuệ làm việc của họ.

Trợ cấp cứu trợ thiên tai. Không tính các khoản trợ cấp sau thảm họa nhận được theo Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai và Hỗ Trợ Khẩn Cấp Robert T. Stafford vào thu nhập của quý vị nếu khoản trợ cấp được thực hiện để giúp quý vị đáp ứng các chi phí cần thiết hoặc nhu cầu nghiêm trọng về y tế, nha khoa, nhà ở, tài sản cá nhân, phương tiện đi lại, chăm sóc con cái, hoặc chi phí tang lễ. Không khấu trừ tổn thất thương vong hoặc chi phí y tế được hoàn trả cụ thể bằng các khoản trợ cấp cứu trợ thiên tai này. Nếu quý vị đã khấu trừ tổn thất thương vong do mất nơi cư trú cá nhân và sau đó quý vị nhận được khoản trợ cấp cứu trợ thiên tai cho việc mất nơi ở đó, quý vị có thể phải tính một phần hoặc toàn bộ khoản trợ cấp đó vào thu nhập chịu thuế của quý vị. Xem mục [Phúc hồi](#), ở phần trên. Các khoản hỗ

trợ thất nghiệp theo Đạo Luật là khoản bồi thường thất nghiệp chịu thuế. Xem [Bồi thường thất nghiệp](#) trong mục [Quyền lợi Thất nghiệp](#), ở phần trên.

Thanh toán cứu trợ thiên tai. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập bất kỳ số tiền nào quý vị nhận được là khoản thanh toán cứu trợ thiên tai đủ điều kiện. Khoản thanh toán cứu trợ thiên tai đủ điều kiện là số tiền được trả cho quý vị:

1. Để hoàn trả hoặc thanh toán các chi phí cá nhân, gia đình, sinh hoạt hoặc tang lễ hợp lý và cần thiết do một thảm họa đủ điều kiện gây ra;
2. Hoàn trả hoặc thanh toán các chi phí hợp lý và cần thiết phát sinh cho việc sửa chữa hoặc phục hồi ngôi nhà của quý vị hoặc sửa chữa hoặc thay thế các phần ngôi nhà trong phạm vi do thảm họa đủ điều kiện;
3. Bồi một người tham gia cung cấp hoặc bán phương tiện vận chuyển với tư cách là người vận chuyển thông thường vì cái chết hoặc thương tật cá nhân phát sinh do thảm họa đủ điều kiện; hoặc
4. Bồi chính quyền liên bang, tiểu bang hoặc địa phương, văn phòng hoặc tổ chức có liên quan đến một thảm họa đủ điều kiện để thực hiện các phúc lợi chung.

Quý vị chỉ có thể loại trừ số tiền này trong phạm vi bất kỳ khoản chi phí nào mà nó phải trả không được bảo hiểm hoặc cách khác thanh toán. Loại trừ không áp dụng nếu quý vị là người tham gia hoặc chủ mưu trong một hành động khủng bố hoặc đại diện của một hành động khủng bố.

Thiên tai đủ điều kiện là:

- Một thảm họa do khủng bố hoặc hành động quân sự;
- Một thảm họa được liên bang tuyên bố; hoặc
- Một thảm họa do tai nạn liên quan đến người vận chuyển thông thường hoặc từ bất kỳ sự kiện nào khác, được xác định là thảm khốc bởi Bộ trưởng Ngân khố hoặc đại biểu của người đó.

Đối với số tiền được thanh toán theo mục (4) ở trên, thảm họa đủ điều kiện nếu nó được xác định bởi chính quyền liên bang, tiểu bang hoặc địa phương hiện hành để đảm bảo sự hỗ trợ từ chính quyền, văn phòng hoặc tổ chức liên bang, tiểu bang hoặc địa phương.

Khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập bất kỳ số tiền nào quý vị nhận được là khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai đủ điều kiện. Các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai đủ tiêu chuẩn thường được trả cho quý vị trong khoảng thời gian ngay sau khi có thiệt hại về tài sản do hậu quả của thiên tai. Tuy nhiên, các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai được sử dụng để giảm nhẹ (giảm mức độ nghiêm trọng của) thiệt hại tiềm ẩn do các thảm họa thiên nhiên trong tương lai. Chúng được trả cho quý vị thông qua chính quyền tiểu bang và địa phương dựa trên các quy định của Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai và Hỗ Trợ Khẩn Cấp hoặc Đạo Luật Bảo Hiểm Lũ Lụt Quốc Gia của Robert T. Stafford.

Quý vị không thể tăng mức cơ sở hoặc mức cơ sở được điều chỉnh của tài sản cho các cải tiến được thực hiện với các khoản thanh toán giảm nhẹ thiên tai không chịu thuế.

Chương Trình Điều Chỉnh Giá Nhà Hợp Lý (HAMP). Nếu quý vị được lợi từ Thanh toán thành

công theo hiệu suất trong HAMP, thì khoản thanh toán đó sẽ không bị đánh thuế.

Khoản thanh toán hỗ trợ vay thế chấp theo đoạn 235 của Đạo Luật Nhà Ở Quốc Gia. Các khoản thanh toán được thực hiện theo mục 235 của Đạo Luật Nhà Ở Quốc Gia để được hỗ trợ vay thế chấp không được tính vào thu nhập của chủ nhà. Tiền lãi trả cho chủ nhà theo chương trình hỗ trợ vay thế chấp không được khấu trừ.

Medicare. Quyền lợi Medicare nhận được theo tiêu đề XVIII của Đạo Luật An Sinh Xã Hội không được tính vào tổng thu nhập của những cá nhân được trả. Điều này bao gồm cơ bản (Phần A (Quyền lợi bảo hiểm bệnh tật cho người cao tuổi)) và bổ sung (Phần B (Quyền lợi bảo hiểm y tế bổ sung cho người cao tuổi)).

Các phúc lợi an sinh xã hội (bao gồm các khoản thanh toán một lần cho những năm trước), các phúc lợi Thu Nhập An Sinh Bổ Sung (SSI), và các khoản trợ cấp tử tuất một lần. Cơ quan Quản Lý An Sinh Xã Hội (SSA) cung cấp các quyền lợi như trợ cấp tuổi già, trợ cấp cho người lao động tàn tật, và phúc lợi cho vợ/chồng và người phụ thuộc. Những phúc lợi này có thể phải chịu thuế thu nhập liên bang tùy thuộc vào tình trạng nộp đơn và thu nhập khác của quý vị. Xem [chương 7](#) trong ấn phẩm này và Ấn Phẩm 915, Phúc Lợi An Sinh Xã Hội và Hưu Trĩ Đường Sắt Tương Đương, để tìm hiểu thêm thông tin. Một cá nhân ban đầu bị từ chối quyền lợi, nhưng sau đó được chấp thuận, có thể nhận được khoản thanh toán một lần cho khoảng thời gian quyền lợi bị từ chối (có thể là những năm trước). Xem Ấn Phẩm 915 để biết thông tin về cách thực hiện việc chi trả một lần, điều này có thể làm giảm nghĩa vụ thuế của quý vị. Ngoài ra còn có các loại phúc lợi khác do SSA chi trả. Tuy nhiên, trợ cấp SSI và trợ cấp tử tuất một lần (trả một lần cho vợ/chồng và con cái của người đã chết) không phải chịu thuế thu nhập liên bang. Để biết thông tin về các quyền lợi này, đi đến trang [SSA.gov \(tiếng Anh\)](#).

Chương Trình Dinh Dưỡng cho Người Cao Niên. Trợ cấp thực phẩm quý vị nhận được theo Chương Trình Dinh Dưỡng cho Người Cao Niên không chịu thuế. Nếu quý vị chuẩn bị và phục vụ các bữa ăn miễn phí cho chương trình, hãy tính vào thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lương mà quý vị nhận được, ngay cả khi quý vị cũng đủ điều kiện nhận trợ cấp thực phẩm.

Trợ cấp để giảm chi phí sử dụng năng lượng vào mùa đông. Khoản thanh toán do tiểu bang thực hiện cho những người đủ điều kiện để giảm chi phí sử dụng năng lượng vào mùa đông của họ sẽ không bị đánh thuế.

Thu Nhập Khác

Các cuộc thảo luận ngắn sau đây được sắp xếp theo thứ tự bằng chữ cái. Các khoản thu nhập khác được thảo luận ngắn gọn dưới đây được tham chiếu đến các ấn phẩm cung cấp nhiều thông tin thời sự hơn.

Hoạt động không vì lợi nhuận. Quý vị phải đưa vào thu nhập hoàn thuế của quý vị từ một hoạt động mà quý vị không mong đợi tạo ra lợi nhuận. Một ví dụ về loại hoạt động này là một sở thích hoặc một nông trại mà quý vị vận hành chủ yếu để giải trí và vui chơi. Nhập thu nhập này vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8j. Các khoản khấu trừ cho các chi phí liên quan đến hoạt động bị hạn chế. Chúng không thể có tổng nhiều hơn thu nhập quý vị khai báo và chỉ có

thể được lấy nếu quý vị giảm thiểu các khoản khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040). Xem *Not-for-Profit Activities (Hoạt động Không-Vì-Lợi nhuận)* tại chương 1 của Ấn Phẩm 535 để biết thông tin về việc một hoạt động được thực hiện vì lợi nhuận hay không.

Cổ tức Quỹ Thường Trục Tiểu Bang Alaska. Nếu quý vị nhận được khoản thanh toán từ quỹ thu nhập khoáng sản của Alaska (cổ tức của Quỹ Thường Trục Tiểu Bang Alaska), hãy khai báo khoản đó dưới dạng thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8g. Tiểu bang Alaska gửi cho mỗi người một tài liệu cho biết số tiền thanh toán bằng séc. Số tiền phải được khai báo cho IRS.

Cấp dưỡng. Tính vào thu nhập của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 2a, bất kỳ tiền cấp dưỡng phải chịu thuế nào mà quý vị nhận được. Số tiền quý vị nhận được để trợ cấp cho con không phải là thu nhập của quý vị. Cấp dưỡng và trợ cấp cho con được thảo luận tại Ấn Phẩm 504.



Không tính các khoản thanh toán cấp dưỡng mà quý vị nhận được theo thỏa thuận ly hôn hoặc ly thân (1) được thực hiện sau năm 2018 hoặc (2) được thực hiện trước năm 2019 nhưng được sửa đổi sau đó nếu sửa đổi nêu rõ việc bãi bỏ khoản khấu trừ cho các khoản cấp dưỡng áp dụng cho sửa đổi.

Tiền hối lộ. Nếu quý vị nhận tiền hối lộ, hãy tính khoản đó vào thu nhập của quý vị.

Đóng góp cho bầu cử. Những đóng góp này không phải là thu nhập cho một ứng viên trừ khi được chuyển cho mục đích sử dụng cá nhân của ứng viên này. Để không bị đánh thuế, các khoản đóng góp phải được chi tiêu cho các mục đích bầu cử hay được giữ trong một quỹ để sử dụng cho các bầu cử trong tương lai. Tuy nhiên, tiền lãi thu được từ tiền gửi ngân hàng, cổ tức nhận được từ chứng khoán góp vốn và lãi ròng thu được từ việc bán chứng khoán góp vốn đều phải chịu thuế và phải được khai báo trên Mẫu 1120-POL, Tờ Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Một Số Tổ Chức Chính Trị. Số tiền vượt mức của bầu cử được chuyển vào tài khoản văn phòng phải được tính vào thu nhập của chủ văn phòng trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z, trong năm được chuyển.

Đi chung xe. Đừng tính số tiền thu nhập mà quý vị nhận được từ hành khách để lái xe và đi chung xe đi làm. Số tiền này được coi là khoản hoàn trả cho chi phí của quý vị. Tuy nhiên, quy tắc này sẽ không áp dụng nếu quý vị đã phát triển đi chung xe thành một hoạt động kinh doanh dịch vụ đưa đón công nhân để thu lợi nhuận.

Hoàn lại tiền mặt. Khoản hoàn lại tiền mặt mà quý vị nhận được từ đại lý hoặc nhà sản xuất của mặt hàng quý vị mua không phải là thu nhập, nhưng quý vị phải giảm mức giá gốc bằng số tiền giảm giá.

Ví dụ. Quý vị mua một chiếc ô tô mới với giá \$24.000 tiền mặt và nhận được séc hoàn lại \$2.000 từ nhà sản xuất. \$2.000 không phải là thu nhập đối với quý vị. Giá gốc của quý vị với chiếc xe là \$22.000. Đây là giá gốc để quý vị tính toán lãi lỗ nếu bán xe và khấu hao nếu dùng vào mục đích kinh doanh.

Bảo hiểm thiệt hại và khoản hoàn trả khác. Thông thường, quý vị không nên khai báo những khoản hoàn trả này vào tờ khai trừ khi quý vị đang tìm ra lợi ích hoặc tổn thất to thiệt hại và trộm cắp. Tham khảo Ấn Phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Thanh toán trợ cấp cho con. Quý vị không nên khai báo các khoản thanh toán này vào tờ khai. Tham khảo Ấn Phẩm 504 để biết thêm thông tin.

Phán quyết của tòa án và tổn thất. Để xác định xem liệu số tiền thanh toán mà quý vị nhận được do thỏa hiệp hoặc phán quyết có được tính vào thu nhập của quý vị hay không, quý vị phải cân nhắc việc khoản thanh toán được thay thế. Đặc tính của thu nhập là thu nhập thông thường hoặc lãi vốn phụ thuộc vào bản chất của sự đòi bồi thường. Bao gồm các khoản sau đây vào thu nhập thông thường.

1. Tiền lãi đối với bất kỳ phán quyết nào.
2. Bồi thường cho tiền lương bị mất hoặc lợi nhuận bị mất trong hầu hết các trường hợp.
3. Tổn thất mang tính chất trừng phạt, trong hầu hết các trường hợp. Không quan trọng nếu chúng liên quan đến chấn thương thể chất hoặc bệnh tật.
4. Số tiền nhận được trong giải quyết quyền lợi về hưu bổng (nếu quý vị không đóng góp vào chương trình).
5. Tổn thất do:
 - a. Vi phạm bằng sáng chế hoặc bản quyền,
 - b. Vi phạm hợp đồng, hoặc
 - c. Cản trở hoạt động kinh doanh.
6. Khoản hoàn trả và tiền bồi thường thiệt hại do thiệt hại về tinh thần nhận được để đáp ứng yêu cầu bồi thường theo tiêu đề VII của Đạo Luật Quyền Dân Sự năm 1964.
7. Phí và chi phí luật sư (bao gồm cả phí dự phòng) trong đó khoản thu hồi cơ bản được tính vào tổng thu nhập.
8. Phí luật sư và các chi phí liên quan đến phần thưởng của người tố giác trong đó khoản thu hồi cơ bản được tính vào tổng thu nhập.

Không tính vào thu nhập của quý vị những khoản bồi thường thiệt hại cho thương tật cá nhân hoặc bệnh tật (cho dù nhận một lần hoặc nhiều lần).

Cảm xúc đau khổ. Bản thân đau khổ về tinh thần không phải là một tổn thương về thể chất hoặc bệnh tật, nhưng những thiệt hại mà quý vị trải qua do đau khổ về tinh thần do chấn thương thể chất hoặc bệnh tật được coi như đã nhận được đối với chấn thương thể chất hoặc bệnh tật. Không đưa chúng vào thu nhập của quý vị.

Nếu đau khổ về tinh thần là do thương tích cá nhân mà không phải do chấn thương thể chất hoặc bệnh tật (ví dụ: phân biệt đối xử trong việc làm hoặc tổn thương danh tiếng), quý vị phải đưa các thiệt hại trong thu nhập của mình, ngoại trừ bất kỳ thiệt hại nào không nhiều hơn số tiền phải trả cho chăm sóc y tế do đau khổ về tinh thần đó. Cảm xúc đau khổ bao gồm các triệu chứng thể chất do cảm xúc, ví dụ như đau đầu, mất ngủ và rối loạn dạ dày.

Bảo hiểm thẻ tín dụng. Trong hầu hết các trường hợp, nếu quý vị nhận trợ cấp theo chương trình bảo hiểm khuyết tật hoặc thất nghiệp bằng thẻ tín dụng, thì quý vị phải chịu thuế. Các chương trình này thực hiện khoản thanh toán hàng tháng tối thiểu trên thẻ tín dụng của quý vị nếu quý vị không thể thanh toán do thương tật, bệnh tật, tàn tật hoặc thất nghiệp. Khai báo trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z, số tiền trợ cấp quý vị nhận được trong năm nhiều hơn số phí bảo hiểm quý vị đã trả trong năm.

Hỗ trợ thanh toán trước. Nếu quý vị mua nhà và nhận hỗ trợ từ một công ty phi lợi nhuận để thực hiện khoản trả trước, khoản hỗ trợ đó không được

tính vào thu nhập của quý vị. Nếu công ty đủ điều kiện là một tổ chức từ thiện được miễn thuế, khoản hỗ trợ được coi như một món quà và được tính trong mức giá trị cơ sở căn nhà của quý vị. Nếu công ty không đủ điều kiện, hỗ trợ được coi là khoản giảm giá hoặc giảm giá mua và không được tính vào giá trị cơ sở của quý vị.

Phí môi giới việc làm. Nếu quý vị nhận được một công việc thông qua văn phòng môi giới việc làm và phí do chủ lao động trả, khoản phí này sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị nếu quý vị không phải chịu trách nhiệm về khoản phí đó. Tuy nhiên, nếu quý vị trả số tiền đó và chủ lao động hoàn lại tiền cho quý vị thì số tiền đó sẽ tính vào thu nhập của quý vị.

Trợ cấp bảo tồn năng lượng. Quý vị có thể loại trừ khỏi tổng thu nhập bất kỳ khoản trợ cấp nào được cung cấp, trực tiếp hoặc gián tiếp, bởi các tiện ích công cộng để mua hoặc thực hiện một phương pháp bảo tồn năng lượng cho một đơn vị cư trú.

Phương pháp bảo tồn năng lượng. Điều này bao gồm các phương pháp hoặc sửa đổi được thiết kế chủ yếu để giảm tiêu thụ điện hoặc khí đốt tự nhiên hoặc cải thiện việc quản lý nhu cầu năng lượng.

Đơn vị cư trú. Nó bao gồm một ngôi nhà, căn hộ, chung cư, nhà di động, thuyền hoặc tài sản tương tự. Nếu một tòa nhà hoặc công trình kiến trúc có cả nhà ở và các đơn vị khác, thì bất kỳ khoản trợ cấp nào cũng phải được phân phối hợp lý.

Thu nhập từ di sản và quỹ tín thác. Quỹ di sản hoặc quỹ tín thác, không giống như hình thức hợp tác kinh doanh, có thể phải trả thuế thu nhập liên bang. Nếu quý vị là người thụ hưởng quỹ di sản hoặc quỹ tín thác, quý vị có thể bị đánh thuế trên phần thu nhập được phân phối hay bắt buộc phải phân phối cho quý vị. Tuy nhiên, không bao giờ quý vị bị đánh thuế hai lần. Các quỹ di sản và quỹ tín thác nộp tờ khai thuế theo Mẫu 1041, Tờ Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Di Sản và Quỹ Tín Thác, và phần thu nhập được khai báo cho quý vị trên Bảng K-1 (Mẫu 1041).

Thu nhập hiện tại được yêu cầu phân phối. Nếu quý vị là người thụ hưởng di sản hoặc quỹ tín thác mà phải phân phối tất cả thu nhập hiện tại của nó, quý vị phải khai báo phần thu nhập ròng có thể phân phối của mình, cho dù quý vị có thực sự nhận được hay không.

Thu nhập hiện tại không được yêu cầu phân phối. Nếu quý vị là người thụ hưởng di sản hoặc quỹ tín thác và người được ủy thác có quyền lựa chọn phân phối toàn bộ hay một phần thu nhập hiện tại, quý vị phải khai báo:

- Tất cả thu nhập bắt buộc phải được phân phối cho quý vị, cho dù nó có thực sự được phân phối hay không, cộng với
- Tất cả các khoản tiền khác đã thực trả hay được ghi có cho quý vị,

lên đến số tiền chia sẻ thu nhập ròng có thể phân phối của quý vị.

Cách khai báo. Coi từng khoản thu nhập giống như cách mà quỹ di sản hoặc quỹ tín thác sẽ đối xử với nó. Ví dụ, nếu thu nhập từ cổ tức của quỹ tín thác được phân phối cho quý vị, quý vị sẽ khai báo việc phân phối dưới dạng thu nhập cổ tức trên lợi tức của quý vị. Quy tắc tương tự cũng được áp dụng cho việc phân phối tiền lãi và lãi từ vốn được miễn thuế.

Người được ủy thác di sản hoặc quỹ tín thác phải cho quý vị biết loại khoản mục tạo nên phần thu

nhập từ di sản hoặc quỹ tín thác của quý vị và bất kỳ khoản tín dụng nào quý vị được phép trên tờ khai thuế thu nhập cá nhân.

Lỗ. Khoản lỗ từ di sản và tín thác của người thụ hưởng thường không được khấu trừ thu.

Quỹ tín thác của người ký thác. Thu nhập kiếm được của quỹ tín thác của người ký thác phải chịu thuế bởi người ký thác, không phải người thụ hưởng, nếu người ký thác giữ quyền kiểm soát nhất định đối với quỹ ủy thác. (Người ký thác là người đã chuyển tài sản cho quỹ tín thác.) Quy tắc này áp dụng nếu tài sản (hoặc thu nhập từ tài sản) đặc vào quỹ tín thác sẽ hoặc có thể hoàn lại (được trả lại) cho người ký thác hoặc vợ/chồng của người ký thác.

Nói chung, quỹ tín thác là quỹ tín thác của người ký thác nếu người ký thác có lợi ích có thể hồi chuyển trị giá (tại ngày chuyển nhượng) trên 5% giá trị của tài sản được chuyển nhượng.

Chi phí được trả bởi người khác. Nếu chi phí cá nhân của quý vị được thanh toán bởi một người khác, chẳng hạn như một công ty, khoản thanh toán đó có thể phải chịu thuế tùy thuộc vào mối quan hệ của quý vị với người đó và bản chất của khoản thanh toán. Nhưng nếu khoản thanh toán bù đắp cho tổn thất do người đó gây ra và giúp quý vị trở về vị trí trước khi có tổn thất, khoản thanh toán đó sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị.

Chi phí dịch vụ. Tính tất cả các chi phí dịch vụ vào thu nhập của quý vị. Ví dụ về khoản phí là số tiền nhận được cho các dịch vụ quý vị thực hiện như:

- Giám đốc công ty cổ phần;
- Người thi hành, quản lý hoặc cá nhân đại diện của di sản;
- Người quản lý của một giao dịch thương mại hoặc kinh doanh mà quý vị đã điều hành trước khi tuyên bố phá sản theo chương 11;
- Công chứng viên; hoặc
- Viên chức khu bầu cử.

Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên. Nếu quý vị không phải là nhân viên và chi phí dịch vụ của quý vị từ một người thanh toán duy nhất trong quá trình giao dịch hoặc kinh doanh của người thanh toán có tổng từ \$600 trở lên trong năm, người thanh toán sẽ gửi cho quý vị Mẫu 1099-NEC. Quý vị có thể cần phải khai báo chi phí của quý vị dưới dạng thu nhập từ việc tự kinh doanh. Xem [Người tự kinh doanh](#) trong chương 1 để thảo luận về thời điểm quý vị được cho là tự kinh doanh.

Quản trị công ty. Chi phí quản trị công ty là thu nhập tự kinh doanh. Khai báo khoản thanh toán này trên Bảng C (Mẫu 1040).

Người đại diện cá nhân. Tất cả người đại diện cá nhân phải tính trong tổng thu nhập được trả cho họ từ di sản. Nếu quý vị không tham gia giao dịch hay kinh doanh để trở thành người thi hành (ví dụ: quý vị là người thi hành tài sản của quý vị bè hay người thân), hãy khai báo các khoản phí này trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8. Nếu quý vị đang kinh doanh thương mại hoặc kinh doanh với tư cách là người thi hành công việc, hãy khai báo các khoản phí này dưới dạng thu nhập từ tự làm chủ trên Bảng C (Mẫu 1040). Chi phí này không được tính vào thu nhập nếu chúng được miễn.

Người quản lý thương mại hoặc kinh doanh cho di sản vỡ nợ. Tính trong thu nhập của quý vị tất cả các khoản thanh toán nhận được từ di sản vỡ nợ của quý vị khi quản lý hoặc điều hành một hoạt động thương mại hay kinh doanh mà quý vị đã điều

hành trước khi nộp đơn phá sản. Khai báo thu nhập này vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z.

Công chứng viên. Khai báo khoản thanh toán cho dịch vụ này trên Bảng C (Mẫu 1040). Khoản thanh toán này không được đánh thuế tự làm chủ. Xem Hướng dẫn riêng cho Bảng SE (Mẫu 1040) để biết chi tiết.

Viên chức khu bầu cử. Quý vị sẽ nhận được một Mẫu W-2 thể hiện khoản thanh toán cho dịch vụ được thực hiện bởi viên chức bầu cử hay nhân viên bầu cử. Khai báo khoản thanh toán trên dòng 1a của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Người chăm sóc nuôi dưỡng. Nói chung, khoản thanh toán quý vị nhận được từ một tiểu bang, một khu vực chính trị hay một văn phòng sắp xếp việc chăm sóc nuôi dưỡng đủ điều kiện để chăm sóc một cá nhân được nuôi dưỡng đủ điều kiện tại nhà của quý vị bị loại trừ khỏi thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải đưa vào khoản thanh toán thu nhập trong phạm vi số tiền đó nhận được để chăm sóc hơn năm người được nuôi dưỡng đủ điều kiện từ 19 tuổi trở lên.

Cá nhân nuôi dưỡng đủ điều kiện là người:

1. Đang được nhận nuôi trong một gia đình; và
2. Được ở đó theo quyết định của:
 - a. Một văn phòng của tiểu bang hay một trong các phân khu chính trị của nó, hay
 - b. Văn phòng sắp xếp việc chăm sóc nuôi dưỡng đủ điều kiện.

Thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó. Đây là các khoản thanh toán được người trả chỉ định là khoản trợ cấp cho việc cung cấp dịch vụ chăm sóc bổ sung cần thiết cho các cá nhân được nuôi dưỡng đủ điều kiện về thể chất, tinh thần hay cảm xúc. Một tiểu bang phải xác định rằng khoản trợ cấp này là cần thiết, và việc chăm sóc được các khoản thanh toán chi trả phải được cung cấp tại nhà của người chăm sóc nuôi dưỡng nơi cá nhân được nuôi dưỡng đủ điều kiện đã ở.

Một số khoản tiền trả miễn trừ Medicaid nhất định được coi là khoản thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó khi được một chăm sóc cá nhân nhận để chăm sóc cho một cá nhân đủ điều kiện sống trong nhà của người chăm sóc. Xem Thông báo 2014-7, có sẵn tại [IRS.gov/irb/2014-04_IRB#NOT-2014-7](#) (tiếng Anh), và các câu hỏi và câu trả lời liên quan, có sẵn tại [IRS.gov/Individuals/Certain-Medicaid-Waiver-Payments-May-Be-Excludable-From-Income](#) (tiếng Anh) để tìm hiểu thêm thông tin.

Quý vị phải góp khoản thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó vào thu nhập của quý vị trong phạm vi chúng nhận được nhiều hơn:

- 10 cá nhân nhận nuôi đủ điều kiện dưới 19 tuổi, hoặc
- Năm cá nhân nhận nuôi đủ điều kiện từ 19 tuổi trở lên.

Đảm bảo không gian trong nhà. Nếu quý vị được trả tiền để đảm bảo không gian trong nhà cho chăm sóc nuôi dưỡng khẩn cấp, quý vị phải góp khoản thanh toán này vào thu nhập của quý vị.

Khai báo số tiền chịu thuế. Nếu quý vị nhận được các khoản thanh toán mà quý vị phải tính trong thu nhập và quý vị đang kinh doanh với tư cách là người chăm sóc nuôi dưỡng, hãy khai báo các khoản thanh toán trên Bảng C (Mẫu 1040). Xem Ấn Phẩm 587, Sử dụng nhà của quý vị cho việc kinh doanh, để giúp quý vị xác định số tiền quý vị có thể khấu trừ để sử dụng ngôi nhà.

Tài sản được tìm thấy. Nếu quý vị tìm thấy và giữ tài sản thứ đã bị thất lạc hay bị bỏ rơi (kho báu) không thuộc về quý vị, tài sản đó sẽ bị đánh thuế theo giá trị thị trường hợp lý hợp lý trong năm đầu tiên khi nó là tài sản không thể tranh cãi của quý vị.

Du lịch miễn phí. Nếu quý vị nhận được một chuyến du lịch miễn phí từ một công ty du lịch khi tổ chức du lịch một nhóm khách, quý vị phải tính giá trị của nó vào thu nhập của quý vị. Khai báo giá cả phải chăng trên trị trường hợp lý của chuyến du lịch trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z, nếu quý vị không kinh doanh hay kinh doanh tổ chức các chuyến du lịch. Quý vị không thể khấu trừ chi phí của quý vị khi phục vụ với tư cách là người lãnh đạo tự nguyện theo yêu cầu của nhóm. Nếu quý vị tổ chức các chuyến du lịch với tư cách thương mại hoặc kinh doanh, hãy khai báo giá trị của chuyến du lịch trên Bảng C (Mẫu 1040).

Tiền thắng đánh bạc. Quý vị phải góp tiền thắng đánh bạc của quý vị vào thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8b. Tiền thắng từ các giải đấu thể thao tương tự như tiền thắng cược. Nếu quý vị chia từng khoản khấu trừ của quý vị trên Bảng A (Mẫu 1040), quý vị có thể khấu trừ các khoản thua bạc mà quý vị đã có trong năm, nhưng cao nhất chỉ bằng số tiền thắng đánh bạc của quý vị. Nếu quý vị đang buôn bán hoặc kinh doanh dịch vụ đánh bạc, hãy sử dụng Bảng C (Mẫu 1040).

Xổ số và rút thưởng. Tiền thắng từ Xổ số và rút thưởng là tiền thắng đánh bạc. Ngoài tiền thắng bạc, quý vị phải tính vào thu nhập của quý vị giá trị trị trường hợp lý của trái phiếu, ô tô, nhà ở và các giải thưởng không bằng tiền mặt khác.

TIP Nếu quý vị giành được giải thưởng xổ số của tiểu bang, quý vị phải trả nhiều lần, tham khảo Ấn Phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin.

Mẫu W-2G. Quý vị có thể đã nhận được Mẫu W-2G, Tiền thắng Bài bạc Xác định, thể hiện số tiền thắng đánh bạc của quý vị và bất kỳ khoản thuế nào được trích từ chúng. Bao gồm số tiền từ ô 1 trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8b. Bao gồm số tiền được hiển thị trong ô 4 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25c, dưới dạng thuế thu nhập liên bang được khấu trừ.

Khai báo tiền thắng và lưu hồ sơ. Để tìm hiểu thêm thông tin về cách khai báo số tiền thắng đánh bạc và lưu trữ hồ sơ, hãy tham khảo [Phần Số tiền Thua bạc lên đến Số Tiền thắng đánh bạc trong chương 12](#).

Quà tặng và thừa kế. Trong hầu hết các trường hợp, tài sản quý vị nhận được dưới dạng quà tặng, vật di tặng hoặc tài sản thừa kế không được tính vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, nếu tài sản quý vị nhận được theo cách này sau đó tạo ra thu nhập như tiền lãi, cổ tức, hoặc tiền cho thuê, thì thu nhập đó bị đánh thuế đối với quý vị. Nếu tài sản được trao cho một quỹ ủy thác và thu nhập từ nó được trả, được tin thuế hoặc được phân phối cho quý vị, thì thu nhập đó cũng phải chịu thuế. Nếu quà tặng, vật di tặng hoặc di sản thừa kế là thu nhập từ tài sản, thì thu nhập đó phải chịu thuế.

Hưu bổng hoặc quỹ hưu trí cá nhân (IRA) được thừa kế. Nếu quý vị được thừa kế một khoản hưu bổng hoặc IRA, quý vị có thể phải góp một phần của số tiền được thừa kế vào thu nhập của quý vị. Xem [Survivors and Beneficiaries \(Người Sống Sót và Người Thừa Hưởng\)](#) trong Ấn Phẩm 575 nếu quý vị được thừa kế khoản tiền hưu bổng. Xem [What if](#)

You Inherit an IRA? (Phải Làm Gì Nếu Quý Vị Thừa Kế IRA?) trong Ấn Phẩm 590-A và 590-B nếu quý vị thừa kế IRA.

Khoản lỗ từ sở thích. Các khoản lỗ từ một sở thích không được khấu trừ từ thu nhập khác. Sở thích là một hoạt động mà quý vị không mong tạo ra lợi nhuận. Xem [Hoạt động không vì lợi nhuận](#), trước đó.



Nếu quý vị thu thập tem, tiền xu hoặc các vật phẩm khác như một sở thích để giải trí và đam mê, và quý vị bán bất kỳ vật phẩm nào, khoản thu nhập của quý vị sẽ bị đánh thuế như một khoản lãi vốn. (Xem Ấn Phẩm 550) Tuy nhiên, nếu quý vị bán các mặt hàng trong bộ sưu tập bị lỗ, quý vị không thể khấu trừ khoản lỗ.

Hoạt động bất hợp pháp. Thu nhập từ các hoạt động bất hợp pháp, ví dụ như tiền từ buôn bán ma túy bất hợp pháp, phải được tính vào thu nhập của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8z hoặc trên Bảng C (Mẫu 1040) nếu chúng từ hoạt động tự kinh doanh của quý vị.

Quyền đánh cá của Thổ dân. Nếu quý vị là thành viên của một bộ lạc thổ dân đủ điều kiện có quyền đánh cá được bảo đảm bởi hiệp ước, Lệnh Hành Pháp, hoặc Đạo Luật của Quốc Hội kể từ ngày 17 tháng 3 năm 1988, không tính vào thu nhập của quý vị số tiền nhận được từ các hoạt động liên quan đến các quyền đánh cá đó. Thu nhập này không phải chịu thuế thu nhập, thuế tự kinh doanh hoặc thuế việc làm.

Lãi từ tiền gửi đóng băng. Nói chung, quý vị loại trừ khỏi thu nhập của quý vị số tiền lãi từ khoản tiền gửi đóng băng. Xem [Thu nhập từ tiền lãi trên tiền gửi đóng băng](#) trong chương 6.

Lãi từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập từ tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm đủ điều kiện của Hoa Kỳ mà quý vị mua lại nếu quý vị thanh toán chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện trong cùng một năm. Để tìm hiểu thêm thông tin về loại trừ này, hãy tham khảo [Chương Trình Trái Phiếu Tiết Kiệm Giáo Dục](#) theo [Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ](#) trong chương 6.

Chi phí phòng vấn việc làm. Nếu nhà tuyển dụng tiềm năng yêu cầu quý vị xuất hiện trong một cuộc phỏng vấn và trả cho quý vị một khoản trợ cấp hoặc hoàn trả cho quý vị chi phí vận chuyển và các chi phí đi lại khác, số tiền quý vị nhận được không phải chịu thuế. Quý vị chỉ tính vào thu nhập số tiền quý vị nhận được nhiều hơn chi phí thực tế của quý vị.

Nhiệm vụ bồi thẩm. Khoản thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm mà quý vị nhận được phải được tính trong thu nhập của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8h. Nếu quý vị đã trả bất kỳ khoản thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm nào cho chủ lao động vì chủ lao động của quý vị tiếp tục trả tiền cho quý vị trong khi quý vị thực hiện nhiệm vụ bồi thẩm, hãy gộp số tiền quý vị đã đưa cho chủ lao động của quý vị để điều chỉnh thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24a và tham khảo hướng dẫn ở đó.

Tiền lại quả. Quý vị phải tính tiền lại quả, tiền hoa hồng phụ, tiền thúc đẩy hoặc các khoản thanh toán tương tự mà quý vị nhận được trong thu nhập của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8 hoặc trên Bảng C (Mẫu 1040) nếu từ hoạt động tự kinh doanh của quý vị.

Ví dụ. Quý vị bán xe hơi và giúp thu xếp bảo hiểm xe hơi cho người mua. Các công ty mỗi giới bảo hiểm trả lại một phần tiền hoa hồng của họ cho

quý vị khi giới thiệu khách hàng cho họ. Quý vị phải tính các khoản lại quả trong thu nhập của mình.

Tài khoản tiết kiệm y tế (Tài khoản Tiết kiệm Y tế Archer và Medicare Advantage). Trong hầu hết các trường hợp, quý vị không tính số tiền thu nhập mà quý vị rút từ Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA hay Medicare Advantage nếu quý vị sử dụng số tiền này để thanh toán các chi phí y tế đủ điều kiện. Nói chung, các chi phí y tế đủ điều kiện là những khoản quý vị có thể khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040). Để tìm hiểu thêm thông tin về chi phí y tế đủ điều kiện, hãy tham khảo Ấn Phẩm 502. Để biết thêm thông tin về Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA hay Medicare Advantage, hãy tham khảo Ấn Phẩm 969, Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe và Các Chương Trình Sức Khỏe Được Ưu Đãi Thuế Khác.

Giải thưởng và phần thưởng. Nếu quý vị giành được giải thưởng trong một cuộc quay số may mắn, chương trình đố vui trên truyền hình hay đài phát thanh, cuộc thi sắc đẹp hay các sự kiện khác, quý vị phải tính nó vào thu nhập của quý vị. Ví dụ, nếu quý vị giành được giải thưởng \$50 trong một cuộc thi nhiếp ảnh, quý vị phải khai báo thu nhập này trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8i. Nếu quý vị từ chối nhận giải thưởng, không tính giá trị của nó vào thu nhập của quý vị.

Giải thưởng và phần thưởng về hàng hóa hoặc dịch vụ phải được tính trong thu nhập của quý vị theo giá trị thị trường hợp lý của chúng.

Phần thưởng hoặc tiền thưởng cho nhân viên. Phần thưởng tiền mặt hoặc tiền thưởng mà chủ lao động của quý vị trao cho quý vị vì công việc tốt hay đề xuất thường phải được tính trong thu nhập của quý vị dưới dạng tiền lương. Tuy nhiên, một số phần thưởng thành tích của nhân viên không bằng tiền mặt có thể được loại trừ khỏi thu nhập. Tham khảo [Tiền thưởng và Phần thưởng](#) trong chương 5.

Giải thưởng Pulitzer, Nobel, và giải thưởng tương đương. Nếu quý vị được trao giải thưởng nhằm công nhận những thành tích trong các lĩnh vực tôn giáo, từ thiện, khoa học, nghệ thuật, giáo dục, văn học hoặc công dân, quý vị thường phải tính giá trị của giải thưởng vào thu nhập của quý vị. Tuy nhiên, quý vị sẽ không tính giải thưởng này vào thu nhập của mình nếu quý vị đáp ứng tất cả các yêu cầu sau.

- Quý vị đã được chọn mà không cần thực hiện bất kỳ hành động nào từ phía quý vị để tham gia cuộc thi hoặc tiếp tục cuộc thi.
- Quý vị không bắt buộc phải thực hiện các dịch vụ quan trọng trong tương lai như một điều kiện để nhận giải thưởng.
- Phần thưởng hoặc giải thưởng được chuyển trực tiếp bởi người trả cho một đơn vị chính quyền hoặc tổ chức từ thiện được miễn thuế theo chỉ định của quý vị.

Xem Ấn Phẩm 525 để tìm hiểu thêm thông tin về các điều kiện áp dụng cho việc chuyển nhượng.

Quý Cơ Hội Đủ Điều Kiện (QOF). Hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2017, phần 1400Z-2 của Đạo Luật quy định tạm thời hoãn việc tính vào tổng thu nhập khoản lãi vốn đầu tư vào QOF và loại trừ vĩnh viễn thu nhập vốn từ việc tiêu thụ hoặc trao đổi khoản đầu tư trong QOF nếu khoản đầu tư được tổ chức ít nhất 10 năm. Xem Hướng dẫn cho Mẫu 8949 về cách khai báo cuộc bầu cử của quý vị để trì hoãn khoản lãi đủ điều kiện được đầu tư vào QOF. Xem hướng dẫn cho Mẫu 8997, Khai báo Ban đầu và

Hàng năm về các Khoản đầu tư của Quý Cơ hội Đủ điều kiện (QOF), để biết thông tin khai báo. Để biết thêm thông tin, xem mục Các câu hỏi thường gặp về Khu vực Cơ hội địa chỉ [IRS.gov/Newsroom/Opportunity-Zones-Frequently-Asked-Questions](#).

Chương trình Tiền học Đủ điều kiện (QTPs). QTP (còn được gọi là chương trình 529) là một chương trình được đưa ra cho phép quý vị trả trước hoặc đóng góp vào tài khoản được thiết lập để thanh toán các chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của sinh viên tại một cơ sở giáo dục đủ điều kiện. Một chương trình có thể được thiết lập và duy trì bởi một tiểu bang, một văn phòng hoặc cơ quan của tiểu bang, hoặc một cơ sở giáo dục đủ điều kiện.

Phần phân phối đại diện cho số tiền đã trả hoặc đóng góp cho QTP không được tính trong thu nhập. Đây là khoản hoàn vốn đầu tư vào chương trình.

Trong hầu hết các trường hợp, người thụ hưởng không tính vào thu nhập bất kỳ khoản thu nhập nào được phân phối từ QTP nếu tổng số tiền phân phối nhỏ hơn hoặc bằng chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện đã điều chỉnh. Xem Ấn Phẩm 970 để tìm hiểu thêm thông tin.

Niên kim hưu trí đường sắt. Các loại thanh toán sau đây được coi là thu nhập từ hưu bổng hoặc niên kim và phải chịu thuế theo các quy tắc được giải thích trong Ấn Phẩm 575, Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim.

- Quyền lợi hưu trí ngành đường sắt bậc 1 nhiều hơn quyền lợi tương đương với an sinh xã hội.
- Quyền lợi Bạc 2.
- Quyền lợi kép được xác nhận.

Thưởng. Nếu quý vị nhận được thưởng cho việc cung cấp thông tin, hãy tính vào thu nhập của quý vị.

Bán nhà. Quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập tất cả hoặc một phần bất kỳ khoản lợi nhuận nào từ việc bán hoặc trao đổi chính căn nhà của quý vị. Tham khảo Ấn Phẩm 523.

Bán mặt hàng cá nhân. Nếu quý vị đã bán một mặt hàng mà quý vị sở hữu để sử dụng cho mục đích cá nhân, ví dụ như ô tô, tủ lạnh, đồ nội thất, dàn âm thanh nổi, đồ trang sức hoặc đồ bạc, khoản thu nhập của quý vị sẽ bị đánh thuế dưới như lãi vốn. Khai báo nó theo phần hướng dẫn được giải thích tại Bảng D (Mẫu 1040). Quý vị không thể khấu trừ một khoản tiền vốn bị lỗ.

Tuy nhiên, nếu quý vị đã bán một mặt hàng quý vị nắm giữ để đầu tư, ví dụ như vàng hoặc bạc thỏi, tiền xu hoặc đá quý, thì bất kỳ khoản thu đều bị đánh thuế như lãi vốn và mọi khoản lỗ đều được khấu trừ như tiền vốn bị lỗ trong việc đầu tư.

Ví dụ. Quý vị bán một bức tranh trên một trang web đấu giá trực tuyến với giá \$100. Quý vị đã mua bức tranh với giá \$20 tại một hội chợ giảm giá nhiều năm trước. Khai báo khoản lãi của quý vị như lãi vốn được giải thích trong Hướng dẫn cho Bảng D (Mẫu 1040).

Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh. Một thí sinh học để lấy bằng có thể loại trừ số tiền nhận được như một học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm đủ điều kiện. Học bổng hoặc trợ cấp nghiên cứu sinh đủ điều kiện là số tiền quý vị nhận được bao gồm:

- Tiền học và phí để đăng ký hoặc theo học tại một cơ sở giáo dục; hoặc
- Phí, sách, vật tư và thiết bị cần thiết cho khóa học tại cơ sở giáo dục.

Số tiền được sử dụng cho phí ăn và ở không đủ điều kiện để loại trừ. Xem Ấn Phẩm 970 để tìm hiểu thêm thông tin về trợ cấp học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm đủ điều kiện.

Chi phí dịch vụ. Trong hầu hết các trường hợp, quý vị phải tính phần thu nhập của bất kỳ học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm nào đại diện cho khoản thanh toán cho việc giảng dạy, nghiên cứu trong quá khứ, hiện tại, hay tương lai, hay các dịch vụ khác. Quy định này áp dụng ngay cả khi tất cả các thí sinh học để lấy bằng phải thực hiện các dịch vụ để nhận được bằng.

Để biết thông tin về các quy tắc áp dụng cho việc giảm học phí đủ điều kiện miễn thuế do một tổ chức giáo dục cung cấp cho nhân viên và gia đình của họ, hãy tham khảo Ấn Phẩm 970.

Thanh toán của Bộ Cựu Chiến binh (VA). Khoản trợ cấp do VA trả không được tính vào thu nhập của quý vị. Khoản trợ cấp này không được coi là trợ cấp học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm.

Giải thưởng. Giải thưởng học bổng giành được trong một cuộc thi không phải là học bổng thông thường hoặc học bổng cho người đi làm nếu quý vị không sử dụng giải thưởng cho mục đích giáo dục. Quý vị phải khai báo số tiền này vào thu nhập của mình trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8i, cho dù quý vị có sử dụng số tiền này cho mục đích giáo dục hay không.

Kinh tế chia sẻ/gig. Nói chung, nếu quý vị làm việc trong nền kinh tế gig hay đã làm công việc tự do, quý vị phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của nó trong thu nhập của quý vị trong năm quý vị đánh giá, trừ khi quý vị trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp của nó trong cùng năm đó.

Tài sản đánh cắp. Nếu quý vị đánh cắp tài sản, quý vị phải khai báo giá trị thị trường hợp lý của nó trong thu nhập của quý vị trong năm quý vị đánh giá, trừ khi quý vị trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp của nó trong cùng năm đó.

Đưa đón trẻ em đến trường. Không tính vào thu nhập của quý vị khoản trợ cấp theo từng dặm đường của hội đồng nhà trường để đưa trẻ đến trường nếu quý vị không kinh doanh dịch vụ đưa trẻ đến trường. Quý vị không thể khấu trừ chi phí cung cấp việc đưa đón này.

Trợ cấp và lệ phí công đoàn. Số tiền được khấu trừ từ khoản thanh toán của quý vị cho phí công đoàn, đánh giá, đóng góp hay các khoản thanh toán khác cho công đoàn không được loại trừ khỏi thu nhập của quý vị.

Trợ cấp do hành động tình nguyện và khóa xương. Các quyền lợi do công đoàn trả cho quý vị dưới dạng Trợ cấp do hành động tình nguyện hay khóa xương, bao gồm cả tiền mặt và giá trị thị trường hợp lý của tài sản khác, thường được gộp trong thu nhập của quý vị như một khoản bồi thường. Quý vị chỉ có thể loại trừ những quyền lợi này khỏi thu nhập của quý vị khi các dữ kiện cho thấy rõ ràng rằng công đoàn dùng chúng làm quà tặng cho quý vị.

Tiền hoàn lại của tiện ích. Nếu quý vị là khách hàng của một công ty tiện ích về điện và quý vị tham gia vào chương trình bảo tồn năng lượng của công

ty, quý vị có thể nhận được trên hóa đơn điện hàng tháng của quý vị:

- Giảm giá mua điện cung cấp cho quý vị (giảm đơn giá), hoặc
- Tín thuế không hoàn lại trên giá mua điện.

Số tiền giảm giá hoặc tín thuế không hoàn lại không được tính trong thu nhập của quý vị.

9.

Quỹ Hưu Trí Cá Nhân (IRA)

Quy Định Mới

Giới hạn AGI đã sửa đổi cho các khoản đóng góp IRA truyền thống. Đối với năm 2022, nếu quý vị được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc, khoản khấu trừ của quý vị cho các khoản đóng góp cho IRA truyền thống sẽ được cắt giảm (loại bỏ dần) nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là:

- Hơn \$109.000 nhưng ít hơn \$129.000 đối với vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện,
- Hơn \$68.000 nhưng ít hơn \$78.000 đối với một cá nhân độc thân hoặc chủ gia đình, hoặc
- Dưới \$10.000 đối với một cá nhân đã kết hôn khai riêng hồ sơ thuế.

Nếu quý vị sống với vợ/chồng của mình hoặc khai chung hồ sơ thuế và vợ/chồng của quý vị được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc nhưng quý vị thì không, khoản khấu trừ của quý vị sẽ được loại bỏ dần nếu AGI đã sửa đổi của quý vị nhiều hơn \$204.000 nhưng ít hơn \$214.000. Nếu AGI đã sửa đổi của quý vị từ \$214.000 trở lên, quý vị sẽ không được khấu trừ các khoản đóng góp cho IRA truyền thống. Xem [Số Tiền Quý Vị Có Thể Khấu Trừ](#), ở phần sau.

Giới hạn AGI đã sửa đổi cho các khoản đóng góp IRA Roth. Đối với năm 2022, giới hạn đóng góp IRA Roth của quý vị được cắt giảm (loại bỏ dần) trong các trường hợp sau.

- Tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại và AGI đã sửa đổi của quý vị tối thiểu là \$204.000. Quý vị không thể đóng góp IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là từ \$214.000 trở lên.
- Tình trạng khai thuế của quý vị là độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị không sống cùng vợ/chồng của mình trong năm 2022 và AGI đã sửa đổi của quý vị tối thiểu là \$129.000. Quý vị không thể đóng góp IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là từ \$144.000 trở lên.
- Tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, quý vị đã sống cùng với vợ/chồng của mình trong năm và AGI đã sửa đổi của quý vị lớn hơn 0. Quý vị không thể đóng

góp IRA Roth nếu AGI đã sửa đổi của quý vị là từ \$10.000 trở lên.

Xem [Quý Vị Có Thể Đóng Góp Cho IRA Roth Không?](#), ở phần sau.

Hạn mức AGI đã sửa đổi năm 2023. Quý vị có thể tìm kiếm thông tin về việc đóng góp cho năm 2023 và hạn mức AGI trong Ấn Phẩm 590-A.

Nhắc nhở

Giảm thuế thiên tai đủ điều kiện. Các quy tắc đặc biệt quy định về việc rút tiền được ưu đãi thuế và các khoản hoàn trả từ các kế hoạch hưu trí nhất định cho những người đóng thuế bị thiệt hại kinh tế do thiên tai đủ điều kiện. Một thiên tai đủ điều kiện bao gồm một thiên tai lớn đã được tuyên bố theo Tuyên Bố của Tổng Thống trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 đến ngày 25 tháng 2 năm 2021. Tuy nhiên, để đủ điều kiện theo luật mới nhất, thiên tai lớn phải có thời gian xảy ra sự cố bắt đầu từ hoặc sau ngày 28 tháng 12 năm 2019 và trước ngày 27 tháng 12 năm 2020. Ngoài ra, tổn thất thiên tai đủ điều kiện không bao gồm bất kỳ thiên tai nào đã được tuyên bố chỉ vì lý do COVID-19. Xem Mẫu 8915-F, Phân Phối và Hoàn Trả cho Kế Hoạch Hưu Trí do Thiên Tai Đủ Điều Kiện, để biết thêm thông tin.

Xem Ấn Phẩm 590-B, Phân Phối từ Quỹ Hưu Trí Cá Nhân (IRA), để biết thêm thông tin.

Đã bãi bỏ độ tuổi tối đa để đóng góp cho IRA truyền thống. Đối với các năm tính thuế bắt đầu sau năm 2019, không có giới hạn độ tuổi đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 590-A.

Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (RMD). Đối với các khoản phân phối bắt buộc phải được thực hiện sau năm tính thuế 2019, độ tuổi cho ngày bắt đầu bắt buộc đối với các khoản phân phối bắt buộc được thay đổi thành 72 tuổi đối với người đóng thuế đủ 70 tuổi^{1/2} sau năm 2019.

Đóng góp cho cả hai IRA truyền thống và Roth. Để tìm hiểu thông tin về giới hạn đóng góp kết hợp của quý vị nếu quý vị đóng góp cho cả IRA truyền thống và Roth, xem [IRA Roth và IRA truyền thống](#), ở phần sau.

Báo cáo về phân phối tối thiểu cần thiết. Nếu có yêu cầu phân phối tối thiểu từ IRA của quý vị thì người được ủy thác, người trông coi hoặc tổ chức phát hành đã nắm giữ IRA vào cuối năm trước đó phải báo cáo số tiền phân phối tối thiểu bắt buộc của quý vị hoặc đề nghị tính nó cho quý vị. Báo cáo hoặc đề nghị phải bao gồm ngày mà số tiền phải được phân phối. Hạn báo cáo là vào ngày 31 tháng 1 của năm có yêu cầu phân phối tối thiểu. Nó có thể được cung cấp cùng với báo cáo giá trị thị trường hợp lý cuối năm mà quý vị thường nhận được mỗi năm. Không cần báo cáo IRA của người đã qua đời.

Tiền lãi IRA. Mặc dù tiền lãi kiếm được từ IRA của quý vị thường không phải chịu thuế trong năm kiếm được nhưng nó không phải là tiền lãi được miễn thuế. Thuế đối với IRA truyền thống của quý vị thường được hoãn lại cho đến khi quý vị nhận được phân phối. Không báo cáo khoản tiền lãi này trên tờ khai thuế của quý vị là tiền lãi được miễn thuế.

Thuế Thu Nhập Đầu Tư Ròng (NIIT). Để phục vụ mục đích của NIIT, thu nhập đầu tư ròng không bao gồm các khoản phân phối từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện tính cả IRA (ví dụ: chương trình 401 (a), 403 (a), 403 (b), 408, 408A, hoặc 457 (b)). Tuy

nhân, các khoản phân phối này sẽ được xem xét khi xác định ngưỡng AGI đã được sửa đổi. Các khoản phân phối từ kế hoạch hưu trí không đủ tiêu chuẩn sẽ được tính vào thu nhập đầu tư ròng. Xem Mẫu 8960, Thuế Thu Nhập Đầu Tư Ròng-Cá Nhân, Di Sản, và Quỹ Tín Thác và các hướng dẫn để tìm hiểu thêm thông tin.

Mẫu 8606. Để chỉ định các khoản đóng góp là không thể khấu trừ, quý vị phải khai nó trên Mẫu 8606.

TIP Thuật ngữ “50 trở lên” được sử dụng nhiều lần trong chương này. Nó dùng để chỉ chủ sở hữu IRA từ 50 tuổi trở lên vào thời điểm cuối năm tính thuế.

Giới thiệu

IRA là một kế hoạch tiết kiệm để dành cá nhân mang lại cho quý vị các lợi ích về thuế khi để dành tiền hưu trí.

Chương này sẽ thảo luận về các chủ đề sau.

- Các quy định đối với IRA truyền thống (bất kỳ IRA nào không phải là Roth hoặc SIMPLE IRA).
- IRA Roth với các khoản đóng góp không giới hạn và phân phối miễn thuế.

Kế hoạch Đơn Giản Hóa Hưu Trí cho Nhân Viên (Simplified Employee Pensions, SEP) và Kết Hợp Khuyến Khích Tiết Kiệm Cho Nhân Viên (SIMPLE) sẽ không được thảo luận trong chương này. Để biết thêm thông tin về các chương trình này và SEP IRA và SIMPLE IRA của nhân viên nằm trong chương trình này, tham khảo Ấn Phẩm 560, Kế Hoạch Hưu Trí cho Doanh Nghiệp Nhỏ.

Để biết thông tin về các khoản đóng góp, khấu trừ, rút tiền, chuyển đổi, chuyển tiếp và các giao dịch khác, xem Ấn Phẩm 590-A và Ấn Phẩm 590-B.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 560** Kế Hoạch Hưu Trí cho Doanh Nghiệp Nhỏ
- 575** Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim
- 590-A** Đóng Góp vào Quỹ Hưu Trí Cá Nhân (IRA)
- 590-B** Phân Phối từ Quỹ Hưu Trí Cá Nhân (IRA)

Mẫu (và Hướng dẫn)

- 5329** Thuế Bổ Sung cho Các Chương Trình Đủ Điều Kiện (kể cả IRA) và Các Tài Khoản Được Ưu Đãi Về Thuế Khác
- 8606** IRA Không Được Khấu Trừ
- 8915-F** Phân Phối và Hoàn Trả cho Kế Hoạch do Thiên Tai Đủ Điều Kiện

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/forms) (tiếng Anh).

IRA Truyền Thống

Trong chương này, IRA ban đầu (đôi khi được gọi là IRA thông thường hoặc bình thường) được gọi là “IRA truyền thống.” IRA truyền thống là tất cả IRA

không phải là IRA Roth hoặc SIMPLE IRA. Hai loại thuế của IRA truyền thống là:

- Quý vị có thể khấu trừ một số hoặc tất cả các khoản đóng góp của mình vào đó tùy theo hoàn cảnh của quý vị; và
- Số tiền trong IRA của quý vị, tính cả thu nhập và lãi, thường sẽ không phải chịu thuế cho đến khi chúng được phân phối.

Ai Có Thể Mở Một IRA Truyền Thống?

Quý vị có thể mở và đóng góp vào một IRA truyền thống nếu quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị nếu quý vị khai thuế chung) nhận được thù lao chịu thuế trong năm.

TIP Đối với các năm tính thuế bắt đầu sau năm 2019, không có giới hạn độ tuổi đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 590-A.

Thù lao là gì? Thông thường, thù lao là những gì quý vị kiếm được từ việc lao động. Thù lao bao gồm tiền công, tiền lương, tiền boa, phí chuyên môn, tiền thưởng và các khoản tiền khác mà quý vị nhận được khi cung cấp các dịch vụ cá nhân. IRS coi tất cả các khoản tiền nào được ghi trong ô 1 (Tiền lương, tiền boa, các khoản thù lao khác) của Mẫu W-2, Báo Cáo Tiền Lương và Thuế là thù lao với điều kiện số tiền này được giảm bởi bất kỳ khoản tiền nào đã được ghi trong ô 11 (Kế hoạch không đủ điều kiện).

Học bổng thường và tiền trợ cấp nghiên cứu là thù lao cho mục đích này nếu được hiển thị trong ô 1 của Mẫu W-2 của quý vị. Tuy nhiên, đối với các năm tính thuế bắt đầu sau năm 2019, một số tiền trợ cấp nghiên cứu không phải học phí và tiền trợ cấp thực tập không được khai báo trên Mẫu W-2 của quý vị được coi là thù lao chịu thuế cho các mục đích của IRA. Những khoản tiền này bao gồm tiền trợ cấp nghiên cứu không phải học phí và tiền trợ cấp thực tập được thực hiện để hỗ trợ quý vị theo đuổi học tập cao học hoặc sau tiến sĩ và bao gồm trong tổng thu nhập của quý vị theo các quy tắc được thảo luận trong Chương 1 của Ấn Phẩm 970, Lợi Ích Thuế cho Giáo Dục.

Tiền thù lao cũng bao gồm tiền hoa hồng và tiền cấp dưỡng chịu thuế và tiền bảo trì sau ly thân.

Thu nhập tự kinh doanh. Nếu quý vị là người tự kinh doanh (doanh nghiệp cá thể hoặc hội viên) tiền thù lao là thu nhập ròng từ việc buôn bán hoặc kinh doanh của quý vị (với điều kiện các dịch vụ cá nhân của quý vị là một yếu tố tạo ra thu nhập vật chất) cắt giảm đi tổng của:

- Khoản khấu trừ cho các khoản đóng góp trên danh nghĩa của quý vị cho các kế hoạch hưu trí, và
- Phần được khấu trừ từ thuế tự kinh doanh của quý vị.

Tiền thù lao bao gồm thu nhập từ việc tự kinh doanh ngay cả khi chúng không phải chịu thuế tự kinh doanh nhờ vào niềm tin tôn giáo của quý vị.

Lương chiến đấu không chịu thuế. Đối với các mục đích của IRA, nếu quý vị là thành viên của Lực Lượng Vũ Trang Hoa Kỳ thì tiền thù lao của quý vị sẽ bao gồm tất cả tiền lương chiến đấu mà quý vị nhận được.

Khoản nào không phải là thù lao? Tiền thù lao không bao gồm các mục sau đây.

- Thu nhập và lợi nhuận từ tài sản, chẳng hạn như thu nhập cho thuê nhà, thu nhập từ tiền lãi và thu nhập cổ phần.
- Thu nhập hưu trí hoặc niên kim.
- Tiền thù lao hoãn thuế đã nhận (tiền thù lao bị hoãn trả từ một năm trước).
- Thu nhập từ hợp danh mà quý vị không cung cấp các dịch vụ được coi là yếu tố tạo ra thu nhập vật chất.
- Các khoản thanh toán cho Chương Trình Dự Trữ Bảo Tồn (Conservation Reserve Program, CRP) được khai báo trên Bảng SE (Mẫu 1040), dòng 1b.
- Bất kỳ khoản tiền nào (ngoài tiền lương chiến đấu) mà quý vị loại trừ khỏi thu nhập, chẳng hạn như thu nhập kiếm được từ nước ngoài và chi phí nhà ở.

Khi Nào và Làm Thế Nào Để Mở một IRA Truyền Thống?

Quý vị có thể mở một IRA truyền thống vào bất kỳ lúc nào. Tuy nhiên, thời gian đóng góp cho từng năm là có giới hạn. Xem [Thời Điểm Có Thể Đóng Góp](#), ở phần sau.

Quý vị có thể mở các loại IRA khác nhau với nhiều tổ chức khác nhau. Quý vị có thể mở IRA tại một ngân hàng hoặc tổ chức tài chính khác hoặc với một quỹ tương hỗ hoặc công ty bảo hiểm nhân thọ. Quý vị cũng có thể mở IRA thông qua công ty môi giới chứng khoán của mình. Tất cả IRA phải đáp ứng các yêu cầu của Bộ Luật Thuế Vụ.

Các loại IRA truyền thống. IRA truyền thống của quý vị có thể là tương mục hưu trí cá nhân hoặc niên kim. Nó có thể là một phần của SEP hoặc tài khoản ủy thác của chủ lao động hoặc hiệp hội nhân viên.

Số Tiền Có Thể Đóng Góp?

IRA truyền thống có các giới hạn và các quy định khác ảnh hưởng đến số tiền đóng góp. Những giới hạn này và các quy định khác sẽ được giải thích dưới đây.

Luật tài sản chung. Trừ trường hợp như được trình bày ở sau theo [Giới hạn của IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison](#), mỗi người vợ/chồng sẽ tính toán giới hạn riêng của họ bằng cách sử dụng số tiền thù lao của riêng họ. Quy định này được áp dụng ở cả các tiểu bang có luật tài sản chung.

Hoa hồng môi giới. Hoa hồng của công ty môi giới được trả liên quan đến IRA truyền thống của quý vị phải tuân theo giới hạn đóng góp.

Phí ủy thác. Phí hành chính của người được ủy thác không phải tuân theo giới hạn đóng góp.

Các khoản hoàn trả của lính dự bị đủ điều kiện. Nếu quý vị đang (hoặc đã từng) là thành viên thuộc thành phần dự bị và quý vị được lệnh hoặc được gọi đi làm nhiệm vụ tại ngũ sau ngày 11 tháng 9 năm 2001, quý vị có thể đóng góp (hoàn trả) cho IRA khoản tiền tương đương với bất kỳ phân phối của lính dự bị đủ điều kiện nào mà quý vị đã nhận được. Quý vị có thể thực hiện các khoản đóng góp hoàn trả

này ngay cả khi chúng khiến tổng số tiền đóng góp của quý vị cho IRA vượt quá giới hạn chung cho phép đóng góp. Để đủ điều kiện thực hiện các khoản đóng góp hoàn trả này, quý vị phải nhận được phân phối dự phòng đủ điều kiện từ IRA hoặc từ chương trình đoạn 401 (k) hoặc 403 (b) hoặc thỏa thuận tương tự.

Để biết thêm thông tin, xem *Qualified reservist repayments (Các khoản hoàn trả của lính dự bị đủ điều kiện)* trong mục *How Much Can Be Contributed? (Số Tiền Có Thể Đóng Góp?)* tại chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.



Các khoản đóng góp trên danh nghĩa của quý vị cho IRA truyền thống sẽ làm giảm giới hạn đóng góp cho IRA Roth. (Xem [IRA Roth](#) ở phần sau.)

Giới hạn chung. Đối với năm 2022, số tiền lớn nhất quý vị có thể đóng góp cho IRA truyền thống thường sẽ nhỏ hơn các con số sau đây.

- \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị từ 50 tuổi trở lên).
- **Tiền thù lao** chịu thuế của quý vị (đã được xác định trước đó) trong năm.

Đây là số tiền lớn nhất có thể được đóng góp mà không tính đến việc các khoản đóng góp đó là cho một hay nhiều IRA truyền thống hay tất cả hoặc một phần đóng góp là không thể khấu trừ. (Xem [Khoản Đóng Góp Không Thể Khấu Trừ](#), ở phần sau.) Các khoản hoàn trả của lính dự bị đủ điều kiện không ảnh hưởng đến giới hạn này.

Ví dụ 1. Quý vị 34 tuổi và độc thân và có thu nhập là \$24.000 trong năm 2022. Các khoản đóng góp IRA của quý vị cho năm 2022 được giới hạn ở mức là \$6.000.

Ví dụ 2. Quý vị là một sinh viên đại học chưa lập gia đình làm việc bán thời gian và kiếm được \$3.500 trong năm 2022. Các khoản đóng góp IRA của quý vị cho năm 2022 được giới hạn ở mức là \$3.500, bằng với số tiền thù lao của quý vị kiếm được.

Giới hạn của IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison. Đối với năm 2022, nếu quý vị khai chung hồ sơ thuế và tiền thù lao chịu thuế của quý vị ít hơn của vợ/chồng mình thì số tiền tối đa quý vị có thể đóng góp trong năm cho IRA của mình sẽ nhỏ hơn các con số sau đây.

1. \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị từ 50 tuổi trở lên).
2. Tổng số tiền thù lao được bao gồm trong tổng thu nhập của cả quý vị và vợ/chồng của quý vị trong năm sẽ được giảm đi hai khoản sau.
 - a. Khoản đóng góp IRA của vợ/chồng quý vị trong năm cho IRA truyền thống.
 - b. Bất kỳ khoản đóng góp nào trong năm cho IRA Roth trên danh nghĩa vợ/chồng của quý vị.

Điều này có nghĩa là tổng số tiền đóng góp kết hợp có thể được thực hiện trong năm cho IRA của quý vị và IRA của vợ/chồng quý vị có thể lên tới \$12.000 (\$13.000 nếu chỉ một trong hai người từ 50 tuổi trở lên hoặc \$14.000 nếu cả hai từ 50 tuổi trở lên).

Thời Điểm Có Thể Thực Hiện Đóng Góp?

Quý vị có thể thực hiện đóng góp ngay sau khi mở IRA truyền thống thông qua người bảo trợ mà quý vị đã chọn (người được ủy thác hoặc quản trị viên khác). Các khoản đóng góp phải dưới dạng tiền (tiền

mặt, chi phiếu hoặc lệnh phiếu). Không được đóng góp bằng tài sản.

Đóng góp phải được thực hiện trước ngày đến hạn. Quý vị có thể đóng góp vào IRA truyền thống của mình trong một năm tại bất kỳ thời điểm nào trong năm hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của năm đó, không bao gồm thời gian gia hạn.

Chỉ định năm đóng góp. Nếu một khoản tiền được đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 15 tháng 4, quý vị nên cho người bảo trợ biết khoản tiền đó đóng góp cho năm nào (năm hiện tại hoặc năm trước). Nếu quý vị không cho người bảo trợ biết chính xác năm thì người đó có thể giả định và báo cáo với IRS rằng khoản đóng góp đó là cho năm hiện tại (năm mà người bảo trợ nhận được khoản đóng góp).

Khai thuế trước khi đóng góp. Quý vị có thể nộp tờ khai thuế yêu cầu hoàn lại một khoản đóng góp IRA truyền thống trước khi đóng góp. Khoản đóng góp thường phải thực hiện trước ngày đến hạn của tờ khai thuế của quý vị, không bao gồm thời gian gia hạn.

Không bắt buộc phải đóng góp. Quý vị không cần phải đóng góp cho IRA truyền thống của mình cho mỗi năm chịu thuế dù có thể đóng góp.

Số Tiền Quý Vị Có Thể Khấu Trừ?

Thông thường, quý vị có thể khấu trừ phần nhỏ hơn của:

- Những khoản đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị trong năm, hoặc
- Giới hạn chung (hoặc Giới hạn của IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison nếu có thể áp dụng).

Tuy nhiên, nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động thì quý vị có thể sẽ không thể khấu trừ số tiền này. Xem [Hạn Mức Nếu Được Bao Trả Theo Chương Trình của Chủ Lao Động](#), ở phần sau.



Quý vị có thể yêu cầu tín thuế cho những khoản đóng góp cho IRA truyền thống của mình. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem chương 3 của Ấn Phẩm 590-A.

Phí ủy thác. Phí hành chính của người được ủy thác được lập hóa đơn riêng và được thanh toán theo IRA truyền thống của quý vị sẽ không được khấu trừ dưới dạng đóng góp IRA. Quý vị cũng không thể khấu trừ các khoản phí này như một khoản khấu trừ từng khoản.

Hoa hồng môi giới. Hoa hồng của công ty môi giới là một phần trong khoản đóng góp IRA của quý vị và do đó nó phải được khấu trừ theo các giới hạn.

Khấu trừ toàn bộ. Nếu cả quý vị và vợ/chồng của quý vị đều không được bao trả trong một phần của năm theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động, quý vị có thể khấu trừ tổng số tiền đóng góp cho một hoặc nhiều IRA truyền thống lên đến con số thấp hơn:

- \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2022), hoặc
- 100% tiền thù lao của quý vị.

Bất kỳ khoản đóng góp nào vào chương trình 501 (c) (18) trên danh nghĩa của quý vị sẽ làm giảm giới hạn đóng góp này.

IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison. Trong trường hợp một cặp vợ chồng có mức tiền thù lao không bằng nhau khai chung hồ sơ thuế thì khoản khấu trừ cho các khoản đóng góp cho IRA truyền thống của người vợ/chồng có số tiền thù lao thấp hơn được giới hạn ở mức thấp hơn các con số sau.

1. \$6.000 (\$7.000 nếu người vợ/chồng có mức tiền thù lao thấp hơn đủ 50 tuổi trở lên vào năm 2022).
2. Tổng số tiền thù lao được bao gồm trong tổng thu nhập của cả hai vợ chồng trong năm sẽ được giảm đi ba khoản sau.
 - a. Khoản khấu trừ IRA trong năm đó của người vợ/chồng có số tiền thù lao lớn hơn.
 - b. Bất kỳ khoản đóng góp không giới hạn nào được chỉ định trong năm được thực hiện trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số tiền thù lao lớn hơn.
 - c. Bất kỳ khoản đóng góp nào trong năm đó vào IRA Roth trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số tiền thù lao hơn.

Giới hạn này được giảm trừ tất cả khoản đóng góp vào chương trình 501 (c) (18) trên danh nghĩa của người vợ/chồng có số tiền thù lao thấp hơn.

Ghi chú. Nếu quý vị đã ly hôn hoặc ly thân hợp pháp (và không tái hôn) trước thời điểm cuối năm thì quý vị không thể khấu trừ bất kỳ khoản đóng góp nào cho IRA của vợ/chồng của mình. Sau khi ly hôn hoặc ly thân hợp pháp, quý vị chỉ có thể khấu trừ các khoản đóng góp cho IRA của riêng mình. Các khoản khấu trừ của quý vị phải tuân theo các quy định dành cho người độc thân.

Được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động. Nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động trong năm mà quý vị đã thực hiện các khoản đóng góp thì khoản khấu trừ của quý vị có thể bị giới hạn hơn nữa. Nội dung này sẽ được thảo luận sau trong [Hạn Mức Nếu Được Bao Trả Theo Chương Trình của Chủ Lao Động](#). Giới hạn về số tiền quý vị có thể khấu trừ không ảnh hưởng đến số tiền có thể đóng góp. Xem [Đóng Góp Không Thể Khấu Trừ](#) sau đây.

Quý Vị Có Được Bao Trả Theo Kế Hoạch Hưu Trí của Chủ Lao Động Không?

Mẫu W-2 mà quý vị nhận được từ chủ lao động của mình có một ô được sử dụng để cho biết liệu quý vị có được bao trả trong năm hay không. Ô "Retirement plan (Kế hoạch hưu trí)" sẽ được đánh dấu trong trường hợp quý vị được bao trả.

Quản nhân dự bị và lính cứu hỏa tình nguyện cũng nên tham khảo [Các Trường Hợp Không Được Bao Trả](#), ở phần sau.

Nếu quý vị không chắc liệu mình có được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động hay không, hãy hỏi chủ lao động của quý vị.

Các thẩm phán liên bang. Để phục vụ mục đích khấu trừ IRA, các thẩm phán liên bang được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động.

Quý Vị Được Bao Trả Cho (Những) Năm Nào?

Các quy định đặc biệt được áp dụng để xác định các năm chịu thuế mà quý vị được bao trả theo

Bảng 9-1. Ảnh hưởng của AGI Đã Sửa Đổi¹ đối với Khấu Trừ Nếu Quý Vị Được Bao Trả Theo Kế Hoạch Hưu Trí Tại Nơi Làm Việc.

Nếu quý vị được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc, hãy sử dụng bảng này để xác định xem AGI đã sửa đổi của quý vị có ảnh hưởng đến số tiền khấu trừ của quý vị hay không.

NẾU trạng thái khai thuế của quý vị là...	VÀ AGI đã sửa đổi của quý vị là...	THÌ quý vị có thể nhận được...
Độc thân hoặc	\$68.000 trở xuống	một khoản khấu trừ đầy đủ.
	nhiều hơn \$68.000 nhưng ít hơn \$78.000	một khoản khấu trừ một phần.
Chủ gia đình	\$78.000 trở lên	không được khấu trừ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc	\$109.000 trở xuống	một khoản khấu trừ đầy đủ.
	nhiều hơn \$109.000 nhưng ít hơn \$129.000	một khoản khấu trừ một phần.
Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	\$129.000 trở lên	không được khấu trừ.
	dưới \$10.000	một khoản khấu trừ một phần.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế²	\$10.000 trở lên	không được khấu trừ.

¹ AGI (tổng thu nhập được điều chỉnh) Đã Sửa Đổi. Xem [Tổng thu nhập được điều chỉnh \(AGI\) đã sửa đổi](#) ở phần sau.

² Nếu quý vị không chung sống cùng vợ/chồng của mình thì tình trạng khai thuế của quý vị được coi là Độc thân cho mục đích này (do đó, khoản khấu trừ IRA của quý vị được xác định trong cột "Độc thân").

chương trình của chủ lao động. Các quy định này có sự khác biệt tùy theo chương trình này là một chương trình đóng góp xác định hay một chương trình phúc lợi xác định.

Năm chịu thuế. Năm chịu thuế của quý vị là chu kỳ kế toán hàng năm để quý vị lưu giữ và báo cáo thu nhập và chi phí trên tờ khai thuế thu nhập của mình. Đối với hầu hết mọi người, năm chịu thuế là năm theo niên lịch.

Chương trình đóng góp xác định. Thông thường, quý vị sẽ được bao trả theo một chương trình đóng góp xác định cho một năm chịu thuế nếu số tiền được đóng góp hoặc phân bổ vào tài khoản của quý vị cho năm chương trình kết thúc cùng hoặc trong năm chịu thuế đó.

Một chương trình đóng góp xác định là chương trình cung cấp một tài khoản riêng cho mỗi người tham gia chương trình. Các loại chương trình đóng góp xác định bao gồm chương trình chia sẻ lợi nhuận, chương trình thưởng cổ phiếu và kế hoạch hưu trí mua tiền. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 590-A.

Chương trình quyền lợi xác định. Nếu quý vị đủ điều kiện để tham gia vào chương trình quyền lợi xác định của chủ lao động cho năm chương trình kết thúc trong năm chịu thuế của quý vị thì tức là quý vị đang được bao trả theo chương trình này. Quy định này áp dụng ngay cả khi quý vị:

- Từ chối tham gia chương trình,
- Không đóng góp theo quy định, hoặc
- Không thực hiện dịch vụ tối thiểu cần thiết để tích lũy quyền lợi trong năm.

Một chương trình quyền lợi xác định là tất cả các chương trình không phải là chương trình đóng góp xác định. Trong một chương trình quyền lợi xác định, mức quyền lợi đối với mỗi người tham gia được nêu cụ thể trong chương trình. Nhà quản lý chương trình sẽ tính toán số tiền cần thiết để cung cấp những quyền lợi đó và số tiền đó sẽ được đóng góp vào chương trình. Các chương trình quyền lợi

xác định bao gồm các kế hoạch hưu trí và chương trình niên kim.

Không có quyền lợi được đảm bảo. Nếu quý vị tích lũy được một khoản trợ cấp cho một năm của chương trình, quý vị sẽ được hưởng bao trả theo chương trình đó ngay cả khi quý vị không có quyền lợi được đảm bảo (quyền hợp pháp) đối với khoản tích lũy đó.

Các Trường Hợp Không Được Bao Trả

Trừ trường hợp quý vị đang được bao trả theo chương trình của chủ lao động khác, quý vị sẽ không được bao trả theo chương trình của chủ lao động khi thuộc một trong các trường hợp được mô tả dưới đây.

An sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt. Bao trả theo an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt không phải là bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động.

Quyền lợi từ kế hoạch của chủ lao động trước. Nếu quý vị đang nhận quyền lợi hưu trí từ chương trình của chủ lao động trước đây thì quý vị sẽ không được bao trả theo chương trình này.

Lính dự bị. Nếu lý do duy nhất mà quý vị tham gia vào một chương trình là do đang là một thành viên thuộc một đơn vị dự bị của Lực Lượng Vũ Trang Hoa Kỳ thì quý vị có thể sẽ không được bao trả theo chương trình này. Quý vị không được bao trả theo chương trình này nếu có đủ cả hai điều kiện sau.

1. Chương trình quý vị tham gia được lập ra cho nhân viên của mình tại:
 - a. Hoa Kỳ,
 - b. Một tiểu bang hoặc phân khu chính trị thuộc một tiểu bang, hoặc
 - c. Một cơ quan phát hành của (a) hoặc (b) ở trên.

2. Quý vị không phục vụ tại ngũ quá 90 ngày trong năm (không tính thời gian đào tạo nghĩa vụ).

Lính cứu hỏa tình nguyện. Nếu lý do duy nhất mà quý vị tham gia vào một chương trình là do đang là một lính cứu hỏa tình nguyện thì quý vị có thể sẽ không được bao trả theo chương trình này. Quý vị không được bao trả theo chương trình này nếu có đủ cả hai điều kiện sau.

1. Chương trình quý vị tham gia được lập ra cho nhân viên của mình tại:
 - a. Hoa Kỳ,
 - b. Một tiểu bang hoặc phân khu chính trị thuộc một tiểu bang, hoặc
 - c. Một cơ quan phát hành của (a) hoặc (b) ở trên.
2. Trợ cấp hưu trí tích lũy của quý vị vào đầu năm sẽ không quá \$1.800 mỗi năm khi nghỉ hưu.

Hạn Mức Nếu Được Bao Trả Theo Chương Trình của Chủ Lao Động

Nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động thì quý vị có thể chỉ được hưởng một phần khấu trừ (đã giảm) hoặc không khấu trừ tùy vào thu nhập và tình trạng khai thuế của quý vị.

Khoản khấu trừ của quý vị sẽ bắt đầu giảm đi (loại bỏ dần) khi thu nhập của quý vị tăng vượt quá một số tiền nhất định và bị loại bỏ hẳn khi nó đạt đến số tiền cao hơn. Những con số này sẽ thay đổi tùy vào tình trạng khai thuế của quý vị.

Để xác định xem khoản khấu trừ của quý vị có bị giảm dần hay không, quý vị phải xác định AGI đã sửa đổi và tình trạng khai thuế của mình. Xem mục [Tình trạng khai thuế](#) và [Tổng thu nhập được điều chỉnh \(AGI\) đã sửa đổi](#), ở phần sau. Sau đó sử dụng [Bảng 9-1](#) hoặc [Bảng 9-2](#) để xác định mức giảm dần được áp dụng.

Người nhận phúc lợi an sinh xã hội. Thay vì sử dụng [Bảng 9-1](#) hoặc [Bảng 9-2](#), hãy sử dụng bảng tính trong [Appendix B \(Phụ Lục B\)](#) của Ấn Phẩm 590-A cho năm áp dụng đủ tất cả các điều kiện sau đây.

- Quý vị đã nhận được phúc lợi an sinh xã hội.
- Quý vị đã nhận được tiền thù lao chịu thuế.
- Quý vị đã đóng góp cho IRA truyền thống của mình.
- Quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị đã được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động.

Sử dụng các bảng tính đó để tính khoản khấu trừ IRA, khoản đóng góp không thể khấu trừ của quý vị và phần chịu thuế, nếu có, trong quyền lợi an sinh xã hội của quý vị.

Khấu trừ giảm dần. Nếu quý vị được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động và quý vị không nhận được bất kỳ khoản trợ cấp hưu trí an sinh xã hội nào thì khoản khấu trừ IRA của quý vị có thể bị giảm hoặc loại bỏ tùy vào tình trạng khai thuế và AGI đã sửa đổi của quý vị như được ghi trong [Bảng 9-1](#).

Nếu vợ/chồng của quý vị được bao trả. Nếu quý vị không được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động nhưng vợ/chồng của quý vị thì có và quý vị không nhận được bất kỳ khoản trợ cấp an sinh xã hội nào thì khoản khấu trừ IRA của quý vị có thể được giảm bớt hoặc loại bỏ hoàn toàn tùy vào

Bảng 9-2. Ảnh hưởng của AGI Đã Sửa Đổi¹ đối với Khấu Trừ Nếu Quý Vị Không Được Bao Trữ Theo Kế Hoạch Hưu Trí Tại Nơi Làm Việc

Nếu quý vị không được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc, hãy sử dụng bảng này để xác định xem AGI đã sửa đổi của quý vị có ảnh hưởng đến số tiền khấu trừ của quý vị hay không.

NẾU trạng thái khai thuế của quý vị là...	VÀ AGI đã sửa đổi của quý vị là...	THÌ quý vị có thể nhận được...
Độc Thân, Chủ gia đình, hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	số tiền bất kỳ	một khoản khấu trừ đầy đủ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế trong đó một người không được bao trả theo chương trình tại nơi làm việc	số tiền bất kỳ	một khoản khấu trừ đầy đủ.
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế trong đó một người được bao trả theo chương trình tại nơi làm việc	\$204.000 trở xuống	một khoản khấu trừ đầy đủ.
	nhiều hơn \$204.000 nhưng ít hơn \$214.000	một khoản khấu trừ một phần.
	\$214.000 trở lên	không được khấu trừ.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế trong đó một người được bao trả theo chương trình tại nơi làm việc ²	dưới \$10.000	một khoản khấu trừ một phần.
	\$10.000 trở lên	không được khấu trừ.

¹ AGI (tổng thu nhập đã điều chỉnh) Đã Sửa Đổi. Xem [Tổng thu nhập được điều chỉnh \(AGI\) đã sửa đổi](#) ở phần sau.

² Quý vị có thể được khấu trừ đầy đủ nếu quý vị không chung sống cùng với vợ/chồng của mình trong năm.

tình trạng khai thuế và AGI đã sửa đổi của quý vị như trong [Bảng 9-2](#).

Tình trạng khai thuế. Tình trạng khai thuế của quý vị chủ yếu dựa vào tình trạng hôn nhân của quý vị. Để khai thuế, quý vị cần biết tình trạng khai thuế của mình là độc thân, chủ gia đình, vợ chồng khai chung hồ sơ thuế, người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, hay vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế. Nếu quý vị cần thêm thông tin về tình trạng khai thuế, vui lòng tham khảo [chương 2](#).

Sống xa vợ/chồng. Nếu quý vị không chung sống với vợ/chồng của mình trong năm và quý vị khai thuế riêng thì tình trạng khai thuế của quý vị, cho mục đích này, được coi là độc thân.

Tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI) đã sửa đổi. Quý vị có thể sử dụng [Bảng Tính 9-1](#) để tính AGI đã sửa đổi của mình. Tuy nhiên, nếu quý vị đã đóng góp cho IRA của mình cho năm 2022 và nhận được phân phối từ IRA của quý vị vào năm 2022, xem Ấn Phẩm 590-A.



Đừng cho rằng AGI đã sửa đổi của quý vị bằng với tiền thù lao của quý vị. AGI đã sửa đổi của quý vị có thể bao gồm thu nhập công thu lao (đã đề cập trước đó) chẳng hạn như tiền lãi, cổ tức và thu nhập từ việc phân phối IRA.

Khi khai thuế theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy báo trước số tiền AGI tại dòng 11 mà không bao gồm các khoản sau đây.

- Khoản khấu trừ IRA.
- Khoản khấu trừ lãi vay sinh viên.
- Loại trừ thu nhập kiếm được từ nước ngoài.
- Loại trừ hoặc khấu trừ thuế cho chi phí về nhà cửa ở nước ngoài.
- Loại trừ lãi suất trái phiếu tiết kiệm đủ tiêu chuẩn được ghi trên Mẫu 8815, Tiền Lãi Không Tính từ Trái Phiếu Tiết Kiệm Hoa Kỳ Loại EE và Loại I được Phát Hành Sau Năm 1989.

Bảng Tính 9-1. Tính Toán AGI Đã Sửa Đổi của Quý Vị

Sử dụng bảng tính thuế này để tính AGI đã sửa đổi của quý vị cho mục đích của IRA truyền thống.

1. Nhập tổng thu nhập được điều chỉnh của quý vị (AGI) từ Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11, tính toán mà không bao gồm các khoản từ Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 20	1. _____
2. Nhập tất cả khoản khấu trừ lãi vay sinh viên từ Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 21	2. _____
3. Nhập tất cả khoản thu nhập kiếm được từ nước ngoài và/hoặc chi phí về nhà cửa ở nước ngoài bị loại trừ từ Mẫu 2555, dòng 45	3. _____
4. Nhập tất cả các khoản khấu trừ chi phí về nhà cửa ở nước ngoài từ Mẫu 2555, dòng 50	4. _____
5. Nhập tất cả khoản tiền lãi từ trái phiếu tiết kiệm bị loại trừ từ Mẫu 8815, dòng 14	5. _____
6. Nhập tất cả quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp bị loại trừ từ Mẫu 8839, dòng 28	6. _____
7. Thêm các dòng từ 1 đến 6. Đây là AGI đã sửa đổi của quý vị cho IRA truyền thống	7. _____

- Loại trừ các quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp được ghi trên Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Tiêu Chuẩn.

Đây là AGI đã sửa đổi của quý vị.

Cả hai khoản đóng góp cho năm 2022 và phân phối trong năm 2022. Nếu có đủ cả ba điều sau thì bất kỳ phân phối IRA nào mà quý vị nhận được trong năm 2021 có thể sẽ được miễn thuế một phần và chịu thuế một phần.

- Quý vị đã nhận được phân phối trong năm 2022 từ một hoặc nhiều IRA truyền thống.
- Quý vị đã đóng góp cho IRA truyền thống cho năm 2022.
- Một số khoản đóng góp đó có thể là đóng góp không thể khấu trừ.

Nếu quý vị gặp phải trường hợp này thì quý vị phải tính phần chịu thuế của phân phối IRA truyền thống trước khi có thể tính toán AGI đã sửa đổi của mình. Để làm điều này, quý vị có thể sử dụng Bảng Tính 1-1 trong Ấn Phẩm 590-B.

Nếu một trong ba điều trên không áp dụng, tính toán AGI đã sửa đổi của quý vị bằng cách dùng [Bảng Tính 9-1](#).

Cách tính khoản khấu trừ IRA đã giảm của quý vị. Quý vị có thể tính khoản khấu trừ IRA đã giảm của mình cho Mẫu 1040 hoặc 1040-SR bằng cách sử dụng các bảng tính thuế trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A. Ngoài ra, Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 cũng bao gồm các bảng tính thuế tương tự để quý vị có thể lựa chọn.

Khai Báo Đóng Góp Có Thể Khấu Trừ

Khi khai thuế theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, hãy nhập khoản khấu trừ IRA của quý vị trên Mẫu Khai Thuế 1 (Mẫu 1040), dòng 20.

Đóng Góp Không Thể Khấu Trừ

Mặc dù khoản khấu trừ của quý vị cho các khoản đóng góp cho IRA có thể bị giảm hoặc bị loại bỏ, các khoản đóng góp cho IRA của quý vị có thể lên [giới hạn chung](#) hoặc [Giới hạn của IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison](#) nếu áp dụng. Sự khác biệt giữa tổng đóng góp được cho phép và khoản khấu trừ IRA của quý vị, nếu có, là đóng góp không thể khấu trừ của quý vị.

Ví dụ: Quý vị 30 tuổi và độc thân. Quý vị được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc trong năm 2022. Lương của quý vị là \$67.000. AGI đã sửa

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị



đổi của quý vị là \$80.000. Quý vị đã đóng góp \$6.000 cho IRA cho năm 2022. Do quý vị đã được bao trả theo một kế hoạch hưu trí và AGI đã sửa đổi của quý vị là hơn \$78.000 nên quý vị sẽ không thể khấu trừ khoản đóng góp \$6.000 cho IRA. Quý vị sẽ phải chỉ định khoản đóng góp này là khoản đóng góp không thể khấu trừ bằng cách khai báo nó trên Mẫu 8606, như hướng dẫn tiếp theo đây.

Mẫu 8606. Để chỉ ra các khoản đóng góp là không thể khấu trừ, quý vị phải khai nó trên Mẫu 8606.

Quý vị không phải chỉ định một khoản đóng góp là không thể khấu trừ cho đến khi nộp tờ khai thuế. Khi nộp tờ khai thuế, quý vị thậm chí có thể chỉ định các khoản đóng góp được khấu trừ khác là không được khấu trừ.

Quý vị phải khai Mẫu 8606 để báo cáo các khoản đóng góp không thể khấu trừ ngay cả khi không phải nộp tờ khai thuế trong năm.



Không sử dụng Mẫu 8606 cho năm mà quý vị chuyển từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA truyền thống và tiền chuyển tiếp bao gồm cả các khoản không phải chịu thuế. Trong những trường hợp đó, quý vị sẽ hoàn thành Mẫu 8606 cho năm mà mình nhận phân phối từ IRA đó. Xem [Mẫu 8606](#) trong Phân Phối Chịu Thuế Đầy Đủ hoặc Một Phần ở phần sau.

Không khai báo đóng góp không thể khấu trừ. Nếu quý vị không báo cáo các khoản đóng góp không thể khấu trừ thì tất cả các khoản đóng góp cho IRA truyền thống của quý vị sẽ được coi là khoản đóng góp được khấu trừ khi được rút ra. Tất cả các phân phối từ IRA của quý vị sẽ phải chịu thuế trừ khi quý vị có các chứng cứ thỏa đáng rằng đã thực hiện các khoản đóng góp không thể khấu trừ.

Hình phạt đối với khai báo thừa. Nếu quý vị khai báo thừa đóng góp không thể khấu trừ trên Mẫu 8606 cho bất kỳ năm chịu thuế nào, quý vị sẽ phải trả một khoản tiền phạt là \$100 cho mỗi lần khai báo thừa trừ khi có lý do hợp lý.

Hình phạt đối với việc không khai Mẫu 8606. Quý vị sẽ phải trả \$50 tiền phạt nếu quý vị không khai Mẫu 8606 theo yêu cầu trừ khi quý vị có thể chứng minh rằng mình có lý do hợp lý.

Thuế trên thu nhập kiếm được trên đóng góp không thể khấu trừ. Miễn là các khoản đóng góp nằm trong giới hạn đóng góp thì các khoản thu nhập kiếm được hoặc lãi trên khoản đóng góp (có thể khấu trừ hoặc không thể khấu trừ) sẽ không bị thuế cho đến khi chúng được phân phối. Xem [Khi Nào Quý Vị Có Thể Rút hoặc Sử Dụng Tài Sản IRA](#).

Vốn giá gốc. Quý vị sẽ có vốn giá gốc trong IRA truyền thống của mình khi thực hiện các khoản đóng góp không thể khấu trừ. Vốn giá gốc của quý vị là tổng các khoản đóng góp không thể khấu trừ cho IRA của quý vị trừ đi số tiền đã rút hoặc phân phối của các khoản đóng góp thể khấu trừ.

Thừa kế IRA

Nếu quý vị thừa kế một IRA truyền thống, quý vị sẽ được gọi là “người thụ hưởng”. Người thụ hưởng có thể là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào mà người chủ sở hữu chọn để nhận các quyền lợi của IRA sau khi người đó qua đời. Những người thụ hưởng IRA truyền thống phải đưa vào tổng thu nhập của họ mọi khoản phân phối chịu thuế mà họ nhận được.

Thừa kế từ vợ/chồng. Nếu quý vị thừa kế một IRA truyền thống từ vợ/chồng của mình, quý vị thường

sẽ có ba lựa chọn sau. Quý vị có thể thực hiện một trong những điều sau.

1. Coi nó là IRA thuộc sở hữu riêng bằng cách chỉ định bản thân quý vị là chủ sở hữu tài khoản.
2. Coi nó là sở hữu riêng bằng cách chuyển tiếp nó vào IRA của quý vị, hoặc trong phạm vi nó vẫn phải chịu thuế thành một:
 - a. Chương trình của chủ lao động đủ điều kiện,
 - b. Chương trình niên kim của chủ lao động đủ điều kiện (chương trình theo đoạn 403(a)),
 - c. Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)), hoặc
 - d. Chương trình tiền thù lao hoãn thuế của một tiểu bang hoặc chính quyền địa phương (chương trình theo đoạn 457).
3. Coi bản thân là người thụ hưởng thay vì coi IRA là sở hữu riêng.

Coi nó là sở hữu riêng. Quý vị sẽ được cho là đã chọn IRA là sở hữu riêng khi:

- Thực hiện đóng góp (bao gồm cả đóng góp chuyển tiếp) cho IRA thừa kế, hoặc
- Quý vị không nhận khoản phân phối tối thiểu bắt buộc trong một năm với tư cách là người thụ hưởng IRA.

Quý vị sẽ chỉ được cho là đã chọn IRA là sở hữu riêng khi:

- Quý vị là người thụ hưởng IRA duy nhất, và
- Quý vị không bị giới hạn quyền rút tiền từ đó.

Tuy nhiên, nếu quý vị nhận một phân phối từ IRA từ người vợ/chồng đã qua đời của mình thì quý vị có thể chuyển phân phối đó vào IRA của riêng mình trong thời hạn 60 ngày, miễn là nó không phải là phân phối bắt buộc, ngay cả khi quý vị không phải là người thụ hưởng duy nhất IRA từ người vợ/chồng đã qua đời.

Được thừa kế từ một người khác không phải là vợ/chồng. Nếu quý vị thừa kế IRA truyền thống từ bất kỳ một ai đó khác không phải là vợ/chồng đã qua đời của quý vị, quý vị sẽ không thể coi IRA được thừa kế đó là sở hữu riêng. Điều này có nghĩa là quý vị không thể thực hiện đóng góp cho IRA đó. Nó cũng có nghĩa là quý vị không thể chuyển tiếp bất kỳ số tiền nào vào hoặc ra khỏi IRA thừa kế. Tuy nhiên, quý vị có thể thực hiện chuyển đổi từ người được ủy thác sang người được ủy thác khác miễn là IRA mà số tiền được chuyển vào đó được thiết lập và duy trì dưới danh nghĩa của chủ sở hữu IRA đã qua đời có chỉ định quý vị là người thụ hưởng.

Để biết thêm thông tin, xem thảo luận về [Thừa Kế IRA](#) trong mục [Chuyển Tiếp Từ IRA Nay Sang IRA Khác](#) ở phần sau.

Quý Vị Có Thể Chuyển Tài Sản Trong Kế Hoạch Hưu Trí Không?

Quý vị có thể chuyển đổi các tài sản (tiền hoặc tài sản) mà không mất thuế từ các kế hoạch hưu trí khác (bao gồm các IRA truyền thống) sang IRA truyền thống. Quý vị có thể thực hiện các hình thức chuyển như sau.

- Chuyển đổi từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác.

- Chuyển tiếp.
- Chuyển đổi do ly hôn.

Chuyển đổi đến IRA Roth. Trong một số điều kiện nhất định, quý vị có thể chuyển tài sản từ IRA truyền thống hoặc từ tài khoản Roth được chỉ định sang một IRA Roth. Quý vị cũng có thể chuyển tài sản từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA Roth. Xem [Quý Vị Có Thể Chuyển Tiền Vào IRA Roth Không?](#) trong mục [IRA Roth](#) ở phần sau.

Chuyển Từ Người Được Ủy Thác Sang Người Được Ủy Thác

Việc chuyển tiền từ IRA truyền thống của quý vị từ người được ủy thác này trực tiếp sang một người khác theo ý của quý vị hoặc của người được ủy thác không được coi là tiền chuyển tiếp. Điều này bao gồm trường hợp người được ủy thác hiện tại phát hành chi phiếu cho người được ủy thác mới nhưng lại đưa chi phiếu cho quý vị để gửi tiền. Do không có phân phối gửi đến quý vị nên việc chuyển tiền sẽ được miễn thuế. Vì đây không phải là tiền chuyển tiếp nên nó phải tuân theo quy định chờ 1 năm bắt buộc giữa các lần chuyển như được thảo luận trong [Chuyển Tiếp Từ IRA Nay Sang IRA Khác](#). Để biết thông tin về việc chuyển tiền trực tiếp từ các kế hoạch hưu trí không phải IRA đến IRA, tham khảo [Can You Move Retirement Plan Assets? \(Quý Vị Có Thể Chuyển Tài Sản của Kế Hoạch Hưu Trí Không?\)](#) trong chương 1 và [Can You Move Amounts Into a IRA Roth? \(Quý Vị Có Thể Chuyển Tiền Vào một IRA Roth Không?\)](#) trong chương 2 của Ấn Phẩm 590-A.

Chuyển tiếp

Chuyển tiếp thường là phân phối miễn thuế dành cho quý vị dưới hình thức tiền mặt hoặc các tài sản khác từ một kế hoạch hưu trí mà quý vị đóng góp (chuyển tiếp) sang một kế hoạch hưu trí khác. Đóng góp cho kế hoạch hưu trí thứ hai được gọi là “đóng góp chuyển tiếp.”

Ghi chú. Một khoản tiền được chuyển miễn thuế từ kế hoạch hưu trí này sang kế hoạch hưu trí khác thường được sẽ được tính trong thu nhập khi nó được phân phối từ chương trình thứ hai.

Các loại tiền chuyển tiếp sang một IRA truyền thống. Quý vị có thể chuyển tiền từ các chương trình sau vào một IRA truyền thống.

- Một IRA truyền thống.
- Kế hoạch hưu trí đủ điều kiện của chủ lao động dành cho nhân viên.
- Một chương trình tiền thù lao hoãn thuế của một tiểu bang hoặc chính quyền địa phương (chương trình theo đoạn 457).
- Một chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)).

Xử lý của chuyển tiếp. Quý vị không thể khấu trừ khoản đóng góp chuyển tiếp nhưng quý vị phải báo cáo phân phối chuyển tiếp trong tờ khai thuế của mình như được đề cập ở sau trong [Khai báo chuyển tiếp từ IRA](#) và [Khai báo chuyển tiếp từ chương trình của chủ lao động](#).

Thông báo chuyển tiếp. Chương trình (không phải là IRA) thực hiện việc phân phối phải cung cấp cho quý vị một lời giải thích bằng văn bản về việc xử lý tiền chuyển tiếp. Xem phần [Written explanation to](#)

recipients (Giải thích bằng văn bản cho người nhận) trong Ấn Phẩm 590-A.

Các loại chuyển tiếp từ một IRA truyền thống. Quý vị có thể chuyển tiếp mà không mất thuế một phần phối từ IRA truyền thống của quý vị sang một chương trình đủ điều kiện. Các chương trình này bao gồm Chương Trình Tiết Kiệm Để Dành liên bang (dành cho nhân viên liên bang), chương trình tiền thù lao hoàn thuế của chính quyền tiểu bang hoặc địa phương (chương trình 457) và chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình 403(b)). Phần phân phối mà quý vị có thể chuyển tiếp là phần có thể phải chịu thuế (được bao gồm trong thu nhập của quý vị). Các chương trình đủ điều kiện có thể, dù không bắt buộc, chấp nhận các khoản tiền chuyển tiếp này.

Thời hạn để thực hiện đóng góp chuyển tiếp. Thông thường, quý vị sẽ phải thực hiện đóng góp chuyển đổi không muộn hơn ngày thứ 60 sau ngày quý vị nhận được phân phối từ IRA truyền thống hoặc từ chương trình của chủ lao động.

IRS có thể từ bỏ quy định 60 ngày trong trường hợp việc không thực hiện đúng yêu cầu là bất khả kháng, chẳng hạn như trong trường hợp có thương vong, thiên tai hoặc sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem *Can You Move Retirement Plan Assets? (Quý Vị Có Thể Chuyển Tài Sản của Kế Hoạch Hưu Trí Không?)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.

Gia hạn thời gian chuyển tiếp. Nếu một khoản tiền được phân phối cho quý vị từ một IRA truyền thống hoặc kế hoạch hưu trí của chủ lao động đủ điều kiện là tiền gửi đóng băng tại bất kỳ một thời điểm nào trong khoảng thời gian 60 ngày được phép thực hiện chuyển tiếp thì thời gian chuyển tiếp sẽ được gia hạn. Để biết thêm thông tin, xem *Can You Move Retirement Plan Assets? (Quý Vị Có Thể Chuyển Tài Sản của Kế Hoạch Hưu Trí Không?)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.

Chuyển Tiếp Từ IRA Này Sang IRA Khác

Quý vị có thể rút mà không mất thuế tất cả hoặc một phần tài sản từ một IRA truyền thống nếu quý vị tái đầu tư chúng trong vòng 60 ngày trong chính IRA truyền thống đó hoặc một IRA khác. Vì đây là tiền chuyển tiếp nên quý vị sẽ không thể khấu trừ số tiền mà mình tái đầu tư vào IRA.

Thời gian chờ giữa các lần chuyển tiếp. Thông thường, nếu quý vị thực hiện việc chuyển tiếp không mất thuế đối với bất kỳ phần nào trong phân phối từ một IRA truyền thống thì quý vị sẽ không thể thực hiện chuyển tiếp không mất thuế đối với bất kỳ phân phối nào sau này từ cùng IRA đó trong vòng 1 năm. Quý vị cũng không thể thực hiện chuyển tiếp không mất thuế đối với bất kỳ số tiền nào được phân phối, trong cùng khoảng thời gian 1 năm, từ IRA mà quý vị đã thực hiện chuyển tiếp không mất thuế.

Thời gian 1 năm được tính từ ngày quý vị nhận được phân phối của IRA, không phải vào ngày quý vị chuyển nó vào một IRA. Các quy định áp dụng cho số lần được phép chuyển tiếp đối với IRA truyền thống của quý vị. Xem phần [Đơn xin giới hạn một lần chuyển tiếp](#) tiếp theo.

Đơn xin giới hạn một lần chuyển tiếp. Quý vị chỉ có thể thực hiện một lần chuyển từ IRA này sang IRA khác (hoặc tương tự) trong thời gian 1 năm bất kể số lượng IRA mà quý vị sở hữu. Giới hạn áp dụng bằng cách tổng hợp tất cả các IRA của một cá nhân, bao gồm các SEP và SIMPLE IRA cũng như các IRA

truyền thống và IRA Roth, coi chúng như một IRA. Tuy nhiên, việc chuyển từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác giữa các IRA không bị giới hạn và tiền chuyển tiếp từ IRA truyền thống sang IRA Roth (chuyển đổi) cũng không bị giới hạn.

Ví dụ. Quý vị sở hữu ba IRA truyền thống: IRA-1, IRA-2, and IRA-3. Quý vị đã không nhận bất kỳ phân phối nào từ IRA của mình trong năm 2022. Vào ngày 1 tháng 1 năm 2023, quý vị nhận một khoản phân phối từ IRA-1 và chuyển nó sang IRA-2 trong cùng ngày. Trong năm 2023, quý vị không thể chuyển bất kỳ phân phối IRA trong năm 2022 nào khác, bao gồm cả phân phối chuyển tiếp của IRA-3. Điều này sẽ không áp dụng cho chuyển đổi từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác hoặc chuyển đổi IRA Roth.

Chuyển tiếp một phần. Nếu rút tài sản từ một IRA truyền thống, quý vị có thể chuyển phần tiền rút không mất thuế và giữ phần còn lại. Số tiền quý vị giữ lại thường sẽ phải chịu thuế (ngoại trừ phần là khoản hoàn trả của các khoản đóng góp không thể khấu trừ). Số tiền quý vị giữ lại có thể phải chịu thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối sớm, được thảo luận ở sau trong [Hành Vi Nào Sẽ Bị Phạt Tiền Hoặc Áp Thuế Bổ Sung](#).

Phân phối bắt buộc. Số tiền phải được phân phối trong một năm cụ thể theo quy định [phân phối tối thiểu bắt buộc](#) (sẽ được đề cập đến sau) không hợp chuẩn cho việc xử lý chuyển tiếp.

IRA thừa kế. Nếu quý vị thừa kế IRA truyền thống từ vợ/chồng của mình, thông thường quý vị có thể chuyển nó qua hoặc có thể biến nó thành của riêng mình. Xem [Coi nó là sở hữu riêng](#) ở trước đó.

Không được thừa kế từ vợ/chồng. Nếu quý vị thừa kế một IRA truyền thống từ một người khác không phải là vợ/chồng của mình thì quý vị sẽ không thể chuyển nó qua hoặc cho phép nó nhận một khoản đóng góp chuyển đổi. Quý vị phải rút tài sản IRA trong một khoảng thời gian nhất định. Để biết thêm thông tin, xem *When Must You Withdraw Assets? (Required Minimum Distributions) (Thời Điểm Quý Vị Phải Rút Tài Sản? (Phân Phối Tối Thiểu Bắt Buộc))* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B.

Khai báo cáo tiền chuyển tiếp từ IRA. Khai báo bất kỳ khoản chuyển tiếp nào từ một IRA truyền thống sang một IRA tương tự hoặc IRA truyền thống khác theo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR như sau.

Nhập tổng số tiền phân phối vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a. Nếu tổng số tiền trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a, đã được chuyển tiếp, hãy nhập số 0 vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Nếu tổng phân phối không được chuyển tiếp, hãy nhập phần chịu thuế của phần chưa được chuyển tiếp trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Nhập "Rollover (Chuyển tiếp)" bên cạnh Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Để biết thêm thông tin, xem mục Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.

Nếu quý vị đã chuyển phân phối vào một chương trình đủ điều kiện (không phải IRA) hoặc quý vị thực hiện chuyển đổi trong năm 2023, hãy đính kèm một báo cáo giải thích những việc quý vị đã thực hiện.

Chuyển Tiếp Từ Chương Trình của Chủ Lao Động Sang IRA

Quý vị có thể chuyển tiếp sang một IRA truyền thống tất cả hoặc một phần của phân phối chuyển tiếp hợp

chuẩn mà quý vị nhận được từ (hoặc từ người vợ/chồng đã qua đời của quý vị):

- Chương trình hưu bổng, lợi nhuận chia sẻ, hoặc thưởng cổ phiếu của chủ lao động;
- Chương trình niên kim;
- Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)); hoặc
- Chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (chương trình theo đoạn 457).

Một chương trình đủ điều kiện là chương trình đáp ứng các yêu cầu của Luật Thuế Vụ.

Phân phối chuyển tiếp hợp chuẩn. Phân phối chuyển tiếp hợp chuẩn là các phân phối toàn bộ hoặc một phần số dư vào tín thuế của quý vị trong một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện ngoại trừ các phân phối sau đây.

1. Phân phối tối thiểu bắt buộc (được giải thích sau tại [Thời Điểm Quý Vị Phải Rút Tài Sản? \(Phân phối tối thiểu bắt buộc\)](#)).
2. Phân phối hoàn cảnh khó khăn.
3. Bất kỳ khoản phân phối nào trong một chuỗi các khoản phân phối định kỳ có giá trị bằng nhau được trả ít nhất một lần mỗi năm trong:
 - a. Trọn đời quý vị hoặc theo tuổi thọ trung bình,
 - b. Trọn đời quý vị hoặc theo tuổi thọ trung bình của quý vị và người thụ hưởng của quý vị, hoặc
 - c. Khoảng thời gian từ 10 năm trở lên.
4. Phân phối điều chỉnh các khoản đóng góp thất bại hoặc hoãn thuế quá mức cùng bất kỳ thu nhập nào được phân bổ cho phần thặng dư, hoặc của các khoản bổ sung hàng năm thặng dư và của bất kỳ khoản thu nhập phân bổ nào.
5. Một khoản vay được coi là một khoản phân phối vì nó không thỏa mãn các yêu cầu nhất định khi được thực hiện hoặc sau đó (chẳng hạn như khi vỡ nợ) trừ trường hợp quyền lợi tích lũy của người tham gia bị giảm đi (bù trừ) để trả khoản vay. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem phần *Plan loan offsets (Bù trừ khoản vay của kế hoạch)* trong *Time Limit for Making a Rollover Contribution (Giới Hạn Thời Gian để Thực Hiện Đóng Góp Chuyển Tiếp)* trong Ấn Phẩm 590-A.
6. Cổ tức trên chứng khoán của chủ lao động.
7. Chi phí bảo hiểm nhân thọ.

Chuyển tiếp của quý vị vào IRA truyền thống có thể bao gồm cả số tiền phải chịu thuế và không phải chịu thuế nếu chúng được phân phối cho quý vị thay vì được chuyển tiếp. Trong trường hợp phân phối được chuyển tiếp vào IRA truyền thống, nó sẽ không được tính vào thu nhập của quý vị.

TIP Tất cả số tiền không chịu thuế mà quý vị chuyển vào IRA truyền thống đều trở thành một phần trong cơ sở (chỉ phí) trong IRA của quý vị. Để khỏi phục cơ sở của quý vị khi quý vị nhận phân phối từ IRA của mình, quý vị phải hoàn thành Mẫu 8606 cho năm phân phối. Xem [Mẫu 8606](#) trong Phân Phối Chịu Thuế Đầy Đủ hoặc Một Phần sau đây.

Chuyển tiếp từ người thụ hưởng không phải là vợ/chồng. Chuyển khoản trực tiếp từ chương trình hưu bổng đủ điều kiện, chia sẻ lợi nhuận hoặc

thường cổ phiếu của một nhân viên đã qua đời; chương trình niên kim; chương trình niên kim được hoãn thuế (đoạn 403 (b)); hoặc chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (đoạn 457) cho IRA được thiết lập để nhận phân phối thay mặt quý vị có thể được coi là phân phối chuyển tiếp đủ điều kiện nếu quý vị là người thụ hưởng được chỉ định của chương trình chứ không phải vợ/chồng của nhân viên. IRA được coi như IRA thừa kế. Để biết thêm thông tin về IRA thừa kế, tham khảo [Thừa Kế IRA](#) trước đó.

Báo cáo chuyển tiếp từ chương trình của chủ lao động. Nhập tổng phân phối (trước khi khấu trừ thuế thu nhập hoặc thuế khác) vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a. Số liệu này cần được hiển thị trong ô 1 của Mẫu 1099-R. Lấy số liệu này trừ đi các khoản đóng góp (thường hiển thị trong ô 5 Mẫu 1099-R) mà quý vị phải chịu thuế khi thực hiện. Lấy kết quả đó trừ đi số tiền được chuyển tiếp trực tiếp hoặc trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được phân phối. Nhập số tiền còn lại, kể cả bằng không, vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b. Đồng thời, điền "Chuyển tiếp" vào cạnh Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b.

Chuyển Đổi do Ly Hôn

Nếu một khoản tiền lãi trong IRA truyền thống được chuyển từ vợ/chồng hoặc vợ/chồng cũ sang quý vị bằng một văn bản ly hôn hoặc lệnh cấp dưỡng sau ly thân hoặc một văn bản có liên quan, thì bắt đầu từ ngày chuyển giao, tiền lãi trong IRA được coi như IRA của quý vị. Chuyển tài sản được miễn thuế. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo *Distributions under divorce or similar proceedings (alternate payees) (Phân phối theo thủ tục ly hôn hoặc các thủ tục tương tự (người nhận thay thế))* trong *Rollover From Employer's Plan Into an IRA (Chuyển Tiếp Từ Chương Trình của Chủ Lao Động Sang IRA)* trong Ấn Phẩm 590-A.

Hoán Đổi Từ Bất Kỳ IRA Truyền Thống nào sang IRA Roth

Được phép hoán đổi. Quý vị có thể rút tất cả hoặc một phần tài sản từ IRA truyền thống và tái đầu tư vào IRA Roth (trong vòng 60 ngày). Số tiền quý vị rút và đóng góp kịp thời (hoán đổi) vào IRA Roth được gọi là "đóng góp hoán đổi". Nếu chuyển tiếp đúng cách (và kịp thời), các khoản phân phối sớm sẽ không phải chịu thuế bổ sung 10%. Tuy nhiên, có một phần hoặc toàn bộ đóng góp chuyển đổi từ IRA truyền thống được tính vào tổng thu nhập của quý vị.

Phân phối bắt buộc. Quý vị không thể chuyển đổi số tiền phải được phân phối từ IRA truyền thống của mình cho một năm cụ thể (bao gồm cả năm theo niên lịch mà quý vị đủ 72 tuổi theo quy định [phân phối tối thiểu bắt buộc](#) (được thảo luận ở phần sau)).

Thu nhập. Quý vị phải tính vào tổng thu nhập cả phân phối tổng thu nhập của mình từ IRA truyền thống mà quý vị sẽ phải tính nếu chưa chuyển thành IRA Roth. Những khoản tiền này thường được tính vào thu nhập trên tờ khai thuế cho năm mà quý vị chuyển đổi các khoản đó từ IRA truyền thống sang IRA Roth.

Quý vị không tính vào tổng thu nhập bất kỳ phần nào của phân phối từ IRA truyền thống là [phần khai vốn giá gốc](#), như được nêu dưới đây.

Quý vị phải gửi Mẫu 8606 để báo cáo các chuyển đổi năm 2022 từ IRA truyền thống, SEP hoặc SIMPLE IRA sang IRA Roth vào năm 2022 (trừ khi

quý vị tái xác định toàn bộ số tiền) và để tính số tiền cần đưa vào thu nhập.

Nếu phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền bất kỳ, quý vị có thể phải tăng khấu trừ và thực hiện thanh toán thuế ước tính. Xem [Chương 4](#).

Tái xác định

Quý vị có thể coi khoản đóng góp cho một loại IRA như là đã đóng cho một loại IRA khác. Đây gọi là "tái xác định khoản đóng góp". Xem *Can You Move Retirement Plan Assets? (Quý Vị Có Thể Di Chuyển Tài Sản Kế Hoạch Hưu Trĩ Không?)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A để biết thêm thông tin chi tiết.

Làm thế nào để tái xác định một khoản đóng góp. Để tái xác định một khoản đóng góp, thông thường quý vị phải chuyển khoản đóng góp từ IRA đầu tiên (điều đầu tiên nó thực hiện) sang IRA thứ hai bằng cách chuyển tài sản từ người được ủy thác sang người được ủy thác. Nếu thực hiện chuyển tài sản trước ngày đến hạn (tính cả gia hạn) cho tờ khai thuế của quý vị trong năm thực hiện khoản đóng góp, quý vị có thể chọn coi ban đầu thực hiện khoản đóng góp đó cho IRA thứ hai thay vì cho IRA đầu tiên. Nếu tái xác định khoản đóng góp của mình, quý vị phải thực hiện cả ba việc sau.

- Tính các khoản thu nhập phân bổ cho khoản đóng góp vào chuyển tài sản. Nếu bị lỗi, thu nhập ròng quý vị phải chuyển tài sản có thể là số âm.
- Báo cáo tái xác định trên tờ khai thuế của quý vị cho năm thực hiện khoản đóng góp.
- Coi như đã thực hiện đóng góp cho IRA thứ hai vào ngày thực hiện cho IRA đầu tiên.

Không có chuyển đổi nào tái xác định từ năm 2018 trở đi. Việc chuyển đổi IRA truyền thống thành IRA Roth và chuyển tiếp từ các kế hoạch hưu trí đủ điều kiện khác sang IRA Roth, được thực hiện trong các năm chịu thuế bắt đầu từ sau năm thuế 2017, không thể tái xác định là đã được thực hiện cho IRA truyền thống. Nếu thực hiện chuyển đổi trong năm chịu thuế 2017, quý vị phải đợi đến ngày đáo hạn (có gia hạn) để nộp tờ khai thuế cho năm chịu thuế đó để tái xác định chuyển đổi đó.

Không được phép khấu trừ. Quý vị không thể khấu trừ khoản đóng góp cho IRA đầu tiên. Các khoản thu nhập ròng quý vị chuyển với khoản đóng góp được tái xác định đều được coi là kiếm được trong IRA thứ hai.

Quý vị tái xác định khoản đóng góp như thế nào? Để tái xác định khoản đóng góp, quý vị phải thông báo cho cả người được ủy thác của IRA đầu tiên (người ban đầu mà khoản đóng góp dành cho) và người được ủy thác của IRA thứ hai (người được nhận khoản đóng góp chuyển đến) mà quý vị đã chọn để xử lý khoản đóng góp như là thực hiện cho IRA thứ hai thay vì IRA đầu tiên. Quý vị phải thông báo vào ngày chuyển tài sản. Chỉ cần thực hiện một thông báo nếu người được ủy thác của cả hai IRA là cùng một người. Thông báo phải bao gồm các thông tin sau.

- Loại và số tiền đóng góp cho IRA đầu tiên được tái xác định.
- Ngày thực hiện đóng góp cho IRA đầu tiên và năm thực hiện.
- Hướng dẫn cho người được ủy thác của IRA đầu tiên để thực hiện chuyển từ người được ủy thác đến người được ủy thác số tiền đóng góp và các thu nhập ròng (hoặc lỗ) có thể phân bổ

cho khoản đóng góp cho người được ủy thác của IRA thứ hai.

- Tên của người được ủy thác của IRA đầu tiên và tên của người được ủy thác của IRA thứ hai.
- Các thông tin bổ sung cần thiết để thực hiện chuyển tài sản.

Khai báo tái xác định. Nếu chọn tái xác định một khoản đóng góp cho IRA này thành khoản đóng góp cho IRA khác, quý vị phải báo cáo về việc tái xác định trong tờ khai thuế của mình theo hướng dẫn trong Mẫu 8606 và hướng dẫn của mẫu. Quý vị phải coi như thực hiện khoản đóng góp cho IRA thứ hai.

Khi Nào Quý Vị Có Thể Rút Tiền hoặc Sử Dụng Tài Sản IRA?


Có một số quy định giới hạn việc sử dụng tài sản IRA của quý vị và phân phối việc sử dụng. Thông thường việc vi phạm các quy định có thể làm phát sinh các khoản thuế bổ sung trong năm vi phạm. Xem phần [Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung](#), dưới đây.

Các khoản đóng góp được khai thuế trước ngày đến hạn khai thuế. Nếu thực hiện đóng góp IRA vào năm 2022, quý vị có thể rút các khoản này miễn thuế không muộn hơn ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của mình. Nếu có gia hạn thời gian khai nộp tờ khai thuế, quý vị có thể rút các khoản này miễn thuế trước ngày đến hạn được gia hạn. Quý vị có thể làm như vậy nếu áp dụng cả hai điều kiện sau cho mỗi khoản đóng góp muốn rút.

- Quý vị không khấu trừ khoản đóng góp.
- Quý vị đã rút lãi hoặc thu nhập khác kiếm được từ khoản đóng góp. Khi tính toán số tiền được rút, quý vị có thể tính đến những tổn thất đối với khoản đóng góp khi còn thuộc IRA. Nếu bị lỗi, thu nhập ròng kiếm được từ khoản đóng góp có thể là số âm.

Ghi chú. Để tính được số tiền quý vị phải rút, tham khảo Bảng Tính 1-4 trong phần *When Can You Withdraw or Use Assets? (Khi Nào Quý Vị Có Thể Rút Tiền hoặc Sử Dụng Tài Sản?)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.

Lợi tức tính vào thu nhập. Quý vị phải tính vào thu nhập các khoản thu nhập trên các khoản đóng góp quý vị rút ra. Tính các khoản thu nhập vào thu nhập cho năm quý vị thực hiện đóng góp, không phải cho năm rút các khoản này.

 **Thông thường, trừ các khoản thuộc khoản rút ra để trả lại các khoản đóng góp không được khấu trừ (vốn giá gốc), các khoản đóng góp rút ra sau ngày đến hạn (hoặc ngày đến hạn đã gia hạn) của tờ khai thuế sẽ được coi là một khoản phân phối chịu thuế. Số tiền đóng góp thặng dư cũng có thể được thu hồi miễn thuế như được nhắc đến trong phần Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung, dưới đây.**

Thuế phân phối sớm. Khoản thuế bổ sung 10% đối với các khoản phân phối được thực hiện trước khi quý vị 59 tuổi^{1/2} không áp dụng cho việc rút các khoản đóng góp miễn thuế này của quý vị. Tuy nhiên, quý vị phải báo cáo việc phân phối tiền lãi hoặc thu nhập khác theo Mẫu 5329 và phải chịu thuế này trừ khi việc phân phối đủ điều kiện là một [ngoi lệ](#) đối với quy định tuổi 59^{1/2}. Xem *Early Distributions*

(*Phân Phối Sớm*) trong phần *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes? (Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?)* trong Ấn Phẩm 590-B.

Khi Nào Quý Vị Phải Rút Tài Sản IRA? (Phân Phối Tối Thiểu Bắt Buộc)

Quý vị không thể giữ tiền vô thời hạn trong IRA truyền thống. Sau vùng, tiền sẽ được phân phối. Nếu không phân phối, hoặc phân phối không đủ lớn, quý vị có thể phải trả thuế gián thu 50% trên số tiền không phân phối được theo yêu cầu. Xem phần [Tích Lũy Quá Mức \(Phân Phối Không Đủ\)](#), dưới đây. Yêu cầu phân phối các khoản tiền IRA khác nhau tùy thuộc quý vị là chủ sở hữu IRA hay người thụ hưởng IRA của người quá cố.


Phân phối tối thiểu bắt buộc. Số tiền phải phân phối mỗi năm được gọi là “phân phối tối thiểu bắt buộc.”

Phân phối không đủ điều kiện để chuyển tiếp. Số tiền phải phân phối (phân phối tối thiểu bắt buộc) trong một năm cụ thể không đủ điều kiện để thực hiện chuyển tiếp.

Chủ sở hữu IRA. Nếu đang là chủ sở hữu của một IRA truyền thống, thông thường quý vị phải bắt đầu nhận phân phối từ IRA của mình không muộn hơn ngày 1 tháng 4 của năm sau năm quý vị đủ 72 tuổi. Ngày 1 tháng 4 của năm sau năm 72 tuổi được gọi là “ngày bắt đầu bắt buộc.”

Phân phối trước ngày bắt đầu bắt buộc. Quý vị phải nhận ít nhất số tiền tối thiểu cho mỗi năm bắt đầu từ năm quý vị 72 tuổi. Nếu quý vị không (đã không) nhận số tiền tối thiểu đó vào năm đủ 72 tuổi, quý vị phải nhận khoản phân phối cho năm 72 tuổi của mình không muộn hơn ngày 1 tháng 4 năm sau đó.

Nếu chủ sở hữu IRA qua đời trước năm 72 tuổi nhưng là trước ngày 1 tháng 4 năm sau đó, thì không yêu cầu khoản phân phối tối thiểu nào do qua đời trước ngày bắt đầu bắt buộc.

 Ngay cả khi quý vị bắt đầu nhận phân phối trước khi đạt 72 tuổi, quý vị phải bắt đầu tính toán và nhận phân phối tối thiểu bắt buộc không muộn hơn ngày bắt đầu bắt buộc của mình.

Phân phối sau ngày bắt đầu bắt buộc. Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc cho các năm sau năm 72 tuổi phải được thực hiện không muộn hơn ngày 31 tháng 12 của năm sau.

Người thụ hưởng. Nếu quý vị là người thụ hưởng IRA truyền thống của người quá cố, yêu cầu phân phối từ IRA đó thường phụ thuộc vào thời điểm chủ sở hữu IRA qua đời trước hay sau ngày bắt đầu bắt buộc phân phối.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin, bao gồm cả cách tính toán khoản phân phối tối thiểu bắt buộc mỗi năm nếu quý vị là người thụ hưởng IRA của người quá cố, tham khảo phần *When Must You Withdraw Assets? (Required Minimum Distributions) (Khi Nào Quý Vị Phải Rút Tài Sản? (Phân Phối Tối Thiểu Bắt Buộc))* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B.

Các Khoản Phân Phối Có Chịu Thuế Không?

Thông thường, các khoản phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế vào năm quý vị nhận phân phối.

Trường hợp ngoại lệ. Các trường hợp ngoại lệ đối với các khoản phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế trong năm nhận phân phối gồm có:

- Chuyển tiếp;
- [Phân phối từ thiện đủ điều kiện \(QCD\)](#), được thảo luận sau;
- [Khoản tiền đóng góp rút về được miễn thuế](#), đã thảo luận trước đó; và
- Tiền đóng góp không được khấu trừ trả lại, sẽ được thảo luận sau trong phần [Phân Phối Chịu Thuế Toàn Bộ hoặc Một Phần](#).



Tuy việc chuyển đổi IRA truyền thống được coi là chuyển tiếp các mục đích IRA Roth, nhưng quy định phân phối từ IRA truyền thống phải chịu thuế trong năm quý vị nhận phân phối sẽ không phải là ngoại lệ. Phân phối chuyển đổi được tính vào tổng thu nhập của quý vị tuân theo quy định này và các quy định đặc biệt về chuyển đổi được nêu rõ trong mục Chuyển Đổi Từ IRA Truyền Thống Bất Kỳ Sang IRA Roth thuộc phần Quý Vị Có Thể Di Chuyển Tài Sản Kế Hoạch Hưu Trí Không? trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.

Phân phối từ thiện đủ điều kiện (QCD). Một phân phối từ thiện đủ điều kiện thường do người được ủy thác IRA của quý vị thực hiện trực tiếp một khoản phân phối không chịu thuế cho một tổ chức đủ điều kiện nhận các khoản đóng góp được khấu trừ thuế. Xem phần [Qualified Charitable Distributions \(Phân Phối Từ Thiện Đủ Điều Kiện\)](#) trong Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.



QCD sẽ được tính vào khoản phân phối bắt buộc tối thiểu của quý vị. Xem mục Phân phối từ thiện đủ điều kiện thuộc phần Phân Phối Có Chịu Thuế Không? trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Thu nhập thông thường. Các khoản phân phối từ IRA truyền thống mà quý vị tính vào thu nhập bị đánh thuế như thu nhập thông thường.

Không có xử lý đặc biệt. Khi xác định thuế của mình, quý vị không thể sử dụng tùy chọn thuế 10 năm hoặc tính thuế cho lợi nhuận đầu tư áp dụng cho các khoản phân phối một lần từ các kế hoạch hưu trí đủ điều kiện.

Phân Phối Chịu Thuế Toàn Bộ hoặc Một Phần

Phân phối từ IRA truyền thống của quý vị có thể phải chịu thuế toàn bộ hoặc một phần, tùy thuộc IRA của quý vị có bao gồm khoản đóng góp không khấu trừ nào không.

Chịu thuế toàn bộ. Nếu chỉ thực hiện các khoản đóng góp được khấu trừ cho IRA truyền thống (hoặc nếu có nhiều hơn một IRA), quý vị không có vốn gốc trong IRA của mình, các khoản phân phối khi nhận được sẽ chịu thuế toàn bộ. Xem phần [Bảo cáo phân phối chịu thuế trong tờ khai thuế của quý vị](#), dưới đây.

Chịu thuế một phần. Nếu thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển tiếp các khoản tiền sau thuế bất kỳ sang IRA truyền thống bất kỳ, quý vị có

chi phí vốn giá gốc (đầu tư vào hợp đồng) bằng số tiền đóng góp đó. Các khoản đóng góp không khấu trừ này không bị đánh thuế khi được phân phối cho quý vị. Đó là khoản hoàn vốn đầu tư vào IRA của quý vị.

Chỉ có phần đóng góp thể hiện đóng góp không khấu trừ và chuyển số tiền sau thuế (chi phí vốn giá gốc) được miễn thuế. Nếu đã thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển số tiền sau thuế sang IRA của quý vị, phần phối bao gồm một phần đóng góp không khấu trừ (vốn gốc) và một phần đóng góp có khấu trừ, thu nhập, và tiền lãi (nếu có). Cho tới khi đã phân phối hết tất cả vốn gốc, mỗi khoản phân phối phải chịu thuế toàn bộ hoặc một phần.

Mẫu 8606. Quý vị cần hoàn thành Mẫu 8606 và đính kèm vào tờ khai thuế nếu quý vị nhận được một khoản phân phối từ IRA truyền thống và đã thực hiện đóng góp không khấu trừ hoặc chuyển số tiền sau thuế qua một IRA truyền thống bất kỳ của mình. Khi sử dụng mẫu, quý vị sẽ tính được phân phối không thuế cho năm 2022 và tổng giá trị IRA cơ bản cho năm 2022 và những năm trước đó.

Ghi chú. Nếu quý vị được yêu cầu nộp Mẫu 8606 nhưng không được yêu cầu nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân, quý vị vẫn phải nộp Mẫu 8606. Gửi mẫu đến IRS vào thời điểm và địa điểm mà quý vị sẽ nộp tờ khai thuế thu nhập.

Phân phối được khai báo trên Mẫu 1099-R. Nếu nhận phân phối từ IRA truyền thống của mình, quý vị sẽ nhận Mẫu 1099-R, Phân Phối Từ Tiền Hưu Bổng, Niên Kim, Kế Hoạch Hưu Trí Hoặc Chia Sẻ Lợi Nhuận, IRA, Hợp Đồng Bảo Hiểm, v.v... hoặc một mẫu tương tự. Phân phối IRA được thể hiện trong các ô 1 và 2a của Mẫu 1099-R. Các mã số hoặc chữ cái trong ô 7 cho quý vị biết loại phân phối nhận được từ IRA của mình.

Khấu lưu. Thuế thu nhập liên bang bị khấu lưu từ IRA truyền thống trừ khi quý vị chọn không có khấu lưu thuế. Xem [chương 4](#).

Phân phối IRA thực hiện bên ngoài Hoa Kỳ. Nhìn chung, nếu quý vị là công dân hoặc người nước ngoài thường trú tại Hoa Kỳ và địa chỉ nhà của quý vị nằm ngoài Hoa Kỳ hoặc lãnh thổ liên quan, quý vị không thể chọn miễn trừ khấu lưu đối với các phân phối IRA truyền thống của quý vị.

Khai báo phân phối chịu thuế trong tờ khai thuế. Báo cáo phân phối chịu thuế toàn bộ, gồm cả phân phối sớm, trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b (để trống Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a). Nếu chỉ một phần phân phối chịu thuế, hãy nhập tổng số tiền vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4a, và phần chịu thuế vào Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b.

Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?

Lợi ích về thuế khi sử dụng IRA truyền thống để tiết kiệm hưu trí có thể được đền bù bằng các khoản thuế và tiền phạt bổ sung nếu quý vị không tuân theo các quy định.

Nếu quý vị sử dụng tiền IRA của mình cho các giao dịch bị cấm sẽ phải chịu thêm thuế bổ sung ngoài thuế thông thường. Ngoài ra còn có các loại thuế bổ sung cho các hoạt động sau đây.

- Đầu tư vào đồ sưu tầm.

- Có thu nhập kinh doanh không liên quan; tham khảo Ấn Phẩm 590-B.
- Đóng góp thặng dư.
- Thực hiện phân phối sớm.
- Cho phép tích lũy thặng dư (không thực hiện phân phối theo yêu cầu).

Việc phóng đại số tiền đóng góp không khấu trừ và không nộp Mẫu 8606, nếu được yêu cầu sẽ bị phạt.

Giao Dịch Bị Cấm

Thông thường, giao dịch bị cấm là việc quý vị, người thụ hưởng của quý vị, hoặc người không đủ tư cách sử dụng IRA truyền thống không đúng cách.

Người không đủ tư cách gồm người được ủy thác, thành viên trong gia đình vợ/chồng (vợ/chồng, tổ tiên, dòng dõi họ hàng, và bắt chuyện với tất cả mọi người).

Dưới đây là ví dụ về giao dịch bị cấm với một IRA truyền thống.

- Mượn tiền từ IRA; tham khảo Ấn Phẩm 590-B.
- Bán tài sản cho IRA.
- Sử dụng IRA làm bảo đảm cho một khoản vay.
- Mua tài sản vì mục đích sử dụng cá nhân (hiện tại hoặc tương lai) với quỹ IRA.

Ảnh hưởng lên tài khoản IRA. Thông thường, nếu quý vị hoặc người thụ hưởng của quý vị tham gia vào một giao dịch bị cấm liên quan đến tài khoản IRA truyền thống của quý vị bất kỳ lúc nào trong năm, thì tài khoản đó sẽ ngừng là IRA kể từ ngày đầu tiên của năm đó.

Ảnh hưởng lên quý vị hoặc người thụ hưởng của quý vị. Nếu tài khoản không còn là IRA do quý vị hoặc người thụ hưởng của quý vị tham gia vào một giao dịch bị cấm, tài khoản được coi là phân phối tất cả tài sản của nó cho quý vị theo giá trị thị trường hợp lý của chúng vào ngày đầu tiên của năm. Nếu tổng những giá trị này lớn hơn vốn gốc của quý vị trong IRA, quý vị sẽ có khoản lãi chịu thuế được tính vào thu nhập của mình. Để nắm cụ thể cách tính toán tiền lãi và báo cáo trong thu nhập, tham khảo phần [Đóng Góp Có Chịu Thuế Không](#), trước đó. Việc phân phối có thể phải chịu thêm thuế hoặc tiền phạt.

Thuế đánh vào giao dịch bị cấm. Nếu ai đó không phải là chủ sở hữu hoặc người thụ hưởng IRA truyền thống tham gia vào một giao dịch bị cấm, người đó có thể phải chịu một số khoản thuế nhất định. Nhìn chung, có 15% thuế đối với số tiền của giao dịch bị cấm và 100% thuế bổ sung nếu giao dịch không được sửa chữa.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về giao dịch bị cấm, tham khảo phần [Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?](#) trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.

Đầu Tư vào Đồ Sưu Tầm

Nếu IRA truyền thống đầu tư vào đồ sưu tầm, số tiền được phân phối cho quý vị trong năm. Quý vị có thể phải đóng 10% thuế bổ sung trên [phân phối sớm](#), như được nêu dưới đây.

Đồ sưu tầm. Những lựa chọn này bao gồm:

- Tác phẩm nghệ thuật,
- Thảm,
- Đồ cổ,

- Kim loại,
- Đá quý,
- Tem,
- Tiền xu,
- Đồ uống có cồn, và
- Một số tài sản cá nhân thực hữu khác.

Trường hợp ngoại lệ. IRA của quý vị có thể đầu tư vào toàn bộ, một nửa, một phần tư, hoặc toàn bộ, hoặc các đồng tiền vàng của Hoa Kỳ hoặc toàn bộ, hoặc một phần mười ounce đồng xu bạc do Bộ Tài chính đúc. IRA cũng có thể đầu tư vào một số đồng tiền bạch kim và vàng, bạc, paladi và thỏi bạch kim nhất định.

Tiền Đóng Góp Thặng Dư

Thông thường, tiền đóng góp thặng dư là số tiền đã đóng góp cho (các) IRA truyền thống của quý vị trong năm lớn hơn số tiền nhỏ hơn trong:

- Số tiền khấu trừ tối đa cho năm đó (năm 2022, số tiền này là \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị 50 trở lên)); hoặc
- Tiền thù lao chịu thuế của quý vị cho năm đó.

Tiền đóng góp thặng dư có thể từ đóng góp của quý vị, của vợ/chồng quý vị, của chủ lao động, hoặc một khoản đóng góp chuyển tiếp không hợp lý. Nếu chủ lao động thay mặt quý vị thực hiện đóng góp cho SEP IRA, tham khảo chương 2 của Ấn Phẩm 560.

Thuế trên số tiền đóng góp thặng dư. Nói chung, nếu quý vị không rút tiền đóng góp thặng dư của một năm trước ngày tờ khai thuế của quý vị đến hạn trong năm đó (tính cả gia hạn), quý vị phải chịu thuế 6%. Quý vị phải trả thuế 6% mỗi năm trên số tiền thặng dư còn trong IRA truyền thống vào cuối năm chịu thuế của mình. Thuế không được cao hơn 6% tổng giá trị của tất cả IRA của quý vị tính đến cuối năm chịu thuế. Thuế bổ sung được tính toán trên Mẫu 5329.

Số tiền thặng dư được rút trước ngày đáo hạn của tờ khai thuế. Quý vị sẽ không phải trả thuế 6% nếu rút tiền đóng góp thặng dư đã đóng trong một năm chịu thuế và đồng thời rút tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được từ tiền đóng góp thặng dư đó. Quý vị phải hoàn tất việc rút tiền trước ngày đến hạn khai thuế cho năm đó, tính cả gia hạn.

Xử lý các khoản đóng góp đã rút như thế nào. Không tính vào tổng thu nhập của quý vị số tiền đóng góp thặng dư mà quý vị đã rút khỏi IRA truyền thống của mình trước khi tờ khai thuế đến hạn nếu đáp ứng cả hai điều kiện sau.

- Không được khấu trừ cho số tiền đóng góp thặng dư.
- Quý vị rút tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được trên tiền đóng góp thặng dư.

Khi tính toán số tiền được rút, quý vị có thể tính đến những tổn thất đối với khoản đóng góp khi còn thuộc IRA. Nếu bị lỗi, thu nhập ròng quý vị phải rút có thể là số âm.

Xử lý tiền lãi hoặc thu nhập khác đã rút ra như thế nào. Quý vị phải tính vào tổng thu nhập tiền lãi hoặc thu nhập khác kiếm được trên số tiền đóng góp thặng dư. Báo cáo khoản tiền đó trong tờ khai thuế của quý vị cho năm thực hiện số tiền đóng góp thặng dư. Việc rút khoản tiền lãi hoặc thu nhập khác của quý vị có thể phải chịu 10% thuế bổ sung trên [các khoản phân phối sớm](#), như được nêu dưới đây.

Số tiền đóng góp thặng dư được rút sau ngày đến hạn khai thuế. Thông thường, quý vị phải tính vào tổng thu nhập tất cả khoản phân phối (khoản rút ra) từ IRA truyền thống của mình. Tuy nhiên, nếu đáp ứng các điều kiện dưới đây, quý vị có thể rút tiền đóng góp thặng dư từ IRA của mình và không tính số tiền đã rút vào tổng thu nhập.

- Tổng các khoản đóng góp (ngoài đóng góp chuyển đổi) cho năm 2022 vào IRA của quý vị không lớn hơn \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị từ 50 tuổi trở lên).
- Quý vị không khấu trừ cho tiền đóng góp thặng dư đã rút.

Có thể thực hiện rút tiền vào bất kỳ thời điểm nào, kể cả sau ngày đến hạn khai thuế cho năm đó, tính cả gia hạn.

Số tiền đóng góp thặng dư khấu trừ trong năm trước đó. Nếu quý vị đã khấu trừ số tiền đóng góp thặng dư trong năm trước đó mà tổng đóng góp không lớn hơn khoản khấu trừ tối đa của năm đó (tham khảo bảng dưới đây), quý vị vẫn có thể xóa bỏ phần thặng dư trong IRA truyền thống của mình và không tính vào tổng thu nhập. Để làm như vậy, hãy khai Mẫu 1040-X cho năm đó và khấu trừ số tiền đóng góp thặng dư vào tờ khai thuế sửa đổi. Thông thường, quý vị có thể nộp tờ khai thuế sửa đổi trong vòng 3 năm khi khai thuế hoặc 2 năm từ thời điểm nộp thuế, tùy ngày nào muộn hơn.

(Các) năm	Giới hạn đóng góp	Giới hạn đóng góp từ 50 tuổi trở lên vào cuối năm
2019 đến 2021	\$6.000	\$7.000
Từ 2013 đến 2018	\$5.500	\$6.500
Từ 2008 đến 2012	\$5.000	\$6.000
Từ 2006 đến 2007	\$4.000	\$5.000
2005	\$4.000	\$4.500
Từ 2002 đến 2004	\$3.000	\$3.500
Từ 1997 đến 2001	\$2.000	—
Trước năm 1997	\$2.250	—

Thặng dư do thông tin chuyển tiếp không chính xác. Nếu thặng dư trong IRA truyền thống của quý vị là do chuyển tiếp và có thặng dư do thông tin mà chương trình yêu cầu cung cấp cho quý vị không chính xác, quý vị có thể rút số tiền đóng góp thặng dư. Giới hạn được nhắc đến ở trên tăng lên bằng số tiền thặng dư do thông tin không chính xác. Quý vị sẽ phải sửa đổi tờ khai thuế cho năm có thặng dư để sửa báo cáo số tiền chuyển tiếp trong năm đó. Không tính vào tổng thu nhập phần nào của tiền đóng góp thặng dư do thông tin không chính xác. Để tìm hiểu thêm thông tin về tích lũy quá mức, tham khảo [Excess Contributions \(Tiền Đóng Góp Thặng Dư\)](#) tại phần [What Acts Result in Penalties or Additional Taxes? \(Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?\)](#) trong Ấn Phẩm 590-A.

Phân Phối Sớm

Quý vị phải tính vào tổng thu nhập các khoản tiền chịu thuế phân phối sớm từ IRA truyền thống. Phân phối sớm cũng phải chịu thuế bổ sung 10%. Xem thông tin về Mẫu 5329 trong mục [Khai Báo Thuế Bổ Sung](#), dưới đây, để tính toán và khai báo thuế.

Định nghĩa của phân phối sớm. Các khoản phân phối sớm thường là số tiền được phân phối từ tài khoản IRA truyền thống của quý vị hoặc niên kim trước khi quý vị 59 tuổi^{1/2}.

Quy tắc tuổi 59½. Thông thường, nếu quý vị dưới 59 ½ tuổi, quý vị phải trả 10% thuế bổ sung đối với việc phân phối bất kỳ tài sản nào (tiền hoặc tài sản khác) từ IRA truyền thống của mình. Phân phối trước khi quý vị 59 ½ tuổi gọi là “phân phối sớm.”

Thuế bổ sung 10% áp dụng cho khoản phân phối quý vị phải tính vào tổng thu nhập. Đây là phần bổ sung vào thuế thu nhập thông thường đánh lên số tiền.

Sau tuổi 59½ và trước tuổi 72. Sau khi quý vị 59 ½ tuổi, quý vị có thể nhận phân phối mà không phải đóng thuế bổ sung 10%. Kể cả khi quý vị có thể nhận phân phối sau khi đến tuổi 59½, phân phối cũng không bắt buộc cho đến năm quý vị 72 tuổi. Xem mục [Khi Nào Quý Vị Phải Rút Tài Sản IRA? \(Phân Phối Tối Thiểu Bắt Buộc\)](#), ở phần trước.

Trường hợp ngoại lệ. Có nhiều ngoại lệ ngoài quy định tuổi 59½. Thậm chí nếu nhận phân phối trước năm 59 tuổi½, quý vị cũng có thể không phải trả 10% thuế bổ sung nếu thuộc trong những trường hợp dưới đây.

- Quý vị có chi phí y tế chưa hoàn trả lớn hơn 7,5% của AGI của quý vị.
- Khoản phân phối không lớn hơn chi phí bảo hiểm y tế trong thời gian thất nghiệp.
- Quý vị bị tàn tật hoàn toàn và vĩnh viễn.
- Quý vị là người thụ hưởng của chủ sở hữu IRA đã qua đời.
- Quý vị đang nhận phân phối dưới dạng niên kim.
- Khoản phân phối không lớn hơn chi phí giáo dục đại học đủ điều kiện của quý vị.
- Quý vị sử dụng khoản phân phối để mua sắm, xây dựng hoặc sửa lại nhà mua lần đầu.
- Phân phối do một khoản áp thuế của IRS của IRA hoặc chương trình hưu trí.
- Phân phối là phân phối của linh dự bị đủ điều kiện.

Hầu hết các ngoại lệ này đều được nêu rõ trong mục *Early Distributions (Phân Phối Sớm)* thuộc phần *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes? (Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B.

Ghi chú. Phân phối được chuyển hợp lý và đúng thời gian [qua](#), như đã nêu trước đó, không phải chịu thuế thu nhập thông thường hay thuế bổ sung 10%. Việc rút tiền đóng góp thặng dư nhất định sau ngày đến hạn của tờ khai thuế cũng được miễn thuế và do đó không phải chịu thuế bổ sung 10%. (Xem mục [Rút tiền đóng góp thặng dư sau ngày đến hạn khai thuế](#), trước đó.) Quy định này cũng áp dụng cho [chuyển đổi tài sản sang ly hôn](#), như đã nêu ở phần trước.

Phân phối cho quyền thụ lý. Phân phối sớm (được hoặc không được quý vị đồng ý) từ cơ quan tiết kiệm được quyền thụ lý phải chịu thuế này trừ khi áp dụng một trong những ngoại lệ liệt kê ở trên. Điều này đúng ngay cả khi việc phân phối từ quyền thụ lý là cơ quan nhà nước.

Thuế bổ sung 10%. Thuế bổ sung trên phân phối sớm là 10% số tiền phân phối sớm mà quý vị phải tính vào tổng thu nhập của mình. Thuế này bổ sung vào thuế thu nhập thông thường phát sinh do tính phân phối vào thu nhập.

Khoản đóng góp không được khấu trừ. Thuế đánh trên phân phối sớm không áp dụng cho phần

phân phối được coi như phần hoàn lại của các khoản đóng góp không khấu trừ của quý vị (giá gốc).

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về phân phối sớm, xem *What Acts Result in Penalties or Additional Taxes? (Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B.

Tích Lũy Quá Mức (Phân Phối Không Đủ)

Quý vị không thể giữ tiền vô thời hạn trong IRA truyền thống. Thông thường, quý vị phải nhận phân phối không muộn hơn ngày 1 tháng 4 của năm sau năm quý vị 72 tuổi. Phân phối tối thiểu bắt buộc cho năm bất kỳ sau năm quý vị 72 tuổi phải được thực hiện không muộn hơn ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Thuế trên thặng dư. Nếu phân phối dưới mức phân phối tối thiểu bắt buộc cho năm, quý vị có thể phải trả 50% thuế gián thu cho năm đó trên số tiền không được phân phối theo yêu cầu.

Yêu cầu miễn thuế. Nếu tích lũy quá mức do lỗi hợp lý và quý vị đã hoặc đang thực hiện các bước để khắc phục việc phân phối còn thiếu, quý vị có thể yêu cầu miễn thuế. Nếu quý vị cho rằng mình đủ điều kiện để được miễn thuế, vui lòng đính kèm một bản tường trình và hoàn thành Mẫu 5329 như hướng dẫn trong mục *Miễn thuế vì lý do thích đáng* trong phần Hướng Dẫn cho Mẫu 5329.

Miễn thuế. Nếu quý vị không thể thực hiện được phân phối bắt buộc đã đầu tư IRA truyền thống vào hợp đồng được phát hành bởi một công ty bảo hiểm phát hành đang tiến hành tố tụng vi phạm pháp luật của nhà bảo hiểm cấp tiểu bang, thì không áp dụng % thuế gián thu 50% nếu đáp ứng được các điều kiện và yêu cầu của Quá Trình Thu Thuế 92-10.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về tích lũy quá mức, tham khảo phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B.

Khai Báo Thuế Bổ Sung

Thông thường, quý vị phải sử dụng Mẫu 5329 để báo cáo về tiền đóng góp thặng dư tích, thuế về lãi quá mức, phân phối sớm và tích lũy quá mức.

Nộp tờ khai thuế. Nếu quý vị phải nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân, hãy hoàn thành Mẫu 5329 và đính kèm với Mẫu 1040 hoặc 1040-SR của mình. Nhập tổng số thuế bổ sung đến hạn vào Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 8.

Không nộp tờ khai thuế. Nếu quý vị không phải nộp tờ khai thuế nhưng phải trả một trong những khoản thuế bổ sung được nêu trên, hãy nộp Mẫu 5329 đã điền hoàn chỉnh cùng với IRS vào thời điểm và địa điểm mà quý vị sẽ khai Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Hãy đảm bảo ghi địa chỉ của quý vị ở trang 1 và ký tên và ghi ngày tháng ở trang 2. Gửi kèm, nhưng không đính kèm, chi phiếu hoặc lệnh phiếu phải trả cho “Kho Bạc Hoa Kỳ” cho khoản thuế quý vị nợ, như được thể hiện trên Mẫu 5329. Nhập số an sinh xã hội của quý vị và “Mẫu 5329 năm 2022” trên séc hoặc lệnh phiếu.

Mẫu 5329 không bắt buộc. Quý vị không phải sử dụng Mẫu 5329 trong bất kỳ trường hợp nào sau đây.

- Mã phân phối 1 (phân phối sớm) được thể hiện đúng trong ô 7 của tất cả các Mẫu 1099-R của quý vị. Nếu quý vị không nợ bất kỳ khoản thuế

bổ sung nào trên phân phối, nhân phần phân phối sớm phải chịu thuế với 10% (0,10) và điền kết quả vào Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 6. Nhập “No (Không)” vào bên trái dòng để thể hiện quý vị không phải khai Mẫu 5329. Tuy nhiên, nếu quý vị nợ thuế này và cũng nợ thuế bổ sung trên phân phối, không trực tiếp điền thuế bổ sung 10% này vào Mẫu 1040 hay 1040-SR. Quý vị phải khai Mẫu 5329 để báo cáo thuế bổ sung của mình.

- Nếu quý vị chuyển một phần hoặc toàn bộ phân phối từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện, phân chuyển tiếp không phải chịu thuế trên phân phối sớm.
- Nếu quý vị có một khoản phân phối đủ điều kiện do thiên tai.

IRA Roth

Dù quý vị bao nhiêu tuổi, quý vị có thể thiết lập và thực hiện đóng góp không khấu trừ cho một chương trình hưu trí được gọi là IRA Roth.

Đóng góp không được khai báo. Quý vị không khai báo đóng góp IRA Roth trên tờ khai thuế của mình.

IRA Roth là gì?

IRA Roth là một kế hoạch hưu trí cá nhân mà, ngoài được giải thích trong chương này, còn tuân theo các quy định áp dụng cho một [IRA truyền thống](#) (được định nghĩa ở trên). Đây có thể là một tài khoản hoặc một niên kim. Tài khoản hưu trí cá nhân và niên kim được mô tả ở phần *How Can a Traditional IRA Be Opened? (Làm Thế Nào Để Mở IRA Truyền Thống?)* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-A.

Để trở thành một IRA Roth, tài khoản hoặc niên kim phải được chỉ định là IRA Roth khi được mở. Một IRA mô phỏng có thể được coi là IRA Roth, nhưng cả SEP IRA và SIMPLE IRA đều không thể được chỉ định là IRA Roth.

Không giống như IRA truyền thống, quý vị không thể khấu trừ đóng góp vào IRA Roth. Nhưng nếu đáp ứng các yêu cầu, [phân phối đủ điều kiện](#) (được nêu dưới đây) được miễn thuế. Quý vị có thể để các khoản tiền trong IRA Roth của mình suốt đời.

Khi Nào Có Thể Mở Một IRA Roth?

Quý vị có thể mở IRA Roth bất kỳ thời điểm nào. Tuy nhiên, thời gian đóng góp cho từng năm là có giới hạn. Xem [Khi Nào Quý Vị Có Thể Thực Hiện Đóng Góp](#), dưới đây, trong phần [Quý Vị Có Thể Đóng Góp cho IRA Roth Không?](#) tiếp theo.

Quý Vị Có Thể Đóng Góp cho IRA Roth Không?

Thông thường, quý vị có thể đóng góp vào IRA Roth nếu có [thủ lao chịu thuế](#) (được định nghĩa dưới đây) và [AGI đã sửa đổi của quý vị](#) (được định nghĩa dưới đây) dưới:

- \$214.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện;
- \$144.000 cho người độc thân, chủ gia đình hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã không sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm; hoặc

- \$10.000 đối với vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm.



Quý vị có thể đủ điều kiện để yêu cầu một khoản tín dụng cho khoản đóng góp vào IRA Roth. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem chương 3 của Ấn Phẩm 590-A.

Đóng góp có giới hạn tuổi không? Quý vị có thể thực hiện đóng góp cho IRA Roth ở mọi độ tuổi.

Quý vị có thể đóng góp cho IRA Roth cho vợ/chồng mình không? Quý vị có thể đóng góp vào

IRA Roth cho vợ/chồng mình miễn là đóng góp đáp ứng giới hạn của IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison (được nêu trong phần [Có Thể Đóng Góp Bao Nhiêu](#), đề cập trước đó trong phần [IRA Truyền Thống](#)), vợ chồng quý vị khai chung hồ sơ thuế, và AGI đã sửa đổi ít hơn \$214.000.

Tiền thù lao. Tiền thù lao bao gồm tiền công, tiền lương, tiền boa, phí chuyên môn, tiền thưởng và các khoản khác nhận được khi cung cấp dịch vụ cá nhân. Tiền thù lao cũng bao gồm hoa hồng, thu nhập tự doanh, lương chiến đấu không chịu thuế, tiền trả chênh lệch quân đội, và tiền cấp dưỡng sau khi ly dị

chịu thuế và các khoản thanh toán cấp dưỡng sau khi ly thân.

Xem [Thù lao là gì](#) để biết thêm thông tin.

AGI đã sửa đổi. AGI đã sửa đổi của quý vị cho mục đích IRA Roth là AGI của quý vị như thể hiện trong tờ khai thuế với một số điều chỉnh. Sử dụng [Bảng Tính 9-2](#) dưới đây để xác định AGI đã sửa đổi của quý vị.

Bảng Tính 9-2. AGI đã sửa đổi cho mục đích IRA Roth

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị

Sử dụng bảng tính này để tính tổng thu nhập được điều chỉnh theo luật thuế mới của quý vị cho mục đích IRA Roth.

1.	Nhập AGI của quý vị từ Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 11	1.	_____
2.	Nhập các khoản thu nhập có được từ việc chuyển đổi IRA (không phải IRA Roth) sang IRA Roth (có trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 4b) và chuyển từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA Roth (có trong Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 5b)	2.	_____
3.	Lấy dòng 1 trừ dòng 2	3.	_____
4.	Nhập bất kỳ khoản khấu trừ IRA truyền thống nào vào Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 20	4.	_____
5.	Nhập tất cả khoản khấu trừ lãi vay sinh viên từ Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 21	5.	_____
6.	Nhập tất cả khoản thu nhập kiếm được từ nước ngoài và/hoặc chi phí về nhà cửa ở nước ngoài bị loại trừ từ Mẫu 2555, dòng 45	6.	_____
7.	Nhập tất cả các khoản khấu trừ chi phí về nhà cửa ở nước ngoài từ Mẫu 2555, dòng 50	7.	_____
8.	Nhập các khoản lãi suất trái phiếu tiết kiệm được loại trừ từ Mẫu 8815, dòng 14	8.	_____
9.	Nhập tất cả quyền lợi do nhận con nuôi mà chủ lao động cung cấp bị loại trừ từ Mẫu 8839, dòng 28	9.	_____
10.	Cộng số liệu các dòng từ 3 đến 9	10.	_____
11.	Nhập: <ul style="list-style-type: none"> • \$214.000 nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện, • \$10.000 đối với vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm, hoặc • \$144.000 cho tất cả các trường hợp khác. 	11.	_____

Số liệu ở dòng 10 có lớn hơn ở dòng 11 không?
Nếu có, hãy tham khảo **Ghi chú** dưới đây.
Nếu không, thì số liệu ở dòng 10 là **AGI đã sửa đổi** của quý vị cho mục đích IRA Roth.

Ghi chú. Nếu số liệu ở dòng 10 lớn hơn dòng 11 và quý vị có các mục thu nhập hoặc lỗ khác, như thu nhập an sinh xã hội hay lỗ hoạt động thụ động, đó là thuế bãi miễn tính theo AGI, quý vị có thể tính toán lại AGI chỉ cho mục đích tính toán AGI đã sửa đổi cho mục đích IRA Roth. (Nếu quý vị nhận trợ cấp an sinh xã hội, hãy sử dụng Bảng Tính 1 trong *Phụ Lục B* của Ấn Phẩm 590-A để tính AGI của quý vị.) Sau đó đến dòng 3 ở trên Bảng Tính 9-2 để tính toán lại AGI đã sửa đổi của quý vị. Nếu quý vị không có mục thu nhập hay lỗ khác chịu thuế bãi miễn tính theo AGI, AGI đã sửa đổi của quý vị cho mục đích IRA Roth là số liệu ở dòng 10.

Có Thể Đóng Góp Bao Nhiêu?

Giới hạn đóng góp cho IRA Roth thường phụ thuộc vào việc các khoản đóng góp chỉ được thực hiện cho IRA Roth hay cho cả IRA truyền thống và IRA Roth.

Chỉ IRA Roth. Nếu các khoản đóng góp chỉ được thực hiện cho IRA Roth, thông thường giới hạn đóng góp của quý vị sẽ nhỏ hơn trong các số tiền sau.

- \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2022).
- Tiền thù lao chịu thuế của quý vị.

Tuy nhiên, nếu AGI đã sửa đổi của quý vị ở trên một mức nhất định, giới hạn đóng góp có thể được giảm, như được nêu dưới đây trong phần [Giới hạn đóng góp được giảm](#).

IRA Roth và IRA truyền thống. Nếu đóng góp được thực hiện cho cả IRA Roth và IRA truyền thống thiết lập cho quyền lợi của quý vị, giới hạn đóng góp của quý vị cho IRA Roth thường tương đương với giới hạn đóng góp khi chỉ thực hiện cho IRA Roth, nhưng sau đó được giảm tất cả các khoản đóng góp trong năm cho tất cả các IRA khác ngoài IRA Roth. Đóng góp của chủ lao động trong chương trình SEP hoặc SIMPLE IRA không ảnh hưởng đến giới hạn này.

Tức là giới hạn đóng góp của quý vị thường là khoản nhỏ hơn trong các khoản dưới đây.

- \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2022) trừ đi tất cả các khoản đóng góp (ngoài đóng góp của chủ lao động theo

chương trình SEP hoặc SIMPLE IRA) trong năm cho tất cả IRA ngoài IRA Roth.

- Tiền thù lao chịu thuế của quý vị trừ đi tất cả các khoản đóng góp (ngoài đóng góp của chủ lao động theo chương trình SEP hoặc SIMPLE IRA) trong năm cho tất cả IRA ngoài IRA Roth.

Tuy nhiên, nếu AGI đã sửa đổi lớn hơn một mức nhất định, giới hạn đóng góp của quý vị có thể được giảm, như được giải thích dưới đây trong phần [Giới hạn đóng góp được giảm](#).

Giới hạn đóng góp bị giảm. Nếu AGI đã sửa đổi lớn hơn một mức nhất định, giới hạn đóng góp của quý vị sẽ giảm dần. Sử dụng [Bảng 9-3](#) để xác định giới hạn áp dụng với quý vị.

Bảng 9-3. Ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi đối với Đóng Góp IRA Roth

Bảng này thể hiện đóng góp của quý vị vào IRA Roth có bị ảnh hưởng bởi AGI đã sửa đổi của quý vị không.

NẾU quý vị có tiền thù lao chịu thuế và tình trạng khai thuế của quý vị là...	VÀ AGI đã sửa đổi của quý vị là...	THÌ...
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	ít hơn \$204.000	quý vị có thể đóng góp tối đa \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2022).
	ít nhất \$204.000 nhưng dưới \$214.000	số tiền quý vị có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Giới hạn đóng góp được giảm</i> trong chương 2 của Ấn Phẩm 590-A.
	\$214.000 trở lên	quý vị không thể đóng góp cho IRA Roth.
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm	không (-0)	quý vị có thể đóng góp tối đa \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2022).
	lớn hơn không (-0) nhưng nhỏ hơn \$10.000	số tiền quý vị có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Giới hạn đóng góp được giảm</i> trong chương 2 của Ấn Phẩm 590-A.
	\$10.000 trở lên	quý vị không thể đóng góp cho IRA Roth.
Độc thân, Chủ gia đình, hoặc Vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế và quý vị đã không sống cùng vợ/chồng của quý vị tại bất kỳ thời điểm nào trong năm	ít hơn \$129.000	quý vị có thể đóng góp tối đa \$6.000 (\$7.000 nếu quý vị 50 tuổi trở lên vào năm 2022).
	ít nhất \$129.000 nhưng dưới \$144.000	số tiền quý vị có thể đóng góp được giảm như được nêu trong phần <i>Contribution limit reduced (Giới hạn đóng góp được giảm)</i> trong chương 2 của Ấn Phẩm 590-A.
	\$144.000 trở lên	quý vị không thể đóng góp cho IRA Roth.

Tính toán mức giảm. Nếu khoản tiền quý vị đóng góp cho IRA Roth của mình được giảm, hãy tham khảo Bảng Tính 2-2 thuộc phần *Quý Vị Có Thể Đóng Góp cho IRA Roth Không?* trong chương 2 của Ấn Phẩm 590-A để xem cách tính toán mức giảm.

Khi Nào Quý Vị Có Thể Thực Hiện Đóng Góp?

Quý vị có thể đóng góp cho IRA Roth trong một năm vào bất kỳ thời điểm nào trong năm hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế cho năm đó (không tính gia hạn).

TIP Quý vị có thể đóng góp cho năm 2022 không muộn hơn ngày đến hạn (không tính gia hạn) khai thuế 2022.

Nếu Quý Vị Đóng Góp Quá Nhiều Thì Sao?

Thuế gián thu 6% áp dụng cho số tiền đóng góp thặng dư cho IRA Roth.

Số tiền đóng góp thặng dư. Đây là những khoản đóng góp cho IRA Roth của quý vị trong một năm bằng với tổng của:

- Các khoản đóng góp cho năm chịu thuế vào IRA Roth của quý vị (ngoài số tiền [đã chuyển hợp lý và đúng hạn từ một IRA Roth](#) hoặc [quy đổi hợp lý từ một IRA truyền thống](#) hoặc [chuyển tiếp từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện](#), như được nêu ở phần sau) mà lớn hơn giới hạn đóng góp cho năm đó; cộng với
- Mọi số tiền đóng góp thặng dư cho năm trước, trừ đi tổng của:
 - Các khoản đóng góp ngoài IRA Roth của quý vị trong năm đó, cộng

- Giới hạn đóng góp của quý vị cho năm đó trừ đi đóng góp cho tất cả IRA của quý vị trong năm.

Rút tiền đóng góp thặng dư. Với mục đích xác định tiền đóng góp thặng dư, các khoản đóng góp được rút ra vào hoặc trước ngày đến hạn (tính cả gia hạn) để khai thuế cho năm được coi như khoản tiền không được đóng góp. Chỉ áp dụng như vậy nếu rút đồng thời các khoản thu nhập kiếm được trên các khoản đóng góp. Các khoản thu nhập được coi là kiếm được và nhận được trong năm có số tiền đóng góp thặng dư.

Áp dụng số tiền đóng góp thặng dư. Nếu khoản đóng góp cho IRA của quý vị trong một năm lớn hơn giới hạn, quý vị có thể áp dụng số tiền đóng góp thặng dư trong một năm cho năm sau đó nếu khoản đóng góp cho năm sau đó thấp hơn giới hạn tối đa cho phép trong năm đó.

Quý Có Thể Chuyển Tiền Vào Một IRA Roth Không?

Quý vị có thể chuyển đổi các khoản tiền từ một IRA truyền thống, SEP, hoặc SIMPLE IRA sang IRA Roth. Quý vị có thể chuyển tiếp các khoản tiền từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện sang IRA Roth. Quý vị có thể tái xác định các khoản phân phối cho một IRA như phân phối trực tiếp cho một IRA khác. Quý vị có thể chuyển các khoản tiền từ tài Roth được chỉ định hoặc từ IRA Roth này sang IRA Roth khác.

Chuyển đổi

Quý vị có thể chuyển đổi một IRA truyền thống sang IRA Roth. Việc chuyển đổi được coi như chuyển tiếp, dù sử dụng phương pháp chuyển đổi nào. Hầu hết các quy định chuyển tiếp được nêu cụ thể trước đó trong mục [Chuyển Từ IRA Đây Sang IRA Khác](#) thuộc phần *IRA Truyền Thống*, đều áp dụng cho chuyển tiếp. Tuy nhiên, không áp dụng khoảng thời gian đợi 1 năm.

Phương pháp chuyển đổi. Quý vị có thể chuyển đổi khoản tiền từ một IRA truyền thống sang IRA Roth bằng một trong những cách dưới đây.

- Chuyển tiếp.** Quý vị có thể nhận một khoản phân phối từ IRA truyền thống và chuyển khoản đó (đóng góp) qua IRA Roth trong vòng 60 ngày sau khi phân phối.
- Chuyển từ người được ủy thác tới người được ủy thác.** Quý vị có thể hướng dẫn người được ủy thác của IRA truyền thống chuyển khoản tiền từ IRA truyền thống cho người được ủy thác của IRA Roth.
- Chuyển cùng người ủy thác.** Nếu người được ủy thác của IRA truyền thống cũng duy trì IRA Roth, quý vị có thể hướng dẫn người được ủy thác chuyển một khoản tiền từ IRA truyền thống sang IRA Roth.

Cùng người được ủy thác. Có thể thực hiện chuyển đổi với cùng một người được ủy bằng cách thiết kế lại IRA truyền thống thành IRA Roth, thay vì mở tài khoản mới hoặc phát hành hợp đồng mới.

Chuyển từ chương trình nghỉ hưu đủ điều kiện qua IRA Roth. Quý vị có thể chuyển tiếp IRA Roth tất cả hoặc một phần của phân phối chuyển tiếp đủ điều kiện mà quý vị nhận được từ (hoặc vợ/chồng quá cố của quý vị):

- Chương trình hưu bổng, lợi nhuận chia sẻ, hoặc thưởng cổ phiếu của chủ lao động;
- Chương trình niên kim;
- Chương trình niên kim được hoãn thuế (chương trình theo đoạn 403(b)); hoặc
- Chương trình lương được trì hoãn của chính phủ (chương trình theo đoạn 457).

Các khoản tiền được chuyển tiếp tuân theo các quy định tương tự như khi chuyển đổi từ IRA truyền thống sang IRA Roth. Đồng thời, khoản đóng góp chuyển tiếp phải đáp ứng các yêu cầu chuyển tiếp áp dụng cho từng loại kế hoạch hưu trí cụ thể.

Thu nhập. Quý vị phải tính vào tổng thu nhập các khoản phân phối từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện mà quý vị phải tính vào thu nhập nếu không chuyển tiếp IRA Roth. Quý vị không tính vào tổng thu nhập phần nào của phân phối từ một kế hoạch hưu trí đủ điều kiện là khoản hoàn lại vốn giá gốc (đóng góp sau thuế) cho chương trình quý vị đã chịu thuế khi được thanh toán. Những khoản tiền này thường được tính vào thu nhập trong tờ khai thuế của quý vị cho năm chuyển từ chương trình của chủ lao động đủ điều kiện qua IRA Roth.



Nếu phải tính vào tổng thu nhập khoản tiền bất kỳ, quý vị có thể phải tăng khấu trừ và thực hiện thanh toán thuế ước tính. Xem Ấn Phẩm 505, Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính.

Để biết thêm thông tin, xem phần *Chuyển Đổi Từ Chương Trình của Chủ Lao Động Sang IRA Roth* trong chương 2 của Ấn Phẩm 590-A.

Chuyển đổi từ SIMPLE IRA. Thông thường, quý vị có thể chuyển đổi một khoản tiền trong SIMPLE IRA của mình sang một IRA Roth áp dụng các quy định tương tự được nêu cụ thể trước đó trong mục *Chuyển Đổi Từ IRA Truyền Thống sang IRA Roth* thuộc phần *IRA Truyền Thống*.

Tuy nhiên, quý vị không thể chuyển đổi khoản tiền phân phối từ SIMPLE IRA trong khoảng thời gian 2 năm bắt đầu từ ngày quý vị lần đầu tham gia chương trình SIMPLE IRA do chủ lao động duy trì.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về chuyển đổi, xem *Can You Move Amounts Into a IRA Roth?* (*Quý Có Thể Chuyển Tiền Vào Một IRA Roth Không?*) của chương 2 của Ấn Phẩm 590-A.

Chuyển từ IRA Roth

Quý vị có thể rút tiền, miễn thuế, toàn bộ hoặc một phần những tài sản này từ một IRA Roth nếu quý vị đóng góp các khoản này trong vòng 60 ngày vào một IRA Roth khác. Hầu hết các quy định chuyển tiếp đã được nêu cụ thể trước đó trong mục *Chuyển Từ IRA Đây Sang IRA Khác* thuộc phần *IRA Truyền Thống*, áp dụng cho các khoản chuyển tiếp này.

Chuyển từ tài khoản Roth được chỉ định. Chỉ có thể thực hiện chuyển tiếp tài khoản Roth được chỉ định sang tài khoản Roth được chỉ định khác

hoặc tới IRA Roth. Để tìm hiểu thêm thông tin về tài khoản Roth được chỉ định, tham khảo *các tài khoản Roth Được Chỉ Định* ở phần *Chuyển tiếp* trong Ấn Phẩm 575.

Các Khoản Phân Phối Có Chịu Thuế Không?

Quý vị không tính vào tổng thu nhập của mình các khoản phân phối đủ điều kiện hoặc phân phối là các khoản đóng góp thông thường hoàn lại từ (các) IRA Roth. Quý vị cũng không tính các khoản phân phối từ IRA Roth mà quý vị chuyển miễn thuế sang IRA Roth khác. Quý vị có thể phải tính một phần phân phối vào thu nhập của mình. Xem mục *Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối*, dưới đây.

Thế nào là phân phối đủ điều kiện? Phân phối đủ điều kiện là bất kỳ khoản thanh toán hoặc phân phối nào từ IRA Roth của quý vị đáp ứng các yêu cầu sau.

1. Phân phối được thực hiện sau khoảng thời gian 5 năm bắt đầu từ năm chịu thuế đầu tiên thực hiện khoản đóng góp cho IRA Roth được thiết lập vì lợi ích của quý vị.
2. Khoản thanh toán hoặc phân phối:
 - a. Được thực hiện vào hoặc sau ngày quý vị đủ 59 tuổi^{1/2},
 - b. Được thực hiện do quý vị là người tàn tật,
 - c. Được thực hiện cho người thụ hưởng hoặc tài sản của quý vị sau khi quý vị qua đời, hoặc
 - d. Để trả tối đa \$10.000 (giới hạn trọn đời) số tiền tín thuế cho người mua nhà lần đầu đủ điều kiện nhất định. Xem mục *Mua nhà lần đầu* thuộc phần *Hành Vi Nào Làm Phát Sinh Tiền Phạt hoặc Thuế Bổ Sung?* trong chương 1 của Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Thuế bổ sung trên khoản phân phối chuyển đổi và phân phối chuyển tiếp nhất định trong khoảng thời gian 5 năm. Nếu, trong khoảng thời gian 5 năm bắt đầu từ ngày đầu tiên của năm chịu

thuế mà quý vị chuyển đổi một số tiền từ IRA truyền thống hoặc chuyển một số tiền từ kế hoạch hưu trí đủ điều kiện qua IRA Roth, quý vị sẽ nhận được phân phối từ IRA Roth, quý vị có thể phải trả thêm 10% thuế bổ sung cho các khoản phân phối sớm. Thông thường, quý vị phải trả thuế bổ sung 10% trên các khoản được quy cho một phần của số tiền được chuyển đổi hoặc chuyển sang (khoản đóng góp chuyển đổi hoặc chuyển tiếp) mà quý vị phải tính vào thu nhập. Khoảng thời gian 5 năm riêng biệt áp dụng cho mỗi lần chuyển đổi và chuyển tiếp. Xem mục *Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối*, dưới đây, để xác định khoản tiền phân phối, nếu có, được quy cho phần đóng góp chuyển đổi hoặc chuyển tiếp mà quý vị phải tính vào thu nhập.

Thuế bổ sung trên các khoản phân phối sớm khác. Trừ khi có ngoại lệ, quý vị phải trả thêm 10% thuế bổ sung cho phần phân phối chịu thuế không phải là khoản phân phối đủ điều kiện. Xem Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Quy định sắp xếp dành cho các khoản phân phối. Nếu phân phối từ IRA Roth quý vị nhận không phải là phân phối đủ điều kiện, một phần phân phối có thể bị đánh thuế. Có một thứ tự nhất định để xem xét các khoản đóng góp (bao gồm các khoản đóng góp chuyển đổi và chuyển tiếp từ các kế hoạch hưu trí đủ điều kiện) và thu nhập là phân phối từ IRA Roth của quý vị. Các khoản đóng góp thường xuyên được phân phối trước. Xem mục *Quy Định Sắp Xếp dành cho Các Khoản Phân Phối* thuộc phần *Phân Phối Có Chịu Thuế Không?* trong chương 2 của Ấn Phẩm 590-B để tìm hiểu thêm thông tin.

Quý vị phải rút tiền hay sử dụng tài sản IRA Roth? Quý vị không bắt buộc phải nhận phân phối từ IRA Roth của mình ở bất kỳ tuổi nào. Các quy định phân phối tối thiểu áp dụng cho IRA truyền thống không áp dụng cho IRA Roth khi chủ sở hữu còn sống. Tuy nhiên, sau khi chủ sở hữu IRA Roth qua đời, các quy định phân phối tối thiểu nhất định áp dụng cho IRA truyền thống cũng áp dụng cho IRA Roth.

Thông tin bổ sung. Để biết thêm thông tin về IRA Roth, tham khảo chương 2 của Ấn Phẩm 590-A và Ấn Phẩm 590-B.

Phần Ba.

Khấu Trừ Tiêu Chuẩn, Khấu Trừ Từng Khoản và Các Khoản Khấu Trừ Khác

Sau khi quý vị tính được tổng thu nhập đã điều chỉnh của mình, quý vị đã sẵn sàng trừ đi các khoản khấu trừ được sử dụng để tính thu nhập chịu thuế. Quý vị có thể trừ đi mức khấu trừ tiêu chuẩn hoặc khấu trừ từng khoản, và cả tiền khấu trừ thu nhập kinh doanh đủ tiêu chuẩn nếu quý vị đủ tiêu chuẩn. Khấu trừ từng khoản là các khoản khấu trừ cho một số chi phí nhất định được liệt kê trên Bảng A (Mẫu 1040). Ba chương trong phần này trình bày về khoản khấu trừ tiêu chuẩn và một số khoản khấu trừ từng khoản. Xem [chương 10](#) để biết các yếu tố cần cân nhắc khi quyết định nên áp dụng mức giảm thuế tiêu chuẩn hay khấu trừ từng khoản.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- [Bảng 1, Thu Nhập Bổ Sung và Điều Chỉnh Thu Nhập](#);
- [Bảng 2 \(Phần II\), Các Loại Thuế Khác](#); và
- [Bảng 3 \(Phần I\), Tín Thuế Không Hoàn Lại](#).

10.

Khấu Trừ Tiêu Chuẩn

Quy Định Mới

Khấu trừ tiêu chuẩn đã tăng lên. Khoản khấu trừ tiêu chuẩn cho những người đóng thuế không ghi lại từng khoản khấu trừ của họ trong Bảng A (Mẫu 1040) đã tăng lên. Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị phụ thuộc vào tình trạng khai thuế của quý vị và các yếu tố khác. Sử dụng [Bảng Khấu Trừ Tiêu Chuẩn 2022](#) ở gần cuối chương này để tính khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về các chủ đề sau.

- Cách tính số tiền khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị.
- Khấu trừ tiêu chuẩn cho người phụ thuộc.
- Ai nên khấu trừ từng khoản.

Hầu hết người đóng thuế có thể chọn khấu trừ tiêu chuẩn hoặc khấu trừ từng khoản. Nếu quý vị có quyền lựa chọn, quý vị có thể sử dụng phương pháp giúp quý vị giảm bớt tiền thuế.

Khấu trừ tiêu chuẩn là số tiền làm giảm thu nhập chịu thuế của quý vị. Đây là lợi ích giúp nhiều người đóng thuế không phải kê chi tiết các khoản khấu trừ thực tế, chẳng hạn như chi phí y tế, đóng góp từ thiện và thuế, trên Bảng A (Mẫu 1040). Khấu trừ tiêu chuẩn sẽ cao hơn đối với người đóng thuế là người:

- Từ 65 tuổi trở lên, hoặc
- Bị mù.



Quý vị được hưởng lợi từ khấu trừ tiêu chuẩn nếu khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị lớn hơn tổng các mức khấu trừ từng khoản được phép của quý vị.

Những người không đủ điều kiện để được khấu trừ tiêu chuẩn. Khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị bằng 0 và quý vị nên khấu trừ từng khoản mà quý vị có nếu:

- Tình trạng khai thuế là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế, và vợ/chồng của quý vị cũng liệt kê từng khoản khấu trừ đối với thu nhập của họ;
- Quý vị đang khai thuế cho một năm thuế ngắn do có sự thay đổi trong chu kỳ kế toán hàng năm của quý vị; hoặc
- Quý vị là người nước ngoài tạm trú hoặc người nước ngoài có tình trạng kép trong năm. Quý vị được coi là người nước ngoài có tình trạng kép nếu quý vị vừa là người nước ngoài tạm trú vừa là người nước ngoài thường trú trong năm.

Nếu quý vị là người nước ngoài tạm trú lập gia đình với công dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú vào cuối năm, quý vị có thể chọn được đối xử như một công dân Hoa Kỳ. (Xem [Ấn Phẩm 519](#).) Nếu quý vị thực hiện lựa chọn, quý vị có thể dùng khấu trừ tiêu chuẩn.



Nếu quý vị có thể được coi là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác (ví dụ trên tờ khai thuế của cha mẹ), khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị có thể bị giới hạn. Xem [Khấu Trừ Tiêu Chuẩn Cho Người Phụ Thuộc](#) ở phần sau.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 501** Người Phụ Thuộc, Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn và Thông Tin Khai Thuế
- 502** Chi Phí Y Tế và Nha Khoa
- 526** Đóng Góp Từ Thiện
- 530** Thông Tin Thuế cho Chủ Nhà
- 547** Thiệt Hại, Thiên Tai, và Trộm Cắp

- 550** Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư
- 970** Lợi Ích Thuế cho Giáo Dục
- 936** Khấu Trừ Tiền Lãi từ Khoản Vay Mua Nhà

Mẫu (và Hướng dẫn)

- Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu Trừ Từng Khoản

Số Tiền Khấu Trừ Tiêu Chuẩn

Số tiền khấu trừ tiêu chuẩn phụ thuộc vào tình trạng khai thuế của quý vị, quý vị có phải người từ 65 tuổi trở lên hay bị mù, và liệu người đóng thuế khác có thể khai quý vị là người phụ thuộc hay không. Nói chung, khấu trừ tiêu chuẩn được điều chỉnh mỗi năm theo lạm phát. Khấu trừ tiêu chuẩn cho hầu hết mọi người được trình bày trong [Bảng 10-1](#).

Tờ khai cuối cùng của người quá cố. Khấu trừ tiêu chuẩn cho tờ khai thuế cuối cùng của người quá cố tương tự như mức khấu trừ nếu người đã mất tiếp tục sống. Tuy nhiên, nếu người quá cố không đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời, thì không thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn.

Khấu Trừ Tiêu Chuẩn Cao Hơn Cho Tuổi (65 Trở Lên)

Nếu quý vị từ 65 tuổi trở lên vào ngày cuối cùng của năm và không khấu trừ từng khoản, quý vị được hưởng khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn. Quý vị được coi là 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của quý vị. Do đó, quý vị có thể nhận khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho năm 2022 nếu quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958.

Sử dụng [Bảng 10-2](#) để tính khấu trừ tiêu chuẩn.

Người đóng thuế đã mất. Nếu quý vị đang chuẩn bị tờ khai thuế cho một người đã qua đời vào năm 2022, hãy đọc phần này trước khi sử dụng [Bảng 10-2](#) hoặc [Bảng 10-3](#). Chỉ xem xét người đóng thuế đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2022 nếu qua đời khi đã 65 tuổi hoặc cao hơn. Ngay cả khi người đóng thuế sinh trước ngày 2 tháng 1 năm 1958, người đó

không được coi là đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2022 trừ khi người đó đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời.

Một người được xem là đủ 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của người đó.

Khấu Trừ Tiêu Chuẩn Cao Hơn Cho Người Mù

Nếu quý vị bị mù vào ngày cuối cùng của năm và quý vị không khấu trừ từng khoản, quý vị sẽ được hưởng một khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn.

Không bị mù hoàn toàn. Nếu quý vị không bị mù hoàn toàn, quý vị phải có chứng nhận từ bác sĩ nhãn khoa (bác sĩ nhãn khoa hoặc chuyên viên đo thị lực) là:

- Quý vị không thể nhìn được 20/200 ở mắt tốt hơn khi đeo kính hoặc kính áp tròng, hoặc
- Thị trường của quý vị là từ 20 độ trở xuống.

Nếu điều kiện mắt của quý vị không thể cải thiện vượt quá những giới hạn này, giấy chứng nhận cần nêu thông tin này. Để giấy chứng nhận đó trong hồ sơ của quý vị.

Nếu thị lực của quý vị chỉ có thể điều chỉnh được vượt quá những giới hạn này bằng kính áp tròng mà quý vị chỉ có thể đeo trong thời gian ngắn vì đau, nhiễm trùng hoặc viêm nhiễm, quý vị có thể nhận được khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn dành cho người mù nếu quý vị đủ điều kiện.

Vợ/chồng 65 Tuổi Trở Lên hoặc Bị Mù

Quý vị có thể nhận được khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn nếu vợ/chồng của quý vị 65 tuổi trở lên hoặc bị mù và:

- Quý vị nộp tờ khai thuế chung, hoặc
- Quý vị khai thuế riêng và vợ/chồng của quý vị không có tổng thu nhập và không thể được tuyên bố là người phụ thuộc bởi một người đồng thuế khác.

Vợ/chồng qua đời. Nếu vợ/chồng của quý vị đã qua đời năm 2022 trước khi đủ 65 tuổi, quý vị có thể nhận khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn nhờ vợ/chồng của quý vị. Ngay cả khi vợ/chồng của quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958, người đó không được coi là từ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2022 trừ khi người đó đủ 65 tuổi trở lên vào thời điểm qua đời.

Một người được xem là đủ 65 tuổi vào ngày trước sinh nhật lần thứ 65 của người đó.

Ví dụ: Vợ/chồng của quý vị sinh ngày 14 tháng 02 năm 1958, và mất ngày 13 tháng 02 năm 2022. Vợ/chồng của quý vị được xem là đủ 65 tuổi vào thời điểm qua đời. Tuy nhiên, nếu vợ/chồng của quý vị mất ngày 12 tháng 02 năm 2022, vợ/chồng của quý vị không được xem là đủ 65 tuổi vào thời điểm qua đời và không đủ 65 tuổi trở lên vào cuối năm 2022.



Quý vị không thể yêu cầu khấu trừ tiêu chuẩn cao hơn cho một cá nhân không khác không phải quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị.

Khấu Trừ Tiêu Chuẩn Cao Hơn cho Thiệt Hại Ròng Vi Thiên Tai

Khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị có thể tăng lên khi có bất kỳ thiệt hại ròng vi phạm điều kiện nào.

Xem hướng dẫn cho Mẫu 1040, và Hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040) để biết thêm thông tin về cách tính khấu trừ tiêu chuẩn tăng lên và cách báo cáo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Ví dụ

Các ví dụ sau minh họa cách xác định khấu trừ tiêu chuẩn sử dụng [Bảng 10-1](#) và [10-2](#).

Ví dụ 1. L, 46 tuổi, và D, 33 tuổi, đang khai thuế chung cho năm 2022. Không ai bị mù, và không ai có thể được coi là người phụ thuộc. Họ quyết định không khấu trừ từng khoản. Họ sử dụng [Bảng 10-1](#). Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$25.900.

Ví dụ 2. Thông tin tương tự như trong *Ví dụ 1*, ngoại trừ việc L bị mù vào cuối năm 2022. L và D sử dụng [Bảng 10-2](#). Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$27.300.

Ví dụ 3. B và L đang khai thuế chung cho năm 2022. Cả hai đều trên 65 tuổi. Không ai bị mù, và không ai có thể được coi là người phụ thuộc. Nếu họ không khấu trừ từng khoản, họ sử dụng [Bảng 10-2](#). Khấu trừ tiêu chuẩn của họ là \$28.700.

Khấu Trừ Tiêu Chuẩn Cho Người Phụ Thuộc

Khấu trừ tiêu chuẩn cho một cá nhân có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác thường được giới hạn ở mức lớn hơn:

- \$1.150, hoặc
- Thu nhập kiếm được của cá nhân trong năm cộng với \$400 (nhưng không nhiều hơn khấu trừ tiêu chuẩn thông thường, thường là \$12.950).

Tuy nhiên, nếu cá nhân 65 tuổi trở lên hoặc bị mù, thì khấu trừ tiêu chuẩn có thể cao hơn.

Nếu quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu làm tờ khai thuế chung) có thể được khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của người khác, hãy sử dụng [Bảng 10-3](#) để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị.

Định nghĩa thu nhập kiếm được. Thu nhập kiếm được là tiền lương, tiền công, tiền boa, phí chuyên môn, và các khoản tiền khác được trả cho công việc quý vị làm trên thực tế.

Vì mục đích khấu trừ tiêu chuẩn, thu nhập kiếm được cũng bao gồm bất kỳ phần nào của học bổng hoặc trợ cấp nghiên cứu sinh chịu thuế. Tham khảo chương 1 của Ấn Phẩm 970, Lợi Ích Thuế cho Giáo Dục, để biết thêm thông tin về những khoản tiền được đủ điều kiện được coi là học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh.

Ví dụ 1. M 16 tuổi và độc thân. Bố mẹ của M có thể khai M là người phụ thuộc trong tờ khai thuế 2022 của họ. M có thu nhập từ lãi là \$780 và tiền công \$150 và không có các khoản khấu trừ từng khoản. M sử dụng [Bảng 10-3](#) để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình. M nhập \$150 (thu nhập kiếm

được) vào dòng 1, \$550 (\$150 + \$400) vào dòng 3, \$1.150 (số lớn hơn giữa \$550 và \$1.150) vào dòng 5, và \$12.950 vào dòng 6. Khấu trừ tiêu chuẩn của M, ở dòng 7a, là \$1.150 (số nhỏ hơn giữa \$1.150 và \$12.950).

Ví dụ 2. J, một sinh viên đại học 22 tuổi, có thể được coi là người phụ thuộc của cha mẹ J theo tờ khai thuế năm 2022. J đã kết hôn và khai thuế riêng. Vợ/chồng của J không khấu trừ từng khoản. J có thu nhập từ lãi \$1.500 và lương \$3.800 và không có các khoản khấu trừ từng khoản. J xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình bằng cách sử dụng [Bảng 10-3](#). J nhập thu nhập kiếm được của mình, \$3.800, vào dòng 1. J cộng dòng 1 và 2 và nhập \$4.200 (\$3.800 + \$400) vào dòng 3. Ở dòng 5, J nhập \$4.200, số lớn hơn của dòng 3 và 4. Vì J đã kết hôn và khai thuế riêng, J nhập \$12.950 vào dòng 6. Ở dòng 7a, J nhập \$4.200 là khấu trừ tiêu chuẩn của J vì nó nhỏ hơn \$12.950, số tiền ở dòng 6.

Ví dụ 3. A là một người độc thân, có thể được coi là người phụ thuộc của cha mẹ A theo tờ khai thuế năm 2022. A 18 tuổi và bị mù. A có thu nhập từ lãi là \$1.300 và lương \$2.900 và không khấu trừ từng khoản. A sử dụng [Bảng 10-3](#) để xác định khấu trừ tiêu chuẩn của mình. A nhập mức lương của mình là \$2.900 vào dòng 1. A cộng dòng 1 và 2 và nhập \$3.300 (\$2.900 + \$400) vào dòng 3. Ở dòng 5, A nhập \$3.300, số lớn hơn của dòng 3 và 4. Vì A độc thân, A nhập \$12.950 vào dòng 6. A nhập \$3.300 vào dòng 7a. Đây là số nhỏ hơn của số tiền ở dòng 5 và 6. Vì A đã đánh dấu vào ô ở phần trên cùng của bảng tính, cho biết A bị mù, A nhập \$1.750 vào dòng 7b sau đó A cộng số tiền của dòng 7a và 7b và nhập khấu trừ tiêu chuẩn của mình là \$5.050 (\$3.300 + \$1.750) vào dòng 7c.

Ví dụ 4. E 18 tuổi và độc thân. Bố mẹ E có thể khai E là người phụ thuộc trong tờ khai thuế 2022 của họ. E có mức lương là \$7.000, thu nhập từ lãi là \$500, một khoản lỗ kinh doanh \$3.000 và không có các khoản khấu trừ từng khoản. E sử dụng [Bảng 10-3](#) để tính khấu trừ tiêu chuẩn của mình. E nhập \$4.000 (\$7.000 - \$3.000) vào dòng 1, cộng dòng 1 và 2 và nhập \$4.400 (\$4.000 + \$400) ở dòng 3. Ở dòng 5, E nhập \$4.400, số lớn hơn của dòng 3 và 4 và vì E độc thân, và nhập \$12.950 vào dòng 6. Ở dòng 7a, E nhập \$4.400 là số khấu trừ tiêu chuẩn vì nó nhỏ hơn \$12.950, số tiền ở dòng 6.

Ai Nên Khấu Trừ Từng Khoản

Quý vị nên khấu trừ từng khoản nếu tổng các khoản khấu trừ của quý vị nhiều hơn khấu trừ tiêu chuẩn của chính mình. Ngoài ra, quý vị nên khấu trừ từng khoản nếu quý vị không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn, như thảo luận trước đó ở phần [Những người không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn](#).

Đầu tiên, quý vị nên tính toán mức khấu trừ từng khoản của mình và so sánh với khấu trừ tiêu chuẩn để xem quý vị nên sử dụng phương pháp nào đem lại lợi ích lớn hơn.

Khi nào khấu trừ từng khoản. Quý vị có thể hưởng lợi từ việc khấu trừ từng khoản theo Bảng A (Mẫu 1040) nếu quý vị:

- Quý vị không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn,
- Có nhiều chi phí y tế và nha khoa không được bảo hiểm trong năm,
- Tiền lãi và thuế đã trả cho căn nhà của quý vị,

- Có tổn thất lớn do tai biến hoặc trộm cắp không được bảo hiểm,
- Đóng góp lớn cho các tổ chức từ thiện đủ điều kiện, hoặc
- Có tổng các khoản khấu trừ từng khoản lớn hơn khấu trừ tiêu chuẩn mà quý vị lẽ ra được hưởng.

Những khoản khấu trừ này được giải thích trong [chương 11](#) và trong các ấn phẩm được liệt kê trong *Các Nội Dung Hữu Ích* đã đề cập trước đó.

Nếu quý vị quyết định khấu trừ từng khoản, hãy hoàn thành Bảng A và đính kèm vào Bảng 1040 hoặc 1040-SR của quý vị. Nhập số tiền từ Bảng A, dòng 17, ở Mẫu 1040 hoặc Mẫu 1040-SR, dòng 12.

Chọn khấu trừ từng khoản cho mục đích nộp thuế tiểu bang hoặc các mục đích khác. Ngay cả khi các khoản khấu trừ từng khoản của quý vị nhỏ

hơn khấu trừ tiêu chuẩn, quý vị có thể chọn khấu trừ từng khoản trên tờ khai thuế liên bang của mình thay vì lấy khoản khấu trừ tiêu chuẩn. Quý vị có thể muốn làm việc này, nếu chẳng hạn, mức thuế được miễn từ khấu trừ từng khoản trên tờ khai thuế tiểu bang của quý vị lớn hơn mức thuế được miễn mà quý vị mất trên tờ khai thuế liên bang khi không lấy khoản khấu trừ tiêu chuẩn. Để đưa ra lựa chọn này, quý vị phải đánh dấu vào ô ở dòng 18 của Bảng A.

Đổi ý. Nếu quý vị không khấu trừ từng khoản và sau đó thấy rằng quý vị nên khấu trừ từng khoản-hoặc nếu quý vị khấu trừ từng khoản nhưng sau đó thấy rằng không nên-quý vị có thể thay đổi tờ khai thuế của mình bằng cách nộp Mẫu 1040-X, Tờ Khai Thuế Thu Nhập Hoa Kỳ cho Cá Nhân Được Điều chỉnh. Xem [Tờ Khai Được Điều chỉnh và Yêu Cầu Hoàn Thuế](#) ở chương 1 để biết thêm thông tin về tờ khai thuế sửa đổi.

Những người đã kết hôn đã khai thuế riêng.

Quý vị có thể thay đổi phương pháp khấu trừ chỉ khi quý vị và vợ/chồng đều thực hiện những thay đổi giống nhau. Cả hai quý vị phải nộp đơn đồng ý đánh giá bất kỳ khoản thuế bổ sung nào mà một người có thể nợ do thay đổi.

Quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể sử dụng phương pháp giúp quý vị chịu mức tổng thuế thấp hơn, mặc dù một trong hai người có thể phải trả nhiều hơn số thuế quý vị phải trả bằng cách sử dụng phương pháp khác. Cả hai quý vị phải sử dụng cùng một phương pháp yêu cầu khấu trừ. Nếu một người khấu trừ từng khoản, người kia cần khấu trừ từng khoản vì người đó sẽ không đủ điều kiện được khấu trừ tiêu chuẩn. Xem [Những người không đủ điều kiện khấu trừ tiêu chuẩn](#) ở phần trước.

Bảng Khấu Trừ Tiêu Chuẩn 2022



Nếu quý vị đã lập gia đình và khai riêng hồ sơ thuế và vợ/chồng của quý vị khấu trừ từng khoản, hoặc nếu quý vị là người nước ngoài có tình trạng kép, quý vị không được nhận khấu trừ tiêu chuẩn ngay cả khi quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958, hoặc bị mù.

Bảng 10-1. Biểu đồ Khấu Trừ Thuế Tiêu Chuẩn cho Hầu Hết Mọi Người*

NẾU tình trạng khai thuế của quý vị là...	THÌ khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị là...
Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	\$12.950
Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	25.900
Chủ gia đình	19.400

*Không sử dụng biểu đồ này nếu quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958, bị mù, hoặc nếu ai đó có thể khai quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai chung) là người phụ thuộc. Thay vào đó sử dụng Bảng 10-2 hoặc 10-3.

Bảng 10-2. Biểu đồ Khấu Trừ Tiêu Chuẩn cho Người Sinh Trước Ngày 02 tháng 01 năm 1958, hoặc Người Bị Mù*

Đánh dấu đúng số ô bên dưới. Sau đó chuyển đến biểu đồ.

Quý vị: Sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958 Bị mù

Vợ/chồng của quý vị: Sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958 Bị mù

Tổng số ô đã đánh dấu

NẾU tình trạng khai thuế của quý vị là...	VÀ số trong ô trên là...	THÌ khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị là...
Độc thân	1	\$14.700
	2	16.450
Vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế	1	\$27.300
	2	28.700
	3	30.100
	4	31.500
Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	1	\$27.300
	2	28.700
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế**	1	\$14.350
	2	15.750
	3	17.150
	4	18.550
Chủ gia đình	1	\$21.150
	2	22.900

*Nếu ai đó khác có thể khai quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai chung hồ sơ thuế) là người phụ thuộc, thay vào đó hãy sử dụng Bảng 10-3.
 **Quý vị có thể đánh dấu vào ô Vợ/Chồng Của Quý Vị nếu tình trạng khai thuế của quý vị là vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế và vợ/chồng của quý vị không có thu nhập, không khai thuế, và không thể được khai là người phụ thuộc trên hồ sơ thuế của người khác.

Bảng 10-3. Bảng Tính Khấu Trừ Tiêu Chuẩn cho Người Phụ Thuộc

Chỉ sử dụng bảng tính này nếu ai đó khác có thể khai quý vị (hoặc vợ/chồng của quý vị, nếu khai chung hồ sơ thuế) là người phụ thuộc.

Đánh dấu đúng số ô bên dưới. Sau đó chuyển đến bảng tính.

Quý vị: Sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958 Bị mù

Vợ/chồng của quý vị: Sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958 Bị mù

Tổng số ô đã đánh dấu

1. Nhập thu nhập kiểm được của quý vị (được xác định bên dưới). Nếu không có, nhập -0-.	1. _____
2. Số tiền bổ sung.	2. _____ \$400
3. Thêm dòng 1 và 2.	3. _____
4. Mức khấu trừ thuế tối thiểu.	4. _____ \$1.150
5. Nhập số lớn hơn của dòng 3 hoặc dòng 4.	5. _____
6. Nhập số tiền hiển thị bên dưới cho tình trạng khai thuế của quý vị. <ul style="list-style-type: none"> Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế – \$12.950 Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế – \$25.900 Chủ gia đình – \$19.400 	6. _____
7. Khấu trừ tiêu chuẩn. <ol style="list-style-type: none"> Nhập số nhỏ hơn của dòng 5 hoặc dòng 6. Nếu sinh sau ngày 01 tháng 01 năm 1958, và không bị mù, vui lòng dừng lại ở đây. Đây là khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị. Nếu không, chuyển đến dòng 7b. Nếu quý vị sinh trước ngày 02 tháng 01 năm 1958, hoặc bị mù, nhân \$1.750 (\$1.400 nếu đã kết hôn) với số trong ô bên trên. Thêm dòng 7a và 7b. Đây là khấu trừ tiêu chuẩn của quý vị cho năm 2022. 	7a. _____ 7b. _____ 7c. _____

Thu nhập kiểm được bao gồm tiền công, lương, tiền boa, phí chuyên môn, và các khoản thù lao khác nhận được cho các dịch vụ cá nhân mà quý vị đã thực hiện. Nó cũng bao gồm bất kỳ khoản trợ cấp học bổng hoặc nghiên cứu sinh chịu thuế nào.

11.

Các Khoản Thuế

Nhắc nhở

Giới hạn khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Đạo Luật Về Giảm Thuế Và Việc Làm quy định giới hạn tạm thời đối với các khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Xem *Giới hạn khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương* ở phần sau.

Không được khấu trừ thuế nước ngoài đã trả cho bất động sản. Quý vị không còn có thể khấu trừ thuế nước ngoài mà quý vị đã trả cho bất động sản.

Giới thiệu

Chương này thảo luận về những loại thuế quý vị có thể khấu trừ nếu quý vị khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040). Tại đây các loại thuế nào quý vị có thể khấu trừ trên các bảng liệt kê hoặc mẫu khác và loại thuế nào quý vị không thể khấu trừ cũng được giải thích.

Chương này trình bày về các chủ đề sau.

- Thuế thu nhập (liên bang, tiểu bang, địa phương, và nước ngoài).
- Thuế tiêu thụ tổng quát (tiểu bang và địa phương).
- Thuế bất động sản (tiểu bang, địa phương, và nước ngoài).
- Thuế tài sản cá nhân (tiểu bang và địa phương).
- Thuế và lệ phí quý vị không thể khấu trừ.

Sử dụng [Bảng 11-1](#) làm hướng dẫn để xác định loại thuế nào quý vị có thể khấu trừ.

Phần cuối chương có giải thích các mẫu quý vị sử dụng để khấu trừ các loại thuế khác nhau.

Thuế kinh doanh. Quý vị chỉ có thể khấu trừ một số loại thuế nếu chúng là những chi phí cần thiết theo thông lệ thường phát sinh từ hoạt động buôn bán hoặc kinh doanh của quý vị hoặc để tạo ra thu nhập. Để biết thông tin về các loại thuế này, hãy xem [Ấn Phẩm 535, Chi Phí Kinh Doanh](#).

Thuế tiểu bang và địa phương. Đây là các loại thuế được áp đặt bởi 50 tiểu bang, các vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ, hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào của họ (chẳng hạn như một quận hoặc thành phố), hoặc bởi Đặc Khu Columbia.

Chính phủ bộ lạc thổ dân. Một chính quyền bộ lạc thổ dân được Bộ Trưởng Tài Chính công nhận thực hiện các chức năng chính trị yếu của chính quyền sẽ được xem như một bang cho mục đích yêu cầu khấu trừ thuế. Thuế thu nhập, thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân được áp dụng bởi chính quyền bộ lạc thổ dân đó (hoặc bởi bất kỳ phân khu nào được coi là phân khu chính trị của một bang) có thể được khấu trừ.

Thuế tiêu thụ tổng quát. Đây là loại thuế được áp dụng theo một tỷ lệ trên doanh số bán lẻ của nhiều loại mặt hàng.

Thuế từ nước ngoài. Đây là loại thuế do một quốc gia nước ngoài hoặc bất kỳ phân khu chính trị nào của quốc gia đó áp đặt.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 502** Chi Phí Y Tế và Nha Khoa
- 503** Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc
- 504** Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân
- 514** Tín Thuế Nước Ngoài cho Cá Nhân
- 525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- 530** Thông Tin Thuế cho Chủ Nhà

Mẫu (và Hướng dẫn)

- Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu Trừ Từng Khoản
- Bảng E (Mẫu 1040)** Thu Nhập và Lỗ Bỏ Sung
- 1116** Tín Thuế Nước Ngoài

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/forms) (tiếng Anh).

Thủ Thách Khấu Trừ Thuế

Quý vị phải đáp ứng hai thủ thách sau để được khấu trừ bất kỳ khoản thuế nào.

- Thuế phải được áp dụng cho quý vị.
- Quý vị phải trả thuế trong năm tính thuế.

Thuế phải được áp đặt cho quý vị. Nói chung, quý vị chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế được áp đặt cho quý vị.

Thông thường, chỉ khi quý vị là chủ sở hữu của bất động sản, quý vị có thể khấu trừ thuế tài sản. Nếu vợ/chồng của quý vị sở hữu bất động sản và đồng thuế bất động sản, thuế sẽ được khấu trừ trên hồ sơ thuế khai riêng của vợ/chồng hoặc trên hồ sơ thuế khai chung của quý vị.

Quý vị phải trả thuế trong năm tính thuế. Nếu quý vị là người đóng thuế trên căn bản tiền mặt, quý vị chỉ có thể khấu trừ những khoản thuế đã thực trả trong năm tính thuế của quý vị. Nếu quý vị thanh toán thuế bằng chi phiếu đã được cam kết bởi tổ chức tài chính của quý vị, ngày quý vị gửi qua bưu điện hoặc chuyển chi phiếu là ngày thanh toán. Nếu quý vị sử dụng tài khoản thanh toán qua điện thoại (chẳng hạn như thẻ tín dụng hoặc rút tiền điện tử), ngày được báo cáo trên bảng sao kê của tổ chức tài chính cho biết thời điểm thanh toán được thực hiện là ngày thanh toán. Nếu quý vị có tranh chấp về trách nhiệm phải đóng thuế và là người đóng thuế trên căn bản tiền mặt, quý vị chỉ có thể khấu trừ thuế vào năm quý vị thực sự trả khoản thuế đó (hoặc chuyển tiền hoặc tài sản khác để giải quyết trách nhiệm bị tranh chấp). Xem [Ấn Phẩm 538, Chu Kỳ và Phương Pháp Kế Toán](#), để biết chi tiết.

Nếu quý vị sử dụng phương pháp kế toán tích lũy, xem [Ấn Phẩm 538](#) để biết thêm thông tin.

Thuế Thu Nhập

Phần này thảo luận về khả năng khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương (bao gồm đóng góp của nhân viên vào quỹ quyền lợi của tiểu bang) và thuế thu nhập từ nước ngoài.

Thuế Thu Nhập Tiểu Bang và Địa Phương

Quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương.

Trường hợp ngoại lệ. Quý vị không thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà quý vị đã trả đối với thu nhập được khấu trừ từ thuế thu nhập liên bang, trừ khi thu nhập khấu trừ là thu nhập từ tiền lãi. Ví dụ: quý vị không thể khấu trừ một phần thuế thu nhập của tiểu bang vào khoản trợ cấp sinh hoạt phí được miễn thuế thu nhập liên bang.

Khấu Trừ Những Gì

Khoản khấu trừ của quý vị có thể dành cho khoản thuế được khấu trừ, khoản thanh toán thuế ước tính hoặc các khoản thanh toán thuế khác như sau.

Thuế được khấu trừ. Quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương đã khấu trừ vào tiền lương của quý vị trong năm chúng bị khấu trừ. (Các) Mẫu W-2 của quý vị sẽ thể hiện các khoản này. Mẫu W-2G, 1099-B, 1099-DIV, 1099-G, 1099-K, 1099-MISC, 1099-NEC, 1099-OID và 1099-R cũng thể hiện thuế thu nhập tiểu bang và địa phương được khấu trừ.

Các khoản thuế ước tính. Quý vị có thể khấu trừ các khoản thuế ước tính mà quý vị đã thực hiện trong năm cho chính quyền tiểu bang hoặc địa phương. Tuy nhiên, quý vị phải có cơ sở hợp lý để thực hiện các khoản thuế ước tính. Bất kỳ khoản thuế tiểu bang hoặc địa phương ước tính nào không được thực hiện một cách trung thực tại thời điểm thanh toán sẽ không được khấu trừ.

Ví dụ: Quý vị đã đóng thuế thu nhập tiểu bang ước tính. Tuy nhiên, ước tính về trách nhiệm đóng thuế tiểu bang cho thấy quý vị sẽ được hoàn lại toàn bộ số tiền thanh toán ước tính của quý vị. Quý vị không có cơ sở hợp lý để chứng minh quý vị có bất kỳ trách nhiệm bổ sung nào đối với thuế thu nhập tiểu bang, thì quý vị không thể khấu trừ khoản thuế ước tính đó.

Tiền hoàn thuế áp dụng trả thuế. Quý vị có thể khấu trừ bất kỳ phần nào của khoản hoàn thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương từ năm trước mà quý vị đã tính vào thuế thu nhập địa phương hoặc tiểu bang ước tính năm 2022 của quý vị.

Không khấu trừ khoản khấu trừ của quý vị theo một trong các mục sau.

- Bất kỳ khoản hoàn thuế thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương (hoặc tín dụng) quý vị muốn nhận cho năm 2022.
- Mọi khoản hoàn thuế của (hoặc tín dụng cho) thuế thu nhập địa phương và tiểu bang của năm trước mà quý vị thực sự nhận được vào năm 2021.

Tuy nhiên, một phần hoặc toàn bộ khoản hoàn thuế (hoặc tín dụng) này có thể bị đánh thuế. Xem [Hoàn thuế \(hoặc tín dụng\) thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương](#) ở phần sau.


Tờ khai liên bang riêng. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị khai thuế thu nhập tiểu bang, địa phương và liên bang riêng biệt, mỗi người chỉ có thể khấu trừ trên tờ khai liên bang của người đó số thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà người đó đã trả trong năm tính thuế.

Tờ khai tiểu bang và địa phương khai chung. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị khai chung thuế tiểu bang và địa phương và khai riêng thuế liên bang, mỗi người có thể khấu trừ trên hồ sơ thuế liên bang khai riêng của người đó một phần thuế thu nhập tiểu bang và địa phương đã trả trong năm tính thuế. Quý vị chỉ có thể khấu trừ tổng số thuế tương ứng với tổng thu nhập của quý vị so với tổng thu nhập của quý vị và vợ/chồng của quý vị. Tuy nhiên, quý vị không thể khấu trừ nhiều hơn số tiền quý vị đã thực trả trong năm. Quý vị có thể tránh phương pháp tính này nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị phải chịu trách nhiệm chung và cá nhân đối với toàn bộ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương. Nếu vậy, quý vị và vợ/chồng của quý vị có thể khấu trừ vào hồ sơ khai riêng thuế liên bang mà mỗi người đã thực trả.

Khai thuế liên bang chung. Nếu quý vị khai thuế liên bang chung, quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập tiểu bang và địa phương mà cả hai người đã trả.

Đóng góp vào quỹ quyền lợi tiểu bang. Là người lao động, quý vị có thể khấu trừ các khoản đóng góp bắt buộc vào quỹ quyền lợi của tiểu bang từ tiền lương của quý vị để bảo toàn lương. Ví dụ, một số bang yêu cầu người lao động đóng góp vào quỹ của bang cung cấp trợ cấp bảo hiểm tàn tật hoặc thất nghiệp. Các khoản thanh toán bắt buộc vào các quỹ quyền lợi của tiểu bang sau đây được khấu trừ dưới dạng thuế thu nhập của tiểu bang trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a.

- Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp Alaska.
- Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp California.
- Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp New Jersey.
- Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp New Jersey.
- Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp New York.
- Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp Pennsylvania.
- Quỹ Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Tạm Thời Đảo Rhode.
- Quỹ Trợ Cấp Công Nhân Bỏ Sung Tiểu bang Washington.

 **Khoản đóng góp của người lao động cho các chương trình dành cho người khuyết tật tự nhân hoặc tự nguyện không được khấu trừ.**

Khoản hoàn thuế (hoặc tín thuế) của thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương. Nếu quý vị nhận được khoản hoàn thuế của (hoặc tín thuế cho) thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương trong năm sau năm quý vị quyết toán, quý vị có thể phải bao gồm khoản hoàn thuế vào thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1, vào năm quý vị nhận được. Các khoản này bao gồm các khoản tiền hoàn lại do các khoản thuế bị khấu trừ, áp dụng từ hồ sơ khai thuế năm trước, không được tính chính xác hoặc được tính lại do hồ sơ khai thuế đã sửa đổi. Nếu quý vị không khấu trừ từng khoản trong năm trước, thì đừng gộp khoản hoàn thuế vào thu nhập. Nếu quý vị đã khấu trừ các khoản thuế trong năm trước, hãy gộp toàn bộ hoặc một phần khoản hoàn thuế trên

Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 1, vào năm quý vị nhận được khoản hoàn thuế. Để xem hướng dẫn về số tiền cần gộp, xem *Recoveries (Các Khoản Phục Hồi)* trong Ấn Phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế, để biết thêm thông tin.

Thuế Thu Nhập từ Nước Ngoài

Nói chung, quý vị có thể khấu trừ hoặc lấy tín thuế đối với thuế thu nhập được áp dụng cho quý vị bởi một quốc gia nước ngoài hoặc một vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ. Tuy nhiên, quý vị không thể khấu trừ hoặc lấy tín thuế cho các khoản thuế thu nhập từ nước ngoài được trả dựa trên thu nhập đã được miễn thuế từ Hoa Kỳ theo loại trừ thu nhập kiếm được từ nước ngoài hoặc loại trừ thu nhập từ nhà ở nước ngoài. Để biết thông tin về các loại trừ này, xem Ấn Phẩm 54, Hướng Dẫn về Thuế cho Công Dân Hoa Kỳ và Người Nước Ngoài Thường Trú Sống Ở Nước Ngoài. Để biết thông tin về tín thuế nước ngoài, xem Ấn Phẩm 514.


Thuế Tiêu Thu Tổng Quát của Tiểu Bang và Địa Phương

Quý vị có thể chọn khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương thay vì thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương, như một khoản khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a. Quý vị có thể sử dụng chi phí thực tế hoặc bảng thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương để tính khoản khấu trừ thuế tiêu thụ của quý vị.

Chi phí thực tế. Thông thường, quý vị có thể khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương thực tế (bao gồm cả thuế sử dụng bù) nếu thuế suất giống như thuế suất tiêu thụ tổng quát.

Thực phẩm, quần áo, và vật tư y tế. Thuế tiêu thụ đối với thực phẩm, quần áo và vật tư y tế được khấu trừ như thuế tiêu thụ tổng quát ngay cả khi thuế suất thấp hơn thuế suất tiêu thụ tổng quát.

Xe có động cơ. Thuế tiêu thụ đối với xe có động cơ được khấu trừ như thuế tiêu thụ tổng quát ngay cả khi thuế suất nhỏ hơn thuế suất tiêu thụ tổng quát. Tuy nhiên, nếu quý vị đã trả thuế tiêu thụ cho một chiếc xe có mức thuế suất cao hơn thuế tiêu thụ tổng quát, quý vị chỉ có thể khấu trừ số thuế có thể đã phải trả theo thuế suất thuế tiêu thụ tổng quát cho chiếc xe đó. Bao gồm mọi khoản thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương đã trả cho một chiếc xe có động cơ được cho thuê. Theo mục đích của phần này, xe có động cơ bao gồm ô tô, xe máy, máy trên xe có động cơ, xe giải trí, xe thể thao đa dụng, xe tải, xe van và xe địa hình.

 **Nếu quý vị sử dụng phương pháp chi phí thực tế, quý vị phải có biên lai để thể hiện các khoản thuế tiêu thụ tổng quát đã nộp.**

Hàng hóa thương mại hoặc kinh doanh. Không bao gồm thuế tiêu thụ được trả cho các mặt hàng được sử dụng trong thương mại hoặc kinh doanh của quý vị trên Bảng A (Mẫu 1040). Thay vào đó, hãy chuyển đến hướng dẫn dành cho mẫu quý vị đang sử dụng để báo cáo thu nhập và chi phí kinh doanh để xem quý vị có thể khấu trừ các khoản thuế này hay không.

Bảng thuế tiêu thụ tùy chọn. Thay vì sử dụng các chi phí thực tế, quý vị có thể tính khoản khấu trừ thuế

tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương bằng cách sử dụng bảng thuế tiêu thụ của tiểu bang và địa phương trong Hướng Dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040). Quý vị cũng có thể thêm thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương đã trả cho một số mặt hàng cụ thể.

Số thuế trên bảng có thể áp dụng của quý vị dựa trên tiểu bang nơi quý vị sống, thu nhập của quý vị và số người trong gia đình quý vị. Thu nhập của quý vị là tổng thu nhập đã điều chỉnh cộng với bất kỳ khoản nào không chịu thuế như sau.

- Tiền lãi miễn thuế.
- Quyền lợi của cựu chiến binh.
- Lương chiến đấu không chịu thuế.
- Tiền bồi thường cho người lao động.
- Phần không chịu thuế của phúc lợi an sinh xã hội và phúc lợi hưu trí đường sắt.
- Phần không chịu thuế của IRA, hưu bổng, hoặc phân phối niên kim, không bao gồm trường hợp gia hạn.
- Khoản hỗ trợ công.

Nếu quý vị sống ở các tiểu bang khác nhau trong cùng một năm tính thuế, quý vị phải chia tỷ lệ số thuế bằng có thể áp dụng cho mỗi tiểu bang dựa trên những ngày quý vị sống ở mỗi tiểu bang. Xem hướng dẫn cho Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, để biết thêm chi tiết.

Thuế Bất Động Sản của Tiểu Bang và Địa Phương

Thuế bất động sản được khấu trừ là bất kỳ loại thuế nào của tiểu bang và địa phương áp cho bất động sản để phục vụ cho phúc lợi cộng đồng chung. Quý vị chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế này nếu chúng được đánh giá thống nhất đối với tất cả tài sản thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế. Tiền thu được phải dành cho mục đích cộng đồng hoặc chính quyền nói chung và không phải là khoản chi trả cho một đặc quyền đặc biệt hoặc dịch vụ được cung cấp cho quý vị.

Các khoản thuế bất động sản được khấu trừ thường không bao gồm thuế tính cho các quyền lợi địa phương và các cải tiến làm tăng giá trị của bất động sản. Chúng cũng không bao gồm các khoản phí từng phần cho các dịch vụ (chẳng hạn như thu gom rác) được đánh giá dựa trên tài sản cụ thể hoặc một số người nhất định, ngay cả khi khoản phí được trả cho cơ quan thuế. Để biết thêm thông tin về các loại thuế và phí không được khấu trừ, hãy xem [Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ](#) ở phần sau.

Người thuê tác nếm cổ phần trong một doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở. Thông thường, nếu quý vị là người chủ nắm cổ phần trong một doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở, quý vị có thể khấu trừ số tiền trả cho doanh nghiệp đại diện cho phần của quý vị đối với thuế bất động sản mà công ty đã trả hoặc phải chịu cho đơn vị cư trú của quý vị. Doanh nghiệp phải cung cấp bản kê khai cho thấy phần thuế của quý vị. Để biết thêm thông tin, xem *Special Rules for Cooperatives (Nguyên Tắc Đặc Biệt cho Hợp Tác Xã)* trong Ấn Phẩm 530.

Phân chia thuế bất động sản giữa người bán và người mua. Nếu quý vị mua hoặc bán bất động sản trong năm, thuế bất động sản phải được phân chia giữa người mua và người bán.

Người mua và người bán phải phân chia thuế bất động sản theo số ngày trong năm tính thuế bất động sản (thời gian áp thuế liên quan) mà mỗi người sở hữu bất động sản đó. Người bán được coi là đã thanh toán các khoản thuế đến, nhưng không bao gồm, ngày bán. Người mua được coi là thanh toán các khoản thuế bắt đầu từ ngày bán. Điều này áp dụng bất kể ngày sai áp theo luật địa phương. Thông thường, thông tin này được ghi nhận trong báo cáo quyết toán được cung cấp vào thời điểm kết thúc việc mua bán.

Nếu quý vị (người bán) không thể khấu trừ thuế cho đến khi chúng được thanh toán vì quý vị sử dụng phương pháp kế toán bằng tiền mặt và người mua tài sản phải chịu trách nhiệm cá nhân về thuế, quý vị được coi là đã thanh toán phần thuế của quý vị tại thời điểm bán hàng. Điều này cho phép quý vị khấu trừ phần thuế đó cho đến ngày bán mặc dù quý vị không thực sự đã thanh toán nó. Tuy nhiên, quý vị cũng phải tính số thuế đó vào giá bán bất động sản. Người mua phải tính số tiền tương tự vào giá vốn của mình đối với tài sản.

Quý vị tính khoản khấu trừ thuế cho mỗi tài sản được mua hoặc bán trong năm tính thuế bất động sản như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính Khoản Khấu Trừ Thuế Bất Động Sản của Tiểu Bang và Địa Phương của Quý Vị

Giữ để lưu hồ sơ của quý vị



1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	_____
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà quý vị sở hữu bất động sản đó	_____
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	_____
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của quý vị. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b	_____

Lưu ý. Lặp lại các bước từ 1 đến 4 cho từng tài sản quý vị đã mua hoặc bán trong năm tính thuế bất động sản. Tổng số tiền khấu trừ của quý vị là tổng số tiền trên dòng 4 cho tất cả các tài sản.

Thuế bất động sản cho những năm trước.

Không phân chia các khoản thuế còn nợ giữa người mua và người bán nếu các khoản thuế này dành cho bất kỳ năm tính thuế bất động sản nào trước năm tài sản được bán. Ngay cả khi người mua đồng ý thanh toán các khoản thuế còn nợ, người mua cũng không thể khấu trừ chúng. Người mua phải cộng chúng vào giá tài sản. Người bán có thể khấu trừ các khoản thuế người mua đã trả. Tuy nhiên, người bán phải bao gồm chúng trong giá bán.

Ví dụ: Các ví dụ sau đây giải thích cách phân chia thuế bất động sản giữa người mua và người bán.

Ví dụ 1. Năm tính thuế bất động sản của Dennis và Beth White cho cả nhà cũ và nhà mới của họ là năm dương lịch với thời hạn thanh thuế là ngày 1 tháng 8. Thuế cho ngôi nhà cũ của họ, được bán vào ngày 7 tháng 5, là \$620. Thuế cho ngôi nhà mới của họ, mua vào ngày 3 tháng 5, là \$732. Dennis và Beth được coi là đã trả một phần tương xứng thuế bất động sản cho ngôi nhà cũ mặc dù họ không thực sự nộp cho cơ quan thuế. Mặt khác, họ chỉ có thể yêu cầu một phần tương xứng trong số thuế họ đã trả cho bất động sản mới của họ mặc dù họ đã trả toàn bộ số tiền.

Dennis và Beth sở hữu ngôi nhà cũ của họ trong năm tính thuế bất động sản cho 126 ngày (từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 6 tháng 5, một ngày trước khi

bán). Họ tính khoản khấu trừ thuế đối với ngôi nhà cũ của họ như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính Khoản Khấu Trừ Thuế Bất Động Sản của Tiểu Bang và Địa Phương của Quý Vị – Thuế Đối Với Nhà Cũ

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	_____
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà quý vị sở hữu bất động sản đó	_____
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	_____
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của quý vị. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b	_____

Vi người mua căn nhà cũ của họ đã trả tất cả các loại thuế nên Dennis và Beth cũng tính cả \$215 vào giá bán căn nhà cũ. (Người mua thêm \$214 vào chi phí mua nhà của họ.)

Dennis và Beth sở hữu ngôi nhà mới trong năm tính thuế bất động sản trong 243 ngày (từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12, tính cả ngày mua). Họ tính toán khoản khấu trừ thuế cho ngôi nhà mới của họ như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính Khoản Khấu Trừ Thuế Bất Động Sản của Tiểu Bang và Địa Phương của Quý Vị – Thuế Đối Với Nhà Mới

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	_____
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà quý vị sở hữu bất động sản đó	_____
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	_____
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của quý vị. Nhập kết quả vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b	_____

Vi Dennis và Beth đã trả tất cả các khoản thuế cho ngôi nhà mới, họ cộng thêm \$245 (\$732 đã trả trừ đi khoản khấu trừ \$487) vào chi phí của họ cho ngôi nhà mới. (Người bán cộng \$245 này vào giá bán của họ và khấu trừ \$245 như thuế bất động sản.)

Khoản khấu trừ thuế bất động sản của Dennis và Beth cho ngôi nhà cũ và mới của họ là tổng của \$214 và \$487, là \$701. Họ sẽ nhập số tiền này vào Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b.

Ví dụ 2. George và Helen Brown mua một ngôi nhà mới vào ngày 03 tháng 05 năm 2022. Năm tính thuế bất động sản đối với ngôi nhà mới là năm dương lịch. Thuế bất động sản năm 2021 ở tiểu bang của họ được tính vào ngày 01 tháng 01 năm 2022. Các khoản thuế sẽ đến hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2022 và ngày 31 tháng 10 năm 2022.

Nhà Browns đồng ý thanh toán tất cả các khoản thuế đến hạn sau ngày mua. Thuế bất động sản năm 2021 là \$680. Họ đã trả \$340 vào ngày 31 tháng 5 năm 2022 và \$340 vào ngày 31 tháng 10 năm 2022. Khoản thuế này dành cho năm tính thuế bất động sản 2021. Nhà Browns không thể khấu trừ chúng vì họ không sở hữu tài sản cho đến năm 2022. Thay vào đó, họ phải cộng thêm \$680 vào chi phí của ngôi nhà mới.

Tháng 1 năm 2023, nhà Browns nhận được báo cáo thuế bất động sản năm 2022 với giá \$752, số tiền họ sẽ trả vào năm 2023. Nhà Browns sở hữu ngôi nhà mới của họ trong năm tính thuế bất động sản 2022 trong 243 ngày (từ ngày 3 tháng 5 đến ngày 31 tháng 12). Họ sẽ tính khoản khấu trừ thuế vào năm 2023 như sau.

Bảng Tính 11-1. Tính Khoản Khấu Trừ Thuế Bất Động Sản của Tiểu Bang và Địa Phương của Quý Vị – Thuế Đối Với Nhà Mới

1.	Nhập tổng số thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương cho năm tính thuế bất động sản	_____
2.	Nhập số ngày trong năm tính thuế bất động sản mà quý vị sở hữu bất động sản đó	_____
3.	Chia dòng 2 cho 365 (đối với năm nhuận, chia dòng 2 cho 366)	_____
4.	Nhân dòng 1 với dòng 3. Đây là khoản khấu trừ của quý vị. Yêu cầu kết quả trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5b	_____

\$251 còn lại (\$752 đã trả trừ đi khoản khấu trừ \$501 thuế đã trả vào năm 2023, cùng với \$680 đã trả vào năm 2022, được thêm vào chi phí của ngôi nhà mới.

Vi các khoản thuế tính đến ngày bán được cho là do người bán thanh toán vào ngày bán, người bán được khấu trừ thuế năm 2022 là \$931. Đây là tổng số tiền \$680 cho năm 2021 và \$251 trong 122 ngày mà người bán sở hữu ngôi nhà vào năm 2022. Người bán cũng phải gộp \$931 vào giá bán khi họ tính toán lãi hoặc lỗ khi bán. Người bán nên liên hệ với nhà Brown vào tháng 1 năm 2023 để biết mức thuế bất động sản phải nộp cho năm 2022.

Mẫu 1099-S. Đối với một số giao dịch mua bán hoặc trao đổi bất động sản nhất định, người chịu trách nhiệm kết thúc giao dịch mua bán (thường là đại lý quyết toán) chuẩn bị Mẫu 1099-S, Tiền Thu Được Từ Các Giao Dịch Bất Động Sản, để báo cáo một số thông tin nhất định cho IRS và cho người bán tài sản. Ở 2 của Mẫu 1099-S dành cho tổng số tiền thu được từ việc bán và phải bao gồm phần nghĩa vụ thuế bất động sản của người bán mà người mua sẽ trả sau ngày bán. Người mua bao gồm các khoản thuế này trong cơ sở giá gốc của bất động sản, và người bán vừa khấu trừ số tiền này như một khoản thuế đã trả vừa tính nó vào giá bán của bất động sản.

Đối với giao dịch bất động sản liên quan đến nhà ở, bất kỳ khoản thuế bất động sản nào mà người bán đã trả trước nhưng đó là trách nhiệm của người mua sẽ xuất hiện trên Mẫu 1099-S, ở 6. Người mua khấu trừ số tiền này như khoản thuế bất động sản, và người bán giảm khấu trừ thuế bất động sản của mình (hoặc đưa nó vào thu nhập) cùng một số tiền. Xem [Hoàn thuế \(hoặc hoàn lại\)](#) ở phần sau.

Thuế đặt trong quỹ bảo chứng. Nếu khoản thanh toán thế chấp hàng tháng của quý vị bao gồm một khoản tiền được đưa vào quỹ bảo chứng (do bên thứ ba chăm sóc) để trả thuế bất động sản, quý vị có thể không được khấu trừ tổng số tiền đã gửi vào quỹ bảo chứng. Quý vị chỉ có thể khấu trừ thuế bất động sản mà bên thứ ba đã thực trả cho cơ quan thuế. Nếu bên thứ ba không thông báo cho quý vị về số tiền thuế bất động sản đã trả, hãy liên hệ với bên thứ ba hoặc cơ quan thuế để tìm số tiền thích hợp để khai trên hồ sơ khai thuế của quý vị.

Chủ quyền trọn. Nếu quý vị và vợ/chồng của quý vị sở hữu toàn bộ tài sản và quý vị nộp hồ sơ khai

Bảng 11-1. Quý Vị Có Thể Khấu Trừ Những Loại Thuế Nào?

Loại thuế	Quý Vị Có Thể Khấu Trừ	Quý Vị Không Thể Khấu Trừ
Lệ phí và Chi phí	Phí và lệ phí là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị hoặc tạo ra thu nhập.	Các khoản phí và lệ phí không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị hoặc từ việc tạo ra thu nhập, chẳng hạn như phí lấy bằng lái xe, kiểm tra xe hơi, đậu xe hoặc phí cho hóa đơn tiền nước (xem Thuế và Phí Quý Vị Không Thể Khấu Trừ). Tiền phạt và hình phạt.
Thuế Thu Nhập	Thuế thu nhập địa phương và tiểu bang. Thuế thu nhập từ nước ngoài. Đóng góp của người lao động vào quỹ tiểu bang được liệt kê trong Đóng góp vào quỹ quyền lợi tiểu bang .	Thuế thu nhập liên bang. Đóng góp của người lao động cho các chương trình cho người khuyết tật tư nhân hoặc tự nguyện. Thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương nếu quý vị chọn khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương.
Thuế Tiêu Thụ Tổng Quát	Thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương, bao gồm thuế sử dụng bù.	Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương nếu quý vị chọn khấu trừ thuế tiêu thụ tổng quát của tiểu bang và địa phương.
Các Khoản Thuế Khác	Thuế là chi phí của hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị. Thuế áp dụng với tài sản tạo ra thu nhập từ cho thuê hoặc thu nhập từ tác quyền. Một nửa thuế tự kinh doanh đã trả.	Thuế tiêu thụ đặc biệt liên bang, ví dụ như thuế xăng dầu, không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị hoặc từ việc tạo ra thu nhập. Thuế tính theo đầu người.
Thuế Tài Sản Cá Nhân	Thuế tài sản cá nhân tiểu bang và địa phương.	Các loại thuế hải quan không phải là chi phí cho hoạt động thương mại hoặc kinh doanh của quý vị hoặc để tạo ra thu nhập.
Thuế Bất Động Sản	Thuế bất động sản của tiểu bang và địa phương. Phần thuế bất động sản của chủ sở hữu được trả bởi doanh nghiệp hợp tác xã nhà ở.	Thuế bất động sản được coi là áp cho người khác (xem Phân chia thuế bất động sản giữa người bán và người mua). Thuế bất động sản từ nước ngoài. Thuế cho quyền lợi địa phương (có ngoại lệ). Xem Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ . Phí nhặt và thu gom rác (có ngoại lệ). Xem Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ . Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn. Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở.

thuế liên bang riêng, mỗi người sẽ chỉ có thể khấu trừ các khoản thuế mà mỗi người đã trả cho tài sản đó.

Cá nhân đã ly hôn. Nếu thỏa thuận ly hôn hoặc ly thân của quý vị quy định rằng quý vị phải trả thuế bất động sản cho ngôi nhà thuộc sở hữu của quý vị và vợ/chồng của quý vị, một phần các khoản thanh toán của quý vị có thể được khấu trừ dưới dạng tiền cấp dưỡng và một phần dưới dạng thuế bất động sản. Xem *Thanh toán cho bên thứ ba* trong Ấn Phẩm 504, Các Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân để biết thêm thông tin.

Phục cấp nhà ở của các mục sư và quân nhân. Nếu quý vị là mục sư hoặc thành viên của lực lượng đồng phục và nhận phụ cấp thuê nhà để ở mà quý vị có thể loại trừ khỏi thu nhập, quý vị vẫn có thể khấu trừ tất cả các khoản thuế bất động sản quý vị phải trả cho ngôi nhà của mình.

Hoàn thuế (hoặc hoàn lại). Nếu quý vị nhận được tiền hoàn lại hoặc giảm thuế vào năm 2022 đối với các khoản thuế bất động sản đã nộp vào năm 2022, quý vị phải khấu trừ bằng số tiền được hoàn lại. Nếu quý vị nhận được tiền hoàn lại hoặc giảm thuế vào năm 2022 đối với các khoản thuế bất động sản mà quý vị đã khấu trừ trong một năm trước đó, quý vị thường phải nộp khoản tiền hoàn lại hoặc giảm thuế

vào thu nhập trong năm quý vị nhận được nó. Tuy nhiên, số tiền quý vị nộp trong thu nhập bị giới hạn ở số tiền khấu trừ đã làm giảm thuế của quý vị trong năm trước đó. Để biết thêm thông tin, xem *Recoveries (Phục Hồi)* trong Ấn Phẩm 525.

Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ

Các khoản thanh toán cho các mục sau đây thường không được khấu trừ dưới dạng thuế bất động sản.

- Thuế cho quyền lợi địa phương.
- Các khoản phí thành phần cho các dịch vụ (ví dụ như phí nhặt và thu gom rác).
- Thuế chuyển tài sản (hoặc thuế trước bạ).
- Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn.
- Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở.

Thuế cho quyền lợi địa phương. Thuế bất động sản được khấu trừ thường không bao gồm thuế tính cho các quyền lợi và các hoạt động cải tiến ở địa phương có xu hướng làm tăng giá trị bất động sản của quý vị. Chúng bao gồm các định giá về đường phố, vỉa hè, đường ống dẫn nước, đường cống, bãi

đậu xe công cộng và các cải tiến tương tự. Quý vị nên tăng cơ sở tài sản bằng số tiền định giá.

Thuế quyền lợi địa phương chỉ được khấu trừ nếu chúng dành cho chi phí bảo trì, sửa chữa hoặc cải thiện liên quan đến những quyền lợi đó. Nếu chỉ một phần thuế dành cho bảo trì, sửa chữa hoặc tiền lãi, quý vị phải thể hiện được số tiền của phần đó để yêu cầu khấu trừ. Nếu quý vị không thể xác định phần nào của thuế dành cho bảo trì, sửa chữa hoặc tiền lãi, thì không khoản nào được khấu trừ.



Thuế cho các quyền lợi địa phương có thể được bao gồm trong hóa đơn thuế bất động sản của quý vị. Nếu cơ quan thuế của quý vị (hoặc người cho vay thế chấp) không cung cấp bản sao hóa đơn thuế bất động sản, quý vị hãy yêu cầu được cung cấp. Quý vị nên sử dụng quy định trên để xác định liệu thuế quyền lợi địa phương có được khấu trừ hay không. Liên hệ với cơ quan thuế nếu quý vị cần thêm thông tin về khoản phí cụ thể trên hóa đơn thuế bất động sản.

Chi phí từng khoản cho dịch vụ. Một chi phí từng khoản cho các dịch vụ được tính cho một tài sản cụ thể hoặc một số người nhất định không phải là thuế, ngay cả khi khoản phí đó được trả cho cơ quan thuế.

Ví dụ, quý vị không thể khấu trừ khoản phí dưới dạng thuế bất động sản nếu đó là:

- Một khoản phí đơn vị cho việc cung cấp dịch vụ (ví dụ như phí \$5 tính cho mỗi 1.000 gallon nước quý vị sử dụng),
- Một khoản phí định kỳ cho dịch vụ nhà ở (ví dụ như \$20 mỗi tháng hoặc \$240 phí hàng năm được tính cho mỗi chủ nhà để thu gom rác), hoặc
- Một khoản phí cố định được tính cho một dịch vụ duy nhất do chính quyền của quý vị cung cấp (ví dụ phí cắt cỏ \$30 vì nó mọc cao hơn mức cho phép theo sắc lệnh địa phương).



Quý vị phải nhìn vào hóa đơn thuế bất động sản để xác định có bất kỳ khoản phí thành phần nào không được khấu trừ, ví dụ như những khoản được liệt kê ở trên, được bao gồm trong hóa đơn thuế hay không. Nếu cơ quan thuế của quý vị (hoặc người cho vay thế chấp) không cung cấp bản sao hóa đơn thuế bất động sản, quý vị hãy yêu cầu được cung cấp.

Trường hợp ngoại lệ. Chi phí dịch vụ được sử dụng để duy trì hoặc cải thiện dịch vụ (chẳng hạn như thu gom rác hoặc cảnh sát và phòng cháy chữa cháy) được khấu trừ như thuế bất động sản nếu:

- Phí hoặc lệ phí đó được áp theo một tỷ lệ giống nhau đối với tất cả các bất động sản trong khu vực pháp lý đánh thuế;
- Số tiền thu được không được tính riêng; thay vào đó, chúng được nhập vào các quỹ thu nhập chung; và
- Số tiền được sử dụng để duy trì hoặc cải thiện dịch vụ không bị giới hạn hoặc được xác định bởi số tiền phí hoặc lệ phí thu được.

Thuế chuyển tài sản (hoặc thuế trước bạ). Thuế chuyển giao tài sản và các loại thuế và chi phí tương tự đối với việc bán nhà cá nhân sẽ không được khấu trừ. Nếu chúng được người bán thanh toán, chúng sẽ là chi phí bán hàng và làm giảm số tiền bán. Nếu được người mua thanh toán, chúng được tính vào giá của tài sản.

Giá thuê tăng do thuế bất động sản cao hơn. Nếu chủ nhà của quý vị tăng tiền thuê nhà dưới lệ phí thu thêm do thuế bất động sản tăng, quý vị không thể khấu trừ khoản tiền tăng này dưới dạng thuế.

Chi phí hiệp hội chủ sở hữu nhà ở. Những chi phí này không được khấu trừ vì chúng được áp bởi hiệp hội chủ nhà, chứ không phải chính quyền địa phương hoặc tiểu bang.

Thuế Tài Sản Cá Nhân

Thuế bất động sản cá nhân được khấu trừ nếu đó là thuế tiểu bang hoặc địa phương:

- Được tính trên tài sản cá nhân;
- Chỉ dựa trên giá trị của tài sản cá nhân; và
- Được thu hàng năm, ngay cả khi được thu nhiều hoặc ít hơn một lần mỗi năm.

Một loại thuế đáp ứng các yêu cầu trên có thể được coi là tính trên tài sản cá nhân ngay cả khi đó là để thực hiện một đặc quyền. Ví dụ, thuế hàng năm dựa trên giá trị đủ điều kiện là thuế đánh trên tài sản cá nhân ngay cả khi nó được gọi là phí đăng ký và dành cho đặc quyền đăng ký xe cơ giới hoặc sử dụng chúng trên đường cao tốc.

Nếu thuế được dựa một phần trên giá trị và một phần trên các thử thách khác, nó có thể đủ điều kiện từng phần.

Ví dụ: Tiểu bang của quý vị tính thuế trước bạ xe cơ giới hàng năm là 1% giá trị cộng với 50 xu cho mỗi tạ. Quý vị đã trả \$32 dựa trên giá trị (\$1.500) và trọng lượng (3.400 lbs.) của chiếc xe của quý vị. Quý vị có thể khấu trừ \$15 (1% x \$1.500) như thuế đánh trên tài sản cá nhân vì nó dựa trên giá trị. Phần còn lại \$17 (\$0,50 x 34), dựa trên cân nặng, không được khấu trừ.

Thuế và Phí Quý Vị Không Thể Khấu Trừ

Nhiều loại thuế chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương không được khấu trừ vì chúng không nằm trong các danh mục đã thảo luận ở phần trên. Các loại thuế và phí khác, chẳng hạn như thuế thu nhập liên bang, không được khấu trừ vì luật thuế đặc biệt nghiêm cấm việc khấu trừ đối với chúng. Xem [Bảng 11-1](#).

Các khoản thuế và phí thường không được khấu trừ bao gồm các khoản sau.

- **Thuế việc làm** Các loại thuế bao gồm an sinh xã hội, Medicare, và thuế hưu trí đường sắt được khấu trừ từ lương của quý vị. Tuy nhiên, một nửa số thuế tự kinh doanh quý vị phải trả sẽ được khấu trừ. Thêm vào đó, các khoản thuế an sinh xã hội và việc làm khác mà quý vị phải trả dựa trên tiền lương của một người làm thuê tại gia có thể được gộp trong chi phí y tế mà quý vị có thể khấu trừ hoặc chi phí chăm sóc trẻ em cho phép quý vị yêu cầu tín thuế chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc. Để tìm hiểu thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 502, Chi Phí Y Tế và Nha Khoa, và Ấn Phẩm 503, Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc.
- **Thuế di sản, thừa kế, di tặng hoặc kế thừa.** Quý vị có thể khấu trừ thuế di sản được tính vào thu nhập của một người quá cố nếu quý vị, với tư cách là người thụ hưởng, phải bao gồm thu nhập đó vào tổng thu nhập của quý vị. Trong trường hợp đó, hãy khấu trừ thuế di sản trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 559, Người Còn Lại, Người Thi Hành và Người Quản Lý.
- **Thuế thu nhập liên bang.** Khoản này bao gồm thuế thu nhập được khấu trừ từ lương của quý vị.
- **Tiền phạt và hình phạt.** Quý vị không thể khấu trừ tiền phạt và hình phạt đã trả cho chính quyền do vi phạm bất kỳ luật nào, bao gồm cả các khoản liên quan bị tịch thu làm tiền ký quỹ.
- **Thuế bất động sản hoặc thuế tài sản cá nhân từ nước ngoài.**
- **Thuế quà tặng.**
- **Lệ phí cấp giấy phép.** Quý vị không thể khấu trừ lệ phí cấp giấy phép cho các mục đích cá nhân (chẳng hạn như phí chứng nhận kết hôn, giấy phép lái xe và thú cưng).
- **Thuế tính theo đầu người.** Quý vị không thể khấu trừ thuế tính theo đầu người của tiểu bang hoặc địa phương.

Nhiều loại thuế và phí khác ngoài những loại thuế được liệt kê ở trên cũng không được khấu trừ,

trừ khi chúng là những chi phí cần thiết theo thông thường của một hoạt động kinh doanh hoặc sản xuất tạo ra thu nhập. Để biết thêm các mục không được khấu trừ thuế khác, xem [Các Mục Liên Quan Đến Bất Động Sản Quý Vị Không Thể Khấu Trừ](#) ở phần trước.

Khấu Trừ Ở Đâu

Quý vị khấu trừ thuế trên các bảng sau.

Thuế thu nhập địa phương và tiểu bang. Các khoản thuế này được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, ngay cả khi nguồn thu nhập duy nhất của quý vị là từ kinh doanh, tiền thuê nhà hoặc bản quyền.

Giới hạn khoản khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương. Việc khấu trừ thuế tiểu bang và địa phương được giới hạn ở mức \$10.000 (\$5.000 nếu vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế). Thuế tiểu bang và thuế địa phương là các loại thuế mà quý vị gộp trong Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, 5b và 5c. Bao gồm thuế được áp đặt bởi một vùng lãnh thổ Hoa Kỳ với thuế tiểu bang và thuế địa phương của quý vị trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a, 5b và 5c. Tuy nhiên, không bao gồm bất kỳ khoản thuế nào áp bởi vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ mà quý vị đã trả và được phân bổ cho thu nhập bị loại trừ.



Quý vị có thể muốn nhận tín thuế cho thuế áp bởi vùng lãnh thổ của Hoa Kỳ thay vì một khoản khấu trừ. Xem hướng dẫn cho Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 1, để biết chi tiết.

Thuế tiêu thụ tổng quát. Thuế tiêu thụ được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a. Quý vị phải đánh dấu vào ô ở dòng 5a. Nếu quý vị chọn khấu trừ thuế tiêu thụ, quý vị không thể khấu trừ thuế thu nhập của tiểu bang và địa phương trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 5a.

Thuế thu nhập từ nước ngoài. Thông thường, thuế thu nhập quý vị trả cho một quốc gia nước ngoài hoặc vùng lãnh thổ thuộc Hoa Kỳ có thể được khai như khoản khấu trừ khoản trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 6, hoặc như tín thuế cho thuế thu nhập Hoa Kỳ của quý vị trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 1. Để yêu cầu tín thuế, quý vị có thể phải hoàn thành và đính kèm Mẫu 1116. Để biết thêm thông tin, hãy xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040, hoặc Ấn Phẩm 514.

Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân. Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), lần lượt ở dòng 5b và 5c, trừ khi chúng được thanh toán trên tài sản được sử dụng trong doanh nghiệp của quý vị, trong trường hợp đó, chúng được khấu trừ trên Bảng C (Mẫu 1040) hoặc Bảng F (Mẫu 1040). Thuế áp dụng trên tài sản tạo ra thu nhập từ cho thuê hoặc thu nhập từ tác quyền được khấu trừ trên Bảng E (Mẫu 1040).

Thuế tự kinh doanh. Khấu trừ một nửa thuế tự doanh của quý vị trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 15.

Các khoản thuế khác. Tất cả các loại thuế được khấu trừ khác được khấu trừ trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 6.

12.

Khấu Trừ Từng Khoản Khác

Quy Định Mới

Mức vận phí tiêu chuẩn cho mỗi dặm đường. Mức vận phí năm 2022 dành cho mỗi xe mà doanh nghiệp sử dụng là 58.5 xu một dặm từ ngày 1 tháng 1, 2022 đến ngày 30 tháng 6, 2022, và 62.5 xu một dặm từ ngày 1 tháng 7, 2022 đến ngày 31 tháng 12, 2022..

Nhắc nhở

Chi Phí của Chuyên Gia Giáo Dục Chi phí của chuyên gia giáo dục bao gồm các khoản được thanh toán hoặc phát sinh sau ngày 12 tháng 3 năm 2020, cho thiết bị bảo hộ cá nhân, chất khử trùng và các vật tư khác được sử dụng để ngăn ngừa sự lây lan của vi-rút Corona. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem hướng dẫn cho Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 10 và *Educator Expenses (Chi Phí của Nhà Giáo)* trong Ấn Phẩm 529, Các Khấu Trừ Hỗn Hợp.

Không cho phép khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp. Quý vị không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ từng khoản hỗn hợp nữa. Khấu trừ từng khoản khác là những khoản khấu trừ có thể đã chịu hạn mức 2% tổng thu nhập đã điều chỉnh (AGI). Xem phần [Khấu Trừ Từng Khoản Hỗn Hợp](#) ở phần sau.

Tiền phạt và hình phạt. Các quy định liên quan đến khấu trừ hình phạt và hình phạt đã thay đổi. Xem phần [Tiền Phạt và Hình Phạt](#) ở phần sau.

Giới thiệu

Chương này giải thích rằng quý vị không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ từng khoản hỗn hợp, trừ khi trường hợp của quý vị rơi vào các danh mục việc làm đủ điều kiện yêu cầu khấu trừ liên quan đến chi phí nhân viên chưa hoàn trả. Khấu trừ từng khoản hỗn hợp là những khoản khấu trừ có thể đã chịu hạn mức 2% của AGI. Quý vị vẫn có thể yêu cầu một số chi phí nhất định để khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040), Bảng A (Mẫu 1040-NR) hoặc làm khoản điều chỉnh thu nhập trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR. Chương này trình bày về các chủ đề sau.

- Khấu trừ từng khoản hỗn hợp.
- Chi phí quý vị không được khấu trừ.
- Chi phí quý vị được khấu trừ.
- Cách khai báo khoản khấu trừ.



Quý vị phải giữ lại hồ sơ để xác minh khoản khấu trừ. Quý vị nên giữ lại các biên lai, séc đã hủy, séc thay thế, sao kê trương mục tài chính và các loại chứng từ hồ sơ khác. Để biết thêm thông tin về lưu giữ hồ sơ, xem [Tôi Nên Giữ Những Hồ Sơ Nào?](#) trong chương 1.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 463** Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng và Xe Hơi
- 525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- 529** Các Khấu Trừ Hỗn Hợp
- 535** Chi Phí Kinh Doanh
- 547** Thiệt Hại, Thiên Tai, và Trộm Cắp
- 575** Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim
- 587** Sử Dụng Nhà Riêng cho Mục Đích Kinh Doanh.
- 946** Cách Tính Khấu Hao Tài Sản

Mẫu (và Hướng dẫn)

- Bảng A (Mẫu 1040)** Khấu Trừ Từng Khoản
- 2106** Chi Phí Kinh Doanh cho Nhân Viên
- 8839** Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện
- Bảng K-1 (Mẫu 1041)** Phần Thu Nhập, Khoản Khấu Trừ, Tín Thuế, v.v., của Người Thụ Hưởng

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms \(tiếng Anh\)](#).

Khấu Trừ Từng Khoản Hỗn Hợp

Quý vị không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ từng khoản hỗn hợp mà phải chịu hạn mức 2% AGI, bao gồm cả chi phí nhân viên chưa hoàn trả. Tuy nhiên, quý vị có thể khấu trừ một số chi phí kinh doanh cho nhân viên chưa hoàn trả nhất định nếu trường hợp của quý vị rơi vào một trong các danh mục việc làm được liệt kê trong phần [Chi Phí Nhân Viên Chưa Hoàn Trả](#) tiếp theo.

Chi Phí Nhân Viên Chưa Hoàn Trả

Quý vị không thể tiếp tục yêu cầu khấu trừ chi phí nhân viên chưa hoàn trả trừ khi trường hợp của quý vị rơi vào một trong các danh mục việc làm sau đây.

- Quân nhân trừ bị Quân Lực.
- Nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn.
- Viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí.
- Nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật.

Thể Loại Việc Làm

Quý vị có thể khấu trừ chi phí nhân viên chưa hoàn trả chỉ khi quý vị đủ tiêu chuẩn là quân nhân trừ bị Quân Lực, nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn, viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí hoặc một nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật.

Quân nhân trừ bị Quân Lực (thành viên của một nhóm trừ bị). Quý vị là thành viên của một

nhóm trừ bị trong Quân Lực Hoa Kỳ nếu tham gia Lục Quân, Thủy Quân, Thủy Quân Lục Chiến, Không Lực hoặc Tuần Duyên Trừ Bị; Vệ Binh Quốc Gia Hoa Kỳ; hoặc Bình Chung Trừ Bị của Cơ Quan Dịch Vụ Y Tế Công Cộng.

Nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn. Quý vị là nghệ sĩ trình diễn đủ tiêu chuẩn nếu quý vị:

1. Đã trình diễn phục vụ trong bộ môn nghệ thuật biểu diễn với tư cách nhân viên cho ít nhất hai chủ lao động trong năm tính thuế,
2. Nhận thù lao từ ít nhất hai chủ lao động với mức tiền công \$200 trở lên từ mỗi chủ lao động,
3. Có chi phí kinh doanh được hỗ trợ do trình diễn nghệ thuật cao hơn 10% tổng thu nhập từ trình diễn nghệ thuật, và
4. Có AGI bằng \$16.000 trở xuống trước khi khấu trừ chi phí với tư cách nghệ sĩ trình diễn.

Viên chức chính quyền tiểu bang hoặc địa phương có thù lao từ phí. Quý vị là viên chức có thù lao từ phí đủ tiêu chuẩn nếu làm việc cho một tiểu bang hoặc cơ quan chính trị của một tiểu bang và có toàn bộ hoặc một phần thù lao từ phí.

Nhân viên có chi phí công việc liên quan đến khuyết tật. Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật là chi phí được phép của một cá nhân có khuyết tật thể chất hoặc tinh thần trả cho việc chăm sóc tận nơi ở nơi làm việc của người đó. Chi phí này cũng bao gồm các chi phí khác liên quan đến nơi làm việc cho phép nhân viên đủ làm việc. Tham khảo Ấn Phẩm 463, Chi Phí Đi Lại, Quà Tặng và Ô Tô để biết thêm chi tiết.

Chi phí nhân viên chưa hoàn trả được phép. Nếu quý vị đủ tiêu chuẩn là nhân viên thuộc một trong các danh mục nói trên, quý vị có thể khấu trừ các khoản sau đây dưới dạng chi phí nhân viên chưa hoàn trả.

Chi phí nhân viên chưa hoàn trả dành cho các cá nhân trong những danh mục việc làm này được khấu trừ dưới dạng khoản điều chỉnh tổng thu nhập. Nhân viên đủ tiêu chuẩn được liệt kê ở một trong các danh mục nói trên phải hoàn thành Mẫu 2106, Chi Phí Kinh Doanh cho Nhân Viên, để được khấu trừ.

Quý vị chỉ có thể khấu trừ các khoản chi phí nhân viên chưa hoàn trả đã được thanh toán hoặc phát sinh trong năm tính thuế, để thực hiện hoạt động thương mại hay kinh doanh của quý vị với tư cách nhân viên, một cách cần thiết theo thông lệ.

Một chi phí là theo thông lệ nếu chi phí đó là phổ biến và được chấp nhận trong ngành nghề, lĩnh vực hoặc chuyên môn của quý vị. Một chi phí là cần thiết nếu chi phí đó thích hợp và giúp ích cho công việc của quý vị. Một chi phí không cần phải là bắt buộc mới được coi là cần thiết.

Chi Phí của Nhà Giáo

Nếu quý vị là một chuyên gia giáo dục đủ điều kiện trong năm 2022, quý vị có thể khấu trừ tối đa \$300 chi phí đủ tiêu chuẩn mà quý vị đã trả năm 2022 dưới dạng khoản điều chỉnh tổng thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11, thay vì dưới dạng khấu trừ từng khoản khác. Nếu hai vợ chồng quý vị khai thuế chung và cùng là chuyên gia giáo dục đủ điều kiện, khoản khấu trừ tối đa là \$600. Dù vậy, không người nào trong hai vợ chồng có thể khấu trừ trên \$300 từ chi phí đủ tiêu chuẩn của người đó. Để biết thêm thông tin, tham khảo phần *Educator Expenses (Chi*

Phí của Nhà Giáo) trong Ấn Phẩm 529, Các Khoản Trừ hỗn hợp.



Chi phí của chuyên gia giáo dục bao gồm các khoản được thanh toán hoặc phát sinh sau ngày 12 tháng 3 năm 2021, cho thiết bị bảo hộ cá nhân, chất khử trùng và các vật tư khác được sử dụng để ngăn ngừa sự lây lan của vi-rút Corona. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem hướng dẫn cho Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 11 và Educator Expenses (Chi Phí của Nhà Giáo) trong Ấn Phẩm 529, Các Khoản Trừ hỗn hợp.

Chi Phí Quý Vị Không Được Khấu Trừ

Do việc tạm ngưng khấu trừ từng khoản khác, có hai loại chi phí quý vị không thể khấu trừ: khấu trừ từng khoản khác phải chịu hạn mức 2% AGI và những chi phí vốn không được khấu trừ theo Bộ Luật Thuế Vụ. Cả hai loại khoản khấu trừ trên đều được giải thích ở phần tiếp theo.

Khoản Khấu Trừ Khác Chịu Hạn Mức 2% AGI

Nếu trường hợp của quý vị không rơi vào các danh mục việc làm đủ tiêu chuẩn trong phần [Chi Phí Nhân Viên Chưa Hoàn Trả](#) ở trước, quý vị không thể tiếp tục đòi hỏi khoản khấu trừ từng khoản khác phải chịu hạn mức 2% AGI. Với các chi phí không liên quan đến chi phí nhân viên chưa hoàn trả, ngay cả khi trường hợp của quý vị rơi vào một trong các danh mục việc làm đủ tiêu chuẩn trong danh sách ở phần trước, thì thông thường quý vị vẫn không thể khấu trừ các chi phí sau đây.

Phí Thảm Định

Phí thảm định mà quý vị trả để tính toán thiệt hại vì tai biến hoặc giá cả phải chăng trên thị trường của tài sản được quyền tặng là khấu trừ từng khoản khác và không còn khấu trừ được nữa.

Mất Mát do Thiệt Hại và Trộm Cắp

Tài sản bị hư hại hoặc mất cắp được sử dụng trong thi hành nhiệm vụ với tư cách nhân viên là một khoản khấu trừ hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Với các mất mát do thiệt hại và trộm cắp, tham khảo Ấn Phẩm 547, Thiệt Hại, Thiên Tai và Trộm Cắp

Hỗ Trợ Hành Chính và Tiền Thuê Văn Phòng

Các chi phí văn phòng như tiền thuê nhà và hỗ trợ hành chính mà quý vị trả liên quan đến các khoản đầu tư và thu lợi tức chịu thuế trên các khoản đầu tư đó là khấu trừ từng khoản khác và không còn được khấu trừ nữa.

Phí Tiện Lợi Thẻ Tín Dụng hoặc Ghi Nợ

Phí tiện lợi do nhà xử lý thẻ thu để trả tiền thuế thu nhập của quý vị (bao gồm cả các khoản thuế ước tính) bằng thẻ tín dụng hoặc ghi nợ là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Khấu Hao Máy Tính Gia Đình

Nếu quý vị sử dụng máy tính gia đình để tạo thu nhập (ví dụ như để quản lý các khoản đầu tư tạo ra

thu nhập chịu thuế), thì khấu hao của máy tính đó cho phần sử dụng máy tính đó là một khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Phí Để Thu Tiền Lãi và Cổ Tức

Các khoản phí mà quý vị trả cho người môi giới, ngân hàng, người được ủy thác hay đại diện tương tự để thu tiền lãi hoặc cổ tức chịu thuế trên cổ phần chứng khoán là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không thể khấu trừ được nữa.

Chi Phí cho Sở Thích

Sở thích không phải là một hoạt động kinh doanh vì nó không được thực hiện để sinh lời. Chi phí cho sở thích là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không thể khấu trừ được nữa. Xem [Not-for-Profit Activities \(Hoạt Động Phi Lợi Nhuận\)](#) ở chương 1 của Ấn Phẩm 535, Chi Phí Kinh Doanh.

Khấu Trừ Gián Tiếp của Thực Thể Truyền Qua

Các thực thể truyền qua gồm có công ty hợp danh, công ty S và quỹ tương hỗ chưa được niêm yết công khai. Khấu trừ của thực thể truyền qua được truyền qua cho những thành viên hoặc cổ đông. Phần khấu trừ truyền qua đối với chi phí đầu tư của thành viên hoặc cổ đông là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Quỹ tương hỗ chưa được niêm yết công khai. Những quỹ này sẽ gửi cho quý vị một Mẫu 1099-DIV, Cổ Tức và Khoản Phân Phối, hoặc một mẫu thay thế, thể hiện phần tổng thu nhập và chi phí đầu tư của quý vị. Các chi phí đầu tư được khai báo trên Mẫu 1099-DIV là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Phí và Chi Phí Đầu Tư

Phí đầu tư, phí giám hộ, phí quản lý quỹ ủy thác và các chi phí khác mà quý vị đã trả để quản lý các khoản đầu tư tạo ra thu nhập chịu thuế là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Chi Phí Lập Pháp

Thông thường, quý vị có thể khấu trừ các chi phí lập pháp phát sinh khi cố gắng tạo hoặc thu thu nhập chịu thuế hoặc lệ phí mà quý vị trả liên quan đến việc xác định, thu hoặc hoàn bất kỳ loại thuế nào.

Chi phí lập pháp phát sinh khi cố gắng tạo hoặc thu thu nhập chịu thuế hoặc lệ phí mà quý vị trả liên quan đến việc xác định, thu hoặc hoàn bất kỳ loại thuế nào là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Quý vị có thể khấu trừ chi phí giải quyết các vấn đề về thuế liên quan đến lãi hoặc lỗ từ hoạt động kinh doanh được khai báo trên Bảng C (Mẫu 1040), Lợi Nhuận hoặc Lỗ từ Kinh Doanh, từ tiền cho thuê hoặc tiền bản quyền được khai báo trên Bảng E (Mẫu 1040), Thu Nhập và Lỗ Bổ Sung, hoặc từ thu nhập và chi phí hoạt động nông nghiệp được khai báo trên Bảng F (Mẫu 1040), Lợi Nhuận hoặc Lỗ từ Nông Nghiệp, theo bảng liệt kê đó. Chi phí giải quyết các vấn đề thuế không liên quan đến hoạt động kinh doanh là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa.

Mất Mát trên Tiền Kỳ Gửi

Để biết thông tin về việc quý vị có được khấu trừ một khoản mất mát trên tiền kỳ gửi ở một cơ quan tài chính đủ tiêu chuẩn không và nếu có thì phải làm thế nào, vui lòng tham khảo [Mất Mát do Kỳ Gửi Tiền ở Ấn Phẩm 547](#).

Hoàn Trả Thu Nhập

Nhìn chung, các khoản hoàn trả số tiền mà quý vị đã tính vào thu nhập trong năm trước là một khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Nếu quý vị đã phải hoàn trả hơn \$3.000 mà quý vị đã tính vào thu nhập trong năm trước, quý vị có thể khấu trừ số tiền đó. Xem phần [Hoàn Trả Theo Yêu Cầu Đòi Quyền](#) ở phần sau.

Hoàn Trả Phúc Lợi An Sinh Xã Hội

Để biết thông tin về cách khấu trừ các khoản hoàn trả phúc lợi an sinh xã hội nhất định, tham khảo phần [Hoàn Trả Nhiều Hơn Tổng Phúc Lợi](#) ở chương 7.

Tiền Thuê Kết Kỳ Quỹ An Toàn

Tiền thuê mà quý vị trả để có kết kỳ quỹ an toàn mà quý vị sử dụng để bảo quản trái phiếu, chứng khoán tạo ra thu nhập chịu thuế hoặc giấy tờ liên quan đến đầu tư là khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Quý vị cũng không được khấu trừ tiền thuê nếu sử dụng kết này để bảo quản trang sức, các vật dụng cá nhân khác hay chứng khoán miễn thuế.

Phí Dịch Vụ trên Chương Trình Tái Đầu Tư Cổ Tức

Phí dịch vụ mà quý vị trả với tư cách người tham gia một chương trình tái đầu tư cổ tức là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Các khoản phí dịch vụ này bao gồm tiền trả để:

- Nắm giữ cổ phần mua được thông qua một chương trình,
- Thu và tái đầu tư cổ tức tiền mặt, và
- Lưu hồ sơ cá nhân và cung cấp sao kê tài khoản chi tiết.

Phí Chuẩn Bị Thuế

Phí chuẩn bị thuế cho tờ khai thuế cho năm mà quý vị trả là một khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Phí này bao gồm chi phí cho chương trình phần mềm chuẩn bị thuế và ấn phẩm về thuế. Nó còn gồm bất kỳ khoản phí nào mà quý vị đã trả để khai thuế điện tử cho tờ khai thuế của quý vị.

Phí Hành Chính của Người Được Ủy Thác cho IRA

Phí hành chính cho người được ủy thác được lập hóa đơn riêng và do quý vị trả liên quan đến IRA của quý vị là khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp và không còn khấu trừ được nữa. Để biết thêm thông tin về IRA, xem [chương 9](#).

Chi Phí Không Được Khấu Trừ

Ngoài các khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp được giải thích ở phần trước, quý vị không thể khấu trừ các chi phí sau.

Danh Sách Chi Phí Không Được Khấu Trừ

- Chi phí nhận con nuôi.
- Hoa hồng của người môi giới.
- Chi phí chôn cất hoặc tang lễ, bao gồm chi phí mua lô đất trong nghĩa trang.
- Chi phí vận động.
- Chi phí vốn.
- Phí viết séc.
- Phí hội viên câu lạc bộ.
- Chi phí đi lại.
- Các loại phí và giấy phép, chẳng hạn như giấy phép lái xe, giấy đăng ký kết hôn và phí nuôi chó.
- Tiền phạt hoặc hình phạt.
- Chi phí spa chăm sóc sức khỏe.
- Thiệt hại cho sở thích, nhưng hãy xem phần [Chi Phí cho Sở Thích](#) ở phần trước.
- Sửa chữa, bảo hiểm và tiền thuê nhà.
- Hệ thống an ninh cho nhà ở.
- Hối lộ và lo lót bất hợp pháp. Xem phần *Bribes and kickbacks (Hối lộ và lo lót)* ở chương 11, Ấn Phẩm 535.
- Hội thảo liên quan đến đầu tư.
- Phí bảo hiểm nhân thọ do bên được bảo hiểm thanh toán.
- Chi phí vận động hành lang.
- Lỗ do bán nhà, đồ đạc, xe hơi cá nhân, v.v.
- Tiền mặt hoặc tài sản mất mát hoặc để sai chỗ.
- Ăn trưa với đồng nghiệp.
- Bữa ăn khi làm việc trễ.
- Chi phí y tế dưới dạng chi phí kinh doanh ngoài các lần khám y tế theo yêu cầu của chủ lao động.
- Phí mua bảo hiểm khuyết tật cá nhân.
- Lệ phí cá nhân.
- Chi phí cá nhân, sinh hoạt hoặc của gia đình.
- Đóng góp chính trị.
- Phí cấp phép chuyên môn.
- Chi phí nâng cao uy tín nghề nghiệp.
- Đóng góp quỹ cứu trợ.
- Đường dây điện thoại cố định tại nơi ở.
- Chi phí tham dự cuộc họp cố đồng.
- Chi phí nhận/thu thập thu nhập được miễn thuế.
- Giá trị tiền công chưa từng nhận hay thời gian nghỉ phép đã mất.
- Chi phí công tác cho cá nhân khác.
- Phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp thất nghiệp.
- Đồng hồ đeo tay.

Chi Phí Nhận Con Nuôi

Quý vị không được khấu trừ các chi phí nhận con nuôi nhưng có thể nhận tín thuế cho các chi phí này. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện, để tìm hiểu thêm thông tin.

Chi Phí Vận Động

Quý vị không được khấu trừ chi phí vận động của một ứng viên cho bất kỳ chức vụ nào, ngay cả khi ứng viên đó đang vận động tái tranh cử cho chức vụ đó. Chi phí này bao gồm cả phí ghi danh và xét duyệt bầu cử sơ bộ.

Chi phí lập pháp. Quý vị không thể khấu trừ chi phí lập pháp cho phí biện hộ phát sinh do việc tham gia một cuộc vận động chính trị.

Phí Viết Séc trên Tài Khoản Cá Nhân

Nếu quý vị có một tài khoản chi trả bằng các séc cá nhân, quý vị không thể khấu trừ các khoản phí mà ngân hàng thu để có đặc quyền viết séc, ngay cả khi tài khoản đó có trả tiền lời.

Phí Hội Viên Câu Lạc Bộ

Nói chung, quý vị không được khấu trừ chi phí thể hội viên tại bất kỳ câu lạc bộ nào được tổ chức cho mục đích kinh doanh, vui chơi, giải trí hay giao lưu khác. Trong đó có câu lạc bộ kinh doanh, xã hội, thể dục thể thao, nhà hàng, hàng không, khách sạn, golf, và câu lạc bộ xã giao.

Quý vị không được khấu trừ phí hội viên trả cho một tổ chức nếu một trong các mục đích của phí này là để:

- Thực hiện các hoạt động giải trí cho hội viên hoặc khách của hội viên, hoặc
- Cung cấp quyền sử dụng các cơ sở giải trí cho hội viên hoặc khách của hội viên.

Phí hội viên được trả cho các câu lạc bộ hàng không, khách sạn hoặc nhà hàng không được khấu trừ.

Chi Phí Đi Lại

Quý vị không được khấu trừ chi phí đi lại (chi phí di chuyển từ nhà tới nơi làm việc chính hoặc thường xuyên và ngược lại). Nếu phải chuyển các công cụ, dụng cụ hoặc vật dụng khác lên xe riêng đến/từ nơi làm việc, quý vị chỉ có thể khấu trừ chi phí bổ sung để chuyển vật dụng như tiền thuê xe kéo để chở vật dụng.

Tiền Phạt và Hình Phạt

Nhìn chung, không được phép áp dụng khấu trừ cho hình phạt và hình phạt đã nộp cho chính quyền hoặc cơ quan phi chính phủ được chỉ định cho hành vi vi phạm bất kỳ điều luật nào ngoại trừ trong các trường hợp sau đây.

- Số tiền cấu thành khoản bồi thường.
- Số tiền được trả để tuân thủ luật pháp.
- Số tiền được trả hoặc phát sinh do một số trát tòa mà trong đó không có bên nào là cơ quan chính phủ hay cơ quan phi chính phủ được chỉ định.
- Số tiền được trả hoặc phát sinh do các khoản thuế phải trả.

Số tiền không được khấu trừ bao gồm số tiền được trả để dàn xếp trách nhiệm pháp lý trên thực tế hoặc có thể xảy ra bằng hình phạt hoặc hình phạt (dân sự hoặc hình sự). Tiền phạt hoặc hình phạt gồm số tiền được trả như vé phạt đậu xe, hình phạt thuế và hình phạt được khấu trừ từ phiếu lương của giáo viên sau một lần đình công phi pháp.

Không được áp dụng khấu trừ cho tiền bồi thường hoặc số tiền được trả để tuân thủ luật pháp, trừ khi số tiền đó được chỉ rõ cụ thể trong thỏa thuận

dàn xếp hoặc trát tòa. Ngoài ra, bất kỳ số tiền nào được trả hoặc phát sinh dưới dạng bồi hoàn cho chính quyền chi phí của bất kỳ cuộc điều tra hay kiện tụng nào đều không đủ điều kiện xét ngoại lệ và không được khấu trừ.

Chi Phí Spa Chăm Sóc Sức Khỏe

Quý vị không được khấu trừ chi phí spa chăm sóc sức khỏe, ngay cả khi công việc yêu cầu quý vị phải duy trì tình trạng sức khỏe tốt, chẳng hạn như yêu cầu dành cho viên chức thi hành luật pháp.

Hệ Thống An Ninh cho Nhà Ở

Quý vị không được khấu trừ chi phí hệ thống an ninh cho nhà ở dưới dạng khoản khấu trừ khác. Tuy nhiên, quý vị có thể yêu cầu khấu trừ chi phí an ninh nhà ở dưới dạng chi phí kinh doanh nếu có văn phòng tại nhà. Xem về *Hệ thống an ninh* trong phần *Tính Khoản Khấu Trừ ở Ấn Phẩm 587*.

Hội Thảo Liên Quan đến Đầu Tư

Quý vị không được khấu trừ bất cứ chi phí nào cho việc tham gia một hội nghị, hội thảo hoặc cuộc họp tương tự cho mục đích đầu tư.

Phí Bảo Hiểm Nhân Thọ

Quý vị không được khấu trừ phí mua bảo hiểm mà quý vị trả cho bảo hiểm nhân thọ của mình. Quý vị có thể khấu trừ phí bảo hiểm mà quý vị trả cho hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cho vợ/chồng cũ, dưới dạng trợ cấp ly hôn. Tham khảo Ấn Phẩm 504, Các Cá Nhân Đã Ly Hôn hoặc Ly Thân để biết thông tin về trợ cấp ly hôn.

Chi Phí Vận Động Hành Lang

Nói chung, quý vị không được khấu trừ số tiền đã trả hoặc phát sinh cho chi phí vận động hành lang. Các chi phí này bao gồm chi phí để:

- Gây ảnh hưởng đến luật pháp;
- Tham gia hoặc can thiệp vào bất cứ cuộc vận động chính trị nào ủng hộ hoặc đối đầu với bất cứ ứng cử viên cho chức vụ công nào;
- Nỗ lực gây ảnh hưởng đến công chúng hoặc các tầng lớp trong công chúng về hoạt động bầu cử, vấn đề lập pháp hoặc trung cầu dân ý; hoặc
- Trao đổi trực tiếp với các viên chức của nhánh điều hành mà mình hỗ trợ với ý định gây ảnh hưởng đến hành động hoặc lập trường chính thức của các viên chức đó.

Chi phí vận động hành lang cũng bao gồm bất cứ số tiền nào đã trả hoặc phát sinh để nghiên cứu, chuẩn bị, lập kế hoạch hoặc điều phối bất kỳ hoạt động nào trong số này.

Phí hội viên được sử dụng để vận động hành lang. Nếu một tổ chức miễn thuế thông báo với quý vị rằng một phần phí hội viên hoặc số tiền khác mà quý vị trả cho tổ chức đó được sử dụng để trả chi phí vận động hành lang không được khấu trừ, thì quý vị không được khấu trừ phần đó. Xem phần *Chi Phí Vận Động Hành Lang* trong Ấn Phẩm 529 để biết thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

Tiền Mặt hoặc Tài Sản Mất Mát hoặc Để Sai Chỗ

Quý vị không được khấu trừ một tổn thất dựa trên sự biến mất đơn thuần của tiền bạc hay tài sản. Tuy

nhiên, một mất mát hoặc sự biến mất ngẫu nhiên của tài sản có thể đủ tiêu chuẩn trở thành một tổn thất nếu nó xuất phát từ một sự kiện có thể nhận biết có tính chất bất ngờ, ngoài ý muốn hoặc bất thường. Tham khảo Ấn Phẩm 547 để biết thêm thông tin.

Ăn Trưa với Đồng Nghiệp

Quý vị không được khấu trừ chi phí ăn trưa với đồng nghiệp, trừ trường hợp xảy ra khi đi công tác xa nhà. Tham khảo Ấn Phẩm 463 để biết thông tin về các chi phí được khấu trừ khi đi công tác xa nhà.

Bữa Ăn Khi Làm Việc Trễ

Quý vị không được khấu trừ chi phí bữa ăn khi làm việc trễ. Tuy nhiên, quý vị có thể yêu cầu khấu trừ nếu chi phí bữa ăn là chi phí giao tế có thể khấu trừ, hoặc nếu quý vị đang đi công tác xa nhà. Tham khảo Ấn Phẩm 463 để biết thông tin về chi phí giao tế được khấu trừ và chi phí được khấu trừ khi đi công tác xa nhà.

Chi Phí Lập Pháp Cá Nhân

Quý vị không được khấu trừ chi phí lập pháp cá nhân như các chi phí cho những mục đích sau đây.

- Trông nom con cái.
- Kiện tụng do vi phạm lời hứa kết hôn.
- Lệ phí dân sự hoặc hình sự phát sinh từ mối quan hệ cá nhân.
- Tiền bồi thường thiệt hại do thương tích cá nhân, trừ trường hợp có khiếu nại người thổi còi và phân biệt đối xử bất hợp pháp nhất định.
- Chuẩn bị yêu sách (hoặc biện hộ hay hoàn thiện một yêu sách).
- Chuẩn bị di chúc.
- Khiếu nại về tài sản hoặc dàn xếp tài sản trong vụ ly hôn.

Quý vị không được khấu trừ các chi phí này, ngay cả khi kết quả tố tụng là tổn thất tài sản tạo ra thu nhập.

Đóng Góp Chính Trị

Quý vị không được khấu trừ khoản đóng góp cho một ứng cử viên chính trị, một ủy ban chiến dịch hay một quỹ thư thông tin. Quảng cáo trong các bảng tin hội nghị và suất ăn tối hay chương trình có lợi cho một chính đảng hay ứng cử viên của chính đảng đều không được khấu trừ.

Phí Cấp Phép Chuyên Môn

Quý vị không được khấu trừ các loại phí cấp phép chuyên môn như sau.

- Phí cấp chứng chỉ kế toán được trả để có quyền hành nghề kế toán ban đầu.
- Lệ phí thi vào hội luật sư và phụ phí để được kết nạp ban đầu vào hội luật sư.
- Phí giấy phép y khoa và nha khoa nộp để được cấp phép ban đầu.

Uy Tín Nghề Nghiệp

Quý vị không được khấu trừ chi phí xuất hiện trên phương tiện truyền thanh và truyền hình để nâng cao danh tiếng cá nhân hay xây dựng uy tín nghề nghiệp.

Đóng Góp Quỹ Cứu Trợ

Quý vị không được khấu trừ các khoản đóng góp vào một chương trình tư nhân chi trả quyền lợi cho bất kỳ nhân viên nào được bao trả và không thể lao động do có thương tích hoặc bệnh trạng không liên quan đến nghề nghiệp.

Dịch Vụ Điện Thoại Cố Định Tại Nơi Ở

Quý vị không được khấu trừ bất cứ chi phí (đã bao gồm thuế) nào cho dịch vụ điện thoại cố định địa phương cơ bản để có đường dây điện thoại cố định đầu tiên cho nơi cư trú của mình, ngay cả khi nó được sử dụng trong hoạt động thương mại hay kinh doanh.

Hợp Cổ Đông

Quý vị không được khấu trừ chi phí đi lại và các chi phí khác mà quý vị trả để tham dự cuộc họp cổ đông của các công ty mà quý vị sở hữu cổ phần nhưng không còn lợi nhuận nào khác. Quý vị không được khấu trừ các chi phí này ngay cả khi tham dự cuộc họp để tiếp nhận những thông tin có thể có ích để đầu tư thêm.

Chi Phí cho Thu Nhập Được Miễn Thuế

Quý vị không được khấu trừ chi phí để tạo ra thu nhập được miễn thuế. Quý vị không được khấu trừ thu nhập trên một khoản nợ phát sinh hoặc tiếp diễn để mua hoặc nắm giữ chứng khoán miễn thuế.

Nếu quý vị có chi phí để tạo ra cả thu nhập chịu thuế và thu nhập miễn thuế nhưng không thể xác định được chi phí nào tạo ra loại lợi nhuận nào, quý vị phải chia chi phí trên cơ sở số tiền của mỗi loại thu nhập để xác định số tiền mà quý vị được khấu trừ.

Chi Phí Công Tác cho Cá Nhân Khác

Nói chung, quý vị không được khấu trừ chi phí công tác mà quý vị trả hoặc phát sinh cho vợ/chồng, người phụ thuộc hay cá nhân khác đi cùng quý vị (hoặc nhân viên của quý vị) trong chuyến công tác hoặc chuyến đi cá nhân, trừ khi người vợ/chồng, người phụ thuộc hoặc cá nhân khác đó là nhân viên của người đóng thuế, chuyển công tác có mục đích kinh doanh chân thật và chi phí đó sẽ được khấu trừ cho chính người vợ/chồng, người phụ thuộc hoặc cá nhân khác đó. Tham khảo Ấn Phẩm 463 để biết thêm thông tin về chi phí công tác được khấu trừ.

Phần Góp Tự nguyện trong Quỹ Trợ Cấp Thất Nghiệp

Quý vị không được khấu trừ phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp thất nghiệp cho một quỹ công đoàn hay quỹ tư nhân. Dù vậy, quý vị được khấu trừ phần góp dưới dạng thuế nếu luật pháp tiểu bang yêu cầu quý vị đóng góp vào một quỹ thất nghiệp tiểu bang bao trả cho quý vị về tổn thất tiền công do thất nghiệp vì điều kiện kinh doanh.

Đồng Hồ Đo Tay

Quý vị không được khấu trừ chi phí đồng hồ đo tay, ngay cả khi công việc yêu cầu quý vị nắm được chính xác thời gian để thực hiện đúng phận sự.

Chi Phí Quý Vị Được Khấu Trừ

Quý vị không được khấu trừ các khoản được liệt kê dưới đây dưới dạng khấu trừ từng khoản. Hãy khai báo các khoản này trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, hoặc Bảng A (Mẫu 1040-NR), dòng 7.

Danh Sách Khoản Khấu Trừ

Mỗi khoản sau đây được trình bày chi tiết sau danh sách (trừ những chỗ được nói rõ).

- Tiền trả thêm có thể khấu hao trên trái phiếu dài hạn chịu thuế.
- Tổn thất do tai biến và trộm cắp tài sản tạo ra thu nhập.
- Khấu trừ vượt mức cho tài sản thừa kế hoặc tài sản tín chấp.
- Thuế tài sản thừa kế liên bang trên thu nhập liên quan đến một người quá cố.
- Tiền thua cược đến mức bằng tiền thắng cược.
- Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật của người khuyết tật.
- Lỗ do mô hình đầu tư kiểu Ponzi (xem Ấn Phẩm 547 để tìm hiểu thêm thông tin).
- Hoàn trả trên \$3.000 theo yêu cầu đòi quyền.
- Khiếu nại phân biệt đối xử bất hợp pháp.
- Khoản đầu tư vào niên kim chưa hoàn vốn.

Tiền Trả Thêm Có Thể Khấu Hao trên Công Khố Phiếu Chịu Thuế

Nhìn chung, nếu số tiền mà quý vị trả cho một trái phiếu dài hạn lớn hơn số tiền gốc ghi trên trái phiếu dài hạn đó, thì phần vượt quá chính là tiền trả thêm cho trái phiếu dài hạn. Quý vị có thể chọn trừ dần số tiền trả thêm trên trái phiếu dài hạn chịu thuế đó. Nói chung, việc trừ dần số tiền trả thêm là cách đền bù cho thu nhập từ tiền lãi trên trái phiếu dài hạn đó chứ không phải là một khoản khấu trừ riêng.

Một phần số tiền trả thêm trên một số loại trái phiếu dài hạn có thể là khoản khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040). Để biết thêm thông tin, xem phần *Amortizable Premium on Taxable Bonds (Tiền Trả Thêm Có Thể Khấu Hao trên Công Khố Phiếu Chịu Thuế)* trong Ấn Phẩm 529 và *Bond Premium Amortization (Khấu Hao Tiền Trả Thêm cho Trái Phiếu)* trong chương 3, Ấn Phẩm 550, Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư.

Mất Mát Do Thiệt Hại và Trộm Cắp của Tài Sản Tạo Ra Thu Nhập

Quý vị có thể khấu trừ mất mát do thiệt hại hoặc trộm cắp dưới dạng khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16, nếu tài sản bị hư hại hoặc mất cắp là tài sản tạo ra thu nhập (tài sản được giữ để đầu tư như cổ phiếu, trái phiếu trung hạn, trái phiếu dài hạn, vàng, bạc, lô đất trống và tác phẩm nghệ thuật). Trước hết, hãy khai báo mất mát trên Mẫu 4684, Đơn B. Quý vị cũng có thể phải khai mất mát trên Mẫu 4797 nếu được yêu cầu nộp mẫu đó. Để tính khoản khấu trừ của mình, quý vị hãy thêm tất cả các mất mát do thiệt hại hoặc trộm cắp từ loại tài sản liên quan trên Mẫu 4684, dòng 32 và 38b, hoặc Mẫu 4797, dòng 18a. Để biết thêm thông tin về mất mát do thiệt hại và trộm cắp, tham khảo Ấn Phẩm 547.

Khấu Trừ Vượt Mức cho Di Sản hoặc Quỹ Ủy Thác

Thông thường, nếu di sản hoặc quỹ ủy thác có một khoản khấu trừ vượt mức do tổng số tiền khấu trừ lớn hơn tổng thu nhập của nó trong năm thuế cuối cùng của di sản hoặc quỹ ủy thác, người thụ hưởng có thể khấu trừ các khoản khấu trừ vượt mức, tùy thuộc vào đặc điểm của nó. Các khoản khấu trừ vượt mức giữ nguyên tính chất của chúng như một sự điều chỉnh để đạt được tổng thu nhập đã điều chỉnh trên Bảng 1 (Mẫu 1040), như một khoản không khấu trừ từng khoản được khai báo trên Bảng A (Mẫu 1040) hoặc như một khoản khấu trừ từng khoản hỗn hợp. Để biết thêm thông tin về các khoản khấu trừ vượt mức của di sản hoặc quỹ ủy thác, xem Hướng Dẫn cho Bảng K-1 (Mẫu 1041) cho Người Thụ Hưởng Nộp Mẫu 1040.

Thuế Di Sản Liên Bang trên Thu Nhập Liên Quan đến Một Người Quá Cố

Quý vị được khấu trừ thuế di sản liên bang từ thu nhập liên quan đến một người quá cố mà quý vị tính vào tổng thu nhập với tư cách người thụ hưởng. Thu nhập liên quan đến người quá cố đó là tổng thu nhập mà người quá cố có thể đã nhận nếu chưa qua đời và chưa được tính hợp thức trong tờ khai thuế thu nhập cuối cùng của người quá cố. Tham khảo Ấn Phẩm 559, Người Còn Lại, Người Thi Hành và Người Quản Lý, để biết thêm thông tin.

Tiền Thua Cược đến mức bằng Tiền Thắng Cược

Quý vị phải khai báo đầy đủ số tiền thắng cược của mình trong năm trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 8b. Quý vị khấu trừ số tiền thua cược của mình trong năm trên Bảng A (Mẫu 1040), dòng 16. Quý vị không được khấu trừ số tiền thua cược lớn hơn thắng cược.



Quý vị không được lấy số tiền thắng cược trừ đi số tiền thua cược và khai báo phần chênh lệch. Quý vị phải khai báo đủ số tiền thắng dưới dạng thu nhập và khai báo số tiền thua (tối đa bằng số tiền thắng) dưới dạng khấu trừ từng khoản. Vì vậy, hồ sơ của quý vị phải thể hiện số tiền thắng và thua cược riêng rẽ.



Nhật ký thắng thua cược. Quý vị phải lưu một nhật ký chính xác hoặc sổ ghi chép tương tự về các khoản thắng, thua cược.

Nhật ký của quý vị nên có tối thiểu các thông tin sau.

- Ngày và loại khoản tiền hoặc hoạt động thanh toán tiền cụ thể của quý vị.
- Tên và địa chỉ hoặc vị trí của cơ sở cá cược.
- Tên của những người khác cùng có mặt với quý vị tại cơ sở cá cược.
- Số tiền quý vị thắng hoặc thua.

Xem Ấn Phẩm 529 để biết thêm thông tin.

Chi Phí Công Việc Liên Quan Đến Khuyết Tật

Nếu quý vị bị khuyết tật thể chất hoặc tinh thần gây hạn chế khả năng nhận việc của quý vị hoặc hạn chế về căn bản một hoặc nhiều hoạt động sinh hoạt quan trọng của quý vị, như thực hiện các công việc chân tay, đi lại, trò chuyện, hít thở, học tập và lao động, quý vị có thể khấu trừ chi phí công việc liên quan đến khuyết tật của mình.

Chi phí công việc liên quan đến khuyết tật là những chi phí kinh doanh cần thiết theo thông lệ cho dịch vụ chăm sóc tận nơi làm việc của quý vị hoặc các chi phí khác liên quan đến nơi làm việc và là cần thiết để quý vị đủ khả năng lao động.

Người tự kinh doanh. Nếu quý vị tự kinh doanh, hãy nhập chi phí công việc liên quan đến khuyết tật trên mẫu thích hợp (Bảng C (Mẫu 1040), Bảng E (Mẫu 1040) hoặc Bảng F (Mẫu 1040)) được sử dụng để khai báo thu nhập và chi phí kinh doanh của quý vị.

Hoàn Trả Theo Yêu Cầu Đòi Quyền

Nếu quý vị đã phải hoàn trả trên \$3.000 mà quý vị đã tính vào thu nhập trong năm trước vì tại thời điểm đó quý vị cho rằng mình có quyền làm điều này không hạn chế, thì quý vị có thể khấu trừ số tiền mà quý vị đã hoàn trả hoặc nhận tín thuế để trừ vào thuế. Xem phần [Hoàn Trả](#) ở chương 8 để biết thêm thông tin.

Khiếu Nại Phân Biệt Đối Xử Bất Hợp Pháp

Đối với phí luật sư và án phí cho các vụ kiện được hòa giải hoặc phán quyết sau ngày 22 tháng 10 năm 2004, liên quan đến một khiếu nại về hành vi phân biệt đối xử bất hợp pháp, khiếu nại chống lại Chính Phủ Hoa Kỳ hoặc khiếu nại đưa ra theo điều 1862(b) (3)(A), Đạo Luật An Sinh Xã Hội, quý vị có thể khấu trừ các loại phí này dưới dạng điều chỉnh thu nhập trên Bảng 1 (Mẫu 1040 hoặc), dòng 24h. Tuy nhiên, số tiền quý vị được khấu trừ trên Bảng 1 (Mẫu 1040), dòng 24h, chỉ giới hạn ở số tiền xét xử hoặc dàn xếp mà quý vị tính vào thu nhập cho năm chịu thuế. Xem Ấn Phẩm 525, Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế, để biết thêm thông tin.

Khoản Đầu Tư vào Niên Kim Chưa Hoàn Vốn

Một người nghỉ hưu đã đóng góp vào chi phí niên kim có thể không tính vào thu nhập một phần của mỗi lần thanh toán nhận được dưới dạng lợi tức miễn thuế từ khoản đầu tư của người nghỉ hưu đó. Nếu người nghỉ hưu qua đời trước khi toàn bộ tiền đầu tư được hoàn vốn và miễn thuế, thì bất cứ số tiền đầu tư chưa hoàn vốn nào cũng được khấu trừ trên tờ khai thuế thu nhập cuối cùng của người nghỉ hưu đó. Xem Ấn Phẩm 575, Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim, để biết thêm thông tin về cách xử lý thuế đối với hưu bổng và niên kim.

Phần Bốn.

Tính Thuế của Quý Vị, và Tín Thuế Có Thể Hoàn Lại và Không Hoàn Lại

Hai chương trong phần này giải thích cách tính thuế của quý vị. Các chương này cũng giải thích về các loại tín thuế, không giống như khấu trừ, mà được trừ thẳng vào tiền thuế của quý vị và giảm thuế cho quý vị từng đô la.

Các bảng liệt kê của Mẫu 1040 và 1040-SR được giải thích trong những chương này là:

- Bảng 1, Thu Nhập Bổ Sung và Điều Chỉnh Thu Nhập;
- Bảng 2, Thuế Bổ Sung; và
- Bảng 3, Tín Thuế và Thanh Toán Bổ Sung.

13.

Cách Tính Thuế

Giới thiệu

Sau khi quý vị tính xong thu nhập và các khoản khấu trừ, bước tiếp theo của quý vị là tính thuế. Chương này thảo luận về:

- Các bước thông thường mà quý vị thực hiện để tính thuế,
- Một khoản thuế bổ sung mà quý vị có thể phải trả được gọi là thuế tối thiểu thay thế (alternative minimum tax, AMT), và
- Những điều kiện quý vị phải đáp ứng nếu muốn IRS tính thuế của quý vị.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Ấn Phẩm

- 503** Chi Phí Chăm Sóc Trẻ Em và Người Phụ Thuộc
- 505** Khấu Lưu Thuế và Thuế Ước Tính
- 524** Tín Thuế cho Người Cao Niên hoặc Người Khuyết Tật
- 525** Thu Nhập Chịu Thuế và Không Chịu Thuế
- 531** Khai Báo Thu Nhập Tiền Bo
- 550** Thu Nhập và Chi Phí Đầu Tư
- 560** Kế Hoạch Hưu Trí cho Doanh Nghiệp Nhỏ (SEP, SIMPLE, và Kế Hoạch Đủ Điều Kiện)
- 575** Thu Nhập Lương Hưu và Niên Kim
- 596** Tín Thuế Thu Nhập Kiểm Được (EIC)
- 926** Hướng Dẫn Thuế cho Chủ Lao Động Tại Gia
- 929** Quy Tắc Thuế cho Trẻ Em và Người Phụ Thuộc
- 969** Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe và Các Chương Trình Sức Khỏe Được Ưu Đãi Thuế Khác

- 970** Lợi Ích Thuế cho Giáo Dục
- 974** Tín Thuế Bảo Phí (PTC)
- Mẫu (và Hướng dẫn)**
- W-2** Báo Cáo Tiền Lương và Thuế
- Bảng SE (Mẫu 1040)** Thuế Tự Kinh Doanh
- Bảng 8812 (Mẫu 1040)** Tín Thuế cho Trẻ Em và Người Phụ Thuộc Khác Đủ Điều Kiện

- 1116** Tín Thuế Nước Ngoài
- 3800** Tín Thuế Tổng Quát Cho Doanh Nghiệp
- 4136** Tín Thuế cho Thuế Liên Bang đã Trả cho Nhiên Liệu
- 4970** Thuế trên Phân Phối Tích Lũy của Quỹ Ủy Thác
- 5329** Thuế Bổ Sung trên Các Kế Hoạch Đủ Điều Kiện (kể cả IRA) và Các Tài Khoản Được Ưu Đãi Về Thuế Khác
- 5405** Hoàn Trả Tín Thuế Cho Người Mua Nhà Lần Đầu
- 5695** Tín Thuế Năng Lượng Tư Gia
- 5884** Tín Thuế Cơ Hội Việc Làm
- 8396** Tín Thuế Tiền Lãi Nợ Vay Mua Nhà
- 8801** Tín Thuế cho Thuế Tối Thiểu Năm Trước – Cá Nhân, Di Sản và Quỹ Ủy Thác
- 8835** Tín Thuế Sản Xuất Điện Tái Tạo
- 8839** Chi Phí Nhận Con Nười Đủ Điều Kiện
- 8846** Tín Thuế cho Thuế Medicare và An Sinh Xã Hội của Chủ Lao Động Đã Trả trên Một Số Tiền Bo của Nhân Viên
- 8853** Các Chương Trình Archer MSA và Các Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn
- 8880** Tín Thuế Đóng Góp Tiết Kiệm Hưu Trữ Đủ Điều Kiện
- 8889** Tài Khoản Tiết Kiệm dành cho Sức Khỏe (HSA)
- 8910** Tín Thuế Phương Tiện Động Cơ Thay Thế Khác

- 8912** Tín Thuế cho Người Có Trái Phiếu Tín Thuế
- 8936** Tín Thuế cho Phương Tiện Động Cơ Điện Cẩm Điện Đủ Điều Kiện (Bao Gồm Phương Tiện Hai Bánh Điện Cẩm Điện Đủ Điều Kiện)
- 8959** Thuế Medicare Bổ Sung
- 8960** Thuế Thu Nhập Đầu Tư Ròng – Cá Nhân, Di Sản và Quỹ Ủy Thác
- 8962** Tín Thuế Bảo Phí (PTC)

Tính Thuế

Thuế thu nhập được tính căn cứ trên thu nhập chịu thuế. Sau khi quý vị tính thuế thu nhập và AMT, nếu có, hãy trừ đi những tín thuế và cộng thêm mọi khoản thuế khác mà quý vị nợ. Kết quả là tổng thuế của quý vị. Hãy đối chiếu tổng thuế này với tổng các khoản thanh toán của quý vị để xác định xem quý vị được hoàn thuế hay phải nộp thuế.

Phần này cung cấp đề cương tổng quát về cách tính thuế. Quý vị có thể tìm thấy hướng dẫn theo từng bước trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.

Thuế. Hầu hết người đóng thuế đều sử dụng Bảng Thuế hoặc [Bảng Tính Thuế](#) để tính thuế thu nhập của mình. Tuy nhiên, sẽ có các phương pháp đặc biệt nếu thu nhập của quý vị có bao gồm bất kỳ khoản nào sau đây.

- Lãi vốn ròng. Xem Ấn Phẩm 550.
- Cổ tức đủ điều kiện chịu cùng thuế suất như lãi vốn ròng. Xem Ấn Phẩm 550.
- Phân phối một lần. Xem Ấn Phẩm 575.
- Thu nhập từ nông nghiệp hoặc ngư nghiệp. Xem Bảng J (Mẫu 1040).
- Thuế đối với một số trẻ em có thu nhập không kiếm được. Xem Ấn Phẩm 929.
- Cha mẹ chọn khai báo tiền lãi và thu nhập của con. Xem Ấn Phẩm 929.
- Loại trừ thu nhập kiếm được hoặc nhà ở từ nước ngoài. (Xem Mẫu 2555, Thu Nhập Kiểm Được Ở Nước Ngoài, và Bảng Tính Thuế Cho Thu Nhập Kiểm Được Ở Nước Ngoài trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.)

Tín thuế. Sau khi quý vị tính ra thuế thu nhập và bất kỳ [AMT](#) nào của mình (được thảo luận sau), hãy xác định xem quý vị có đủ điều kiện nhận tín thuế nào không. Thông tin về khả năng hội đủ điều kiện nhận các tín thuế này sẽ được thảo luận trong các ấn

phẩm khác và phần hướng dẫn cho các mẫu của quý vị. Các mục sau đây kê ra một số loại tín thuế mà quý vị có thể trừ vào khoản thuế của mình và cho biết những nơi quý vị có thể tìm thêm thông tin về mỗi loại tín thuế.

- Tín thuế nhận con nuôi. Xem Mẫu 8839.
- Tín thuế phương tiện động cơ thay thế. Xem Mẫu 8910.
- Tín thuế chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc. Xem Ấn Phẩm 503.
- Tín thuế trẻ em. Xem Bảng 8812 (Mẫu 1040).
- Tín thuế cho thuế Medicare và an sinh xã hội chủ lao động đã trả trên một số tiền bo của nhân viên. Xem Mẫu 8846.
- Tín thuế cho người có trái phiếu tín thuế. Xem Mẫu 8912.
- Tín thuế giáo dục. Xem Ấn Phẩm 970.
- Tín thuế cho người cao niên hoặc người khuyết tật. Xem Ấn Phẩm 524.
- Tín thuế nước ngoài. Xem Mẫu 1116.
- Tín thuế tổng quát cho doanh nghiệp. Xem Mẫu 3800.
- Tín thuế tiền lãi nợ vay mua nhà. Xem Mẫu 8396.
- Tín dụng cho phương tiện động cơ điện cầm điện. Xem Mẫu 8936.
- Tín thuế bảo phí. Xem Ấn Phẩm 974.
- Tín thuế cho thuế tối thiểu của năm trước. Xem Mẫu 8801.
- Tín thuế sản xuất điện tái tạo. Xem Mẫu 8835.
- Tín thuế năng lượng sạch tư gia. Xem Mẫu 5695.
- Tín thuế đóng góp tiết kiệm hưu trí. Xem Mẫu 8880.
- Tín thuế cơ hội việc làm. Xem Mẫu 5884.

Một số tín thuế (như tín thuế thu nhập kiếm được) không được liệt kê ở đây vì các tín thuế này được xem như khoản tiền được thanh toán. Xem phần [Thanh toán](#) ở phần sau.

Các khoản thuế khác. Sau khi quý vị trừ đi các khoản tín thuế, hãy xác định xem quý vị có còn phải trả loại thuế nào nữa không. Chương này không giải thích các loại thuế khác này. Quý vị có thể tìm thấy thông tin đó trong các ấn phẩm khác cũng như hướng dẫn cho mẫu. Xem danh sách sau để biết các loại thuế khác mà quý vị có thể cần cộng vào thuế thu nhập của mình.

- Thuế Medicare bổ sung. Xem Mẫu 8959.
- Thuế bổ sung trên tài khoản ABLE. Xem Ấn Phẩm 969.
- Thuế bổ sung trên các chương trình Archer MSA và các hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn. Xem Mẫu 8853.
- Thuế bổ sung trên Coverdell ESA. Xem Mẫu 5329
- Thuế bổ sung trên HSA. Xem Mẫu 8889.
- Thuế bổ sung trên thu nhập quý vị nhận được từ một kế hoạch thủ lao tri hoãn không đủ điều kiện mà không đáp ứng một số yêu cầu nhất định. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế bổ sung trên các kế hoạch đủ điều kiện và các tài khoản được ưu đãi về thuế khác. Xem Mẫu 5329

- Thuế bổ sung trên kế hoạch hưu trí đủ điều kiện và các tài khoản hưu trí cá nhân. Xem Mẫu 5329
- Thuế bổ sung trên chương trình tiền học đủ điều kiện. Xem Ấn Phẩm 970
- Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với khoản bồi thường cổ phiếu nội bộ từ một công ty nước ngoài. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế việc làm tại gia. Xem Ấn Phẩm 926.
- Lãi từ thuế tri hoãn trên thu nhập từ một số giao dịch bán trả góp với giá bán trên \$150.000. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Lãi từ thuế phải nộp trên thu nhập từng phần thu được do bán một số lô đất thổ cư nhất định và khung thời gian. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế thu nhập đầu tư ròng. Xem Mẫu 8960.
- Thu hồi tín thuế giáo dục. Xem Ấn Phẩm 970
- Thu hồi các loại tín thuế khác. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Hoàn trả tín thuế cho người mua nhà lần đầu. Xem Mẫu 5405.
- Đoạn 72(m)(5) thuế trên lợi ích vượt mức. Xem Ấn Phẩm 560.
- Thuế tự kinh doanh. Xem Bảng SE (Mẫu 1040).
- Thuế Medicare và an sinh xã hội trên tiền bo. Xem Ấn Phẩm 531.
- Thuế Medicare và an sinh xã hội trên tiền công. Xem Ấn Phẩm 525.
- Thuế trên phân phối tích lũy của quỹ ủy thác. Xem Mẫu 4970.
- Thuế trên thanh toán cho dù vàng. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn. Xem Mẫu W-2.
- Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên tiền bo. Xem Ấn Phẩm 531.

Quý vị cũng có thể phải trả [AMT](#) (được thảo luận ở phần sau của chương này).

Thanh toán. Sau khi quý vị xác định tổng thuế, tính tổng số tiền quý vị đã thanh toán cho năm đó. Bao gồm cả các loại tín thuế được coi như khoản thanh toán. Chương này không giải thích các khoản thanh toán và tín thuế này. Quý vị có thể tìm thấy thông tin đó trong các ấn phẩm khác cũng như hướng dẫn cho mẫu. Xem danh sách các khoản thanh toán và tín thuế sau đây mà quý vị có thể đưa vào tổng số khoản thanh toán của mình.

- Tín thuế cơ hội Mỹ. Xem Ấn Phẩm 970
- Tín thuế trẻ em bổ sung. Xem Bảng 8812 (Mẫu 1040).
- Tín thuế cho thuế liên bang đã trả cho nhiên liệu. Xem Mẫu 4136.
- Tín thuế trên lãi vốn chưa phân phối. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Tín thuế thu nhập kiếm được. Xem Ấn Phẩm 596.
- Thuế ước tính đã trả. Xem Ấn Phẩm 505
- Khấu lưu thuế an sinh xã hội và RRTA vượt mức. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Khấu lưu thuế thu nhập liên bang. Xem Ấn Phẩm 505

- Tín thuế bảo phí ròng. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 8962 hoặc Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Tín thuế cho nghỉ bệnh và lý do gia đình đủ điều kiện. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.
- Thuế đã đóng với gia hạn. Xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.

Hoàn thuế hoặc nợ thuế Để xác định xem quý vị được hoàn thuế hay phải thực hiện thanh toán, hãy đối chiếu tổng khoản thanh toán với tổng thuế. Nếu quý vị được hoàn thuế, xem hướng dẫn của mẫu để biết thông tin về cách để ký gửi trực tiếp số tiền đó vào một hoặc nhiều tài khoản của quý vị (bao gồm IRA truyền thống, IRA Roth hoặc IRA SEP), hoặc để mua trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ thay vì nhận séc giấy.

Thuế Tối Thiểu Thay Thế (Alternative Minimum Tax, AMT)

Mục này giải thích ngắn gọn về một khoản thuế bổ sung mà quý vị có thể phải đóng.

Luật thuế có xử lý đặc biệt với một số loại thu nhập và cho phép khấu trừ và tín thuế đặc biệt với một số loại chi phí. Người đóng thuế hưởng lợi từ sự xử lý đặc biệt này có thể phải đóng ít nhất là số tiền thuế tối thiểu thông qua một loại thuế bổ sung gọi là AMT.

Quý vị có thể phải đóng AMT nếu thu nhập chịu thuế của quý vị cho các mục đích thuế thông thường khi kết hợp với một số điều chỉnh nhất định và mục ưu đãi về thuế cho kết quả lớn hơn một số tiền nhất định. Xem Mẫu 6251, Thuế Tối Thiểu Thay Thế – Cá Nhân.

Các điều chỉnh và mục ưu đãi về thuế. Loại điều chỉnh thường gặp hơn và mục ưu đãi về thuế gồm có:

- Cộng thêm mức khấu trừ tiêu chuẩn (nếu yêu cầu);
- Cộng thêm mức khấu trừ từng khoản được yêu cầu cho thuế tiểu bang và địa phương và một số tiền lãi;
- Trừ ra mọi khoản hoàn thuế của tiểu bang và địa phương được tính trong tổng thu nhập;
- Thay đổi khấu hao tăng dần của một số tài sản;
- Chênh lệch giữa lợi nhuận hoặc khoản lỗ từ giao dịch bán tài sản được khai báo cho các mục đích thuế thông thường và mục đích tính AMT;
- Cộng thêm thu nhập nhất định từ quyền chọn cổ phiếu ưu đãi;
- Thay đổi về khấu trừ khoản lỗ từ một số hoạt động thụ động;
- Cộng thêm khoản hao hụt nhất định lớn hơn giá gốc đã điều chỉnh của tài sản;
- Cộng phần khấu trừ cho một số chi phí khoan vô hình; và
- Cộng thêm tiền lãi miễn thuế trên một số trái phiếu hoạt động tư nhân.

Thêm thông tin. Để biết thêm thông tin về AMT, xem Hướng Dẫn cho Bảng 6251.

Thuế do IRS Tính

Nếu quý vị nộp không muộn hơn hạn chót của tờ khai (không tính gia hạn) – tức ngày 18 tháng 4 năm 2023 với hầu hết mọi người – quý vị có thể để IRS tính thuế cho mình trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR.

Nếu IRS tính thuế cho quý vị và quý vị đã trả quá nhiều, quý vị sẽ được hoàn thuế. Nếu quý vị trả chưa đủ, quý vị sẽ nhận được hóa đơn cho phần tiền còn thiếu. Để tránh phải trả lãi hoặc tiền phạt do đóng trễ, quý vị phải trả hóa đơn trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn hoặc không muộn hơn hạn chót của tờ khai, tùy theo ngày nào muộn hơn.

IRS cũng có thể tính tín thuế dành cho người cao niên hay người bị khuyết tật và tín thuế thu nhập kiếm được cho quý vị.

Khi nào IRS không thể tính thuế của quý vị. IRS không thể tính thuế cho quý vị nếu bất kỳ điều nào sau đây áp dụng.

1. Quý vị muốn ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản thanh toán hoặc tài khoản tiết kiệm.
2. Quý vị muốn một phần tiền hoàn thuế được tính vào thuế ước tính 2023 của quý vị.
3. Quý vị đã có thu nhập trong năm từ những nguồn ngoài tiền công, tiền lương, tiền boa, tiền lãi, cổ tức, phúc lợi an sinh xã hội chịu thuế, bồi thường thất nghiệp, phân phối từ IRA, lương hưu, và niên kim.
4. Thu nhập chịu thuế của quý vị từ \$100.000 trở lên.
5. Quý vị có khấu trừ từng khoản.
6. Quý vị nộp bất kỳ mẫu nào sau đây.
 - a. Mẫu 2555, Thu Nhập Kiếm Được Ở Nước Ngoài.
 - b. Mẫu 4137, Thuế An Sinh Xã Hội và Medicare trên Thu Nhập Tiền Boa Chưa Khai Báo.
 - c. Mẫu 4970, Thuế trên Tiền Phân Chia Tích Lũy của Quỹ Ủy Thác.
 - d. Mẫu 4972, Thuế trên Tiền Phân Chia từ Số Tiền Nhận hay Trả Một Lần.
 - e. Mẫu 6198, Giới Hạn Rủi Ro.
 - f. Mẫu 6251, Thuế Tối Thiểu Thay Thế – Cá Nhân.
 - g. Mẫu 8606, IRA không được khấu trừ.
 - h. Mẫu 8615, Thuế dành cho Một Số Trẻ Em Có Thu Nhập Không Do Lao Động
 - i. Mẫu 8814, Cha Mẹ Chọn Khai Báo Tiền Lãi và Cổ Tức của Con Minh.
 - j. Mẫu 8839, Chi Phí Nhận Con Nuôi Đủ Điều Kiện.
 - k. Mẫu 8853, Các Chương Trình Archer MSA và Các Hợp Đồng Bảo Hiểm Chăm Sóc Dài Hạn.
 - l. Mẫu 8889, Tài Khoản Tiết Kiệm Dành Cho Sức Khỏe (HSA).
 - m. Mẫu 8919, Thuế An Sinh Xã Hội và Medicare trên Tiền Công Chưa Thu.

Nộp Tờ Khai Thuế

Sau khi quý vị hoàn tất nhập các dòng cho mẫu đơn khai thuế mà quý vị nộp, hãy điền tên và địa chỉ của

quý vị. Nhập số an sinh xã hội của quý vị ở phần bỏ trống được cung cấp. Nếu quý vị đã lập gia đình, hãy nhập số an sinh xã hội của quý vị và vợ/chồng quý vị, ngay cả khi vợ/chồng khai riêng hồ sơ thuế. Ký tên và đề ngày trên tờ khai thuế và nhập nghề nghiệp của quý vị. Nếu quý vị khai thuế chung, cả hai vợ chồng quý vị đều phải ký tên. Nhập số điện thoại ban ngày của quý vị trong phần bỏ trống được cung cấp. Việc này có thể giúp đẩy nhanh tốc độ xử lý tờ khai thuế của quý vị nếu chúng tôi có thắc mắc có thể giải đáp qua điện thoại. Nếu khai thuế chung, quý vị có thể nhập số điện thoại ban ngày của một trong hai vợ chồng.

Nếu quý vị muốn cho phép người khai thuế, một người bạn, một người nhà hoặc bất kỳ người nào khác do quý vị chọn để trao đổi về tờ khai thuế 2022 với IRS, hãy đánh dấu chọn “Yes (Có)” vào ô trong mục “Third Party Designee (Người Chỉ Định Thứ Ba)” trên tờ khai thuế của quý vị. Ngoài ra, nhập tên, số điện thoại của người được chỉ định và năm chữ số mà người được chỉ định chọn làm mã số nhận diện cá nhân (PIN). Nếu quý vị đánh dấu vào ô “Yes (Có)”, quý vị và vợ/chồng quý vị trong trường hợp khai thuế chung, sẽ cho phép IRS gọi cho người được chỉ định để trả lời mọi câu hỏi có thể phát sinh trong quá trình xử lý tờ khai thuế của quý vị.

Điền và đính kèm mọi bảng liệt kê và mẫu được yêu cầu cung cấp trên các dòng mà quý vị đã hoàn tất vào bản cứng tờ khai thuế của quý vị. Đính kèm một bản của mỗi Mẫu W-2 vào bản cứng tờ khai thuế của quý vị. Đính kèm vào bản cứng tờ khai thuế bất kỳ Mẫu 1099-R nào mà quý vị đã nhận có thuế khấu lưu trong ô 4.

Gửi tờ khai thuế qua đường bưu điện về Trung Tâm Dịch Vụ Sở Thuế Vụ phụ trách khu vực nơi quý vị sinh sống. Trong phần hướng dẫn của tờ khai thuế có danh sách địa chỉ các Trung Tâm Dịch Vụ.

Các Dòng của Mẫu 1040 hoặc 1040-SR

Nếu quý vị muốn IRS tính thuế cho mình. Đọc mẫu 1040 hoặc 1040-SR, từ dòng 1 đến 15, và Bảng 1 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Điền vào các dòng áp dụng cho quý vị và đính kèm Bảng 1 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Vui lòng không điền Mẫu 1040 hay 1040-SR, dòng 16 hay 17.

Nếu quý vị khai thuế chung, hãy sử dụng phần bỏ trống trên vạch kẻ chấm bên cạnh từ “Adjusted Gross Income (Tổng Thu Nhập Được Điều Chính)” ở trang đầu tờ khai thuế để trình bày riêng thu nhập chịu thuế của quý vị và thu nhập chịu thuế của vợ/chồng quý vị.

Đọc Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, từ dòng 19 đến 33, cùng Bảng 2 và 3 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Điền vào các dòng áp dụng cho quý vị và đính kèm Bảng 2 và 3 (Mẫu 1040), nếu áp dụng. Vui lòng không điền Mẫu 1040 hay 1040-SR, các dòng 22, 24, 33 hay từ 34 đến 38. Không điền Bảng 2 (Mẫu 1040), dòng 1 hoặc 3. Ngoài ra, vui lòng cũng không điền Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 6d, nếu quý vị hoàn thành Bảng R (Mẫu 1040), hoặc Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 27, nếu quý vị muốn IRS tính tín thuế trình bày trên các dòng này.

Thanh toán. Nếu quý vị có thuế thu nhập liên bang được khấu lưu thể hiện trên Mẫu W-2, ô 2, Mẫu 1099, ô 4, Mẫu W-2G, ô 4, hoặc một mẫu khác (xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 để biết thêm thông tin) nhập số tiền trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 25. Nhập bất kỳ khoản thuế ước tính nào quý vị đã thực hiện trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 26.

Tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc. Nếu quý vị có thể nhận tín thuế này, hãy hoàn thành Mẫu 2441 và đính kèm mẫu này vào bản cứng tờ khai thuế của quý vị. Nhập số tiền tín thuế trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 2 và/hoặc dòng 13g, cho cái nào áp dụng. IRS sẽ không tính tín thuế này.

Tín thuế bảo phí rỗng. Nếu quý vị có nhận tín thuế này, hãy hoàn thành Mẫu 8962, Tín Thuế Bảo Phí và đính kèm mẫu này vào tờ khai thuế của quý vị. Nhập số tiền tín thuế trên Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 9. IRS sẽ không tính tín thuế này.

Tín thuế dành cho người cao niên hay người bị khuyết tật. Nếu quý vị có thể nhận tín thuế này, IRS có thể tính cho quý vị. Nhập “CFE” trên dòng bên cạnh Bảng 3 (Mẫu 1040), dòng 6d, và đính kèm Bảng R (Mẫu 1040) vào bản cứng tờ khai thuế. Trên Bảng R (Mẫu 1040), đánh dấu vào ô trong Phần I cho tình trạng khai thuế và độ tuổi của quý vị. Hoàn thành các Phần II và III, dòng 11 và 13, nếu áp dụng.

Tín thuế thu nhập kiếm được. Nếu quý vị có thể nhận tín thuế này, IRS có thể tính cho quý vị. Nhập chữ “EIC” trên vạch kẻ chấm ở Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 27. Nếu quý vị chọn sử dụng lương chiến đấu không chịu thuế khi tính EIC nhập số tiền trên vạch kẻ chấm ở Mẫu 1040 và 1040-SR, dòng 1i

Nếu có trẻ đủ điều kiện, quý vị phải điền vào Bảng EIC (Mẫu 1040), Tín Thuế Thu Nhập Kiếm Được, và đính kèm bảng này vào tờ khai bằng giấy của quý vị. Nếu quý vị không cung cấp số an sinh xã hội của trẻ này trên Bảng EIC, dòng 2, tín thuế sẽ bị giảm hoặc không được phép trừ khi trẻ sinh ra và qua đời trong năm 2022.

Nếu tín thuế của quý vị cho bất kỳ năm nào sau năm 1996 bị IRS giảm bớt hoặc không cho phép, quý vị cũng có thể phải nộp Mẫu 8862 cùng với tờ khai thuế. Để biết chi tiết, xem Hướng Dẫn cho Mẫu 1040.

14.

Tín Thuế Trẻ Em và Tín Thuế Cho Người Phụ Thuộc Khác

Quy Định Mới

Tín thuế trẻ em nâng cao đã hết hạn. Nhiều thay đổi cho tín thuế trẻ em (CTC) năm 2021 do Đạo Luật Kế Hoạch Giải Cứu Người Mỹ năm 2021 thực hiện đã hết hạn. Đối với năm thuế 2022:

- Khoản tín thuế nâng cao được phép dành cho trẻ em đủ điều kiện dưới 6 tuổi và trẻ em dưới 18 tuổi đã hết hạn. Đối với năm 2022, số tiền ban đầu của CTC là \$2.000 cho mỗi trẻ đủ điều kiện. Số tiền tín thuế bắt đầu giảm dần khi tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi vượt quá \$200.000 (\$400.000 trong trường hợp khai

thuế chung). Số tiền CTC có thể được yêu cầu dưới dạng tín thuế hoàn lại bị hạn chế như năm 2020, ngoại trừ số tiền tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC) tối đa cho mỗi trẻ đủ điều kiện đã tăng lên \$1.500.

- Sự cho phép tăng tuổi của một trẻ đủ điều kiện đã hết hạn. Một trẻ phải dưới 17 tuổi vào cuối năm 2022 để trở thành đứa trẻ đủ điều kiện.

ACTC và cư dân chân thật của Puerto Rico. Cư dân chân thật của Puerto Rico không còn bắt buộc phải có ba hoặc nhiều hơn trẻ đủ điều kiện để đủ điều kiện yêu cầu ACTC. Cư dân chân thật của Puerto Rico có thể đủ điều kiện để yêu cầu ACTC nếu họ có một hoặc nhiều trẻ đủ điều kiện.

Khoản ứng trước của tín thuế trẻ em. Khoản ứng trước của tín thuế trẻ em chưa phát hành cho năm 2022.

Nhắc nhở

Bảng 8812 (Mẫu 1040). Bảng 8812 (Mẫu 1040) và các hướng dẫn là nguồn duy nhất để tính toán và khai báo tín thuế trẻ em và tín thuế cho người phụ thuộc khác. Các hướng dẫn hiện bao gồm tất cả các bảng tính áp dụng để tính các khoản tín thuế này. Kết quả là, Ấn Phẩm 972, Tín Thuế Trẻ Em, sẽ không được sửa đổi. Đối với các phiên bản năm trước của Ấn Phẩm 972, truy cập [IRS.gov/Pub972](https://www.irs.gov/pub972) (tiếng Anh).

Các từ viết tắt được sử dụng trong chương này. Các từ viết tắt sau đây sẽ được sử dụng trong chương này khi thích hợp.

- ACTC (additional child tax credit) có nghĩa là tín thuế trẻ em bổ sung.
- ATIN (adoption taxpayer identification number) có nghĩa là mã số thuế cho việc nhận con nuôi.
- CTC (child tax credit) có nghĩa là tín thuế trẻ em.
- ITIN (individual taxpayer identification number) có nghĩa là mã số thuế cá nhân.
- ODC (credit for other dependents) có nghĩa là tín thuế cho người phụ thuộc khác.
- SSN (social security number) có nghĩa là số an sinh xã hội.
- TIN (taxpayer identification number) có nghĩa là mã số thuế. TIN có thể là ATIN, ITIN, hoặc SSN.

Trong chương này có thể có các từ viết tắt khác được sử dụng và các từ này sẽ được định nghĩa nếu cần.

Chậm hoàn thuế cho tờ khai thuế yêu cầu ACTC. IRS chưa thể tiến hành hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2 năm 2023 cho những tờ khai thuế yêu cầu ACTC. Khung thời gian này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, thay vì chỉ phần có liên quan đến ACTC.

Giới thiệu

CTC là tín thuế có thể giúp giảm thuế của quý vị tới \$2.000 cho mỗi trẻ đủ tiêu chuẩn để quý vị nhận tín thuế. Xem phần [Hạn mức của CTC và ODC](#) ở phần sau.

ACTC là tín thuế mà quý vị có thể được nhận nếu không thể yêu cầu toàn bộ số tiền CTC.

ODC là tín thuế có thể giúp giảm thuế của quý vị tới \$500 cho mỗi người phụ thuộc đủ điều kiện.



Quý vị không nên nhầm lẫn CTC và ACTC với tín thuế chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc được trình bày ở Ấn Phẩm 503.

Các mục hữu ích

Quý vị có thể nên xem:

Mẫu (và Hướng dẫn)

- Bảng 8812 (Mẫu 1040)**

Tín Thuế cho Trẻ Em Đủ Điều Kiện và Người Phụ Thuộc Khác

- 8862** Thông Tin Để Yêu Cầu Một Số Tín Thuế Sau Khi Không Cho Phép

Để xem các mục này và các mục hữu ích khác, hãy truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/forms) (tiếng Anh).

Yêu Cầu về Mã Số Thuế

Quý vị phải có TIN không muộn ngày đến hạn của tờ khai thuế. Nếu quý vị hoặc vợ/chồng của quý vị nộp hồ sơ chung, không có SSN hay ITIN được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2022 (tính cả thời gian gia hạn), quý vị không thể yêu cầu CTC, ODC hay ACTC trên tờ khai thuế 2021 bản gốc hay bản được điều chỉnh.

Nếu quý vị nộp đơn xin cấp ITIN vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2022 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn) và IRS cấp ITIN cho quý vị theo đơn đó, IRS sẽ xem như ITIN của quý vị được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế.

Mỗi trẻ đủ điều kiện mà quý vị sử dụng cho CTC, hoặc ACTC đều phải có SSN bắt buộc. Nếu quý vị có trẻ đủ điều kiện nhưng chưa có SSN bắt buộc, quý vị không được dùng trẻ này để yêu cầu CTC, hay ACTC trên tờ khai thuế 2022 bản gốc hay bản được điều chỉnh. SSN bắt buộc là số hợp lệ để đi làm và được cấp trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2022 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn).

Nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị được sinh ra và qua đời vào năm 2022 và quý vị không có SSN cho đứa trẻ, hãy đính kèm bản sao giấy khai sinh, giấy chứng tử, hoặc hồ sơ bệnh viện của đứa trẻ. Tài liệu phải cho thấy đứa trẻ được sinh ra còn sống.

Nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị không có SSN bắt buộc nhưng có loại TIN khác được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2022 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn), thì quý vị có thể yêu cầu ODC tương ứng với trẻ đó. Xem phần [Tín Thuế Cho Người Phụ Thuộc Khác \(ODC\)](#) ở sau.

Mỗi người phụ thuộc mà quý vị dùng cho ODC phải có một TIN không muộn hơn ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của quý vị. Nếu quý vị có một người phụ thuộc không có SSN, ITIN hay ATIN được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2022 (tính cả thời gian gia hạn), thì quý vị không thể dùng người phụ thuộc đó để yêu cầu ODC trên tờ khai thuế 2022 bản gốc hay bản được điều chỉnh của mình.

Nếu quý vị nộp đơn xin cấp ITIN hoặc ATIN cho người phụ thuộc vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2022 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn) và IRS cấp ITIN hoặc ATIN theo đơn đó, thì IRS sẽ xem ITIN hoặc ATIN đó là được cấp vào hoặc trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế của quý vị.

Yêu Cầu Không Hợp Lệ

Nếu quý vị yêu cầu CTC, RCTC (tín thuế trẻ em được hoàn lại cho năm 2021), ACTC hoặc ODC mà

có sai sót, và sau này được xác định rằng sai sót đó là do coi thường hoặc cố tình không tuân thủ quy định của CTC, ACTC, hoặc ODC thì quý vị sẽ không được phép yêu cầu bất kỳ loại tín thuế nào trong số này trong vòng 2 năm. Nếu sai sót được xác định là do gian lận, quý vị sẽ không được phép yêu cầu bất kỳ loại tín thuế nào trong số này trong 10 năm. Quý vị cũng có thể phải trả tiền phạt.

Có thể yêu cầu nộp Mẫu 8862. Nếu CTC, RCTC (tín thuế trẻ em được hoàn lại cho năm 2021), ACTC, hoặc ODC của quý vị cho một năm nào đó sau năm 2015 đã bị từ chối hoặc giảm vì bất cứ lý do nào ngoài lỗi đánh máy hoặc toán học, quý vị phải gửi kèm Mẫu 8862 trong tờ khai thuế để yêu cầu CTC, ACTC hoặc ODC, trừ khi có áp dụng ngoại lệ. Xem Mẫu 8862, Thông Tin Để Yêu Cầu Một Số Tín Thuế Sau Khi Không Cho Phép và hướng dẫn cho mẫu này để biết thêm thông tin cũng như để biết có áp dụng ngoại lệ không.

Tín Thuế Trẻ Em (CTC)

CTC dành cho những cá nhân yêu cầu trẻ em là người phụ thuộc nếu trẻ đó đáp ứng các điều kiện bổ sung (được mô tả ở phần sau).

Ghi chú. Tín thuế này khác với và bổ sung cho tín thuế chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc cũng như tín thuế thu nhập kiếm được mà quý vị cũng có thể đủ điều kiện yêu cầu.

Số tiền tối đa quý vị có thể yêu cầu cho tín thuế là \$2.000 cho mỗi trẻ đủ điều kiện là cơ sở để quý vị nhận CTC. Nhưng vui lòng xem [Hạn mức của CTC và ODC](#) ở sau.

Để biết thêm thông tin về yêu cầu CTC, xem phần [Yêu cầu CTC và ODC](#) ở sau.

Trẻ đủ điều kiện cho CTC

Trẻ đủ điều kiện để quý vị nhận CTC nếu trẻ đáp ứng tất cả các hoàn cảnh sau đây.

- Trẻ là con trai, con gái, con riêng của vợ hay của chồng, con nuôi, anh/em trai, chị/em gái, anh/em trai hoặc chị/em gái là con riêng của mẹ kế/cha dượng, anh/em trai hoặc chị/em gái cùng cha khác mẹ hoặc con cháu của bất kỳ người nào trong số những người này (ví dụ như cháu ruột, cháu trai hoặc cháu gái).
- Trẻ dưới 17 tuổi tại thời điểm cuối năm 2022.
- Trẻ không tự lo được trên một nửa hỗ trợ cho năm 2022.
- Trẻ sống cùng quý vị hơn nửa năm 2022 (tham khảo phần [Ngoại lệ về thời gian sống cùng quý vị](#) ở phần sau).
- Trẻ được kê khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của quý vị. Xem [chương 3](#) để biết thêm thông tin về việc kê khai người khác làm người phụ thuộc.
- Trẻ không nộp tờ khai thuế chung trong năm đó (hoặc chỉ khai để yêu cầu hoàn phần thuế thu nhập bị khấu lưu hoặc thuế ước tính đã đóng).
- Trẻ là công dân Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ, hoặc thường trú nhân người nước ngoài của Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 519. Nếu trẻ được nhận nuôi, xem [Trẻ được nhận nuôi](#) ở phần sau.

Ví dụ. Trẻ của quý vị, B, bước sang tuổi 17 vào ngày 30 tháng 12 năm 2022. B là công dân Hoa Kỳ và có thể được kê khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của quý vị. Quý vị không thể dùng B cháu để yêu cầu CTC hoặc ACTC vì B không **dưới** 17 vào thời điểm cuối năm 2022.



Nếu vào thời điểm cuối năm 2022, trẻ của quý vị 17 tuổi trở lên, xem [Tín Thuế cho Người Phụ Thuộc Khác \(ODC\)](#) ở phần sau.

Con nuôi. Con nuôi luôn được coi như con ruột của quý vị. Trẻ được nhân nuôi bao gồm trẻ được giao cho quý vị nuôi dưỡng hợp pháp theo pháp luật.

Nếu quý vị là công dân Hoa Kỳ hoặc quốc dân Hoa Kỳ và con nuôi của quý vị sống cùng quý vị trọn năm như một thành viên trong hộ gia đình của quý vị trong năm 2022, thì trẻ đó đáp ứng điều kiện 7 ở phần trước để trở thành trẻ đủ điều kiện tính tín thuế trẻ em (hoặc điều kiện 3 ở phần sau để là người đủ điều kiện tính ODC).

Ngoại lệ về thời gian sống cùng quý vị. Trẻ được xem là đã sống cùng quý vị hơn nửa năm trong năm 2022 nếu trẻ sinh ra hoặc qua đời vào năm 2022 và nhà quý vị chính là nơi ở của trẻ này trong hơn nửa quãng thời gian trẻ còn sống. Khoảng thời gian mà quý vị hoặc trẻ vắng mặt tạm thời vì các tình huống đặc biệt, chẳng hạn như đi học, đi nghỉ, công tác, chăm sóc y tế, nghĩa vụ quân sự hoặc giam giữ trong cơ sở dành cho trẻ vị thành niên được tính là thời gian trẻ sống cùng quý vị.

Ngoài ra cũng có các ngoại lệ đối với trẻ bị bắt cóc hoặc con em có cha mẹ ly hôn hoặc ly thân. Để biết chi tiết, xem [Thử Thách Tình Trạng Cư Trú](#) ở chương 3.

Trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người. Một quy định đặc biệt sẽ được áp dụng nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị là trẻ đủ điều kiện của nhiều hơn một người. Để biết chi tiết, xem [Trẻ Đủ Điều Kiện của Nhiều Hơn Một Người](#) ở chương 3.

SSN bắt buộc

Ngoài việc là trẻ đủ điều kiện cho CTC, trẻ của quý vị phải có SSN bắt buộc. SSN bắt buộc là số hợp lệ để đi làm và do Sở An Sinh Xã Hội (SSA) cấp trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế 2022 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn).



Nếu trẻ đủ điều kiện của quý vị không có SSN bắt buộc, vui lòng tham khảo phần [Tín Thuế Cho Người Phụ Thuộc Khác \(ODC\)](#) ở sau.

Nếu trẻ của quý vị là công dân Mỹ ở thời điểm nhận SSN, thì SSN đó hợp lệ để đi làm. Nếu trên thẻ an sinh xã hội của trẻ có in dòng "Not Valid for Employment (Không Được Phép Đi Làm)" và tình trạng di trú của trẻ đã thay đổi và hiện tại trẻ là công dân hoặc thường trú nhân tại Hoa Kỳ, hãy đề nghị SSA cấp thẻ an sinh xã hội mới và không có dòng ghi chú trên. Tuy nhiên, nếu trên thẻ an sinh xã hội của trẻ có in dòng "Valid for Work Only With DHS Authorization (Chỉ Được Phép Đi Làm Khi Được DHS Cho Phép)" thì con em quý vị có SSN bắt buộc khi sự cho phép của Bộ An Ninh Nội Địa (DHS, Department of Homeland Security) còn hợp lệ.

Nếu trẻ chưa có SSN bắt buộc, quý vị không được dùng trẻ này để yêu cầu CTC (hoặc ACTC) trên tờ khai thuế 2022 bản gốc hay bản được điều chỉnh.

Tín Thuế Cho Người Phụ Thuộc Khác (ODC)

Tín thuế này áp dụng cho các cá nhân có người phụ thuộc đáp ứng các điều kiện bổ sung (mô tả sau).

Ghi chú. Tín thuế này khác với và bổ sung cho tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc mà quý vị cũng có thể đủ điều kiện yêu cầu.

Số tiền tối đa quý vị có thể yêu cầu cho tín thuế này là \$500 cho mỗi người phụ thuộc đủ tiêu chuẩn. Xem phần [Hạn mức CTC và ODC](#) ở sau.

Để biết thêm thông tin về yêu cầu ODC, xem phần [Yêu cầu CTC và ODC](#) ở sau.

Người đủ điều kiện cho ODC

Một người đủ điều kiện để quý vị nhận ODC nếu người đó đáp ứng tất cả các điều kiện sau đây.

1. Người đó được kê khai là người phụ thuộc trên tờ khai thuế của quý vị. Xem [chương 3](#) để biết thêm thông tin về việc kê khai người khác làm người phụ thuộc.
2. Quý vị không thể dùng người này làm cơ sở yêu cầu CTC hoặc ACTC. Xem phần [Tín Thuế Trẻ Em \(CTC\)](#) ở trước.
3. Người đó là công dân Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú của Hoa Kỳ. Để biết thêm thông tin, xem Ấn Phẩm 519. Nếu người đó là con nuôi của quý vị, vui lòng xem phần [Trẻ được nhân nuôi](#) ở trước.

Ví dụ. Người phụ thuộc của quý vị 10 tuổi, L, sống tại Mexico. L không phải là công dân Hoa Kỳ, quốc dân Hoa Kỳ hoặc người nước ngoài thường trú của Hoa Kỳ. Quý vị không thể dùng L để yêu cầu ODC.



Quý vị không thể dùng cùng một trẻ để yêu cầu CTC, ACTC, và ODC.

TIN Được Cấp Đúng Thời Hạn

Ngoài việc là người đủ điều kiện cho ODC, người đó phải có SSN, ITIN hoặc ATIN được cấp cho người phụ thuộc vào hoặc trước ngày đến hạn khai thuế 2022 của quý vị (tính cả thời gian gia hạn). Nếu tính đến ngày đó mà người này chưa được cấp SSN, ITIN hay ATIN thì quý vị không thể dùng người này yêu cầu ODC trên tờ khai thuế gốc năm 2022 hoặc tờ khai được điều chỉnh được. Để biết thêm thông tin, xem [Yêu Cầu về Mã Số Thuế](#) ở phần trước.

Hạn mức của CTC và ODC

Số tiền tín thuế cho CTC hoặc ODC của quý vị có thể giảm nếu tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI) đã sửa đổi của quý vị nhiều hơn số tiền hiển thị ở phần dưới đây cho tình trạng khai thuế của quý vị.

- Vợ/chồng khai chung hồ sơ thuế — \$400.000

- Tất cả cá tình trạng khác — \$200.000

AGI. AGI của quý vị là khoản tiền trên dòng 11 của Mẫu 1040, 1040-SR, hoặc 1040-NR mà quý vị có.

Để biết thêm thông tin về hạn mức của RCTC, NCTC, và ODC, xem Hướng Dẫn của Bảng 8812 (Mẫu 1040).

Yêu cầu CTC và ODC

Để yêu cầu CTC hoặc ODC, hãy đảm bảo quý vị đáp ứng các yêu cầu sau đây.

- Quý vị phải nộp Mẫu 1040, 1040-SR, hoặc 1040-NR và điền tên cũng như TIN của từng người phụ thuộc mà quý vị yêu cầu CTC hoặc ODC.
- Quý vị phải nộp Bảng 8812 (Mẫu 8812).
- Quý vị phải nộp Mẫu 8862 nếu áp dụng. Xem phần [Yêu Cầu Không Hợp Lệ](#) ở phần trước.
- Quý vị phải nhập TIN được cấp đúng thời hạn trên tờ khai thuế cho mình và vợ/chồng của mình (nếu khai thuế chung). Xem phần [Yêu Cầu về Mã Số Thuế](#) ở phần trước.
- Với mỗi trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi mà quý vị yêu cầu CTC, quý vị phải nhập SSN bắt buộc cho trẻ trong cột (2) của mục *Dependents (Người phụ thuộc)* trong tờ khai thuế và đánh dấu chọn ô Child tax credit (Tín thuế trẻ em) ở cột (4). Xem phần [Tín Thuế Trẻ Em \(CTC\)](#) ở trước.
- Với mỗi người phụ thuộc mà quý vị yêu cầu ODC, quý vị phải nhập TIN được cấp đúng thời hạn cho người phụ thuộc đó trong cột (2) của mục *Dependents (Người phụ thuộc)* trong tờ khai thuế và đánh dấu chọn ô Credit for other dependent (Tín thuế cho người phụ thuộc khác) ở cột (4). Xem phần [Tín Thuế Cho Người Phụ Thuộc Khác \(ODC\)](#) ở sau.



Không đánh dấu chọn cả hai ô Tín thuế trẻ em và ô Tín thuế cho người phụ thuộc khác cho cùng một người.

Tín Thuế Trẻ Em Bổ Sung (ACTC)

Tín thuế này áp dụng cho một số cá nhân nhất định nhận được số tiền ít số tiền CTC đầy đủ.



Quý vị không thể sử dụng OTC để tính ACTC. Chỉ có thể dùng CTC để tính ACTC mà thôi. Nếu quý vị không yêu cầu CTC mà yêu cầu ODC, quý vị không thể yêu cầu ACTC.

Thu nhập kiếm được ở nước ngoài. Nếu quý vị nộp Mẫu 2555 (liên quan đến thu nhập kiếm được ở nước ngoài), quý vị không thể yêu cầu ACTC.

Cư dân chân thật của Puerto Rico. Cư dân chân thật của Puerto Rico không còn bắt buộc phải có ba hoặc nhiều hơn trẻ đủ điều kiện để đủ điều kiện yêu cầu ACTC. Xem Bảng 8812 (Form 1040) và hướng dẫn.

Cách yêu cầu ACTC. Để yêu cầu ACTC, xem Bảng 8812 (Mẫu 1040) và hướng dẫn.

Bảng Thuế năm 2022



Xem hướng dẫn cho dòng 16 để xem liệu quý vị có phải sử dụng Bảng Thuế bên dưới để tính thuế của mình hay không.

Ví dụ: Một cặp vợ chồng khai chung hồ sơ thuế. Thu nhập chịu thuế của họ trên Mẫu 1040, dòng 15, là \$25.300. Trước tiên, họ tìm dòng thu nhập chịu thuế \$25.300–25.350. Tiếp theo, họ tìm cột cho vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và rà xuống theo cột đó. Số tiền hiện ở nơi giao nhau giữa dòng thu nhập chịu thuế và cột tình trạng khai thuế là \$2.628. Đây là số tiền thuế mà họ nên nộp vào phần bỏ trống cần nhập trên Mẫu 1040, dòng 16.

Sample Table

At Least	But Less Than	Single	Married filing jointly*	Married filing separately	Head of a household
			Your tax is—		
25,200	25,250	2,822	2,616	2,822	2,734
25,250	25,300	2,828	2,622	2,828	2,740
25,300	25,350	2,834	2,628	2,834	2,746
25,350	25,400	2,840	2,634	2,840	2,752

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-					
0	5	0	0	0	0
5	15	1	1	1	1
15	25	2	2	2	2
25	50	4	4	4	4
50	75	6	6	6	6
75	100	9	9	9	9
100	125	11	11	11	11
125	150	14	14	14	14
150	175	16	16	16	16
175	200	19	19	19	19
200	225	21	21	21	21
225	250	24	24	24	24
250	275	26	26	26	26
275	300	29	29	29	29
300	325	31	31	31	31
325	350	34	34	34	34
350	375	36	36	36	36
375	400	39	39	39	39
400	425	41	41	41	41
425	450	44	44	44	44
450	475	46	46	46	46
475	500	49	49	49	49
500	525	51	51	51	51
525	550	54	54	54	54
550	575	56	56	56	56
575	600	59	59	59	59
600	625	61	61	61	61
625	650	64	64	64	64
650	675	66	66	66	66
675	700	69	69	69	69
700	725	71	71	71	71
725	750	74	74	74	74
750	775	76	76	76	76
775	800	79	79	79	79
800	825	81	81	81	81
825	850	84	84	84	84
850	875	86	86	86	86
875	900	89	89	89	89
900	925	91	91	91	91
925	950	94	94	94	94
950	975	96	96	96	96
975	1.000	99	99	99	99

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
1.000					
1.000	1.025	101	101	101	101
1.025	1.050	104	104	104	104
1.050	1.075	106	106	106	106
1.075	1.100	109	109	109	109
1.100	1.125	111	111	111	111
1.125	1.150	114	114	114	114
1.150	1.175	116	116	116	116
1.175	1.200	119	119	119	119
1.200	1.225	121	121	121	121
1.225	1.250	124	124	124	124
1.250	1.275	126	126	126	126
1.275	1.300	129	129	129	129
1.300	1.325	131	131	131	131
1.325	1.350	134	134	134	134
1.350	1.375	136	136	136	136
1.375	1.400	139	139	139	139
1.400	1.425	141	141	141	141
1.425	1.450	144	144	144	144
1.450	1.475	146	146	146	146
1.475	1.500	149	149	149	149
1.500	1.525	151	151	151	151
1.525	1.550	154	154	154	154
1.550	1.575	156	156	156	156
1.575	1.600	159	159	159	159
1.600	1.625	161	161	161	161
1.625	1.650	164	164	164	164
1.650	1.675	166	166	166	166
1.675	1.700	169	169	169	169
1.700	1.725	171	171	171	171
1.725	1.750	174	174	174	174
1.750	1.775	176	176	176	176
1.775	1.800	179	179	179	179
1.800	1.825	181	181	181	181
1.825	1.850	184	184	184	184
1.850	1.875	186	186	186	186
1.875	1.900	189	189	189	189
1.900	1.925	191	191	191	191
1.925	1.950	194	194	194	194
1.950	1.975	196	196	196	196
1.975	2.000	199	199	199	199

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là –		Và quý vị-			
ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
2.000					
2.000	2.025	201	201	201	201
2.025	2.050	204	204	204	204
2.050	2.075	206	206	206	206
2.075	2.100	209	209	209	209
2.100	2.125	211	211	211	211
2.125	2.150	214	214	214	214
2.150	2.175	216	216	216	216
2.175	2.200	219	219	219	219
2.200	2.225	221	221	221	221
2.225	2.250	224	224	224	224
2.250	2.275	226	226	226	226
2.275	2.300	229	229	229	229
2.300	2.325	231	231	231	231
2.325	2.350	234	234	234	234
2.350	2.375	236	236	236	236
2.375	2.400	239	239	239	239
2.400	2.425	241	241	241	241
2.425	2.450	244	244	244	244
2.450	2.475	246	246	246	246
2.475	2.500	249	249	249	249
2.500	2.525	251	251	251	251
2.525	2.550	254	254	254	254
2.550	2.575	256	256	256	256
2.575	2.600	259	259	259	259
2.600	2.625	261	261	261	261
2.625	2.650	264	264	264	264
2.650	2.675	266	266	266	266
2.675	2.700	269	269	269	269
2.700	2.725	271	271	271	271
2.725	2.750	274	274	274	274
2.750	2.775	276	276	276	276
2.775	2.800	279	279	279	279
2.800	2.825	281	281	281	281
2.825	2.850	284	284	284	284
2.850	2.875	286	286	286	286
2.875	2.900	289	289	289	289
2.900	2.925	291	291	291	291
2.925	2.950	294	294	294	294
2.950	2.975	296	296	296	296
2.975	3.000	299	299	299	299

* Cột này cũng phải được sử dụng bởi người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện.

(Tiếp tục)

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-					
3.000						6.000						9.000					
3.000	3.050	303	303	303	303	6.000	6.050	603	603	603	603	9.000	9.050	903	903	903	903
3.050	3.100	308	308	308	308	6.050	6.100	608	608	608	608	9.050	9.100	908	908	908	908
3.100	3.150	313	313	313	313	6.100	6.150	613	613	613	613	9.100	9.150	913	913	913	913
3.150	3.200	318	318	318	318	6.150	6.200	618	618	618	618	9.150	9.200	918	918	918	918
3.200	3.250	323	323	323	323	6.200	6.250	623	623	623	623	9.200	9.250	923	923	923	923
3.250	3.300	328	328	328	328	6.250	6.300	628	628	628	628	9.250	9.300	928	928	928	928
3.300	3.350	333	333	333	333	6.300	6.350	633	633	633	633	9.300	9.350	933	933	933	933
3.350	3.400	338	338	338	338	6.350	6.400	638	638	638	638	9.350	9.400	938	938	938	938
3.400	3.450	343	343	343	343	6.400	6.450	643	643	643	643	9.400	9.450	943	943	943	943
3.450	3.500	348	348	348	348	6.450	6.500	648	648	648	648	9.450	9.500	948	948	948	948
3.500	3.550	353	353	353	353	6.500	6.550	653	653	653	653	9.500	9.550	953	953	953	953
3.550	3.600	358	358	358	358	6.550	6.600	658	658	658	658	9.550	9.600	958	958	958	958
3.600	3.650	363	363	363	363	6.600	6.650	663	663	663	663	9.600	9.650	963	963	963	963
3.650	3.700	368	368	368	368	6.650	6.700	668	668	668	668	9.650	9.700	968	968	968	968
3.700	3.750	373	373	373	373	6.700	6.750	673	673	673	673	9.700	9.750	973	973	973	973
3.750	3.800	378	378	378	378	6.750	6.800	678	678	678	678	9.750	9.800	978	978	978	978
3.800	3.850	383	383	383	383	6.800	6.850	683	683	683	683	9.800	9.850	983	983	983	983
3.850	3.900	388	388	388	388	6.850	6.900	688	688	688	688	9.850	9.900	988	988	988	988
3.900	3.950	393	393	393	393	6.900	6.950	693	693	693	693	9.900	9.950	993	993	993	993
3.950	4.000	398	398	398	398	6.950	7.000	698	698	698	698	9.950	10.000	998	998	998	998
4.000						7.000						10.000					
4.000	4.050	403	403	403	403	7.000	7.050	703	703	703	703	10.000	10.050	1.003	1.003	1.003	1.003
4.050	4.100	408	408	408	408	7.050	7.100	708	708	708	708	10.050	10.100	1.008	1.008	1.008	1.008
4.100	4.150	413	413	413	413	7.100	7.150	713	713	713	713	10.100	10.150	1.013	1.013	1.013	1.013
4.150	4.200	418	418	418	418	7.150	7.200	718	718	718	718	10.150	10.200	1.018	1.018	1.018	1.018
4.200	4.250	423	423	423	423	7.200	7.250	723	723	723	723	10.200	10.250	1.023	1.023	1.023	1.023
4.250	4.300	428	428	428	428	7.250	7.300	728	728	728	728	10.250	10.300	1.028	1.028	1.028	1.028
4.300	4.350	433	433	433	433	7.300	7.350	733	733	733	733	10.300	10.350	1.033	1.033	1.033	1.033
4.350	4.400	438	438	438	438	7.350	7.400	738	738	738	738	10.350	10.400	1.038	1.038	1.038	1.038
4.400	4.450	443	443	443	443	7.400	7.450	743	743	743	743	10.400	10.450	1.043	1.043	1.043	1.043
4.450	4.500	448	448	448	448	7.450	7.500	748	748	748	748	10.450	10.500	1.048	1.048	1.048	1.048
4.500	4.550	453	453	453	453	7.500	7.550	753	753	753	753	10.500	10.550	1.053	1.053	1.053	1.053
4.550	4.600	458	458	458	458	7.550	7.600	758	758	758	758	10.550	10.600	1.058	1.058	1.058	1.058
4.600	4.650	463	463	463	463	7.600	7.650	763	763	763	763	10.600	10.650	1.063	1.063	1.063	1.063
4.650	4.700	468	468	468	468	7.650	7.700	768	768	768	768	10.650	10.700	1.068	1.068	1.068	1.068
4.700	4.750	473	473	473	473	7.700	7.750	773	773	773	773	10.700	10.750	1.073	1.073	1.073	1.073
4.750	4.800	478	478	478	478	7.750	7.800	778	778	778	778	10.750	10.800	1.078	1.078	1.078	1.078
4.800	4.850	483	483	483	483	7.800	7.850	783	783	783	783	10.800	10.850	1.083	1.083	1.083	1.083
4.850	4.900	488	488	488	488	7.850	7.900	788	788	788	788	10.850	10.900	1.088	1.088	1.088	1.088
4.900	4.950	493	493	493	493	7.900	7.950	793	793	793	793	10.900	10.950	1.093	1.093	1.093	1.093
4.950	5.000	498	498	498	498	7.950	8.000	798	798	798	798	10.950	11.000	1.098	1.098	1.098	1.098
5.000						8.000						11.000					
5.000	5.050	503	503	503	503	8.000	8.050	803	803	803	803	11.000	11.050	1.103	1.103	1.103	1.103
5.050	5.100	508	508	508	508	8.050	8.100	808	808	808	808	11.050	11.100	1.108	1.108	1.108	1.108
5.100	5.150	513	513	513	513	8.100	8.150	813	813	813	813	11.100	11.150	1.113	1.113	1.113	1.113
5.150	5.200	518	518	518	518	8.150	8.200	818	818	818	818	11.150	11.200	1.118	1.118	1.118	1.118
5.200	5.250	523	523	523	523	8.200	8.250	823	823	823	823	11.200	11.250	1.123	1.123	1.123	1.123
5.250	5.300	528	528	528	528	8.250	8.300	828	828	828	828	11.250	11.300	1.128	1.128	1.128	1.128
5.300	5.350	533	533	533	533	8.300	8.350	833	833	833	833	11.300	11.350	1.133	1.133	1.133	1.133
5.350	5.400	538	538	538	538	8.350	8.400	838	838	838	838	11.350	11.400	1.138	1.138	1.138	1.138
5.400	5.450	543	543	543	543	8.400	8.450	843	843	843	843	11.400	11.450	1.143	1.143	1.143	1.143
5.450	5.500	548	548	548	548	8.450	8.500	848	848	848	848	11.450	11.500	1.148	1.148	1.148	1.148
5.500	5.550	553	553	553	553	8.500	8.550	853	853	853	853	11.500	11.550	1.153	1.153	1.153	1.153
5.550	5.600	558	558	558	558	8.550	8.600	858	858	858	858	11.550	11.600	1.158	1.158	1.158	1.158
5.600	5.650	563	563	563	563	8.600	8.650	863	863	863	863	11.600	11.650	1.163	1.163	1.163	1.163
5.650	5.700	568	568	568	568	8.650	8.700	868	868	868	868	11.650	11.700	1.168	1.168	1.168	1.168
5.700	5.750	573	573	573	573	8.700	8.750	873	873	873	873	11.700	11.750	1.173	1.173	1.173	1.173
5.750	5.800	578	578	578	578	8.750	8.800	878	878	878	878	11.750	11.800	1.178	1.178	1.178	1.178
5.800	5.850	583	583	583	583	8.800	8.850	883	883	883	883	11.800	11.850	1.183	1.183	1.183	1.183
5.850	5.900	588	588	588	588	8.850	8.900	888	888	888	888	11.850	11.900	1.188	1.188	1.188	1.188
5.900	5.950	593	593	593	593	8.900	8.950	893	893	893	893	11.900	11.950	1.193	1.193	1.193	1.193
5.950	6.000	598	598	598	598	8.950	9.000	898	898	898	898	11.950	12.000	1.198	1.198	1.198	1.198

* Cột này cũng phải được sử dụng bởi người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện.

(Tiếp tục)

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Thuế của quý vị là-	Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Thuế của quý vị là-	Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Thuế của quý vị là-
		Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*				Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn				Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	
12.000						15.000						18.000								
12.000	12.050	1.238	1.203	1.238	1.203	15.000	15.050	1.598	1.503	1.598	1.510	18.000	18.050	1.958	1.803	1.958	1.870			
12.050	12.100	1.244	1.208	1.244	1.208	15.050	15.100	1.604	1.508	1.604	1.516	18.050	18.100	1.964	1.808	1.964	1.876			
12.100	12.150	1.250	1.213	1.250	1.213	15.100	15.150	1.610	1.513	1.610	1.522	18.100	18.150	1.970	1.813	1.970	1.882			
12.150	12.200	1.256	1.218	1.256	1.218	15.150	15.200	1.616	1.518	1.616	1.528	18.150	18.200	1.976	1.818	1.976	1.888			
12.200	12.250	1.262	1.223	1.262	1.223	15.200	15.250	1.622	1.523	1.622	1.534	18.200	18.250	1.982	1.823	1.982	1.894			
12.250	12.300	1.268	1.228	1.268	1.228	15.250	15.300	1.628	1.528	1.628	1.540	18.250	18.300	1.988	1.828	1.988	1.900			
12.300	12.350	1.274	1.233	1.274	1.233	15.300	15.350	1.634	1.533	1.634	1.546	18.300	18.350	1.994	1.833	1.994	1.906			
12.350	12.400	1.280	1.238	1.280	1.238	15.350	15.400	1.640	1.538	1.640	1.552	18.350	18.400	2.000	1.838	2.000	1.912			
12.400	12.450	1.286	1.243	1.286	1.243	15.400	15.450	1.646	1.543	1.646	1.558	18.400	18.450	2.006	1.843	2.006	1.918			
12.450	12.500	1.292	1.248	1.292	1.248	15.450	15.500	1.652	1.548	1.652	1.564	18.450	18.500	2.012	1.848	2.012	1.924			
12.500	12.550	1.298	1.253	1.298	1.253	15.500	15.550	1.658	1.553	1.658	1.570	18.500	18.550	2.018	1.853	2.018	1.930			
12.550	12.600	1.304	1.258	1.304	1.258	15.550	15.600	1.664	1.558	1.664	1.576	18.550	18.600	2.024	1.858	2.024	1.936			
12.600	12.650	1.310	1.263	1.310	1.263	15.600	15.650	1.670	1.563	1.670	1.582	18.600	18.650	2.030	1.863	2.030	1.942			
12.650	12.700	1.316	1.268	1.316	1.268	15.650	15.700	1.676	1.568	1.676	1.588	18.650	18.700	2.036	1.868	2.036	1.948			
12.700	12.750	1.322	1.273	1.322	1.273	15.700	15.750	1.682	1.573	1.682	1.594	18.700	18.750	2.042	1.873	2.042	1.954			
12.750	12.800	1.328	1.278	1.328	1.278	15.750	15.800	1.688	1.578	1.688	1.600	18.750	18.800	2.048	1.878	2.048	1.960			
12.800	12.850	1.334	1.283	1.334	1.283	15.800	15.850	1.694	1.583	1.694	1.606	18.800	18.850	2.054	1.883	2.054	1.966			
12.850	12.900	1.340	1.288	1.340	1.288	15.850	15.900	1.700	1.588	1.700	1.612	18.850	18.900	2.060	1.888	2.060	1.972			
12.900	12.950	1.346	1.293	1.346	1.293	15.900	15.950	1.706	1.593	1.706	1.618	18.900	18.950	2.066	1.893	2.066	1.978			
12.950	13.000	1.352	1.298	1.352	1.298	15.950	16.000	1.712	1.598	1.712	1.624	18.950	19.000	2.072	1.898	2.072	1.984			
13.000						16.000						19.000								
13.000	13.050	1.358	1.303	1.358	1.303	16.000	16.050	1.718	1.603	1.718	1.630	19.000	19.050	2.078	1.903	2.078	1.990			
13.050	13.100	1.364	1.308	1.364	1.308	16.050	16.100	1.724	1.608	1.724	1.636	19.050	19.100	2.084	1.908	2.084	1.996			
13.100	13.150	1.370	1.313	1.370	1.313	16.100	16.150	1.730	1.613	1.730	1.642	19.100	19.150	2.090	1.913	2.090	2.002			
13.150	13.200	1.376	1.318	1.376	1.318	16.150	16.200	1.736	1.618	1.736	1.648	19.150	19.200	2.096	1.918	2.096	2.008			
13.200	13.250	1.382	1.323	1.382	1.323	16.200	16.250	1.742	1.623	1.742	1.654	19.200	19.250	2.102	1.923	2.102	2.014			
13.250	13.300	1.388	1.328	1.388	1.328	16.250	16.300	1.748	1.628	1.748	1.660	19.250	19.300	2.108	1.928	2.108	2.020			
13.300	13.350	1.394	1.333	1.394	1.333	16.300	16.350	1.754	1.633	1.754	1.666	19.300	19.350	2.114	1.933	2.114	2.026			
13.350	13.400	1.400	1.338	1.400	1.338	16.350	16.400	1.760	1.638	1.760	1.672	19.350	19.400	2.120	1.938	2.120	2.032			
13.400	13.450	1.406	1.343	1.406	1.343	16.400	16.450	1.766	1.643	1.766	1.678	19.400	19.450	2.126	1.943	2.126	2.038			
13.450	13.500	1.412	1.348	1.412	1.348	16.450	16.500	1.772	1.648	1.772	1.684	19.450	19.500	2.132	1.948	2.132	2.044			
13.500	13.550	1.418	1.353	1.418	1.353	16.500	16.550	1.778	1.653	1.778	1.690	19.500	19.550	2.138	1.953	2.138	2.050			
13.550	13.600	1.424	1.358	1.424	1.358	16.550	16.600	1.784	1.658	1.784	1.696	19.550	19.600	2.144	1.958	2.144	2.056			
13.600	13.650	1.430	1.363	1.430	1.363	16.600	16.650	1.790	1.663	1.790	1.702	19.600	19.650	2.150	1.963	2.150	2.062			
13.650	13.700	1.436	1.368	1.436	1.368	16.650	16.700	1.796	1.668	1.796	1.708	19.650	19.700	2.156	1.968	2.156	2.068			
13.700	13.750	1.442	1.373	1.442	1.373	16.700	16.750	1.802	1.673	1.802	1.714	19.700	19.750	2.162	1.973	2.162	2.074			
13.750	13.800	1.448	1.378	1.448	1.378	16.750	16.800	1.808	1.678	1.808	1.720	19.750	19.800	2.168	1.978	2.168	2.080			
13.800	13.850	1.454	1.383	1.454	1.383	16.800	16.850	1.814	1.683	1.814	1.726	19.800	19.850	2.174	1.983	2.174	2.086			
13.850	13.900	1.460	1.388	1.460	1.388	16.850	16.900	1.820	1.688	1.820	1.732	19.850	19.900	2.180	1.988	2.180	2.092			
13.900	13.950	1.466	1.393	1.466	1.393	16.900	16.950	1.826	1.693	1.826	1.738	19.900	19.950	2.186	1.993	2.186	2.098			
13.950	14.000	1.472	1.398	1.472	1.398	16.950	17.000	1.832	1.698	1.832	1.744	19.950	20.000	2.192	1.998	2.192	2.104			
14.000						17.000						20.000								
14.000	14.050	1.478	1.403	1.478	1.403	17.000	17.050	1.838	1.703	1.838	1.750	20.000	20.050	2.198	2.003	2.198	2.110			
14.050	14.100	1.484	1.408	1.484	1.408	17.050	17.100	1.844	1.708	1.844	1.756	20.050	20.100	2.204	2.008	2.204	2.116			
14.100	14.150	1.490	1.413	1.490	1.413	17.100	17.150	1.850	1.713	1.850	1.762	20.100	20.150	2.210	2.013	2.210	2.122			
14.150	14.200	1.496	1.418	1.496	1.418	17.150	17.200	1.856	1.718	1.856	1.768	20.150	20.200	2.216	2.018	2.216	2.128			
14.200	14.250	1.502	1.423	1.502	1.423	17.200	17.250	1.862	1.723	1.862	1.774	20.200	20.250	2.222	2.023	2.222	2.134			
14.250	14.300	1.508	1.428	1.508	1.428	17.250	17.300	1.868	1.728	1.868	1.780	20.250	20.300	2.228	2.028	2.228	2.140			
14.300	14.350	1.514	1.433	1.514	1.433	17.300	17.350	1.874	1.733	1.874	1.786	20.300	20.350	2.234	2.033	2.234	2.146			
14.350	14.400	1.520	1.438	1.520	1.438	17.350	17.400	1.880	1.738	1.880	1.792	20.350	20.400	2.240	2.038	2.240	2.152			
14.400	14.450	1.526	1.443	1.526	1.443	17.400	17.450	1.886	1.743	1.886	1.798	20.400	20.450	2.246	2.043	2.246	2.158			
14.450	14.500	1.532	1.448	1.532	1.448	17.450	17.500	1.892	1.748	1.892	1.804	20.450	20.500	2.252	2.048	2.252	2.164			
14.500	14.550	1.538	1.453	1.538	1.453	17.500	17.550	1.898	1.753	1.898	1.810	20.500	20.550	2.258	2.053	2.258	2.170			
14.550	14.600	1.544	1.458	1.544	1.458	17.550	17.600	1.904	1.758	1.904	1.816	20.550	20.600	2.264	2.058	2.264	2.176			
14.600	14.650	1.550	1.463	1.550	1.463	17.600	17.650	1.910	1.763	1.910	1.822	20.600	20.650	2.270	2.064	2.270	2.182			
14.650	14.700	1.556	1.468	1.556	1.468	17.650	17.700	1.916	1.768	1.916	1.828	20.650	20.700	2.276	2.070	2.276	2.188			
14.700	14.750	1.562	1.473	1.562	1.474	17.700	17.750	1.922	1.773	1.922	1.834	20.700	20.750	2.282	2.076	2.282	2.194			
14.750	14.800	1.568	1.478	1.568	1.480	17.750	17.800	1.928	1.778	1.928	1.840	20.750	20.800	2.288	2.082	2.288	2.200			
14.800	14.850	1.574	1.483	1.574	1.486	17.800	17.850	1.934	1.783	1.934	1.846	20.800	20.850	2.294	2.088	2.294	2.206			
14.850	14.900	1.580	1.488	1.580	1.492	17.850	17.900	1.940	1.788	1.940	1.852	20.850	20.900	2.300	2.094	2.300	2.212			
14.900	14.950	1.586	1.493	1.586	1.498	17.900	17.950	1.946	1.793	1.946	1.858	20.900	20.950	2.306	2.100	2.306	2.218			
14.950	15.000	1.592	1.498	1.592	1.504	17.950	18.000	1.952	1.798	1.952	1.864	20.950	21.000	2.312	2.106	2.312	2.224			

* Cột này cũng

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	
		Thuế của quý vị là-				
21.000						
21.000	21.050	2.318	2.112	2.318	2.230	
21.050	21.100	2.324	2.118	2.324	2.236	
21.100	21.150	2.330	2.124	2.330	2.242	
21.150	21.200	2.336	2.130	2.336	2.248	
21.200	21.250	2.342	2.136	2.342	2.254	
21.250	21.300	2.348	2.142	2.348	2.260	
21.300	21.350	2.354	2.148	2.354	2.266	
21.350	21.400	2.360	2.154	2.360	2.272	
21.400	21.450	2.366	2.160	2.366	2.278	
21.450	21.500	2.372	2.166	2.372	2.284	
21.500	21.550	2.378	2.172	2.378	2.290	
21.550	21.600	2.384	2.178	2.384	2.296	
21.600	21.650	2.390	2.184	2.390	2.302	
21.650	21.700	2.396	2.190	2.396	2.308	
21.700	21.750	2.402	2.196	2.402	2.314	
21.750	21.800	2.408	2.202	2.408	2.320	
21.800	21.850	2.414	2.208	2.414	2.326	
21.850	21.900	2.420	2.214	2.420	2.332	
21.900	21.950	2.426	2.220	2.426	2.338	
21.950	22.000	2.432	2.226	2.432	2.344	
22.000						
22.000	22.050	2.438	2.232	2.438	2.350	
22.050	22.100	2.444	2.238	2.444	2.356	
22.100	22.150	2.450	2.244	2.450	2.362	
22.150	22.200	2.456	2.250	2.456	2.368	
22.200	22.250	2.462	2.256	2.462	2.374	
22.250	22.300	2.468	2.262	2.468	2.380	
22.300	22.350	2.474	2.268	2.474	2.386	
22.350	22.400	2.480	2.274	2.480	2.392	
22.400	22.450	2.486	2.280	2.486	2.398	
22.450	22.500	2.492	2.286	2.492	2.404	
22.500	22.550	2.498	2.292	2.498	2.410	
22.550	22.600	2.504	2.298	2.504	2.416	
22.600	22.650	2.510	2.304	2.510	2.422	
22.650	22.700	2.516	2.310	2.516	2.428	
22.700	22.750	2.522	2.316	2.522	2.434	
22.750	22.800	2.528	2.322	2.528	2.440	
22.800	22.850	2.534	2.328	2.534	2.446	
22.850	22.900	2.540	2.334	2.540	2.452	
22.900	22.950	2.546	2.340	2.546	2.458	
22.950	23.000	2.552	2.346	2.552	2.464	
23.000						
23.000	23.050	2.558	2.352	2.558	2.470	
23.050	23.100	2.564	2.358	2.564	2.476	
23.100	23.150	2.570	2.364	2.570	2.482	
23.150	23.200	2.576	2.370	2.576	2.488	
23.200	23.250	2.582	2.376	2.582	2.494	
23.250	23.300	2.588	2.382	2.588	2.500	
23.300	23.350	2.594	2.388	2.594	2.506	
23.350	23.400	2.600	2.394	2.600	2.512	
23.400	23.450	2.606	2.400	2.606	2.518	
23.450	23.500	2.612	2.406	2.612	2.524	
23.500	23.550	2.618	2.412	2.618	2.530	
23.550	23.600	2.624	2.418	2.624	2.536	
23.600	23.650	2.630	2.424	2.630	2.542	
23.650	23.700	2.636	2.430	2.636	2.548	
23.700	23.750	2.642	2.436	2.642	2.554	
23.750	23.800	2.648	2.442	2.648	2.560	
23.800	23.850	2.654	2.448	2.654	2.566	
23.850	23.900	2.660	2.454	2.660	2.572	
23.900	23.950	2.666	2.460	2.666	2.578	
23.950	24.000	2.672	2.466	2.672	2.584	
24.000						
24.000	24.050	2.678	2.472	2.678	2.590	
24.050	24.100	2.684	2.478	2.684	2.596	
24.100	24.150	2.690	2.484	2.690	2.602	
24.150	24.200	2.696	2.490	2.696	2.608	
24.200	24.250	2.702	2.496	2.702	2.614	
24.250	24.300	2.708	2.502	2.708	2.620	
24.300	24.350	2.714	2.508	2.714	2.626	
24.350	24.400	2.720	2.514	2.720	2.632	
24.400	24.450	2.726	2.520	2.726	2.638	
24.450	24.500	2.732	2.526	2.732	2.644	
24.500	24.550	2.738	2.532	2.738	2.650	
24.550	24.600	2.744	2.538	2.744	2.656	
24.600	24.650	2.750	2.544	2.750	2.662	
24.650	24.700	2.756	2.550	2.756	2.668	
24.700	24.750	2.762	2.556	2.762	2.674	
24.750	24.800	2.768	2.562	2.768	2.680	
24.800	24.850	2.774	2.568	2.774	2.686	
24.850	24.900	2.780	2.574	2.780	2.692	
24.900	24.950	2.786	2.580	2.786	2.698	
24.950	25.000	2.792	2.586	2.792	2.704	
25.000						
25.000	25.050	2.798	2.592	2.798	2.710	
25.050	25.100	2.804	2.598	2.804	2.716	
25.100	25.150	2.810	2.604	2.810	2.722	
25.150	25.200	2.816	2.610	2.816	2.728	
25.200	25.250	2.822	2.616	2.822	2.734	
25.250	25.300	2.828	2.622	2.828	2.740	
25.300	25.350	2.834	2.628	2.834	2.746	
25.350	25.400	2.840	2.634	2.840	2.752	
25.400	25.450	2.846	2.640	2.846	2.758	
25.450	25.500	2.852	2.646	2.852	2.764	
25.500	25.550	2.858	2.652	2.858	2.770	
25.550	25.600	2.864	2.658	2.864	2.776	
25.600	25.650	2.870	2.664	2.870	2.782	
25.650	25.700	2.876	2.670	2.876	2.788	
25.700	25.750	2.882	2.676	2.882	2.794	
25.750	25.800	2.888	2.682	2.888	2.800	
25.800	25.850	2.894	2.688	2.894	2.806	
25.850	25.900	2.900	2.694	2.900	2.812	
25.900	25.950	2.906	2.700	2.906	2.818	
25.950	26.000	2.912	2.706	2.912	2.824	
26.000						
26.000	26.050	2.918	2.712	2.918	2.830	
26.050	26.100	2.924	2.718	2.924	2.836	
26.100	26.150	2.930	2.724	2.930	2.842	
26.150	26.200	2.936	2.730	2.936	2.848	
26.200	26.250	2.942	2.736	2.942	2.854	
26.250	26.300	2.948	2.742	2.948	2.860	
26.300	26.350	2.954	2.748	2.954	2.866	
26.350	26.400	2.960	2.754	2.960	2.872	
26.400	26.450	2.966	2.760	2.966	2.878	
26.450	26.500	2.972	2.766	2.972	2.884	
26.500	26.550	2.978	2.772	2.978	2.890	
26.550	26.600	2.984	2.778	2.984	2.896	
26.600	26.650	2.990	2.784	2.990	2.902	
26.650	26.700	2.996	2.790	2.996	2.908	
26.700	26.750	3.002	2.796	3.002	2.914	
26.750	26.800	3.008	2.802	3.008	2.920	
26.800	26.850	3.014	2.808	3.014	2.926	
26.850	26.900	3.020	2.814	3.020	2.932	
26.900	26.950	3.026	2.820	3.026	2.938	
26.950	27.000	3.032	2.826	3.032	2.944	
27.000						
27.000	27.050	3.038	2.832	3.038	2.950	
27.050	27.100	3.044	2.838	3.044	2.956	
27.100	27.150	3.050	2.844	3.050	2.962	
27.150	27.200	3.056	2.850	3.056	2.968	
27.200	27.250	3.062	2.856	3.062	2.974	
27.250	27.300	3.068	2.862	3.068	2.980	
27.300	27.350	3.074	2.868	3.074	2.986	
27.350	27.400	3.080	2.874	3.080	2.992	
27.400	27.450	3.086	2.880	3.086	2.998	
27.450	27.500	3.092	2.886	3.092	3.004	
27.500	27.550	3.098	2.892	3.098	3.010	
27.550	27.600	3.104	2.898	3.104	3.016	
27.600	27.650	3.110	2.904	3.110	3.022	
27.650	27.700	3.116	2.910	3.116	3.028	
27.700	27.750	3.122	2.916	3.122	3.034	
27.750	27.800	3.128	2.922	3.128	3.040	
27.800	27.850	3.134	2.928	3.134	3.046	
27.850	27.900	3.140	2.934	3.140	3.052	
27.900	27.950	3.146	2.940	3.146	3.058	
27.950	28.000	3.152	2.946	3.152	3.064	
28.000						
28.000	28.050	3.158	2.952	3.158	3.070	
28.050	28.100	3.164	2.958	3.164	3.076	
28.100	28.150	3.170	2.964	3.170	3.082	
28.150	28.200	3.176	2.970	3.176	3.088	
28.200	28.250	3.182	2.976	3.182	3.094	
28.250	28.300	3.188	2.982	3.188	3.100	
28.300	28.350	3.194	2.988	3.194	3.106	
28.350	28.400	3.200	2.994	3.200	3.112	
28.400	28.450	3.206	3.000	3.206	3.118	
28.450	28.500	3.212	3.006	3.212	3.124	
28.500	28.550	3.218	3.012	3.218	3.130	
28.550	28.600	3.224	3.018	3.224	3.136	
28.600	28.650	3.230	3.024	3.230	3.142	
28.650	28.700	3.236	3.030	3.236	3.148	
28.700	28.750	3.242	3.036	3.242	3.154	
28.750	28.800	3.248	3.042	3.248	3.160	
28.800	28.850	3.254	3.048	3.254	3.166	
28.850	28.900	3.260	3.054	3.260	3.172	
28.900	28.950	3.266	3.060	3.266	3.178	
28.950	29.000	3.272	3.066	3.272	3.184	
29.000						
29.000	29.050	3.278	3.072	3.278	3.190	
29.050	29.100	3.284	3.078	3.284	3.196	
29.100	29.150	3.290	3.084	3.290	3.202	
29.150	29.200	3.296	3.090	3.296	3.208	
29.200	29.250	3.302	3.096	3.302	3.214	
29.250	29.300	3.308	3.102	3.308	3.220	
29.300	29.350	3.314	3.108	3.314	3.226	
29.350	29.400	3.320	3.114	3.320		

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-					
30.000						33.000						36.000					
30.000	30.050	3.398	3.192	3.398	3.310	33.000	33.050	3.758	3.552	3.758	3.670	36.000	36.050	4.118	3.912	4.118	4.030
30.050	30.100	3.404	3.198	3.404	3.316	33.050	33.100	3.764	3.558	3.764	3.676	36.050	36.100	4.124	3.918	4.124	4.036
30.100	30.150	3.410	3.204	3.410	3.322	33.100	33.150	3.770	3.564	3.770	3.682	36.100	36.150	4.130	3.924	4.130	4.042
30.150	30.200	3.416	3.210	3.416	3.328	33.150	33.200	3.776	3.570	3.776	3.688	36.150	36.200	4.136	3.930	4.136	4.048
30.200	30.250	3.422	3.216	3.422	3.334	33.200	33.250	3.782	3.576	3.782	3.694	36.200	36.250	4.142	3.936	4.142	4.054
30.250	30.300	3.428	3.222	3.428	3.340	33.250	33.300	3.788	3.582	3.788	3.700	36.250	36.300	4.148	3.942	4.148	4.060
30.300	30.350	3.434	3.228	3.434	3.346	33.300	33.350	3.794	3.588	3.794	3.706	36.300	36.350	4.154	3.948	4.154	4.066
30.350	30.400	3.440	3.234	3.440	3.352	33.350	33.400	3.800	3.594	3.800	3.712	36.350	36.400	4.160	3.954	4.160	4.072
30.400	30.450	3.446	3.240	3.446	3.358	33.400	33.450	3.806	3.600	3.806	3.718	36.400	36.450	4.166	3.960	4.166	4.078
30.450	30.500	3.452	3.246	3.452	3.364	33.450	33.500	3.812	3.606	3.812	3.724	36.450	36.500	4.172	3.966	4.172	4.084
30.500	30.550	3.458	3.252	3.458	3.370	33.500	33.550	3.818	3.612	3.818	3.730	36.500	36.550	4.178	3.972	4.178	4.090
30.550	30.600	3.464	3.258	3.464	3.376	33.550	33.600	3.824	3.618	3.824	3.736	36.550	36.600	4.184	3.978	4.184	4.096
30.600	30.650	3.470	3.264	3.470	3.382	33.600	33.650	3.830	3.624	3.830	3.742	36.600	36.650	4.190	3.984	4.190	4.102
30.650	30.700	3.476	3.270	3.476	3.388	33.650	33.700	3.836	3.630	3.836	3.748	36.650	36.700	4.196	3.990	4.196	4.108
30.700	30.750	3.482	3.276	3.482	3.394	33.700	33.750	3.842	3.636	3.842	3.754	36.700	36.750	4.202	3.996	4.202	4.114
30.750	30.800	3.488	3.282	3.488	3.400	33.750	33.800	3.848	3.642	3.848	3.760	36.750	36.800	4.208	4.002	4.208	4.120
30.800	30.850	3.494	3.288	3.494	3.406	33.800	33.850	3.854	3.648	3.854	3.766	36.800	36.850	4.214	4.008	4.214	4.126
30.850	30.900	3.500	3.294	3.500	3.412	33.850	33.900	3.860	3.654	3.860	3.772	36.850	36.900	4.220	4.014	4.220	4.132
30.900	30.950	3.506	3.300	3.506	3.418	33.900	33.950	3.866	3.660	3.866	3.778	36.900	36.950	4.226	4.020	4.226	4.138
30.950	31.000	3.512	3.306	3.512	3.424	33.950	34.000	3.872	3.666	3.872	3.784	36.950	37.000	4.232	4.026	4.232	4.144
31.000						34.000						37.000					
31.000	31.050	3.518	3.312	3.518	3.430	34.000	34.050	3.878	3.672	3.878	3.790	37.000	37.050	4.238	4.032	4.238	4.150
31.050	31.100	3.524	3.318	3.524	3.436	34.050	34.100	3.884	3.678	3.884	3.796	37.050	37.100	4.244	4.038	4.244	4.156
31.100	31.150	3.530	3.324	3.530	3.442	34.100	34.150	3.890	3.684	3.890	3.802	37.100	37.150	4.250	4.044	4.250	4.162
31.150	31.200	3.536	3.330	3.536	3.448	34.150	34.200	3.896	3.690	3.896	3.808	37.150	37.200	4.256	4.050	4.256	4.168
31.200	31.250	3.542	3.336	3.542	3.454	34.200	34.250	3.902	3.696	3.902	3.814	37.200	37.250	4.262	4.056	4.262	4.174
31.250	31.300	3.548	3.342	3.548	3.460	34.250	34.300	3.908	3.702	3.908	3.820	37.250	37.300	4.268	4.062	4.268	4.180
31.300	31.350	3.554	3.348	3.554	3.466	34.300	34.350	3.914	3.708	3.914	3.826	37.300	37.350	4.274	4.068	4.274	4.186
31.350	31.400	3.560	3.354	3.560	3.472	34.350	34.400	3.920	3.714	3.920	3.832	37.350	37.400	4.280	4.074	4.280	4.192
31.400	31.450	3.566	3.360	3.566	3.478	34.400	34.450	3.926	3.720	3.926	3.838	37.400	37.450	4.286	4.080	4.286	4.198
31.450	31.500	3.572	3.366	3.572	3.484	34.450	34.500	3.932	3.726	3.932	3.844	37.450	37.500	4.292	4.086	4.292	4.204
31.500	31.550	3.578	3.372	3.578	3.490	34.500	34.550	3.938	3.732	3.938	3.850	37.500	37.550	4.298	4.092	4.298	4.210
31.550	31.600	3.584	3.378	3.584	3.496	34.550	34.600	3.944	3.738	3.944	3.856	37.550	37.600	4.304	4.098	4.304	4.216
31.600	31.650	3.590	3.384	3.590	3.502	34.600	34.650	3.950	3.744	3.950	3.862	37.600	37.650	4.310	4.104	4.310	4.222
31.650	31.700	3.596	3.390	3.596	3.508	34.650	34.700	3.956	3.750	3.956	3.868	37.650	37.700	4.316	4.110	4.316	4.228
31.700	31.750	3.602	3.396	3.602	3.514	34.700	34.750	3.962	3.756	3.962	3.874	37.700	37.750	4.322	4.116	4.322	4.234
31.750	31.800	3.608	3.402	3.608	3.520	34.750	34.800	3.968	3.762	3.968	3.880	37.750	37.800	4.328	4.122	4.328	4.240
31.800	31.850	3.614	3.408	3.614	3.526	34.800	34.850	3.974	3.768	3.974	3.886	37.800	37.850	4.334	4.128	4.334	4.246
31.850	31.900	3.620	3.414	3.620	3.532	34.850	34.900	3.980	3.774	3.980	3.892	37.850	37.900	4.340	4.134	4.340	4.252
31.900	31.950	3.626	3.420	3.626	3.538	34.900	34.950	3.986	3.780	3.986	3.898	37.900	37.950	4.346	4.140	4.346	4.258
31.950	32.000	3.632	3.426	3.632	3.544	34.950	35.000	3.992	3.786	3.992	3.904	37.950	38.000	4.352	4.146	4.352	4.264
32.000						35.000						38.000					
32.000	32.050	3.638	3.432	3.638	3.550	35.000	35.050	3.998	3.792	3.998	3.910	38.000	38.050	4.358	4.152	4.358	4.270
32.050	32.100	3.644	3.438	3.644	3.556	35.050	35.100	4.004	3.798	4.004	3.916	38.050	38.100	4.364	4.158	4.364	4.276
32.100	32.150	3.650	3.444	3.650	3.562	35.100	35.150	4.010	3.804	4.010	3.922	38.100	38.150	4.370	4.164	4.370	4.282
32.150	32.200	3.656	3.450	3.656	3.568	35.150	35.200	4.016	3.810	4.016	3.928	38.150	38.200	4.376	4.170	4.376	4.288
32.200	32.250	3.662	3.456	3.662	3.574	35.200	35.250	4.022	3.816	4.022	3.934	38.200	38.250	4.382	4.176	4.382	4.294
32.250	32.300	3.668	3.462	3.668	3.580	35.250	35.300	4.028	3.822	4.028	3.940	38.250	38.300	4.388	4.182	4.388	4.300
32.300	32.350	3.674	3.468	3.674	3.586	35.300	35.350	4.034	3.828	4.034	3.946	38.300	38.350	4.394	4.188	4.394	4.306
32.350	32.400	3.680	3.474	3.680	3.592	35.350	35.400	4.040	3.834	4.040	3.952	38.350	38.400	4.400	4.194	4.400	4.312
32.400	32.450	3.686	3.480	3.686	3.598	35.400	35.450	4.046	3.840	4.046	3.958	38.400	38.450	4.406	4.200	4.406	4.318
32.450	32.500	3.692	3.486	3.692	3.604	35.450	35.500	4.052	3.846	4.052	3.964	38.450	38.500	4.412	4.206	4.412	4.324
32.500	32.550	3.698	3.492	3.698	3.610	35.500	35.550	4.058	3.852	4.058	3.970	38.500	38.550	4.418	4.212	4.418	4.330
32.550	32.600	3.704	3.498	3.704	3.616	35.550	35.600	4.064	3.858	4.064	3.976	38.550	38.600	4.424	4.218	4.424	4.336
32.600	32.650	3.710	3.504	3.710	3.622	35.600	35.650	4.070	3.864	4.070	3.982	38.600	38.650	4.430	4.224	4.430	4.342
32.650	32.700	3.716	3.510	3.716	3.628	35.650	35.700	4.076	3.870	4.076	3.988	38.650	38.700	4.436	4.230	4.436	4.348
32.700	32.750	3.722	3.516	3.722	3.634	35.700	35.750	4.082	3.876	4.082	3.994	38.700	38.750	4.442	4.236	4.442	4.354
32.750	32.800	3.728	3.522	3.728	3.640	35.750	35.800	4.088	3.882	4.088	4.000	38.750	38.800	4.448	4.242	4.448	4.360
32.800	32.850	3.734	3.528	3.734	3.646	35.800	35.850	4.094	3.888	4.094	4.006	38.800	38.850	4.454	4.248	4.454	4.366
32.850	32.900	3.740	3.534	3.740	3.652	35.850	35.900	4.100	3.894	4.100	4.012	38.850	38.900	4.460	4.254	4.460	4.372
32.900	32.950	3.746	3.540	3.746	3.658	35.900	35.950	4.106	3.900	4.106	4.018	38.900	38.950	4.466	4.260	4.466	4.378
32.950	33.000	3.752	3.546	3.752	3.664	35.950	36.000	4.112	3.906	4.112	4.024	38.950</					

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-					
39.000						42.000						45.000					
39.000	39.050	4.478	4.272	4.478	4.390	42.000	42.050	4.863	4.632	4.863	4.750	45.000	45.050	5.523	4.992	5.523	5.110
39.050	39.100	4.484	4.278	4.484	4.396	42.050	42.100	4.874	4.638	4.874	4.756	45.050	45.100	5.534	4.998	5.534	5.116
39.100	39.150	4.490	4.284	4.490	4.402	42.100	42.150	4.885	4.644	4.885	4.762	45.100	45.150	5.545	5.004	5.545	5.122
39.150	39.200	4.496	4.290	4.496	4.408	42.150	42.200	4.896	4.650	4.896	4.768	45.150	45.200	5.556	5.010	5.556	5.128
39.200	39.250	4.502	4.296	4.502	4.414	42.200	42.250	4.907	4.656	4.907	4.774	45.200	45.250	5.567	5.016	5.567	5.134
39.250	39.300	4.508	4.302	4.508	4.420	42.250	42.300	4.918	4.662	4.918	4.780	45.250	45.300	5.578	5.022	5.578	5.140
39.300	39.350	4.514	4.308	4.514	4.426	42.300	42.350	4.929	4.668	4.929	4.786	45.300	45.350	5.589	5.028	5.589	5.146
39.350	39.400	4.520	4.314	4.520	4.432	42.350	42.400	4.940	4.674	4.940	4.792	45.350	45.400	5.600	5.034	5.600	5.152
39.400	39.450	4.526	4.320	4.526	4.438	42.400	42.450	4.951	4.680	4.951	4.798	45.400	45.450	5.611	5.040	5.611	5.158
39.450	39.500	4.532	4.326	4.532	4.444	42.450	42.500	4.962	4.686	4.962	4.804	45.450	45.500	5.622	5.046	5.622	5.164
39.500	39.550	4.538	4.332	4.538	4.450	42.500	42.550	4.973	4.692	4.973	4.810	45.500	45.550	5.633	5.052	5.633	5.170
39.550	39.600	4.544	4.338	4.544	4.456	42.550	42.600	4.984	4.698	4.984	4.816	45.550	45.600	5.644	5.058	5.644	5.176
39.600	39.650	4.550	4.344	4.550	4.462	42.600	42.650	4.995	4.704	4.995	4.822	45.600	45.650	5.655	5.064	5.655	5.182
39.650	39.700	4.556	4.350	4.556	4.468	42.650	42.700	5.006	4.710	5.006	4.828	45.650	45.700	5.666	5.070	5.666	5.188
39.700	39.750	4.562	4.356	4.562	4.474	42.700	42.750	5.017	4.716	5.017	4.834	45.700	45.750	5.677	5.076	5.677	5.194
39.750	39.800	4.568	4.362	4.568	4.480	42.750	42.800	5.028	4.722	5.028	4.840	45.750	45.800	5.688	5.082	5.688	5.200
39.800	39.850	4.574	4.368	4.574	4.486	42.800	42.850	5.039	4.728	5.039	4.846	45.800	45.850	5.699	5.088	5.699	5.206
39.850	39.900	4.580	4.374	4.580	4.492	42.850	42.900	5.050	4.734	5.050	4.852	45.850	45.900	5.710	5.094	5.710	5.212
39.900	39.950	4.586	4.380	4.586	4.498	42.900	42.950	5.061	4.740	5.061	4.858	45.900	45.950	5.721	5.100	5.721	5.218
39.950	40.000	4.592	4.386	4.592	4.504	42.950	43.000	5.072	4.746	5.072	4.864	45.950	46.000	5.732	5.106	5.732	5.224
40.000						43.000						46.000					
40.000	40.050	4.598	4.392	4.598	4.510	43.000	43.050	5.083	4.752	5.083	4.870	46.000	46.050	5.743	5.112	5.743	5.230
40.050	40.100	4.604	4.398	4.604	4.516	43.050	43.100	5.094	4.758	5.094	4.876	46.050	46.100	5.754	5.118	5.754	5.236
40.100	40.150	4.610	4.404	4.610	4.522	43.100	43.150	5.105	4.764	5.105	4.882	46.100	46.150	5.765	5.124	5.765	5.242
40.150	40.200	4.616	4.410	4.616	4.528	43.150	43.200	5.116	4.770	5.116	4.888	46.150	46.200	5.776	5.130	5.776	5.248
40.200	40.250	4.622	4.416	4.622	4.534	43.200	43.250	5.127	4.776	5.127	4.894	46.200	46.250	5.787	5.136	5.787	5.254
40.250	40.300	4.628	4.422	4.628	4.540	43.250	43.300	5.138	4.782	5.138	4.900	46.250	46.300	5.798	5.142	5.798	5.260
40.300	40.350	4.634	4.428	4.634	4.546	43.300	43.350	5.149	4.788	5.149	4.906	46.300	46.350	5.809	5.148	5.809	5.266
40.350	40.400	4.640	4.434	4.640	4.552	43.350	43.400	5.160	4.794	5.160	4.912	46.350	46.400	5.820	5.154	5.820	5.272
40.400	40.450	4.646	4.440	4.646	4.558	43.400	43.450	5.171	4.800	5.171	4.918	46.400	46.450	5.831	5.160	5.831	5.278
40.450	40.500	4.652	4.446	4.652	4.564	43.450	43.500	5.182	4.806	5.182	4.924	46.450	46.500	5.842	5.166	5.842	5.284
40.500	40.550	4.658	4.452	4.658	4.570	43.500	43.550	5.193	4.812	5.193	4.930	46.500	46.550	5.853	5.172	5.853	5.290
40.550	40.600	4.664	4.458	4.664	4.576	43.550	43.600	5.204	4.818	5.204	4.936	46.550	46.600	5.864	5.178	5.864	5.296
40.600	40.650	4.670	4.464	4.670	4.582	43.600	43.650	5.215	4.824	5.215	4.942	46.600	46.650	5.875	5.184	5.875	5.302
40.650	40.700	4.676	4.470	4.676	4.588	43.650	43.700	5.226	4.830	5.226	4.948	46.650	46.700	5.886	5.190	5.886	5.308
40.700	40.750	4.682	4.476	4.682	4.594	43.700	43.750	5.237	4.836	5.237	4.954	46.700	46.750	5.897	5.196	5.897	5.314
40.750	40.800	4.688	4.482	4.688	4.600	43.750	43.800	5.248	4.842	5.248	4.960	46.750	46.800	5.908	5.202	5.908	5.320
40.800	40.850	4.694	4.488	4.694	4.606	43.800	43.850	5.259	4.848	5.259	4.966	46.800	46.850	5.919	5.208	5.919	5.326
40.850	40.900	4.700	4.494	4.700	4.612	43.850	43.900	5.270	4.854	5.270	4.972	46.850	46.900	5.930	5.214	5.930	5.332
40.900	40.950	4.706	4.500	4.706	4.618	43.900	43.950	5.281	4.860	5.281	4.978	46.900	46.950	5.941	5.220	5.941	5.338
40.950	41.000	4.712	4.506	4.712	4.624	43.950	44.000	5.292	4.866	5.292	4.984	46.950	47.000	5.952	5.226	5.952	5.344
41.000						44.000						47.000					
41.000	41.050	4.718	4.512	4.718	4.630	44.000	44.050	5.303	4.872	5.303	4.990	47.000	47.050	5.963	5.232	5.963	5.350
41.050	41.100	4.724	4.518	4.724	4.636	44.050	44.100	5.314	4.878	5.314	4.996	47.050	47.100	5.974	5.238	5.974	5.356
41.100	41.150	4.730	4.524	4.730	4.642	44.100	44.150	5.325	4.884	5.325	5.002	47.100	47.150	5.985	5.244	5.985	5.362
41.150	41.200	4.736	4.530	4.736	4.648	44.150	44.200	5.336	4.890	5.336	5.008	47.150	47.200	5.996	5.250	5.996	5.368
41.200	41.250	4.742	4.536	4.742	4.654	44.200	44.250	5.347	4.896	5.347	5.014	47.200	47.250	6.007	5.256	6.007	5.374
41.250	41.300	4.748	4.542	4.748	4.660	44.250	44.300	5.358	4.902	5.358	5.020	47.250	47.300	6.018	5.262	6.018	5.380
41.300	41.350	4.754	4.548	4.754	4.666	44.300	44.350	5.369	4.908	5.369	5.026	47.300	47.350	6.029	5.268	6.029	5.386
41.350	41.400	4.760	4.554	4.760	4.672	44.350	44.400	5.380	4.914	5.380	5.032	47.350	47.400	6.040	5.274	6.040	5.392
41.400	41.450	4.766	4.560	4.766	4.678	44.400	44.450	5.391	4.920	5.391	5.038	47.400	47.450	6.051	5.280	6.051	5.398
41.450	41.500	4.772	4.566	4.772	4.684	44.450	44.500	5.402	4.926	5.402	5.044	47.450	47.500	6.062	5.286	6.062	5.404
41.500	41.550	4.778	4.572	4.778	4.690	44.500	44.550	5.413	4.932	5.413	5.050	47.500	47.550	6.073	5.292	6.073	5.410
41.550	41.600	4.784	4.578	4.784	4.696	44.550	44.600	5.424	4.938	5.424	5.056	47.550	47.600	6.084	5.298	6.084	5.416
41.600	41.650	4.790	4.584	4.790	4.702	44.600	44.650	5.435	4.944	5.435	5.062	47.600	47.650	6.095	5.304	6.095	5.422
41.650	41.700	4.796	4.590	4.796	4.708	44.650	44.700	5.446	4.950	5.446	5.068	47.650	47.700	6.106	5.310	6.106	5.428
41.700	41.750	4.802	4.596	4.802	4.714	44.700	44.750	5.457	4.956	5.457	5.074	47.700	47.750	6.117	5.316	6.117	5.434
41.750	41.800	4.808	4.602	4.808	4.720	44.750	44.800	5.468	4.962	5.468	5.080	47.750	47.800	6.128	5.322	6.128	5.440
41.800	41.850	4.814	4.608	4.814	4.726	44.800	44.850	5.479	4.968	5.479	5.086	47.800	47.850	6.139	5.328	6.139	5.446
41.850	41.900	4.820	4.614	4.820	4.732	44.850	44.900	5.490	4.974	5.490	5.092	47.850	47.900	6.150	5.334	6.150	5.452
41.900	41.950	4.826	4.620	4.826	4.738	44.900	44.950	5.501	4.980	5.501	5.098	47.900	47.950	6.161	5.340	6.161	5.458
41.950	42.000	4.832	4.626	4.832	4.744	44.950	45.000	5.512	4.986	5.512	5.104	47.950	48.000	6.172	5.346		

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-					
48.000						51.000						54.000					
48.000	48.050	6.183	5.352	6.183	5.470	51.000	51.050	6.843	5.712	6.843	5.830	54.000	54.050	7.503	6.072	7.503	6.190
48.050	48.100	6.194	5.358	6.194	5.476	51.050	51.100	6.854	5.718	6.854	5.836	54.050	54.100	7.514	6.078	7.514	6.196
48.100	48.150	6.205	5.364	6.205	5.482	51.100	51.150	6.865	5.724	6.865	5.842	54.100	54.150	7.525	6.084	7.525	6.202
48.150	48.200	6.216	5.370	6.216	5.488	51.150	51.200	6.876	5.730	6.876	5.848	54.150	54.200	7.536	6.090	7.536	6.208
48.200	48.250	6.227	5.376	6.227	5.494	51.200	51.250	6.887	5.736	6.887	5.854	54.200	54.250	7.547	6.096	7.547	6.214
48.250	48.300	6.238	5.382	6.238	5.500	51.250	51.300	6.898	5.742	6.898	5.860	54.250	54.300	7.558	6.102	7.558	6.220
48.300	48.350	6.249	5.388	6.249	5.506	51.300	51.350	6.909	5.748	6.909	5.866	54.300	54.350	7.569	6.108	7.569	6.226
48.350	48.400	6.260	5.394	6.260	5.512	51.350	51.400	6.920	5.754	6.920	5.872	54.350	54.400	7.580	6.114	7.580	6.232
48.400	48.450	6.271	5.400	6.271	5.518	51.400	51.450	6.931	5.760	6.931	5.878	54.400	54.450	7.591	6.120	7.591	6.238
48.450	48.500	6.282	5.406	6.282	5.524	51.450	51.500	6.942	5.766	6.942	5.884	54.450	54.500	7.602	6.126	7.602	6.244
48.500	48.550	6.293	5.412	6.293	5.530	51.500	51.550	6.953	5.772	6.953	5.890	54.500	54.550	7.613	6.132	7.613	6.250
48.550	48.600	6.304	5.418	6.304	5.536	51.550	51.600	6.964	5.778	6.964	5.896	54.550	54.600	7.624	6.138	7.624	6.256
48.600	48.650	6.315	5.424	6.315	5.542	51.600	51.650	6.975	5.784	6.975	5.902	54.600	54.650	7.635	6.144	7.635	6.262
48.650	48.700	6.326	5.430	6.326	5.548	51.650	51.700	6.986	5.790	6.986	5.908	54.650	54.700	7.646	6.150	7.646	6.268
48.700	48.750	6.337	5.436	6.337	5.554	51.700	51.750	6.997	5.796	6.997	5.914	54.700	54.750	7.657	6.156	7.657	6.274
48.750	48.800	6.348	5.442	6.348	5.560	51.750	51.800	7.008	5.802	7.008	5.920	54.750	54.800	7.668	6.162	7.668	6.280
48.800	48.850	6.359	5.448	6.359	5.566	51.800	51.850	7.019	5.808	7.019	5.926	54.800	54.850	7.679	6.168	7.679	6.286
48.850	48.900	6.370	5.454	6.370	5.572	51.850	51.900	7.030	5.814	7.030	5.932	54.850	54.900	7.690	6.174	7.690	6.292
48.900	48.950	6.381	5.460	6.381	5.578	51.900	51.950	7.041	5.820	7.041	5.938	54.900	54.950	7.701	6.180	7.701	6.298
48.950	49.000	6.392	5.466	6.392	5.584	51.950	52.000	7.052	5.826	7.052	5.944	54.950	55.000	7.712	6.186	7.712	6.304
49.000						52.000						55.000					
49.000	49.050	6.403	5.472	6.403	5.590	52.000	52.050	7.063	5.832	7.063	5.950	55.000	55.050	7.723	6.192	7.723	6.310
49.050	49.100	6.414	5.478	6.414	5.596	52.050	52.100	7.074	5.838	7.074	5.956	55.050	55.100	7.734	6.198	7.734	6.316
49.100	49.150	6.425	5.484	6.425	5.602	52.100	52.150	7.085	5.844	7.085	5.962	55.100	55.150	7.745	6.204	7.745	6.322
49.150	49.200	6.436	5.490	6.436	5.608	52.150	52.200	7.096	5.850	7.096	5.968	55.150	55.200	7.756	6.210	7.756	6.328
49.200	49.250	6.447	5.496	6.447	5.614	52.200	52.250	7.107	5.856	7.107	5.974	55.200	55.250	7.767	6.216	7.767	6.334
49.250	49.300	6.458	5.502	6.458	5.620	52.250	52.300	7.118	5.862	7.118	5.980	55.250	55.300	7.778	6.222	7.778	6.340
49.300	49.350	6.469	5.508	6.469	5.626	52.300	52.350	7.129	5.868	7.129	5.986	55.300	55.350	7.789	6.228	7.789	6.346
49.350	49.400	6.480	5.514	6.480	5.632	52.350	52.400	7.140	5.874	7.140	5.992	55.350	55.400	7.800	6.234	7.800	6.352
49.400	49.450	6.491	5.520	6.491	5.638	52.400	52.450	7.151	5.880	7.151	5.998	55.400	55.450	7.811	6.240	7.811	6.358
49.450	49.500	6.502	5.526	6.502	5.644	52.450	52.500	7.162	5.886	7.162	6.004	55.450	55.500	7.822	6.246	7.822	6.364
49.500	49.550	6.513	5.532	6.513	5.650	52.500	52.550	7.173	5.892	7.173	6.010	55.500	55.550	7.833	6.252	7.833	6.370
49.550	49.600	6.524	5.538	6.524	5.656	52.550	52.600	7.184	5.898	7.184	6.016	55.550	55.600	7.844	6.258	7.844	6.376
49.600	49.650	6.535	5.544	6.535	5.662	52.600	52.650	7.195	5.904	7.195	6.022	55.600	55.650	7.855	6.264	7.855	6.382
49.650	49.700	6.546	5.550	6.546	5.668	52.650	52.700	7.206	5.910	7.206	6.028	55.650	55.700	7.866	6.270	7.866	6.388
49.700	49.750	6.557	5.556	6.557	5.674	52.700	52.750	7.217	5.916	7.217	6.034	55.700	55.750	7.877	6.276	7.877	6.394
49.750	49.800	6.568	5.562	6.568	5.680	52.750	52.800	7.228	5.922	7.228	6.040	55.750	55.800	7.888	6.282	7.888	6.400
49.800	49.850	6.579	5.568	6.579	5.686	52.800	52.850	7.239	5.928	7.239	6.046	55.800	55.850	7.899	6.288	7.899	6.406
49.850	49.900	6.590	5.574	6.590	5.692	52.850	52.900	7.250	5.934	7.250	6.052	55.850	55.900	7.910	6.294	7.910	6.412
49.900	49.950	6.601	5.580	6.601	5.698	52.900	52.950	7.261	5.940	7.261	6.058	55.900	55.950	7.921	6.300	7.921	6.418
49.950	50.000	6.612	5.586	6.612	5.704	52.950	53.000	7.272	5.946	7.272	6.064	55.950	56.000	7.932	6.306	7.932	6.424
50.000						53.000						56.000					
50.000	50.050	6.623	5.592	6.623	5.710	53.000	53.050	7.283	5.952	7.283	6.070	56.000	56.050	7.943	6.312	7.943	6.443
50.050	50.100	6.634	5.598	6.634	5.716	53.050	53.100	7.294	5.958	7.294	6.076	56.050	56.100	7.954	6.318	7.954	6.449
50.100	50.150	6.645	5.604	6.645	5.722	53.100	53.150	7.305	5.964	7.305	6.082	56.100	56.150	7.965	6.324	7.965	6.455
50.150	50.200	6.656	5.610	6.656	5.728	53.150	53.200	7.316	5.970	7.316	6.088	56.150	56.200	7.976	6.330	7.976	6.461
50.200	50.250	6.667	5.616	6.667	5.734	53.200	53.250	7.327	5.976	7.327	6.094	56.200	56.250	7.987	6.336	7.987	6.467
50.250	50.300	6.678	5.622	6.678	5.740	53.250	53.300	7.338	5.982	7.338	6.100	56.250	56.300	7.998	6.342	7.998	6.473
50.300	50.350	6.689	5.628	6.689	5.746	53.300	53.350	7.349	5.988	7.349	6.106	56.300	56.350	8.009	6.348	8.009	6.479
50.350	50.400	6.700	5.634	6.700	5.752	53.350	53.400	7.360	5.994	7.360	6.112	56.350	56.400	8.020	6.354	8.020	6.485
50.400	50.450	6.711	5.640	6.711	5.758	53.400	53.450	7.371	6.000	7.371	6.118	56.400	56.450	8.031	6.360	8.031	6.491
50.450	50.500	6.722	5.646	6.722	5.764	53.450	53.500	7.382	6.006	7.382	6.124	56.450	56.500	8.042	6.366	8.042	6.497
50.500	50.550	6.733	5.652	6.733	5.770	53.500	53.550	7.393	6.012	7.393	6.130	56.500	56.550	8.053	6.372	8.053	6.503
50.550	50.600	6.744	5.658	6.744	5.776	53.550	53.600	7.404	6.018	7.404	6.136	56.550	56.600	8.064	6.378	8.064	6.509
50.600	50.650	6.755	5.664	6.755	5.782	53.600	53.650	7.415	6.024	7.415	6.142	56.600	56.650	8.075	6.384	8.075	6.515
50.650	50.700	6.766	5.670	6.766	5.788	53.650	53.700	7.426	6.030	7.426	6.148	56.650	56.700	8.086	6.390	8.086	6.521
50.700	50.750	6.777	5.676	6.777	5.794	53.700	53.750	7.437	6.036	7.437	6.154	56.700	56.750	8.097	6.396	8.097	6.527
50.750	50.800	6.788	5.682	6.788	5.800	53.750	53.800	7.448	6.042	7.448	6.160	56.750	56.800	8.108	6.402	8.108	6.533
50.800	50.850	6.799	5.688	6.799	5.806	53.800	53.850	7.459	6.048	7.459	6.166	56.800	56.850	8.119	6.408	8.119	6.539
50.850	50.900	6.810	5.694	6.810	5.812	53.850	53.900	7.470	6.054	7.470	6.172	56.850	56.900	8.130	6.414	8.130	6.545
50.900	50.950	6.821	5.700	6.821	5.818	53.900	53.950	7.481	6.060	7.481	6.178	56.900	56.950	8.141	6.420	8.141	6.551
50.950	51.000	6.832	5.706	6.832	5.824	53.950	54.000	7.492	6.066	7.492	6.184	56.950</					

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Thuế của quý vị là-	Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Thuế của quý vị là-	Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				Thuế của quý vị là-
		Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình				Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình				Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	
57.000						60.000						63.000								
57.000	57.050	8.163	6.432	8.163	6.663	60.000	60.050	8.823	6.792	8.823	7.323	63.000	63.050	9.483	7.152	9.483	7.983			
57.050	57.100	8.174	6.438	8.174	6.674	60.050	60.100	8.834	6.798	8.834	7.334	63.050	63.100	9.494	7.158	9.494	7.994			
57.100	57.150	8.185	6.444	8.185	6.685	60.100	60.150	8.845	6.804	8.845	7.345	63.100	63.150	9.505	7.164	9.505	8.005			
57.150	57.200	8.196	6.450	8.196	6.696	60.150	60.200	8.856	6.810	8.856	7.356	63.150	63.200	9.516	7.170	9.516	8.016			
57.200	57.250	8.207	6.456	8.207	6.707	60.200	60.250	8.867	6.816	8.867	7.367	63.200	63.250	9.527	7.176	9.527	8.027			
57.250	57.300	8.218	6.462	8.218	6.718	60.250	60.300	8.878	6.822	8.878	7.378	63.250	63.300	9.538	7.182	9.538	8.038			
57.300	57.350	8.229	6.468	8.229	6.729	60.300	60.350	8.889	6.828	8.889	7.389	63.300	63.350	9.549	7.188	9.549	8.049			
57.350	57.400	8.240	6.474	8.240	6.740	60.350	60.400	8.900	6.834	8.900	7.400	63.350	63.400	9.560	7.194	9.560	8.060			
57.400	57.450	8.251	6.480	8.251	6.751	60.400	60.450	8.911	6.840	8.911	7.411	63.400	63.450	9.571	7.200	9.571	8.071			
57.450	57.500	8.262	6.486	8.262	6.762	60.450	60.500	8.922	6.846	8.922	7.422	63.450	63.500	9.582	7.206	9.582	8.082			
57.500	57.550	8.273	6.492	8.273	6.773	60.500	60.550	8.933	6.852	8.933	7.433	63.500	63.550	9.593	7.212	9.593	8.093			
57.550	57.600	8.284	6.498	8.284	6.784	60.550	60.600	8.944	6.858	8.944	7.444	63.550	63.600	9.604	7.218	9.604	8.104			
57.600	57.650	8.295	6.504	8.295	6.795	60.600	60.650	8.955	6.864	8.955	7.455	63.600	63.650	9.615	7.224	9.615	8.115			
57.650	57.700	8.306	6.510	8.306	6.806	60.650	60.700	8.966	6.870	8.966	7.466	63.650	63.700	9.626	7.230	9.626	8.126			
57.700	57.750	8.317	6.516	8.317	6.817	60.700	60.750	8.977	6.876	8.977	7.477	63.700	63.750	9.637	7.236	9.637	8.137			
57.750	57.800	8.328	6.522	8.328	6.828	60.750	60.800	8.988	6.882	8.988	7.488	63.750	63.800	9.648	7.242	9.648	8.148			
57.800	57.850	8.339	6.528	8.339	6.839	60.800	60.850	8.999	6.888	8.999	7.499	63.800	63.850	9.659	7.248	9.659	8.159			
57.850	57.900	8.350	6.534	8.350	6.850	60.850	60.900	9.010	6.894	9.010	7.510	63.850	63.900	9.670	7.254	9.670	8.170			
57.900	57.950	8.361	6.540	8.361	6.861	60.900	60.950	9.021	6.900	9.021	7.521	63.900	63.950	9.681	7.260	9.681	8.181			
57.950	58.000	8.372	6.546	8.372	6.872	60.950	61.000	9.032	6.906	9.032	7.532	63.950	64.000	9.692	7.266	9.692	8.192			
58.000						61.000						64.000								
58.000	58.050	8.383	6.552	8.383	6.883	61.000	61.050	9.043	6.912	9.043	7.543	64.000	64.050	9.703	7.272	9.703	8.203			
58.050	58.100	8.394	6.558	8.394	6.894	61.050	61.100	9.054	6.918	9.054	7.554	64.050	64.100	9.714	7.278	9.714	8.214			
58.100	58.150	8.405	6.564	8.405	6.905	61.100	61.150	9.065	6.924	9.065	7.565	64.100	64.150	9.725	7.284	9.725	8.225			
58.150	58.200	8.416	6.570	8.416	6.916	61.150	61.200	9.076	6.930	9.076	7.576	64.150	64.200	9.736	7.290	9.736	8.236			
58.200	58.250	8.427	6.576	8.427	6.927	61.200	61.250	9.087	6.936	9.087	7.587	64.200	64.250	9.747	7.296	9.747	8.247			
58.250	58.300	8.438	6.582	8.438	6.938	61.250	61.300	9.098	6.942	9.098	7.598	64.250	64.300	9.758	7.302	9.758	8.258			
58.300	58.350	8.449	6.588	8.449	6.949	61.300	61.350	9.109	6.948	9.109	7.609	64.300	64.350	9.769	7.308	9.769	8.269			
58.350	58.400	8.460	6.594	8.460	6.960	61.350	61.400	9.120	6.954	9.120	7.620	64.350	64.400	9.780	7.314	9.780	8.280			
58.400	58.450	8.471	6.600	8.471	6.971	61.400	61.450	9.131	6.960	9.131	7.631	64.400	64.450	9.791	7.320	9.791	8.291			
58.450	58.500	8.482	6.606	8.482	6.982	61.450	61.500	9.142	6.966	9.142	7.642	64.450	64.500	9.802	7.326	9.802	8.302			
58.500	58.550	8.493	6.612	8.493	6.993	61.500	61.550	9.153	6.972	9.153	7.653	64.500	64.550	9.813	7.332	9.813	8.313			
58.550	58.600	8.504	6.618	8.504	7.004	61.550	61.600	9.164	6.978	9.164	7.664	64.550	64.600	9.824	7.338	9.824	8.324			
58.600	58.650	8.515	6.624	8.515	7.015	61.600	61.650	9.175	6.984	9.175	7.675	64.600	64.650	9.835	7.344	9.835	8.335			
58.650	58.700	8.526	6.630	8.526	7.026	61.650	61.700	9.186	6.990	9.186	7.686	64.650	64.700	9.846	7.350	9.846	8.346			
58.700	58.750	8.537	6.636	8.537	7.037	61.700	61.750	9.197	6.996	9.197	7.697	64.700	64.750	9.857	7.356	9.857	8.357			
58.750	58.800	8.548	6.642	8.548	7.048	61.750	61.800	9.208	7.002	9.208	7.708	64.750	64.800	9.868	7.362	9.868	8.368			
58.800	58.850	8.559	6.648	8.559	7.059	61.800	61.850	9.219	7.008	9.219	7.719	64.800	64.850	9.879	7.368	9.879	8.379			
58.850	58.900	8.570	6.654	8.570	7.070	61.850	61.900	9.230	7.014	9.230	7.730	64.850	64.900	9.890	7.374	9.890	8.390			
58.900	58.950	8.581	6.660	8.581	7.081	61.900	61.950	9.241	7.020	9.241	7.741	64.900	64.950	9.901	7.380	9.901	8.401			
58.950	59.000	8.592	6.666	8.592	7.092	61.950	62.000	9.252	7.026	9.252	7.752	64.950	65.000	9.912	7.386	9.912	8.412			
59.000						62.000						65.000								
59.000	59.050	8.603	6.672	8.603	7.103	62.000	62.050	9.263	7.032	9.263	7.763	65.000	65.050	9.923	7.392	9.923	8.423			
59.050	59.100	8.614	6.678	8.614	7.114	62.050	62.100	9.274	7.038	9.274	7.774	65.050	65.100	9.934	7.398	9.934	8.434			
59.100	59.150	8.625	6.684	8.625	7.125	62.100	62.150	9.285	7.044	9.285	7.785	65.100	65.150	9.945	7.404	9.945	8.445			
59.150	59.200	8.636	6.690	8.636	7.136	62.150	62.200	9.296	7.050	9.296	7.796	65.150	65.200	9.956	7.410	9.956	8.456			
59.200	59.250	8.647	6.696	8.647	7.147	62.200	62.250	9.307	7.056	9.307	7.807	65.200	65.250	9.967	7.416	9.967	8.467			
59.250	59.300	8.658	6.702	8.658	7.158	62.250	62.300	9.318	7.062	9.318	7.818	65.250	65.300	9.978	7.422	9.978	8.478			
59.300	59.350	8.669	6.708	8.669	7.169	62.300	62.350	9.329	7.068	9.329	7.829	65.300	65.350	9.989	7.428	9.989	8.489			
59.350	59.400	8.680	6.714	8.680	7.180	62.350	62.400	9.340	7.074	9.340	7.840	65.350	65.400	10.000	7.434	10.000	8.500			
59.400	59.450	8.691	6.720	8.691	7.191	62.400	62.450	9.351	7.080	9.351	7.851	65.400	65.450	10.011	7.440	10.011	8.511			
59.450	59.500	8.702	6.726	8.702	7.202	62.450	62.500	9.362	7.086	9.362	7.862	65.450	65.500	10.022	7.446	10.022	8.522			
59.500	59.550	8.713	6.732	8.713	7.213	62.500	62.550	9.373	7.092	9.373	7.873	65.500	65.550	10.033	7.452	10.033	8.533			
59.550	59.600	8.724	6.738	8.724	7.224	62.550	62.600	9.384	7.098	9.384	7.884	65.550	65.600	10.044	7.458	10.044	8.544			
59.600	59.650	8.735	6.744	8.735	7.235	62.600	62.650	9.395	7.104	9.395	7.895	65.600	65.650	10.055	7.464	10.055	8.555			
59.650	59.700	8.746	6.750	8.746	7.246	62.650	62.700	9.406	7.110	9.406	7.906	65.650	65.700	10.066	7.470	10.066	8.566			
59.700	59.750	8.757	6.756	8.757	7.257	62.700	62.750	9.417	7.116	9.417	7.917	65.700	65.750	10.077	7.476	10.077	8.577			
59.750	59.800	8.768	6.762	8.768	7.268	62.750	62.800	9.428	7.122	9.428	7.928	65.750	65.800	10.088	7.482	10.088	8.588			
59.800	59.850	8.779	6.768	8.779	7.279	62.800	62.850	9.439	7.128	9.439	7.939	65.800	65.850	10.099	7.488	10.099	8.599			
59.850	59.900	8.790	6.774	8.790	7.290	62.850	62.900	9.450	7.134	9.450	7.950	65.850	65.900	10.110	7.494	10.110	8.610			
59.900	59.950	8.801	6.780	8.801	7.301	62.900	62.950	9.461	7.140	9.461	7.961	65.900	65.950	10.121	7.500	10.121	8.621			
59.950	60.000	8.812	6.786	8.812	7.312	62.950	63.000	9.472	7.146	9.472	7.972	65.950	66.000	10.132	7.					

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	
		Thuế của quý vị là-				
66.000						
66.000	66.050	10.143	7.512	10.143	8.643	
66.050	66.100	10.154	7.518	10.154	8.654	
66.100	66.150	10.165	7.524	10.165	8.665	
66.150	66.200	10.176	7.530	10.176	8.676	
66.200	66.250	10.187	7.536	10.187	8.687	
66.250	66.300	10.198	7.542	10.198	8.698	
66.300	66.350	10.209	7.548	10.209	8.709	
66.350	66.400	10.220	7.554	10.220	8.720	
66.400	66.450	10.231	7.560	10.231	8.731	
66.450	66.500	10.242	7.566	10.242	8.742	
66.500	66.550	10.253	7.572	10.253	8.753	
66.550	66.600	10.264	7.578	10.264	8.764	
66.600	66.650	10.275	7.584	10.275	8.775	
66.650	66.700	10.286	7.590	10.286	8.786	
66.700	66.750	10.297	7.596	10.297	8.797	
66.750	66.800	10.308	7.602	10.308	8.808	
66.800	66.850	10.319	7.608	10.319	8.819	
66.850	66.900	10.330	7.614	10.330	8.830	
66.900	66.950	10.341	7.620	10.341	8.841	
66.950	67.000	10.352	7.626	10.352	8.852	
67.000						
67.000	67.050	10.363	7.632	10.363	8.863	
67.050	67.100	10.374	7.638	10.374	8.874	
67.100	67.150	10.385	7.644	10.385	8.885	
67.150	67.200	10.396	7.650	10.396	8.896	
67.200	67.250	10.407	7.656	10.407	8.907	
67.250	67.300	10.418	7.662	10.418	8.918	
67.300	67.350	10.429	7.668	10.429	8.929	
67.350	67.400	10.440	7.674	10.440	8.940	
67.400	67.450	10.451	7.680	10.451	8.951	
67.450	67.500	10.462	7.686	10.462	8.962	
67.500	67.550	10.473	7.692	10.473	8.973	
67.550	67.600	10.484	7.698	10.484	8.984	
67.600	67.650	10.495	7.704	10.495	8.995	
67.650	67.700	10.506	7.710	10.506	9.006	
67.700	67.750	10.517	7.716	10.517	9.017	
67.750	67.800	10.528	7.722	10.528	9.028	
67.800	67.850	10.539	7.728	10.539	9.039	
67.850	67.900	10.550	7.734	10.550	9.050	
67.900	67.950	10.561	7.740	10.561	9.061	
67.950	68.000	10.572	7.746	10.572	9.072	
68.000						
68.000	68.050	10.583	7.752	10.583	9.083	
68.050	68.100	10.594	7.758	10.594	9.094	
68.100	68.150	10.605	7.764	10.605	9.105	
68.150	68.200	10.616	7.770	10.616	9.116	
68.200	68.250	10.627	7.776	10.627	9.127	
68.250	68.300	10.638	7.782	10.638	9.138	
68.300	68.350	10.649	7.788	10.649	9.149	
68.350	68.400	10.660	7.794	10.660	9.160	
68.400	68.450	10.671	7.800	10.671	9.171	
68.450	68.500	10.682	7.806	10.682	9.182	
68.500	68.550	10.693	7.812	10.693	9.193	
68.550	68.600	10.704	7.818	10.704	9.204	
68.600	68.650	10.715	7.824	10.715	9.215	
68.650	68.700	10.726	7.830	10.726	9.226	
68.700	68.750	10.737	7.836	10.737	9.237	
68.750	68.800	10.748	7.842	10.748	9.248	
68.800	68.850	10.759	7.848	10.759	9.259	
68.850	68.900	10.770	7.854	10.770	9.270	
68.900	68.950	10.781	7.860	10.781	9.281	
68.950	69.000	10.792	7.866	10.792	9.292	
69.000						
69.000	69.050	10.803	7.872	10.803	9.303	
69.050	69.100	10.814	7.878	10.814	9.314	
69.100	69.150	10.825	7.884	10.825	9.325	
69.150	69.200	10.836	7.890	10.836	9.336	
69.200	69.250	10.847	7.896	10.847	9.347	
69.250	69.300	10.858	7.902	10.858	9.358	
69.300	69.350	10.869	7.908	10.869	9.369	
69.350	69.400	10.880	7.914	10.880	9.380	
69.400	69.450	10.891	7.920	10.891	9.391	
69.450	69.500	10.902	7.926	10.902	9.402	
69.500	69.550	10.913	7.932	10.913	9.413	
69.550	69.600	10.924	7.938	10.924	9.424	
69.600	69.650	10.935	7.944	10.935	9.435	
69.650	69.700	10.946	7.950	10.946	9.446	
69.700	69.750	10.957	7.956	10.957	9.457	
69.750	69.800	10.968	7.962	10.968	9.468	
69.800	69.850	10.979	7.968	10.979	9.479	
69.850	69.900	10.990	7.974	10.990	9.490	
69.900	69.950	11.001	7.980	11.001	9.501	
69.950	70.000	11.012	7.986	11.012	9.512	
70.000						
70.000	70.050	11.023	7.992	11.023	9.523	
70.050	70.100	11.034	7.998	11.034	9.534	
70.100	70.150	11.045	8.004	11.045	9.545	
70.150	70.200	11.056	8.010	11.056	9.556	
70.200	70.250	11.067	8.016	11.067	9.567	
70.250	70.300	11.078	8.022	11.078	9.578	
70.300	70.350	11.089	8.028	11.089	9.589	
70.350	70.400	11.100	8.034	11.100	9.600	
70.400	70.450	11.111	8.040	11.111	9.611	
70.450	70.500	11.122	8.046	11.122	9.622	
70.500	70.550	11.133	8.052	11.133	9.633	
70.550	70.600	11.144	8.058	11.144	9.644	
70.600	70.650	11.155	8.064	11.155	9.655	
70.650	70.700	11.166	8.070	11.166	9.666	
70.700	70.750	11.177	8.076	11.177	9.677	
70.750	70.800	11.188	8.082	11.188	9.688	
70.800	70.850	11.199	8.088	11.199	9.699	
70.850	70.900	11.210	8.094	11.210	9.710	
70.900	70.950	11.221	8.100	11.221	9.721	
70.950	71.000	11.232	8.106	11.232	9.732	
71.000						
71.000	71.050	11.243	8.112	11.243	9.743	
71.050	71.100	11.254	8.118	11.254	9.754	
71.100	71.150	11.265	8.124	11.265	9.765	
71.150	71.200	11.276	8.130	11.276	9.776	
71.200	71.250	11.287	8.136	11.287	9.787	
71.250	71.300	11.298	8.142	11.298	9.798	
71.300	71.350	11.309	8.148	11.309	9.809	
71.350	71.400	11.320	8.154	11.320	9.820	
71.400	71.450	11.331	8.160	11.331	9.831	
71.450	71.500	11.342	8.166	11.342	9.842	
71.500	71.550	11.353	8.172	11.353	9.853	
71.550	71.600	11.364	8.178	11.364	9.864	
71.600	71.650	11.375	8.184	11.375	9.875	
71.650	71.700	11.386	8.190	11.386	9.886	
71.700	71.750	11.397	8.196	11.397	9.897	
71.750	71.800	11.408	8.202	11.408	9.908	
71.800	71.850	11.419	8.208	11.419	9.919	
71.850	71.900	11.430	8.214	11.430	9.930	
71.900	71.950	11.441	8.220	11.441	9.941	
71.950	72.000	11.452	8.226	11.452	9.952	
72.000						
72.000	72.050	11.463	8.232	11.463	9.963	
72.050	72.100	11.474	8.238	11.474	9.974	
72.100	72.150	11.485	8.244	11.485	9.985	
72.150	72.200	11.496	8.250	11.496	9.996	
72.200	72.250	11.507	8.256	11.507	10.007	
72.250	72.300	11.518	8.262	11.518	10.018	
72.300	72.350	11.529	8.268	11.529	10.029	
72.350	72.400	11.540	8.274	11.540	10.040	
72.400	72.450	11.551	8.280	11.551	10.051	
72.450	72.500	11.562	8.286	11.562	10.062	
72.500	72.550	11.573	8.292	11.573	10.073	
72.550	72.600	11.584	8.298	11.584	10.084	
72.600	72.650	11.595	8.304	11.595	10.095	
72.650	72.700	11.606	8.310	11.606	10.106	
72.700	72.750	11.617	8.316	11.617	10.117	
72.750	72.800	11.628	8.322	11.628	10.128	
72.800	72.850	11.639	8.328	11.639	10.139	
72.850	72.900	11.650	8.334	11.650	10.150	
72.900	72.950	11.661	8.340	11.661	10.161	
72.950	73.000	11.672	8.346	11.672	10.172	
73.000						
73.000	73.050	11.683	8.352	11.683	10.183	
73.050	73.100	11.694	8.358	11.694	10.194	
73.100	73.150	11.705	8.364	11.705	10.205	
73.150	73.200	11.716	8.370	11.716	10.216	
73.200	73.250	11.727	8.376	11.727	10.227	
73.250	73.300	11.738	8.382	11.738	10.238	
73.300	73.350	11.749	8.388	11.749	10.249	
73.350	73.400	11.760	8.394	11.760	10.260	
73.400	73.450	11.771	8.400	11.771	10.271	
73.450	73.500	11.782	8.406	11.782	10.282	
73.500	73.550	11.793	8.412	11.793	10.293	
73.550	73.600	11.804	8.418	11.804	10.304	
73.600	73.650	11.815	8.424	11.815	10.315	
73.650	73.700	11.826	8.430	11.826	10.326	
73.700	73.750	11.837	8.436	11.837	10.337	
73.750	73.800	11.848	8.442	11.848	10.348	
73.800	73.850	11.859	8.448	11.859	10.359	
73.850	73.900	11.870	8.454	11.870	10.370	
73.900	73.950	11.881	8.460	11.881	10.381	
73.950	74.000	11.892	8.466	11.892	10.392	
74.000						
74.000	74.050	11.903	8.472	11.903	10.403	
74.050	74.100	11.914	8.478	11.914	10.414	
74.100	74.150	11.925	8.484			

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	
Thuế của quý vị là-						
75.000						
75.000	75.050	12.123	8.592	12.123	10.623	
75.050	75.100	12.134	8.598	12.134	10.634	
75.100	75.150	12.145	8.604	12.145	10.645	
75.150	75.200	12.156	8.610	12.156	10.656	
75.200	75.250	12.167	8.616	12.167	10.667	
75.250	75.300	12.178	8.622	12.178	10.678	
75.300	75.350	12.189	8.628	12.189	10.689	
75.350	75.400	12.200	8.634	12.200	10.700	
75.400	75.450	12.211	8.640	12.211	10.711	
75.450	75.500	12.222	8.646	12.222	10.722	
75.500	75.550	12.233	8.652	12.233	10.733	
75.550	75.600	12.244	8.658	12.244	10.744	
75.600	75.650	12.255	8.664	12.255	10.755	
75.650	75.700	12.266	8.670	12.266	10.766	
75.700	75.750	12.277	8.676	12.277	10.777	
75.750	75.800	12.288	8.682	12.288	10.788	
75.800	75.850	12.299	8.688	12.299	10.799	
75.850	75.900	12.310	8.694	12.310	10.810	
75.900	75.950	12.321	8.700	12.321	10.821	
75.950	76.000	12.332	8.706	12.332	10.832	
76.000						
76.000	76.050	12.343	8.712	12.343	10.843	
76.050	76.100	12.354	8.718	12.354	10.854	
76.100	76.150	12.365	8.724	12.365	10.865	
76.150	76.200	12.376	8.730	12.376	10.876	
76.200	76.250	12.387	8.736	12.387	10.887	
76.250	76.300	12.398	8.742	12.398	10.898	
76.300	76.350	12.409	8.748	12.409	10.909	
76.350	76.400	12.420	8.754	12.420	10.920	
76.400	76.450	12.431	8.760	12.431	10.931	
76.450	76.500	12.442	8.766	12.442	10.942	
76.500	76.550	12.453	8.772	12.453	10.953	
76.550	76.600	12.464	8.778	12.464	10.964	
76.600	76.650	12.475	8.784	12.475	10.975	
76.650	76.700	12.486	8.790	12.486	10.986	
76.700	76.750	12.497	8.796	12.497	10.997	
76.750	76.800	12.508	8.802	12.508	11.008	
76.800	76.850	12.519	8.808	12.519	11.019	
76.850	76.900	12.530	8.814	12.530	11.030	
76.900	76.950	12.541	8.820	12.541	11.041	
76.950	77.000	12.552	8.826	12.552	11.052	
77.000						
77.000	77.050	12.563	8.832	12.563	11.063	
77.050	77.100	12.574	8.838	12.574	11.074	
77.100	77.150	12.585	8.844	12.585	11.085	
77.150	77.200	12.596	8.850	12.596	11.096	
77.200	77.250	12.607	8.856	12.607	11.107	
77.250	77.300	12.618	8.862	12.618	11.118	
77.300	77.350	12.629	8.868	12.629	11.129	
77.350	77.400	12.640	8.874	12.640	11.140	
77.400	77.450	12.651	8.880	12.651	11.151	
77.450	77.500	12.662	8.886	12.662	11.162	
77.500	77.550	12.673	8.892	12.673	11.173	
77.550	77.600	12.684	8.898	12.684	11.184	
77.600	77.650	12.695	8.904	12.695	11.195	
77.650	77.700	12.706	8.910	12.706	11.206	
77.700	77.750	12.717	8.916	12.717	11.217	
77.750	77.800	12.728	8.922	12.728	11.228	
77.800	77.850	12.739	8.928	12.739	11.239	
77.850	77.900	12.750	8.934	12.750	11.250	
77.900	77.950	12.761	8.940	12.761	11.261	
77.950	78.000	12.772	8.946	12.772	11.272	

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	
Thuế của quý vị là-						
78.000						
78.000	78.050	12.783	8.952	12.783	11.283	
78.050	78.100	12.794	8.958	12.794	11.294	
78.100	78.150	12.805	8.964	12.805	11.305	
78.150	78.200	12.816	8.970	12.816	11.316	
78.200	78.250	12.827	8.976	12.827	11.327	
78.250	78.300	12.838	8.982	12.838	11.338	
78.300	78.350	12.849	8.988	12.849	11.349	
78.350	78.400	12.860	8.994	12.860	11.360	
78.400	78.450	12.871	9.000	12.871	11.371	
78.450	78.500	12.882	9.006	12.882	11.382	
78.500	78.550	12.893	9.012	12.893	11.393	
78.550	78.600	12.904	9.018	12.904	11.404	
78.600	78.650	12.915	9.024	12.915	11.415	
78.650	78.700	12.926	9.030	12.926	11.426	
78.700	78.750	12.937	9.036	12.937	11.437	
78.750	78.800	12.948	9.042	12.948	11.448	
78.800	78.850	12.959	9.048	12.959	11.459	
78.850	78.900	12.970	9.054	12.970	11.470	
78.900	78.950	12.981	9.060	12.981	11.481	
78.950	79.000	12.992	9.066	12.992	11.492	
79.000						
79.000	79.050	13.003	9.072	13.003	11.503	
79.050	79.100	13.014	9.078	13.014	11.514	
79.100	79.150	13.025	9.084	13.025	11.525	
79.150	79.200	13.036	9.090	13.036	11.536	
79.200	79.250	13.047	9.096	13.047	11.547	
79.250	79.300	13.058	9.102	13.058	11.558	
79.300	79.350	13.069	9.108	13.069	11.569	
79.350	79.400	13.080	9.114	13.080	11.580	
79.400	79.450	13.091	9.120	13.091	11.591	
79.450	79.500	13.102	9.126	13.102	11.602	
79.500	79.550	13.113	9.132	13.113	11.613	
79.550	79.600	13.124	9.138	13.124	11.624	
79.600	79.650	13.135	9.144	13.135	11.635	
79.650	79.700	13.146	9.150	13.146	11.646	
79.700	79.750	13.157	9.156	13.157	11.657	
79.750	79.800	13.168	9.162	13.168	11.668	
79.800	79.850	13.179	9.168	13.179	11.679	
79.850	79.900	13.190	9.174	13.190	11.690	
79.900	79.950	13.201	9.180	13.201	11.701	
79.950	80.000	13.212	9.186	13.212	11.712	
80.000						
80.000	80.050	13.223	9.192	13.223	11.723	
80.050	80.100	13.234	9.198	13.234	11.734	
80.100	80.150	13.245	9.204	13.245	11.745	
80.150	80.200	13.256	9.210	13.256	11.756	
80.200	80.250	13.267	9.216	13.267	11.767	
80.250	80.300	13.278	9.222	13.278	11.778	
80.300	80.350	13.289	9.228	13.289	11.789	
80.350	80.400	13.300	9.234	13.300	11.800	
80.400	80.450	13.311	9.240	13.311	11.811	
80.450	80.500	13.322	9.246	13.322	11.822	
80.500	80.550	13.333	9.252	13.333	11.833	
80.550	80.600	13.344	9.258	13.344	11.844	
80.600	80.650	13.355	9.264	13.355	11.855	
80.650	80.700	13.366	9.270	13.366	11.866	
80.700	80.750	13.377	9.276	13.377	11.877	
80.750	80.800	13.388	9.282	13.388	11.888	
80.800	80.850	13.399	9.288	13.399	11.899	
80.850	80.900	13.410	9.294	13.410	11.910	
80.900	80.950	13.421	9.300	13.421	11.921	
80.950	81.000	13.432	9.306	13.432	11.932	

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-				
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	
Thuế của quý vị là-						
81.000						
81.000	81.050	13.443	9.312	13.443	11.943	
81.050	81.100	13.454	9.318	13.454	11.954	
81.100	81.150	13.465	9.324	13.465	11.965	
81.150	81.200	13.476	9.330	13.476	11.976	
81.200	81.250	13.487	9.336	13.487	11.987	
81.250	81.300	13.498	9.342	13.498	11.998	
81.300	81.350	13.509	9.348	13.509	12.009	
81.350	81.400	13.520	9.354	13.520	12.020	
81.400	81.450	13.531	9.360	13.531	12.031	
81.450	81.500	13.542	9.366	13.542	12.042	
81.500	81.550	13.553	9.372	13.553	12.053	
81.550	81.600	13.564	9.378	13.564	12.064	
81.600	81.650	13.575	9.384	13.575	12.075	
81.650	81.700	13.586	9.390	13.586	12.086	
81.700	81.750	13.597	9.396	13.597	12.097	
81.750	81.800	13.608	9.402	13.608	12.108	
81.800	81.850	13.619	9.408	13.619	12.119	
81.850	81.900	13.630	9.414	13.630	12.130	
81.900	81.950	13.641	9.420	13.641	12.141	
81.950	82.000	13.652	9.426	13.652	12.152	
82.000						
82.000	82.050	13.663	9.432	13.663	12.163	
82.050	82.100	13.674	9.438	13.674	12.174	
82.100	82.150	13.685	9.444	13.685	12.185	
82.150	82.200	13.696	9.450	13.696	12.196	
82.200	82.250	13.707	9.456	13.707	12.207	
82.250	82.300	13.718	9.462	13.718	12.218	
82.300	82.350	13.729	9.468	13.729	12.229	
82.350	82.400	13.740	9.474	13.740	12.240	
82.400	82.450	13.751	9.480	13.751	12.251	
82.450	82.500	13.762	9.486	13.762	12.262	
82.500	82.550	13.773	9.492	13.773	12.273	
82.550	82.600	13.784	9.498	13.784	12.284	
82.600	82.650	13.795	9.504	13.795	12.295	
82.650	82.700	13.806	9.510	13.806	12.306	
82.700	82.750	13.817	9.516	13.817	12.317	
82.750	82.800	13.828	9.522	13.828	12.328	
82.800						

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-					Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-					Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-							
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình	Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-						Thuế của quý vị là-					
84.000						87.000						90.000						91.000					
84.000	84.050	14.103	9.720	14.103	12.603	87.000	87.050	14.763	10.380	14.763	13.263	90.000	90.050	15.442	11.040	15.442	13.942	91.000	91.050	15.682	11.260	15.682	14.182
84.050	84.100	14.114	9.731	14.114	12.614	87.050	87.100	14.774	10.391	14.774	13.274	90.050	90.100	15.454	11.051	15.454	13.954	91.050	91.100	15.694	11.271	15.694	14.194
84.100	84.150	14.125	9.742	14.125	12.625	87.100	87.150	14.785	10.402	14.785	13.285	90.100	90.150	15.466	11.062	15.466	13.966	91.100	91.150	15.706	11.282	15.706	14.206
84.150	84.200	14.136	9.753	14.136	12.636	87.150	87.200	14.796	10.413	14.796	13.296	90.150	90.200	15.478	11.073	15.478	13.978	91.150	91.200	15.718	11.293	15.718	14.218
84.200	84.250	14.147	9.764	14.147	12.647	87.200	87.250	14.807	10.424	14.807	13.307	90.200	90.250	15.490	11.084	15.490	13.990	91.200	91.250	15.730	11.304	15.730	14.230
84.250	84.300	14.158	9.775	14.158	12.658	87.250	87.300	14.818	10.435	14.818	13.318	90.250	90.300	15.502	11.095	15.502	14.002	91.250	91.300	15.742	11.315	15.742	14.242
84.300	84.350	14.169	9.786	14.169	12.669	87.300	87.350	14.829	10.446	14.829	13.329	90.300	90.350	15.514	11.106	15.514	14.014	91.300	91.350	15.754	11.326	15.754	14.254
84.350	84.400	14.180	9.797	14.180	12.680	87.350	87.400	14.840	10.457	14.840	13.340	90.350	90.400	15.526	11.117	15.526	14.026	91.350	91.400	15.766	11.337	15.766	14.266
84.400	84.450	14.191	9.808	14.191	12.691	87.400	87.450	14.851	10.468	14.851	13.351	90.400	90.450	15.538	11.128	15.538	14.038	91.400	91.450	15.778	11.348	15.778	14.278
84.450	84.500	14.202	9.819	14.202	12.702	87.450	87.500	14.862	10.479	14.862	13.362	90.450	90.500	15.550	11.139	15.550	14.050	91.450	91.500	15.790	11.359	15.790	14.290
84.500	84.550	14.213	9.830	14.213	12.713	87.500	87.550	14.873	10.490	14.873	13.373	90.500	90.550	15.562	11.150	15.562	14.062	91.500	91.550	15.802	11.370	15.802	14.302
84.550	84.600	14.224	9.841	14.224	12.724	87.550	87.600	14.884	10.501	14.884	13.384	90.550	90.600	15.574	11.161	15.574	14.074	91.550	91.600	15.814	11.381	15.814	14.314
84.600	84.650	14.235	9.852	14.235	12.735	87.600	87.650	14.895	10.512	14.895	13.395	90.600	90.650	15.586	11.172	15.586	14.086	91.600	91.650	15.826	11.392	15.826	14.326
84.650	84.700	14.246	9.863	14.246	12.746	87.650	87.700	14.906	10.523	14.906	13.406	90.650	90.700	15.598	11.183	15.598	14.098	91.650	91.700	15.838	11.403	15.838	14.338
84.700	84.750	14.257	9.874	14.257	12.757	87.700	87.750	14.917	10.534	14.917	13.417	90.700	90.750	15.610	11.194	15.610	14.110	91.700	91.750	15.850	11.414	15.850	14.350
84.750	84.800	14.268	9.885	14.268	12.768	87.750	87.800	14.928	10.545	14.928	13.428	90.750	90.800	15.622	11.205	15.622	14.122	91.750	91.800	15.862	11.425	15.862	14.362
84.800	84.850	14.279	9.896	14.279	12.779	87.800	87.850	14.939	10.556	14.939	13.439	90.800	90.850	15.634	11.216	15.634	14.134	91.800	91.850	15.874	11.436	15.874	14.374
84.850	84.900	14.290	9.907	14.290	12.790	87.850	87.900	14.950	10.567	14.950	13.450	90.850	90.900	15.646	11.227	15.646	14.146	91.850	91.900	15.886	11.447	15.886	14.386
84.900	84.950	14.301	9.918	14.301	12.801	87.900	87.950	14.961	10.578	14.961	13.461	90.900	90.950	15.658	11.238	15.658	14.158	91.900	91.950	15.898	11.458	15.898	14.398
84.950	85.000	14.312	9.929	14.312	12.812	87.950	88.000	14.972	10.589	14.972	13.472	90.950	91.000	15.670	11.249	15.670	14.170	91.950	92.000	15.910	11.469	15.910	14.410
85.000						88.000						91.000						92.000					
85.000	85.050	14.323	9.940	14.323	12.823	88.000	88.050	14.983	10.600	14.983	13.483	91.000	91.050	15.682	11.260	15.682	14.182	92.000	92.050	15.922	11.480	15.922	14.422
85.050	85.100	14.334	9.951	14.334	12.834	88.050	88.100	14.994	10.611	14.994	13.494	91.050	91.100	15.694	11.271	15.694	14.194	92.050	92.100	15.934	11.491	15.934	14.434
85.100	85.150	14.345	9.962	14.345	12.845	88.100	88.150	15.005	10.622	15.005	13.505	91.100	91.150	15.706	11.282	15.706	14.206	92.100	92.150	15.946	11.502	15.946	14.446
85.150	85.200	14.356	9.973	14.356	12.856	88.150	88.200	15.016	10.633	15.016	13.516	91.150	91.200	15.718	11.293	15.718	14.218	92.150	92.200	15.958	11.513	15.958	14.458
85.200	85.250	14.367	9.984	14.367	12.867	88.200	88.250	15.027	10.644	15.027	13.527	91.200	91.250	15.730	11.304	15.730	14.230	92.200	92.250	15.970	11.524	15.970	14.470
85.250	85.300	14.378	9.995	14.378	12.878	88.250	88.300	15.038	10.655	15.038	13.538	91.250	91.300	15.742	11.315	15.742	14.242	92.250	92.300	15.982	11.535	15.982	14.482
85.300	85.350	14.389	10.006	14.389	12.889	88.300	88.350	15.049	10.666	15.049	13.549	91.300	91.350	15.754	11.326	15.754	14.254	92.300	92.350	15.994	11.546	15.994	14.494
85.350	85.400	14.400	10.017	14.400	12.900	88.350	88.400	15.060	10.677	15.060	13.560	91.350	91.400	15.766	11.337	15.766	14.266	92.350	92.400	16.006	11.557	16.006	14.506
85.400	85.450	14.411	10.028	14.411	12.911	88.400	88.450	15.071	10.688	15.071	13.571	91.400	91.450	15.778	11.348	15.778	14.278	92.400	92.450	16.018	11.568	16.018	14.518
85.450	85.500	14.422	10.039	14.422	12.922	88.450	88.500	15.082	10.699	15.082	13.582	91.450	91.500	15.790	11.359	15.790	14.290	92.450	92.500	16.030	11.579	16.030	14.530
85.500	85.550	14.433	10.050	14.433	12.933	88.500	88.550	15.093	10.710	15.093	13.593	91.500	91.550	15.802	11.370	15.802	14.302	92.500	92.550	16.042	11.590	16.042	14.542
85.550	85.600	14.444	10.061	14.444	12.944	88.550	88.600	15.104	10.721	15.104	13.604	91.550	91.600	15.814	11.381	15.814	14.314	92.550	92.600	16.054	11.601	16.054	14.554
85.600	85.650	14.455	10.072	14.455	12.955	88.600	88.650	15.115	10.732	15.115	13.615	91.600	91.650	15.826	11.392	15.826	14.326	92.600	92.650	16.066	11.612	16.066	14.566
85.650	85.700	14.466	10.083	14.466	12.966	88.650	88.700	15.126	10.743	15.126	13.626	91.650	91.700	15.838	11.403	15.838	14.338	92.650	92.700	16.078	11.623	16.078	14.578
85.700	85.750	14.477	10.094	14.477	12.977	88.700	88.750	15.137	10.754	15.137	13.637	91.700	91.750	15.850	11.414	15.850	14.350	92.700	92.750	16.090	11.634	16.090	14.590
85.750	85.800	14.488	10.105	14.488	12.988	88.750	88.800	15.148	10.765	15.148	13.648	91.750	91.800	15.862	11.425	15.862	14.362	92.750	92.800	16.102	11.645	16.102	14.602
85.800	85.850	14.499	10.116	14.499	12.999	88.800	88.850	15.159	10.776	15.159	13.659	91.800	91.850	15.874	11.436	15.874	14.374	92.800	92.850	16.114	11.656	16.114	14.614
85.850	85.900	14.510	10.127	14.510	13.010	88.850	88.900	15.170	10.787	15.170	13.670	91.850	91.900	15.886	11.447	15.886	14.386	92.850	92.900	16.126	11.667	16.126	14.626
85.900	85.950	14.521	10.138	14.521	13.021	88.900	88.950	15.181	10.798	15.181	13.681	91.900	91.950	15.898	11.458	15.898	14.398	92.900	92.950	16.138	11.678	16.138	14.638
85.950	86.000	14.532	10.149	14.532	13.032	88.950	89.000	15.192	10.809	15.192	13.692	91.950	92.000	15.910	11.469	15.910	14.410	92.950	93.000	16.150	11.689	16.150	14.650
86.000						89.000						92.000						93.000					
86.000	86.050	14.543	10.160	14.543	13.043	89.000	89.050	15.203	10.820	15.203	13.703	92.000	92.050	15.922	11.480	15.922	14.422	93.000	93.050	16.162	11.700	16.162	14.662
86.050	86.100	14.554	10.171	14.554	13.054	89.050	89.100	15.214	10.831	15.214	13.714	92.050	92.100	15.934	11.491	15.934	14.434	93.050	93.100	16.174	11.711	16.174	14.674
86.100	86.150	14.565	10.182	14.565	13.065	89																	

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-					
93.000					
93.000	93.050	16.162	11.700	16.162	14.662
93.050	93.100	16.174	11.711	16.174	14.674
93.100	93.150	16.186	11.722	16.186	14.686
93.150	93.200	16.198	11.733	16.198	14.698
93.200	93.250	16.210	11.744	16.210	14.710
93.250	93.300	16.222	11.755	16.222	14.722
93.300	93.350	16.234	11.766	16.234	14.734
93.350	93.400	16.246	11.777	16.246	14.746
93.400	93.450	16.258	11.788	16.258	14.758
93.450	93.500	16.270	11.799	16.270	14.770
93.500	93.550	16.282	11.810	16.282	14.782
93.550	93.600	16.294	11.821	16.294	14.794
93.600	93.650	16.306	11.832	16.306	14.806
93.650	93.700	16.318	11.843	16.318	14.818
93.700	93.750	16.330	11.854	16.330	14.830
93.750	93.800	16.342	11.865	16.342	14.842
93.800	93.850	16.354	11.876	16.354	14.854
93.850	93.900	16.366	11.887	16.366	14.866
93.900	93.950	16.378	11.898	16.378	14.878
93.950	94.000	16.390	11.909	16.390	14.890
94.000					
94.000	94.050	16.402	11.920	16.402	14.902
94.050	94.100	16.414	11.931	16.414	14.914
94.100	94.150	16.426	11.942	16.426	14.926
94.150	94.200	16.438	11.953	16.438	14.938
94.200	94.250	16.450	11.964	16.450	14.950
94.250	94.300	16.462	11.975	16.462	14.962
94.300	94.350	16.474	11.986	16.474	14.974
94.350	94.400	16.486	11.997	16.486	14.986
94.400	94.450	16.498	12.008	16.498	14.998
94.450	94.500	16.510	12.019	16.510	15.010
94.500	94.550	16.522	12.030	16.522	15.022
94.550	94.600	16.534	12.041	16.534	15.034
94.600	94.650	16.546	12.052	16.546	15.046
94.650	94.700	16.558	12.063	16.558	15.058
94.700	94.750	16.570	12.074	16.570	15.070
94.750	94.800	16.582	12.085	16.582	15.082
94.800	94.850	16.594	12.096	16.594	15.094
94.850	94.900	16.606	12.107	16.606	15.106
94.900	94.950	16.618	12.118	16.618	15.118
94.950	95.000	16.630	12.129	16.630	15.130
95.000					
95.000	95.050	16.642	12.140	16.642	15.142
95.050	95.100	16.654	12.151	16.654	15.154
95.100	95.150	16.666	12.162	16.666	15.166
95.150	95.200	16.678	12.173	16.678	15.178
95.200	95.250	16.690	12.184	16.690	15.190
95.250	95.300	16.702	12.195	16.702	15.202
95.300	95.350	16.714	12.206	16.714	15.214
95.350	95.400	16.726	12.217	16.726	15.226
95.400	95.450	16.738	12.228	16.738	15.238
95.450	95.500	16.750	12.239	16.750	15.250
95.500	95.550	16.762	12.250	16.762	15.262
95.550	95.600	16.774	12.261	16.774	15.274
95.600	95.650	16.786	12.272	16.786	15.286
95.650	95.700	16.798	12.283	16.798	15.298
95.700	95.750	16.810	12.294	16.810	15.310
95.750	95.800	16.822	12.305	16.822	15.322
95.800	95.850	16.834	12.316	16.834	15.334
95.850	95.900	16.846	12.327	16.846	15.346
95.900	95.950	16.858	12.338	16.858	15.358
95.950	96.000	16.870	12.349	16.870	15.370

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-					
96.000					
96.000	96.050	16.882	12.360	16.882	15.382
96.050	96.100	16.894	12.371	16.894	15.394
96.100	96.150	16.906	12.382	16.906	15.406
96.150	96.200	16.918	12.393	16.918	15.418
96.200	96.250	16.930	12.404	16.930	15.430
96.250	96.300	16.942	12.415	16.942	15.442
96.300	96.350	16.954	12.426	16.954	15.454
96.350	96.400	16.966	12.437	16.966	15.466
96.400	96.450	16.978	12.448	16.978	15.478
96.450	96.500	16.990	12.459	16.990	15.490
96.500	96.550	17.002	12.470	17.002	15.502
96.550	96.600	17.014	12.481	17.014	15.514
96.600	96.650	17.026	12.492	17.026	15.526
96.650	96.700	17.038	12.503	17.038	15.538
96.700	96.750	17.050	12.514	17.050	15.550
96.750	96.800	17.062	12.525	17.062	15.562
96.800	96.850	17.074	12.536	17.074	15.574
96.850	96.900	17.086	12.547	17.086	15.586
96.900	96.950	17.098	12.558	17.098	15.598
96.950	97.000	17.110	12.569	17.110	15.610
97.000					
97.000	97.050	17.122	12.580	17.122	15.622
97.050	97.100	17.134	12.591	17.134	15.634
97.100	97.150	17.146	12.602	17.146	15.646
97.150	97.200	17.158	12.613	17.158	15.658
97.200	97.250	17.170	12.624	17.170	15.670
97.250	97.300	17.182	12.635	17.182	15.682
97.300	97.350	17.194	12.646	17.194	15.694
97.350	97.400	17.206	12.657	17.206	15.706
97.400	97.450	17.218	12.668	17.218	15.718
97.450	97.500	17.230	12.679	17.230	15.730
97.500	97.550	17.242	12.690	17.242	15.742
97.550	97.600	17.254	12.701	17.254	15.754
97.600	97.650	17.266	12.712	17.266	15.766
97.650	97.700	17.278	12.723	17.278	15.778
97.700	97.750	17.290	12.734	17.290	15.790
97.750	97.800	17.302	12.745	17.302	15.802
97.800	97.850	17.314	12.756	17.314	15.814
97.850	97.900	17.326	12.767	17.326	15.826
97.900	97.950	17.338	12.778	17.338	15.838
97.950	98.000	17.350	12.789	17.350	15.850
98.000					
98.000	98.050	17.362	12.800	17.362	15.862
98.050	98.100	17.374	12.811	17.374	15.874
98.100	98.150	17.386	12.822	17.386	15.886
98.150	98.200	17.398	12.833	17.398	15.898
98.200	98.250	17.410	12.844	17.410	15.910
98.250	98.300	17.422	12.855	17.422	15.922
98.300	98.350	17.434	12.866	17.434	15.934
98.350	98.400	17.446	12.877	17.446	15.946
98.400	98.450	17.458	12.888	17.458	15.958
98.450	98.500	17.470	12.899	17.470	15.970
98.500	98.550	17.482	12.910	17.482	15.982
98.550	98.600	17.494	12.921	17.494	15.994
98.600	98.650	17.506	12.932	17.506	16.006
98.650	98.700	17.518	12.943	17.518	16.018
98.700	98.750	17.530	12.954	17.530	16.030
98.750	98.800	17.542	12.965	17.542	16.042
98.800	98.850	17.554	12.976	17.554	16.054
98.850	98.900	17.566	12.987	17.566	16.066
98.900	98.950	17.578	12.998	17.578	16.078
98.950	99.000	17.590	13.009	17.590	16.090

Nếu dòng 15 (thu nhập chịu thuế) là -		Và quý vị-			
Ít nhất	Nhưng ít hơn	Độc thân	Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế*	Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế	Chủ của một gia đình
Thuế của quý vị là-					
99.000					
99.000	99.050	17.602	13.020	17.602	16.102
99.050	99.100	17.614	13.031	17.614	16.114
99.100	99.150	17.626	13.042	17.626	16.126
99.150	99.200	17.638	13.053	17.638	16.138
99.200	99.250	17.650	13.064	17.650	16.150
99.250	99.300	17.662	13.075	17.662	16.162
99.300	99.350	17.674	13.086	17.674	16.174
99.350	99.400	17.686	13.097	17.686	16.186
99.400	99.450	17.698	13.108	17.698	16.198
99.450	99.500	17.710	13.119	17.710	16.210
99.500	99.550	17.722	13.130	17.722	16.222
99.550	99.600	17.734	13.141	17.734	16.234
99.600	99.650	17.746	13.152	17.746	16.246
99.650	99.700	17.758	13.163	17.758	16.258
99.700	99.750	17.770	13.174	17.770	16.270
99.750	99.800	17.782	13.185	17.782	16.282
99.800	99.850	17.794	13.196	17.794	16.294
99.850	99.900	17.806	13.207	17.806	16.306
99.900	99.950	17.818	13.218	17.818	16.318
99.950	100.000	17.830	13.229	17.830	16.330

\$100.000
hoặc nhiều hơn
sử dụng Bảng
Tinh
Thuế

* Cột này cũng phải được sử dụng bởi người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện.

Bảng Tính Thuế năm 2022 – Dòng 16



Xem Dòng 16 trong Hướng Dẫn cho Mẫu 1040 để xem quý vị có phải sử dụng bảng tính thuế dưới đây để tính thuế của quý vị không.

Ghi chú. Nếu quý vị bắt buộc phải sử dụng bảng tính thuế này để tính tiền thuế trên một số tiền từ một bảng tính khác, chẳng hạn như Bảng Tính Thuế của Cổ Tức Đủ Điều Kiện và Lãi Vốn, Bảng Tính Thuế của Bảng D, Bảng J, Mẫu 8615, hoặc Bảng Tính Thuế của Thu Nhập Kiểm Được Ở Nước Ngoài, hãy nhập số tiền từ mẫu đó hoặc bảng tính đó vào cột (a) của hàng tương ứng với số tiền mà quý vị đang tra cứu. Nhập kết quả tìm được trên dòng thích hợp của mẫu hoặc bảng tính mà quý vị đang điền.

Đoạn A-Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Độc Thân**. Hoàn thành hàng tương ứng với quý vị dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	(a) Nhập số tiền từ dòng 15	(b) Số nhân	(c) Nhân (a) với (b)	(d) Số trừ	Thuế. Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16
Ít nhất \$100.000 nhưng không quá \$170.050	\$	× 24% (0,24)	\$	\$ 6.164,50	\$
Trên \$170.050 nhưng không quá \$215.950	\$	× 32% (0,32)	\$	\$ 19.768,50	\$
Trên \$215.950 nhưng không quá \$539.900	\$	× 35% (0,35)	\$	\$ 26.247,00	\$
Trên \$539.900	\$	× 37% (0,37)	\$	\$ 37.045,00	\$

Đoạn B-Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế** hoặc **Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện**. Hoàn thành hàng tương ứng với quý vị dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	(a) Nhập số tiền từ dòng 15	(b) Số nhân	(c) Nhân (a) với (b)	(d) Số trừ	Thuế. Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16
Ít nhất \$100.000 nhưng không quá \$178.150	\$	× 22% (0,22)	\$	\$ 8.766,00	\$
Trên \$178.150 nhưng không quá \$340.100	\$	× 24% (0,24)	\$	\$ 12.329,00	\$
Trên \$340.100 nhưng không quá \$431.900	\$	× 32% (0,32)	\$	\$ 39.537,00	\$
Trên \$431.900 nhưng không quá \$647.850	\$	× 35% (0,35)	\$	\$ 52.494,00	\$
Trên \$647.850	\$	× 37% (0,37)	\$	\$ 65.451,00	\$

Đoạn C-Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế**. Hoàn thành hàng tương ứng với quý vị dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	(a) Nhập số tiền từ dòng 15	(b) Số nhân	(c) Nhân (a) với (b)	(d) Số trừ	Thuế. Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16
Ít nhất \$100.000 nhưng không quá \$170.050	\$	× 24% (0,24)	\$	\$ 6.164,50	\$
Trên \$170.050 nhưng không quá \$215.950	\$	× 32% (0,32)	\$	\$ 19.768,50	\$
Trên \$215.950 nhưng không quá \$323.925	\$	× 35% (0,35)	\$	\$ 26.247,00	\$
Trên \$323.925	\$	× 37% (0,37)	\$	\$ 32.725,50	\$

Đoạn D-Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Chủ gia đình**. Hoàn thành hàng tương ứng với quý vị dưới đây.

Thu nhập chịu thuế. Nếu dòng 15 là –	(a) Nhập số tiền từ dòng 15	(b) Số nhân	(c) Nhân (a) với (b)	(d) Số trừ	Thuế. Lấy (c) trừ (d). Nhập kết quả ở đây và trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR, dòng 16
Tối thiểu \$100.000 nhưng không quá \$170.050	\$	× 24% (0,24)	\$	\$ 7.664,00	\$
Trên \$170.050 nhưng không quá \$215.950	\$	× 32% (0,32)	\$	\$ 21.268,00	\$
Trên \$215.950 nhưng không quá \$539.900	\$	× 35% (0,35)	\$	\$ 27.746,50	\$
Trên \$539.900	\$	× 37% (0,37)	\$	\$ 38.544,50	\$

Khung Thuế Suất 2022



Khung Thuế Suất được trình bày đây để quý vị có thể xem mức thuế suất áp dụng cho tất cả các mức thu nhập chịu thuế. Vui lòng không sử dụng để tính tiền thuế của quý vị. Thay vào đó, hãy xem [chương 13](#).

Bảng X — Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Độc Thân**.

Nếu thu nhập chịu thuế của quý vị:		Tiền thuế bằng:	
Trên—	Nhưng không quá —		của số tiền trên—
\$0	\$10.275	----- 10%	\$0
10.275	41.775	\$1.027,50 + 12%	10.275
41.775	89.075	4.807,50 + 22%	41.775
89.075	170.050	15.213,50 + 24%	89.075
170.050	215.950	34.647,50 + 32%	170.050
215.950	539.900	49.335,50 + 35%	215.950
539.900	-----	162.718,00 + 37%	539.900

Bảng Y-1 — Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện**.

Nếu thu nhập chịu thuế của quý vị:		Tiền thuế bằng:	
Trên—	Nhưng không quá —		của số tiền trên—
\$0	\$20.550	----- 10%	\$0
20.550	83.550	\$2.055,00 + 12%	20.550
83.550	178.150	9.615,00 + 22%	83.550
178.150	340.100	30.427,00 + 24%	178.150
340.100	431.900	69.295,00 + 32%	340.100
431.900	647.850	98.671,00 + 35%	431.900
647.850	-----	174.253,50 + 37%	647.850

Bảng Y-2 — Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là **Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế**.

Nếu thu nhập chịu thuế của quý vị:		Tiền thuế bằng:	
Trên—	Nhưng không quá —		của số tiền trên—
\$0	\$10.275	----- 10%	\$0
10.275	41.775	\$1.027,50 + 12%	10.275
41.775	89.075	4.807,50 + 22%	41.775
89.075	170.050	15.213,50 + 24%	89.075
170.050	215.950	34.647,50 + 32%	170.050
215.950	323.925	49.335,50 + 35%	215.950
323.925	-----	87.126,75 + 37%	323.925

Bảng Z —Sử dụng nếu tình trạng khai thuế của quý vị là Chủ gia đình.

Nếu thu nhập chịu thuế của quý vị:		Tiền thuế bằng:	
Trên—	Nhưng không quá	của số tiền trên—	
\$0	\$14.650	-----	10%
14.650	55.900	\$1.465,00 +	12%
55.900	89.050	6.415,00 +	22%
89.050	170.050	13.708,00 +	24%
170.050	215.950	33.148,00 +	32%
215.950	539.900	47.836,00 +	35%
539.900	-----	161.218,50 +	37%

Quyền của Quý Vị với Tư Cách là Người Đóng Thuế

Đoạn này giải thích về quyền của quý vị với tư cách là người đóng thuế và các quá trình kiểm xét, kháng cáo, thu thuế và hoàn thuế.

Bản Tuyên Ngôn Quyền của Người Đóng Thuế

1. Quyền Được Cho Biết. Người đóng thuế có quyền được biết họ cần làm gì để tuân theo luật thuế. Họ có quyền được giải thích rõ ràng về luật và các thể thức của IRS ở tất cả các biểu thuế, chỉ dẫn, ấn phẩm, thông báo và thư từ. Họ có quyền được biết về các quyết định của IRS về trường mục thuế của mình và được giải thích rõ ràng về kết quả.

2. Quyền Nhận Dịch Vụ có Phẩm Chất. Người đóng thuế có quyền được trợ giúp nhanh chóng, lịch sự và chuyên nghiệp trong khi giao dịch với IRS, được cho biết theo cách họ có thể hiểu để đăng, nhận được thông tin rõ ràng, dễ hiểu từ IRS, và nói chuyện với người giám thị về một dịch vụ không phù hợp.

3. Quyền Không Trả Nhiều Hơn Số Tiền Thuế Đúng. Người đóng thuế có quyền chỉ trả số thuế đúng hạn theo pháp lý, gồm cả các khoản tiền lãi và tiền phạt, và được IRS áp dụng tất cả khoản trả tiền thuế đúng cách.

4. Quyền Phản Đối Quan Điểm của IRS và Được Lắng Nghe. Người đóng thuế có quyền phản đối và đưa ra thêm những tài liệu để phản hồi hành động chính thức của IRS hoặc hành động đề nghị, quyền đòi hỏi IRS sẽ duyệt xét phản đối của họ kịp thời, xem xét tài liệu của họ nhanh chóng và công bằng, và được phản hồi nếu IRS không đồng ý với lập luận của họ.

5. Quyền Khiếu Nại Quyết Định của IRS tại một Diễn Đàn Độc Lập. Người đóng thuế có quyền khiếu nại hành chính công bằng về hầu hết các quyết định của IRS, bao gồm những

khoản phạt, và có quyền được phân hồi bằng văn bản về quyết định của Văn Phòng Khiếu Nại Độc Lập của IRS. Người đóng thuế nói chung có quyền mang vụ khiếu nại kiện ra tòa.

6. Quyền Được Dứt Điểm. Người đóng thuế có quyền biết số lần nhiều nhất họ có thể phản đối IRS cũng như thời gian nhiều nhất IRS có thể kiểm tra một niên thuế cụ thể hoặc truy thu nợ thuế. Người nộp thuế có quyền biết khi nào IRS kiểm tra xong.

7. Quyền Được Riêng Tư. Người đóng thuế có quyền đòi hỏi bất cứ câu hỏi, kiểm xét, hoặc hành động thực hiện nào của IRS phải tuân theo luật pháp và không nhiều hơn mức cần thiết, và sẽ tôn trọng tất cả các quyền tố tụng, bao gồm tìm kiếm và được bảo vệ không bị truy thu, được cung cấp một phiên tòa tố tụng đầy đủ về việc truy thu.

8. Quyền Được Bảo Mật. Người đóng thuế có quyền đòi hỏi bất cứ thông tin nào họ cho IRS biết sẽ không được tiết lộ trừ khi được người đóng thuế hoặc pháp luật cho phép. Người đóng thuế có quyền đòi hỏi sẽ có những hành động thích hợp đối với nhân viên, người làm tờ khai thuế, và những người khác dùng sai hoặc tiết lộ sai thông tin khai thuế của người đóng thuế.

9. Quyền Thuê Người Đại Diện. Người đóng thuế có quyền tự dụng một người đại diện được ủy quyền mà họ chọn để đại diện cho họ khi giao dịch với IRS. Người đóng thuế có quyền được trợ giúp từ Nơi Tiếp Trợ Người Đóng Thuế Có Lợi Tức Thấp (Low Income Taxpayer Clinic) nếu họ không đủ tiền trả cho đại diện.

10. Quyền có một Hệ Thống Thuế Công Bằng và Chính Đáng. Người đóng thuế có quyền đòi hỏi hệ thống thuế vụ cân nhắc dữ liệu và điều kiện ảnh hưởng tới nợ tiềm ẩn, khả năng trả tiền hoặc khả năng cho biết thông tin kịp thời. Người đóng thuế có quyền được Dịch Vụ Biện Thuế (Taxpayer

Advocate Service) trợ giúp nếu họ bị khó khăn tài chính hoặc nếu IRS chưa giải quyết xong vấn đề thuế má hợp lý và kịp thời thông qua các kênh bình thường.

Kiểm Tra (Kiểm Xét)

Chúng tôi tiếp nhận tờ khai thuế của hầu hết những người đóng thuế với tình trạng như khi nộp. Nếu chúng tôi truy vấn về tờ khai thuế của quý vị hoặc lựa chọn hồ sơ đó để kiểm tra, điều đó không ám chỉ là quý vị không trung thực. Sự truy vấn hay kiểm tra đó có thể dẫn đến kết quả là quý vị bị tăng thuế hoặc không. Chúng tôi có thể đóng lại vụ việc của quý vị mà không có thay đổi nào; hoặc quý vị có thể được hoàn thuế.

Quy trình lựa chọn tờ khai thuế để kiểm tra thường bắt đầu trong một hoặc hai ngày. Trước tiên, chúng tôi sử dụng các chương trình máy tính để xác định các hồ sơ thuế có thể có số tiền không chính xác. Các chương trình này có thể căn cứ theo bản kê khai dữ kiện để khai thuế, như Mẫu 1099 và W-2, căn cứ sự tìm hiểu các lần kiểm tra trước đây hoặc căn cứ các vấn đề nhất định do các dự án tuân thủ chỉ ra. Thứ hai, chúng tôi sử dụng thông tin từ các nguồn bên ngoài cho biết một tờ khai thuế có thể có số tiền không chính xác. Các nguồn này có thể bao gồm báo chí, hồ sơ công và cá nhân. Nếu chúng tôi xác định rằng thông tin là chính xác và đáng tin cậy, chúng tôi có thể căn cứ theo đó mà chọn một tờ khai thuế để kiểm tra.

Ấn Phẩm 556, Kiểm tra Tờ Khai Thuế, Quyền Kháng Cáo và Yêu Cầu Hoàn Thuế, giải thích các quy định và thủ tục mà chúng tôi tuân thủ trong hoạt động kiểm tra. Mục sau đây cho biết thông tin tổng quan về cách chúng tôi thực hiện kiểm tra.

Qua thư. Chúng tôi xử lý nhiều lần kiểm tra và truy vấn qua đường bưu điện. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một bức thư kèm yêu cầu cung cấp thêm

thông tin hoặc lý do vì sao chúng tôi tin rằng tờ khai thuế của quý vị có thể cần thay đổi. Quý vị có thể phản hồi qua thư hoặc có thể yêu cầu trao đổi riêng với chuyên viên kiểm tra. Nếu quý vị gửi cho chúng tôi thông tin được yêu cầu qua thư hoặc đưa ra lời giải thích, chúng tôi có thể đồng ý với quý vị hoặc không, và chúng tôi sẽ giải thích lý do của mọi thay đổi. Vui lòng gửi thư cho chúng tôi về bất cứ vấn đề nào mà quý vị chưa hiểu.

Bằng cách phỏng vấn. Nếu chúng tôi thông báo với quý vị rằng chúng tôi sẽ tiến hành kiểm tra quý vị qua một cuộc trao đổi riêng, hoặc quý vị yêu cầu có cuộc trao đổi đó, quý vị có quyền yêu cầu tổ chức kiểm tra tại một địa điểm và thời gian hợp lý và thuận tiện cho các quý vị và IRS. Nếu chuyên viên của chúng tôi đề xuất bất kỳ thay đổi nào cho tờ khai thuế của quý vị, họ sẽ giải thích lý do cho các thay đổi đó. Nếu quý vị không đồng ý với các thay đổi này, quý vị có thể gặp người giám sát của chuyên viên kiểm tra đó.

Tái kiểm tra. Nếu chúng tôi đã kiểm tra cùng một mục trong tờ khai thuế của quý vị ở một trong 2 năm trước và không đề xuất thay đổi nào đối với tiền thuế nợ của quý vị, vui lòng liên hệ với chúng tôi trong thời gian sớm nhất để chúng tôi có thể cân nhắc xem có nên ngừng việc kiểm tra đó không.

Kháng Cáo

Nếu không đồng ý về thay đổi theo đề xuất của chuyên viên kiểm tra, quý vị có thể kháng cáo lên Văn Phòng Kháng Cáo Độc Lập của IRS. Hầu hết các sự khác biệt ý kiến đều có thể được dàn xếp mà không cần đến những phiên tòa tốn kém và mất thời gian. Quyền kháng cáo của quý vị được giải thích chi tiết ở cả hai nội dung là Ấn Phẩm 5, Quyền Kháng Cáo của Quý Vị và Cách Kháng Nghị Nếu Không Đồng Ý, Ấn Phẩm 556, Kiểm

Tra Tờ Khai Thuế, Quyền Khiếu Nại và Yêu Cầu Hoàn Thuế.

Nếu quý vị không muốn dùng đến Văn Phòng Kháng Cáo Độc Lập của IRS hoặc không đồng ý với kết luận của họ, quý vị có thể đưa vụ việc lên Tòa Án Thuế Hoa Kỳ, Tòa Sơ Thẩm Liên Bang Hoa Kỳ hoặc Tòa Án Khu Vực Hoa Kỳ nơi quý vị sinh sống. Nếu quý vị đưa vụ việc ra tòa, IRS sẽ có nghĩa vụ chứng minh một số dữ kiện nhất định nếu quý vị lưu đủ hồ sơ để cho thấy tiền thuế nợ của mình, đã hợp tác với IRS và đáp ứng các điều kiện nhất định khác. Nếu tòa đồng ý với quý vị ở hầu hết các vấn đề trong vụ kiện và nhận thấy lập trường của chúng tôi quá phi lý, quý vị có thể lấy lại một phần phí hành chính và kiện tụng của mình. Quý vị sẽ không đủ điều kiện lấy lại các chi phí này nếu không cố gắng giải quyết vụ việc trên phương diện hành chính, bao gồm cả việc thông qua hệ thống kháng cáo, và quý vị đã cung cấp cho chúng tôi thông tin cần thiết để giải quyết vụ việc.

Thu Thuế

Ấn Phẩm 594, Quy Trình Thu Thuế của IRS, giải thích các quyền và trách nhiệm của quý vị liên quan đến việc nộp thuế liên bang. Nội dung này mô tả:

- Những việc cần làm khi quý vị nộp thuế. Nội dung này mô tả những việc quý vị cần làm nếu nhận được một hóa đơn thuế và những gì cần làm nếu quý vị cho rằng hóa đơn đó là sai. Phần này cũng đề cập đến việc nộp thuế theo hình thức trả góp, tri hoãn hành động thu thuế và gửi đề nghị thỏa hiệp.
- Hành động thu thuế của IRS. Phần này trình bày về sai áp, giải

tòa sai áp, tịch biên, giải tòa tịch biên, tịch biên và bán lại, và tha nợ tài sản.

- Xác nhận của IRS với Cơ Quan Tiểu Bang về một khoản nợ thuế trễ hạn nghiêm trọng, nhìn chung sẽ dẫn đến việc khước từ đơn xin cấp hộ chiếu và có thể kéo theo việc thu hồi hộ chiếu.

Quyền kháng cáo truy thu của quý vị được giải thích chi tiết trong Ấn Phẩm 1660, Quyền Kháng Cáo Truy Thu.

Miễn giảm cho vợ/chồng vô can. Nhìn chung, mỗi người trong hai vợ chồng quý vị đều có trách nhiệm nộp đầy đủ tiền thuế, lãi và phạt đến hạn khi khai thuế chung. Tuy nhiên, nếu quý vị đủ điều kiện được miễn giảm cho vợ/chồng vô can, quý vị có thể được miễn giảm khỏi một phần hoặc toàn bộ khoản nợ phải trả chung. Để yêu cầu miễn giảm, quý vị phải nộp Mẫu 8857, Yêu Cầu Miễn Giảm cho Vợ/Chồng Vô Can. Để biết thêm thông tin về miễn giảm cho vợ/chồng vô can, tham khảo Ấn Phẩm 971, Miễn Giảm cho Vợ/Chồng Vô Can, và Mẫu 8857.

Có thể liên hệ với bên thứ ba. Nói chung, IRS sẽ làm việc trực tiếp với quý vị hoặc người đại diện được ủy quyền hợp pháp của quý vị. Tuy nhiên, đôi khi chúng tôi sẽ trao đổi với người khác nếu cần những thông tin mà quý vị chưa thể cung cấp, hoặc để xác minh các thông tin chúng tôi đã nhận được. Nếu chúng tôi liên hệ với người khác, chẳng hạn như một người hàng xóm, ngân hàng, chủ lao động hoặc nhân viên, chúng tôi thường phải cho họ biết một số thông tin giới hạn, ví dụ như tên của quý vị. Luật pháp nghiêm cấm chúng tôi tiết lộ bất cứ thông tin nào ngoài những gì cần thiết để có được hoặc xác minh thông tin mà

chúng tôi đang tìm kiếm. Có thể chúng tôi vẫn cần tiếp tục liên hệ với người khác chừng nào vẫn còn hoạt động cần thiết trong vụ việc của quý vị. Nếu chúng tôi liên hệ với người khác, quý vị có quyền yêu cầu cung cấp danh sách những người được liên hệ. Quý vị có thể yêu cầu qua điện thoại, bằng văn bản hoặc trong cuộc trao đổi riêng.

Hoàn thuế

Quý vị có thể nộp yêu cầu hoàn thuế nếu cho rằng mình đã nộp quá nhiều tiền thuế. Nói chung, quý vị phải gửi yêu cầu đó trong vòng 3 năm kể từ ngày nộp tờ khai thuế ban đầu hoặc 2 năm kể từ ngày quý vị nộp thuế, tùy theo thời điểm nào đến sau. Nhìn chung, luật pháp quy định tiền lãi trên tiền hoàn thuế của quý vị nếu khoản này không được trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày quý vị nộp tờ khai thuế hoặc yêu cầu hoàn thuế. Ấn Phẩm 556, Kiểm Tra tờ khai thuế, Quyền Kháng Cáo và Yêu Cầu Hoàn Thuế, có thêm thông tin về hoàn thuế.

Nếu quý vị đã đến hạn hoàn thuế nhưng chưa nộp tờ khai thuế, thường thì quý vị phải nộp tờ khai thuế trong vòng 3 năm kể từ ngày đến hạn nộp tờ khai thuế (tính cả thời gian gia hạn) để nhận được số tiền hoàn thuế đó.

Dịch Vụ Biện Hộ Người Đóng Thuế

TAS là một tổ chức **độc lập** trong IRS, có thể giúp bảo vệ quyền hạn của người đóng thuế cho quý vị. Chúng tôi có thể đề xuất trợ giúp quý vị nếu vấn đề thuế của quý vị đang gây khó khăn hoặc quý vị đã cố gắng nhưng chưa thể giải quyết được vấn đề với IRS. Nếu quý vị đủ điều kiện nhận sự hỗ trợ

vốn luôn miễn phí của chúng tôi, thì chúng tôi sẽ làm mọi điều có thể để giúp quý vị. Truy cập [TaxpayerAdvocate.IRS.gov](https://www.irs.gov/advocate) (tiếng Anh) hoặc gọi số 1-877-777-4778.

Thông Tin Thuế

IRS cung cấp các nguồn sau đây, gồm các mẫu đơn, ấn phẩm và thông tin khác.

- Internet:** IRS.gov.
- Câu Hỏi về Thuế:** [IRS.gov/help/tax-law-questions](https://www.irs.gov/help/tax-law-questions) (tiếng Anh) và [Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế](https://www.irs.gov/help/tax-law-questions).
- Mẫu và Ấn Phẩm:** [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/forms) (tiếng Anh) và [IRS.gov/OrderForms](https://www.irs.gov/orderforms).
- Thanh Tra Doanh Nghiệp Nhỏ:** Doanh nghiệp nhỏ có thể tham gia quy trình quản lý và góp ý về các hành động thực thi của IRS bằng cách gọi số 1-888-REG-FAIR.
- Tổng Thanh Tra của Bộ Tài Chính về Điều Hành Thuế Vụ:** Quý vị có thể bí mật báo cáo các hành vi sai trái, lãng phí, gian lận hoặc lạm dụng của nhân viên IRS bằng cách gọi số 1-800-366-4484. Người điếc, khiếm thính hoặc có khuyết tật giọng nói và có thể sử dụng thiết bị điện báo đánh chữ (TTY, teletype)/thiết bị viễn thông cho người điếc (TDD, telecommunications device for the deaf) có thể gọi số 1-800-877-8339. Quý vị có thể giấu tên.

Cách Nhận Trợ Giúp về Thuế

Nếu quý vị có thắc mắc về một vấn đề thuế, cần hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế, hoặc muốn tải xuống các ấn phẩm miễn phí, mẫu đơn hoặc hướng dẫn, hãy truy cập [IRS.gov](https://www.irs.gov) và tìm các tài nguyên có thể hỗ trợ ngay cho quý vị.

Chuẩn bị và nộp tờ khai thuế. Sau khi quý vị nhận được tất cả các bảng kê tiền lương và thu nhập của mình (các Mẫu W-2, W-2G, 1099-R, 1099-MISC, 1099-NEC, v.v.); bảng kê phụ cấp thất nghiệp (qua thư hoặc định dạng kỹ thuật số) hoặc bản kê khai thanh toán khác của chính phủ (Mẫu 1099-G); và sao kê tiền lãi, cổ tức và hưu bổng từ các ngân hàng và công ty đầu tư (Mẫu 1099), quý vị có một số phương án để chuẩn bị và khai thuế. Quý vị có thể tự mình chuẩn bị tờ khai thuế. xem mình có đủ điều kiện

được chuẩn bị khai thuế miễn phí hay không hoặc thuê một chuyên gia thuế để chuẩn bị tờ khai thuế cho quý vị.

Các tùy chọn miễn phí để khai thuế. Truy cập [IRS.gov](https://www.irs.gov) để xem các tùy chọn để quý vị chuẩn bị và nộp tờ khai thuế trực tuyến hoặc nộp tại địa phương, nếu quý vị đủ điều kiện, bao gồm những điều sau đây.

- Free File.** Chương trình này cho phép quý vị chuẩn bị và nộp tờ khai thuế thu nhập cá nhân liên bang của mình miễn phí bằng cách sử dụng phần mềm chuẩn bị và nộp tờ khai thuế có thương hiệu hoặc các biểu mẫu Free File có thể điền thông tin. Tuy nhiên, việc khai thuế của tiểu bang có thể không khả dụng qua Free

File. Truy cập [IRS.gov/FreeFile](https://www.irs.gov/freefile) để xem quý vị có đủ điều kiện áp dụng các phương án chuẩn bị tờ khai thuế liên bang trực tuyến miễn phí, khai thuế điện tử và chuyển khoản trực tiếp hay nộp thuế trực tiếp hay không.

- VITA.** Chương trình Tình nguyện Hỗ Trợ Thuế Thu Nhập (VITA) hỗ trợ miễn phí về thuế cho người có thu nhập từ thấp đến trung bình, người khuyết tật và người đóng thuế có vốn tiếng Anh có hạn cần được giúp chuẩn bị tờ khai thuế của chính họ. Truy cập [IRS.gov/VITA](https://www.irs.gov/vita) (tiếng Anh), tải xuống ứng dụng IRS2Go miễn phí hoặc gọi số 800-906-9887 để biết thông tin về dịch vụ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.

- TCE.** Chương trình Tư Vấn Thuế cho Người Cao Niên (TCE) cung cấp trợ giúp về thuế miễn phí cho tất cả những người đóng thuế, đặc biệt là những người từ 60 tuổi trở lên. Tình nguyện viên của TCE chuyên giải đáp các câu hỏi về hưu bổng và các vấn đề liên quan đến hưu trí dành riêng cho người cao niên. Truy cập [IRS.gov/TCE](https://www.irs.gov/tce) (tiếng Anh), tải xuống ứng dụng IRS2Go miễn phí hoặc gọi số 888-227-7669 để biết thông tin về dịch vụ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí.
- MilTax.** Các thành viên của Quân Lực Hoa Kỳ và các cựu chiến binh đủ điều kiện có thể sử dụng MilTax, một dịch vụ thuế miễn phí do Bộ Quốc Phòng

cung cấp thông qua Military OneSource. Để biết thêm thông tin, truy cập [MilitaryOneSource](https://www.militaryonesource.com) ([tiếng Anh](https://www.militaryonesource.com)) ([MilitaryOneSource.mil/MilTax](https://www.militaryonesource.com/miltax) ([tiếng Anh](https://www.militaryonesource.com/miltax)))

Ngoài ra, IRS cung cấp các Biểu Mẫu Kê Khai Miễn Phí, có thể điền trực tuyến và sau đó nộp dưới hình thức điện tử bất kể thu nhập.

Sử dụng công cụ trực tuyến để giúp chuẩn bị tờ khai thuế. Truy cập [IRS.gov/Tools](https://www.irs.gov/tools) để tìm các nội dung sau.

- [Trợ Lý Tin Thuế Thu Nhập Kiểm Được \(IRS.gov/EITCAssistant\)](https://www.irs.gov/eitcassistant) sẽ xác định xem quý vị có đủ điều kiện nhận tín thuế thu nhập kiểm được (EIC) hay không.
- [Đơn Xin EIN Trực Tuyến \(IRS.gov/EIN\)](https://www.irs.gov/ein) giúp quý vị lấy mã số thuế của chủ lao động (EIN) miễn phí.
- [Công Cụ Ước Tính Tiền Khấu Lưu Thuế \(IRS.gov/W4App\)](https://www.irs.gov/w4app) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/w4app)) giúp quý vị ước tính thuế thu nhập liên bang mà quý vị muốn chủ lao động khấu trừ từ tiền lương của mình để đang hơn. Đây là khoản khấu trừ thuế. Xem khoản khấu trừ của quý vị ảnh hưởng như thế nào đến khoản tiền hoàn thuế, tiền lương mang về nhà hoặc tiền thuế phải trả của quý vị.
- Công cụ [Tra Cứu Tài Khoản Tín Thuế cho Người Mua Nhà Lần Đầu](https://www.irs.gov/homebuyer) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/homebuyer)) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/homebuyer)) cung cấp thông tin về các khoản hoàn trả và số dư tài khoản của quý vị.
- [Công Cụ Tính Toán Khấu Trừ Thuế Bán Hàng](https://www.irs.gov/salestax) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/salestax)) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/salestax)) tính số tiền quý vị có thể xin xét nếu quý vị có tiền khấu trừ từng khoản trên Bảng A (Mẫu 1040).



Nhận câu trả lời cho các thắc mắc về thuế của quý vị. Trên IRS.gov, quý vị có thể nhận được thông tin cập nhật về các sự kiện hiện tại và thay đổi mới nhất trong luật thuế.

- [IRS.gov/Help](https://www.irs.gov/help) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/help)): Các công cụ đa dạng sẽ giúp quý vị được giải đáp một số câu hỏi thường gặp nhất về thuế.
- [IRS.gov/ITA](https://www.irs.gov/ita) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/ita)): Trợ Lý Thuế Tương Tác, một công cụ sẽ đặt câu hỏi cho quý vị, và tùy thuộc đầu vào của quý vị, cung cấp câu trả lời về một số đề tài luật thuế.
- [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/forms) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/forms)): Tìm các mẫu, hướng dẫn và các ấn phẩm. Quý vị sẽ tìm thấy thông tin chi tiết các thay đổi về thuế hiện tại và đường dẫn tương tác

để giúp quý vị tìm được câu trả lời cho các câu hỏi của mình.

- Quý vị cũng có thể truy cập thông tin về luật thuế trong phần mềm khai thuế điện tử của mình.

Quý vị cần ai đó giúp chuẩn bị tờ khai thuế? Có nhiều dạng người khai thuế khác nhau, bao gồm đại diện đã đăng ký, kế toán viên được chứng nhận (CPA), kế toán viên, và nhiều người khác không có chứng chỉ chuyên môn. Nếu quý vị nhờ ai đó chuẩn bị tờ khai thuế, hãy chọn người khai thuế một cách khôn ngoan. Người khai thuế được trả công:

- Chịu trách nhiệm chính về tính chính xác và có trách chung trên tờ khai thuế của quý vị,
- Bắt buộc phải ký tên trên tờ khai thuế, và
- Bắt buộc phải điền mã số thuế của người giúp khai thuế (PTIN) của họ.

Mặc dù chuyên viên khai thuế luôn ký tên vào tờ khai thuế, nhưng quý vị là người chịu trách nhiệm cuối cùng đối với việc cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để người khai thuế chuẩn bị tờ khai thuế sao cho chính xác. Bất kỳ ai được trả tiền để chuẩn bị tờ khai thuế cho người khác đều nên có kiến thức chắc chắn về các vấn đề thuế. Để biết thêm thông tin về cách chọn chuyên viên khai thuế, hãy truy cập [Mẹo Chọn Người Khai Thuế](https://www.irs.gov/choose) trên IRS.gov.

Vi-rút corona. Truy cập [IRS.gov/Coronavirus](https://www.irs.gov/coronavirus) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/coronavirus)) để biết các liên kết đến thông tin về tác động của vi-rút corona, cũng như các khoản giảm thuế áp dụng cho các cá nhân và gia đình, doanh nghiệp lớn và nhỏ, cũng như các tổ chức được miễn thuế.

Chủ lao động có thể đăng ký sử dụng Dịch Vụ cho Kinh Doanh Trực Tuyến. Sở An Sinh Xã Hội (SSA) cung cấp dịch vụ trực tuyến tại [SSA.gov/employer](https://www.ssa.gov/employer) ([tiếng Anh](https://www.ssa.gov/employer)) với các tùy chọn nộp mẫu W-2 trực tuyến nhanh chóng, miễn phí và bảo mật cho CPA, kế toán viên, đại diện đã đăng ký và những người xử lý các Mẫu W-2, Báo Cáo Tiền Lương và Thuế, và Mẫu W-2c, Báo Cáo Tiền Lương và Thuế Đã Sửa Đổi.

Mạng xã hội của IRS. Truy cập [IRS.gov/SocialMedia](https://www.irs.gov/socialmedia) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/socialmedia)) để xem các công cụ truyền thông xã hội khác nhau mà IRS sử dụng để chia sẻ thông tin mới nhất về các thay đổi về thuế, cảnh báo lừa đảo, sáng kiến, sản phẩm và dịch vụ. Tại IRS, quyền riêng tư và bảo mật là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Chúng tôi sử dụng các công cụ này để chia sẻ thông tin công khai với quý vị. Vui lòng không đăng số an sinh xã hội hay thông tin bí mật khác của quý vị lên các trang mạng xã hội.

Hãy luôn bảo vệ danh tính của mình khi sử dụng bất kỳ trang mạng xã hội nào.

Các kênh YouTube sau của IRS có các video thông tin ngắn gọn về các chủ đề khác nhau bằng tiếng Anh, Tây Ban Nha và ASL liên quan đến thuế.

- [Youtube.com/irsvideos](https://www.youtube.com/irsvideos) ([tiếng Anh](https://www.youtube.com/irsvideos)).
- [Youtube.com/irsvideomultilingual](https://www.youtube.com/irsvideomultilingual) ([tiếng Anh](https://www.youtube.com/irsvideomultilingual)).
- [Youtube.com/irsvideosASL](https://www.youtube.com/irsvideosASL) ([tiếng Anh](https://www.youtube.com/irsvideosASL)).

Xem các video của IRS. Công thông tin Video của IRS ([IRSVIDS.gov](https://www.irs.gov/irsvids)) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/irsvids)) có đăng tải các nội dung thuyết trình có hình và tiếng dành cho các cá nhân, cơ sở kinh doanh cỡ nhỏ và người hành nghề thuế.

Thông tin thuế trực tuyến bằng ngôn ngữ khác. Quý vị có thể xem thông tin tại [IRS.gov/MyLanguage](https://www.irs.gov/mylanguage) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/mylanguage)) nếu tiếng Anh không phải là ngôn ngữ mẹ đẻ của quý vị.

Dịch Vụ Thông Dịch Qua Điện Thoại (OPI) Miễn Phí. IRS cam kết phục vụ các khách hàng đa ngôn ngữ bằng cách cung cấp các dịch vụ OPI. Dịch vụ OPI là một chương trình do liên bang tài trợ và được cung cấp tại các Trung Tâm Trợ Giúp Người Đứng thuế (TAC), các văn phòng của IRS khác, và tất cả các địa điểm khai thuế của VITA/TCE. Dịch vụ OPI có thể tiếp cận được trên 350 ngôn ngữ.

Đường Dây Trợ Giúp Trợ Năng sẵn có cho người đóng thuế khuyết tật. Người đóng thuế cần thông tin về dịch vụ trợ năng có thể gọi 833-690-0598. Đường Dây Trợ Giúp Trợ Năng có thể trả lời các câu hỏi liên quan đến các sản phẩm và dịch vụ trợ năng hiện tại và tương lai sẵn có ở các định dạng phương tiện thay thế (ví dụ, chữ nổi, chữ in lớn, âm thanh v.v.). Đường Dây Trợ Giúp Trợ Năng không có khả năng truy cập tài khoản IRS của quý vị. Để được trợ giúp về luật thuế, hoàn thuế, hoặc vấn đề liên quan đến tài khoản, truy cập [IRS.gov/LetUsHelp](https://www.irs.gov/letushelp).

Ghi chú. Mẫu 9000, Phương Tiện Thay Thế Ưu Chuộn, hoặc Mẫu 9000(SP) cho phép quý vị chọn nhận một số thư từ hoặc văn bản ở các định dạng sau.

- Bản In Tiêu Chuẩn.
- Bản In Lớn.
- Chữ Nổi Braille.
- Âm Thanh (MP3).
- Tệp Văn Bản Thuận Túc (TXT).
- Tệp Chữ Nổi Sẵn Sàng (BRF).

Thiên Tai. Truy cập [Trợ Giúp Thiên Tai và Miễn Giảm Khẩn Cấp cho Cá Nhân và Doanh Nghiệp](https://www.irs.gov/disaster) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/disaster)) để xem miễn giảm thuế do thiên tai có sẵn.

Nhận mẫu đơn và ấn phẩm về thuế.

Truy cập [IRS.gov/Forms](https://www.irs.gov/forms) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/forms)) để xem, tải xuống và in tất cả các mẫu, hướng dẫn và ấn phẩm mà quý vị cần đến. Quý vị cũng có thể truy cập [IRS.gov/OrderForms](https://www.irs.gov/orderforms) để đặt hàng.

Nhận ấn phẩm và hướng dẫn thuế ở định dạng eBook. Quý vị cũng có thể tải xuống và xem các ấn phẩm và hướng dẫn thuế phổ biến (bao gồm Hướng Dẫn cho Mẫu 1040) trên thiết bị di động bằng eBook tại [IRS.gov/eBooks](https://www.irs.gov/ebooks) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/ebooks)).

Ghi chú. eBook của IRS đã được kiểm tra bằng cách sử dụng iBooks cho iPad của Apple. eBook của chúng tôi chưa được kiểm tra trên các eBook chuyên dụng khác, và chức năng eBook có thể không hoạt động như ý định.

Truy cập tài khoản trực tuyến của quý vị (chỉ áp dụng cho cá nhân đóng thuế). Truy cập [IRS.gov/Account](https://www.irs.gov/account) để truy cập thông tin về tài khoản thuế liên bang của quý vị một cách an toàn.

- Xem số tiền quý vị nợ và phân tích theo năm thuế.
- Xem chi tiết kế hoạch thanh toán hoặc đăng ký kế hoạch thanh toán mới.
- Thực hiện thanh toán, xem lịch sử thanh toán 5 năm và mọi khoản thanh toán đang chờ xử lý hoặc đã lên lịch.
- Truy cập hồ sơ thuế của quý vị, bao gồm dữ liệu quan trọng từ tờ khai thuế gần đây nhất, số tiền thanh toán tác động kinh tế của quý vị và bản ghi.
- Xem bản sao điện tử của các thông báo được chọn lọc từ IRS.
- Phê duyệt hoặc từ chối các yêu cầu ủy quyền từ các chuyên gia thuế.
- Cập nhật địa chỉ của quý vị hoặc quản lý các cách liên lạc ưa chuộng của quý vị.

Tài Khoản Chuyên Gia Thuế. Công cụ này cho phép chuyên gia thuế của quý vị gửi ủy quyền yêu cầu truy cập [tài khoản trực tuyến của IRS](https://www.irs.gov/ta) của cá nhân người đóng thuế. Để biết thêm thông tin, truy cập [IRS.gov/TaxProAccount](https://www.irs.gov/taxproaccount) ([tiếng Anh](https://www.irs.gov/taxproaccount)).

Sử dụng ký gửi trực tiếp. Cách nhanh nhất để nhận tiền hoàn thuế là nộp hồ sơ điện tử và chọn hình thức chuyển khoản trực tiếp, việc này sẽ chuyển trực tiếp tiền hoàn thuế vào tài khoản tài chính của quý vị một cách an toàn bằng phương thức điện tử. Phương thức chuyển khoản trực tiếp cũng giúp tránh khả năng thất lạc, mất cắp, phá hủy, hoặc chuyển trả lại séc gửi không thành công về IRS. Cứ 10 người đóng thuế lại có 8 người chọn hình thức chuyển khoản trực tiếp để

nhận tiền hoàn thuế. Nếu quý vị không có tài khoản ngân hàng, truy cập [IRS.gov/DirectDeposit](https://www.irs.gov/DirectDeposit) để biết thêm thông tin về nơi tìm ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có thể mở tài khoản trực tuyến.

Nhận bản ghi tờ khai thuế. Cách nhanh nhất để nhận bản sao bản ghi thuế là vào trang [IRS.gov/Transcripts](https://www.irs.gov/Transcripts). Nhấp vào “Lấy Bản Ghi Trực Tuyến” hoặc “Lấy Bản Ghi qua Bưu Điện” để đặt bản sao của bản ghi miễn phí của quý vị. Nếu muốn, quý vị có thể đặt bản ghi bằng cách gọi số 800-908-9946.

Báo cáo và giải quyết vấn đề trộm cắp danh tính liên quan đến thuế.

- Hành vi trộm cắp danh tính liên quan đến thuế xảy ra khi ai đó đánh cắp thông tin cá nhân của quý vị để thực hiện hành vi gian lận thuế. Thuế của quý vị có thể bị ảnh hưởng nếu SSN của quý vị được sử dụng để khai báo gian lận hoặc để yêu cầu hoàn lại tiền hoặc tín thuế.
- IRS không chủ động liên lạc với người đóng thuế bằng thư điện tử, gọi điện thoại, tin nhắn văn bản (bao gồm cả đường dẫn rút ngắn) hay các kênh thông tin công cộng để yêu cầu cung cấp hoặc xác minh thông tin cá nhân hoặc tài chính. Điều này bao gồm các yêu cầu về số nhận dạng cá nhân (PIN), mặt khẩu hoặc thông tin tương tự đối với thẻ tín dụng, ngân hàng hoặc các tài khoản tài chính khác.
- Truy cập [IRS.gov/IdentityTheft](https://www.irs.gov/IdentityTheft), trang mạng của IRS về Trung Tâm Thông Tin Về Trộm Cắp Danh Tính, để biết thêm thông tin về hành vi trộm cắp danh tính và bảo vệ an toàn dữ liệu cho người đóng thuế, người hành nghề thuế và doanh nghiệp. Nếu quý vị bị mất hoặc lấy cắp số an sinh xã hội hoặc quý vị nghi ngờ mình là nạn nhân của hành vi mạo danh liên quan đến thuế, quý vị có thể tìm hiểu các bước mình nên thực hiện.
- Nhận mã PIN Bảo Vệ Danh Tính (IP PIN). Mã IP PIN là các số gồm sáu chữ số được cấp cho người đóng thuế để giúp ngăn chặn việc lạm dụng SSN của họ trong gian lận trên tờ khai thuế thu nhập liên bang. Khi quý vị có một IP PIN, điều đó sẽ ngăn người khác nộp tờ khai thuế với SSN của quý vị. Để tìm hiểu thêm, hãy truy cập [IRS.gov/IPPIN](https://www.irs.gov/IPPIN).

Những cách để kiểm tra tình trạng hoàn thuế của quý vị.

- Truy cập [IRS.gov/Refunds](https://www.irs.gov/Refunds).
- IRS chưa thể tiến hành hoàn thuế trước thời điểm giữa tháng 2

năm 2021 cho những tờ khai thuế yêu cầu tín thuế thu nhập từ việc làm (EIC) hay tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC). Điều này áp dụng cho toàn bộ khoản tiền hoàn thuế, không chỉ phần có liên quan đến các tín thuế này.

- Tải ứng dụng chính thức IRS2Go về thiết bị di động để kiểm tra tình trạng hoàn thuế của quý vị.
- Gọi đến đường dây nóng trợ giúp về hoàn thuế theo số 800-829-1954.

Ghi chú. IRS không thể cấp tiền hoàn thuế trước giữa tháng Hai cho những tờ khai có yêu cầu EIC hoặc tín thuế trẻ em bổ sung (ACTC). Điều này áp dụng cho toàn bộ số tiền hoàn thuế, không chỉ phần liên quan đến các khoản tín thuế này.

Thực hiện trả tiền thuế. Truy cập [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/Payments) để biết thêm thông tin về cách thực hiện thanh toán bằng bất kỳ tùy chọn nào sau đây.

- Direct Pay của IRS:** Thanh toán hóa đơn thuế cá nhân hoặc khoản thuế ước tính trực tiếp từ tài khoản thanh toán hoặc tiết kiệm miễn phí.
- Thẻ Ghi Nợ hoặc Thẻ Tín Dụng:** Chọn một nhà xử lý thanh toán đã được phê duyệt để thanh toán qua mạng hoặc qua điện thoại.
- Trích Ngân Điện Tử:** Lên lịch thanh toán khi nộp thuế liên bang bằng phần mềm khai thuế hoặc thông qua một chuyên gia thuế.
- Hệ Thống Thanh Toán Thuế Liên Bang Bằng Điện Tử:** Lựa chọn tốt nhất cho các doanh nghiệp. Việc ghi danh là bắt buộc.
- Séc hoặc Lệnh Phiếu:** Gửi phương tiện thanh toán của quý vị qua đường bưu điện về địa chỉ được nêu trong thông báo hoặc hướng dẫn.
- Tiền Mặt:** Quý vị có thể nộp thuế bằng tiền mặt tại một cửa tiệm bán lẻ có tham gia.
- Chuyển Khoản Trong Ngày:** Quý vị có thể thực hiện chuyển khoản trong ngày từ cơ quan tài chính của mình. Hãy liên hệ với cơ quan tài chính của quý vị để biết khả năng thực hiện, chi phí và khung thời gian.

Ghi chú. IRS sử dụng công nghệ mã hóa mới nhất để đảm bảo rằng các khoản thanh toán điện tử của quý vị thực hiện trực tuyến, qua điện thoại, hoặc từ một thiết bị di động sử dụng IRS2Go là an toàn và bảo đảm. Việc thanh toán điện tử là nhanh chóng, dễ dàng và nhanh hơn việc gửi séc hoặc lệnh phiếu.

Sẽ ra sao nếu tôi không thể trả ngay? Truy cập [IRS.gov/Payments](https://www.irs.gov/Payments)

để biết thêm thông tin về các phương án cho quý vị.

- Nộp đơn xin **thỏa thuận thanh toán trực tuyến (IRS.gov/OPA)** để hoàn thành nghĩa vụ thuế của quý vị bằng hình thức trả góp hàng tháng nếu hiện tại quý vị chưa thể nộp hết toàn bộ tiền thuế. Sau khi hoàn thành quy trình trên mạng, quý vị sẽ được thông báo ngay để biết hợp đồng của mình có được chấp thuận hay không.
- Sử dụng **Thẩm Định Đề Nghị Thỏa Hiệp (tiếng Anh)** để xem quý vị có thể giải quyết khoản nợ thuế với số tiền ít hơn tổng số tiền quý vị còn nợ hay không. Để biết thêm thông tin về chương trình Đề Nghị Thỏa Hiệp, vui lòng vào trang [IRS.gov/OIC](https://www.irs.gov/OIC).

Nộp tờ khai được điều chỉnh. Truy cập [IRS.gov/Form1040X](https://www.irs.gov/Form1040X) để biết thêm thông tin và nội dung cập nhật.

Kiểm tra tình trạng của tờ khai được điều chỉnh. Truy cập [IRS.gov/WMAR](https://www.irs.gov/WMAR) để theo dõi tình trạng của tờ khai được điều chỉnh Mẫu 1040-X. Xin lưu ý rằng có thể mất tới 3 tuần kể từ ngày quý vị nộp bản chỉnh sửa cho hồ sơ thuế thì thông tin này mới hiển thị trên hệ thống của chúng tôi, và thời gian xử lý có thể lên tới 16 tuần.

Ghi chú. Có thể mất tới 3 tuần kể từ ngày quý vị nộp tờ khai được điều chỉnh thì thông tin này mới hiển thị trên hệ thống của chúng tôi, và thời gian xử lý có thể lên tới 16 tuần.

Hiểu về thông báo hay thư từ của IRS mà quý vị nhận được. Truy cập [IRS.gov/Notices](https://www.irs.gov/Notices) để tìm hiểu thêm thông tin về việc phản hồi một thông báo hay thư từ của IRS.

Quý vị có thể sử dụng Bảng LEP (Mẫu 1040), Yêu Cầu Thay Đổi Tùy Chọn Ngôn Ngữ, để nêu lên ưu tiên nhận thông báo, thư tin, hoặc các thông tin được viết khác từ IRS bằng một ngôn ngữ khác. Quý vị có thể không nhận được thông tin liên lạc bằng văn bản bằng ngôn ngữ được yêu cầu ngay lập tức. Cam kết của IRS đối với người đóng thuế LEP là một phần của lịch trình nhiều năm dự kiến bắt đầu cung cấp bản dịch vào năm 2023. Quý vị sẽ tiếp tục nhận được thông tin liên lạc, bao gồm thông báo và thư bằng tiếng Anh cho đến khi chúng được dịch sang ngôn ngữ ưa thích của quý vị.

Liên lạc với văn phòng IRS tại địa phương quý vị. Xin lưu ý rằng nhiều câu hỏi có thể được giải đáp trên trang [IRS.gov](https://www.irs.gov) mà không cần đến (TAC) của IRS. Truy cập [IRS.gov/LetUsHelp](https://www.irs.gov/LetUsHelp) để xem các chủ đề mà mọi người thắc mắc nhiều nhất. Nếu quý vị vẫn cần trợ giúp, các TAC của IRS sẽ trợ giúp về thuế khi có vấn đề về thuế không thể giải quyết được qua mạng hoặc

điện thoại. Hiện tại, tất cả các TAC đều cung cấp dịch vụ với hình thức hẹn trước để quý vị biết trước là mình có thể nhận dịch vụ cần đến mà không mất thời gian dài chờ đợi. Trước khi đến đó, hãy vào trang [IRS.gov/TACLocator](https://www.irs.gov/TACLocator) (tiếng Anh) để tìm TAC gần nhất và kiểm tra giờ làm việc, dịch vụ cung cấp và các cuộc hẹn để lựa chọn. Hoặc trên ứng dụng IRS2Go, dưới thẻ Stay Connected, hãy chọn tùy chọn Contact Us và nhấp vào “Local Offices”.

Dịch Vụ Biện Hộ Người Đóng Thuế (TAS) Sẵn Sàng Trợ Giúp Quý Vị

TAS là gì?

TAS là một tổ chức **độc lập** trong IRS, trợ giúp người đóng thuế và bảo vệ quyền hạn của người đóng thuế. Công việc của họ là đảm bảo mỗi người đóng thuế đều được đối xử công bằng và quý vị biết, hiểu quyền của mình theo [Bản Tuyên Ngôn Quyền của Người Đóng Thuế \(tiếng Anh\)](https://www.irs.gov/Individuals/YourRights).

Làm Thế Nào để Tìm Hiểu về Quyền Hạn của Người Đóng Thuế của Quý Vị?

Bản Tuyên Ngôn Quyền của Người Đóng Thuế mô tả 10 quyền cơ bản mà tất cả những người đóng thuế đều có khi làm việc với IRS. Truy cập [TaxpayerAdvocate.IRS.gov](https://www.irs.gov/TaxpayerAdvocate) (tiếng Anh) để tìm hiểu ý nghĩa của những quyền này đối với quý vị và cách áp dụng. Đây chính là quyền **của quý vị**. Am hiểu chúng. Sử dụng chúng.

TAS Có Thể Làm Gì cho Quý Vị?

TAS có thể giúp quý vị giải quyết những vấn đề mà quý vị không thể giải quyết với IRS. Và dịch vụ của họ là miễn phí. Nếu quý vị đủ tiêu chuẩn được họ hỗ trợ, quý vị sẽ được chỉ định cho một viên chức trợ giúp người khai thuế, người sẽ làm việc với quý vị xuyên suốt cả quy trình và sẽ làm mọi điều có thể để giải quyết vấn đề của quý vị. TAS có thể giúp quý vị nếu:

- Vấn đề của quý vị đang gây ra khó khăn tài chính cho quý vị, gia đình hoặc doanh nghiệp của quý vị;
- Quý vị (hoặc doanh nghiệp của quý vị) phải đối mặt với nguy cơ hành động bất lợi trước mắt; hoặc
- Quý vị đã nhiều lần cố gắng liên hệ với IRS nhưng không có ai phản hồi, hoặc đến ngày đã hứa mà IRS vẫn chưa phản hồi.

Làm Thế Nào để Liên Hệ với TAS?

TAS có văn phòng ở mỗi bang, [Đặc Khu Columbia và Puerto Rico](#). Số của viên chức trợ giúp người khai thuế có trong danh bạ địa phương và tại trang [TaxpayerAdvocate.IRS.gov/Contact-Us \(tiếng Anh\)](#). Quý vị cũng có thể gọi cho họ theo số 877-777-4778.

TAS Còn Giúp Gì cho Người Đóng Thuế?

TAS nỗ lực giải quyết các vấn đề trên quy mô lớn và gây ảnh hưởng tới

không người đóng thuế. Nếu quý vị biết đến một trong các vấn đề rộng này, vui lòng báo cáo điều đó cho họ tại trang [IRS.gov/SAMS](#).

TAS cho Chuyên Gia Thuế

TAS có thể cung cấp đa dạng các thông tin cho chuyên gia thuế, bao gồm nội dung cập nhật và hướng dẫn luật thuế, các chương trình TAS và những cách để cho TAS biết về các vấn đề mang tính hệ thống mà quý vị nhận thấy theo kinh nghiệm thực tế.

Trung Tâm Cho Người Đóng Thuế Có Thu Nhập Thấp (LITC)

LITC độc lập hoàn toàn với IRS. LITCs đại diện cho các cá nhân có thu nhập dưới một mức nhất định và cần giải quyết các vấn đề về thuế với IRS, như kiểm toán, kháng cáo và tranh chấp thu thuế. Ngoài ra, LITC có thể cung cấp thông tin về trách nhiệm và quyền hạn của người đóng thuế bằng các

ngôn ngữ khác nhau cho những người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai. Các dịch vụ được cung cấp miễn phí hoặc với một khoản phí nhỏ cho những người nộp thuế đủ điều kiện. Để tìm một nơi chỉ dẫn ở gần, hãy truy cập [TaxpayerAdvocate.IRS.gov/about-us/Low-Income-Taxpayer-Clinics-LITC \(tiếng Anh\)](#) hoặc xem Ấn Phẩm 4134, [Danh Sách Trung Tâm Cho Người Đóng Thuế Có Thu Nhập Thấp](#).

Chỉ mục



Để giúp chúng tôi phát triển một chỉ mục hữu ích hơn, vui lòng cho chúng tôi biết nếu quý vị có ý tưởng cho các mục nhập chỉ mục. Xin xem mục "Comments and Suggestions" (Nhận xét và Gợi ý) trong phần "Introduction" (Giới thiệu) để biết các cách quý vị có thể liên lạc với chúng tôi.

10% thuế cho rút tiền sớm từ IRA hoặc kế hoạch hưu trí (*Xem Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoàn thuế, tiêu đề phụ: Thuế trên*)

A

Anh chị em họ [35](#)

Archer MSA:

Đóng góp [50](#)

ATIN (Mã số thuế cho việc nhận con nuôi) [14](#)

Ã

Ấn phẩm (*Xem Trợ giúp về thuế*)

B

Bạc (*Xem Vàng và bạc*)

Bán nhà [77](#)

Phân chia thuế bất động sản [97](#)

Bản quyền:

Tiền bản quyền [73](#)

Thiệt hại do vi phạm [75](#)

Bán tài sản:

Mật hàng cá nhân [77](#)

Bảng A (Mẫu 1040):

Khấu trừ từng khoản [94](#)

Bảng A-F, R, SE (Mẫu 1040)

(*Xem Mẫu 1040*)

Bảng liệt kê [17, 48, 52, 55](#)

(*Cũng xem Mẫu 1040*)

(*Cũng xem Mẫu 1040 hoặc 1040-SR*)

K-1:

Thu nhập từ công ty S [71](#)

Thu nhập từ hợp danh [71](#)

K-1, Mẫu 1041 [56](#)

Mẫu 1040, A-F, R, SE (*Xem Mẫu 1040*)

Bảng Tính:

Phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt, để tính thuế [64, 65](#)

Quý hưu trí cá nhân (IRA), tính toán AGI đã sửa đổi (Bảng Tính

9-1) [82](#)

Tình trạng chủ gia đình và chi phí duy trì nhà ở [25](#)

Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI) IRA Roth, tính toán (Bảng Tính 9-2) [88](#)

Thử thách hỗ trợ [32](#)

Bảng tính thuế [123](#)

Bảng Thuế [111-122](#)

Bảng và số liệu:

Bảng khấu trừ tiêu chuẩn [95](#)

Chủ gia đình, người đủ điều kiện (Bảng 2-1) [25](#)

IRA Roth và bãi miễn tổng thu nhập đã điều chỉnh theo luật thuế mới (MAGI) (Bảng 9-3) [88](#)

Quý hưu trí cá nhân (IRA):

AGI đã sửa đổi, ảnh hưởng đến khấu trừ nếu được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc (Bảng 9-1) [81](#)

AGI đã sửa đổi, ảnh hưởng đến khấu trừ nếu không được bao trả theo kế hoạch hưu trí tại nơi làm việc (Bảng 9-2) [82](#)

IRA Roth, AGI đã sửa đổi (Bảng Tính 9-2) [88](#)

IRA Roth, ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi lên các khoản đóng góp (Bảng 9-3) [88](#)

Tính Toán AGI đã sửa đổi (Bảng Tính 9-1) [82](#)

Tờ khai thuế:

Các bước để chuẩn bị (Bảng 1-6) [13](#)

Ngày đến hạn (Bảng 1-5) [11](#)

Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế ước tính, đối tượng phải nộp thuế [43](#)

Yêu cầu nộp:

Mức tổng thu nhập (Bảng 1-1) [7](#)

Người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Báo cáo:

Chuyển tiếp [85](#)

Bảo hiểm:

Các khoản bồi hoàn:

Từ bảo hiểm do thiệt hại [75](#)

Nhân thọ [41, 50](#) (*Cũng xem Bảo hiểm nhân thọ*)

(*Cũng xem Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn*)

Tai nạn (*Xem Bảo hiểm tai nạn*)

Bảo hiểm nhân thọ [50, 70](#)

(*Cũng xem Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn*)

(*Cũng xem Quyền lợi bồi thường từ vong trả trước*)

Bảo phí [103](#)

Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt [70](#)

Khấu lưu [41](#)

Mẫu 1099-F Giải ước hợp đồng bảo hiểm để nhận tiền mặt [70](#)

Nhân viên an ninh công cộng chết hoặc bị giết khi thi hành công vụ, miễn thuế [71](#)

Tiền thu về [61](#)

Dưới dạng thu thập [70](#)

Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn:

Chi phí chịu thuế, tính toán [50](#)

Định nghĩa [50](#)

Loại trừ khỏi thu nhập [51](#)

Hạn mức [50](#)

Quyền lợi vĩnh viễn [50](#)

Tiền tử tuất do tai nạn [50](#)

Bảo hiểm tai nạn [49](#)

Chăm sóc dài hạn [49, 55](#)

Chương trình tự chọn [54](#)

Bảo hiểm thiệt hại:

Hoàn trả từ [75](#)

Bảo hiểm trách nhiệm:

Hoàn trả từ [75](#)

Bảo hiểm y tế (*Xem Bảo hiểm tai nạn*)

Bảo tồn năng lượng:

Phương pháp và cách sửa đổi [75](#)

Tiền hoàn lại của tiện ích [78](#)

Trợ cấp [75](#)

Bằng sáng chế:

Tiền bản quyền [73](#)

Thiệt hại do vi phạm [75](#)

Bất động sản:

Các mục liên quan đến bất động sản không thể khấu trừ [99](#)

Chi phí từng khoản cho các dịch vụ sẽ không được khấu trừ [99](#)

Mẫu 1099-S báo cáo tiền bán [98](#)

Nợ kinh doanh được hủy, xử lý [70](#)

Phân chia thuế bất động sản [97](#)

Thuế chuyển giao tài sản [100](#)

Bên thứ ba:

Người được chỉ định để IRS thảo luận về tờ khai

Thu nhập từ tài sản của người đóng thuế trả cho [13](#)

Bệnh giai đoạn cuối:

Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ [70](#)

Thanh toán trả trước tiền bảo hiểm nhân thọ (*Xem Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước*)

Bệnh mãn tính:

Chăm sóc dài hạn (*Xem Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn*)

Thanh toán trả trước tiền bảo hiểm nhân thọ (*Xem Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước*)

Biển thủ:

Khai báo quý biển thủ [77](#)

Biểu tượng, sử dụng [5](#)

Bộ qua nợ (*Xem Hủy nợ*)

Bồi thường:

Thất nghiệp [73](#)

Bồi thường thất nghiệp [73](#)

Hoàn trả các quyền lợi [73](#)

Khai báo trên Mẫu 1040 [73](#)

Khấu lưu [41](#)

Khấu lưu thuế [73](#)

Quý tư nhân, từ [73](#)

Quyền lợi bổ sung [73](#)

Bồi thường thời việc [49](#)

Dịch vụ hỗ trợ tìm việc [49](#)

Tiền lương nghỉ phép tích lũy [49](#)

Bù trừ các khoản nợ [10, 16](#)

C

Các chương trình thưởng cổ phiếu [41](#)

Các điều chỉnh [107](#)

Các hoạt động không vì lợi nhuận [74](#)

Cấp dưỡng:
Khai báo thu nhập [75](#)
Cha mẹ chưa từng kết hôn [31](#)
Cha mẹ đã ly hôn [30, 33](#)
Cha mẹ đã ly thân [30, 33](#)
Cha mẹ, đã ly hôn hoặc ly thân [30](#)
Chăm sóc nuôi dưỡng:
Chăm sóc nuôi dưỡng khẩn cấp, đảm bảo không gian trong nhà cho [76](#)
Tín thuế trẻ em [109](#)
Thanh toán cho dịch vụ chăm sóc khó [76](#)
Trợ cấp cho người chăm sóc [76](#)
Chăm sóc trẻ em:
Chi phí [37](#)
Người cung cấp dịch vụ chăm sóc [48](#)
Trông trẻ [48](#)
Chi phí chôn cất [103](#)
Chi phí công chứng [76](#)
Chi phí cuộc họp cổ đông [104](#)
Chi phí đi lại [103](#)
Phương tiện đi lại do chủ lao động cung cấp [51](#)
Chi phí đi lại và vận chuyển:
Chi phí đi lại:
Phương tiện đi lại do chủ lao động cung cấp [51](#)
Chi phí tìm kiếm việc làm [77](#)
Chi phí trả cho người khác [104](#)
Phí đỗ xe:
Quyền lợi phụ do chủ lao động cung cấp [52](#)
Quyền lợi phụ [51](#)
Trẻ em đến trường, đưa đón [78](#)
Vé phương tiện giao thông [51](#)
Chi phí được trả bởi người khác [76](#)
Chi phí giáo dục:
Chủ lao động cung cấp (Xem Hỗ trợ giáo dục)
Tiền học (Xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)
Chi phí kinh doanh:
Các khoản hoàn lại [48](#)
Các khoản hoàn trả [40](#)
Chi phí tìm kiếm việc làm [77](#)
Hoàn trả chi phí kinh doanh vượt mức [40](#)
Chi phí kinh doanh cho nhân viên:
Các khoản hoàn lại [48](#)
Các khoản hoàn trả [40](#)
Hoàn trả bị vượt mức
Chi phí lập pháp [102, 104](#)
Chi phí nhân viên:
Hỗ trợ [101](#)
Máy tính gia đình [102](#)
Chi phí quản trị [76](#)
Chi phí tang lễ [37](#)
Chi phí tạo thu nhập [102](#)
Chi phí vận động [103](#)
Chi phí vận động chính trị [103, 104](#)
Chi phí vận động hành lang [103](#)
Chi phí vốn [37](#)
Chi phí y tế và nha khoa:
Bồi hoàn, xử lý [56](#)
Chính phủ nước ngoài, nhân viên của [53](#)
Chính quyền liên bang:
Nhân viên (Xem Nhân viên liên bang)
Chính quyền tiểu bang hoặc địa phương:
Người lao động:
Bồi thường thất nghiệp [74](#)
Chỗ ở [36](#)
Chủ gia đình [22, 25](#)
Chu kỳ kế toán [13](#)
Năm theo lịch tài chính [13, 43](#)
Niên lịch [11, 13, 49](#)
Quyền lợi phụ [49](#)
Thay đổi, không được phép khấu trừ tiêu chuẩn [92](#)
Chủ lao động:
Hỗ trợ giáo dục từ (Xem Hỗ trợ giáo dục)
Mẫu W-4 dành cho nhân viên mới [39](#)
Quy tắc khấu trừ [39](#)
Tùy chọn e-file [11](#)

Việc làm ở hải ngoại (Xem Việc làm nước ngoài)
Việc làm ở nước ngoài (Xem Việc làm nước ngoài)
Chủ Nhật, thời hạn rơi vào [43](#)
Chủ quyền trọn:
Thuế bất động sản, phân phối khi khai riêng hồ sơ thuế [98](#)
Chuyển đổi (Xem kế hoạch hưu trí hoặc IRA cụ thể)
Chuyển lúi:
Chuyển lúi tín thuế kinh doanh [20](#)
Chuyển tiếp [83](#)
Báo cáo:
Từ chương trình của chủ lao động sang IRA [85](#)
Chuyển tiếp một phần [84](#)
Định nghĩa của [83](#)
Giới hạn thời gian (quy định 60 ngày) [84](#)
Giới hạn thời gian (quy tắc 60 ngày) [84](#)
Khai báo:
Từ IRA này sang IRA khác [84](#)
Tính chất thuế [83, 88](#)
Từ chương trình 403 đến IRA [83](#)
Từ chương trình của chủ lao động sang IRA [83, 84](#)
Từ chương trình theo đoạn 457 đến IRA [83](#)
Từ IRA Roth sang IRA Roth [91](#)
Từ IRA sang IRA Roth [90](#)
Từ SIMPLE IRA sang IRA Roth [91](#)
Thặng dư do thông tin chuyển tiếp không chính xác [87](#)
Thời gian chờ giữa [84](#)
Trương mục Hưu trí Cá nhân (IRA thừa kế [84](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
Xử lý của [83](#)
Chữ ký [15](#)
Cha mẹ cho con [15](#)
Không đủ năng lực về tinh thần [15](#)
Khuyết tật về thể chất [15](#)
Người đại diện, sử dụng của [15](#)
Tờ khai thuế chung [23](#)
Chứng khoán:
Quyền chọn [52](#)
Quyền tăng giá cổ phiếu [49](#)
Yêu cầu hoàn thuế [20](#)
Chứng thư gửi tiền định kỳ (CD) [62, 78](#)
(Cũng xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
Chứng thư thị trường tiền tệ [57](#)
Chương trình 401(k):
Xử lý thuế đối với các khoản đóng góp [52](#)
Chương trình 403(b):
Chuyển tiếp [84, 90](#)
Chương trình chia sẻ lợi nhuận:
Khấu trừ [41](#)
Khấu trừ thuế [15](#)
Chương trình đủ điều kiện [83](#)
(Cũng xem Chuyển tiếp)
Chương trình hưu trí [24, 38, 63](#)
(Cũng xem IRA Roth)
(Cũng xem Phúc lợi hưu trí đường sắt)
Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong [15](#)
Đóng góp [52](#)
Đánh thuế [52](#)
Tín thuế cho (Xem Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí)
Giáo sĩ [52](#)
Hạn mức hoàn thuế tự chọn [52](#)
Hưu bổng thương tật [54](#)
Khấu trừ [41](#)
Khấu trừ thuế [15](#)
Quân đội (Xem Lực lượng Vũ Trang)
Chương trình SIMPLE:
Chuyển tiếp IRA Roth [91](#)
Chương trình tiền học đủ điều kiện [77](#)
Chương trình tiền học, đủ điều kiện (Xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)

Chương trình tiết kiệm miễn thuế Archer MSA [77](#)
Chương trình tự chọn [54](#)
Chương Trình Dinh Dưỡng cho Người Cao Niên [74](#)
Chương Trình Đính Hành Với Người Cao Niên [54](#)
Chương Trình Ông Bà Nuôi [54](#)
Chương Trình Tinh Nguyên Viên Cao Niên Đã Nghỉ Hưu [54](#)
Con nuôi [29, 35, 38](#)
Con nuôi tạm [29, 31, 35, 36](#)
Cổ đông [20](#)
(Cũng xem Chứng khoán)
Nợ [69](#)
Cổ phiếu [20](#)
(Cũng xem Chứng khoán)
Cổ tức:
Khoản nợ cổ đông được hủy khi [69](#)
Phí để thu [102](#)
Quỹ Thường Trục Tiểu Bang Alaska (Xem Cổ tức Quỹ Thường Trục Tiểu Bang Alaska)
Cổ tức Quỹ Thường Trục Tiểu Bang Alaska [75](#)
Công cụ nợ (Xem Trái phiếu hoặc Phiếu nợ)
Công dân bên ngoài Hoa Kỳ:
Khấu trừ từ phân phối IRA [86](#)
Loại trừ của thu nhập kiếm được [2](#)
Việc làm (Xem Việc làm nước ngoài)
Yêu cầu nộp [7](#)
Công dân bên ngoài Hoa Kỳ:
Giả hạn thời gian nộp [12](#)
Công dân di du lịch hoặc công tác ở nước ngoài [8](#)
(Cũng xem Việc làm nước ngoài)
Công dân Hoa Kỳ ở nước ngoài [7](#)
(Cũng xem Công dân bên ngoài Hoa Kỳ)
Việc làm (Xem Việc làm nước ngoài)
Công dân hoặc thường trú nhân Hoa Kỳ [29](#)
Công dân Mỹ ở nước ngoài:
Việc làm (Xem Việc làm nước ngoài)
Công đoàn [40, 73, 78](#)
(Cũng xem Công đoàn lao động)
Công đoàn lao động [40](#)
Khấu trừ tiền nghỉ bệnh theo các thỏa thuận công đoàn [40](#)
Phí và lệ phí [78](#)
Quyền lợi định công và khóa xuống [78](#)
Thanh toán bồi thường thất nghiệp từ [73](#)
Công ty bảo hiểm:
Các thủ tục vi phạm pháp luật của tiểu bang, các phân phối IRA không được thực hiện do [88](#)
Công ty cổ phần [71](#)
(Cũng xem Công ty S)
Chi phí quản trị là thu nhập tự kinh doanh [76](#)
Công ty môi giới:
IRA với [79](#)
Hoa hồng [79, 80](#)
Công ty S [102](#)
Cổ đông [71](#)
Công trái của Hoa Kỳ, tiền lãi [58](#)
Công việc ở hải ngoại (Xem Việc làm nước ngoài)
Công việc ở nước ngoài (Xem Việc làm nước ngoài)
Công việc tình nguyện [53](#)
Tư vấn thuế (Chương trình Tinh Nguyên Hồ Trợ Thuế Thu Nhập) [54](#)
Tư vấn thuế (Tinh Nguyên Hồ Trợ Thuế Thu Nhập) [11](#)
Cứu trợ thiên tai [55, 74](#)
(Cũng xem Tấn công khủng bố)
Đạo Luật Cứu Trợ Thiên Tai và Hỗ Trợ Khẩn Cấp:
Hỗ trợ thất nghiệp [73](#)
Trợ cấp [74](#)
Trợ cấp hoặc thanh toán [74](#)

Sản xuất trong tương lai đã bán [73](#)
Tiền bản quyền từ [73](#)
Bảng C hoặc C-EZ [73](#)
Di sản [75](#)
(Cũng xem Người thụ hưởng di sản)
Thu nhập [75](#)
Thuế [100, 105](#)
(Cũng xem Thuế di sản)
Di sản thừa kế [75](#)
(Cũng xem Người thụ hưởng di sản)
Dịch vụ chuyển phát [11](#)
Dịch vụ chuyển phát tư nhân [11](#)
Dịch vụ hỗ trợ tìm việc [49](#)
Dịch vụ lập kế hoạch hưu trí [51](#)
Dịch vụ trả trước bảo hiểm nhân thọ [70](#)

D
Đá quý:
Các giao dịch bị IRA cấm về [87](#)
Đám tang:
Chi phí [103](#)
Giáo sĩ, thanh toán cho [52](#)
Đạo Luật Bảo Hiểm Thất Nghiệp Đường Sắt [55](#)
Đạo Luật Cấu Trúc Thiên Tai Năm 1988:
Khấu trừ [41](#)
Đạo Luật Giám Bớt Thủ Tục Giấy Tờ năm 1980 [3](#)
Đạo Luật Nhà Ở Quốc gia:
Hỗ trợ vay thế chấp [74](#)
Đạo Luật Thương Mại năm 1974:
Điều chỉnh thương mại cho phép trong [73](#)
Đạo Luật về Quyền Riêng Tư và thông tin giám bớt thủ tục giấy tờ [3](#)
Đầu tư:
Hội thảo [103](#)
Phí [102](#)
Đi chung xe [75](#)
Địa chỉ [17](#)
Hộp thư [17](#)
Nước ngoài [17](#)
Thay đổi của [19](#)
Địa điểm nộp [17](#)
Điện thoại [104](#)
Hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên IRS, số điện thoại khai báo ẩn danh [3](#)
Đính kèm tờ khai thuế [14](#)
Đoạn 457 chương trình lương được trì hoãn:
Chuyển tiếp:
Đến IRA [90](#)
Đoàn Phục Vụ của Các Lãnh Đạo Đã Nghỉ Hưu (SCORE) [54](#)
Đóng góp [17, 75](#)
(Cũng xem Đóng góp cho bầu cử)
(Cũng xem Đóng góp từ thiện)
Các khoản hoàn trả của lĩnh vực bị [79](#)
Chính trị [104](#)
Lương chiến đấu không chịu thuế [79](#)
Đóng góp chính trị (Xem Đóng góp cho bầu cử)
Đóng góp cho bầu cử [75](#)
Đóng góp cho chiến dịch:
Quỹ Vận Động Tranh Cử Tổng Thống [14](#)
Đóng góp quỹ cứu trợ [104](#)
Đóng góp từ thiện:
Quà tặng để giảm nợ công [17](#)
Đồ cổ (Xem Đồ sưu tầm)
Đồ sưu tầm:
Đầu tư IRA vào [87](#)
Độ tuổi tối đa. Giới hạn độ tuổi đóng góp cho IRA truyền thống đã bị loại bỏ:
Đóng góp IRA truyền thống [78](#)
Đồ uống có cồn:
Các giao dịch bị IRA cấm về [87](#)
Đồng hồ đeo tay [104](#)
Đơn giản hóa hưu trí cho nhân viên (SEP):
IRA là [79](#)
Đơn vị nhà ở:
Tạp thể (Xem Hợp tác xã nhà ở)

E

E-file [2, 6, 9](#)

Gia hạn thời gian nộp [12](#)

EIC (Xem Tin thuế thu nhập kiếm được)

G

Ghi ngày trên tờ khai của quý vị [15](#)

Ghi số (Xem Yêu cầu lưu giữ hồ sơ)

Gia đình [8, 110](#)

(Cũng xem Tin thuế trẻ em)

(Cũng xem Trẻ em)

Giá được giảm sau khi mua [70](#)

Giá gốc:

Vốn giá gốc:

IRA cho đóng góp không thể khấu trừ [83, 86](#)

Gia hạn thời gian nộp [11](#)

Bao gồm trong tờ khai [12](#)

Công dân bên ngoài Hoa Kỳ [12](#)

Tùy chọn e-file [12](#)

Tự động [11, 12](#)

Giá trị cho thuê hợp lý [36](#)

Giải thưởng Nobel [77](#)

Giải thưởng Pulitzer [77](#)

Giải thưởng và phần thưởng [48, 77](#)

(Cũng xem Tiền thưởng)

Giải thưởng học bổng [78](#)

Giải thưởng Pulitzer, Nobel, và giải thưởng tương đương. [77](#)

Loại trừ khỏi thu nhập [48](#)

Giảm giá phát hành gốc (OID) [62](#)

Giảm giá, trái phiếu dài hạn và trái phiếu trung hạn phát hành với [62](#)

Giám hộ trẻ em [30](#)

Gian lận:

Hình phạt [20, 40](#)

Khai báo ẩn danh cho IRS [3](#)

Giáo dục:

Chương trình trái phiếu tiết kiệm [60](#)

Giáo sĩ [8](#)

Hưu bổng [52](#)

Nhà ở [52](#)

Thuế bất động sản khi nhận phụ cấp thuê nhà để ở [99](#)

Quy định thu nhập đặc biệt [52](#)

Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tuyên úy chết trong quá trình thi hành công vụ [71](#)

Giấy ủy quyền [15, 23](#)

Giúp việc nhà:

Khấu trừ [38](#)

Guam:

Thu nhập từ [7](#)

Gửi tờ khai qua đường bưu điện

(Xem Tờ khai thuế)

H

HAMP:

Điều chỉnh giá nhà hợp lý:

Tiền trả-cho-hiệu suất [74](#)

Hạn mức:

Khoản khấu trừ hỗn hợp [101](#)

Hao hụt cho phép [73](#)

Hiệp hội chủ sở hữu nhà ở:

Chi phí [100](#)

Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Hình phạt [43, 46](#)

Biện hộ [21](#)

Cố ý không khai thuế [21](#)

Gian lận [20, 21](#)

Hình phạt dân sự [20](#)

Hình sự [21](#)

IRA [86](#)

Khai báo thừa đóng góp không được khấu trừ [83](#)

Không khai Mẫu 8606 cho đóng góp không được khấu trừ [83](#)

Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không được khấu trừ [79](#)

Phân phối bất buộc, không thực hiện được [86](#)

Phân phối sớm [87](#)

Tiền đóng góp thặng dư [87](#)

IRA Roth:

Đóng góp chuyển đổi được rút trong khoảng thời gian 5 năm [91](#)

Tiền đóng góp thặng dư [90](#)

Khả năng khấu trừ [103](#)

Khai báo thấp đáng kể thuế thu nhập [21](#)

Khai báo thấp giao dịch phải khai báo [21](#)

Khấu trừ [40, 41](#)

Khấu trừ dự phòng [41](#)

Không cung cấp số an sinh xã hội [14, 21](#)

Không khai Mẫu 8606 cho đóng góp không thể khấu trừ [83](#)

Không trả tiền thuế [21](#)

Liên quan đến tính chính xác [21](#)

Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không thể khấu trừ [79](#)

Nộp tờ khai thuế phụ phẩm [21](#)

Nộp trễ [11, 20](#)

Ngoại lệ [21](#)

Sơ suất [21](#)

Tiền lãi trên [17](#)

Thanh toán thiếu thuế ước tính [38, 46](#)

Thanh toán trễ [21](#)

Thuế ước tính (Xem tiêu đề này: Thanh toán thiếu thuế ước tính)

Trả thiếu thuế ước tính [43](#)

Trốn thuế [21](#)

Hình phạt do sơ suất [21](#)

Hình phạt do thanh toán thiếu [38, 46](#)

Tính toán của IRS [46](#)

Hình phạt do trả thiếu [43](#)

Hình phạt liên quan đến tính chính xác [21](#)

Hình phạt thuế dân sự (Xem Hình phạt)

Hoa hồng [40](#)

Chia sẻ (tiền lại quả) [77](#)

Chưa được hưởng, khấu trừ để hoàn trả [48](#)

IRA với công ty môi giới [79, 80](#)

Ứng trước [48](#)

Hoàn lại (Xem Hoàn thuế)

Hoàn lại tiền mặt [75](#)

Hoàn thuế [107](#)

Bù trừ:

Áp cho khoản thuế của năm tới [15](#)

Các khoản nợ [10](#)

Cho các khoản nợ [16](#)

Bù trừ thuế của năm tới [44](#)

Các khoản thuế (Xem Hoàn thuế)

Các quy tắc chung [10](#)

Chuyển lỗi hoạt động ròng [20](#)

Chuyển lỗi tín thuế kinh doanh [20](#)

Chứng khoán không có giá trị [20](#)

Dưới \$1 [16](#)

Giảm [20](#)

Giới hạn [20](#)

Hạn mức [19](#)

Ngoại lệ [20](#)

Hoàn thuế sai sót [19](#)

Hoàn thuế thu nhập liên bang [71](#)

Hoàn thuế thu nhập tiểu bang và địa phương [96, 97](#)

Khấu trừ thuế [8](#)

Không có khả năng tài chính [20](#)

Ký gửi trực tiếp [15](#)

Ngày hết hạn của séc [16](#)

Nhiều hơn hoặc ít hơn mong đợi [16](#)

Nợ thuế liên bang, ảnh hưởng đến [20](#)

Nợ xấu [20](#)

Quá hạn [10, 19](#)

Rút séc [16](#)

Tiền lãi [58](#)

Tiền lãi trên [19, 20](#)

Tờ khai nộp muộn [2](#)

Thỏa thuận với IRS về gia hạn thời gian định mức thuế, yêu cầu dựa trên [20](#)

Thuế bất động sản, xử lý của [99](#)

Thuế nước ngoài đã trả hoặc tích lũy [20](#)

Thuế tiểu bang [71](#)

Yêu cầu [10, 20](#)

Kiện tụng [20](#)

Yêu cầu cho [19](#)

Khoảng thời gian giới hạn [19](#)

Hoàn thuế tự chọn:

Hạn mức [52](#)

Hoàn trả [71, 72](#)

(Cũng xem Phục hồi các khoản đã khấu trừ trước đó)

Bồi thường thất nghiệp [73](#)

Phúc lợi an sinh xã hội [65, 72](#)

Phúc lợi hưu trí đường sắt [65](#)

Số tiền đã tính vào thu nhập từ trước [105](#)

Hoàn trả, bồi thường cho [48](#)

Hoạt động bất hợp pháp:

Khai báo về [77](#)

Hoạt động thụ động:

Lỗ [24](#)

Học bổng [31, 35, 37](#)

Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh:

Học bổng cho giảng dạy hay nghiên cứu [78](#)

Loại trừ khỏi tổng thu nhập [77](#)

Thu nhập kiếm được bao gồm [93](#)

Học phí, quyền lợi theo GI Bill [37](#)

Học sinh:

Định nghĩa [29](#)

Miễn khấu trừ [40](#)

Nước ngoài [29](#)

Học sinh nước ngoài [29](#)

Hồ sơ khai thuế chung:

Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ [97](#)

Hỗ trợ (Xem Trợ giúp về thuế)

Hỗ trợ giáo dục:

Chủ lao động cung cấp [50](#)

Học bổng (Xem Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh)

Tiền học (Xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)

Hỗ trợ hành chính, khấu trừ [102](#)

Hỗ trợ năng lượng [74](#)

Hỗ trợ thanh toán trước [75](#)

Hỗ trợ, thuế (Xem Trợ giúp về thuế)

Hối lộ [103](#)

Hội thảo:

Liên quan đến đầu tư [103](#)

Hôn nhân bị hủy bỏ:

Tình trạng khai thuế [22](#)

Hôn nhân theo thông luật [22](#)

Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn [55](#)

Cá nhân bị bệnh mãn tính [55, 70](#)

Định nghĩa dịch vụ đủ tiêu chuẩn [55](#)

Loại trừ, hạn mức [55](#)

Hợp tác xã nhà ở:

Thuế bất động sản, khấu trừ [97](#)

Thuế bất động sản, khấu trừ của:

Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Hủy nợ [69](#)

Ngoại lệ đối với xử lý như thu nhập [69](#)

Hướng dẫn viên du lịch:

Dịch miễn phí khi tổ chức du lịch [76](#)

Hưu bổng:

Chương trình của chủ lao động:

Chuyển tiếp IRA [84, 90](#)

Đóng góp:

Đánh thuế [52](#)

Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí [24](#)

Giáo sĩ [52](#)

Hạn mức hoàn thuế tự chọn [52](#)

Hưu bổng được thừa kế [76](#)

Hưu bổng thương tật [54](#)

Kế hoạch của chủ lao động:

Các trường hợp không được bao trả [81](#)

Quyền lợi từ kế hoạch của chủ lao động trước [81](#)

Quân đội (Xem Lực Lượng Vũ Trang)

I

Internet:

Nộp bằng điện tử qua (Xem E-file)

IRA (Xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))

IRA Roth [88-91](#)

(Cũng xem Chuyển tiếp)

Ảnh hưởng của AGI đã sửa đổi lên các khoản đóng góp (Bảng 9-3) [88](#)

Chuyển đổi [90](#)

Chuyển đổi IRA đến [83, 85](#)

Đóng góp [88](#)

Chỉ IRA Roth [89](#)

Cho IRA truyền thống trong cùng năm [89](#)

Không khấu trừ cho [88](#)

Thời gian thực hiện [90](#)

Đóng góp của vợ/chồng [89](#)

Giới hạn đóng góp [89](#)

Dưới 50 tuổi, [89](#)

Từ 50 tuổi trở lên, [89](#)

Hình phạt:

Đóng góp chuyển đổi được rút trong khoảng thời gian 5 năm [91](#)

Tiền đóng góp thặng dư [90](#)

Khái niệm [88](#)

Phân phối:

Phân phối đủ điều kiện [91](#)

Rút tiền [91](#)

Không chịu thuế [91](#)

Tiền đóng góp thặng dư [90](#)

Tái xác định [85](#)

Tiền đóng góp thặng dư [90](#)

Tiền thù lao, được xác định [89](#)

Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI) [89](#)

Giảm dần (Bảng 9-3) [88](#)

Tính toán (Bảng Tính 9-2) [88](#)

Tuổi:

Không giới hạn cho đóng góp [89](#)

Không yêu cầu tuổi phân phối [91](#)

Phân phối sau tuổi 59 1/2 [91](#)

Thiết lập tài khoản [88](#)

Trách nhiệm đóng thuế [91](#)

IRA Truyền thống (Xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))

ITIN (Xem Mã số thuế cá nhân (ITIN))

K

Kết ký quỹ an toàn [102](#)

Kế hoạch 529 (Xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)

Kế hoạch hưu trí:

Chương trình của chủ lao động:

Chuyển tiếp IRA [84, 90](#)

IRA (Xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))

Kế hoạch của chủ lao động:

Các trường hợp không được bao trả [81](#)

Quyền lợi từ kế hoạch của chủ lao động trước [81](#)

Kế hoạch hưu trí:

Hưu bổng được thừa kế [76](#)

Khai báo bằng điện tử:

Tờ khai (Xem E-file)

Khai thuế điện tử:

</

Khấu lưu (Tiếp tục)

Lương bổ sung [40](#)
Lương hưu và niên kim [41](#)
Mẫu không chính xác [45](#)
Mẫu W-4:
Do chủ lao động cung cấp [39](#)
Miễn [40](#)
Mức cao nhất, chủ lao động phải khấu lưu nếu không có W-4 [39](#)
Phân phối IRA [86](#)
Phúc lợi an sinh xã hội [41](#)
Phúc lợi hưu trí đường sắt [41](#)
Phương pháp tính công cộng dồn [39](#)
Quyền lợi phụ [40](#)
Tiền bo (Xem Thu nhập từ tiền bo)
Tiền lương và tiền công [38](#)
Tiền nghỉ bệnh [40](#)
Tiền thắng bài cược [41](#)
Tiền thắng cược [45](#)
Tờ khai thuế riêng [45](#)
Thay đổi số tiền khấu lưu [39](#)
Cho năm 2022 [39](#)
Thuế thu nhập liên bang, không được khấu trừ [100](#)
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ cho [96](#)
Xác định số tiền khấu lưu [38, 39](#)
Khấu lưu dự phòng [41, 45, 56](#)
Hình phạt [41](#)
Khấu lưu FICA [13, 38, 49](#)
(Cũng xem Khấu lưu)
Khấu trừ tiêu chuẩn (Xem Khấu trừ thuế)
(Cũng xem Thuế an sinh xã hội và Medicare)
Khấu lưu thuế [13](#)
(Cũng xem Mẫu W-2)
Bồi thường thất nghiệp [73](#)
Lương hưu và niên kim [15](#)
Phúc lợi an sinh xã hội [65](#)
Phúc lợi hưu trí đường sắt [65](#)
Yêu cầu hoàn thuế [8](#)
Khấu trừ lương [100](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn [92, 94](#)
Khấu trừ từng khoản:
Chọn khấu trừ từng khoản [93](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn so sánh với [93](#)
Mẫu 1040 được sử dụng [71](#)
Phục hồi [71](#)
Thay đổi từ khấu trừ tiêu chuẩn sang từng khoản (hoặc ngược lại) [94](#)
Thuế tiểu bang, cho [94](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24, 94](#)
Một bên vợ/chồng đã liệt kê từng khoản [92](#)
Khoản hoàn lại:
Chi phí kinh doanh cho nhân viên [48](#)
Khoản khấu trừ khác [101](#)
Khoản nhận suy định của thu nhập [62](#)
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc [84, 86](#)
(Cũng xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (RMD) [78](#)
Khoản vay [20](#)
(Cũng xem Nợ)
Khoản vay sinh viên:
Hủy nợ [69](#)
Khấu trừ tiền lãi:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
Khoản vay thế chấp:
Giảm [69](#)
Không tuân thủ luật thuế (Xem Hình phạt)
Khu vực chiến sự:
Gia hạn thời gian nộp tờ khai [12](#)
Ký tờ khai thuế cho vợ/chồng [23](#)
Khu vực chiến tranh (Xem Khu vực chiến sự)
Khung Thuế Suất 2022 [124](#)
Khuyết tật:
Người Phụ Thuộc [35](#)
Trẻ em [29](#)
Khuyết tật, người bị:
Bị mù (Xem Người mù)
Chi phí bảo hiểm [54](#)
Chương trình hưu trí, hưu bổng và chia sẻ lợi nhuận [54](#)

Chương trình tự chọn [54](#)
Hưu bổng thường tặc của chính phủ và quân đội [54](#)
Khai báo thu nhập hưu bổng thường tặc [54](#)
Ký tờ khai thuế bồi đại diện do tòa án chỉ định [15](#)
Lực Lượng Vũ Trang [53](#)
Phúc lợi an sinh xã hội và hưu trí đường sắt, các khoản khấu trừ cho [68](#)
Quyền lợi hỗ trợ công cộng [74](#)
Tiền bồi thường cho người lao động [55](#)
Tiền lương nghỉ phép tích lũy [54](#)
Tin thuế cho (Xem Người cao niên hoặc người khuyết tật, tin thuế cho)
Kiện tụng dân sự [75](#)
(Cũng xem Tồn thất từ kiện tụng)
Kiện tụng thường tặc cá nhân:
Tồn thất từ [75](#)
Ký gửi trực tiếp tiền hoàn thuế [15](#)
Ký tờ khai thuế của quý vị [10](#)

L

Lãi hoặc lỗ vốn:
Bán mặt hàng cá nhân [77](#)
Sở thích, mua bán từ bộ sưu tập [77](#)
Lãi miễn thuế từ cổ tức [57](#)
Lãi và lỗ [24](#)
(Cũng xem Lỗ)
Bài bạc (Xem Tiền thắng và thua bạc)
Cá cược [105](#)
Hoạt động thu động [24](#)
Khoản lỗ từ sở thích [77](#)
Yêu cầu hoàn thuế cho khoản lỗ [20](#)
Lãi và lỗ thông thường (Xem Lãi và lỗ)
Làm tròn [14](#)
Lao động tại gia, không thể khai là người phụ thuộc [27](#)
Lệ phí cấp giấy phép:
Khả năng khấu trừ [100](#)
Tính chất không được khấu trừ của [103](#)
Lệnh tịch biên tiền lương [13](#)
Lính cứu hỏa:
Lính cứu hỏa tình nguyện:
IRA [81](#)
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [71](#)
Lính cứu hỏa tình nguyện:
IRA [81](#)
Lính dự bị:
Hoàn trả [79](#)
IRA [81](#)
Loại trái phiếu tiết kiệm I [58](#)
Loại trừ khỏi tổng thu nhập:
Bán nhà [77](#)
Bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn [51](#)
Chương trình Trái phiếu Tiết kiệm Giáo dục [77](#)
Hoãn thuế tự chọn, hạn mức loại trừ [52](#)
Học bổng [77](#)
Hỗ trợ giáo dục từ chủ lao động [50](#)
Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn [55](#)
Hưu bổng thường tặc của nhân viên liên bang và quân nhân [54](#)
Lãi từ tiền gửi đóng băng [77](#)
Nhân viên an ninh công cộng chết hoặc bị giết khi thi hành công vụ, tiền tử tuất [71](#)
Nợ được hủy [70](#)
Phần thưởng cho nhân viên [48](#)
Phí đỗ xe, do chủ lao động chi trả Phụ cấp đi lại cho nhân viên [51](#)
Quyền lợi bồi thường từ vong trả trước [70](#)
Quyền lợi cực tiểu [50](#)
Quyền lợi đình công [78](#)
Thu nhập kiếm được ở nước ngoài [2](#)
Trợ cấp bảo tồn năng lượng [75, 78](#)

Loại trái phiếu tiết kiệm EE và E [58](#)
Loại trái phiếu tiết kiệm HH và H [58](#)
Lỗ [20, 24](#)
(Cũng xem Lãi và lỗ)
Bài bạc (Xem Tiền thắng và thua bạc)
Vốn [24](#)
Lỗ hoạt động ròng:
Hoãn thuế của chuyển lùi [20](#)
Lực Lượng Vũ Trang:
Hưu bổng thường tặc [54](#)
Khấu lưu từ lương của người về hưu [38](#)
Khu vực chiến sự:
Gia hạn thời gian nộp tờ khai [12](#)
Ký tờ khai thuế cho vợ/chồng [23](#)
Quyền lợi GI Bill [37](#)
Tiền cho người nghỉ hưu:
Thu nhập chịu thuế [53](#)
Tiền công [53](#)
Tiền phân bổ cho người phụ thuộc [35](#)
Tiền phân bổ trợ cấp nhà ở cho quân đội [36](#)
Thanh toán cho chương trình phục hồi [53](#)
Thuế bất động sản khi nhận phụ cấp thuế nhà để ở [99](#)
Trợ cấp thương tật [53](#)
Lương bổ sung [40](#)
Lương hưu [38, 63](#)
(Cũng xem Phúc lợi hưu trí đường sắt)
Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong [15](#)
Đầu tư chưa hoàn vốn vào [105](#)
Khấu lưu [41](#)
Khấu lưu thuế [15](#)
Lương truy lĩnh, lệnh yêu cầu trả:
Thiệt hại về tinh thần theo tiêu đề VII của Đạo Luật Dân Quyền năm 1964 [75](#)
Lưu giữ hồ sơ:
Cá cược [105](#)
Trái phiếu tiết kiệm dùng cho giáo dục [61](#)

M

Mã số thuế (TIN):
Cá nhân (ITIN) [14, 37](#)
Nhận con nuôi (ATIN) [14](#)
Số an sinh xã hội (Xem Số an sinh xã hội (SSN))
Mã số thuế cá nhân (ITIN) [14, 37](#)
MAGI (Xem Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI))
Mất mát:
Thiệt hại [102, 104](#)
Trộm cắp [102, 104](#)
Mất mát do thiệt hại [102, 104](#)
Mất mát do trộm cắp [102, 104](#)
Mất mát tài sản [103](#)
Mẫu [11, 52, 64](#)
1040 [27, 108](#)
Chi phí công chứng [76](#)
Chi phí quản trị công ty [76](#)
Hưu bổng của giáo sĩ [52](#)
Khai báo tiền công và tiền lương [48](#)
Mã số thuế cho người nước ngoài [37](#)
Người chăm sóc nuôi dưỡng [76](#)
Người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em [48](#)
Quyền lợi FECA [55](#)
Tiền bản quyền từ quyền lợi dầu mỏ, khí đốt hoặc khoáng sản [73](#)
Tiền bồi thường cho người lao động [55](#)
Tiền hưu trí của Lực Lượng Vũ Trang [53](#)
Tiền hưu trí thường tặc [54](#)
Tiền lại quả [77](#)
Thu nhập và chi phí cho thuê [72](#)
1040 hoặc 1040-SR:
Địa chỉ [17](#)
Đính kèm theo [15](#)
IRA [86, 88](#)
Phúc lợi an sinh xã hội, khai báo trên [65](#)
Phúc lợi hưu trí đường sắt, khai báo trên [65](#)
Quỹ Vận Động Tranh Cử Tổng Thống [14](#)
Việc sử dụng của [23, 24](#)
1040 hoặc 1040-SR, Bảng A:
Đóng góp từ thiện [17](#)
1040 hoặc 1040-SR, Bảng SE [8](#)
1040-NR:
Tờ khai của người nước ngoài tạm trú [11](#)
1040-X:
Đang hoàn thành [19](#)
Hôn nhân bị hủy bỏ [22](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn, thay đổi thành khấu trừ từng khoản [94](#)
Khấu trừ từng khoản, thay đổi thành khấu trừ tiêu chuẩn [94](#)
Nộp [19](#)
Tờ khai cá nhân được điều chỉnh [19](#)
Thay đổi tình trạng khai thuế [24](#)
1040, Bảng A:
Tiền hoa hồng chưa được hưởng, khấu trừ để hoàn trả [48](#)
1040, Bảng C:
Bỏ qua nợ [69](#)
Chi phí công chứng [76](#)
Chi phí quản trị công ty [76](#)
Người chăm sóc nuôi dưỡng [76](#)
Người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em [48](#)
Tiền bản quyền từ quyền lợi dầu mỏ, khí đốt hoặc khoáng sản [73](#)
Tiền lại quả [77](#)
Thu nhập từ trao đổi [69](#)
Thu nhập và chi phí cho thuê [72](#)
1040, Bảng E:
Tiền bản quyền [73](#)
1040, Bảng SE [52](#)
1065:
Thu nhập từ hợp danh [71](#)
1098:
Báo cáo lãi vay thế chấp [71](#)
1099:
Báo cáo thu nhập chịu thuế [13](#)
1099-B:
Thu nhập từ trao đổi [69](#)
1099-C:
Hủy nợ [69](#)
1099-DIV:
Báo cáo thu nhập từ cổ tức [52](#)
1099-G:
Hoãn thuế tiểu bang [71](#)
1099-INT [57, 63](#)
1099-MISC:
Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên [76](#)
1099-OID [62](#)
1099-R [60](#)
Giải ước hợp đồng bảo hiểm nhân thọ để nhận tiền mặt [70](#)
Phân phối IRA [86, 88](#)
Phân phối từ chương trình hưu trí [15](#)
1120S:
Thu nhập từ công ty S [71](#)
2555 [110](#)
2848:
Giấy ủy quyền và tuyên bố của người đại diện [15, 23](#)
3115 [59](#)
3800:
Tin thuế chung cho kinh doanh [20](#)
4506 [18](#)
4506-T:
Yêu cầu bản ghi tờ khai thuế [18](#)
4868 [12, 37](#)
Nộp mẫu bằng giấy [12](#)
Nộp mẫu đơn điện tử [12](#)
Tự động gia hạn thời gian khai thuế [37](#)

Mẫu (Tiếp tục)

Tự động gia hạn thời gian nộp [12](#)

5329: Phân phối tối thiểu bắt buộc, không thực hiện được [88](#)

56: Thông Báo Về Quan Hệ Ủy Thác [15](#)

6251 [107](#)

8275: Tuyên bố tiết lộ [21](#)

8275-R: Báo cáo công khai quy định [21](#)

8379: Yêu cầu của người phối ngẫu bị tổn hại [16](#)

8606: Các khoản đóng góp IRA, Tài sản định [85](#)

Đóng góp IRA, Không được khấu trừ [79, 83, 86](#)

8615 [56](#)

8814 [56](#)

8815 [60](#)

8818 [61](#)

8822: Thay đổi địa chỉ [19](#)

8839: Chi phí nhận con nuôi đủ điều kiện [50](#)

8853: Archer MSA và hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn [50](#)

Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước [71](#)

8857: Miễn cho vợ/chồng vô can [23](#)

8879: Ủy quyền cho nhà cung cấp E-file sử dụng mã PIN tự chọn [11](#)

9465: Yêu cầu thỏa thuận trả góp [17](#)

Mẫu 8919: Thuế an sinh xã hội và Medicare chưa thu trên tiền công [48](#)

RRB-1042S: Phúc lợi hưu trí đường sắt cho người nước ngoài tạm trú [64](#)

RRB-1099: Phúc lợi hưu trí đường sắt [64](#)

SS-5: Đề nghị cấp số an sinh xã hội [37](#)

Yêu cầu số an sinh xã hội [14](#)

SSA-1042S: Phúc lợi an sinh xã hội cho người nước ngoài tạm trú [64](#)

SSA-1099: Phúc lợi an sinh xã hội [64](#)

W-2: Báo cáo thu nhập do chủ lao động khai báo [14, 48, 49, 52](#)

Báo cáo thu nhập do chủ lao động lập [13](#)

Chi phí của viên chức khu bầu cử [76](#)

Quyền lợi phụ [49, 50](#)

Tham gia kế hoạch hưu trí của chủ lao động [80](#)

W-2G: Báo cáo khấu lưu tiền thẳng bài bạc [76](#)

W-4V: Yêu cầu khấu lưu tự nguyện [73](#)

W-7: Yêu cầu mã số thuế cá nhân [37](#)

W-7A: Yêu cầu mã số thuế cho việc nhận con nuôi [14, 37](#)

Mẫu 1040:

Bù trừ khoản thanh toán vượt mức vào thuế của năm tới [44](#)

Các khoản thuế ước tính [45](#)

Tiền thẳng cược [41](#)

Mẫu 1040 hoặc 1040-SR:

Bảng A:

Các khoản thuế, khấu trừ [100](#)

Quý quyền lợi tiểu bang, đóng góp bắt buộc vào [97](#)

Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ [100](#)

Bảng C:

Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản được sử dụng trong kinh doanh, khấu trừ [100](#)

Bảng E:

Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản cho thuê, khấu trừ [100](#)

Bảng F:

Thuế bất động sản và thuế tài sản cá nhân đối với tài sản được sử dụng trong kinh doanh, khấu trừ [100](#)

Thuế tự kinh doanh, khấu trừ [100](#)

Thuế thu nhập từ nước ngoài, khấu trừ [100](#)

Mẫu 1040-ES:

Thuế ước tính [43, 44](#)

Mẫu 1099-45

Mẫu 1099-K:

Thẻ thanh toán và các giao dịch qua mạng của bên thứ ba [78](#)

Mẫu 1099-MISC:

Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu [96](#)

Mẫu 1099-NEC:

Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu [96](#)

Mẫu 1099-R:

Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu được thể hiện trên [96](#)

Mẫu 1099-S:

Tiền giao dịch bất động sản [98](#)

Mẫu 1116:

Tín thuế nước ngoài [100](#)

Mẫu 8332:

Miễn miễn trừ thuế cho cha mẹ không giám hộ [30](#)

Mẫu đơn thay thế 13

Mẫu W-2 (Xem Mẫu W-2)

Báo cáo thu nhập do chủ lao động lập [45](#)

Mẫu riêng từ mỗi chủ lao động [45](#)

Nộp với tờ khai [45](#)

Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu [96](#)

Mẫu W-2c:

Báo cáo tiền lương và thuế đã sửa đổi [45](#)

Mẫu W-2G:

Báo cáo khấu lưu tiền thẳng cược [41, 45](#)

Thuế tiểu bang và địa phương được khấu lưu được thể hiện trên [96](#)

Mẫu W-4:

Chứng nhận cho phép khấu lưu của nhân viên [38, 42](#)

Chứng nhận cho phép khấu lưu thuế của nhân viên [39](#)

Mẫu W-4S:

Yêu cầu khấu lưu tiền nghỉ bệnh [40](#)

Mẫu W-4V 41

Bồi thường thất nghiệp, yêu cầu khấu lưu tự nguyện [41](#)

Medicare 49, 53

(Cũng xem Thuế an sinh xã hội và Medicare)

Các lợi ích [74](#)

Tài khoản Tiết kiệm Y tế Medicare Advantage (Xem Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA))

Mexico:

Thường trú nhân của [29, 34](#)

Miễn:

Khấu lưu [40](#)

Miễn cho vợ/chồng vô can:

Mẫu 8857 [23](#)

Tờ khai thuế chung [23](#)

Miễn công bằng (Xem Miễn cho vợ/chồng vô can)

Miễn thuế:

Tiền lãi [61](#)

Thu nhập [104](#)

Trái phiếu và các công trái khác [61](#)

Miễn trừ cá nhân 37

MSAs (Xem Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA))

Mua bán và trao đổi:

Trái phiếu [61](#)

Mục 457 chương trình lương được trì hoãn:

Chuyển tiếp:

Đến IRA [84](#)

Mục sư (Xem Giáo sĩ)

Mục ưu đãi về thuế 107

N

Năm tính thuế ngắn:

Thay đổi chu kỳ kế toán hàng năm [92](#)

Năm theo lịch tài chính 13, 43

Năm thuế 11, 13

(Cũng xem Chu kỳ kế toán)

Ngày đến hạn 10, 11

Gia hạn (Xem Gia hạn thời gian nộp)

Ngày trong năm 2020 (Bảng 1-5) [11](#)

Tờ khai của người nước ngoài tạm trú [11](#)

Ngày đến hạn chung, thuế ước tính 43

Ngày hết hạn quy chế:

Yêu cầu hoàn thuế [16, 19](#)

Ngày lễ, thời hạn rơi vào 43

Ngân hàng:

IRA với [79](#)

Ngân phiếu:

Đã chiết khấu [62](#)

Ngư dân:

Quyền đánh cá của Thổ dân [77](#)

Ngư gia:

Thuế ước tính [42](#)

Người cao niên:

Chương Trình Dinh Dưỡng cho Người Cao Niên [74](#)

Miễn khấu lưu [40](#)

Tín thuế cho (Xem Người cao niên hoặc người khuyết tật, tín thuế cho)

Tư Vấn Thuế cho Người Cao Niên [11](#)

Người cao niên hoặc người khuyết tật, tín thuế cho:

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Người cao tuổi:

Chăm sóc dài hạn (Xem Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn)

Khấu trừ tiêu chuẩn cho tuổi 65 trở lên [92](#)

Nhà cho người cao tuổi [36](#)

Người chuẩn bị tờ khai thuế 15

Người chưa kết hôn (Xem Người đóng thuế độc thân)

Người có thương tật (Xem Khuyết tật, người bị)

Người đại diện:

Ký tờ khai [15](#)

Thu nhập trả cho [13](#)

Người đại diện cá nhân (Xem Người được ủy thác)

Người đóng thuế cá nhân (Xem Người đóng thuế độc thân)

Người đóng thuế có tình trạng kép 8

Khấu trừ tiêu chuẩn [92](#)

Không được khai thuế chung [24](#)

Người đóng thuế có thu nhập cao hơn:

Thuế ước tính [42](#)

Người đóng thuế đã kết hôn 23-25

(Cũng xem Tờ khai thuế chung)

(Cũng xem Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)

Chữ ký khi vợ/chồng không thể ký [15](#)

IRA [80](#)

Vợ/chồng được bao trả theo chương trình của chủ lao động [80, 81](#)

IRA Roth [89](#)

Người vợ/chồng đã qua đời [7](#)

(Cũng xem Người vợ/chồng còn lại)

Người vợ/chồng quá cố [22, 23](#)

(Cũng xem Người vợ/chồng còn lại)

Phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt, tính thuế [64](#)

Sống xa nhau [23](#)

Tình trạng khai thuế [7, 22](#)

Thuế ước tính [42, 43](#)

Vợ/chồng bị mù:

Khấu trừ tiêu chuẩn [93](#)

Vợ/chồng là người nước ngoài có tình trạng kép [24](#)

Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú [14, 24](#)

Vợ/chồng từ 65 tuổi trở lên:

Khấu trừ tiêu chuẩn [93](#)

Người đóng thuế đã ly hôn 75

(Cũng xem Cấp dưỡng)

Các khoản thanh toán thuế ước tính [46](#)

Giám hộ trẻ em [30](#)

IRA [80, 85](#)

Tình trạng khai thuế [22, 23](#)

Người đóng thuế đã ly thân 23

IRA [80](#)

Tình trạng khai thuế [24, 25](#)

Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú [25](#)

Người đóng thuế đã qua đời (Xem Người quá cố)

Người đóng thuế độc thân 23

Tình trạng khai thuế [7, 22, 23](#)

Yêu cầu nộp dựa trên tổng thu nhập (Bảng 1-1) [7](#)

Người đóng thuế quá cố (Xem Người quá cố)

Người đóng thuế theo lịch:

Chu kỳ kế toán [11, 13, 49](#)

Ngày đến hạn nộp [11](#)

Người đóng thuế theo phương pháp kế toán tích lũy:

Các khoản thuế đã nộp trong năm tính thuế, khấu trừ [96](#)

Người đóng thuế theo phương pháp tích lũy 13

Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt 13

Các khoản thuế đã nộp trong năm tính thuế, khấu trừ của [96](#)

Giao dịch bất động sản, phân phối thuế [98](#)

Người được chỉ định 57, 62

Người được ủy thác 7, 79, 80

(Cũng xem Người thi hành và người quản lý)

Giao dịch bị cấm [87](#)

IRA [102](#)

Chuyển từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác [83, 90](#)

Phí [79, 80](#)

Phí dịch vụ [76](#)

Phí hành chính [102](#)

Người giúp việc nhà, không thể khai là người phụ thuộc 27

Người hưởng dụng:

Chung [56](#)

Toàn bộ [56](#)

Người không có khả năng tài chính 20

Người không đủ năng lực về tinh thần 54

(Cũng xem Khuyết tật, người bị)

Ký tờ khai thuế bởi đại diện do tòa án chỉ định [15](#)

Người làm tại gia (Xem Giúp việc nhà)

Người lao động:

Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm [77](#)

Việc làm ở nước ngoài (Xem Việc làm nước ngoài)

Người lao động nông nghiệp (Xem Công nhân nông trại)

Người lao động trong ngành nông nghiệp (Xem Nông gia)

Người mù:

Khấu trừ tiêu chuẩn cho [92, 93](#)

Miễn khấu lưu [40](#)

Người Mỹ bản xứ (Xem Thổ dân)

Người ngoại quốc (Xem Người nước ngoài thường trú)

Người nộp thuế đã ly hôn:

Thuế bất động sản, phân phối [99](#)

Người nước ngoài (Xem Người nước ngoài thường trú)

Bắt buộc khai thuế [8](#)

Người nước ngoài (Tiếp tục)

Cư dân (Xem Người nước ngoài thường trú)
Người tạm trú (Xem Người nước ngoài tạm trú)
Tạm trú (Xem Người nước ngoài tạm trú)
Tình trạng kép (Xem Người đóng thuế có tình trạng kép)
Thường trú nhân (Xem Người nước ngoài thường trú)

Người nước ngoài tạm trú 8
Khẩu trừ tiêu chuẩn 92
Mã số thuế 37
Mã số thuế cá nhân (ITIN) 14
Ngày đến hạn 11
Từ bỏ tình trạng người nước ngoài 53
Thuế ước tính 42
Vợ/chồng 14
Đã ly thân 25
Tờ khai thuế chung không khai dụng 24

Người nước ngoài thường trú:
Phân phối IRA, khẩu lưu từ 86
Số an sinh xã hội (SSN) 14
Thuế ước tính 42
Vợ/chồng được coi là 25

Người phụ thuộc 8, 27
(Cũng xem Tin thuế trẻ em)
Đã kết hôn, nộp tờ khai thuế chung 28, 31
Được sinh ra 35
Khẩu trừ tiêu chuẩn cho 93
Qua đời 35
Sinh và mất trong năm 37
Sinh và qua đời trong năm 14
Số an sinh xã hội 14
Mã số thuế cho việc nhận con nuôi 14, 37
Người phụ thuộc là người nước ngoài 37
Thân nhân đủ điều kiện 34
Trẻ đủ điều kiện 29
Yêu cầu nộp 8
Mức thu nhập kiếm được, thu nhập không do lao động và tổng thu nhập (Bảng 1-2) 7

Người phụ thuộc đã kết hôn, nộp tờ khai thuế chung 28, 31
Người phụ thuộc được sinh ra 35
Người phụ thuộc không được phép khai người phụ thuộc 27
Người phụ thuộc qua đời 35

Người quá cố 7
(Cũng xem Người thi hành và người quản lý)
Khẩu trừ tiêu chuẩn 92
Ngày đến hạn 11
Người vợ/chồng đã qua đời 7
Trái phiếu tiết kiệm 59
Vợ/chồng qua đời 22, 23
Yêu cầu nộp 7

Người Quản lý, di sản (Xem Người thi hành và người quản lý)
Người tàn tật (Xem Khuyết tật, người bị)
Người tổ chức 70
Người tự kinh doanh 100
(Cũng xem Thuế tự kinh doanh)
Công dân Hoa Kỳ được tuyển dụng bởi Chính phủ nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế 8
Định nghĩa 8
IRA 79
Mục sư 8
Quản trị công ty là 76
Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên 76
Tổng thu nhập 7

Người thi hành và người quản lý 7
Người thụ hưởng 75, 76
(Cũng xem Người thụ hưởng di sản)
(Cũng xem Người thụ hưởng quỹ tín thác)

Người thụ hưởng di sản:
IRA (Xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
Khoản lỗ từ di sản 76
Nhận thu nhập từ di sản 75

Người thụ hưởng quỹ tín thác:
Khoản lỗ từ quỹ tín thác 76

Nhận thu nhập từ quỹ tín thác 75, 76

Người về hưu:
Lực Lượng Vũ Trang:
Thu nhập chịu thuế 53

Người vợ/chồng còn lại (Xem Người vợ/chồng còn lại)
Tình trạng khai thuế 22
Vợ trẻ phụ thuộc 27
Tình trạng khai thuế độc thân 23
Thuế (Xem Thuế di sản)
Yêu cầu nộp dựa trên tổng thu nhập (Bảng 1-1) 7

Nhà dưỡng lão:
Bảo hiểm chăm sóc tại (Xem Hợp đồng bảo hiểm chăm sóc dài hạn)

Nhà ở 25
Chi phí duy trì 25
Bảng Tính 25
Giáo sĩ 52
Hệ thống an ninh 103
Người cao tuổi, nhà cho 36
Tập thể (Xem Hợp tác xã nhà ở)

Nhằm lẫn (Xem Sai sót)
Nhận con nuôi:
ATIN 14
Hỗ trợ của chủ lao động 50
Mã số thuế 14, 37
Tin thuế:
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 24
Tin thuế trẻ em 110

Nhân viên 40, 49, 50
(Cũng xem Quyền lợi phụ)
Cần phải điền Mẫu W-4 khi bắt đầu công việc mới 39
Chi phí kinh doanh (Xem Chi phí kinh doanh cho nhân viên)
Phần thưởng do phục vụ 48
Quyền lợi phụ 40

Nhân viên chính phủ:
Liên bang (Xem Nhân viên liên bang)

Nhân viên dịch vụ y tế khẩn cấp:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 71

Nhân viên liên bang:
Các khoản thanh toán FECA 55
Hưu bổng thương tật 54
Dựa trên số năm tại ngũ 55
Loại trừ, điều kiện để 54
Tấn công khủng bố 55
Phụ cấp sinh hoạt phí 49
Tiền lương nghỉ phép tích lũy 49

Nhân viên phụ vụ xe cứu thương:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 71

Nhân viên thi hành pháp luật:
Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ 71

Niên kim:
Đầu tư chưa hoàn vốn 105
Đầu tư chưa hoàn vốn của người quá cố trong 15
IRA là 79
Khẩu lưu 41
Khẩu lưu thuế 15

Nội thất gia đình:
Đồ cổ (Xem Đồ sưu tầm)

Nông gia:
Khẩu lưu 38
Thuế ước tính 42

Nông nghiệp (Xem Nông nghiệp)
Nợ được hủy, xử lý 70

Nộp bằng điện tử (Xem E-file)
Nộp muộn 2
Nộp thuế 10
Thỏa thuận trả góp (Xem Thỏa thuận trả góp)

Nộp trẻ:
Hình phạt 11, 20

Nợ 20, 71
(Cũng xem Nợ khó đời)
(Cũng xem nợ xấu)
Công, quà tặng để giảm 17
Do người khác trả 13
Đã hủy (Xem Hủy nợ)

Hoàn thuế bù trừ 10
Hoàn thuế bù trừ cho 16
Không truy đòi 69
Truy đòi 69

Nợ công:
Quà tặng để giảm 17

Nợ khó đời:
Phục hồi 71

Nợ thuế 107
Nợ xấu:
Yêu cầu hoàn thuế 20

Nơi cư trú chính (Xem Nhà ở)
Nơi nộp 17

O

OASDI 74

Ơ

Ở nước ngoài, công dân di du lịch hoặc công tác 53
(Cũng xem Việc làm nước ngoài)

P

Phá sản:
Nợ được hủy không được coi là thu nhập 70

Phán quyết của tòa án và tổn thất (Xem Tổn thất từ kiện tụng)
Phân phối:
Khôn phân phối tối thiểu bắt buộc 84, 86
(Cũng xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
Từ thiện đủ điều kiện 86

Phân phối từ thiện, đủ điều kiện 86
Phân phối trước kỳ hạn (Xem Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)
Phần thưởng (Xem Giải thưởng và phần thưởng)

Phí 76
(Cũng xem Loại khẩu trừ và thu nhập cụ thể)
Giấy phép chuyên môn 104

Phí bảo hiểm:
Nhân thọ 37, 103
Tiền ứng trước 58
Y tế 37

Phí bảo hiểm nhân thọ 37
Phí bảo hiểm sức khỏe 37
Phí dịch vụ 102
Phí đồ xe:
Quyền lợi phụ do chủ lao động cung cấp:
Loại trừ khỏi thu nhập 51

Phí giám hộ 102
Phí giấy phép chuyên môn 104
Phí hội viên:
Câu lạc bộ 103
Phí luật sư 102, 104
Phí luật sư dự phòng:
Dưới dạng thu thập 75

Phí luật sư, tiền thưởng cho người tố giác:
Dưới dạng thu thập 75

Phí tiện lợi 102
Phí thẩm định 102
Phí viết chỉ phiếu 103

Phiếu nợ:
Đã chiết khấu 49
Nhận được cho phục vụ 49

Phiếu thanh toán thuế 44
Phiếu thực phẩm 36
Phụ cấp của Đoàn Hòa Bình 53
Phụ cấp sinh hoạt phí 49
Phục hồi các khoản đã khấu trừ trước đó 71
Hoàn thuế 71
Hoàn thuế từ lãi vay thế chấp 71
Khẩu trừ từng khoản 71
Trong nhiều năm 71

Phúc lợi an sinh xã hội 36, 63, 68
Các kế hoạch hưu trí của chủ lao động khác với 81

Các khoản khấu trừ liên quan đến 68
Chọn nhận tiền một lần 66
Chủ lao động nước ngoài 53
Do chủ lao động trả 49
Hoàn trả 102
Hoàn trả các phúc lợi 72
Hoàn trả phúc lợi 65
IRA cho người nhận phúc lợi 81
Khai báo về 65
Khẩu lưu 41
Khẩu lưu cho 65
Không thể khấu trừ 100
Mẫu SSA-1042S cho người nước ngoài tạm trú 64
Mẫu SSA-1099 64
Tờ khai thuế chung 68
Thuế tính cho 64, 65
Thuế ước tính 65
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 24, 65

Phúc lợi hưu trí đường sắt 63-68
Các kế hoạch hưu trí của chủ lao động khác với 81
Các khoản khấu trừ liên quan đến 68
Chọn nhận tiền một lần 66
Hoàn trả phúc lợi 65
Khai báo về 65
Khẩu lưu 41
Không được khấu trừ thuế 100
Khẩu lưu cho 65
Mẫu RRB-1042S cho người nước ngoài tạm trú 64
Mẫu RRB-1099 64
Tờ khai thuế chung 68
Tương đương bậc 1 (phúc lợi an sinh xã hội tương đương (SSEB)) 64
Thuế tính cho 64, 65
Thuế ước tính 65
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế 24, 65

Phúc lợi trợ cấp xã hội 36
Phúc lợi xã hội 74
Phương pháp kế toán 13
Phương pháp tích lũy (Xem Người đóng thuế theo phương pháp tích lũy)
Phương pháp tiền mặt (Xem Người đóng thuế theo phương pháp tiền mặt)

Phương thức nộp thay thế:
Điện tử (Xem E-file)

Puerto Rico:
Cư dân 7

Q

Qua đời (Xem Người quá cố)
Quà tặng:
Để giảm nợ công 17
Không đánh thuế 76
Quà tặng ngày lễ 50

Quà tặng ngày lễ 50
Quần đảo Bắc Mariana:
Thu nhập từ 7

Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ:
Thu nhập từ 7

Quân đội (Xem Lực lượng vũ trang)
Quốc dân của Hoa Kỳ 29
Quốc dân Hoa Kỳ 29

Quy bảo chứng:
Các khoản thuế đã đặt, khi được khấu trừ 98

Quy cơ hội đủ điều kiện 77
Quy đánh cấp:
Khai báo về 78

Quy định mới 1
Quy hưu trí cá nhân (IRA) 78, 83, 88
(Cũng xem Chuyển tiếp)
(Cũng xem IRA Roth)
Các loại 79
Các mẫu để sử dụng:
Mẫu 1099-R nhằm khai báo các khoản phân phối 86
Mẫu 8606 dành cho các khoản đóng góp không được khấu trừ 79

Quy hưu trí cá nhân (IRA) (Tiếp tục)

Cặp đôi đã kết hôn (Xem tiêu đề này: Giới hạn của IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison)

Cho phép chuyển đổi [83](#)

Đến IRA Roth [83, 85](#)

Chuyển từ người được ủy thác này sang người được ủy thác khác [83](#)

IRA sang IRA Roth [90](#)

Định nghĩa của [79](#)

Đóng góp [24](#)

Chỉ định năm đóng góp [80](#)

Đóng góp IRA Roth trong cùng năm [89](#)

Khai thuế trước khi đóng góp [80](#)

Không bắt buộc hàng năm [80](#)

Không được khấu trừ [82](#)

Rút tiền trước ngày đến hạn nộp tờ khai thuế [85](#)

Thặng dư [87](#)

Thời gian [80](#)

Đóng góp không thể khấu trừ:

Rút tiền sớm [88](#)

Thuế trên thu nhập kiếm được trên [83](#)

Đóng Góp Không Thể Khấu Trừ [82](#)

Giao dịch bị cấm [87](#)

Giới hạn của IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison [80](#)

Giới hạn đóng góp [79, 80](#)

Dưới 50 tuổi, [80](#)

Từ 50 tuổi trở lên, [80](#)

Hình phạt [86](#)

Giao dịch bị cấm [87](#)

Khai báo thừa đóng góp không được khấu trừ [83](#)

Không khai Mẫu 8606 cho đóng góp không được khấu trừ [83](#)

Mẫu 8606 không dùng cho các khoản đóng góp không được khấu trừ [79](#)

Phân phối bắt buộc, không thực hiện được [86, 88](#)

Phân phối sớm (Xem Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)

Tiền đóng góp thặng dư [87](#)

IRA của Người Phối Ngẫu Kay Bailey Hutchison [80, 81](#)

Khai báo về:

Phân phối [86](#)

Tái xác định khoản đóng góp [85](#)

Khấu lưu [41, 86](#)

Khấu lưu thuế [15](#)

Khấu trừ cho [80](#)

Giảm dần [81](#)

Người tham gia không được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) [82](#)

Người Tham Gia được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) [81](#)

Người đóng thuế đã ly hôn [85](#)

Người tự kinh doanh [79](#)

Người tham gia kế hoạch hưu trí của chủ lao động [80, 81](#)

Phân phối:

Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (Xem tiêu đề này: Phân phối bắt buộc)

Ở tuổi 59 1/2 [88](#)

Phân phối bắt buộc [84, 86](#)

Tích lũy quá mức [88](#)

Phân phối sớm (Xem Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)

Phi hành chính [79, 80, 102](#)

Phi hành chính cho người được ủy thác [102](#)

Rút tiền [85, 87](#)

Bắt buộc (Xem tiêu đề này: Phân phối bắt buộc)

Sớm (Xem Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế)

Tái xác định đóng góp [85](#)

Tiền đóng góp thặng dư [87](#)

Tiền lãi trên, tính thuế [78](#)

Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí [24](#)

Tính chất thuế [88](#)

Phân phối [86](#)

Tính Toán AGI đã sửa đổi (Bảng Tính 9-1) [82](#)

Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI):

Ảnh hưởng đến khấu trừ nếu được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) [81](#)

Ảnh hưởng đến khấu trừ nếu không được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) [82](#)

Bảng Tính 9-1 [82](#)

Tính toán [82](#)

Tuổi 59 1/2 cho phân phối [88](#)

Ngoại lệ của quy định [88](#)

Tuổi 72:

Phân phối bắt buộc ở [86, 88](#)

Thiết lập tài khoản [79](#)

Nơi mở tài khoản [79](#)

Thời gian của [79](#)

Thời điểm đánh thuế [79](#)

Thủ lao, định nghĩa [79](#)

Thu nhập thông thường, phân phối như [86](#)

Thư kế IRA:

Phân phối bắt buộc [86](#)

Thừa kế IRA [76, 83](#)

Trương mục Hưu trí Cá nhân (IRA) thừa kế [84](#)

Vốn giá gốc [83, 86](#)

Quy Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp California [97](#)

Quy Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp New Jersey [97](#)

Quy Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Không Nghề Nghiệp York [97](#)

Quy Quyền Lợi Cho Người Bị Khuyết Tật Tạm Thời Đảo Rhode [97](#)

Quy tắc 59 1/2:

Quy tắc tuổi 59 1/2 [88](#)

Quy tắc 60 ngày [84](#)

Quy tắc 72:

Quy tắc tuổi 72 [86](#)

Quy tắc phá hòa [31](#)

Quy tín thác [75, 76](#) (Cũng xem Người thụ hưởng quỹ tín thác)

Quy tín thác của người ký thác [76](#)

Thu nhập [75](#)

Quy tương hỗ:

Chưa được niêm yết công khai [102](#)

Quy trí cá nhân (IRA):

Phân phối:

Khoản phân phối tối thiểu bắt buộc (Xem tiêu đề này: Phân phối bắt buộc)

Quy Trợ Cấp Công Nhân Bồ Sung Tiểu bang Washington [97](#)

Quy Trợ Cấp Thất Nghiệp Alaska [97](#)

Quy Trợ Cấp Thất Nghiệp New Jersey [97](#)

Quy Trợ Cấp Thất Nghiệp Pennsylvania [97](#)

Quy Vận Động Tranh Cừ Tổng Thống [14](#)

Quyền chọn [52](#)

Quyền chọn cổ phiếu [52](#)

Quyền góp (Xem Đóng góp từ thiện)

Quyền lợi bồi thường tử vong:

Nhân viên an ninh công cộng chết hoặc bị giết khi thi hành công vụ, miễn thuế [71](#)

Tiền bảo hiểm nhân thọ (Xem Bảo hiểm nhân thọ)

Trả trước [70](#)

Quyền lợi bồi thường tử vong trả trước [70](#)

Quyền lợi cho cựu chiến binh [53](#)

Quyền lợi của nhân viên [49, 50](#) (Cũng xem Quyền lợi phụ)

Quyền lợi cực tiểu [50](#)

Quyền lợi đình công [78](#)

Quyền lợi GI Bill [37](#)

Quyền lợi hỗ trợ công cộng [74](#)

Quyền lợi hưu trí đường sắt [77](#)

Bậc tương đương 1 (quyền lợi tương đương an sinh xã hội (Social Security Equivalent Benefit, SSEB)) [77](#)

Quyền lợi khóa xường [78](#)

Quyền lợi phụ:

Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe [49](#)

Chu kỳ kế toán [49](#)

Dịch vụ lập kế hoạch hưu trí [51](#)

Đóng góp cho Archer MSA [50](#)

Hỗ trợ giáo dục [50](#)

Khấu lưu [40](#)

Mẫu W-2 [49](#)

Nhận con nuôi, hỗ trợ của chủ lao động [50](#)

Phi bảo hiểm nhân thọ theo nhóm có kỳ hạn [50](#)

Qua tặng ngày lễ [50](#)

Quyền lợi cực tiểu [50](#)

Thu nhập chịu thuế [49](#)

Vận chuyển [51](#)

Quyền tăng giá cổ phiếu [49](#)

R

Rút tiền sớm từ tài khoản tiền lãi hoãn thuế:

Chi phí giáo dục đại học, ngoại lệ không bị phạt tiền [78](#)

IRA:

Hình phạt [85, 87](#)

Phân phối sớm, định nghĩa [87](#)

Rút thường [76](#)

S

Sai áp và lệnh tịch biên [13](#)

Sai sót:

Bảo cáo tiền lương và thuế đã sửa đổi [45](#)

Hoàn thuế [19](#)

Phát hiện sau khi nộp, cần điều chỉnh tờ khai [19](#)

Samoa thuộc Hoa Kỳ:

Thu nhập từ [7](#)

Séc:

Nhận suy định [13](#)

SEP (Xem Đơn giản hóa hưu trí cho nhân viên (SEP))

Sinh viên:

Chương trình tiền học, đủ điều kiện (Xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)

Học bổng (Xem Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh)

Khoản vay (Xem Khoản vay sinh viên)

Số an sinh xã hội (SSN) [13](#)

Của trẻ em [2](#)

Hình phạt cho hành vi không cung cấp [14](#)

Mẫu SS-5 để yêu cầu [14](#)

Người nước ngoài thường trú [14](#)

Người phụ thuộc [2, 14](#)

Trường hợp ngoại lệ [14](#)

Số an sinh xã hội (SSN):

Mã số cần lấy khi sinh [37](#)

Thư từ với IRS, bao gồm SSN [14](#)

Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú [14](#)

Sở thích [102](#)

Hoạt động không vì lợi nhuận. [74](#)

Lỗ [77](#)

Sở Thuế Vụ (IRS):

Hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên, khai báo ẩn danh [3](#)

Spa Chăm Sóc Sức Khỏe [103](#)

SSN (Xem Số an sinh xã hội (SSN))

Sự cố bệnh than (Xem Tấn công khủng bố)

Sửa đổi (Xem Sai sót)

Sức khỏe:

Bảo hiểm y tế [49](#) (Cũng xem Bảo hiểm tai nạn)

Tài khoản chi tiêu linh hoạt [50](#)

Tài khoản hoàn lại [50](#)

Tài khoản tiết kiệm [50](#)

T

Tài khoản chung [56](#)

Tài khoản tiết kiệm y tế (MSA) [50, 77](#) (Cũng xem Archer MSA)

Tài khoản Tiết kiệm Y tế Medicare Advantage [77](#)

Tài sản:

Đánh cấp [78](#)

Được tìm thấy [76](#)

Tài sản cá nhân:

Thu nhập cho thuê từ [72](#)

Tài sản căn bản:

Than và quặng sắt [73](#)

Tài sản chung [59](#)

IRA [79](#)

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Tài sản cộng đồng [7](#)

Tài sản đánh cấp [78](#)

Tài sản được tìm thấy [76](#)

Tái xác định:

Đóng góp IRA [85](#)

Tấn công khủng bố:

Hưu bổng thường tạt cho nhân viên liên bang [55](#)

Tem (Xem Đồ sưu tầm)

Tiền bản quyền [73](#)

Tiền bản quyền khí đốt [73](#)

Tiền bản quyền khoáng sản [73](#)

Tiền bảo hiểm:

Cổ tức, tiền lãi từ [58](#)

Nhân thọ [61](#)

Thanh toán ứ đọng [61](#)

Tiền bồi thường cho người lao động [55](#)

Đóng góp bắt buộc vào quỹ tiểu bang, khấu trừ [97](#)

Quay trở lại làm việc [55](#)

Tiền công và tiền lương [13, 48-56](#) (Cũng xem Mẫu W-2)

Bảo hiểm chăm sóc dài hạn [49](#)

Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe [49](#)

Bổ sung [40](#)

Bồi thường hoàn trả [48](#)

Bồi thường thời việc [49](#)

Các khoản phụ cấp và hoàn lại [48](#)

Các khoản phụ cấp và hoàn trả [40](#)

Chủ lao động nước ngoài [53](#)

Công nhân nông trại [38](#)

Công việc tình nguyện [53](#)

Dịch vụ hỗ trợ tìm việc [49](#)

Dòng tu [53](#)

Đóng góp cho Archer MSA [50](#)

Đóng góp chương trình hưu trí của chủ lao động [52](#)

Giáo sĩ [52](#)

Hoàn thuế tự chọn [52](#)

Khấu lưu (Xem Khấu lưu)

Khấu trừ [13](#)

Mẫu W-2 (Xem Mẫu W-2)

Nghĩa vụ quân sự [53](#)

Người cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em [48](#)

Người làm tại gia [38](#)

Nhận con nuôi, hỗ trợ của chủ lao động [50](#)

Phần thưởng thành tích cho nhân viên [48](#)

Phần thưởng và giải thưởng [48](#)

Phiếu nợ cho phục vụ [49](#)

Phụ cấp sinh hoạt phí của chính phủ [49](#)

Quản nhân về hưu [38, 53](#)

Quyền chọn cổ phiếu [52](#)

Quyền lợi cực tiểu [50](#)

Quyền lợi phụ [49](#)

Quyền tăng giá cổ phiếu [49](#)

Tài sản bị hạn chế [52](#)

Cổ tức trên cổ phiếu bị hạn chế [52](#)

Tiền hoa hồng ứng trước [48](#)

Tiền kiếm được của trẻ em [8](#)

Tiền lương nghỉ bệnh [49](#)

Tiền lương nghỉ phép tích lũy [49](#)

Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh [55](#)

Tiền thưởng [48](#)

Tiền công và tiền lương (Tiếp tục)

- Thù lao của nhân viên [48](#)
- Thù lao hỗn hợp [48](#)
- Thước an sinh xã hội và Medicare do chủ lao động trả [49](#)
- Trồng trẻ [48](#)
- Tiền gửi đóng băng:**
 - Gia hạn thời gian chuyển tiếp của IRA [84](#)
 - Tiền lãi [77](#)
- Tiền học:**
 - Chương trình đủ điều kiện (Xem Chương trình tiền học đủ điều kiện)
- Tiền hối lộ** [75](#)
- Tiền ích:**
 - Tiền hoàn lại [78](#)
 - Trợ cấp bảo tồn năng lượng [78](#)
- Tiền ký gửi:**
 - Mất mát trên [102](#)
- Tiền lãi:**
 - Năng lãi [58](#)
 - Phí để thu [102](#)
 - Tiền gửi đóng băng [58](#)
- Tiền lại quả** [77](#)
- Tiền lãi từ cho vay nặng lãi** [58](#)
- Tiền làm thêm giờ** [40](#)
- Tiền lương** (Xem Tiền công và tiền lương)
- Tiền lương chênh lệch:**
 - Tiền lương của quân nhân trừ bị: Quân đội trừ bị [53](#)
- Tiền lương nghỉ bệnh:**
 - Đạo Luật Bảo Hiểm Thất Nghiệp Đường Sắt [55](#)
 - Thu nhập [49](#)
- Tiền Lương Trả Khi Nghỉ Bệnh:**
 - Các khoản thanh toán FECA [55](#)
- Tiền mặt:**
 - Tiền hoàn lại [75](#)
- Tiền nghỉ bệnh:**
 - Khẩu lưu [40](#)
 - Thỏa ước lao động tập thể [40](#)
- Tiền phạt:**
 - Khả năng khấu trừ [103](#)
- Tiền Phạt** [11, 20, 21](#) (Cũng xem Hình phạt)
- Tiền từ thuế do tai nạn** [50](#)
- Tiền thắng và thua bạc** [76](#)
- Tiền thắng và thua cược** [105](#)
 - Khẩu lưu [41, 45](#)
- Tiền thu được từ hợp đồng bảo hiểm hỗn hợp** [70](#)
- Tiền thù lao** [48](#) (Cũng xem Tiền công và tiền lương)
 - Không phải nhân viên [76](#)
 - Nhân viên [48](#)
 - Thù lao hỗn hợp [48](#)
 - Xác định cho mục đích IRA Roth [89](#)
- Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên** [76](#)
- Tiền thuế văn phòng, khấu trừ** [102](#)
- Tiền thưởng** [40, 48, 77](#)
- Tiết kiệm:**
 - Chứng thư [57, 62](#)
 - Trái phiếu [58, 63](#)
 - Trái phiếu sử dụng cho giáo dục [60](#)
- Tiểu bang:**
 - Công trái, lãi suất trên [61](#)
- Tim kiếm việc làm:**
 - Khấu trừ chi phí cho Phòng Vấn [77](#)
- Tín thuế** [106, 108](#)
 - Cơ hội Mỹ [24](#)
 - Giáo dục trọn đời (Xem Tín thuế giáo dục trọn đời)
 - Tín thuế cho người phụ thuộc khác [108](#)
 - Thu nhập kiếm được (Xem Tín thuế thu nhập kiếm được)
 - Thuế trẻ em (Xem Tín thuế trẻ em)
- Tín thuế bao trả cho sức khỏe** [8](#)
- Tín thuế cho chi phí chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc** [108](#)
- Tín thuế cho người phụ thuộc khác** [108, 110](#)
 - Hạn mức tín thuế [110](#)
 - Người đủ điều kiện [110](#)
 - Yêu cầu tín thuế [110](#)

- Tín thuế dành cho người cao niên hay người bị khuyết tật** [108](#)
- Tín thuế dành cho việc chăm sóc trẻ em và người phụ thuộc:**
 - Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
- Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí:**
 - Giới hạn tổng thu nhập được điều chỉnh [24](#)
- Tín thuế giáo dục:**
 - Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
- Tín thuế giáo dục trọn đời:**
 - Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
- Tín thuế hy vọng:**
 - Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
- Tín thuế kinh doanh:**
 - Yêu cầu hoàn thuế [20](#)
- Tín thuế thu nhập kiếm được** [108](#)
 - Nộp đơn yêu cầu [8](#)
 - Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
- Tín thuế trẻ em** [8, 27, 108-110](#)
 - Hạn mức [24](#)
 - Hạn mức tín thuế [110](#)
 - Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
 - Yêu cầu tín thuế [110](#)
- Tình nguyện viên VISTA** [54](#)
- Tính thuế** [14](#)
 - Làm tròn [14](#)
 - Số tiền âm [14](#)
 - Số tiền bằng nhau [14](#)
- Tính thuế và tín thuế** [64, 106](#) (Cũng xem Bảng Tính)
- Tình trạng cư trú:**
 - Nhà bên ngoài Hoa Kỳ. (Xem Công dân bên ngoài Hoa Kỳ.)
- Tình trạng khai thuế** [7, 22-27](#)
 - Chủ gia đình [22, 25](#)
 - Người đủ điều kiện để nộp với tư cách [25](#)
 - Hôn nhân bị hủy bỏ [22](#)
 - Người chưa kết hôn [7, 22](#) (Cũng xem Người đóng thuế độc thân)
 - Người đóng thuế đã ly hôn [22](#)
 - Người vợ/chồng còn lại [22](#)
 - Tờ khai thuế chung [23](#)
 - Thay đổi, sau thời điểm khai thuế [19](#)
 - Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)
- Tổ chức quốc tế, nhân viên của** [53](#)
- Tổ chức tài chính** [79](#) (Cũng xem Ngân hàng)
- Tổ chức tôn giáo** [8, 52](#) (Cũng xem Giáo sĩ)
- Tôn thất từ kiện tụng** [75](#)
- Tổng số tiền hỗ trợ** [36](#)
- Tổng thu nhập:**
 - Định nghĩa [7](#)
 - Yêu cầu nộp (Bảng 1-1) [7](#)
 - Tuổi, ngưỡng khai thuế cao hơn sau 65 tuổi [7](#)
 - Yêu cầu nộp đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)
- Tổng thu nhập được điều chỉnh (AGI):**
 - Đã sửa đổi (Xem Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI))
 - Tín thuế đóng góp cho tiết kiệm hưu trí [24](#)
- Tổng thu nhập được điều chỉnh đã sửa đổi (MAGI):**
 - IRA Roth, việc tính thuế cho [89](#)
 - Bảng Tính 9-2 [88](#)
 - Giám dân (Bảng 9-3) [88](#)
 - IRA, việc tính thuế cho:
 - Ảnh hưởng đến khấu trừ nếu được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-1) [81, 82](#)
 - Ảnh hưởng đến khấu trừ nếu không được bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động (Bảng 9-2) [82](#)
 - Bảng Tính 9-1 [82](#)
- Tổng Thanh Tra của Bộ Tài Chính:**
 - Số điện thoại khai báo ẩn danh hành vi gian lận hoặc sai trái của nhân viên IRS [3](#)
- Tờ khai:**
 - Được điều chỉnh [94](#)
 - Trẻ em [15](#)

- Tờ khai cuối cùng của người quá cố:**
 - Khấu trừ tiêu chuẩn [92](#)
- Tờ khai được điều chỉnh** [19](#) (Cũng xem Mẫu 1040-X)
- Tờ khai giấy và điện tử** (Xem E-file)
- Tờ khai thông tin** [13, 14, 48, 49, 52](#) (Cũng xem Mẫu 1099) (Cũng xem Mẫu W-2)
 - Hợp danh phải cung cấp [71](#)
- Tờ khai thuế** [11, 15, 23](#) (Cũng xem Chữ ký) (Cũng xem Ngày đến hạn) (Cũng xem Tờ Khai Thuế Chung)
 - Ai phải nộp [8](#)
 - Bản sao của [18](#)
 - Các bước để chuẩn bị (Bảng 1-6) [13](#)
 - Các mẫu để sử dụng [9](#)
 - Cách nộp [12](#)
 - Dịch vụ chuyển phát tư nhân [11](#)
 - Điều chỉnh [19](#)
 - Đính kèm tờ khai thuế [14](#)
 - Đối tượng phải khai thuế [7](#)
 - Được điều chỉnh [19](#) (Cũng xem Mẫu 1040-X)
 - Ghi ngày [15](#)
 - Gửi qua đường bưu điện [17](#)
 - Hỗ trợ chuẩn bị tờ khai thuế miễn phí [11](#)
 - Người được chỉ định làm bên thứ ba [15](#)
 - Người khai thuế được trả tiền [15](#)
 - Người nước ngoài [8](#)
 - Nộp của [6](#) (Cũng xem Yêu cầu nộp)
 - Thanh toán với [16](#)
- Tờ khai thuế chung:**
 - Chu kỳ kế toán [23](#)
 - Gia hạn cho công dân ở bên ngoài Hoa Kỳ [12](#)
 - Hình phạt gian lận [21](#)
 - Ký tên [15, 23](#)
 - Người đóng thuế đã ly hôn [23](#)
 - Người giám hộ của vợ/chồng, ký tên với tư cách [23](#)
 - Người phụ thuộc trên [35](#)
 - Người vợ/chồng quá cố [23](#)
 - Phúc lợi an sinh xã hội và hưu trí đường sắt [68](#)
 - Sau tờ khai thuế riêng [24](#)
 - Tình trạng khai thuế [23](#)
 - Tờ khai thuế riêng sau tờ khai chung [25](#)
 - Thuế ước tính [42](#)
 - Trách nhiệm đối với [23](#)
 - Vợ/chồng bị tổn hại [16](#)
 - Vợ/chồng là người nước ngoài tạm trú hoặc có tình trạng kép [24](#)
 - Vợ/chồng vô can [23](#)
- Tờ khai thuế được điều chỉnh:**
 - Khấu trừ tiêu chuẩn, thay đổi thành khấu trừ từng khoản [94](#)
 - Khấu trừ từng khoản, thay đổi thành khấu trừ tiêu chuẩn [94](#)
- Tờ khai thuế riêng** (Xem Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)
- Tờ khai thuế, thuế** (Xem Tờ khai thuế)
- Tờ Khai Thuế:**
 - Bản ghi của [18](#)
- Tờ khai, thuế** (Xem Tờ khai thuế)
- Tuổi:**
 - IRA:
 - Phân phối bắt buộc ở tuổi 72 [86, 88](#)
 - Phân phối trước tuổi 59 1/2 [88](#)
 - IRA Roth [89, 91](#)
 - Khấu trừ tiêu chuẩn cho tuổi 65 trở lên [92](#)
 - Khấu trừ đầu tư của trẻ em (Xem Trẻ em, tiêu đề phụ: Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi)
 - Tổng thu nhập và yêu cầu khai thuế (Bảng 1-1) [7](#)
- Tùy chọn thanh toán điện tử** [2](#)
- Tuyên bố tiết lộ** [21](#)
- Tuyên bố về quyền của người nộp thuế:**
 - IRS yêu cầu cung cấp thông tin [3](#)

- Tuyên úy:**
 - Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [71](#)
 - Tự động gia hạn thời gian nộp** [11, 12](#) Mẫu 4868 [12](#)
 - Tư Vấn Thuế cho Người Cao Niên** [11](#)
-
- ## TH
- Than và quặng sắt** [73](#)
 - Thanh toán** [107, 108](#)
 - Cứu trợ thiên tai [74](#)
 - Thanh toán cho chương trình phục hồi** [53](#)
 - Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm** [77](#)
 - Thanh toán tiền công chênh lệch** [49](#)
 - Thanh toán tiền lãi** [71](#) (Cũng xem Vay thế chấp)
 - Khấu trừ khoản vay sinh viên [24](#)
 - Nợ được hủy bao gồm [69](#)
 - Thanh toán thuế** [2, 16, 17, 20, 44](#)
 - Bảng kê tin dụng hoặc thẻ ghi nợ [12](#)
 - Dịch vụ chuyển phát [11](#)
 - Tiền phạt do thanh toán trễ [21](#)
 - Thỏa thuận trả góp (Xem Thỏa thuận trả góp)
 - Thuế ước tính [17](#)
 - Thanh toán thuế ước tính** [44](#)
 - Bảng séc hoặc lệnh phiếu [44](#)
 - Khấu giảm cho khoản thanh toán vượt mức [44](#)
 - Thanh toán trễ:**
 - Hình phạt đối với việc thanh toán thuế [21](#)
 - Thanh toán vượt mức thuế** [15](#) (Cũng xem Hoàn thuế)
 - Thành viên đội cứu hộ:**
 - Tiền bảo hiểm nhân thọ khi tử nạn trong quá trình thi hành công vụ [71](#)
 - Thành viên hộ gia đình** [22](#) (Cũng xem Chủ gia đình)
 - Thành viên và công ty hợp danh** [102](#)
 - Thành viên và hợp danh:**
 - Thu nhập [71](#)
 - Thay đổi địa chỉ** [19](#)
 - Thay đổi tên** [14, 45](#)
 - Thảm phàn, liên bang:**
 - Bao trả theo kế hoạch hưu trí của chủ lao động [80](#)
 - Thân nhân đủ điều kiện** [34](#)
 - Thân nhân, đủ điều kiện** [34](#)
 - Thẻ tín dụng:**
 - Quyền lợi, tính thuế của bảo hiểm [75](#)
 - Thanh toán thuế [2](#)
 - Thẻ tín dụng hoặc thẻ ghi nợ:**
 - Thanh toán thuế [12](#)
 - Thiệt hại mang tính chất trừng phạt:**
 - Dưới dạng thu thập [75](#)
 - Thiệt hại về cảm xúc** [75](#)
 - Thỏa thuận trả góp** [17](#)
 - Thỏa thuận trợ cấp đa phương** [97](#)
 - Thổ dân:**
 - Quyền đánh cá [77](#)
 - Thuế do chính quyền bộ lạc thu, khấu trừ [96](#)
 - Thổ dân Mỹ** (Xem Thổ dân)
 - Thông tin mật:**
 - Đạo Luật về Quyền Riêng Tư và thông tin giám sát thư tục giấy tờ [3](#)
 - Thông tin TTY/TDD** [126](#)
 - Thời hạn** (Xem Ngày đến hạn)
 - Thu gom rác:**
 - Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
 - Thù lao:**
 - Định nghĩa cho các mục đích IRA [79](#)
 - Thù lao hoàn thuế:**
 - Chương trình không đủ điều kiện [49](#)
 - Hạn mức [52](#)
 - Thu nhập** [48, 68, 75](#) (Cũng xem Cấp dưỡng) (Cũng xem Tiền công và tiền lương)
 - Công ty S [71](#)
 - Hoạt động bất hợp pháp [78](#)
 - Hợp danh [71](#)

Thu nhập (Tiếp tục)

Khai báo thiếu [19](#)
Khoản nhận suy định của [62](#)
Miễn thuế [36](#)
Nhận suy định [13](#)
Nhận suy định của [13](#)
Nợ được hủy [69](#)
Phục hồi [71](#)
Tiền bản quyền [73](#)
Tiền bảo hiểm nhân thọ [70](#)
Tiền lãi [56](#)
Tiền thù lao không phải dành cho nhân viên [76](#)
Tổng [35](#)
Thanh toán nhiệm vụ bồi thẩm [77](#)
Trả cho bên thứ ba [13](#)
Trả cho người đại diện [13](#)
Trả trước [13](#)
Trao đổi [69](#)

Thu nhập được miễn thuế [36](#)
Thu nhập không kiếm được:
Trẻ em [56](#)

Thu nhập không kiếm được của trẻ em (Xem Trẻ em, tiêu đề phụ: Thu nhập không kiếm được của)

Thu nhập kiếm được:
Định nghĩa:
Cho mục đích khấu trừ tiêu chuẩn [93](#)
Yêu cầu nộp đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Thu nhập nhận suy định [13](#)
Thu nhập từ nước ngoài:
Khai báo của [2](#)
Loại trừ của thu nhập kiếm được [2](#)

Thu nhập từ tiền bo:
Khấu trừ [40](#)
Khấu trừ chưa đủ [40](#)
Tiền bo được phân bổ [40](#)

Thu nhập từ tiền lãi [56](#)
Hoàn thuế, từ [19](#)
Mẫu 1099-INT [13](#)
Phục hồi thu nhập, trên [71](#)
Tiền gửi đóng băng, từ [77](#)
Trái phiếu tiết kiệm [77](#) (Cũng xem Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ)

Thu nhập từ trao đổi [69](#)
Định nghĩa của trao đổi [69](#)
Mẫu 1099-B [69](#)

Thu nhập và chi phí cho thuê:
Cho thuê tài sản cá nhân [72](#)
Giá tăng vì thuế bất động sản cao hơn. [100](#)
Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
Lỗ từ hoạt động cho thuê bất động sản [24](#)

Thuế:
Cách tính

Thuế an sinh xã hội và Medicare:
Hỗ trợ, không tính vào [37](#)

Thuế bất động sản:
Định giá (Xem Việc định giá ở địa phương)
Hoàn thuế, xử lý của [99](#)
Hợp tác xã nhà ở [97](#)
Khấu trừ:
Bảng A, C, E hoặc F (Mẫu 1040) [100](#)
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
Khấu trừ của [97](#)

Thuế chuyển giao tài sản:
Giao dịch bất động sản và [100](#)

Thuế di sản:
Khấu trừ [100](#)

Thuế do IRS tính [108](#)

Thuế đánh trên tài sản thừa kế:
Khả năng Khấu trừ [100](#)
Khấu trừ [100](#)

Thuế gián thu [86](#) (Cũng xem Hình phạt)
IRA do không thực hiện được các phân phối tối thiểu [86](#)
IRA Roth [90](#)
Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế Medicare, không phải tiền hỗ trợ [37](#)

Thuế nghề nghiệp:
Khấu trừ:
Thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế quá hạn:
Giao dịch bất động sản, phân phối thuế [98](#)

Thuế quà tặng:
Không thể khấu trừ [100](#)

Thuế suất [23](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế (Bảng Y-2) [24](#)

Thuế tài sản cá nhân:
Các khoản thuế (Xem Thuế tài sản cá nhân)
Khấu trừ [100](#)
Bảng A, C, E hoặc F (Mẫu 1040) [100](#)

Thuế tiền lương [49](#) (Cũng xem Thuế an sinh xã hội và Medicare)

Thuế tiểu bang hoặc địa phương:
Hoàn thuế [71](#)

Thuế tính theo đầu người:
Khả năng Khấu trừ [100](#)

Thuế tối thiểu thay thế (AMT) [107](#)

Thuế tự kinh doanh:
Khấu trừ [100](#)
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế thu nhập:
Liên bang (Xem Thuế thu nhập liên bang)
Nước ngoài (Xem Thuế thu nhập từ nước ngoài)
Tiểu bang hoặc địa phương (Xem Thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương)

Thuế thu nhập địa phương, các khoản khấu trừ từng khoản [94](#)

Thuế thu nhập liên bang:
Không thể khấu trừ [100](#)
Khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)

Thuế thu nhập tiểu bang hoặc địa phương [94](#)
Hoàn thuế, cách xử lý [96](#)
Hoàn thuế, xử lý của [97](#)
Khai chung thuế tiểu bang và địa phương nhưng khai riêng thuế liên bang [97](#)
Khấu trừ [96](#)
Bảng A (Mẫu 1040) [100](#)
Danh mục thuế được khấu trừ (Bảng 11-1) [99](#)
Mẫu W-2 thể hiện thuế được khấu trừ [96](#)
Ngoại lệ đối với khoản khấu trừ [96](#)
Tờ khai thuế điện tử nộp cho liên bang [10](#)
Thay đổi liên bang, ảnh hưởng đến [20](#)
Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [97](#)

Thuế thu nhập từ nước ngoài:
Định nghĩa của [96](#)
Khấu trừ [97](#)
Bảng A hoặc báo cáo Mẫu 1040 hoặc 1040-SR [100](#)
Mẫu 1116 để yêu cầu tín thuế [100](#)

Thuế trẻ em (Xem Trẻ em, tiêu đề phụ: Thu nhập không kiếm được của)

Thuế trước bạ:
Giao dịch bất động sản và [100](#)

Thuế ước tính [38](#)
Định nghĩa [38](#)
Hình phạt cho trả thiếu [43](#)
Hình phạt do thanh toán thiếu [38, 46](#)
Hình phạt thanh toán thiếu [46](#)
Khấu giảm cho [38, 45](#)
Khoản thanh toán vượt mức được áp dụng cho [15](#)
Không bắt buộc [42](#)
Kỳ đầu tiên, không có thu nhập chịu thuế ước tính trong [43](#)
Người đóng thuế đã kết hôn [42](#)
Người đóng thuế đã ly hôn [46](#)
Người đóng thuế theo năm tài chính [43](#)
Phiếu thanh toán [44](#)

Phúc lợi an sinh xã hội hoặc hưu trí đường sắt [65](#)
Số tiền phải trả để tránh bị phạt. [43](#)
Tính toán số tiền thuế [43](#)
Tờ khai thuế riêng [45](#)
Thanh toán [17, 44](#)
Ai phải thực hiện [42](#)
Bảng liệt kê [43](#)
Khi nào bắt đầu [43](#)
Tính số tiền của từng kỳ thanh toán [43](#)
Thay đổi tên [45](#)
Thay đổi thuế ước tính [43](#)
Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương, khấu trừ [96](#)
Thứ Bảy, Chủ Nhật, quy tắc ngày lễ [43](#)
Tránh [42](#)
Trợ cấp thất nghiệp [73](#)

Thuế việc làm [38, 45](#)
Thuế, không phải tiền hỗ trợ [37](#)
Thuộc địa của Hoa Kỳ:
Khấu trừ của thuế thu nhập được trả cho [97](#)
Thu nhập từ [7](#)

Thứ Bảy, thời hạn rơi vào [43](#)

Thứ thách công dân hoặc thường trú nhân [29](#)

Thứ thách hỗ trợ:
Thân nhân đủ điều kiện [35](#)
Trẻ đủ điều kiện [31](#)

Thứ thách mối quan hệ [29, 34](#)
Thứ thách tình trạng cư trú [29](#)
Thứ thách tổng thu nhập [35](#)
Thứ thách tuổi tác [29](#)
Thứ thách thành viên hộ gia đình hoặc mối quan hệ [34](#)
Thứ thách về khai thuế chung [28, 31](#)
Thứ Thách cho người đóng thuế là người phụ thuộc [27](#)

Thừa kế:
IRA (Xem Quỹ hưu trí cá nhân (IRA))
Không đánh thuế [76](#)

Thực thể truyền qua [102](#)
Thường [77](#)

TR

Trả trước:
Bảo hiểm [58](#)

Trách nhiệm của cha mẹ (Xem Trẻ em)

Trái phiếu:
Giảm giá [61](#)
Giảm giá phát hành gốc [62](#)
Miễn thuế [61](#)
Phát hành với giá chiết khấu [62](#)
Tiết kiệm [58](#)
Trừ dần tiền trả thêm [104](#)

Trái phiếu cưỡng [63](#)
Trái phiếu đô thị [61](#)
Trái phiếu Hoa Kỳ ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn [61](#)
Trái phiếu ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn [61](#)
Trái phiếu tiết kiệm Hoa Kỳ:
Giáo dục, được sử dụng cho [24](#)
Tiền lãi [77](#)

Trái phiếu trung hạn [58](#)
Trẻ chết trước khi sinh [29](#)
Trẻ còn sống khi sinh [29](#)
Trẻ đủ điều kiện [29](#)
Trẻ được sinh ra [29](#)
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách [26, 27](#)
Số an sinh xã hội cần lấy [37](#)

Trẻ em [50](#) (Cũng xem Nhận con nuôi)
Bị bắt cóc [30, 34](#)
Chết trước khi sinh [29](#)
Cổ tức của (Xem Tiêu đề này: Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi)
Đưa đón trẻ em đến trường [78](#)
Giám hộ [30](#)
Khấu trừ tiêu chuẩn cho [92, 93](#)
Ký tên tờ khai, cha mẹ cho con [15](#)

Người cung cấp dịch vụ chăm sóc [48](#) (Cũng xem Chăm sóc trẻ em)
Người trông trẻ [48](#)
Nhận con nuôi (Xem Con nuôi)
Quà tặng [57](#)
Tín thuế (Xem Tín thuế trẻ em)
Tín thuế cho [8](#) (Cũng xem Tín thuế trẻ em)
Tín thuế trẻ em bổ sung [110](#)
Thu nhập của [8](#)
Thu nhập đầu tư của trẻ em dưới 18 tuổi:
Lợi nhuận và cổ tức [8](#)
Lựa chọn của cha mẹ để khai báo trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR [8](#)
Yêu cầu nộp đối với người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Thu nhập không kiếm được của [56](#)
Trẻ được sinh ra:
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách [26, 27](#)
Số an sinh xã hội cần lấy [37](#)
Trẻ qua đời:
Chủ gia đình, người đủ điều kiện khai thuế với tư cách [26, 27](#)
Trợ cấp của (Xem Trợ cấp cho con)
Yêu cầu nộp [8](#)
Với tư cách là người phụ thuộc (Bảng 1-2) [7](#)

Trẻ em bị bắt cóc:
Thân nhân đủ điều kiện [34](#)
Trẻ đủ điều kiện [30](#)

Trẻ mất tích:
Ảnh chụp, có trong các ấn phẩm của IRS [3](#)

Trẻ qua đời [29](#)
Trẻ, đủ điều kiện [29](#)
Trạm cấp danh tính [2, 22](#)
Tròn thuế [21](#)
Trông trẻ [48](#)
Trợ cấp cho con [75](#)
Trợ cấp cho cựu chiến binh:
Quyết định hồi tố [55](#)
Thời hiệu đặc biệt [55](#)

Trợ cấp cựu chiến binh:
Hỗ trợ giáo dục [78](#)

Trợ cấp nghiên cứu sinh (Xem Học bổng và trợ cấp nghiên cứu sinh)

Trợ cấp sử dụng năng lượng cho mùa đông [75](#)
Trợ cấp thất nghiệp:
Bảo hiểm thất nghiệp chi trả [75](#)
Đóng góp bắt buộc vào quỹ tiểu bang, khấu trừ [97](#)
Phần góp tự nguyện trong quỹ trợ cấp [104](#)

Trợ cấp thực phẩm:
Chương trình dinh dưỡng cho người cao niên [74](#)

Trợ cấp, cứu trợ thiên tai [74](#)
Trợ giúp (Xem Trợ giúp về thuế)
Trợ giúp về thuế [5, 11, 126](#)
Tinh nguyện tư vấn (chương trình Tinh Nguyên Hỗ Trợ Thuế Thu Nhập) [54](#)
Tư vấn tinh nguyện (Tinh Nguyên Hỗ Trợ Thuế Thu Nhập) [11](#)
Tư Vấn Thuế cho Người Cao Niên [11](#)

Trung tâm chăm sóc ban ngày [48](#) (Cũng xem Chăm sóc trẻ em)

U

Uy tín nghề nghiệp [104](#)

Ư

Ước tính:
Khấu giảm cho [45](#)
Phiếu thanh toán [44](#)

V

Vàng và bạc:
Đầu tư IRA vào [87](#)

vay thế chấp:

Tiền trả trợ cấp [74](#)

Vay thế chấp:

Tiền lãi:

Hoàn thuế của [71](#)

Vay thế chấp được chiết khấu [69](#)

Vãng mặt tạm thời [29, 35](#)**Vãng mặt, tạm thời** [29, 35](#)**Vật di tặng** [75, 76](#)

(*Cũng xem* Người thụ hưởng di sản)
(*Cũng xem* Thừa kế)

Vé phương tiện công cộng, chủ lao động cung cấp [51](#)**Vé phương tiện giao thông** [51](#)**Vé phương tiện giao thông đại chúng, chủ lao động cung cấp** [51](#)**Vi phạm hợp đồng:**

Tổn thất dưới dạng thu nhập [75](#)

Vi phạm luật địa phương [35](#)**Việc định giá ở địa phương:**

Khả năng Khấu trừ [99](#)

Việc làm:

Các khoản thuế [49](#)

(*Cũng xem* Thuế an sinh xã hội và Medicare)

Khấu lưu FICA [13](#)

(*Cũng xem* Khấu lưu thuế)

Phí môi giới [75](#)

Việc làm nước ngoài [8, 53](#)

Công dân Hoa Kỳ [53](#)

Từ bộ tình trạng người nước ngoài [53](#)

Thuế an sinh xã hội và Medicare [53](#)

Việc làm ở nước ngoài [53](#)

Việc làm quốc tế (*Xem* Việc làm nước ngoài)**Viên chức khu bầu cử:**

Chi phí, khai báo về [76](#)

Vốn giá gốc:

IRA cho đóng góp không thể khấu trừ [83, 86](#)

Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế [24](#)

Các khoản khấu trừ:

Thay đổi phương thức từ hoặc sang khấu trừ từng khoản [94](#)

Xử lý [24](#)

Cách nộp tờ khai thuế [24](#)

Chủ quyền trọn, phân phối thuế bất động sản [98](#)

Chuyển tiếp [24](#)

Khai chung thuế thu nhập tiểu bang và địa phương nhưng khai riêng thuế liên bang [97](#)

Khấu trừ từng khoản [24, 94](#)

Một bên vợ/chồng đã liệt kê từng khoản nên người kia cũng phải làm như vậy [92](#)

Phúc lợi an sinh xã hội và hưu trí đường sắt [65](#)

Tiểu bang có tài sản chung [24](#)

Tin thuế thu nhập kiểm được [24](#)

Tin thuế, xử lý [24](#)

Thuế thu nhập tiểu bang và địa phương [97](#)

Vợ Nợ:

Nợ được hủy không được coi là thu nhập [70](#)

Vợ/chồng [7, 14, 15, 22-24, 70](#)

(*Cũng xem* Người đóng thuế đã kết hôn)
(*Cũng xem* Vợ/chồng còn lại)

Vợ/chồng bị tổn hại [16](#)

Yêu cầu hoàn thuế [16](#)

Vợ/chồng còn lại:

Tiền bảo hiểm nhân thọ được trả cho [70](#)

Vợ/chồng qua đời [93](#)**X****Xe hơi** [51, 78](#)

(*Cũng xem* Đi lại và vận chuyển)

Xe ô tô:

Thuế tài sản cá nhân trên, khấu trừ [100](#)

Xóa sổ (*Xem* Hủy nợ)**Xổ số và đánh bạc** [76](#)

(*Cũng xem* Tiền thắng và thua bạc)

Xổ số và rút thưởng [76](#)

(*Cũng xem* Tiền thắng và thua bạc)

Y**Yêu cầu khai thuế** [24](#)

(*Cũng xem* Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế)

Khai thuế chung [23](#)

(*Cũng xem* Tờ khai thuế chung)

Yêu cầu lưu giữ chứng từ:

Bài bạc [76](#)

Yêu cầu lưu giữ hồ sơ [17](#)

Bản sao tờ khai thuế [18](#)

Bảng chứng thanh toán [18](#)

Hồ sơ cơ bản [18](#)

Hồ sơ điện tử [18](#)

Tại sao cần lưu giữ hồ sơ [17](#)

Thời gian lưu giữ [18](#)

Yêu cầu nộp [6-21](#)

Ái phải nộp [8](#)

Công dân bên ngoài Hoa Kỳ [7](#)

Đa số người đóng thuế (Bảng 1-1) [7](#)

Điện tử (*Xem* E-file)

Đối tượng phải khai thuế [7](#)

Gia hạn [11](#)

Khi nào nộp [11](#)

Mức tổng thu nhập (Bảng 1-1) [7](#)

Người chưa kết hôn (*Xem* Người đóng thuế độc thân)

Người đóng thuế cá nhân [7](#)

Người nộp theo niên lịch [11](#)

Người phụ thuộc [7, 8](#)

Nơi nộp [17](#)

Tiền phạt do khai thuế trễ (*Xem* Hình phạt)

Tiền phạt do nộp trễ (*Xem* Hình phạt)

Nơi Nộp Tờ Khai

Hãy gửi tờ khai thuế của quý vị về địa chỉ được nêu dưới đây mà áp dụng cho quý vị. Nếu quý vị muốn sử dụng dịch vụ giao thư riêng tư, tham khảo *Dịch vụ giao thư riêng tư* ở [chương 1](#).



Các bì thư không có đủ dấu bưu chính sẽ bị bưu điện gửi hoàn lại cho quý vị. Bì thư của quý vị có thể cần thêm dấu bưu chính nếu dài hơn năm trang hoặc ngoại cỡ (ví dụ như dày trên 1/4 inch). Ngoài ra, hãy cung cấp cả địa chỉ hồi âm hoàn chỉnh của quý vị.

NẾU quý vị sống ở...	THÌ gửi hồ sơ hoàn thuế tới địa chỉ bên dưới nếu quý vị yêu cầu hoàn thuế hoặc KHÔNG gửi kèm thanh toán...	HOẶC gửi hồ sơ hoàn thuế về địa chỉ dưới đây nếu quý vị CÓ gửi kèm thanh toán (séc hoặc lệnh phiếu)...
Alabama, Georgia, North Carolina, South Carolina, Tennessee	Department of the Treasury Internal Revenue Service Kansas City, MO 64999-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 1214 Charlotte, NC 28201-1214
Alaska, California, Colorado, Hawaii, Idaho, Kansas, Michigan, Montana, Nebraska, Nevada, North Dakota, Ohio, Oregon, South Dakota, Utah, Washington, Wyoming	Department of the Treasury Internal Revenue Service Ogden, UT 84201-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
Arkansas, Connecticut, Delaware, Đặc Khu Columbia, Illinois, Indiana, Iowa, Kentucky, Maine, Maryland, Massachusetts, Minnesota, Missouri, New Hampshire, New Jersey, New York, Oklahoma, Rhode Island, Vermont, Virginia, West Virginia, Wisconsin	Department of the Treasury Internal Revenue Service Kansas City, MO 64999-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 931000 Louisville, KY 40293-1000
Arizona, New Mexico	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
Pennsylvania	Department of the Treasury Internal Revenue Service Kansas City, MO 64999-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 802501 Cincinnati, OH 45280-2501
Florida, Louisiana, Mississippi, Texas	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0002	Internal Revenue Service P.O. Box 1214 Charlotte, NC 28201-1214
Nước ngoài, thuộc địa hoặc lãnh thổ của Hoa Kỳ*, hoặc sử dụng APO hay FPO, hoặc nộp Mẫu 2555 hay 4563, hoặc là người nước ngoài có tình trạng kép	Department of the Treasury Internal Revenue Service Austin, TX 73301-0215	Internal Revenue Service P.O. Box 1303 Charlotte, NC 28201-1303
* Nếu quý vị sinh sống tại Samoa thuộc Mỹ, Puerto Rico, Guam, Quần Đảo Virgin Hoa Kỳ hoặc Bắc Quần Đảo Mariana, xem Ấn Phẩm 570.		